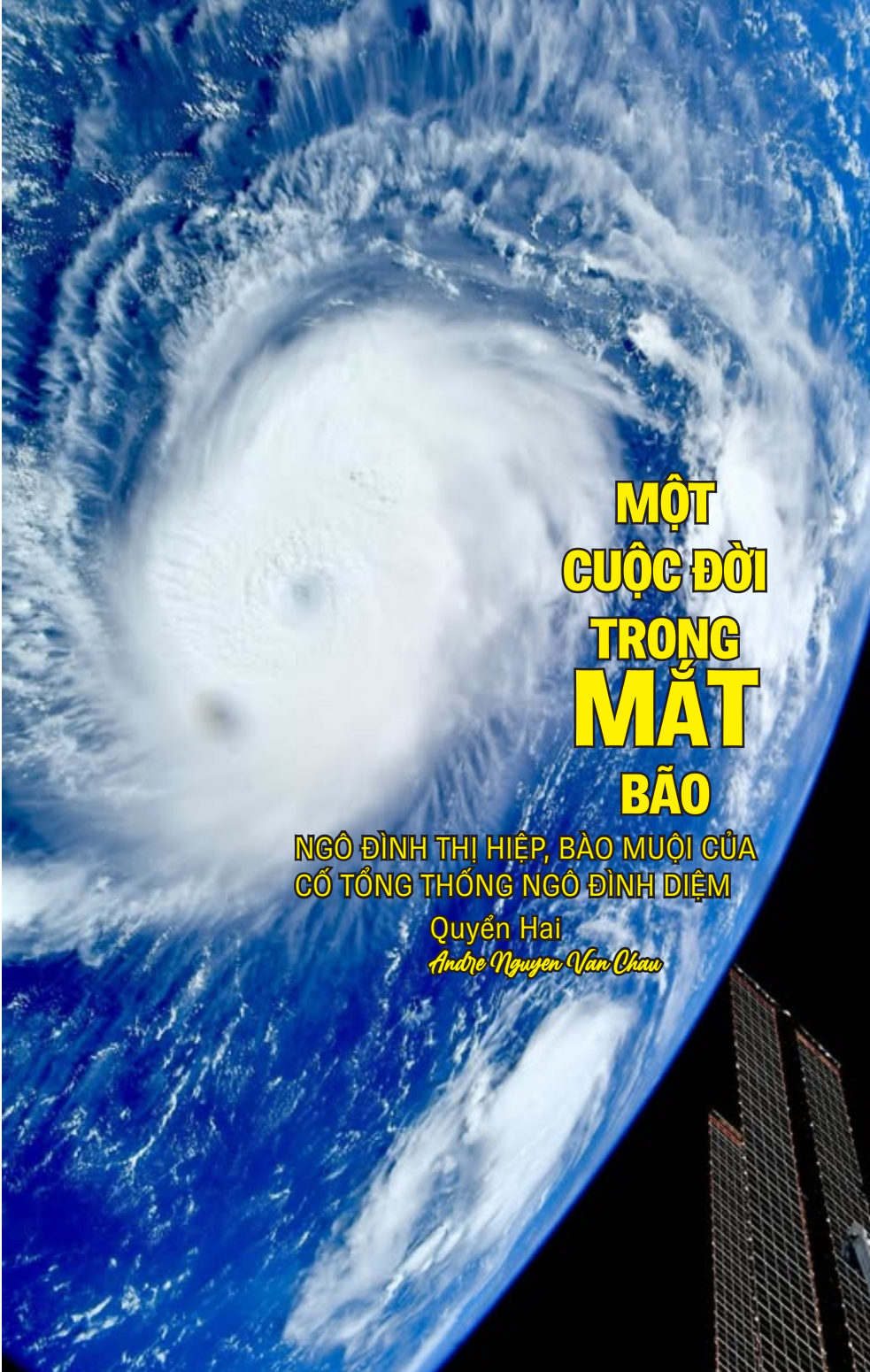




MỘT CUỘC ĐỜI TRONG MẮT BÃO

NGÔ ĐÌNH THỊ HIỆP, BÀO MUỘI CỦA
CỐ TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM

Quyển Hai

Andre Nguyen Van Chau

MỘT CUỘC ĐỜI TRONG MẮT BẢO
QUYỂN HAI

Một cuộc đời trong mắt bão 2

Người dịch Đắc Thịnh

Ấn bản lần thứ 2 và đã được hiệu đính

Hình Bìa: NASA

Trình bày: Midway Press

© Andre Nguyen Van Chau 2015

Andre Nguyen Van Chau

MỘT CUỘC ĐỜI TRONG MẮT BÃO

NGÔ ĐÌNH THỊ HIỆP, BÀO MUỘI CỦA
CỐ TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM
QUYỂN HAI



Midway Press



Ngô Đình Thị Hiệp và con gái Thu Hồng.

PHẦN BỐN
SỨ MỆNH LÃNH ĐẠO

CHƯƠNG MƯỜI TÁM THỜI CƠ CHÍN MUỐI

Hiệp cầm lá thư trên tay và nhìn ra vườn. Diệm đã dặn bà giữ bí mật. Cô không thể nói với ai, ít nhất là bây giờ. Ngày 1 tháng 1 năm 1954, Diệm đã trở thành một Hiến sĩ Dòng Thánh Biển Đức. Nhưng điều đó chẳng phải là điều dễ hiểu sao, Hiệp nghĩ. Nhu vẫn thường gọi Diệm là “nhà sư”. Lối sống khổ hạnh, lòng yêu thích sự riêng tư, bản tính thiên định và đức tin mạnh mẽ vào Chúa của ông đã dẫn đến quyết định cuối cùng này trong nhiều năm.

Ông đã tuyên khấn tại Tu viện Thánh Anrê ở Bruges, Bỉ. Hiệp đọc đi đọc lại bản lời khấn của Diệm, “Bình an, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Amen. Tôi, Anh Gioan Tẩy Giả, Odilo, Ngô Đình Diệm, xin dâng mình lên Thiên Chúa Toàn Năng, Đức Trinh Nữ Maria, và Thánh Biển Đức tại Tu viện Thánh Anrê, và hứa sẽ hoán cải đời sống theo tinh thần của

Dòng Biển Đức và theo quy chế của Dòng Hiến Sĩ, trước mặt Chúa và tất cả các Thánh.”

Diệm giải thích rằng ông đã lấy tên thánh là Odilo để tôn vinh vị Thánh có ngày lễ vào ngày đầu tiên của tháng Giêng. Odilo rất ít người biết đến ở Việt Nam nên lúc đầu Hiệp không thể hiểu tại sao Diệm lại chọn ông làm thánh bổn mạng.

Thư của Diệm dài và tỉ mỉ. Ông nói về Thánh Odilo, người sống ở thế kỷ thứ X. Hiệp cố gắng hiểu những điểm mà Diệm nêu ra. Tại sao Diệm lại đột nhiên gắn bó với vị tu viện trưởng người Pháp đã sống rất lâu ở Paris? Phải rất lâu sau đó, Hiệp mới hiểu được những hàm ý. Chỉ sau khi Diệm qua đời, Hiệp mới nhận ra rằng việc Diệm chọn Odilo làm tên thánh là một hành động tiên tri.

Thánh Odilo thực hành khổ hạnh nghiêm ngặt. Bản thân Diệm cũng sống một lối sống cực kỳ khổ hạnh. Vị thánh đã bán tài sản của nhà thờ để nuôi người nghèo trong thời kỳ nạn đói. Hiệp mới thấy Diệm tán thành một cử chỉ Kitô giáo như vậy đến mức nào. Thánh Odilo đã được các vua Pháp và giới quý tộc chấp nhận ‘Hiệp định Đình chiến của Chúa’, điều này đảm bảo ‘quyền bất khả xâm phạm của nơi thánh’ dành cho những người tìm nơi ẩn náu trong nhà thờ. Sau này, Hiệp mới thấy

Diệm quan tâm đến hàng trăm ngàn người tị nạn từ Bắc Việt Nam như thế nào.

Giống như Thánh Odilo, Diệm rất sùng kính Đức Trinh Nữ Maria. Cuối cùng, Thánh Odilo đã thiết lập ngày 2 tháng 11, là Ngày Lễ Các Đẳng Linh Hồn, một ngày để tưởng nhớ tất cả những người trung thành đã khuất.

Chỉ đến khi Diệm vào phút chót lánh nạn trong một nhà thờ, rồi bị giết vào ngày 2 tháng 11 năm 1963, Hiệp mới gọi ông: “Odilo, Odilo, anh ở đâu?” Sau này, khi tất cả những người trung thành với Diệm chọn ngày 2 tháng 11 để tưởng nhớ ông, Hiệp mới hoàn toàn hiểu được lời tiên tri.

*

Lá thư tiếp tục giải thích với Hiệp rằng Diệm, khi tuyên thệ trở thành một Sư huynh, vẫn không từ bỏ tiềm năng chính trị của mình. Ông nói rằng ông vẫn nóng lòng muốn trở về Việt Nam và đảm nhận trách nhiệm lãnh đạo.

Ông viết kèm theo lá thư bài thơ của mình:

Trên vai gươm báu với đàn xưa,

Bên sông ta đợi chuyến đò đưa.

Bến vắng — thuyền đâu? người lái vắng,

Ngựa chiến buồn thay kéo xe chở muối nặng.

Ngổn trời lạc bóng khuất mây xa,

Chợ danh lợi vẫn người chen kẻ bán.

*Trong nắng, trong mưa, theo thế sự nổi trôi,
Chống gậy dài, ta đứng đợi –
Bao giờ nước sông kia trong lại?*

Hiệp chợt nhận ra mình đang khóc. Cô đơn quá, tại sao? Cả đời anh, anh đã là một người cô đơn. Và giờ đây, trong căn phòng nhỏ ở Tu viện Thánh Anrê, anh chờ đợi, chờ đợi, tin tưởng rồi lại hoài nghi rằng một ngày nào đó giờ của mình sẽ đến. Hiệp thốt lên: “Cha ơi, thật khó để sống với giấc mơ của cha! Thật khó để anh Diệm biến giấc mơ của cha thành hiện thực!”

Nhà nguyện là nơi nương náu của bà. Bố chồng bà đã xây dựng nó bằng tình yêu thương. Qua nhiều năm, Ấm đã mở rộng nó, và giờ đây hai mươi người có thể tham dự thánh lễ hoặc cầu nguyện thoải mái trong đó. Vào những lúc khủng hoảng trong cuộc sống, Hiệp đến đó để cầu nguyện và suy ngẫm. Chính tại đó, trước khi lâm bệnh, Thuận, con trai bà, người đã được thụ phong linh mục, thỉnh thoảng đến dâng thánh lễ cho cả gia đình.

Hiện tại, Thuận đang bệnh nặng. Cậu có thể bị tàn tật suốt đời. Các bác sĩ người Pháp tại Bệnh viện Grall ở Sài Gòn, với tất cả khoa học hiện đại của họ, đã ra lệnh rằng

họ sẽ sớm phải cắt bỏ phần lớn phổi của cậu. Hiệp không thể chịu đựng được ý nghĩ nhìn thấy con trai mình bị tàn tật suốt đời. Sau khi Xuân qua đời, bà đã đặt tất cả hy vọng



Hoàng đế Bảo Đại và Cựu Hoàng đế Thành Thái tại Đà Lạt năm 1951.

vào Thuận. Bà đã không dám lên kế hoạch cho con, như bà đã làm với Xuân. Bà đã nhìn con lớn lên, run rẩy trước ý nghĩ rằng điều gì đó có thể xảy ra với con. Bà đã cho con vào chủng viện. Bà đã chấp nhận rằng con đã cống hiến cuộc đời mình cho thiên chức linh mục. Bất cứ điều gì, bất cứ điều gì, miễn là đưa con ấy sống.

Và giờ đây, nó đang nằm trên giường bệnh tại Bệnh viện Grall, chờ đợi phán quyết của bác sĩ. Bà ngồi trong nhà nguyện tối om, không thể cầu nguyện, lòng đau như cắt. Thuận ở bệnh viện, Diệm trong một căn phòng cô độc ở Bỉ, rồi đến vua Thành Thái... Hiệp vừa nghe trên radio rằng vua Thành Thái đã băng hà.

*

Ngồi trong bóng tối lờ mờ của nhà nguyện, bà hồi tưởng lại, cố gắng rút ra tất cả những bài học từ cuộc đời của Hoàng đế. Người Pháp, cho đến phút cuối, đã trừng phạt ông. Họ đã cho phép ông trở về Huế vài tuần để viếng mộ cha mẹ. Sau đó, họ giam giữ ông ở Sài Gòn. Họ đã quản thúc ông tại gia kể từ khi ông trở về Việt Nam vào năm 1947.

Tất cả nỗi cay đắng của một đứa trẻ năm tuổi, chứng kiến sự sụp đổ của Hoàng đế và cha mình lại ủa về. Bà nghĩ về cha mình và những thay đổi xảy ra sau khi Hoàng đế thoái

vị, và về cách những thay đổi đó đã quyết định phần đời còn lại của cha bà.

Nếu không có số phận bi thảm của Hoàng đế, số phận của họ đã khác: cuộc đời của chính bà, cuộc đời của cả gia đình bà. “Giờ đây, ông đã đi rồi, đất nước vẫn chưa thoát khỏi ách thống trị của Pháp.” Bà nói với Thành Thái: “Giấc mơ của ngài, cũng như giấc mơ của cha tôi, đã không thành hiện thực.”

Sự ra đi của Hoàng đế đã tạo nên một cảm giác trống rỗng trong Hiệp. Bà đã mong đợi tin tức này từ lâu; vậy mà, khi nó đến, bà nhận ra mình chưa sẵn sàng. Một phần lớn vũ trụ của bà đã tan biến. Bà nhớ lại cách bà đã đồng nhất vận mệnh của gia đình mình với vận mệnh của Hoàng đế, cách bà đã khóc khi ông bị truất ngôi và bị lưu đày. Bà nhớ lại cách cha bà đã phản ứng trước những nỗi nhục mà Hoàng đế phải chịu đựng, cách ông đã tôn kính vị Hoàng đế tử đạo cho đến ngày ông qua đời. Bà nhắc lại một cách đau buồn: “Giờ đây, Hoàng đế đã băng hà, và đất nước của ông vẫn nằm dưới sự cai trị của Pháp.” Bà cảm thấy nỗi đau dâng trào trong lòng, như những con sóng biển mênh mông trong một cơn bão lớn.

Các bác sĩ người Pháp điều trị cho Thuận tại Bệnh viện Grall đã nói rằng cần phải có

một phép màu thì họ mới cứu được phổi của Thuận. Trong lúc Hiệp đang thương tiếc vua Thành Thái băng hà, bà tự hỏi liệu một phép màu như vậy có xảy ra với Thuận hay không.

Rồi Hiệp tự trách mình. Chẳng phải cuộc đời bà đã là một phép màu rồi sao? Bà nhớ lại mình đã lớn lên dưới sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ, một cô bé vừa trầm ngâm vừa tò mò, tìm thấy vị trí của mình trong gia đình đông đúc, giữa các anh chị em. Cuộc đời bà đã là một phép màu. Với chồng con bên cạnh, bà không thể mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn.

Bà vẫn không thể cầu nguyện. Con trai bà đang nằm viện, Diễm trong phòng giam lạnh lẽo và biệt lập, còn vua Thành Thái nằm trong quan tài chung - tâm trí bà trôi dạt từ bài “Magnificat”¹ đến bài “De Profundis”, từ nỗi đau đến hy vọng, rồi lại quay trở lại.

*

¹ Một bài thánh ca ngợi khen của Đức Maria, được trích từ sách Phúc âm Luca, kể về lời của Đức Maria khi bà đến thăm người họ hàng là bà Elizabeth. Nguồn gốc: Bài kinh được ghi lại trong Phúc âm theo Thánh Luca (1:46-55). Nó là lời đáp của Đức Maria sau khi bà chào hỏi bà Elizabeth, người đang mang thai Thánh Gioan Tẩy Giả, và cảm nhận được sự hiện diện của Chúa trong thai nhi.

Nỗi đau cứ đeo đẳng bà trong nhiều ngày. Rồi đến sinh nhật lần thứ 41 của bà. Bà chưa bao giờ thực sự muốn tổ chức sinh nhật, trừ khi được những người trong gia đình thúc đẩy để đánh dấu ngày này, làm điều gì đó khác biệt, để thể hiện tình yêu thương và sự kính trọng của họ dành cho bà. Sau đó, bà sẽ dành thời gian chải mái tóc dài, mặc bộ đồ đẹp nhất và ra khỏi phòng để chờ chồng và các con.

Năm đó, bà phải cố gắng hơn nữa mới ra khỏi phòng. Khi bước ra phòng khách, bà cảm thấy niềm vui trên khuôn mặt chồng và các con nhiều hơn hoàn cảnh cho phép. Suy cho cùng, Thuận đang chiến đấu giành giật sự sống trong bệnh viện. Ngạc nhiên, bà hỏi: “Có chuyện gì vậy?”

Ấm cười và nói: “Có chuyện gì vậy? Hôm nay là sinh nhật của em. Chúng ta chỉ muốn chúc em một sinh nhật tuyệt vời nhất trong đời thôi.” Niềm vui trong mắt ông ấy lớn đến nỗi bà biết. Bà hỏi: “Tin tốt về Thuận à?” Ấm nắm lấy tay bà, “Còn hơn cả tin tốt nữa. Thật là một phép màu! Đọc lá thư này của Thuận đi. Thuận viết thư khi đang rời bệnh viện. Thuận có thể đến bất cứ lúc nào.” Run rẩy, bà cầm lấy lá thư từ tay Ấm. Nước mắt vui mừng trào ra. Làm sao có thể như vậy được?

Phép lạ đã xảy ra. Chỉ một khoảnh khắc trước khi Thuận phải cắt bỏ phần lớn phổi và trở thành người tàn tật suốt đời, các bác sĩ người Pháp của ông đã phát hiện ra trong phim chụp X-quang phút cuối rằng bằng cách nào đó, phổi của ông đã trở lại bình thường. Họ vừa đi vừa bàn luận về trường hợp của ông, lắc đầu. Cuối cùng, họ đến gặp Thuận và nói với vị linh mục trẻ: “Thật không thể tin được, nhưng phổi của con đã trở lại bình thường. Hoàn toàn bình thường! Con sẽ sống để chứng kiến nhiều người trong chúng ta ra đi.”

Đó là một lời hứa hay một lời tiên tri? Thuận và bà không biết. Nhưng Thuận sẽ sống tiếp và chứng kiến rất nhiều người thân yêu của mình ra đi. Ông sẽ sống tiếp để cùng bà chịu đựng, trong tâm hồn và thể xác của họ, thảm kịch khủng khiếp của gia đình và đất nước họ.

*

Đó là ngày 7 tháng 5 năm 1954; hai ngày sau sinh nhật của bà; Hiệp và gia đình đang ăn mừng sự trở lại khỏe mạnh của Thuận. Tuy nhiên, họ dành nhiều thời gian bên chiếc radio. Càng về cuối ngày, Điện Biên Phủ càng trở nên rõ ràng hơn rằng đã rơi vào tay cộng sản, và quân Pháp đã phải chịu thất bại nặng

nề nhất trong cuộc chiến tranh dai dẳng của họ ở Việt Nam.

Trong ba tháng qua, kết quả đã rõ ràng với tất cả mọi người. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, với hệ thống phòng thủ phức tạp, được thiết kế như một mồi nhử để dụ tất cả các đơn vị lớn của Võ Nguyên Giáp ra chỗ trống. Sau đó, các tướng lĩnh Pháp nghĩ rằng lực lượng dự bị chung, phi đội không quân, các đơn vị thiết giáp, lính dù và các trung đoàn pháo binh của họ sẽ tập trung về phía lực lượng của Giáp và đánh tan tác họ.

Cứ điểm Biên Phủ là một thung lũng hẹp. Theo thời gian, các đơn vị pháo binh của Giáp, mà tình báo Pháp còn chưa biết đến, đã được bố trí gọn gàng trên các sườn núi bao quanh thung lũng.

Chẳng bao lâu sau, mưa và sương mù khiến không quân Pháp trở nên bất lực. Lính dù của họ đổ bộ xuống vùng đất chết. Các đơn vị thiết giáp cứu viện của họ đã bị đánh bật trước khi họ đến gần Điện Biên Phủ. Chẳng bao lâu sau, đường băng tại các sân bay Điện Biên Phủ đã bị pháo binh cộng sản phá hủy đến mức không thể sửa chữa được.

Trong khi những khẩu pháo hạng nặng của ông ta gầm rú ngày đêm, phá hủy các lô cốt xi măng và chân tay người, Võ Nguyên Giáp

liên tục tung ra những đợt sóng người, tràn qua các cứ điểm và chiến hào giao thông.

Những người lính Pháp sa lầy trong bùn đất thối rữa, hết lần này đến lần khác đẩy lùi những đợt sóng người kinh hoàng. Xác chết của những người bị thương và tử trận trở thành thành lũy cho những người sống sót. Những hành động anh hùng của cả hai bên là vô số.

Cuối cùng, người Pháp thừa nhận rằng họ đã bị đánh bại và đầu hàng. Đối với các tướng lĩnh Pháp đang chán nản, trận chiến tại Điện Biên Phủ là ‘Waterloo’ của thời hiện đại. Võ Nguyên Giáp, người chưa từng học qua một học viện quân sự nào, đã được tôn vinh là một thiên tài quân sự.

Nhiều ngày liền, Hiệp đã chết lặng khi nghĩ đến quá nhiều thương vong. Bà đã cầu nguyện cho việc giết chóc chấm dứt, cho trận chiến kết thúc. Rồi cuối cùng, trận chiến cũng kết thúc.

*

Hiệp nhận thức rằng từ giờ trở đi, người Pháp sẽ không còn quan tâm đến việc ai sẽ tiếp quản Việt Nam nữa. Cô biết rằng họ chỉ có một mong muốn duy nhất: rút khỏi Việt Nam bằng mọi giá và càng sớm càng tốt. Việc người Pháp cuối cùng rời khỏi Việt Nam khiến

bà tràn ngập niềm vui, nhưng cũng tràn ngập nỗi buồn: tất cả những người lính Pháp đã hy sinh trong chiến tranh đều đã chết một cách vô ích.

Trong giây lát, bà đứng về phía người Pháp. Bà muốn cảm nhận, trong giây lát, nỗi cay đắng của rất nhiều người Pháp, những người đã nghĩ rằng cuộc chiến chống lại Việt Minh của họ là một cuộc chiến chính nghĩa. Bà cố gắng hình dung nỗi đau buồn của gia đình những người lính Pháp đã hy sinh ở Việt Nam và của những người lính Pháp dừng cảm đã đầu hàng ở Điện Biên Phủ vài giờ trước đó. Bà tự hỏi điều gì sẽ xảy ra với họ.

Đồng thời, bà cũng lo lắng. Chiến thắng của những người cộng sản và việc họ sắp tiếp quản toàn bộ Việt Nam sẽ không mang lại hạnh phúc cho tất cả người Việt Nam. Những người đã chống lại chủ nghĩa cộng sản và những người tiếp tục bác bỏ chủ nghĩa cộng sản sẽ không có nơi nào để đi. Rất có thể họ sẽ mục rữa trong nhà tù cộng sản.

Cuộc chiến, vốn không chỉ khiến Pháp chống lại Việt Minh, mà còn khiến anh em chống lại nhau, sẽ không kết thúc ngay lập tức bằng hòa giải. Sẽ có rất nhiều sự trừng phạt. Sẽ có sự trả đũa.

“Anh Diệm đâu rồi?” bà tự hỏi. “Liệu bây

giờ đã quá muộn để anh ấy làm điều gì đó có ý nghĩa chưa? Liệu đã quá muộn để cứu vãn điều gì chưa?”

“Liệu anh ấy có đồng ý làm Thủ tướng bây giờ không?” bà tự hỏi. “Vài tháng nữa, người ta đã dự đoán rằng đất nước sẽ nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của cộng sản. Liệu Diệm có đồng ý làm Thủ tướng, chỉ trong vài tháng thôi sao? Rồi rất có thể anh ấy sẽ bị đổ lỗi cho thảm họa cuối cùng?” Không, bà không thể tin được điều đó. Em trai bà, Cần, đã trấn an bà rằng Diệm sẽ tìm ra cách cứu đất nước. “Đó thực sự sẽ là một phép màu lớn lao,” bà nghĩ.

*

Luyện nhìn tách trà của mình, rồi nhìn cốc rượu gạo còn nguyên. Ông đã nâng cốc lên vài lần, nói “ganbei”², nhưng biết rằng rượu gạo sẽ làm ông say. Chu Ân Lai, Thủ tướng Trung Quốc, mỉm cười và nói: “Chúng tôi nghe nói anh Diệm của ngài sẽ sớm trở thành Thủ tướng.” Luyện mỉm cười đáp lại, nhưng không xác nhận lời tuyên bố của chủ nhà: “Hoàng đế của chúng ta vẫn đang tham vấn. Ngài ấy vẫn chưa quyết định.”

² 干杯 (can bôi) nghĩa là “cạn ly” trong tiếng Trung Quốc. Đây là một câu chúc mà mọi người thường nói khi cạn ly, biểu thị sự tôn trọng và chúc tụng.

Ngồi đối diện với Chu Ân Lai, Phạm Văn Đồng đang ngồi đối diện với Chu Ân Lai, lơ đãng lắng nghe cuộc trò chuyện quanh bàn nhưng không nói gì. Đồng đang tự hỏi tại sao Thủ tướng Trung Quốc lại chú ý đến Đặc phái viên của Hoàng đế Bảo Đại đến vậy. “Nói chuyện với đại diện của một chế độ đang hấp hối chẳng phải là lãng phí thời gian sao? Chỉ vài ngày nữa, người Pháp sẽ bỏ mặc đồng minh Việt Nam của họ cho số phận của họ”, ông nghĩ.

Niềm vui và niềm tự hào mà ông cảm thấy về chiến thắng Điện Biên Phủ vẫn chưa nguôi ngoai. Trong lòng ông vẫn còn vang lên một bài hát. ‘Và chúng ta sẽ hành quân qua miền Trung và miền Nam Việt Nam. Chúng ta sẽ nhúng mũi sắt xuống sông Hương và uống nước. Chúng ta sẽ giặt những bộ quân phục bụi bặm của mình trên sông Cửu Long. Chúng ta sẽ ăn mừng chiến thắng ở tất cả các thành phố và làng mạc trên khắp Việt Nam...’

Đồng ngừng mơ mộng và chăm chú lắng nghe Chu Ân Lai. Thủ tướng Trung Quốc nói: “Xin hãy nói với anh ngài rằng chúng tôi rất vui được gặp anh ấy ở Bắc Kinh.” “Cái gì? Vẫn nói về Diệm sao? Diệm là ai? Một kẻ lang thang! Một người có quá khứ, nhưng không có hiện tại và không có tương lai!” Đồng nghĩ.

Đột nhiên Đồng lo lắng, “Nếu Trung Quốc phản bội chúng ta bây giờ, khi chiến thắng hoàn toàn đang ở trước mắt thì sao?” Đồng cay đắng tự nhắc nhở mình, “Họ sẽ không bao giờ chấp nhận ý tưởng về một nước Việt Nam thống nhất và hùng mạnh.” Gầy gò, vàng trán rộng với đường chân tóc lùi dần khiến ông trông giống một triết gia hơn là một chính trị gia, Đồng nhìn quanh bàn và thấy trước thảm họa.

Chu Ân Lai nói với Luyện, “Chúng ta muốn chiến tranh chấm dứt vĩnh viễn. Nhưng để nó kết thúc, chúng ta sẽ phải chia cắt các chế độ Việt Nam dường như không thể chung sống. Chúng ta sẽ phải chia cắt những người không muốn sống dưới cùng một chế độ. Chúng ta có thể phải vạch ra một ranh giới phân chia trên khắp Việt Nam.” Phạm Văn Đồng giơ tay phản đối, “Phân chia? Không bao giờ!” Chu Ân Lai mỉm cười và vẫy tay, “Ồ, chỉ là một ý tưởng thôi, đồng chí, chỉ là một ý tưởng thôi!”

Lúc đó là giữa tháng Sáu. Một luồng không khí lạnh tràn vào và cái nóng tạm thời dịu đi ở Geneva. Bên ngoài cửa sổ, trong đêm tối, Luyện nhìn thấy mặt hồ Lemman đen kịt bị những cơn gió mạnh quất vào bờ. Gió đẩy những con sóng trắng xóa vào bờ. Mưa đập

mạnh vào những bến tàu vắng vẻ và những con đường nhựa.

Cả Luyện và Đồng đều rùng mình. Chỉ mới sáng hôm đó, mặt trời còn chiếu sáng rực rỡ và họ đã đi dạo dọc bờ hồ dưới những rặng liễu. Họ đã va vào nhau, không xa nơi họ đang ngồi bây giờ. Luyện dừng lại, nhắc mũ lên, và Đồng đã chào ông với sự lịch sự tối đa.

Đồng đã nghĩ, “Chúng ta sẽ phải học cách sống chung, chúng ta và họ.” Ông ta muốn nói điều gì đó tử tế với Luyện, Đặc phái viên của hoàng đế bù nhìn. Luyện cũng có vẻ định nói gì đó, nhưng cuối cùng, họ chia tay nhau với một cái nhìn rất lâu và một nụ cười, có thể được hiểu là thân thiện hoặc thù địch.

Giờ đây, cả hai đang ngắm nhìn gió mưa ngoài cửa sổ, cố gắng tiếp thu những gì vừa nghe. Bữa tối này không hề vô ích. Thủ tướng Trung Quốc không hề nói suông. Đó không chỉ là một ý tưởng. Nhưng làm sao họ có thể chấp nhận một kế hoạch như vậy? Chia cắt đất nước ư? Chẳng còn cách nào khác sao? Họ tự hỏi.

*

Diệm đối mặt với Nguyễn Độ, người bạn cũ và cũng là kẻ thù cũ của mình. Cả Diệm và Độ đều cảm thấy không thoải mái. Độ vẫn còn đau đớn khi nhớ lại khoảnh khắc năm năm

sau khi Diệm từ chức Thượng thư, ông đã đưa ra bằng chứng cho thấy động thái của Diệm đã được tính toán trước và trước khi chấp nhận sự bổ nhiệm, Diệm đã lên kế hoạch từ chức. Trong một khoảnh khắc dài, Đệ đứng đó, tâm trí quay cuồng. Vậy là Diệm đã không tin tưởng ông. Ông đã bị bỏ rơi trong bóng tối. Ông đã hy sinh sự nghiệp của mình cho một người không tin tưởng ông.

Đệ bị tổn thương nặng nề đến nỗi ông đã từ chối gặp Diệm trong nhiều năm. Vì cay đắng với Diệm, trong nhiều năm, ông đã đến gặp người Pháp, không phải bất kỳ người Pháp nào, không, ông đã đến gặp những người Pháp ghét Diệm nhất và hợp tác với họ. Đệ đã trở thành một người rất giàu có.

Năm 1942, Đệ nghĩ rằng ông và Diệm sẽ lại là bạn. Đó là thời điểm Nhu tán tỉnh em gái của Đệ. Nghĩ rằng Nhu sẽ sớm kết hôn với cô ấy. Nhưng cuối cùng, Nhu lại kết hôn với Lệ Xuân. Điều đó để lại trong ông một vị đắng hơn bất kỳ mối hận thù nào khác mà ông từng có với Diệm trước đây.

Tuy nhiên, tình bạn không bao giờ chết. Năm 1944, chỉ một năm sau khi Nhu kết hôn với Lệ Xuân, khi quân Pháp sắp đột kích nhà Diệm và bắt giữ ông, Đệ biết được tin và ngay lập tức cử một phụ tá đến cảnh báo

Diệm về mối nguy hiểm sắp xảy ra. Về phần mình, Diệm đã phản ứng một cách thích hợp vào thời điểm đó. Ông đã ngồi xuống và dành thời gian viết một bức thư dài cho Đệ, cảm ơn ông về lời cảnh báo, nhưng trên hết, vì đã tìm thấy trong sâu thẳm trái tim mình những kỷ niệm về tình bạn cũ của họ. Đệ đã giữ bức thư rất lâu. Ông đã mở ra và đọc lại nó nhiều lần trong những năm qua, nhớ lại thời trẻ của mình, và tình bạn cũ mà ông đã có với một người đàn ông không đủ tin tưởng ông.

Một năm trước đó, vào năm 1953, Đệ đã miễn cưỡng đến gặp Diệm và yêu cầu ông ta gặp Bảo Đại, người đang tìm kiếm một Thủ tướng mới. Cuộc gặp giữa ông và Diệm, cũng như cuộc gặp giữa Diệm và Bảo Đại, đều là những thảm họa thực sự. Diệm dành thời gian đổ lỗi cho Đệ vì đã bán mình cho người Pháp. Sau đó, trong cuộc gặp với Bảo Đại, ông ta bày tỏ sự nghi ngờ về nhân cách của Hoàng đế và thiện chí của Pháp. Hoàng đế rất tức giận. Ông ta bảo Đệ đừng bao giờ nói chuyện với ông ta về Diệm nữa.

Hai ngày trước đó, Đệ đã đấu tranh với chính mình: Không, ông ta sẽ không tiến cử Ngô Đình Diệm một lần nữa với Hoàng đế. Không phải lần này.

Ngô Đình Nhu và Phong trào Đoàn kết Dân

tộc của ông ta đã gây ra quá nhiều xung đột ở Sài Gòn đến nỗi không ai khác ngoài Diệm có cơ hội thành lập một Nội các vững mạnh. Ở Paris, và ở Cannes, rất nhiều người đã đến và yêu cầu ông ta can thiệp cho Diệm. Hầu hết những người đến nói chuyện với ông ta đều không ngớt lời khen ngợi Diệm.

Đệ kêu lên: “Bọn ngu ngốc, chúng thậm chí còn không biết rằng lãnh đạo của chúng đã xuất gia.” Đệ có nguồn thông tin riêng và biết rằng Diệm đã trở thành một tu sĩ dòng Benedict. Ông đi đi lại lại trong văn phòng rộng rãi của mình. Giống như Bảo Đại, ông biết rằng chỉ có Diệm mới có cơ hội thành công rất nhỏ nhoi. Ông lẩm bẩm: “Bất kỳ ứng cử viên nào khác, nếu được bầu làm Thủ tướng, cũng sẽ chỉ ngồi nhìn cộng sản chiếm lấy cả nước. Chỉ có ông ta mới cố gắng ngăn chặn cộng sản.”

Lần này, việc lựa chọn Thủ tướng chỉ phụ thuộc vào Đệ. Bảo Đại đã nói: “Gần đây ta đã đưa ra quá nhiều lựa chọn sai lầm. Lần này, ta sẽ để người lựa chọn. Hãy cho ta biết tên, và ta sẽ chọn bất kỳ người nào người chọn làm Thủ tướng tiếp theo của ta.”

Đệ cũng biết rằng Diệm, dù đang mải mê với lời khấn nguyện tôn giáo gần đây của mình, đã chờ đợi tình hình thích hợp trong

nhiều năm, chờ tình hình thực sự tuyệt vọng, để nắm quyền. Đệ vật lộn với chính mình hàng giờ liền, đi đi lại lại trong văn phòng, cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Đêm tối chẳng mang lại chút an ủi nào. Sáng hôm sau, không may may nghĩ ngợi gì, ông bước đến bên Bảo Đại và nói: “Ngài biết đấy, tôi không còn là bạn của Ngô Đình Diệm nữa. Nhưng tôi tin rằng chỉ có ông ấy mới có thể cứu vãn tình hình lúc này.”

Bảo Đại lắc đầu: “Diệm là người duy nhất có thể làm ông mất trí. Ông đã nói chuyện với ông ta chưa? Ông đã nói với ông ta rằng nếu lần này tôi đề nghị với ông ta, thì đó là do ông yêu cầu tôi làm vậy chưa? Không, tôi đoán là chưa. Bạn thân mến, tôi không mù. Tôi nợ ông à?”

Đệ nhún vai: “Tôi chưa nói chuyện với ông ta về việc này. Dù sao thì, tôi cũng không thể nói là ông ta nợ tôi điều gì nếu ngài mời ông ta làm việc.” Bảo Đại nhìn Đệ với vẻ nghi ngờ: “Ông có biết gã kiêu ngạo đó đã từ chối lời đề nghị của tôi bao nhiêu lần rồi không?” Giọng Đệ bình tĩnh: “Lần này ông ta sẽ nhận lời. Tôi biết ông ta sẽ nhận lời.” Bảo Đại trầm ngâm nói: “Tình bạn kỳ lạ! Kỳ lạ thật! Cuộc sống của chúng ta sẽ đảo lộn nếu có ông ta ở đây. Ông đã nghĩ đến điều đó chưa?”

Nguyễn Đệ chỉ nhắc Bảo Đại: “Ngài đã hứa là lần này tôi sẽ tự quyết định.” Bảo Đại gật đầu, “Vâng, tôi đã làm vậy. Tôi sẽ không quên lời hứa của mình. Nhưng sống với người đàn ông đó! Lạy Chúa, cầu xin Chúa cứu chúng ta khỏi tất cả những kẻ bất lương và thánh thiện!”

Hoàng đế trầm ngâm một lúc rồi nói, “Ông nói đúng khi nói rằng ông ấy là người duy nhất có thể cứu vãn tình hình. Tôi không thích ông ấy, nhưng tôi sẽ sống sót.” Đệ mỉm cười, “Ngài không cần phải sống gần ông ấy. Ông ấy sẽ ở Sài Gòn, còn ngài sẽ ở Cannes.” Hoàng đế thở dài và nói với Đệ, “Tôi sẽ nói với ông ấy rằng đây là lựa chọn của ông.” Đệ lắc đầu, “Không, thưa Bệ hạ. Xin đừng nói với ông ấy như vậy. Hoàng đế mới là người quyết định, chứ không phải Tham mưu trưởng.”

*

Qua điện thoại, Đệ tranh luận rất lâu trước khi Diệm đồng ý. Diệm sửng sốt khi Đệ biết về lời thề bí mật của mình tại Tu viện Thánh Anrê. Đệ tỏ ra kính trọng lòng sùng kính Chúa của Diệm, nhưng cũng nhắc nhở Diệm rằng ông cũng phải hết lòng vì dân tộc. Cuối cùng, ông đã vượt qua được sự miễn cưỡng của Diệm. Đệ cảm thấy Diệm đang đấu tranh với chính mình trong suốt cuộc nói chuyện.

Không hiểu sao, Đệ cảm thấy mình đã lợi dụng Diệm. Ông biết nhiệm vụ của Diệm là bất khả thi, và rằng ông ta có thể đang đẩy bạn mình vào chỗ chết. Ông yêu cầu Diệm đến Cannes ngay lập tức. Diệm cười, “Tôi đi nhẹ nhàng. Tôi không cần nhiều thời gian để đóng gói chiếc vali duy nhất của mình.” Đệ nói, “Mời ông đến đây vào ngày mai. Hoàng đế đang sốt ruột chờ ông.” Rồi ông cúp máy.

*

Nhưng Diệm biết. Ông biết rằng cả Bảo Đại và Nguyễn Đệ đều đã cùng nhau đưa ra quyết định. Hoàng đế đã từ bỏ mọi hy vọng. Nếu được tự do, ông sẽ chọn một người chăm sóc, một người không gây sóng gió, một người sẽ ký giấy chứng tử cho Quốc gia Việt Nam, và ra đi không hối hận. Nếu được tự do, Bảo Đại sẽ không cố gắng thuyết phục ông, trong số tất cả mọi người, để nắm quyền.

Vì vậy, Diệm đã yêu cầu gặp Nguyễn Đệ trước cuộc hẹn với Bảo Đại. Giờ đây, khi đã đối mặt, cả hai đều không nói được lời nào. Họ đứng nhìn nhau. Năm tháng đã in dấu trên cả hai người. Vậy mà, hai mươi năm dường như tan biến trong khoảnh khắc, để lại họ đứng giữa màn sương tuổi trẻ. Cuối cùng, Nguyễn Đệ nói: “Tôi biết rằng bất cứ điều gì ông làm, cũng đều xuất phát từ tình yêu đất

nước của ông.” Diệm, đang đấu tranh với cảm xúc của mình, đáp: “Giờ đây, ông và tôi đã cách xa nhau cả một trời; nhưng chúng ta vẫn nhớ!” Nguyễn Đệ đáp lại, giọng nhẹ nhàng và trẻ trung: “Vâng, chúng ta vẫn nhớ.”

Diệm nói: “Rồi sẽ có ngày người ta nói rằng người Pháp đã đưa tôi lên làm Thủ tướng, hay Hoàng đế đã đưa tôi lên làm Thủ tướng, hay thậm chí, người Mỹ đã chịu trách nhiệm. Chỉ có ông và tôi biết, lời đề nghị đó xuất phát từ tình bạn của ông dành cho tôi.”

Nguyễn Đệ giơ tay; ông nói: “Ít người biết rằng lần này ông cũng muốn từ chối lời đề nghị. Ít người biết rằng tôi đã thành công trong việc khiến ông thấy tình hình tuyệt vọng như thế nào và thuyết phục ông nắm quyền.” Bước đến cánh cửa nặng nề, ông quay lại và nói: “Mời vào. Hoàng đế đang đợi ông.”

*

Bảo Đại nói thẳng thắn và và đúng trọng tâm. Nhiều năm bị những kẻ không tôn trọng mình tỏ ra kính trọng một cách khúm núm, và những kẻ nói xấu ông mỗi khi ông quay lưng, đã khiến thái độ của ông trở nên cứng nhắc. Ông nói với Diệm: “Năm 1933, tôi đã nói với ông rằng một ngày nào đó Hoàng đế của ông sẽ lại gọi ông. Ông đã hứa với tôi

rằng ông sẽ sẵn sàng đáp lại lời kêu gọi của tôi. Nhưng ông đã không làm vậy. Tôi đã gọi ông hai lần vào năm 1945; ông thậm chí còn không thèm trả lời tôi. Sau năm đó, tôi đã gọi ông bao nhiêu lần? Hãy cho tôi biết tại sao ông lại nhận lời?”

Diệm bình tĩnh lắng nghe những lời trách móc của Bảo Đại. Ông ta chọn cách không đưa ra bất kỳ lời bào chữa nào cho những lần từ chối liên tục các đề nghị trước đây của Bảo Đại. Ông ta chỉ nói đơn giản: “Lần này tôi chấp nhận, vì tình hình rất cấp bách.” Bảo Đại không khỏi mỉa mai: “Đúng vậy, tình hình rất cấp bách, nhưng tôi cần một Thủ tướng, chứ không phải một Jeanne d’Arc”.³

Diệm nhìn Hoàng đế cho đến khi Bảo Đại cảm thấy bất an và tự sửa lại: “Tôi không muốn tỏ ra bất kính, nhưng xin đừng nghĩ rằng ông phải hy sinh bản thân.” Diệm không muốn Hoàng đế dễ dàng bỏ qua như vậy. Ông Diệm cãi lại: “Ngài thừa nhận rằng tình hình rất cấp bách. Ngài nghĩ rằng tôi, một con

³ Jeanne d’Arc: là một nữ anh hùng dân tộc và thánh nữ Công giáo La Mã của nước Pháp. Bà là một nông dân đã trải qua những khải tượng tôn giáo và dẫn dắt quân đội Pháp giành chiến thắng trong Cuộc chiến Trăm năm. Cuối cùng, bà bị người Anh bắt, kết án dị giáo và bị thiêu sống khi mới 19 tuổi vào năm 1431, sau đó được phong thánh vào năm 1920.”

người tầm thường, có thể làm nên phép lạ bằng chính sức mình sao? Chỉ có Chúa mới có thể làm nên phép lạ, chứ không phải ngài hay tôi, thưa Hoàng đế.”

Đó là điều Bảo Đại ghét nhất ở Diệm. Cựu Thượng thư của ông ta tin tưởng vào Chúa đến mức ông ta nghe như một ‘hoàng tử giác ngộ’ quán Thiên Mệnh quanh mình như một chiếc áo choàng. Bảo Đại vừa buồn cười vừa sợ hãi đức tin của Diệm. “Ông ta tin rằng mình có thể ép Chúa làm phép lạ cho mình bất cứ lúc nào, cứ như vậy!” Bảo Đại nghĩ. Tuy nhiên, hơn ai hết, ông hiểu rõ tình hình tuyệt vọng đến mức nào và hiểu được logic của Diệm.

Ông hỏi Diệm: “Ngoài đức tin vào Chúa, ông còn có gì để cố gắng?” Diệm trầm ngâm một lúc rồi đáp: “Bao năm nay, tôi đã suy ngẫm về lời khuyên bí ẩn nhất mà cha tôi đã dành cho tôi, ‘Bất kỳ nhà lãnh đạo nào cũng biết cách khai thác lợi thế của mình; một nhà lãnh đạo vĩ đại cũng biết cách tận dụng điểm yếu của chính mình’; giờ đây cuối cùng tôi cũng hiểu ra.” Bảo Đại gật đầu, lặp lại câu nói. Giọng ông dịu dàng hơn nhiều khi nói với Diệm: “Phải, giờ chúng ta chỉ có điểm yếu. Cầu trời chỉ cho ông cách tận dụng chúng!”

Ông quay sang Nguyễn Độ, người đã tham dự cuộc họp mà không nói một lời, nhắc nhở: “Ông đã mời Hoàng hậu đến chưa?” Khi Nguyễn Độ gật đầu, cửa trong được đẩy ra và Hoàng hậu Nam Phương bước vào. Diệm đứng dậy và cúi chào. Bà vẫn xinh đẹp như xưa. Diệm, người thường đỏ mặt mỗi khi ở gần phụ nữ, giờ đây cảm thấy thoải mái khi ở bên Hoàng hậu. Ông nghĩ, đó là tài năng của bà, khiến mọi người cảm thấy thoải mái khi ở bên cạnh bà.

Hoàng hậu ân cần hỏi thăm sức khỏe của mẹ Diệm. Sau đó, bà hỏi Diệm một cách thẳng thắn: “Ông có nghĩ rằng tình hình là không thể đảo ngược không?” Diệm lắc đầu: “Thưa Hoàng hậu, nếu thần nghĩ như vậy, thần đã không chấp nhận lời đề nghị tử tế của Hoàng đế.”

Hoàng hậu nhìn Diệm hồi lâu, rồi cuối cùng nói: “Ông định làm gì? Người Pháp sẽ phò mặc chúng ta cho số phận. Mendes-France sẽ được bổ nhiệm làm Thủ tướng trong vài ngày tới. Gần đây ông ta khoe khoang rằng ông ta có thể đưa Pháp ra khỏi Việt Nam trong chớp mắt. Ngài có thể làm gì để ngăn chặn cộng sản tiếp quản ngay sau khi người Pháp rời đi?”

Diệm nhìn thẳng vào mắt Nam Phương và

trả lời: “Bọn Trung Quốc đang tìm cách chống lại đồng chí Việt Nam của chúng. Chúng ta phải lợi dụng sự rạn nứt này, đó là cơ hội tốt nhất để cứu vãn những gì có thể trong ngắn hạn. Người Pháp đang bối rối và sợ hãi. Mendes-France có thể muốn rút khỏi Việt Nam càng sớm càng tốt. Nhưng các tướng lĩnh Pháp ở Việt Nam vẫn muốn gây khó khăn tối đa cho phe cộng sản. Chúng ta phải lợi dụng lòng khao khát trả thù đó. Người Mỹ giờ đang đứng ngoài cuộc. Nhưng họ tin rằng họ khôn ngoan hơn người Pháp rất nhiều. Họ tin rằng họ có thể đánh bại Cộng sản. Chúng ta phải lợi dụng một niềm tin như thế”.

Diệm nhìn Bảo Đại và nói tiếp: “Bọn Cộng sản tin rằng chúng gần như đã thắng trong cuộc chiến, và toàn bộ Việt Nam sẽ sớm nằm dưới sự cai trị của chúng. Chúng ta phải lợi dụng sự lạc quan ngớ ngẩn đó. Những người không ưa chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam biết rằng hoặc bây giờ hoặc không bao giờ, phải đoàn kết và chiến đấu. Chúng ta sẽ xây dựng dựa trên những gì còn nằm trong tầm kiểm soát của mình, sau khi Hội nghị Geneva kết thúc. Bên cạnh sự can thiệp của thần thánh, thần sẽ cần sự ủng hộ không ngừng nghỉ của Bộ hạ để hoàn thành sứ mệnh của mình.”

Nam Phương cố nén cảm xúc, nói: “Ông

đã từng có vấn đề với Hoàng thượng. Ta vẫn luôn hối hận vì hai người quá khác biệt về quan điểm, lại còn chưa kết giao bằng hữu. Tuy nhiên, đây là thời khắc then chốt. Xin hãy *trung thành với sứ mệnh* Hoàng thượng giao phó, ta sẽ tận lực hỗ trợ ông. Vô số khó khăn trên đường ông đi. Hãy nghĩ đến Hoàng hậu của ông, nghĩ đến con trai ta, Thái tử Bảo Long, mỗi khi ông không hài lòng với đoàn tùy tùng của Hoàng thượng.”



Hoàng đế Bảo Đại và Hoàng hậu Nam Phương.

Diệm cúi đầu. Ông biết Hoàng hậu sẽ hết sức ủng hộ mình. Bảo Đại, cảm thấy mình bị đẩy ra phía sau, nói: “Trước khi khanh vào, ông ấy đã nói với tôi một điều rất thú vị. Ông

ấy nói rằng ông ấy sẽ lợi dụng những điểm yếu hiện có của tình hình chúng ta và biến chúng thành lợi thế.”

*

Hoàng hậu ra hiệu cho thị nữ đang muốn rót thêm trà cho Diệm, để bà tự lo. Với vẻ duyên dáng của một hoàng hậu, bà rót trà cho chồng, cho Nguyễn Đệ, Diệm và cho chính mình. Trong khi đó, bà dường như đang suy ngẫm về những gì Bảo Đại đã nói.

Rồi bà hỏi Diệm: “Đó có phải là một trong những lời dạy mà ông học được từ cố Đại Thi Thần không?” Cả Diệm và Bảo Đại đều ngạc nhiên trước lời nhận xét của bà. Bảo Đại ngạc nhiên vì ông chưa bao giờ nghĩ rằng Hoàng hậu biết gì về Ngô Đình Khả, còn Diệm thì ngạc nhiên vì sự chính xác trong suy đoán của bà.

Bà mỉm cười buồn bã và nói: “Giờ đây, ngoài điểm yếu của mình, chúng ta còn gì để lợi dụng nữa? Nhưng tôi cũng hiểu rằng việc thực hiện ý tưởng đó sẽ không dễ dàng.”

Giờ thì Diệm đã hiểu tại sao ông ta luôn muốn đối phó với bà ta hơn là với Bảo Đại. Nhưng ông cũng biết rằng trong những tháng tới, ông sẽ làm tổn thương Bảo Đại, và bằng cách đó, ông ta sẽ làm tổn thương bà. Diệm thở dài và nói: “Thần rất cảm kích sự thấu hiểu khó khăn của Hoàng hậu.”

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN VẠN SỰ KHỞI ĐẦU NAN

Diệm lặp lại lần thứ một trăm, “Có quá nhiều thứ để làm.” (C’est la mer à boire). Đứng trên ban công nhà mẹ mình ở Phủ Cam, ông ngắm nhìn vườn cây ăn trái xung quanh nhà. Huế và Phủ Cam đang trong tâm trạng lễ hội. Hàng chục ngàn người đã tập trung tại Phu Văn Lâu sáng hôm đó để chào đón ông trở về.

Người dân Huế đang ăn mừng sự trở về chiến thắng của một trong những người con lỗi lạc nhất của Huế. Diệm đã dành sự trân trọng đúng mực cho sự kiện này. Ông nhận thấy những nỗ lực của Phan Văn Giáo trong việc tổ chức.

Giáo, Thống đốc Trung Kỳ, người mà Diệm sẵn sàng sa thải, đã làm đủ mọi cách để tạo nên một buổi tiếp đón mang tính hoàng gia. Nhưng Diệm không ấn tượng với sự xa hoa đó. Ông không cần những người như Giáo,

những người đã bóc lột người dân Trung Kỳ trong nhiều năm.

Diệm trầm ngâm và có chút bồn chồn. Sau vài ngày ở Sài Gòn, Diệm lên đường về Huế. Ông trở về, không phải để tận hưởng vinh quang, không phải để tận hưởng sự ủng hộ của quần chúng mà ông biết mình có ở đó, mà là để đến đặt vòng hoa tại mộ cha và nói với mẹ rằng ông nhớ bà đến nhường nào.

Ông muốn dành thời gian cho em trai Cần và hai em gái Hiệp và Hoàng. Nhưng lịch trình của ông quá dày đặc và ông chỉ có thể nói với Hiệp vào phút chót: “Anh sẽ quay lại sau vài tuần nữa. Khi đó, chúng ta sẽ nói chuyện.”

*



Thủ tướng Ngô Đình Diệm.

*

Ông đã đến Bắc Việt Nam và chứng kiến mức độ hỗn loạn ở đó, sau đó trở về Sài Gòn, nơi ông công bố thành phần nội các. Sau đó, ông vội vã trở về Huế, nơi tất cả các anh chị em của ông sẽ gặp ông.

Ông dành thời gian tiếp đón những người chúc mừng. Ông ngạc nhiên trước sự tin tưởng mà họ dành cho ông. Hầu hết họ đều tin rằng ông sẽ sớm tìm ra giải pháp cho mọi vấn đề của đất nước. Họ không phải là những kẻ nịnh hót. Họ chỉ đơn giản là coi mong muốn của mình là hiện thực. Họ cần một người có phép màu, vì vậy họ tin ông chính là người đó. Ngược lại, ông cần những người đàn ông và phụ nữ sẵn sàng đối mặt với thực tế khắc nghiệt, chứ không phải những kẻ mơ mộng hão huyền.

Sau những chuyến thăm viếng và hàng chục tách trà, cuối cùng ông cũng được ở lại một mình với các anh chị em, để cố gắng sắp xếp lại những xu hướng tư tưởng, đặt ra các ưu tiên và giải quyết vô số vấn đề, tất cả cùng một lúc. Trước khi gặp họ, ông cần có vài phút cho riêng mình. Ông muốn nhìn rõ hơn một chút, xem mình sẽ vạch ra lộ trình cho mười hai tháng tới như thế nào. Giờ đây, trên ban công nơi cha ông thường đứng, nhìn về phía

nhà thờ bên kia đường và cầu nguyện, ông Diệm tự nhủ: “Lợi dụng điểm yếu của chính mình! Nói thì dễ, nói thì dễ.” Ông nhớ lại lời Hoàng hậu đã nói với ông chỉ vài tuần trước đó: “Việc áp dụng khái niệm đó vào thực tế sẽ không dễ dàng.” Bà ấy nói đúng làm sao.

*

Tất cả các anh chị em của ông đều có mặt, bao gồm cả Luyện, người vừa vội vã đến từ Geneva. Diệm chủ trì cuộc họp, nhưng rõ ràng là ông không nói gì mà không nhìn Nhu để xin sự đồng tình hoặc ủng hộ.

Luyện báo cáo về Hội nghị Geneva: “Khi bác sĩ Trần Văn Độ đến Geneva, ông ấy đã gặp Phạm Văn Đồng ngay lập tức, theo như mong muốn của ông.” Diệm gật đầu tán thành: “Chú Nhu đã nói đúng với tôi rằng Tiến sĩ Độ là lựa chọn đúng đắn cho vị trí Bộ Ngoại giao. Ông ấy là bạn của Phạm Văn Đồng thời trẻ. Các cuộc trò chuyện diễn ra như thế nào?” Luyện nhún vai: “Anh đã xem báo cáo của ông ấy về các cuộc gặp với Đồng. Mặc dù Đồng vẫn đối xử với ông ấy như một người bạn cũ, bác sĩ Độ vẫn không thể đạt được đột phá nào với ông ấy về bất kỳ vấn đề nào.”

Diệm hỏi Luyện: “Còn phía Trung Quốc thì sao?” Luyện mỉm cười: “Anh nhận được lời mời thường trực đến Bắc Kinh để gặp Chu

Ân Lai. Ông ta cứ mỉm cười với em như thể chúng tôi đang chia sẻ một bí mật nào đó. Điều đó khá đáng lo ngại. Có lần, ông ta nắm lấy khuỷu tay em, kéo em vào một góc và đề nghị rằng sau khi Hội nghị Geneva kết thúc, ông ta muốn nói chuyện với chúng ta về việc trao đổi đại sứ quán.”

Diệm gật đầu: “Tốt. Nhưng hướng chung của các cuộc đàm phán hiện tại là gì?” Luyện tỏ ra căng thẳng rõ rệt khi nói: “Em có cảm giác rằng Trung Quốc và Pháp đã thống nhất với nhau về nhiều vấn đề, và điều họ phải giải quyết bây giờ là làm thế nào để thuyết phục mọi người khác đồng ý với kế hoạch hòa bình của họ.”

Diệm cau mày và hỏi: “Chú có biết gì về đường lối chung của kế hoạch hòa bình của Pháp và Trung Quốc không?” Luyện mỉm cười, “Chúng ta có lợi thế hơn phái đoàn Việt Minh. Họ đang chạy quanh tìm hiểu xem cả Trung Quốc lẫn Pháp muốn gì. Chúng ta nắm được thông tin tốt về ý định của cả Pháp lẫn Trung Quốc. Chúng ta yếu ớt và nhỏ bé, nhưng lại nắm được khá nhiều thông tin.”

Ông dừng lại một chút trước khi tiếp tục, “Về cơ bản, Trung Quốc đang chống lại Việt Minh ở Geneva. Họ sẽ không cho phép Việt Minh khai thác tối đa những chiến thắng

quân sự của họ. Họ không cho phép Phạm Văn Đồng chuyển những thành công của Võ Nguyên Giáp trên chiến trường vào bàn đàm phán chính trị mà họ muốn. Phân chia Việt Nam. Mendes-France đã đồng ý với họ. Họ cũng muốn ngăn người Mỹ vào Việt Nam. Vì vậy, chiến lược chung của họ với Pháp là giữ quân đội Pháp ở phía nam đường phân định mà các chuyên gia quân sự vẫn đang xác định.”

Diệm lập luận, “Không người Việt Nam nào muốn đất nước chúng ta bị chia cắt, dù chỉ là tạm thời. Liệu Trung Quốc và Pháp có đang thảo luận về phương thức thống nhất hai miền không?” Luyện cười, “Đúng vậy, họ đã nói khá chi tiết về các thủ tục thống nhất. Họ sẽ nói suông về một cuộc trưng cầu dân ý sẽ được tiến hành giữa hai ‘phe’ Việt Nam. Nhưng cả Trung Quốc lẫn Pháp đều không mong đợi một cuộc trưng cầu dân ý như vậy sẽ diễn ra.”

Diệm hỏi, “Người Mỹ nói gì?” Luyện nhún vai, “Người Mỹ đứng ngoài cuộc. Họ chưa đưa ra ý tưởng mới nào. Họ không có sáng kiến gì. Tất nhiên, họ muốn có sự hiện diện ở Việt Nam ngay bây giờ, để ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc, và họ không thực sự muốn quân đội Pháp tiếp tục hiện

diện ở phía nam đường phân định. Nhưng họ chưa đề xuất bất kỳ phương án thay thế nào.”

Sau đó, Diệm tiếp tục nói về nội các mới mà ông đã công bố tại Sài Gòn. Có một sự im lặng khó chịu sau cuộc họp báo của ông. Thành phần nội các của ông không có gì đặc biệt. Nó không bao gồm bất kỳ cái tên nào làm tăng thêm sức nặng cho Thủ tướng.

Cần hỏi Diệm: “Tại sao anh lại bổ nhiệm Trần Văn Chương làm Bộ trưởng Ngoại giao? Em hiểu tại sao anh lại bổ nhiệm anh trai ông ấy, bác sĩ Trần Văn Độ, làm Bộ trưởng Ngoại giao, vì ông ấy đã lãnh đạo Nhóm Tinh thần trong nhiều năm và là một người bạn trung thành từ lâu. Nhưng tại sao lại là Chương?”

Khi Diệm do dự trả lời, Cần nói tiếp: “Danh hiệu duy nhất của ông ấy là vài tháng làm Bộ trưởng Ngoại giao dưới thời Trần Trọng Kim, vào năm 1945. Thực ra, cuối cùng, Trần Trọng Kim hoàn toàn không coi trọng tài năng ngoại giao. Vậy mà anh lại bổ nhiệm ông ấy làm Bộ trưởng Ngoại giao. Vì người ta sẽ nói về nạn gia đình trị bây giờ, với lý do chính đáng. Ông ấy là bố vợ của anh Nhu, hay anh đã quên điều đó rồi?”

Diệm tỏ ra bức bối. Tuy nhiên, ông nói nhỏ: “Này, Cần, chúng ta ở đây để thảo luận về chiến lược chung, chứ không phải về việc

bổ nhiệm. Nếu chú không hài lòng về việc bổ nhiệm, chúng ta có thể nói chuyện đó sau.” Chỉ cần nhìn những người xung quanh, Cần thấy không phải ai cũng phản đối việc mình chất vấn Diệm về việc bổ nhiệm Chương, nên ông nhấn mạnh: “Không chiến lược nào thành công nếu không có nguồn nhân lực phù hợp. Hãy nhận thức rằng việc bổ nhiệm Chương là một sai lầm! Có rất nhiều người sẽ là lựa chọn tốt hơn cho vị trí đó.”

Cả Nhu và Diệm đều xấu hổ. Tất nhiên, Cần đã đúng. Diệm đã bổ nhiệm Chương theo đề nghị của Nhu. Nhu đã tiến cử Chương theo sự khẳng khẳng của vợ. Diệm đã hiểu rằng, nếu không bổ nhiệm Chương, cuộc sống của Nhu sẽ là địa ngục. Giờ đây, ông không có lý lẽ nào để tự bào chữa cho mình.

Vì Diệm không nói gì, Cần tức giận nói tiếp: “Mười một năm trước, anh Khôi đã khóc khi lên tàu đi và ký kết liên minh giữa gia đình chúng ta và gia đình ông Chương. Anh ấy đã làm điều đó sau khi tuyên bố rõ ràng rằng anh Nhu không được tham gia bất kỳ hoạt động chính trị nào. Giờ thì, anh thấy anh ấy đúng không?”

Không ai trả lời, nên Cần tiếp tục, “Kể từ khi anh Khôi mất, nhiều thứ đã thay đổi. Anh Nhu giờ đã trở thành một nhân tố quan trọng

gần như anh Diệm. Anh ấy đã làm tốt với kỹ năng tổ chức và kỹ năng điều phối của mình. Chúng ta hài lòng với công việc của anh ấy. Chúng ta ngưỡng mộ tài năng của anh ấy. Nhưng anh ấy là con tin cho những ý thích nhất thời của vợ mình, và thông qua anh ấy, tất cả chúng ta đều là con tin của chị ấy. Nếu chúng ta không muốn anh Nhu bất hạnh, chúng ta phải hành động theo ý chị ấy. Em nói đúng chứ? Nếu đúng như vậy, và em nghĩ là đúng như vậy, thì anh Diệm, anh nên từ chức ngay bây giờ. Ngay bây giờ, trước khi anh gây thêm tổn hại cho danh tiếng gia đình chúng ta.”

Tất cả đều bị sốc trước sự gay gắt của Cần. Hầu hết những gì anh ta nói đều đúng. Tất nhiên là anh ta có phóng đại, nhưng anh ta không xa sự thật. Thục đứng dậy và nói: “Tôi nghĩ chúng ta nên tạm dừng một chút. Tôi nghĩ chúng ta cần thảo luận về chuyện gia đình của Nhu trong một bối cảnh khác. Tôi đề nghị chúng ta nên nghỉ giải lao uống trà.”

*

Tất cả đều đứng dậy. Hiệp kéo Hoàng ra riêng trong phòng, nhưng khi thấy các anh em của mình đang tụ tập quá gần, họ đã ra vườn. Hiệp nói: “Chị rất lo lắng. Việc bổ nhiệm dường như rất quan trọng đối với chị.

Chị sẽ không bao giờ can thiệp để ủng hộ bất kỳ ứng cử viên nào, nhưng chị lo lắng về tiến trình. Rất nhiều “bạn cũ” từ miền Trung Việt Nam, những người đã ủng hộ ngay từ giờ đầu, đã đến gặp chị và bày tỏ sự ngạc nhiên. Họ nói rằng anh Diệm đã phớt lờ tất cả họ. Nội các của anh ấy.”

Hoàng trả lời: “Em chưa bao giờ quan tâm đến chính trị. Nhưng em là một nữ doanh nhân. Em là người quyết định nên thuê ai và sa thải ai. Em luôn thuê người giỏi nhất cho một công việc. Người giỏi nhất! Em không muốn biết cha của ông ấy là ai, theo đạo Thiên Chúa hay đạo Phật. Nội các mà anh Diệm vừa công bố bao gồm hai lãnh đạo của Tập đoàn Tinh Thần, một vài trí thức mà anh vừa gặp ở Pháp, và một số người đến từ nhiều đảng phái chính trị khác nhau. Anh ấy chắc chắn chưa chọn được người giỏi nhất, có lẽ vì anh ấy bị hạn chế quyền tự do lựa chọn. Có lẽ anh ấy đang cố gắng tạo dựng hình ảnh một liên minh rộng rãi.”

Hiệp hỏi: “Còn việc lựa chọn Trần Văn Chương thì sao?” Hoàng cười, “Em biết chị thực sự nghĩ gì khi chị đưa em ra khỏi đám đàn ông. Chị thực sự muốn biết quan điểm của em về ông Chương làm Bộ trưởng sao? Đối với người dân, ít ai phản đối việc bổ

nhiệm như vậy. Ông Chương không phải là một cái tên quen thuộc, nhưng một số người biết ông là một luật sư giàu có. Một số người thậm chí còn biết rằng Việt Minh đã quản thúc ông tại gia. Ông có đủ tư cách để làm Bộ trưởng.”

Hiệp hỏi, “Vậy, em có chấp thuận việc bổ nhiệm này không?” Hoàng nắm lấy khuỷu tay Hiệp và dẫn bà đến một cây sung. Bà hái một quả sung từ trên cây, đưa tay ra và để nhựa trắng cuống sung nhỏ từng giọt xuống đất. Nhìn em, Hiệp nhớ lại. Cử chỉ của Hoàng quá quen thuộc và quá vượt thời gian, khiến Hiệp tràn ngập những ký ức tuổi thơ. Hoàng ném quả sung đi và trả lời chị gái: “Không, em không tán thành. Anh Diệm muốn lập một liên minh quốc gia lại chấp nhận bổ nhiệm những người bất tài từ các đảng phái chính trị khác nhau. Nhưng chúng ta biết anh ta không có lý do chính đáng để bổ nhiệm ông Chương. Anh ta phải giữ gìn sự liêm chính của mình; đó là đức tính quý giá nhất của anh ta.”

Hiệp nhìn Hoàng. Vậy ra em bà không xa lạ gì với chính trị. Cô con gái nhỏ luôn theo sát bà như hình với bóng, lớn lên trở thành một nữ doanh nhân độc lập và được nhiều người kính nể, giờ đây có thể sắc sảo, sắc

sảo như bất kỳ ai trong gia đình, khi đưa ra những phán đoán chính trị. Hiệp không còn lo lắng về việc thể hiện sự lo lắng của mình nữa. Bà nói với Hoàng: “Những lời nói của Cẩn đã làm tổn thương tình cảm của Diệm và Nhu. Việc cậu ta nhắc đến Lệ Xuân là quá đáng. Chúng ta có thể làm gì để giữ gìn sự hòa thuận trong gia đình?” Hoàng nhún vai: “Anh em chúng ta, vì phải thẳng thắn với nhau, để nhìn nhận vấn đề rõ ràng và nhanh chóng hơn, nên sẽ tiếp tục làm tổn thương lẫn nhau. Nhưng rồi họ cũng sẽ vượt qua. Em cũng không thích kế hoạch của Nhu chuyển gia đình vào Dinh với anh Diệm. Nhu là một phụ tá giỏi và có năng lực. Nhưng nếu cậu ta tiến quá gần trung tâm quyền lực, Lệ Xuân sẽ bị cảm dỗ để cai trị. Nếu điều đó xảy ra, tất cả sẽ kết thúc trong bi kịch!”

Hiệp rùng mình dưới bóng râm của những cây vả thiều lớn. Tiếng ve kêu inh ỏi. Hiệp nói: “Chị rất quý Lệ Xuân, và cũng rất quý con gái của họ, Lệ Thủy. Sao chúng ta không nói chuyện thẳng thắn với Lệ Xuân. Biết đâu chúng ta sẽ tìm ra cách nào đó giúp giải quyết vấn đề.” Hoàng thở dài: “Em đã thử nhiều lần rồi. Lần nào em cũng ra về với cảm giác mình đã làm được điều gì đó có ý nghĩa. Rồi em lại bắt đầu cảm thấy mình thật ngốc nghếch.”

Hiệp phản đối: “Nhưng Lệ Xuân đúng là có nhiều phẩm chất đáng quý!” Hoàng gật đầu đồng ý: “Đúng vậy. Tiếc là cô ấy có lẽ đã đi trước thời đại đến hai mươi năm. Cô ấy sinh ra quá sớm, trước thời đại. Tất cả những điều cô ấy muốn phụ nữ làm vào lúc này, những người phụ nữ khác sẽ làm vào hai mươi năm sau. Khi đó, bên cạnh những phẩm chất không thể chối cãi, cô ấy cũng có những khuyết điểm rõ ràng.”

Hiệp chìm trong một nỗi buồn mênh mông. Bà nói: “Ước gì mình được ngồi đây dưới gốc vải này và không bao giờ quay lại buổi họp nữa.” Nhưng giọng nói mạnh mẽ của Nhu đã vang lên, gọi họ trở về nhà.

*

Ấm đã đến cùng Hiệp và ở lại một lúc, nhưng rồi ông đã về nhà. Lệ Xuân, ngược lại, không có nơi nào để đi và phải đợi cho đến khi buổi họp mặt gia đình kết thúc. Bà thấy thủ tục này thật đáng trách. Làm sao họ có thể gặp nhau và giữ bà như một người xa lạ? Nhưng bà nhận thấy Ấm không phản đối. Ông thậm chí còn có vẻ nhẹ nhõm vì không phải ở lại. Lệ Xuân quyết định xuống bếp và giúp chuẩn bị bữa trưa. Nhưng bà thấy sự hiện diện của mình ở đó là không cần thiết và không được chào đón.

Bà quay lại vườn và thấy Hoàng và Hiệp đang thảo luận về cuộc hẹn của cha bà. Bà vội vàng bước đi, không muốn nhìn trộm họ. Bà cảm thấy cô đơn đến mức muốn khóc. Bà tìm thấy một cây bưởi lớn và ngồi xuống bên cạnh, cố gắng sắp xếp lại suy nghĩ của mình. Bà biết rằng những gì bà và Nhu đã làm là vì sự bình yên của chính họ. Bà biết rằng cha mẹ bà sẽ không cho bà và Nhu bất kỳ sự nghỉ ngơi nào cho đến khi ông có một cuộc hẹn quan trọng. Hoặc là họ đã trao cho cha bà sự bổ nhiệm mà ông mong muốn, hoặc họ sẽ liên tục cãi vã với cha mẹ bà. Bà không thể để gia đình mình căng thẳng thêm nữa, ngay lúc này.

Cuộc hôn nhân của họ, vốn luôn mong manh, đã đứng trên bờ vực thẳm kể từ khi Nhu và cô chuyển đến sống ở Sài Gòn, bởi vì ông dành toàn bộ thời gian cho Đảng, cho Nhóm *Tinh Thần* và Tạp chí *Xã Hội*. Nhu không còn che giấu việc ông không thích lối sống của bà nữa. Bà không còn che giấu việc nổi ám ảnh cứu nước của ông khiến bà chán ngấy. Cha mẹ bà dường như không hiểu rằng bà đang sống trong địa ngục với chồng mình. “Họ không thấy rằng chúng ta đang đi trên kính sao?” Bà nghĩ, “Họ không thấy rằng chúng ta đang đi trên dây sao, Nhu và bà?”

Về phía gia đình Nhu, tình hình cũng chẳng khá hơn. Anh chị em của Nhu dường như chỉ quan tâm đến một điều: giấc mơ của cha họ. Trong vài tuần gần đây, kể từ khi Diệm sắp trở thành Thủ tướng, tình hình đã trở nên tồi tệ hơn nhiều. Nhu chưa bao giờ ở bên bà. Ông đắm chìm trong những công việc chuẩn bị, đàm phán, tham vấn, cố gắng tự mình gánh vác công việc của cả một đội quân.

Một ngày nọ, bà đã đại dột thách thức Nhu và nói: “Anh và các anh chị em của anh nên thư giãn hơn. Anh không nhận được lệnh của Chúa để cứu nước. Cha anh không bao giờ mong đợi tất cả các anh quên hết mọi thứ và chìm đắm trong nỗi ám ảnh về việc cứu nước.” Ông quay lưng lại với bà, như thể bà đã phạm tội báng bổ. Bà kêu lên: “Nghe em này, Nhu, nghe em này...” Nhưng ông bỏ đi mà không một lời từ biệt.

Giờ đây, cay đắng, bà siết chặt nắm đấm, “Anh ấy sẽ không bao giờ nghe tôi. Họ sẽ không bao giờ nghe tôi, đặc biệt là từ bây giờ. Tôi đã phạm một sai lầm lớn khi khẳng định đòi hỏi bổ nhiệm cha tôi làm Bộ trưởng. Họ sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi vì điều đó. Và họ đã đúng. Việc bổ nhiệm ông ấy đã gây nguy hiểm cho vai trò của gia đình tôi trong việc này, có lẽ là mãi mãi.”

Bà nghe thấy tiếng bước chân đang tiến về phía mình. Hiệp dừng lại, giọng lo lắng hỏi: “Sao cô ngồi ngoài này một mình thế? Sao không vào nhà nói chuyện với mẹ?” Lệ Xuân lắc đầu: “Mẹ ngủ say rồi.” Hoàng đề nghị: “Hay để con gái chị là Hoàng Anh dẫn cô đi Hoàng Cung hoặc Lăng tẩm chờ chúng ta giải quyết xong chuyện này?”

Lệ Xuân xua tay bác bỏ lời đề nghị. Bà hỏi thẳng thừng: “Các anh đã bàn bạc về việc bổ nhiệm cha em rồi phải không?” Hai chị dâu gật đầu. Lệ Xuân cau mày nói: “Hoặc là vậy, hoặc là vợ chồng tôi sẽ phải chịu áp lực của bố mẹ tôi cả ngày lẫn đêm. Đạo này em và Nhu không được hòa thuận. Chúng em hy vọng rằng bằng cách giữ cho bố mẹ em yên lặng và vui vẻ một thời gian, chúng em có thể có cơ hội tốt hơn để ổn định lại gia đình. Anh ấy đã sai khi nghe lời chúng em, em thực sự xin lỗi.”

Hiệp sững sờ trước sự thẳng thắn của Lệ Xuân. Bà nói: “Cả bố em và bác Độ của em đều được bổ nhiệm vào những chức vụ cao nhất. Ở Sài Gòn, người ta nói về anh Nhu với tư cách là Đồng Thủ tướng. Vấn đề sẽ không dễ dàng giải quyết. Chị nghĩ cả cô và Nhu sẽ phải tự vấn lương tâm rất nhiều và cố gắng tìm cách giúp đỡ anh Diệm và tạo khoảng cách nhỏ giữa cô và anh ấy.”

Lệ Xuân trông có vẻ không vui. Bà gật đầu và nói: “Bọn đàn ông đang đợi chị đấy. Nhanh lên kéo họ cũng đuổi chị ra khỏi các buổi họp.” Cả hai chị dâu đều cười và vội vã trở về nhà.

Còn lại một mình, Lệ Xuân nghĩ: “Cả hai đều là những người phụ nữ tài giỏi. Vậy mà họ cứ chạy theo đàn ông, chẳng bao giờ dám nghi ngờ quyền lực của đàn ông. Bao giờ phụ nữ mới thoát khỏi sự lệ thuộc như vậy?” Ban đầu, bà nghĩ về hai chị dâu mình thật nhỏ bé, nhưng lại có chút gì đó gần gũi, và bà bắt đầu nghĩ khác. Giờ đây, bà mơ hồ mơ thấy họ là đồng minh của mình, cùng bà đấu tranh cho sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ vào chính trị. Cuối cùng, bà lắc đầu và tự nhủ: “Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra!”

*

Diệm hỏi cộc lốc: “Ai nghĩ tôi đã quyết định sai lầm khi bổ nhiệm ông Chương?” Cẩn gờ tay. Hoàng làm theo, rồi Hiệp, rồi Luyện. Diệm quay sang Thục và hỏi: “Anh thấy quyết định của tôi có đúng không?” Thục lắc đầu, thừa nhận: “Không, tôi đồng ý với những người khác.”

Diệm nghiêm nghị nói: “Lúc đó chúng ta đã nhất trí rồi, vì Nhu và tôi cũng nhận ra rằng chúng ta đã phạm một sai lầm khủng

khiếp.” Căn bình luận: “Em sẽ không yêu cầu anh cách chức ông ấy, nhưng trong cuộc cải tổ nội các sắp tới, xin hãy đảm bảo rằng ông ấy không còn là Bộ trưởng Ngoại giao nữa, thậm chí tốt hơn, hãy đảm bảo rằng anh sẽ cử ông ấy ra nước ngoài.” Diệm gật đầu. Căn nói tiếp: “Điều khiến em vẫn lo lắng là câu nói của anh, ‘Chúng ta đã phạm một sai lầm khủng khiếp.’ Em sẽ yên tâm hơn nếu Anh nói; ‘Tôi đã phạm một sai lầm khủng khiếp.’ Anh Nhu có thể đưa ra khuyến nghị, nhưng chỉ có anh mới là người đưa ra quyết định. Hay đúng là anh Nhu đã trở thành Đồng Thủ tướng rồi?”

Nhu thực sự khó chịu, và ông đáp trả: “Xin đừng xuyên tạc lời của anh Diệm. Bất kỳ lời nào anh ấy dùng đều không quan trọng. Ý anh ấy là cả anh ấy và tôi đều đã phạm sai lầm, chính tôi đã đưa ra khuyến nghị, và anh ấy, vì anh ấy đã đưa ra quyết định. Chúng ta dễ mắc sai lầm. Điều đó giúp chúng ta khiêm tốn. Tôi cầu mong chú đừng tỏ ra thù địch với Lê Xuân vì sai lầm của chúng tôi.”

Luyện nói: “Dễ mắc sai lầm. Được thôi! Nhưng điều không thể tha thứ là cách hai anh phạm sai lầm. Anh không thể quyết định vì lợi ích hay sự tiện lợi của gia đình. Anh Diệm, anh được Bảo Đại trao toàn quyền. Không có

nghĩa là anh muốn làm gì thì làm. Ngược lại, vì anh có toàn quyền, anh phải sử dụng nó vì lợi ích của đồng bào; anh phải sử dụng nó vì lợi ích tốt nhất của quốc gia. Anh Nhu, anh chính thức là cố vấn của anh Diệm. Anh có trách nhiệm giúp anh ấy đi đúng hướng. Tuy nhiên, chính anh đã dẫn anh ấy đi lạc lối.”

Diệm và Nhu cúi đầu. Luyện nói: “Em là con út trong nhà. Em không nên nói năng như vậy, nhưng cả anh Thục lẫn chị Hiệp đều không nói gì cả. Em thấy bối rối. Anh Thục, anh là anh cả, sau khi anh Khôi mất. Anh cũng là giám mục, một nhà lãnh đạo tinh thần. Vậy mà anh lại không nói gì cả. Anh ấy bảo chúng tôi rằng anh phải lên tiếng nhân danh anh ấy. Anh cũng im lặng.”

Ông Thục nhìn Hiệp. Hiệp nói: “Tôi không biết tiêu chuẩn nào được sử dụng để lựa chọn các thành viên nội các lần này. Tôi không biết đầy đủ về những thành tựu trước đây của ông Chương. Tôi chắc chắn rằng nếu ông ấy không phải là bố vợ của anh Nhu, thì không ai trong chúng tôi phản đối việc lựa chọn ông ấy.

“Tuy nhiên, tất cả chúng ta đều nhận ra rằng việc bổ nhiệm ông ấy, do cách thức thực hiện, là một sai lầm nghiêm trọng. Sự chính trực của anh Diệm đang bị đặt dấu hỏi ở đây.

Anh ấy không thể trộn lẫn lợi ích công và lợi ích gia đình. Khi lợi ích công và lợi ích gia đình xung đột, anh ấy phải hy sinh lợi ích gia đình. Tôi không biết phải nói gì khác. Có lẽ, ý thức về gia đình của chúng ta chưa được mạnh mẽ lắm. Nhưng còn sứ mệnh của anh Diệm thì sao?”

Trong khi bà ấy đang nói, Diệm im lặng nhìn bà, dường như đang cố gắng lắng nghe một giọng nói khác, giọng nói đã định hình cuộc đời và tính cách của anh khi anh lớn lên. Sự im lặng vẫn tiếp diễn sau khi bà ấy ngừng nói, cho đến khi Diệm phá vỡ sự im lặng và nói: “Cảm ơn cô Hiệp, chúng tôi sẽ ghi nhớ lời cô.” Mọi người gật đầu. Sự hiện diện của Đại Thị thần dường như tràn ngập căn phòng.

Cuối cùng, Luyện nói: “Miễn là vụ việc này chỉ là một sự việc riêng lẻ, em sẵn sàng đề nghị chúng ta bắt đầu thảo luận các vấn đề khác.”

Luyện thật khác biệt so với những người anh em khác của mình. Hiệp nghĩ. Cậu ấy nghiêm túc, thận trọng và chu đáo, nhưng trông cậu ấy có vẻ rất vô tư. Cậu chuyển từ vấn đề này sang vấn đề khác và không bao giờ để một vấn đề nào chiếm quá nhiều thời gian của mình. Hiệp muốn Luyện tâm huyết

hơn với những gì Diệm đang làm và cung cấp cho Diệm góc nhìn “khoa học” của mình.

*

Diệm lại nắm quyền điều khiển cuộc họp. Ông nói: “Mục tiêu của chúng ta đã rõ ràng. Điều đó giúp chúng ta có một chiến lược tốt. Mục tiêu của chúng ta là độc lập hoàn toàn cho đất nước. Đó là giấc mơ của cha chúng ta. Bây giờ, hãy cùng nhìn vào tình hình hiện tại: Chúng ta đang mất quyền kiểm soát một phần lớn đất nước vào tay Cộng sản. Hội nghị Geneva sẽ sớm ra sắc lệnh chia cắt đất nước chúng ta thành hai miền Nam Bắc Việt Nam.”

Diệm dừng lại và nhìn các anh chị em của mình một lúc trước khi tiếp tục: “Vận mệnh của Bắc Việt Nam sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể bởi chúng ta trong vài năm tới. Liệu nó có đạt được độc lập hoàn toàn hay không vẫn còn phải chờ xem, nhưng ngay cả khi nó hoàn toàn độc lập, người dân sống ở Việt Nam vẫn sẽ không được tự do. Một ngày nào đó, chúng ta sẽ phải giải quyết vấn đề đó của đất nước.”

Diệm lại dừng lại. Ông ta lấy một điều thuốc, châm lửa từ từ. Rồi ông ta nói: “Điều chúng ta sẽ phải giải quyết trong hiện tại và tương lai gần là phần đất Việt Nam nằm ở phía Nam đường phân định tương lai. Chúng ta đang

đối mặt với những vấn đề to lớn. Chúng ta vẫn còn quân Pháp chiếm đóng lãnh thổ. Những đội quân này phải rời khỏi đất nước. Đó là mục tiêu lớn thứ nhất của chúng ta.”

Diệm rít một hơi thuốc, vẩy nó trong không khí và nói tiếp: “Lãnh thổ phía Nam đường phân định tương lai bị chia cắt: Tây Nguyên Nam Trung Bộ tạo thành Lãnh địa Đế quốc, một quốc gia trong quốc gia, nơi người Pháp dưới danh nghĩa Hoàng đế đang huấn luyện người Việt chống lại chính quyền trung ương. Lãnh thổ này phải được trả lại. Đó là mục tiêu lớn thứ hai của chúng ta.”

“Ở các tỉnh phía Nam, chúng ta có các giáo phái chính trị-tôn giáo, với các tướng lĩnh chiếm giữ những vùng đất rộng lớn. Họ là những lãnh chúa thực sự, có người tốt, có người xấu. Chúng ta phải thống nhất lại những lãnh địa đó, và đặt toàn bộ lãnh thổ dưới quyền chính quyền quốc gia. Đó là mục tiêu lớn thứ ba của chúng ta.”

“Ở Sài Gòn và Chợ Lớn, một băng đảng cướp đã được phép chiếm các sòng bạc và trung tâm mại dâm, cũng như chính Lực lượng Cảnh sát Quốc gia. Chúng ta phải phá hủy quyền lực của chúng và đặt Cảnh sát Quốc gia dưới sự kiểm soát của chính phủ. Đó là mục tiêu lớn thứ tư của chúng ta.”

“Chúng ta có một quân đội do các sĩ quan chỉ huy, phần lớn trong số họ thích nhận lệnh từ người Pháp hơn là từ chính phủ của họ. Chúng ta phải đặt quân đội dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chính phủ. Đó là mục tiêu lớn thứ năm của chúng ta.”

“Chính quyền của chúng ta, từ cấp quốc gia, xuống đến cấp làng xã, đang tràn ngập những quan chức kém hiệu quả và tham nhũng. Chúng ta phải tổ chức lại tất cả các cơ cấu và đưa vào những quan chức hiệu quả và trung thực hơn. Đó là mục tiêu lớn thứ sáu của chúng ta.”

“Chúng ta vẫn phụ thuộc vào người Pháp về mọi chi tiêu, vì người Pháp vẫn kiểm soát Ngân hàng Quốc gia và Ngân khố của chúng ta. Chúng ta phải có Ngân khố riêng. Đó là mục tiêu lớn thứ bảy của chúng ta.”

Diệm dừng lại, cười và nói: “Tôi có thể tiếp tục, với bảy, bảy mươi mục tiêu nữa. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu đến thời điểm này năm sau, chúng ta đạt được tiến bộ đáng kể trong cả bảy mục tiêu chính này, chúng ta đã làm được một việc lớn cho đất nước, và chúng ta sẽ được khích lệ tiếp tục làm việc cho đến khi đạt được mục tiêu cuối cùng.”

Khi các anh em bắt đầu đặt câu hỏi, và khi Diệm trả lời chính xác và tự tin, Hiệp ngồi

xuống và nghĩ, “Thật khác biệt! Diệm ngày nay không còn là Diệm mà tôi biết năm 1933 nữa. Lần này ông ta đã sẵn sàng nắm quyền, và cho thấy mình có câu trả lời cho hầu hết những câu hỏi quan trọng.”

Diệm nhìn bà và hỏi thẳng bà, “Cô Hiệp, cô chẳng nói gì cả. Điểm yếu nhất trong kế hoạch của tôi là gì?” Bị thách thức, Hiệp quay lại trò hỏi đáp quen thuộc, “Điểm yếu nhất của anh, anh Diệm, là không có phương tiện nào để đạt được bảy mục tiêu của mình. Nhưng một lần nữa, đó cũng có thể là điểm mạnh nhất của anh.” Diệm mỉm cười với vẻ thấu hiểu thầm kín trong khi những người khác, ít quen thuộc với những lời dạy của Ngô Đình Khả, không chắc họ đã nghe đúng lời cô.

*

Sau bữa trưa, Diệm rủ Hiệp đi dạo trong vườn. Mùa vải thiều ở Huế bao giờ cũng đến muộn. Họ cầm vài quả vải trên tay, vừa đi vừa bóc lớp vỏ thô ráp, ném thử lớp thịt trong suốt tuyệt vời bên trong. Quả vải không chỉ ngon mà hương vị còn đọng lại trong miệng hàng giờ liền.

Diệm hỏi: “Giải thích cho anh nghe những gì cô nói lúc nãy trong buổi họp.” Hiệp lắc đầu cười: “Anh đã hiểu em trong buổi họp

rồi. Nếu anh không hiểu, anh đã hỏi ngay từ đầu rồi.” Diệm chế giễu, chấp tay trước ngực, vẻ cầu nguyện: “Xin hãy nói cho tôi biết.”

Hiệp ngồi xuống ghế, Diệm đứng bên cạnh chờ đợi. Hiệp nói: “Anh đã nói bảy mục tiêu lớn, nhưng do sự việc, mục tiêu của anh đã đạt được một nửa rồi.” Diệm cau mày, tỏ vẻ phản đối những gì cô vừa nói, nhưng không nói một lời.

Hiệp nói tiếp: “Các anh chẳng có gì gọi là của riêng mình cả. Các anh không có quân đội, không có ngân khố, không có đồng minh đáng tin cậy, và các anh phải đối mặt với những người cộng sản đã thắng trận, với người Pháp vẫn chiếm đóng lãnh thổ và kiểm soát ngân khố cũng như quân đội của chúng ta, với những tên lãnh chúa đã cướp bóc lãnh thổ và kiểm soát ngân khố, và với quân đội của chúng ta, những tên cướp sông đang kiểm soát Cảnh sát Quốc gia của các anh. Các anh chẳng sở hữu gì cả. Các anh hoàn toàn dễ bị tổn thương.”

Diệm cười buồn. “Tôi đã biết rõ điều đó rồi. Sao cô lại muốn xát muối vào vết thương của tôi?” Hiệp lắc đầu: “Anh dùng sai từ rồi. Em không xát muối vào vết thương của anh, đơn giản vì việc biết được điểm yếu của anh không thực sự làm anh bận tâm.”

Diệm gật đầu: “Cô nói đúng. Biết như vậy tôi chẳng bận tâm.” Hiệp tiếp tục: “Các anh đang đối mặt với cộng sản. Chúng là những kẻ thù mạnh mẽ. Nhưng chính vì chúng đã thể hiện sức mạnh của mình, nên tất cả mọi người, kể cả Trung Quốc, đều muốn làm suy yếu chúng. Bởi vì chúng quá mạnh, nên hôm nay các anh sẽ thấy những đồng minh ngày xưa quay sang giúp đỡ các anh.

“Anh nói về sự hiện diện của Pháp như thể sự hiện diện đó có thể tồn tại lâu dài. Tất nhiên là có nguy cơ điều đó xảy ra. Nhưng nếu các Anh chơi đúng bài, người Mỹ, thấy rằng các anh không có cách nào để loại bỏ sự hiện diện của Pháp, sẽ can thiệp và giúp các anh trục xuất quân Pháp. Họ sẽ không làm điều đó vì họ thích các anh, mà vì họ muốn có một sự hiện diện nhất định ở Việt Nam.

“Nếu quân Pháp không còn ở đây nữa, hoặc nếu người Mỹ thành công trong việc làm suy yếu quyền lực của Pháp ở Việt Nam, thì quân đội của các anh sẽ là của các anh, ngân khố của các anh sẽ là của các anh, và Lãnh địa Hoàng gia sẽ không còn là của Pháp nữa.

“Về phần các giáo phái, các anh trông yếu đến mức nhiều lãnh chúa không coi các anh là mối đe dọa lớn nhất. Họ sẵn sàng liên minh với anh, đối đầu với những lãnh chúa khác

mà họ cho là kẻ thù nguy hiểm nhất. Dù sao đi nữa, Nhu vẫn luôn tích cực tiếp xúc với tất cả các giáo phái. Điều đó sẽ giúp ích.

“Bọn cướp sông là mối nguy hiểm lớn nhất đối với anh. Chúng có thể giết anh bất cứ lúc nào. Nhưng vì chúng quá chắc chắn rằng chúng có thể giết anh bất cứ lúc nào, nên chúng sẽ không hành động ngay lập tức, và chúng sẽ cho anh thời gian để thiết lập các tiểu đoàn trung thành của riêng mình. Và khi chúng thấy anh đang làm gì, thì đã quá muộn đối với chúng.”

Diệm ngồi xuống cạnh Hiệp. Bà chưa bao giờ đi đâu cả, chưa bao giờ đọc một cuốn sách về chiến lược, chưa bao giờ gặp một lãnh chúa nào, chưa bao giờ nói chuyện với một vị tướng Pháp nào, vậy mà bà đã tóm tắt được suy nghĩ của ông trong một giây. Ông nói, “Cha đã dạy anh quá nhiều. Nếu những người cộng sản biết anh học được bao nhiêu từ Cha, họ đã loại bỏ anh khi họ vẫn còn kiểm soát Huế.”

Hiệp đứng dậy. Cô nói: “Nhu là điểm mạnh của anh, cũng là điểm yếu của anh. Lệ Xuân là một tài sản, nhưng cô ta có thể biến mọi thứ anh xây dựng thành tro bụi. Hãy gần gũi cô ấy, giúp cô ấy đạt được ước mơ, nhưng đừng mềm lòng với cô ấy. Cũng đừng mềm lòng với Nhu.”

Diệm hỏi: “Còn Cần thì sao?” Hiệp cúi đầu suy nghĩ một lúc rồi đáp: “Cần thông minh hơn tất cả chúng ta cộng lại. Nhưng cậu ấy đã suy sụp vì cái chết của anh Khôi. Cậu ấy quá đau đớn, quá phẫn nộ. Anh không bao giờ có thể kiểm soát được cậu ấy. Nhưng cậu ấy yêu anh và sẽ làm việc ngày đêm vì anh.”

Diệm lắc đầu: “Tôi không bao giờ hiểu được cậu ấy. Cậu ấy giống như một sức mạnh của tự nhiên. Cậu ấy có thể dễ dàng làm tổn thương chính mình và những người thân thiết. Đồng thời, cậu ấy có một trái tim rộng lượng, và rất nhạy cảm, nên bất cứ điều gì chúng ta nói với cậu ấy đều có thể thực sự làm cậu ấy tổn thương nghiêm trọng. Chúng ta sẽ làm gì với cậu ấy đây?” Hiệp bỏ đi mà không trả lời câu hỏi của Diệm.

*

Buổi chiều, Diệm muốn anh em mình tập trung vào những việc cần làm nhanh chóng, trong vòng một trăm ngày tới.

Diệm nói với Ngô Đình Luyện: “Xin hãy đáp chuyến bay đầu tiên đến Geneva và báo bác sĩ Độ lên án mạnh mẽ việc chia cắt đất nước chúng ta. Ông ấy cũng phải lên án bất kỳ phần nào của Hiệp định mà người Pháp đã đồng ý mà không có bất kỳ sự tham vấn nghiêm túc nào với chúng ta. Ông ấy sẽ lên

án các phương thức được thiết lập để thống nhất hai miền.”

Luyện đáp: “Anh biết rằng việc lên án như vậy sẽ không ngăn cản việc ký kết Hiệp định.” Diệm gật đầu: “Nếu chúng ta từ chối ký Hiệp định, tôi hiểu họ vẫn sẽ ký. Nhưng nếu chúng ta không ký Hiệp định, họ sẽ không ràng buộc chúng ta về mặt pháp lý. Điều đó sẽ cho phép chúng ta linh hoạt hơn để xoay xở trong tương lai.”

Ông quay sang Nhu: “Tối nay chú hãy trở về Sài Gòn. Hãy bảo đảm rằng các sắp xếp để chào đón và hỗ trợ những người tị nạn từ phía bắc khu vực phân định đã sẵn sàng.” Nhu hỏi: “Anh dự kiến có bao nhiêu người tị nạn?” Diệm trầm ngâm, rồi nói: “Tôi dự kiến nhiều người sẽ bỏ phiếu bằng chân. Tôi nghĩ ít nhất ba trăm ngàn người sẽ đến từ miền Bắc.”

Thục nói: “Dường như một số lượng lớn người Công giáo ở miền Bắc sẽ di cư vào Nam.” Diệm gật đầu: “Khi đó, số lượng người tị nạn có thể dễ dàng lên tới nửa triệu.”

Nhu lắc đầu: “Khi đó, số lượng của họ sẽ vượt quá khả năng của chúng ta.” Diệm đồng ý: “Vâng, tôi dự kiến rằng chúng ta sẽ bị áp đảo. Nhưng hoàn cảnh của những người tị nạn đó sẽ đến mức cộng đồng quốc tế sẽ phải phản ứng.” Nhu hỏi: “Với vấn đề người tị

nạn, khi nào chúng ta mới có thời gian để thực hiện bảy mục tiêu của ông?”

Diệm dường như đã suy nghĩ thấu đáo vấn đề này. Ông ta vẫy tay, “Tôi sẽ bổ nhiệm một Tổng Ủy viên về Người tị nạn. Ông ta sẽ mang hàm Bộ trưởng, và cũng sẽ là Chủ tịch Hội đồng Điều phối Liên Bộ. Chúng ta sẽ cho ông ta toàn quyền quyết định. Điều đó sẽ giúp chúng ta thoát khỏi vấn đề tiếp nhận và tái định cư người tị nạn, đồng thời cho phép chúng ta tập trung vào các ưu tiên quốc gia khác.”

Ông ta ngẫm nghĩ một lát rồi nói tiếp: “Nhu, chú phải bắt đầu tham vấn với tất cả các giáo phái và các lãnh chúa. Chúng ta sẽ cải tổ nội các trong vài tháng nữa và mở rộng nó, biến nó thành một nội các liên minh. Sau đó, thật không may, nó sẽ bao gồm cả những kẻ thù tiềm tàng. Quyết định sẽ không được đưa ra trong các cuộc họp nội các. Cần nói đúng. Chúng ta không thể giữ ông Chương làm Quốc vụ khanh. Tôi nghĩ chú nên chuẩn bị cơ sở để ông ấy được cử sang Washington làm Đại sứ của chúng ta.” Nhu gật đầu. Ông ta trông có vẻ nhẹ nhõm.

Diệm nói: “Nhiều thứ sẽ phụ thuộc vào thái độ của Mỹ lúc này. Chúng ta không muốn được giải phóng khỏi Pháp mà chỉ muốn bị

Mỹ thống trị. Ngay từ đầu, chúng ta phải nói rõ với người Mỹ rằng chúng ta sẵn sàng chào đón một liên minh với họ, nhưng sẽ không dung túng bất kỳ nỗ lực thống trị nào từ họ.”

Diệm nhanh chóng kết thúc và nói: “Trong khi các anh Thục, Luyện và Nhu phải trở về Sài Gòn hôm nay, tôi sẽ ở lại đây thêm một ngày nữa. Tôi muốn nghe thêm từ Cần và các chị em của chúng ta.”

*

Ngày hôm sau, Diệm dành thời gian với Cần, cố gắng hiểu anh ta. Cần tiếp tục làm Diệm kinh ngạc với trí nhớ bách khoa của mình. Diệm biết rằng mạng sống của mình phụ thuộc phần lớn vào sự chuẩn bị của Cần. Cần đã bí mật tuyển mộ sĩ quan và hạ sĩ quan của ít nhất hai tiểu đoàn có thể được điều động nhanh chóng đến Sài Gòn. Đó là vũ khí bí mật của Diệm. Hai tiểu đoàn đó, mà không một kẻ thù nào của Diệm biết đến sự tồn tại, sẽ tạo ra sự khác biệt đáng kể.

Họ dành thời gian lo liệu hậu cần cho việc di chuyển các tiểu đoàn: vận chuyển, vũ khí và đạn dược. Cần trấn an Diệm: “Đến lúc anh cần bảo vệ và lực lượng tấn công, chúng ta sẽ có ít nhất bốn tiểu đoàn sẵn sàng.” Diệm nhìn Cần. Em trai anh không bao giờ khoe khoang. Cậu ấy sẽ hoàn thành những gì đã hứa. Cậu

ấy đã làm việc chăm chỉ, xây dựng lực lượng quân sự này mà không cần bất kỳ sự giúp đỡ nào. Diệm lắc đầu và nói với Cẩn: “Chú nên làm Thủ tướng, chứ không phải anh.”

Cẩn phớt lờ lời nhận xét của Diệm. Ông nói: “Hình như chị Hiệp đã làm anh hơi bối rối chiều hôm qua.” Diệm gật đầu. Suốt buổi chiều, trong khi ông nói, ánh mắt ông cứ hướng về phía bà, tìm kiếm sự đồng tình, tìm kiếm những câu hỏi của bà. Bà ngồi đó, chăm chú lắng nghe, nhưng không nói gì.

Cẩn hỏi: “Chị ấy có giải thích cho anh hiểu ý chị ấy khi nói rằng điểm yếu nhất của anh cũng chính là điểm mạnh nhất của anh không?” Diệm gật đầu. Cẩn trầm ngâm rồi tự nhủ: “Đôi khi, em có cảm giác như cha đang nói chuyện với chị ấy. Ngay cả cử chỉ của chị ấy lúc đó cũng giống như cha vậy.” Diệm lại gật đầu. Cẩn nói với Diệm: “Vậy thì anh đi thăm chị ấy lần nữa đi. Em biết cha Thuận đang ở nhà chị ấy. Đã lâu rồi anh không gặp cậu ấy.” Diệm không cần thêm lời khuyến khích nào nữa. Ông lấy mũ và bước ra ngoài dưới ánh nắng chói chang.

Tuy nhà mẹ ông và nhà Hiệp chỉ cách nhau hai trăm mét, nhưng ông được rất nhiều phụ tá và vệ sĩ đi trước và đi sau. Khi còn là Thượng thư năm 1933, ông được phân công

hai vệ sĩ và một tài xế. Thật khác biệt! Ông bước đi nhanh nhẹn, buộc một số người trong đoàn hộ tống phải chạy theo mới theo kịp.

Hiệp đang đợi ông ở cổng, được báo trước qua điện thoại rằng ông sẽ sớm đến. Diệm cười, nhận ra rằng mình không thể làm bà ngạc nhiên với chuyến thăm của mình. Ông giơ tay lên, “Đó là cuộc sống hiện đại của các em. Tôi định làm các em bất ngờ, nhưng các phụ tá của tôi thấy dùng điện thoại báo cho các em biết là tôi sẽ đến thì hợp lý hơn.”

Ấm và Thuận đứng ở cửa, trong khi các con nhỏ hơn đang đợi Diệm bên trong. Diệm, vốn quen với việc có các con của Nhu bên cạnh, cảm thấy hơi hối hận vì đã không dành thời gian cho các con của Hiệp suốt những năm qua. Ông ngồi xuống, gọi đúng tên từng đứa cháu trai và cháu gái, hỏi thăm chúng về việc học hành và bạn bè. Khi các con nhỏ đã đi hết, Diệm ở lại trò chuyện với Thuận và Niệm, hai người con lớn nhất của Hiệp.

Diệm rất kính trọng Thuận, và thỉnh thoảng mời ông đến Sài Gòn để làm lễ cầu nguyện cho ông tại Dinh. Niệm, người đã không gặp Diệm trong bốn năm qua, nói rằng ông muốn Niệm đến Sài Gòn và dành thời gian với ông. Cả hai đều nhận lời.

Ấm đột nhiên nói: “Tôi nghĩ cậu Diệm và

mẹ các con cần nói chuyện. Chúng ta nên rời khỏi họ ngay bây giờ.” Diệm xua tay phản đối: “Không, tôi không có bí mật gì với gia đình. Ba người ở lại đây với chúng tôi nhé.” Ông quay sang Hiệp và nhận xét: “Em chẳng nói gì trong buổi họp chiều hôm qua cả.”

Hiệp mỉm cười: “Em choáng ngợp trước khối lượng công việc khổng lồ trước mắt. Việc tiếp nhận và tái định cư nửa triệu người tị nạn sẽ cần hàng tỷ đồng. Như anh đã nói, cộng đồng quốc tế, đặc biệt là Mỹ và Pháp sẽ giúp đỡ. Nhưng anh sẽ tái định cư họ ở đâu? Anh tìm đất ở đâu cho người tị nạn nông thôn? Những khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam? Người tị nạn sẽ hòa nhập thế nào vào cộng đồng miền Nam? Liệu có xung đột giữa người tị nạn và cư dân địa phương không?”

Diệm nhìn bà, chìm đắm trong suy nghĩ của riêng mình. Hiệp tiếp tục: “Tuy nhiên, cuối cùng, họ có thể là tài sản lớn nhất của anh. Họ sẽ trân trọng mọi điều anh làm cho họ, họ sẽ biết ơn, và sẽ trở thành một trong những lực lượng ủng hộ anh. Anh sẽ cần họ, vì giờ đây anh chỉ còn người dân Huế và Vĩnh Long ủng hộ anh.” Diệm gật đầu, “Ở Huế, nhờ công lao của Cần, còn ở Vĩnh Long, nhờ uy tín của anh Thục. Nhưng anh gần như không có

sự ủng hộ nào ở Sài Gòn, thủ đô.” Hiệp hỏi, “Đó là lý do tại sao anh quyết định tái định cư phần lớn người tị nạn gần Sài Gòn?” Diệm ngẩng đầu lên. Dĩ nhiên, bà lại đúng. Ông ta có thể tái định cư nửa triệu người ở đâu, nếu không phải trong khu rừng rậm trải dài từ Xuân Lộc đến Hồ Nai, ngay cửa ngõ Sài Gòn?

Ông hỏi: “Hôm qua, trong vườn, cô có nhắc đến bọn cướp sông Bình Xuyên là mối nguy hiểm cấp bách nhất. Theo cô, những mối nguy hiểm khác là gì?” Hiệp nhún vai: “Anh biết rõ hơn em. Bất kỳ kẻ thù nào của anh cũng có thể sớm ném đá đầu tiên vào anh, rồi những kẻ khác sẽ nối gót. Các chính trị gia thì chậm chạp, nhưng các chỉ huy quân sự và các lãnh chúa thì không kiên nhẫn. Cha nói: ‘Với lưỡi lê, anh có thể làm được nhiều việc, ngoại trừ việc ngồi lên chúng.’”

Diệm cười, thấy hình ảnh này thật buồn cười. Ông suy nghĩ một lúc rồi nói: “Trong số những người thiếu kiên nhẫn nhất có Tướng Lê Văn Viễn, thủ lĩnh Bình Xuyên, rồi Tướng Nguyễn Văn Hinh, Tham mưu trưởng Lục quân của tôi.” Hiệp nhận xét: “Tướng Hinh không biết mình muốn gì. Ông ta là kẻ mạnh nhất trong số kẻ thù của các anh, nhưng ông ta lại không chắc nên quy phục hay chiến đấu với các anh. Ông ta là người dễ bị lừa. Các

anh sẽ phải tiếp tục làm ông ta bối rối, khiến ông ta mất bình tĩnh, khiến ông ta dao động cho đến khi tìm ra cách loại bỏ ông ta. Ngược lại, Viễn đã sẵn sàng chiến đấu với các anh ngay từ ngày đầu. Ông ta phải chiến đấu với các anh, bởi vì ông ta biết rằng các anh là người có đức hạnh và ông ta là thủ lĩnh của một đế chế tệ nạn. Ông ta phải chiến đấu với các anh vì ông ta biết các anh muốn cảnh sát quốc gia, hiện đang nằm dưới quyền kiểm soát của ông ta, chiến đấu với tệ nạn, chứ không phải bảo vệ chúng.”

Diệm nói: “Theo những gì cô nói, một cuộc chiến chống lại Tướng Viễn và bọn cướp sông của ông ta là không thể tránh khỏi.” Hiệp gật đầu đồng ý. Diệm cau mày suy nghĩ một lúc rồi kêu lên trong đau khổ: “Tôi không muốn đổ máu. Tôi không thể chịu đựng được đổ máu.”

Hiệp nhìn ông ta, cảm thấy thương hại cho ông ta, và ước gì bà có thể dự đoán một giải pháp hòa bình hơn cho vấn đề Bình Xuyên. Cuối cùng, bà nói: “Em cũng không thể chịu đựng được cảnh đổ máu. Nhưng dù sao thì em cũng đã tránh xa chính trị rồi.”

Diệm trông có vẻ buồn bã. Ông hỏi tương: “Cha cứ nhắc tôi nhớ đến Tôn Tử, ‘Trăm trận trăm thắng chưa phải là đỉnh cao của công

phu. Thu phục kẻ thù mà không cần đánh mới là đỉnh cao của công phu.’ Hôm qua, nghe cô nói cứ như thể ông nghĩ rằng có thể thắng tất cả mà không cần đánh vậy.”

Hiệp lắc đầu: “Không, em nói anh đã thắng được một nửa trận chiến với tất cả kẻ thù mà không cần đánh. Nhưng anh có thể bị buộc phải đánh; đầu tiên là cướp sông, sau đó là một số lãnh chúa trước khi tất cả kết thúc. Tất nhiên, em biết anh sẽ cố gắng hết sức để tránh giao tranh và tránh thương vong. Anh có lòng trước được khả năng phải dùng vũ lực không?”

Diệm cúi đầu. Ông nói: “Vào phút cuối cùng, trước khi cha mất, lần đầu tiên trong đời, cha đã nghĩ đến đấu tranh vũ trang để giải phóng đất nước. Đấu tranh vũ trang đồng nghĩa với thương vong cho cả hai bên. Đánh Pháp, khi không còn lựa chọn nào khác, là điều có thể nghĩ đến. Giờ đây, tôi có thể phải dùng vũ lực chống lại chính đồng bào của mình.”

Hiệp hỏi thẳng thừng: “Vậy khi anh và anh Khôi quyết định thuyết phục Hoàng đế Bảo Đại đánh Việt Minh, chẳng phải anh đã đồng ý đánh những người Việt Nam khác sao?” Diệm tái mặt. Ông ta trông sững sờ. Ông ta kêu lên phản đối: “Không, hoàn toàn không

phải như vậy. Cả anh Khôi và tôi đều nghĩ rằng với tất cả quân chính quy, Vệ binh Quốc gia, lực lượng cảnh sát được trang bị vũ khí Nhật Bản, Hoàng đế Bảo Đại có thể buộc Việt Minh thừa nhận sự yếu kém về quân sự của họ và đàm phán với ông ta.”

Hiệp cảm thấy thương hại cho anh trai mình. Giờ đây, ông là người đứng đầu một đất nước, với một lãnh thổ tan hoang. Các băng nhóm vũ trang chiếm giữ những lãnh địa ngày càng rộng lớn hơn và lực lượng cảnh sát của ông ta nằm dưới sự kiểm soát của một đế chế tham nhũng. Ông muốn tái lập trật tự và toàn vẹn quốc gia, nhưng ông vẫn chưa sẵn sàng vượt qua nỗi e ngại phải đổ dù chỉ một giọt máu.

Hiệp đã có thể thấy trước kết quả. Chắc chắn, ông sẽ sớm bị các cố vấn ép buộc phải hành động quân sự. Tuy nhiên, mỗi lần phải dùng đến vũ lực, ông đều làm vậy với nỗi đau khổ tột cùng. Cuối cùng, kẻ thù sẽ học cách lợi dụng nỗi sợ đổ máu của ông.

Bản thân bà cũng vậy, giống như cha của họ trước đây. Tất cả các anh trai của bà đều hành động như thể họ có thể lao vào bất kỳ cuộc chiến đẫm máu nào khi cần thiết, nhưng họ chưa bao giờ thực sự sẵn sàng cho điều đó. Trong thời chiến, bà nói, kẻ thù của họ sẽ

sớm nhìn thấy lỗ hổng trên áo giáp của họ và sẽ lợi dụng nó.

Hiệp tự hỏi liệu Diệm có đang nghĩ theo hướng đó không. Bà thấy ông càng lúc càng bận tâm khi bà nói chuyện. Giờ đây, ông ngồi đó, suy tư. Ông bước ra khỏi sự im lặng và nói với Hiệp: “Chúng tôi đã lên kế hoạch cho một trăm ngày tới. Sau thời hạn đó, tôi muốn cô về Sài Gòn để cùng chúng tôi xem xét kết quả và đánh giá tiến độ.”

Hiệp lắc đầu, “Không, anh Diệm. Em không về Sài Gòn. Chỗ của em là ở đây với gia đình em, và với mẹ. Anh sẽ có lời khuyên của Thục, Nhu, Luyện và Lệ Xuân. Gia đình xung quanh anh đã đủ rồi.”

Diệm không chấp nhận lời từ chối của bà. Ông nói, “Để xem. Lời mời của tôi vẫn dành cho em, và dĩ nhiên là cả Ấm nữa.” Gật đầu với Thuận và Niệm, ông nói, “Lời mời đó cũng dành cho hai cháu, và các em trai em gái của cháu nữa.” Khi bà tiễn Diệm ra cổng, Hiệp nói, “Sức mạnh của em nằm ở lời cầu nguyện và đức tin của em. Đừng để những vấn đề nhất thời làm em nản lòng. Chúa sẽ chỉ đường cho em.” Diệm mỉm cười trìu mến với em gái. Ông nhấn mạnh, “Anh rất mong được chào đón em ở Sài Gòn.” Hiệp mỉm cười nhưng không nói gì, dù theo cách này hay

cách khác. Một lần nữa Diệm cảm thấy bình yên trong lòng. Ông nhìn lên bầu trời xanh trong vắt và nhanh chóng bước về nhà mẹ, giữa đoàn hộ tống đông đảo.

CHƯƠNG HAI MƯƠI THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH

Hiệp định Geneva được ký kết vào ngày 20 tháng 4 năm 1954. Hiệp định chia Việt Nam thành hai miền và ấn định đường ranh giới tại vĩ tuyến 17. Hiệp định đặt ra thời hạn cho việc rút quân của các lực lượng đối lập về khu vực của mình, và cho phép người dân được tự do di chuyển giữa hai miền trong vòng ba trăm ngày tiếp theo. Trong Tuyên bố chung kèm theo Hiệp định, có ghi rõ rằng tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7 năm 1956 để thống nhất hai miền.

Diệm gọi ngày này là *Ngày Ô Nhục*. Trong khi ở Geneva, bác sĩ Trần Văn Độ đã phản đối việc từ bỏ các vùng lãnh thổ vẫn do Quân đội Quốc gia chiếm đóng cho cộng sản, và việc công bố, mà không tham vấn trước với phái đoàn Việt Nam, về cuộc tổng tuyển cử dự kiến vào tháng 7 năm 1956.

Được Diệm ủy quyền, ông tuyên bố rằng

Nam Việt Nam hoan nghênh các sáng kiến hòa bình và sẽ không sử dụng lực lượng vũ trang để phản đối việc áp dụng Hiệp định, mặc dù Hiệp định không đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Việt Nam.

Tại Geneva, Chu Ân Lai lại mời Luyện đến ăn tối vào ngày 22 tháng 4, cùng với Phạm Văn Đồng, hai ngày sau khi Hiệp định Geneva được ký kết. Lần này, trước sự chứng kiến của Phạm Văn Đồng, Chu Ân Lai nói với Luyện rằng ông được phép chính thức mời Nam Việt Nam thành lập Đại sứ quán tại Bắc Kinh, bất cứ lúc nào trong tương lai gần.

Khi được nghe về lời mời, Diệm cho rằng tình hữu nghị với Mỹ quan trọng hơn sự ve vãn của Trung Quốc. Nếu ông nhận lời mời mở Đại sứ quán tại Bắc Kinh và lợi dụng sự rạn nứt giữa Trung Quốc Cộng sản và Bắc Việt Nam, lịch sử có thể đã rẽ sang một hướng hoàn toàn khác.

*

Có lẽ vì những cảm xúc mạnh mẽ mà bà đã trải qua trong vài tuần qua, bà Ngô Đình Khả cảm thấy không khỏe. Hiệp và Hoàng dành nhiều giờ bên mẹ, và thỉnh thoảng, ra khỏi phòng ngủ của bà để trò chuyện cùng nhau. Hoàng rất hào hứng với Diệm và Nhu, nhưng lại lo lắng về sự yếu đuối của Diệm.

Hiệp chưa bao giờ nói chuyện chính trị với Hoàng cho đến gần đây. Cô hối hận vì đã không làm vậy sớm hơn. Hoàng làm bà bật cười, ngay cả khi bà nói về những chủ đề nghiêm túc nhất. Bà ấy là người bất kính, gần như bất kính như Giao; chị cả của họ đã từng như vậy khi bà còn sống.

Kể từ chuyến thăm của Diệm, Cần đã làm việc chăm chỉ. Ông gặp gỡ các nhà lãnh đạo dân sự và quân sự mỗi ngày. Ông ngồi với họ, thảo luận đến tận khuya. Hoàng nhận xét, “Với tất cả sự tinh tường của họ, anh em Diệm và Nhu sẽ không thể tồn tại nếu không có Cần.” Hai chị em tránh mặt Cần, không muốn làm anh xao nhãng công việc. Nhưng Cần luôn ghé qua chào hỏi và trấn an họ rằng mọi việc đang diễn ra theo đúng kế hoạch.

Có lần, Cần dường như có chút thời gian rảnh. Ông ngừng nói chuyện với các chị em. Ông nói, “Khi anh Diệm đến Sài Gòn, Nhu đã sắp xếp cho bố vợ đi Washington. Để thêm phần hấp dẫn, Nhu đề nghị bà Chương làm Quan sát viên Thường trực tại Liên Hợp Quốc, ở New York.”

Ông chờ đợi phản ứng nhưng không thấy. Ông phải đưa ra lời bình luận của riêng mình, “Cứ như vậy đi, thưa bà Trần Nam, ôi, xin lỗi, bà Chương, người được bầu làm

Thượng nghị sĩ Liên hiệp Pháp vào tháng Hai năm ngoái, cùng với một số thành phần thân Pháp, giờ đã trở thành Đại diện của chúng tôi tại Liên Hợp Quốc. Em nói cho chị biết, em không còn tin tưởng anh Nhu nữa, nhất là trong việc xử lý gia đình Lê Xuân.”

Ông quay đi, nhưng vì công bằng, ông nói thêm, “Về những vấn đề khác, anh ấy đã làm khá tốt. Anh ấy và Lansdale đã bắt đầu đàm phán với các lãnh chúa và các giáo phái. Anh Diệm cần họ im lặng lúc này, vì anh ấy muốn giải quyết Tướng Nguyễn Văn Hình trước.”

Hiệp hỏi: “Còn Hoàng đế thì sao? Ông ấy có hoàn toàn ủng hộ anh Diệm không?” Cẩn nhún vai: “Chị biết Bảo Đại rồi đấy. Ông ấy sẽ không bao giờ ủng hộ anh Diệm hết mình đâu. Tướng Hình trước đây là Phụ tá Quân sự của ông ấy. Ông ấy cũng là con trai của cựu Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm, vẫn là một trong những người thân tín của Bảo Đại. Người Pháp đang ủng hộ Hình hết mình. Xét đến tất cả những điều đó, nếu Bảo Đại phải lựa chọn giữa Hình và anh Diệm, chắc chắn ông ta sẽ chọn Hình.”

Hiệp nói: “Tôi nghe nói Hoàng hậu Nam Phương đã hứa sẽ ủng hộ anh Diệm hết mình.” Cẩn gật đầu: “Vâng, chắc chắn rồi. Nhưng lúc này, bà ấy không thể đến gặp Hoàng đế. Bảo

Đại đang ngày càng công khai sống chung với Hoàng phi Mộng Điệp.”

Hiệp muốn hiểu rõ hơn tình hình nên tiếp tục: “Theo những gì cậu nói, tôi cho rằng mối nguy hiểm lớn nhất đối với anh Diệm không phải từ Tướng Hình, mà là từ chính Hoàng đế.”

Cẩn lắc đầu: “Nếu anh Diệm làm tốt ở Việt Nam, nếu anh ấy kiểm soát được tình hình, Hoàng đế không thể sa thải anh ấy. Vị Quốc trưởng vắng mặt không thể tuyên bố có quyền lực hơn Thủ tướng mà ông ấy đã trao toàn quyền. Nhưng nếu Tướng Lê Văn Viễn liên kết với Tướng Hình, thì tình hình có thể trở nên rất nguy hiểm.”

Cẩn ngập ngừng một chút rồi nói thêm: “Chỉ thấy đấy, mặc dù Hoàng đế nhận được khoản tiền hàng tháng từ người Pháp, có lẽ hơn năm triệu đồng một tháng, nhưng ông ta lại phụ thuộc rất nhiều vào sự hào phóng của Tướng Lê Văn Viễn, người kiếm được rất bộn tiền từ các sòng bạc, các ổ thuốc phiện và các tụ điểm mại dâm. Khi anh Diệm tấn công Tướng Viễn, anh ấy sẽ phá hủy một nguồn thu nhập chính của Hoàng đế.”

Hiệp nói: “Dù có nguy hiểm hay không, anh Diệm cũng phải chấm dứt nỗi ô nhục khủng khiếp này.” Cả Hoàng và Cẩn đều gật

đầu đồng tình. Hiệp hỏi: “Lúc này anh Diệm có gặp nguy hiểm gì không?” Cần mỉm cười: “Chị vẫn hỏi ngay cả khi đã biết câu trả lời, giống như cha vậy. Tất nhiên, tính mạng của anh ấy đang gặp nguy hiểm. Đó là lý do tại sao tôi đang làm việc cật lực để đảm bảo anh ấy sống sót.”

*

Ba ngày trước lễ kỷ niệm ngày cưới năm đó, Hiệp và Ấm nhận được một cuộc gọi từ Diệm, ông ta khẳng khăng đòi họ đến Sài Gòn để ăn mừng cùng ông ta. Hiệp thận trọng nói rằng bà sẽ không đến Dinh Độc Lập để tham gia bất kỳ buổi tổng kết nào về 100 ngày đầu tiên cầm quyền của Diệm. Diệm cười và nói rằng ông đã nắm quyền hơn bốn tháng, và việc tổng kết 100 ngày đầu tiên đã xong.

Hiệp và Ấm đồng ý đến Sài Gòn vài ngày nhưng nói rằng họ sẽ ở lại nhà Nhu, bên ngoài Dinh. Diệm đồng ý. Ông nói, “Mọi người sẽ ở đây tại Sài Gòn, để ăn mừng với các vị, ngoại trừ Cần. Chú ấy nói rằng chú ấy rất tiếc, nhưng hiện tại chú ấy có quá nhiều việc phải làm. Tôi biết các vị sẽ thông cảm cho chú ấy. Nhưng anh Thục và em Luyện sẽ có mặt tại đây, và dĩ nhiên là tôi và em Nhu cũng sẽ có mặt.”

*

Vào ngày họ đến Sài Gòn, họ phát hiện ra Tướng Nguyễn Văn Linh đã rời đi Pháp. Đó là chiến thắng lớn đầu tiên của Diệm. Bất chấp tất cả những nghi ngại của mình, Hiệp muốn biết thêm về cuộc xung đột giữa anh trai mình và vị tướng trẻ, và kết quả cuối cùng của nó.

Sau khi dỡ đồ đạc được một nửa tại biệt thự của Nhu, Hiệp và Ấm đi thẳng đến Dinh Độc Lập bằng chiếc xe mà Diệm đã chuẩn bị cho họ.

Dinh, trước đây được gọi là *Palais Norodom*, được các Toàn quyền Pháp sử dụng trong nhiều thập kỷ, đã được trả lại cho Diệm vào tháng 9. Diệm đã đổi tên thành Dinh Độc Lập. Khi Diệm và Hiệp đến, Diệm đã ở trên bãi cỏ, sốt ruột chờ đợi họ.

Diệm trông có vẻ vui vẻ và không hề có dấu hiệu chán nản. Hiệp ngạc nhiên, vì cô đã nghe tin về nỗi đau khổ của ông vào cuối tháng 10. Một số người đã đến thăm Diệm vào đầu tháng 11 đã nói với cô rằng Diệm rất buồn trước tình hình đến mức muốn từ chức.

Diệm đưa Hiệp và Ấm đi tham quan khắp nơi, chỉ cho họ tất cả các tầng và các dãy phòng khác nhau trong Dinh, lúng túng đóng vai trò chủ nhà. Ông xin lỗi, nói rằng, “Thông thường, cô Nhu đóng vai trò chủ nhà. Nhưng

cô ấy đã rất chán nản kể từ sự cố không vui hồi tháng 10. Các em sẽ gặp cô ấy sau, vào bữa tối.” Hiệp gật đầu nhưng không nói gì. Diệm nhìn bà với vẻ nghi hoặc: “Cô biết hết chuyện xảy ra rồi sao?” Hiệp lắc đầu, nhưng vẫn thừa nhận: “Cậu Cần có kể sơ qua với em, nhưng cậu ấy không biết phản ứng của anh khi nghe tin những người chết.”

Diệm dẫn họ trở lại vườn, và khi họ đi, Diệm thở dài và nói, “Đó là lỗi của cô Nhu. Cô ấy đã tổ chức cuộc biểu tình lớn đó mà không báo trước cho tôi. Tại sao cô ấy lại làm vậy? Tại sao cô ấy lại nghĩ rằng chúng ta cần biểu tình chống Pháp lúc đó? Có phải là chống lại bọn cướp sông Bình Xuyên không... Đám đông biểu tình đã đến Quảng trường Chợ Trung tâm Sài Gòn khi cảnh sát, theo lệnh của Bình Xuyên, nổ súng. Sáu người biểu tình đã thiệt mạng, một số người khác bị thương...”

Giờ Diệm trông có vẻ đau khổ. Hiệp hỏi ông, “Anh có cảm thấy mình có trách nhiệm về những cái chết đó không?” Diệm nắm chặt tay và trả lời, “Tất nhiên là tôi có!” Hiệp hỏi lại, “Anh có tin rằng anh là nguyên nhân chính gây ra những cái chết đó không?” Diệm nhìn bà một lúc lâu. Rồi ông cúi đầu và thì thầm, “Tôi có trách nhiệm.” Hiệp lắc đầu, “Chừng nào anh còn tiếp tục nghĩ rằng mình

là nguyên nhân chính gây ra những cái chết đó, anh sẽ không đủ nỗ lực để tìm ra những kẻ giết người.” Diệm kêu lên, “Những người biểu tình đang ở ngoài kia hô vang khẩu hiệu ủng hộ tôi. Họ không được báo trước rằng họ sẽ gặp nguy hiểm. Rồi súng nổ và họ chết.” Hiệp lắc đầu, “Trong khi anh và Lệ Xuân tự trách mình về cái chết của họ, găm nhăm trái tim mình, thì những kẻ giết người của họ lại được tự do.”

Diệm nói gần như giận dữ, “Đó là Nhu nói, không phải anh.” Hiệp nói nhỏ nhẹ nhất có thể, “Này, anh mời Ấm và em đến đây dự lễ kỷ niệm của chúng ta, hứa với chúng em rằng chúng ta sẽ không nói về chính trị... Nhưng điều chúng ta đang thảo luận bây giờ không phải là về chính trị, mà là về anh. Đó là về việc đặt mọi thứ vào đúng vị trí của chúng. Bữa tối.”

Diệm mỉm cười, “Làm ơn, hãy hỏi tôi những câu hỏi.” Hiệp hỏi câu hỏi đầu tiên, “Anh có coi vụ việc này là một cuộc giao tranh nhỏ, cuộc giao tranh chết người đầu tiên trong cuộc chiến mà anh sẽ phải tiến hành chống lại Bình Xuyên không?” Diệm nói, “Vâng, tôi coi những cái chết đó là cái đầu tiên trong số nhiều cái chết khác sẽ xảy ra.” Hiệp nhắc nhở ông: “Ở Huế, anh tỏ ra

đau khổ khi em nói với anh rằng anh sẽ phải đối mặt với chiến trận và đổ máu. Bây giờ anh đã sẵn sàng hơn trước để chấp nhận bạo lực và thương vong chưa?”

Diệm đáp: “Ngay sau sự việc, tôi tự nhủ rằng mình không đủ bản lĩnh để dẫn dắt mọi người vào trận chiến và chứng kiến một số người chết. Đó là lý do tại sao tôi nghiêm túc cân nhắc việc từ chức.”

Hiệp nhìn Diệm một phút, rồi quay đi và nói: “Em ghét đổ máu, có lẽ hơn anh gấp trăm lần, nên em sẽ không yêu cầu anh ở lại chiến đấu. Em chỉ muốn anh nhìn rõ bản thân mình trước khi đưa ra một quyết định không thể thay đổi. Em đã hỏi anh một câu hỏi, và anh vẫn chưa trả lời.”

Diệm lắc đầu: “Không, Hiệp, bây giờ anh cũng chẳng sẵn sàng hơn lúc chúng ta nói chuyện ở Huế, bốn tháng trước. Anh vẫn chưa chắc chắn. Anh đoán rằng nếu vì anh mà một cuộc thảm sát lớn xảy ra tối nay, thì đến ngày mai anh có thể đã từ chức.”

Hiệp muốn khóc, nói: “Vậy thì em cho anh thêm một lý do nữa để từ chức: Giờ đây, tất cả kẻ thù của anh, cả trong lẫn ngoài nước, đều biết rằng anh không còn khả năng nhìn thấy người của mình, thậm chí kẻ thù của anh cũng sẽ chết. Chúng sẽ dùng điều đó để

chống lại anh. Anh đã bị diệt vong nếu anh còn ở lại.”

Diệm im lặng một lúc lâu. Ánh đèn sáng rực trên khuôn viên Dinh vẫn sáng lên trong bóng tối đang dần buông xuống. Họ tiếp tục bước đi, cho đến khi Diệm dừng lại và nói: “Nếu tôi rời đi, thì chuyện gì sẽ xảy ra?” Hiệp cười: “Đó là câu hỏi của em. Tối nay anh không có quyền hỏi. Xin hãy trả lời.” Diệm nói: “Nếu tôi rời đi bây giờ, đất nước sẽ tiếp tục mục nát, có thể còn mục nát hơn trước. Người Pháp sẽ tiếp tục chiếm đóng lãnh thổ của chúng ta, rồi đến tháng 7 năm 1956, tức là trong vòng hai năm nữa, toàn bộ đất nước sẽ nằm dưới sự kiểm soát của cộng sản.”

Hiệp hỏi: “Bao nhiêu người sẽ mất mạng trong các cuộc chiến giữa các lãnh chúa từ nay đến tháng 7 năm 1956?” Diệm nhún vai, “Hàng ngàn, hàng chục ngàn người, có thể.” Hiệp tiếp tục, “Những người bỏ phiếu bằng chân, những người từ miền Bắc đến đây, và những người phản đối, những người sẽ tiếp tục chống lại chủ nghĩa cộng sản, bao nhiêu người trong số họ sẽ chết vào năm 1956?” Diệm nói, “Nhiều lắm. Số còn lại sẽ thối rữa trong nhà tù cộng sản.”

Hiệp tiếp tục hỏi: “Anh nghĩ rằng nếu anh ở lại, anh sẽ giảm bớt đau khổ cho nhân dân

và số người chết và tù binh sao?” Diệm thừa nhận: “Vâng, tôi sẽ có thể giảm bớt số người chết. Vâng, tôi sẽ có thể giảm bớt đau khổ cho nhân dân.” Hiệp vẫn khẳng định: “Vâng, anh nghĩ anh nên ở lại sao?” Diệm lại lắc đầu và nói: “Có thể.” Hiệp không hề nao núng; cô hỏi: “Nếu anh ở lại, anh có nghĩ rằng anh làm vậy vì anh theo đuổi một lý tưởng chính đáng không?” Diệm gật đầu.

Hiệp kết luận: “Vậy thì, anh sẽ phải từ chức!” Diệm và Ấm sửng sốt. Diệm phản đối: “Tôi không hiểu kết luận của cô.” Hiệp trách mắng: “Không, không đúng đâu, anh Diệm. Anh hiểu em rất rõ. Lúc này, anh vẫn chưa quyết định được liệu anh có thể đối mặt với việc đưa quân ra trận và gây thương vong cho cả hai bên hay không. Trên cả những cân nhắc chính trị. Đó là điều Cha đã dạy chúng ta. Nhưng điều đó cũng khiến anh không đủ tư cách để cai trị vào lúc này.”

Diệm không trả lời. Những lời Hiệp nói chính xác đến nỗi Diệm tràn ngập nỗi đau và sự thất vọng. Nhưng như một con sóng lớn, nỗi đau và sự thất vọng nhanh chóng lắng xuống và ông chỉ cảm thấy một sự bình yên lớn lao trong lòng. Cuối cùng, ông hỏi Hiệp: “Cô thực sự tin rằng tôi phải từ chức sao?” Hiệp, cố gắng thẳng thắn nhất có thể, trả lời:

“Vâng, em thực sự tin rằng anh phải từ chức, trừ khi anh có thể chấp nhận những đòi hỏi của trách nhiệm của mình.”

Đêm nóng nực và ẩm ướt. Ngay cả vào tháng 11, Sài Gòn vẫn nóng như lò nướng. Nhưng Diệm đột nhiên cảm thấy mình biết mình phải làm gì bây giờ. Ông cảm thấy như một gánh nặng đã được trút bỏ khỏi ngực. Giờ đây ông có thể thở dễ dàng hơn. Với niềm vui thực sự, ông quay sang Ấm và Hiệp và đề nghị: “Bây giờ, chúng ta vào nhà ăn nhé.”

*

Hiệp và Ấm không biết rằng Thục đã đến. Ngài sẽ làm lễ vào ngày hôm sau để làm lễ tái lập lời thề hôn nhân của họ. Nhưng ngài đã không xuất hiện cho đến khi Diệm, Ấm và bà đến phòng ăn. Luyện, người vừa trở về từ Paris, đã thò đầu ra khỏi văn phòng để chào đón họ khi Diệm dẫn họ đi tham quan vào buổi chiều. Hiệp đã nhất quyết dành thời gian cho anh ta, hỏi thăm anh ta về các con và Marie. Hiệp chưa bao giờ gặp Marie, vợ mới của Luyện và là em gái của người vợ quá cố Lucie. Anh ta đã kết hôn với cô ấy ba năm trước đó. Việc nhắc đến tên Marie đã mang lại niềm vui rạng rỡ trên khuôn mặt Luyện.

Lucie đã mất ở Paris năm năm trước đó, và Luyện nghĩ rằng anh ta sẽ phát điên. Marie,

em gái của Lucie, đã chăm sóc Luyện trở lại cuộc sống. Hiệp đã nghe nói về sự giản dị và tính cách mạnh mẽ của Marie. Cô rất nóng lòng muốn có cơ hội làm quen với người em dâu mới của mình.

Luyện hứa sẽ rủ Marie trở lại Việt Nam vào một thời điểm nào đó trong vài tháng tới. Diệm phải kéo Hiệp ra khỏi văn phòng của Luyện, nói với bà rằng ông đã giao cho Luyện một việc gấp để hoàn thành.

Ấm và Hiệp đã không gặp Nhu và Lệ Xuân suốt buổi chiều. Vậy là cuối cùng họ cũng gặp nhau trong phòng ăn. Hiệp nhận thấy Lệ Xuân vô cùng buồn bã, trong khi Nhu thỉnh thoảng lại nhìn vợ với vẻ lo lắng mà không nói gì. Trên bàn ăn, Thục là người nói nhiều nhất, trong khi Diệm, Nhu, Luyện, Hiệp và Ấm lắng nghe. Lệ Xuân thậm chí còn không giả vờ lắng nghe những gì Thục nói.

Hiệp có cảm giác Thục đang cố gắng lấp đầy khoảng trống bằng giọng nói của mình, dường như sợ rằng nếu anh ta ngừng nói, sẽ có rất ít cuộc trò chuyện quanh bàn ăn. Giờ đây, Hiệp có thể thấy rằng không chỉ Nhu mà cả Thục và Diệm thỉnh thoảng cũng liếc nhìn Lệ Xuân với ánh mắt lo lắng.

Sau khi bữa tối kết thúc, những người đàn ông xuống lầu để thăm văn phòng của

Diệm, và Hiệp theo Lệ Xuân đến phòng của cô ở cánh trái của Dinh. Ngay khi họ đến phòng cô và cô đã đóng cửa lại sau lưng họ, Lệ Xuân ném mình lên ghế sofa và bắt đầu khóc. Hiệp đứng đó nhìn bất lực. “Hồi nhỏ Lệ Xuân học trường Pháp,” Hiệp nghĩ, “Chắc nó mong mình đến ôm nó vào lòng và an ủi nó.” Nhưng Hiệp không bao giờ làm được điều đó. Cách nuôi dạy đã dạy bà phải biết kiềm chế cảm xúc. Vậy nên bà đứng đó, cố gắng tượng tượng ra những vấn đề của Nhu với vợ. Bà biết Nhu cũng sẽ ngần ngại thể hiện tình cảm và cảm xúc của mình như vậy. Chỉ riêng điều đó thôi cũng đủ tạo nên những rắc rối không đáng có giữa hai người.

Một lúc sau, Lệ Xuân ngừng khóc, lấy khăn tay lau nước mắt rồi hỏi: “Chị biết chuyện gì đã xảy ra với cuộc biểu tình em tổ chức tháng trước không?” Hiệp gật đầu. Lệ Xuân hiểu rằng mình đã bàn bạc chi tiết với Diệm rồi, nên hỏi: “Anh có trách em về những cái chết này không?”

Hiệp lắc đầu: “Anh Diệm trách cô vì không báo trước cho anh ấy về cuộc biểu tình, không bàn bạc với anh ấy về mục đích và sự cần thiết của cuộc biểu tình, nhưng anh ấy không trách cô về những cái chết này. Anh ấy tự trách mình.”

Lệ Xuân than thở: “Tự trách mình là anh ấy đang lên án em. Chị không thấy sao? Em mới là người trực tiếp chịu trách nhiệm.” Bà đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, nói: “Từ Huế, em biết mình đã không tạo được ấn tượng tốt khi cha em được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Ngoại giao; vì vậy, ngay khi chúng em trở về Sài Gòn, với sự chấp thuận trước của anh Diệm, em và Nhu đã đề xuất với cha em để ông tiếp quản Đại sứ quán ở Washington. Ý tưởng quan trọng là được ra vào Dinh thự hàng ngày. Ông ấy nói rằng ông ấy sẽ bị thiệt thòi nếu đến Washington.”

Lệ Xuân bước nhanh hơn, vừa đi vừa vẩy chiếc quạt gỗ đàn hương, mặc dù căn phòng hoàn toàn mát mẻ. Bà nói tiếp: “Lúc đó, anh Diệm nảy ra một ý tưởng tuyệt vời: tại sao không cho mẹ em một việc gì đó để làm ở New York. Chức vụ Quan sát viên Thường trực ở New York, khi Nam Việt Nam không có thành viên trong bất kỳ cơ quan nào của Liên Hợp Quốc. Đó không phải là giấc mơ lớn lao của mẹ em. Nhưng nó lại hấp dẫn bà. Vì vậy, bà đã thuyết phục cha em đến Washington.”

Lệ Xuân ngồi xuống một cách nặng nề và nói: “Em nghĩ rằng sự ra đi của cha mẹ em sẽ xoa dịu chú Cẩn. Nhưng hoàn toàn không, chú ấy đã gửi một bức điện cho Nhu, nói rằng

chú ấy không còn tin tưởng vào những lời hứa của Nhu nữa. Chú ấy nói rằng bằng cách bổ nhiệm mẹ em vào vị trí ở New York, chúng em đã cho thế giới thấy rằng thực chất đó là gia đình họ Trần. Hãy tưởng tượng xem Nhu đã tức giận với em khủng khiếp như thế nào. Trong nhiều ngày, anh ấy thậm chí không nói với em một lời nào.

Hiệp xen vào, “Cần tức giận vì cậu ấy không biết ý tưởng bổ nhiệm mẹ cô là của anh Diệm. Tại sao Nhu không nói với Cần?” Lệ Xuân lắc đầu, “Chị nghĩ rằng nếu Nhu nói với Cần về nguồn gốc của ý tưởng đó, thì Cần có tin không? Tất nhiên là không! Điều đó sẽ khiến Cần càng tức giận với Nhu và em hơn.”

Hiệp thúc giục bà, “Chuyện gì đã xảy ra tiếp theo?” Lệ Xuân mỉm cười: “Trong khi chúng em đang giải quyết xung đột gia đình đó, Tướng Hình, với sự hậu thuẫn của Pháp, đã sử dụng Đài phát thanh Quân đội để lăng mạ anh Diệm, Nhu và em ngày đêm. Ông ta cho xe tăng diễu hành, chỉ cách Dinh thự hai trăm thước. Như một tên côn đồ, ông ta đi xe máy vòng quanh Dinh thự và nói rằng ông ta đã dọa chúng em chết khiếp. “Ông ta thậm chí còn lên kế hoạch đảo chính. Nhu và Lansdale đã ngăn chặn. Nhưng Hình và Đài Phát thanh Quân đội vẫn tiếp tục lăng mạ

anh Diệm. Người Pháp ngày càng công khai đứng về phía Tướng Hình.

“Em muốn làm điều gì đó để giúp đỡ. Em muốn chứng minh giá trị của mình với tất cả các anh chị em. Em muốn chứng minh rằng em xứng đáng với tình yêu thương và sự tôn trọng của các anh chị em. Em đã tổ chức một cuộc biểu tình rất lớn. Nó được tổ chức tốt, với sự tham gia của hàng chục ngàn người. Sau đó, tiếng súng nổ ra ở Quảng trường Chợ Trung tâm, và em lại bị chứng minh là sai một lần nữa.”

Hiệp hỏi: “Những người biểu tình là ủng hộ anh Diệm, chống lại người Pháp và Tướng Hình, chứ không phải chống lại Tướng Lê Văn Viễn hay Bình Xuyên. Vậy mà những người nổ súng vào họ lại là những người tấn công cảnh sát theo lệnh của Bình Xuyên, phải không? Cô có thể cho tôi biết tại sao Bình Xuyên lại can thiệp không?”

Lệ Xuân nhún vai: “Tướng Lê Văn Viễn biết rõ rằng nếu Tướng Hình bị đánh bại, ông ta sẽ bị suy yếu. Ông biết rằng việc giữ Tướng Hình tại vị là rất quan trọng đối với ông. Ngoài ra, ông cần phải chứng tỏ mình trung thành với người Pháp, những người đang bị những người biểu tình la ó. Ông biết mình sẽ cần sự hỗ trợ của Pháp vào lúc đó.”

Hiệp hỏi: “Kể từ khi cuộc biểu tình kết thúc bằng đổ máu, bề ngoài chẳng có gì thay đổi. Tại sao Tướng Hinh lại quyết định rời đi? Tại sao ông ta lại chấp nhận thất bại dễ dàng như vậy?” Lê Xuân trả lời: “Bốn tiểu đoàn từ Huế đã đến, và hai tiểu đoàn khác từ Nam Trung Bộ đang trên đường đến Sài Gòn. Họ đều là những quân lính trung thành, được chỉ huy bởi các sĩ quan đã tuyên thệ trung thành với anh Diệm. Tướng Hinh là một sĩ quan Không quân Pháp. Ông chưa từng chỉ huy bất kỳ lực lượng bộ binh nào trước đây. Đối mặt với một đội quân thực sự, ông đã rất sợ hãi. Thực tế, cán cân lực lượng đã nghiêng về phía anh Diệm. Hoàng đế Bảo Đại và người Pháp cũng nhận thấy điều đó. Trong cơn vội vã, người Pháp yêu cầu Hoàng đế triệu tập Tướng Hinh về Paris. Hinh đã rời đi hôm qua. Ông biết rằng nếu ông đi, ông sẽ không bao giờ có thể quay lại, nhưng ông vẫn đi. Ông không còn là mối nguy hiểm cho anh Diệm nữa.

Hiệp nói: “Đó là chiến thắng đầu tiên của anh Diệm.” Bà cân nhắc lời nói cẩn thận, rồi nói: “Tôi muốn cô biết điều này. Tôi không trách cô về những gì đã xảy ra ở Quảng trường Chợ Trung tâm. Sau vụ nổ súng, anh Diệm muốn từ chức vì anh ấy thấy rằng nếu anh ấy vẫn nắm quyền, anh ấy sẽ cảm thấy

có trách nhiệm với nhiều cái chết hơn trong tương lai. Ý nghĩ đó vẫn còn đó.”

Lệ Xuân kêu lên: “Em bắt đầu hiểu ra vấn đề khi em đi biểu tình về. Anh ấy nhìn em như thể em là người lạ.”

Hiệp nói tiếp: “Tôi không biết cô có biết hay không, nhưng anh Thực, chồng tôi và Luyện cũng cảm thấy như vậy. Tôi chưa nói chuyện với bất kỳ ai trong số họ, nhưng tôi chắc chắn họ cũng có cùng mối lo ngại.” Hiệp tiến lại gần Lệ Xuân và nói thêm: “Chúng tôi được cha mẹ nuôi dạy theo những nguyên tắc nhất định. Cha tôi, ngay cả khi chỉ huy quân đội triều đình ở Quảng Bình năm 1886, cũng không muốn đổ máu. Ông đã gửi lương thực và nhu yếu phẩm cho dân quân Cần Vương đang cố thủ trên núi, yêu cầu họ trở về đồng bằng. Năm 1930, sau khi Phụ chính Nguyễn Hữu Bài phát động chiến dịch tiêu diệt nghĩa quân cộng sản, trong khi người Pháp và các quan lại khác đang dùng vũ lực để đánh và diệt cộng sản, anh trai tôi là Khôi và Diệm đã dùng biện pháp hòa bình để lập lại hòa bình ở các tỉnh của họ.”

Lệ Xuân thốt lên: “Vậy thì làm sao anh Diệm có thể nắm được tình hình hiện tại? Người ta đang rình rập để giết anh ấy. Kẻ thù của anh ấy không ngần ngại đổ máu.”

Hiệp gật đầu: “Bao nhiêu năm nay, chúng tôi vẫn chấp nhận đấu tranh vũ trang, vậy mà đến tháng trước vẫn chưa thấy xác chết nào. Chuyện xảy ra như một lời cảnh tỉnh. Tôi hy vọng giờ đây dù quyết định đi hay ở, anh Diệm sẽ quyết định một cách sáng suốt.”

Lệ Xuân nhìn Hiệp hồi lâu. Cô chưa gặp Hiệp cho đến lần gặp cuối cùng ở Huế. Giờ cô đã nhận thức được sức mạnh của Hiệp. Cô hỏi: “Anh Diệm sẽ quyết định ở lại hay sẽ từ chức?” Hiệp lắc đầu đáp: “Cuối buổi nói chuyện chiều nay, anh ấy vẫn chưa quyết định. Nhưng không hiểu sao, tôi cảm thấy anh ấy sẽ ở lại.”

Nhanh như có điều gì thôi thúc, Lệ Xuân nói: “Em muốn có chị làm đồng minh, làm chiến hữu.” Hiệp nhìn em dâu với vẻ ngạc nhiên: “Chị không chỉ là đồng minh. Chị là chị dâu của cô. Chúng ta là gia đình.”

Lệ Xuân giải thích: “Em hiểu điều đó, và xin hãy tin em, em rất trân trọng điều đó. Em thấy ở Huế, chị... ít nhất chị cũng ngang hàng với các anh em của mình. Khi chúng em trở về Sài Gòn, em đã hỏi Nhu về chị. Lần đầu tiên, anh ấy kể cho em nghe về tuổi thơ của chị, và chị đã học được bao nhiêu điều từ cha mình. Em rất biết ơn khi chị nói rằng em chưa bao giờ ngờ rằng chị là người tâm phúc

được anh Diệm yêu mến, rằng anh ấy thường xuyên tìm đến lời khuyên của chị.”

Hiệp xua tay, “Nghe này, Lê Xuân, giờ tôi hiểu ý cô rồi. Tôi không, chắc chắn là không hứng thú với chính trị. Tôi quyết định như vậy, không phải vì tôi là phụ nữ, mà vì tôi không được nuôi dạy để trở thành chính trị gia. Tôi không có khuynh hướng làm chính trị gia. Tôi đã chơi trò hỏi đáp với cha tôi, với Công tước Phước Môn, Nguyễn Hữu Bài, và với ông ấy, khi còn nhỏ, tôi chưa bao giờ khuyên nhủ anh Diệm. Tôi giúp anh ấy nhìn rõ hơn những gì anh ấy muốn, chỉ vậy thôi.”

Hiệp ngập ngừng trước khi nói thêm, “Còn cô, cô có đủ phẩm chất và sự giáo dục để trở thành một chính trị gia, và còn rất giỏi nữa. Nhưng có lẽ cô hơi đi trước thời đại một chút.”

Hiệp mỉm cười tự nhủ. Cô không ngại nhắc lại ý kiến của chị em mình, Hoàng. Cô đã suy nghĩ về nhận xét của Hoàng trong nhiều tháng. Cô tin rằng Lê Xuân chắc chắn đã đi trước thời đại. Cô chúc Lê Xuân ngủ ngon, và không còn lo lắng gì về chị dâu nữa, cô xuống lầu, thẳng đến văn phòng của Diệm để gặp những người đàn ông.

*

Khi Hiệp bước vào, những người đàn ông

ngượng ngùng đứng dậy. Việc đứng lên bảo vệ một người phụ nữ không phải là điều thường thấy trong quy tắc ứng xử của người Việt Nam. Ấm, vì tình yêu dành cho cô hơn là mong muốn tuân theo các chuẩn mực hiện đại, đã dần dần hình thành thói quen đó. Nhu đã học được cách làm như vậy ở Pháp, và với vợ mình. Luyện cư xử tự nhiên như một người đàn ông Pháp, nhưng Thục và Diễm hoàn toàn không thành thạo với phép lịch sự của người châu Âu đối với phụ nữ, mặc dù cả hai đều đã từng ở nước ngoài. Việc đứng dậy khi một người phụ nữ bước vào dường như vẫn tốn công sức. Trong lúc cả hai còn do dự, Ấm, Nhu và Luyện bắt chước thái độ của họ, và chỉ khi cả Diễm và Thục đều đứng dậy, họ mới đứng dậy.

Hiệp mỉm cười và ngồi xuống một trong những chiếc ghế gỗ chạm khắc và sơn mài khá khó chịu, giống như tất cả những người khác. Diễm không để ý đến chiếc ghế bành xa hoa, thoải mái hơn phía sau chiếc bàn lớn của mình mà ngồi xuống cùng mọi người. Diễm tự rót trà. Ông đợi Hiệp nhấp ngụm đầu tiên rồi mới hỏi: “Cô Nhu dạo này thế nào?”

Bà ngược lên và thấy Nhu đang nhìn mình chăm chú. Hiệp nghĩ: “Cậu ấy yêu cô ấy biết bao”. Bà lắc đầu và nói: “Anh và những người

khác nói với tôi rằng cô ấy bị trầm cảm, nhưng tôi không thấy dấu hiệu nào của bệnh trầm cảm. Cô ấy bị đổ lỗi cho kết quả của cuộc biểu tình, và cảm thấy mình bị đối xử bất công. Nhưng điều thực sự khiến cô ấy đau khổ là việc anh vẫn chưa quyết định có nên tiếp tục chiến đấu hay không.”

Diệm mỉm cười: “Cô đã lên lầu giải thích hành vi của chúng ta với cô ấy rồi, phải không?” Hiệp không trả lời. Cô liếc nhìn thấy vẻ mặt của Nhu đã tươi tỉnh trở lại. Ông hỏi: “Hai người đã bàn bạc chuyện gì vậy?” Giọng ông có chút khẩn trương kỳ lạ. Hiệp thẳng thắn trả lời: “Tất nhiên là cuộc biểu tình, lý do cô ta tổ chức, kết quả ra sao. Chúng tôi cũng đã thảo luận về Tướng Hình; hay đúng hơn là cô ta đã tóm tắt cho tôi về những gì đã xảy ra với Tướng Hình. Cô ta nói rằng cán cân lực lượng mới đang nghiêng về phía anh và Hình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận lưu vong.”

Nhu kêu lên: “Cô ta, người chưa bao giờ nói được hai chữ nào kể từ cuộc biểu tình, vậy mà lại nói chuyện với chị về tất cả những điều đó sao?” Cả ông và Diệm đều thực sự ngạc nhiên. Đến lượt Hiệp hỏi: “Ý cậu là đây là lần đầu tiên cô ta nói chuyện kể từ sau vụ việc?” Cả Nhu và Diệm đều gật đầu. Ngay cả

Thục cũng xác nhận: “Cô ta đã tự xây tường bao quanh mình sau vụ nổ súng. Khi em theo cô ta vào phòng, chúng tôi cũng không nghĩ cô ta sẽ nói chuyện với em.”

Hiệp đáp: “Nhưng cô ta đã nói. Tôi mừng vì cô ta đã phá vỡ sự im lặng. Bây giờ, hãy kể cho em nghe những gì các anh đã thảo luận khi tôi ở trên lầu.” Diệm tuyên bố: “Trong vòng một tuần, tôi sẽ đơn phương tuyên bố thời hạn rút toàn bộ quân Pháp khỏi lãnh thổ của chúng ta.” Hiệp xúc động đến rơi nước mắt. Bà nghĩ, giờ cha sẽ mừng lắm. Quân Pháp sẽ không còn chiếm đóng đất nước ta nữa. Thật là một hành động táo bạo! Bà hỏi Diệm: “Anh sẽ làm gì nếu Pháp từ chối thời hạn của anh? Nếu họ đáp trả bằng cách dùng quân đội chiếm hết các tòa nhà chính phủ Việt Nam, bắt anh và đày anh sang Pháp thì sao?”

Diệm tự tin trả lời: “Điều đó sẽ không xảy ra. Họ sẽ không bắt sống tôi. Các tiểu đoàn của tôi sẽ chiến đấu đến chết. Các đơn vị khác cũng sẽ tham gia chiến đấu.”

Trong giây lát, Hiệp thực sự kinh ngạc. Bà nghĩ: “Đây có phải là người đàn ông chỉ hai giờ trước còn đau khổ vì nghĩ đến đổ máu không?” Rồi bà tự nhắc mình rằng Diệm đã chấp nhận khả năng đấu tranh vũ trang chống lại người Pháp từ lâu.

Bà phản đối: “Theo thuật ngữ của Lê Xuân, trong bất kỳ cuộc đối đầu nào với người Pháp, cán cân lực lượng sẽ nghiêng hẳn về phía Pháp. Họ vẫn còn 200.000 quân được trang bị tốt, được huấn luyện chiến đấu ở Việt Nam. Hiện tại, anh chỉ có thể trông cậy vào tối đa sáu tiểu đoàn.”

Diệm gật đầu. Khi nói, vẻ mặt ông trở nên u ám: “Vâng, cô nói đúng. Trong trường hợp xung đột vũ trang, quân Pháp sẽ đông hơn chúng ta ít nhất mười lần. Nhưng sẽ không có xung đột vũ trang nào cả. Sau Điện Biên Phủ, quân đội Pháp trong một thời gian dài sẽ chỉ có lợi cho các cuộc diễu hành, diễn tập và phô trương sức mạnh tổng hợp. Và chính phủ nắm rõ tình hình của chúng.”

Hiệp đáp: “Vậy là anh đang trông chờ một chiến thắng nữa mà không cần phải giao chiến sao?” Diệm khẳng định: “Đúng vậy. Tiếc là chúng ta sẽ không thể đạt được chiến thắng tương tự trước Bình Xuyên.”

Hiệp chờ Diệm nói tiếp, nhưng ông đã ngừng nói. Thực xen vào: “Chú Diệm giờ đây đang phải đối mặt với câu hỏi đạo đức và thực tiễn là liệu chú có sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm của một cuộc nội chiến hay không.” Hiệp nhận xét: “Anh ấy vẫn đang gặp khó khăn trong việc đưa ra quyết định, phải không? Tuy

nhiên, nếu anh ấy không quyết định sớm, các sự kiện sẽ quyết định thay anh ấy.”

Nhu đáp: “Cô nói đúng. Chúng ta đang nhanh chóng trượt vào nội chiến. Tôi thấy trước một cuộc giao tranh lớn sẽ diễn ra trong vòng vài tuần nữa, muộn nhất là vậy. Tôi muốn biết liệu chúng ta sẽ chuẩn bị cho trận chiến, hay chúng ta sẽ để cho Bình Xuyên bất ngờ ập đến. Lựa chọn duy nhất còn lại là anh Diệm phải từ chức.”

Diệm dường như đang chìm đắm trong suy nghĩ, lơ đãng lắng nghe những gì mọi người đang nói. Cuối cùng, ông nói: “Tôi sẽ không từ chức. Độc lập dân tộc cần đạt được. Thống nhất và toàn vẹn dân tộc cần khôi phục. Chúng ta sẽ không để Bình Xuyên bất ngờ ập đến. Chúng ta sẽ chuẩn bị cho trận chiến, ngay lập tức.”

Một khoảng lặng dài bao trùm sau khi ông nói xong. Trong sự tĩnh lặng, Hiệp cảm thấy mọi người trong phòng đang cầu nguyện. Bà biết rằng họ vừa cùng nhau trải qua một trong những khoảnh khắc quan trọng nhất của cuộc đời.

Hai ngày sau lễ kỷ niệm ngày cưới của họ. Hiệp và Ấm đến Dinh Độc Lập để chào tạm biệt gia đình Nhu và Diệm, trước khi họ đáp chuyến bay trở về Huế. Cả Thục và Luyện đều

đã trở về công việc, Thục ở Vĩnh Long, còn Luyện ở Paris.

Sau khi gặp Nhu và Lệ Xuân, họ xuống lầu chờ, vì Diệm đang hội đàm với Tướng Ely, Tổng Tư lệnh kiêm Cao ủy Pháp, và Tướng Lawton Collins, tân phái viên Mỹ, sứ giả riêng của Tổng thống Eisenhower.

Cuối cùng, những vị khách cũng rời đi, và Diệm mời họ vào văn phòng. Ông nói: “Xin thứ lỗi vì đã để các vị chờ. Tôi phải gặp hai Nữ tu Bác ái.” Hiệp ngạc nhiên. Cô hỏi: “Nữ tu Bác ái nào? Tôi chỉ thấy hai vị tướng bước ra khỏi văn phòng của các vị. Nhân viên của các vị nói với tôi rằng đó là Tướng Ely và Tướng Collins.” Diệm cười, “Tôi gọi họ là Nữ Tu Bác Ái vì họ luôn tụ họp, giống như các nữ tu khác. Họ nói chuyện với tôi nhẹ nhàng, khẳng khẳng rằng họ chỉ đưa ra những đề xuất vì lợi ích của tôi, giống như các nữ tu khác. Họ rao giảng, giống như các nữ tu khác. Nhưng họ sẽ không làm việc bác ái. Họ muốn tôi đồng ý với những đề xuất của họ, và nếu tôi chống đối, họ sẽ đe dọa tôi bằng những hậu quả thảm khốc.”

Hiệp lo lắng: “Em hiểu là anh không thể trông cậy vào người Pháp. Nhưng nghe anh nói, em phải đoán là anh cũng không thể trông cậy vào người Mỹ.” Diệm cười hơi cay

đăng: “Người Mỹ đã viện trợ kinh tế cho Việt Nam, nhưng họ vẫn hợp tác rất chặt chẽ với người Pháp. Ngay cả Đại sứ Heath cũng đã sang Pháp gặp Hoàng đế, rồi quay lại đây ép tôi đưa Tướng Nguyễn Văn Xuân vào nội các. Ông ta đến đây cùng Tướng Ely và không chịu rời đi cho đến khi tôi đồng ý.”

Diệm dừng lại, châm một điếu thuốc khác. Rồi ông nói tiếp: “Tình hình bây giờ tệ hơn rồi. Tướng Lawton Collins và Tướng Ely là bạn cũ. Họ đến đây để gây áp lực buộc tôi phải mở rộng Nội các một lần nữa. Nếu tôi nghe lời họ, tôi sẽ có bốn mươi Bộ trưởng. Lần này tôi sẽ không chấp nhận đề xuất của họ.”

Hiệp hỏi: “Anh có thấy vấn đề lớn nào sắp xảy ra với người Mỹ không?” Diệm gật đầu: “Cả Ely và Collins đều muốn quyết định việc lựa chọn Tham mưu trưởng Lục quân tiếp theo của tôi. Tôi đã nói với họ rằng quyền lựa chọn sẽ là của tôi.”

Hiệp nhận xét: “Anh đã học được cách chống lại người Pháp, và em tin rằng anh cũng có thể xử lý được áp lực của Mỹ.” Diệm lắc đầu: “Cho đến khi chúng ta ngừng cần sự hỗ trợ của Mỹ, tôi vẫn còn gặp nguy hiểm. Người tài trợ sẽ tìm thấy nhiều bàn tay sẵn sàng nhận viện trợ nhân danh Việt Nam.” Hiệp đứng dậy: “Em cần về nhà ngay để đóng

gói. Sáng mai chúng em sẽ trở lại Huế vào sáng sớm.”

Diệm cũng đứng dậy và nói: “Ba tháng nữa chúng ta sẽ gặp lại nhau ở Huế, vào dịp kỷ niệm ba mươi năm ngày mất của Cha. Tôi muốn buổi lễ kỷ niệm đó được tổ chức long trọng. Chúng ta sẽ tưởng nhớ Cha và bàn bạc những việc còn lại. Mọi người sẽ có mặt đầy đủ. Từ giờ trở đi, Ấm và Lệ Xuân sẽ được mời đến tất cả các buổi họp gia đình. Chú Ấm có nhận lời không?” Ấm lắc đầu, “Tôi xin phép không tham gia.” Diệm mỉm cười, nhẹ nhàng thuyết phục: “Từ giờ đến ngày 26 tháng 1 năm sau, chúng ta sẽ có thời gian bàn bạc về việc tham gia của chú.”

Khi rời khỏi Dinh, Hiệp cảm thấy lo lắng. Được bảo vệ bởi một số đơn vị trung thành, ông Diệm giờ đây đã an toàn hơn trước nguy cơ bị cướp sông bắt cóc hoặc giết hại khi ở trong Dinh. Nhưng bà biết rằng nguy hiểm vẫn chưa qua. Cô biết rằng vẫn còn nhiều trận chiến phía trước cho anh trai mình, và những trận chiến trong tương lai sẽ rất đẫm máu. Hiệp biết Diệm không phải là một chính trị gia, một chính khách bình thường. Ông có lương tâm hơn tất cả mọi thứ. Bà tự nhủ: “Đó là sự vĩ đại của ông ấy, và đó cũng là điểm yếu của ông ấy.”

*

Ba tháng đã trôi qua kể từ khi họ ở Sài Gòn với Diệm. Giờ đây Diệm đã trở về Huế đón Tết Nguyên đán. Hiệp hỏi Ấm lần cuối: “Anh có ở lại với chúng tôi sau Thánh lễ không?” Ấm từ chối lời mời, nói: “Anh đã nói với anh Diệm và em nhiều lần kể từ khi chúng ta ở Sài Gòn. Không, anh không muốn dính líu đến những cuộc thảo luận chính trị của gia đình.”

Qua giọng điệu của ông, Hiệp biết ông không vui. Bà hỏi: “Anh cũng muốn em không tham gia buổi họp nữa sao?” Ấm lắc đầu: “Hôm nay là kỷ niệm 30 năm ngày mất của cha em. Hình như anh Diệm muốn báo cáo không chỉ với những người còn sống mà còn với những người đã khuất trong gia đình về những việc đã làm được và những việc còn phải làm. Vì em là em gái của anh ấy, và vì em đã được cha yêu cầu khi ông hấp hối, hãy nói chuyện với anh chị em của mình vào ngày giỗ của ông, nên em phải có mặt ở đó.”

Hiệp ngạc nhiên khi nghe Ấm nói, như thể anh đã tập dượt bài phát biểu của mình trước đó. Bà ấy tiếp tục, “Nhưng hình như anh không tán thành cách tổ chức những cuộc họp này, phải không?”

Ấm đáp lại gay gắt, “Thông thường, những

cuộc tranh luận chính trị như của em với các anh em mình nên được tổ chức trong Nội các. Tiếc là giờ đây chúng ta có một nội các liên minh bao gồm nhiều Bộ trưởng có thái độ thù địch với anh Diệm ai cũng biết. Quá trình ra quyết định đã được chuyển sang Dinh thự, trao quyền lực to lớn cho cậu Nhu và Lệ Xuân.”

Ông ngập ngừng một chút, rồi nói thêm, “Tuy nhiên, tư duy của họ quá Âu hóa, xa lạ với anh Diệm. Anh ấy không thoải mái với cách họ đưa ra kết luận. Anh ấy cho rằng họ quá logic và quá Descartes, và do đó, họ có thể bỏ lỡ thực tế Việt Nam. Anh Thục, cậu Luyện và em được anh Diệm mời đến để cho anh ấy thêm lời khuyên. Nhưng anh Thục và cậu Luyện được đào tạo ở nước ngoài. Tư duy của họ hoạt động gần giống hệt như tư duy của cậu Nhu. Vậy nên, sự hiện diện của em là cần thiết để làm đối trọng. Em đại diện cho lối suy nghĩ của cha và Công tước Phước Môn, gần giống với lối suy nghĩ của anh Diệm hơn. Em không thấy nguy hiểm sao?”

Hiệp hỏi: “Xin anh giải thích cho em biết nguy hiểm là gì.” Dù biết mình đang dẫn thân vào con đường nguy hiểm, Ấm gần như bật cười khi nghe câu hỏi của Hiệp. Giọng cô nghe giống hệt Ngô Đình Khả và Diệm. Anh

nắm tay vợ và nói: “Em chưa bao giờ thực sự muốn dính líu đến chính trị. Anh Diệm rõ ràng cần em bên cạnh. Nếu không cẩn thận, em sẽ bị cuốn vào bất chấp bản thân.”

Hiệp lắc đầu, nhưng Ấm nắm chặt tay bà hơn và buộc bà nhìn ông. Ông giải thích: “Em là con gái của cha. Đó là số mệnh của em. Em sẽ có ảnh hưởng đến anh Diệm mà không cần động tay động chân. Em không chỉ là em gái của anh ấy. Em là linh hồn của em gái anh ấy. Đó là lý do tại sao em phải cẩn thận.”

Hiệp hỏi: “Em đã làm gì sai chưa?” Ấm lắc đầu: “Không, anh chưa thấy em cố gắng tác động đến quyết định của anh Diệm. Tất cả những gì em làm chỉ là giúp anh ấy nhìn rõ hơn ý định của mình, làm rõ vấn đề cho anh ấy. Em để anh ấy tự quyết định. Nhưng thực tế là em có thể tác động đến anh ấy theo hướng tốt hoặc xấu, ngay cả trong những vấn đề lớn. Điều đó còn hấp dẫn hơn thế nữa.” Hiệp nói: “Em đã cảm nhận được nguy hiểm. Đất nước sở hữu chúng ta; chúng ta không sở hữu đất nước. Chúng ta không có mệnh lệnh từ Thiên thượng để cai trị. Chỉ có anh Diệm là được Hoàng đế sắc phong. Anh ấy đáng lẽ có thể kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài gia đình. Vậy mà, hiện tại, anh ấy lại cô đơn đến vậy. Bên ngoài Cung điện, các thế lực đã liên

kết chống lại tiếng hú của anh ấy và chuẩn bị cho cuộc tấn công dữ dội.”

Ấm khuyên: “Anh không nghĩ em nên tránh xa anh Diệm. Nhưng nếu em thực sự muốn tránh xa chính trị, xin hãy chắc chắn rằng em đừng bao giờ cố gắng tác động đến quyết định của anh ấy.”

Hiệp không trả lời. Một con chim đang hót ngoài cửa sổ. Chẳng bao lâu nữa, bà sẽ phải về nhà mẹ, gặp gỡ các anh trai và đối mặt với các vấn đề. Lúc này, bà nhắm mắt lại, tận hưởng không khí se lạnh và hương vị lễ hội đầu xuân: hương thơm thoang thoảng của hoa tươi và trái cây chín, của bánh kẹo, quần áo mới và những món quà được gói cẩn thận. Bà nói: “Hãy quên chuyện chính trị đi. Em rất vui!”

*

Năm đó, Hiệp đến dự buổi họp mặt gia đình với những bản khoản dễ hiểu. Diệm là người duyên dáng. Ông sâu sắc, hài hước và có óc phân tích. Ông kể lại hàng loạt chiến thắng đã đạt được, chỉ sau sáu tháng nắm quyền.

Ngay cả các anh chị em của ông cũng ngạc nhiên trước những thành tựu đó. Tháng 7 năm 1954, cả thế giới đã dự đoán Nam Việt Nam sẽ sụp đổ nhanh chóng. Đến tháng 1 năm 1955, tình hình đã ổn định, bất chấp

những mối đe dọa dai dẳng của Bình Xuyên và các giáo phái. Tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nổi loạn, đã bị Hoàng đế Bảo Đại buộc phải lưu vong và bị Hoàng đế Bảo Đại từ chối. Người Pháp đã không phản đối thời hạn do Diệm đặt ra để rút toàn bộ quân đội của họ khỏi lãnh thổ Việt Nam vào tháng 3 năm 1956.

Hầu hết các cơ quan quan trọng do Pháp kiểm soát đã được chuyển giao cho chính phủ Việt Nam, bao gồm Công chính, Ngân khố, tòa án, bến cảng và Học viện Quân sự.

Việc chuyển giao các tiểu đoàn trung thành đến khu vực xung quanh Sài Gòn đã hoàn tất. Những tiểu đoàn này đã đảm bảo an toàn và an ninh cho Thủ tướng, người mà vào tháng 7 năm 1954 hoàn toàn không được bảo vệ.

Diệm không hả hê về những thành tựu đạt được. Ông kể lại chi tiết hơn về những vấn đề đang diễn ra với Tướng Ely và Tướng Collins, và sự thất vọng của ông với Hoàng đế Bảo Đại. Cuối cùng, ông đã vẽ nên một bức tranh rõ ràng về cuộc đối đầu sắp tới với Bình Xuyên và các thành phần hùng mạnh của các giáo phái.

Sau đó, Diệm dự kiến rằng trong năm 1955, ông sẽ phải loại bỏ Bình Xuyên và kiểm soát lực lượng quân sự của các giáo phái, sắp

nhập chúng vào Lực lượng Vũ trang Quốc gia. Ông nói rằng trừ khi Hoàng đế Bảo Đại thể hiện sự hiểu biết hơn và ủng hộ nhiều hơn cho công việc của mình, ông sẽ phải tách mình khỏi vị Quốc trưởng vắng mặt.

Việc đề cập đến khả năng tách khỏi Bảo Đại đã gây ra một cuộc tranh luận gay gắt. Luyện, người rất quý mến Bảo Đại, người mà ông đã biết từ nhỏ, đã hỏi thẳng: “Vậy thì anh sẽ làm gì với Bảo Đại?”. Diệm cố gắng xoa dịu Luyện. “Chúng tôi sẽ tiếp tục công nhận Bảo Đại là Quốc trưởng, nhưng chúng tôi sẽ nói rõ với ông ấy rằng ông ấy chỉ là một Quốc trưởng trên danh nghĩa.”

Lệ Xuân nói: “Tôi không nghĩ những biện pháp nửa vời như vậy sẽ có ích. Sớm muộn gì Bảo Đại cũng phải bị phế truất. Nếu ông ấy vẫn tại vị, dưới bất kỳ danh hiệu chính thức nào, người Pháp và kẻ thù của chúng ta sẽ lợi dụng ông ấy để chống lại chúng ta.”

Luyện tỏ ra không hài lòng chút nào. Ông nói: “Lệ Xuân, chị mang trong mình dòng máu hoàng tộc nhà Nguyễn. Bà nội chị là một công chúa lớn. Chị là bạn thân của Bảo Đại, em họ của ông ấy. Tại sao chị lại muốn thấy triều đại nhà Nguyễn sụp đổ?”

Lệ Xuân đáp: “Không có gì là mãi mãi cả, Luyện ạ. Chị biết em rất quý Bảo Đại. Tuy

nhiên, chúng ta đang nói về chính trị quốc gia, chứ không phải về tình bạn cá nhân.”

Hiệp, người đã lắng nghe cuộc trao đổi với sự lo lắng ngày càng tăng, cuối cùng đã xen vào: “Này, chúng ta chỉ xem xét việc tách khỏi Hoàng đế như một khả năng. Sẽ có nhiều điều phải xảy ra trước khi biện pháp như vậy trở nên cần thiết. Tôi đề nghị nếu và khi nào anh Diệm buộc phải cân nhắc khả năng đó, hai người sẽ gặp lại nhau để thảo luận vấn đề này với thông tin và quan điểm mới nhất.”

Diệm nói: “Tôi ủng hộ điều đó; tuy nhiên, tôi muốn biết tại sao cô Hiệp lại nói ‘các người’ thay vì ‘chúng ta’. Chẳng phải tất cả chúng ta đều cùng chung số phận sao?”

Hiệp lắc đầu: “Cha rất rõ ràng. Khi mất, cha dặn tôi mỗi năm phải nói chuyện với tất cả mọi người một lần, chứ không phải hai lần một năm, ba lần một năm. Chồng tôi lo tôi có thể bị lôi kéo vào chính trị. Xin hãy giúp tôi tránh xa. Anh biết tôi luôn ở bên anh. Tôi không muốn tham gia Hội đồng Gia đình nữa. Tôi đã kết hôn, và là một phụ nữ đã kết hôn, tôi không còn là người Ngô Đình nữa.”

Diệm bật cười. Ông nói: “Trí nhớ của cô Hiệp rất chọn lọc. Tôi nhớ rất rõ chuyện xảy ra trong đám cưới của cô. Ông Nguyễn Văn Diệm, bố chồng cô, đã bảo Ấm và cô quỳ lạy

trước mặt mẹ và nói với cô: ‘Con mãi mãi là người Ngô Đình, cha muốn con mãi là người Ngô Đình.’”

Hoàng cũng nhấn mạnh: “Chúng tôi ở đây vì chúng tôi sống theo giấc mơ của Cha. Chị đã ở ngay trung tâm giấc mơ của Người. Khi chúng tôi còn nhỏ, Người đã đối xử với chị như một người trưởng thành. Bây giờ chị không thể rút khỏi Hội đồng Gia đình được nữa.”

Hiệp cảm nhận được ánh mắt của Hoàng và Lệ Xuân đang nhìn mình. Nếu bà rút khỏi Hội đồng Gia tộc, tư cách thành viên của họ trong đó sẽ rất mong manh. Bà nhún vai và nói, “Rồi một ngày nào đó các người sẽ hối hận vì đã quyết định giữ tôi lại Hội đồng Gia tộc.” Tất cả đều cười. Bà là người chị (em) được yêu quý nhất của mỗi người trong số họ. Trong những năm qua, bà đã đóng vai trò khó khăn của mình, xoa dịu họ, hòa giải họ với nhau. Về tuổi tác, bà hiện đứng thứ ba, chỉ sau Thục và Diệm. Đối với những người còn lại, bà là chị cả.

Sự can thiệp của bà đã thành công trong việc ngăn chặn cuộc tranh cãi gay gắt giữa Luyện và Lệ Xuân. Diệm đã tận dụng thời gian đình chiến để tiếp tục cuộc họp báo bị gián đoạn của mình.

Diệm giải thích rằng tất cả bảy mục tiêu mà ông đã đề cập sáu tháng trước đó phải được đạt được trước tháng 6 năm 1956, ngày đã được công bố cho một cuộc trưng cầu dân ý nhằm thống nhất hai miền. Ông nói rằng khó có khả năng một cuộc trưng cầu dân ý như vậy sẽ diễn ra, nhưng ông muốn miền Nam mạnh mẽ và sẵn sàng ngay cả với khả năng xa vời đó.

Sau đó, Diệm tiếp tục thảo luận về các vấn đề của quân đội tư nhân và các lãnh chúa. Ông ta nói rằng bọn cướp sông, dưới quyền Tướng Lê Văn Viễn, nên bị tiêu diệt trước. Ông ta yêu cầu Nhu tiếp tục cuộc họp. Nhu tiếp lời và giải thích rằng ông ta mong đợi Bình Xuyên dưới quyền Tướng Lê Văn Viễn sẽ tấn công trước.

Hoàng ngắt lời ông ta, “Sao chúng ta lại đợi chúng tấn công trước? Chẳng phải những kẻ tấn công trước có lợi thế về yếu tố bất ngờ sao?” Nhu suy nghĩ một lúc rồi trả lời, “Tôi cũng có quan điểm như vậy; tuy nhiên, anh Diệm thích để bọn cướp sông tấn công trước, để khi chúng ta phản công, nhân dân sẽ có nhiều khả năng đứng về phía chúng ta hơn.”

Hoàng tiếp tục, “Nhân dân sẽ đứng về phía kẻ thắng. Họ không bao giờ đứng về phía kẻ thua. Nếu muốn lấy được lòng dân, hãy là

người chiến thắng, hãy là người chiến thắng. Một cuộc tấn công bất ngờ sẽ đảm bảo rằng anh là người chiến thắng.”

Diệm đứng dậy và mời Nhu ngồi xuống. Ông ta nhìn thẳng vào Hoàng: “VẬY RA NGÀI ĐÃ ĐỌC NHỮNG GÌ PHỤ THÂN ĐỌC RỒI. TÔI CŨNG ĐÃ ĐỌC TÔN TỬ. CHÚNG TA ĐANG ĐỐI MẶT VỚI BỌN CƯỚP. Tuy nhiên, bọn cướp đó lại là băng hữu của Hoàng gia. Thủ lĩnh của chúng, người đã được phong làm tướng, nắm quyền kiểm soát cảnh sát quốc gia. Chúng cung cấp phần lớn thu nhập cá nhân của Hoàng đế. Viễn, em nuôi của Hoàng đế, làm sao chúng ta có thể tiêu diệt bọn cướp khi chúng khoác lên mình chiếc áo choàng của Hoàng đế?”

Các chị em của ông, kể cả Nhu, nhìn ông với vẻ mê mẩn. Diệm nói tiếp, “CÔ HOÀNG MUỐN TÔI TẤN CÔNG TRƯỚC. TÔI ĐÃ LÀM VẬY. TÔI ĐÃ RA LỆNH ĐÓNG CỬA SÔNG BẠC ĐẠI THẾ GIỚI MƯỜI NGÀY TRƯỚC KHI TÔI ĐẾN ĐÂY. ĐÓ LÀ NGUỒN THU NHẬP QUAN TRỌNG NHẤT CỦA BỌN CƯỚP. TÔI ĐÃ BƯỚC CHÚNG PHẢI CHIẾN ĐẤU. TÔI BIẾT CHÚNG SẼ PHẢI TẤN CÔNG TRONG VÒNG SÁU MƯƠI NGÀY TỚI. TÔI ĐÃ SẴN SÀNG CHO CHÚNG.”

Ông không ngồi xuống. Ông nhìn Hiệp một lúc lâu trước khi nói, “CÔ HIỆP, NĂM NGOÀI, VÀO THÁNG 11, CÔ ĐÃ ĐẾN SÀI GÒN. LÚC ĐÓ, TÔI ĐANG ĐẤU TRANH NỘI TÂM XEM CÓ NÊN TỪ CHỨC

hay không. Tôi đã do dự, và không chắc mình nên làm gì. Tôi đã chuẩn bị tinh thần cho trận chiến kể từ đó. Nhưng đánh Bình Xuyên nghĩa là đánh chính Hoàng đế. Tôi sẽ không bắn phát súng đầu tiên vào Hoàng đế.”

Khi Diệm ngồi xuống, Nhu nói: “Sau khi chúng ta đóng cửa Sòng bạc Đại Thế Giới ở Chợ Lớn, Bình Xuyên biết rằng sự tồn vong của họ đang bị đe dọa. Họ đã chuẩn bị các đơn vị Cảnh sát Xung kích của mình cho một cuộc ‘chiến đấu đến chết’, ngay tại Sài Gòn. Hậu quả là họ sẽ chết. Chúng ta không thể để điều này xảy ra.

“Một mặt, chúng ta sẽ xâm nhập vào các đơn vị Cảnh sát Xung kích Bình Xuyên. Nhiều thành viên của các đơn vị đó hiện đã sẵn sàng tập hợp về phía chúng ta. Mặt khác, chúng ta đang trong quá trình tổ chức Cảnh sát Thủ đô, tách biệt với Cảnh sát Quốc gia hiện đang do Bình Xuyên kiểm soát, để thúc đẩy đào ngũ hơn nữa. Những người đã đào ngũ sẽ được tuyển dụng vào Cảnh sát Thủ đô hoặc vào lực lượng Cảnh sát Đặc nhiệm.”

Diệm nói: “Mục tiêu là chia rẽ Bình Xuyên, cô lập họ khỏi các lãnh chúa và quân đội tư nhân khác, khiến người Pháp ngần ngại đứng về phía họ trong trận chiến cuối cùng, và tạo cho Hoàng đế thời gian và cơ hội để tách

mình khỏi họ.” Nhu nói thêm: “Mục tiêu cuối cùng là giành chiến thắng trong trận chiến này, đồng thời giảm thiểu tối đa thương vong cho người vô tội.”

*

Buổi chiều, cuộc thảo luận tập trung vào các đội quân tư nhân khác. Diệm không giấu giếm việc đối phó với các giáo phái và quân đội Cao Đài và Hòa Hảo sẽ khó khăn hơn nhiều so với việc đối phó với Bình Xuyên.

Nhu tiếp quản và báo cáo đầy đủ về tình hình của Cao Đài, lực lượng đang nắm giữ tỉnh Tây Ninh và phần lớn các tỉnh lân cận. Nhu nói rằng quân đội Cao Đài không phải là mối đe dọa trực tiếp. Hầu hết các tướng lĩnh Cao Đài đã đàm phán để sáp nhập các đơn vị của họ dưới sự chỉ huy của Quân đội Quốc gia. Nổi bật trong số họ là Tướng Cao Đài Trình Minh Thế, người đã trở thành bạn thân của cả Nhu và Diệm.

Các lãnh đạo Hòa Hảo là thành viên của chính phủ Diệm. Tuy nhiên, hai đội quân Hòa Hảo lớn lại có quan hệ mật thiết với Bình Xuyên. Dường như có một sự hiểu ngầm rằng nếu Diệm tấn công Bình Xuyên, các lãnh đạo của họ sẽ từ chức khỏi chính phủ, và quân đội của họ sẽ chống lại Diệm.

Diệm nói thêm, “Bản thân Hoàng đế có

quân đội riêng và thái ấp riêng. Quân đội riêng của ông ta gồm những đơn vị tinh nhuệ của Vệ binh Hoàng gia, và lãnh địa của ông ta là Lãnh địa Trung Kỳ, do Nguyễn Độ làm Phó vương.”

Hoàng thốt lên: “Có thể anh sẽ phải tiến hành một cuộc nội chiến kéo dài ba mươi năm.”

Diệm lắc đầu: “Không, thực ra tôi hy vọng sẽ loại bỏ tất cả quân đội riêng vào tháng 7 năm sau. Nếu may mắn, chúng ta thậm chí có thể hoàn thành công việc trong năm nay. Sau khi trở về Sài Gòn, tôi sẽ ngay lập tức đến Tây Ninh và nói chuyện lâu với Đức Giáo chủ Phạm Công Tắc, một lần nữa với tướng Trình Minh Thế. Tôi muốn đảm bảo rằng liên minh của chúng ta với Cao Đài được duy trì. Trong vòng một trăm ngày tới, chúng ta phải tiêu diệt Bình Xuyên, và sau đó nhanh chóng chuyển sự chú ý sang quân đội Hòa Hảo. Tôi biết họ cũng đang chuẩn bị cho trận chiến.”

Sau khi cuộc họp kết thúc, Diệm hỏi Hiệp điều gì đang làm cô ấy bận tâm. Hiệp suy nghĩ rất lâu trước khi trả lời: “Năm 1933, anh trở thành Thượng thư. Nhưng đó chỉ là một danh hiệu mà không có bất kỳ trách nhiệm thực sự nào. Người Pháp cai trị. Anh không cần phải đưa ra bất kỳ quyết định nào. Giờ đây, anh phải đưa ra hàng ngàn quyết định

mỗi ngày. Làm sao anh có thể chắc chắn rằng mình không mắc phải những sai lầm nghiêm trọng mỗi ngày?”

Diệm im lặng hồi lâu. Cuối cùng, ông nói nhỏ, gần như đang tự nói với chính mình: “Chắc chắn rồi. Tôi sẽ phạm hàng ngàn sai lầm nếu không nhận được lời khuyên tốt nhất. Tôi cũng cần rất nhiều lời cầu nguyện. Cô không thấy sao, cô? Cô không thấy rằng, với tất cả những lời nói lạc quan của tôi, tôi biết rằng mọi thứ có thể trở nên tồi tệ ngay lập tức sao?”

Khi Hiệp quay đi, Diệm nói: “Cha đã dặn cô cầu nguyện cho linh hồn ông ấy và cho chúng tôi mỗi ngày. Cô đã quên tôi trong lời cầu nguyện của mình sao?” Hiệp nhìn anh nhưng không trả lời. Diệm cười: “Vậy thì đừng trả lời tôi, nhưng đừng quên cầu nguyện cho tôi.” Hiệp đã đi; Diệm đứng đó và cười. “Dĩ nhiên, cô ấy vẫn nhớ lời khuyên của cha. Cô ấy sẽ không bao giờ trả lời những câu hỏi tu từ!”

CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT KẾT THÚC CỦA TẤT CẢ CÁC QUÂN ĐỘI TƯ NHÂN

Nửa đêm ngày 28 tháng 3 năm 1955, các Đơn vị Cảnh sát Xung kích do Bình Xuyên chỉ huy đã mở cuộc tấn công vào trụ sở Cảnh sát Đô Thành mới được thành lập và trụ sở Bộ Tổng Tham mưu. Họ cũng bắn súng cối vào chính Dinh Độc Lập.

Cảnh sát Đô Thành và lính dù đã đẩy lùi các cuộc tấn công. Diệm không phản công. Khi vài quả đạn cối rơi xuống khuôn viên Dinh Độc Lập, Diệm gọi điện cho Hiệp báo tin rằng ông vẫn ổn.

Cảm nhận được sự căng thẳng trong giọng nói của Diệm, Hiệp hỏi: “Có thương vong nào không?” Diệm nghiêm nghị trả lời: “Có, phía Chính phủ, hai binh sĩ bị giết; phía họ, ba cảnh sát xung kích cũng bị giết.” Hiệp hỏi thẳng: “Anh có cảm thấy có trách nhiệm với những người chết và bị thương không?” Diệm đáp: “Vâng, anh cảm thấy có trách nhiệm, nhưng

anh biết rằng thương vong là điều không thể tránh khỏi.” Hiệp ngập ngừng trước khi hỏi: “Có thương vong dân sự nào không?” Diệm thở dài: “Năm người bị thương.”

Hiệp hỏi: “Sao anh lại gọi?” Khi Diệm không trả lời, bà lặp lại câu hỏi. Cuối cùng Diệm nói: “Kể từ khi chúng ta gặp nhau, Bình Xuyên đã thành công trong việc tạo ra một liên minh với quân đội Hòa Hảo và Cao Đài. Anh không thể mở một cuộc tấn công toàn diện vào Bình Xuyên cho đến khi liên minh đó bị giải tán.”

Hiệp cảm thấy Diệm cần bà hỏi thêm. Ông cần nói chuyện với một người không ngại đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng trước mắt. Bà hỏi: “Anh nghĩ đường dây điện thoại của chúng ta có an toàn không?” Diệm cười khẩy chế giễu: “An toàn nhất có thể, cả hai đầu dây.”

“Hình như anh nghĩ liên minh của họ sẽ tan rã,” Hiệp tiếp tục. Diệm trả lời: “Đúng, liên minh của họ sẽ không tồn tại lâu dài. Anh dự đoán nó sẽ tan rã trong vòng một tháng tới.”

“Vậy thì, anh lo lắng điều gì?” Hiệp hỏi. Diệm ngập ngừng rồi mới trả lời: “Sau cuộc tấn công, cả bốn vị lãnh đạo Hòa Hảo trong nội các đều từ chức. Chắc hẳn họ đã biết

trước, vì đơn từ chức chắc chắn đã được chuẩn bị trước.”

Hiệp hỏi: “Anh có sợ quân Hòa Hảo sẽ hợp lực với quân Bình Xuyên, đánh anh trên hai mặt trận không?” Diệm thở dài: “Anh không đủ sức đánh hai mặt trận. Anh không đủ quân để làm điều đó.”

Hiệp lúc này mới lo lắng; bà hỏi: “Không còn quân Hòa Hảo nào ở phe anh nữa à?” Giọng Diệm nghe đầy hy vọng: “Anh nghĩ Tướng Nguyễn Giác Ngộ vẫn còn đóng quân bên phe ta.” Hiệp hỏi: “Vậy thì anh đừng lo lắng quá. Còn quân Cao Đài thì sao?”

Diệm nghe có vẻ tự tin hơn: “Tất cả bọn họ đều ở phe anh. Vài ngày nữa, theo lệnh của Đức Giáo chủ Cao Đài, các tướng lĩnh sẽ đặt quân đội dưới quyền chỉ huy của anh.”

Hiệp hỏi: “Nếu điều đó xảy ra, chẳng phải liên minh do Bình Xuyên lãnh đạo sẽ không còn tồn tại nữa sao?” Diệm nói: “Không hẳn vậy. Mọi liên minh hiện tại đều mang tính thăm dò, một phần của trò chơi chờ đợi. Những người đứng về phía chúng ta hôm nay có thể vẫn còn tình cảm với Bình Xuyên. Đồng minh của Bình Xuyên có thể đang làm việc cho chúng ta.”

Hiệp cười, bất chấp bản thân và bất chấp tình hình nghiêm trọng. Bà nói: “Vậy là anh

đang sống trong sự hỗn loạn và lừa dối, và anh cảm thấy khó chịu sao?” Diệm đồng ý: “Chính xác. Chờ đợi thật đau đớn. Lừa dối không phải là sở trường của anh. Anh phải làm gì đây?”

Hiệp lại cười: “Hãy đi cầu nguyện. Anh sẽ thấy dễ chịu hơn. Hãy chắc chắn rằng anh đi trước Bình Xuyên một bước. Chỉ cần vậy thôi. Hãy quên quân đội Hòa Hảo đi. Liên minh của họ với Bình Xuyên không quan trọng đối với họ. Họ sẽ không ném quân vào anh để cứu bọn cướp sông.”

Diệm phẫn nộ. Ông nói với em gái: “Anh ngạc nhiên khi thấy em cười vào hoàn cảnh của anh. Không chỉ một lần, mà hai lần, em đã cười anh!” Hiệp nói: “Em cười vì em biết anh đang thắng, vậy mà anh lại cường điệu sự yếu đuối của mình. Em cười vì giọng anh buồn bã hết như hồi nhỏ, khi anh sắp đánh bại cha trong một ván cờ.” Giờ thì đến lượt Diệm cười.

*

Người Pháp đã áp đặt một lệnh ngừng bắn kéo dài hai tuần. Ba mươi nghìn quân Pháp đổ vào Sài Gòn với lý do bảo vệ cư dân Pháp tại Thủ đô, nhưng rõ ràng, lý do thực sự của họ ở đó là để hỗ trợ Bình Xuyên. Ba trăm xe bọc thép của Pháp được bố trí tại các điểm chiến lược trên đường phố Sài Gòn.

Diệm đã nịnh nọt, đe dọa và thương lượng, cho đến khi cuối cùng người Pháp rút quân.

Ngày 24 tháng 4 năm 1955, Diệm cách chức Lại Văn Sang, Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, và là cánh tay phải của Tướng Lê Văn Viễn. Sự kiện đó đồng nghĩa với một lời tuyên chiến, vì Cảnh sát Quốc gia là thành trì của quyền lực Bình Xuyên.

Tương tự, Diệm giải tán Lực lượng Cảnh sát Xung kích, vốn tuyển dụng những phần tử cực đoan và được chỉ huy bởi những sĩ quan Bình Xuyên cuồng tín nhất.

Hoàng đế Bảo Đại đã gửi một lời khiển trách ngắn gọn, nói với Diệm rằng ông không tán thành việc cách chức Lại Văn Sang. Hoàng đế cũng yêu cầu Diệm chấp nhận Tướng Nguyễn Văn Võ, Tư lệnh Vệ binh Hoàng gia, làm Tham mưu trưởng Lực lượng quân mới, và ra lệnh cho Diệm đến Cannes để họp.

Lưu ý: Rất ít người Việt Nam vào thời điểm đó biết về Hoàng Triều Cương Thổ. Nhưng đó là một lãnh địa độc lập bao gồm tất cả các tỉnh Tây Nguyên, với một đội quân (Vệ binh Hoàng gia).

Trong khi Diệm đang cân nhắc phản ứng của mình đối với bức điện của Bảo Đại, Bình Xuyên đã phát sóng nội dung bức điện trên đài phát thanh riêng của họ và bắt đầu một

cuộc tấn công tổng lực vào trụ sở chính phủ ở Sài Gòn.

Quân đội Quốc gia đã phản ứng nhanh chóng và đẩy lùi các cuộc tấn công. Giao tranh ngày càng trở nên ác liệt, khi các đơn vị Bình Xuyên giữ vững ở các khu vực đông dân cư của thủ đô, và thương vong dân sự ngày càng tăng. Tuy nhiên, các đơn vị quân đội đã thành công trong việc đẩy lùi Bình Xuyên trở lại Chợ Lớn, và sau đó sang bên kia sông Sài Gòn.

Giữa lúc tình hình khẩn cấp, một Hội đồng Nhân dân Cách mạng đã được thành lập với sự tham gia của nhiều đảng phái chính trị. Hội đồng họp liên tục tại Tòa Đô Chánh Sài Gòn.

Ngày 29 tháng 4, Tướng Nguyễn Văn Vỹ tiến vào Dinh Độc Lập để buộc Diệm phải tuân lệnh Hoàng đế, trong khi hai tiểu đoàn Vệ binh Hoàng gia, được tăng cường xe bọc thép, chiếm giữ vị trí bên ngoài Dinh.

Các lãnh đạo Hội đồng Nhân dân Cách mạng xông vào Dinh, chĩa súng vào Tướng Vỹ, buộc ông phải tuyên bố trung thành với Diệm. Các lãnh đạo Hội đồng tuyên bố tước bỏ quyền lực của Bảo Đại và tước vị Quốc trưởng, đồng thời giải tán Nội các Ngô Đình Diệm. Họ yêu cầu Diệm thành lập một nội các mới, tiếp tục tiêu diệt phiến quân Bình

Xuyên và chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến.

Đêm 30 tháng 4, Tướng Nguyễn Văn Vỹ đã cố gắng lôi kéo các lãnh đạo quân đội vào một cuộc đảo chính chống lại Diệm, nhưng đã thất bại. Sáng hôm sau, ông vội vã rời Sài Gòn cùng các tiểu đoàn Vệ binh Hoàng gia.



Tướng Trinh Minh Thế.

Lưu ý: Hội đồng Nhân dân Cách mạng không phải là một sáng kiến của Ngô Đình Diệm. Nó bao gồm một liên minh rộng lớn gồm các đảng phái, các nhân vật nổi tiếng và

các lãnh đạo tôn giáo-quân sự. Vai trò của Nhị Lang, một tín đồ Cao Đài trong Hội đồng đã dẫn dắt Hội đồng đến những quyết định táo bạo không hoàn toàn có lợi cho Diệm.

Không ai dám tiếp cận Diệm. Ông đã trở về Huế, người chiến thắng đã đánh bại Bình Xuyên. Tuy nhiên, ông đã mất đi một người bạn chân thành trong trận chiến cuối cùng chống lại bọn cướp sông bị dồn vào đường cùng. Tướng Cao Đài Trình Minh Thế đã bị giết khi đang chỉ huy quân đội của mình ở tiền tuyến.

*

Diệm ngất xỉu khi nghe tin Tướng Thế bị ám sát. Ngày hôm sau, khi thi hài của Thế được quàn, Diệm đến viếng bạn mình. Ông lại ngất xỉu.

Cuộc nổi loạn Bình Xuyên đã bị dập tắt. Tàn quân Bình Xuyên chạy trốn vào vùng đầm lầy Rừng Sát. Họ bị truy đuổi ráo riết. Đội Cận vệ Hoàng gia bị giải tán. Một nội các mới được thành lập.

Trong khi cả nước đang diễn ra các cuộc biểu tình rầm rộ đòi phế truất Bảo Đại và yêu cầu Diệm nắm toàn quyền, Diệm vẫn ở lại Huế, buồn bã. Ông thậm chí còn không xuất hiện tại cuộc mít tinh ở Huế, khi hàng chục nghìn người biểu tình ủng hộ ông.

Cần cho người đi tìm Hiệp, nhưng bà từ chối đến nhà mẹ, nơi Diệm đang ở. Bà biết Diệm cần được ở một mình trong nỗi đau buồn. Sau đó, Diệm gọi điện thoại cho bà và mời bà đến thăm ông.

Dù Hiệp biết cái chết của Tướng Trình Minh Thế gây tổn thương nặng nề cho Diệm như thế nào, nhưng bà vẫn chưa chuẩn bị tinh thần cho những gì mình chứng kiến khi đến nơi. Diệm hoàn toàn suy sụp. Mắt ông đỏ hoe và sưng húp; môi và tay run rẩy.

Ông mỉm cười yếu ớt khi Hiệp bước vào và nói: “Anh đã gắng cao đầu suốt hai tuần, cho đến khi mọi chuyện được giải quyết xong xuôi, cho đến khi anh trở về Huế.” Hiệp gật đầu: “Vâng, anh đã làm vậy.” Bà đến ngồi xuống trước mặt ông. Giọng ông tràn ngập nỗi đau buồn khi ông nói với bà: “Ông ấy chết rồi. Họ đã giết ông ấy.” Hiệp lại gật đầu, nhưng không nói gì. Diệm buồn bã nói: “Ông ấy là người bạn duy nhất anh có kể từ khi lên nắm quyền. Giờ ông ấy đã chết rồi.” Thấy Hiệp có vẻ không đồng ý, Diệm nói: “Ồ, anh biết. Lansdale là bạn. Nhưng không giống như Tướng Thế. Lansdale đã cho anh những lời khuyên hữu ích, giúp bảo đảm việc bảo vệ anh trong những ngày đầu, ông ấy lo lắng cho sức khỏe của anh, và ông ấy không bao giờ

một mối trong việc hoạch định chiến lược và thảo luận chúng với Nhu và anh. Nếu anh ấy chết, anh sẽ đau buồn vì anh ấy rất lâu, rất lâu. Nhưng Thế thì khác. Ngay ngày đầu tiên chúng tôi gặp nhau, anh ấy đã nói rằng anh ấy sẽ hy sinh mạng sống vì anh. Và anh ấy đã làm vậy!”

Hiệp hỏi nhỏ: “Còn ông Nhị Lang thì sao?” Diệm giật mình: “Sao cô biết về Nhị Lang?” Hiệp lắc đầu tỏ ý rằng việc cô biết về Nhị Lang không quan trọng. Diệm trầm ngâm một lát rồi nói: “Nhị Lang là thân tín của Tướng Thế. Ông ấy là linh hồn của Hội đồng Nhân dân Cách mạng. Ông ấy là người đã bắt giữ Tướng Nguyễn Văn Vỹ bằng súng, và cứu anh khỏi bị bắt làm tù binh ở Dinh Độc Lập. Sau đó, ông ấy đã ngăn chặn âm mưu đảo chính của Tướng Nguyễn Văn Vỹ và ông ấy là một người đàn ông dũng cảm. Một triết gia. Ông ấy và Tướng Thế là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụp đổ của liên minh do Bình Xuyên lãnh đạo. Ông ấy là bạn, là người bạn tốt nhất. Nếu có chuyện gì xảy ra với ông ấy, anh sẽ rất đau khổ, nhưng anh sẽ không tan nát như thế này.”

Hiệp hỏi Diệm, chỉ để buộc ông ta nói: “Còn những người khác đã cùng anh làm việc vất vả suốt mấy tháng qua thì sao?” Diệm cười

cay đắng: “Còn họ thì sao? Tướng Lê Văn Ty, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân do anh đích thân chọn, Tướng Trần Văn Đôn, Tham mưu trưởng Lục quân của tôi? Cả hai người họ đã cùng Tướng Nguyễn Văn Vỹ lật đổ tôi vào ngày 29 tháng 4. Nếu không có Nhị Lang, và nếu không có Trình Minh Thế đưa quân vào Sài Gòn, thì giờ này tôi đã thối rữa trong tù rồi.”

Hiệp cười, “VẬY mà sáng hôm sau anh lại thăng chức cho cả hai người. Sao anh lại làm thế?” Diệm cũng cười, “Cả Tướng Thế và Nhị Lang đều khuyên tôi nên làm vậy. Cả Ty lẫn Đôn đều không lộ rõ ý đồ trong cuộc khủng hoảng ở Dinh Độc Lập. Tôi biết họ đứng về phía Tướng Vỹ. Nhưng họ chỉ ủng hộ ông ta một cách kín đáo. Tôi có thể hạ bệ họ, giáng chức họ và chấm dứt sự nghiệp quân sự của họ, hoặc tôi có thể giữ họ lại và thăng chức cho họ, hy vọng rằng họ sẽ cảm kích trước lòng độ lượng của tôi và tập hợp lại để ủng hộ tôi.”

Hiệp nói, “ĐỪNG quá tin vào điều đó. Kẻ phản bội một lần sẽ phản bội lần hai.” Diệm gật đầu và nói tiếp, “Tướng Thế đã đánh cược mạng sống của mình hết lần này đến lần khác. Điều đó đã ăn sâu vào máu ông ấy. Nhị Lang cũng vậy. Lời khuyên của họ thật kỳ

lạ. Anh đã nghe theo, vì tôn trọng họ.” Hiệp ngắt lời, “Hay chúng ta ra vườn nói chuyện?” Diệm nói, “Hai ngày nay, anh vẫn đeo kính râm ngay cả trong nhà. Nhưng sao không, sớm muộn gì anh cũng phải đối mặt với ánh nắng mặt trời thôi.”

Họ im lặng đi một lúc. Hiệp hái vài quả nhãn từ một cành thấp, lột vỏ rồi lần lượt đưa cho Diệm. Ngay cả trong bóng râm, ánh nắng vẫn quá chói chang đối với Diệm. Hiệp hỏi: “Anh về Huế, mục đích rõ ràng là để bản thân chìm đắm trong vài ngày buồn chán, đúng không?” Diệm gật đầu, “Nếu không buông thả bản thân, anh đã phát điên rồi.”

Hiệp hỏi: “Bản chất của anh đâu phải là nghi ngờ ý Chúa. Tại sao cái chết của Tướng Thế lại ảnh hưởng đến anh như vậy?” Diệm thở dài: “Trước hết là tuổi trẻ của ông ấy. Ông ấy trẻ hơn tôi rất nhiều. Tại sao ông ấy lại chết mà tôi thì không? Ông ấy là một nhà cách mạng chân chính. Ông ấy chẳng lo nghĩ gì cả. Ông ấy đùa giỡn với cuộc đời mình như thể liên tục thách thức số phận. Ông ấy tràn đầy sức sống và niềm vui. Anh không nghi ngờ ý Chúa. Nhiều điều chúng tôi đã cùng nhau lên kế hoạch giờ đây không còn ý nghĩa gì với anh nữa.”

Diệm dừng lại, cảm thấy mình đã nhiều

lần tự mâu thuẫn. Ông nhún vai và nói tiếp: “Cô biết đấy, khi chúng ta bắt đầu vào tháng 7 năm ngoái, anh chẳng có gì cả. Chúng ta cứ thắng hết trận này đến trận khác mà không cần phải ra trận. Khi chúng ta giao chiến vài tuần trước, chúng ta đã cầu nguyện rằng sẽ không có thương vong. Để xóa sổ Bình Xuyên, chúng ta đã phải trả một cái giá quá đắt. Quân đội không có Tướng Thế. Lần này chúng ta sẽ phải trả cái giá nào? Tôi e rằng cái giá sẽ còn cao hơn nữa.” Hiệp hỏi: “Các vị đã dùng hết mọi cách để giải quyết vấn đề với các giáo phái một cách hòa bình chưa?” Diệm lắc đầu: “Chưa, chưa. Anh sẽ cố gắng đàm phán thêm, và anh sẽ tiếp tục đàm phán ngay cả khi trận chiến đã bắt đầu. Nhưng anh có linh cảm rằng đây sẽ là một cuộc chiến sinh tử.”

Hiệp nói nhỏ: “Trước khi Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, người sáng lập Phật giáo Hòa Hảo bị Việt Minh giết hại, anh đã gặp ông ấy nhiều lần. Lòng yêu nước, nhiệt huyết và tầm nhìn của ông ấy đã gây ấn tượng mạnh với anh. Khi anh chiến đấu với tin đồn của ông ấy, xin hãy nhớ đến ông ấy.”

*

Diệm thở dài: “Anh không muốn chiến đấu với họ. Họ sẽ phải nổ súng trước. Tuy nhiên,



Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, người sáng lập Phật giáo Hòa Hảo.

một khi cuộc chiến bắt đầu, anh e rằng vạc lửa hận thù ở đồng bằng sông Cửu Long sẽ bắt đầu sôi sục, cho đến khi tất cả hận thù bị thiêu rụi. Giá như Đức Thầy vẫn còn ở đây với chúng ta! Dù có chuyện gì xảy ra, anh vẫn sẽ nhớ đến Người. Nhưng anh sợ lắm, cô ạ. Anh sợ mình sẽ không đủ mạnh mẽ để đối mặt với hậu quả của cuộc chiến sắp tới.”

*

Đầu tháng 6 năm 1955, các đơn vị của quân

đội tướng Trần Văn Soái đã nổ súng đầu tiên tại Cái Vồn, gần Cần Thơ. Cuộc phản công diễn ra nhanh chóng. Đại tá Dương Văn Đức, thuộc Quân đội Quốc gia, chỉ huy một cuộc đột kích chớp nhoáng vào Cái Vồn và chiếm giữ sở chỉ huy của tướng Soái. Cuộc chiến chống lại các đội quân tư nhân Hòa Hảo đã bắt đầu.

*

Diệm nhìn vào bản đồ lớn trong phòng tình báo. Ông đã nhìn nó hàng trăm lần trong những tuần qua và không thể tin vào những gì mình thấy. Khu vực phía Tây phần lớn được bao phủ bởi bốn thái ấp của Hòa Hảo:

Tướng Lâm Thành Nguyên giữ Châu Đốc và Cái Dầu,

Tướng Nguyễn Giác Ngộ giữ Chợ Mới,

Tướng Trần Văn Soái giữ Cần Thơ, Cái Vồn, Sa Đéc và Cái Vung;

Tướng Lê Quang Vinh giữ Thốt Nốt, Long Xuyên, Rạch Giá, Gò Quáo và Ô Môn.

“Lại một thời kỳ của Mười Hai Sứ Quân,” Diệm tự nhủ, ám chỉ một thời kỳ buồn khác trong lịch sử Việt Nam, những năm tháng hỗn loạn giữa thế kỷ thứ X.

Tướng Lê Quang Vinh là người có quyền lực nhất trong số các tướng quân, và Tướng Trần Văn Soái là người bốc đồng nhất. Soái

đã ở trong Nội các của Diệm từ tháng 9 năm 1954. Tính khí thất thường và hay thay đổi, Soái sẽ không phải là một vấn đề lớn.

Quân đội của Soái thiếu kỷ luật, huấn luyện kém và chỉ huy kém. Quân đội của ông ta sẽ tan rã chỉ trong vài tuần. Họ đã kháng cự đôi chút khi đại bản doanh của Soái bị tấn công, nhưng kể từ đó luôn né tránh mọi cuộc giao tranh.

Diệm nói với Nhu, người vẫn đang im lặng quan sát ông, “Hãy giải quyết nhanh chóng Tướng Soái. Anh không nghĩ ông ta muốn đổi mặt với một cuộc chiến tranh thực sự. Anh không nghĩ quân của ông ta sẵn sàng chết vì ông ta.” Nhu gật đầu, “Tất nhiên rồi. Trong vòng hai tuần qua, hơn hai nghìn quân của ông ta đã đầu hàng. Tiểu đoàn tinh nhuệ nhất trong quân đội của ông ta đã gia nhập với Tướng Lê Quang Vinh ở khu vực Ô Môn, Thốt Nốt.”

Diệm khuyên, “Tránh những trận đánh ác liệt. Để quân của chúng chạy.” Nhu cười, “Đó là những gì chúng ta đã làm. Tuy nhiên, chiến thuật thật kỳ lạ. Nếu chúng ta tiếp tục như thế này, chúng ta có thể phải đuổi theo ông ta đến năm 2000. Hôm nay, quân đội của chúng ta đã cho họ thấy khả năng của chúng ta; chúng ta đã bắn một nghìn quả đạn đại

bác và một nghìn quả đạn cối vào quân của Tướng Vinh và Tướng Soái, không phải trực tiếp vào họ. Đạn pháo nổ cách lưng họ một trăm mét, khi họ đang chạy.”

Diệm cau mày, “Đó không phải chuyện đùa. Nếu chúng bỏ chạy thì tốt. Sẽ không có thương vong nào, và chúng sẽ sớm kiệt sức thôi.” Nhu ngừng cười. Ông nói, “Em không cười chúng. Em cười vì mệnh lệnh của anh quá buồn cười. Đây không phải là một cuộc chiến thực sự. Người ta không thể tiến hành một cuộc chiến theo cách này. Phải là một gã điên rồ như Đại tá Dương Văn Đức mới tuân thủ đúng từng chữ những gì anh đã ra lệnh cho hắn ta làm.”

Diệm lần đầu tiên mỉm cười. Ông hỏi, “Hôm nay có thương vong nào không?” Nhu lắc đầu, “Không có, cả hai bên. Tuy nhiên, đến đầu giờ chiều, Đức báo cáo rằng 800 phiến quân đã đầu hàng, hầu hết là từ các đơn vị của Soái.” Diệm trông có vẻ vui vẻ trong giây lát, rồi nhận xét, “Chúng ta vẫn chưa thuyết phục được một số lượng lớn binh lính đào ngũ khỏi quân đội của Tướng Vinh.” Nhu nói, “Đừng lo lắng quá. Sẽ sớm có những cuộc đào ngũ quy mô lớn từ quân đội của ông ta thôi.” Diệm thở dài, “Sao chú chỉ báo tin vui cho tôi? Hôm qua chú không báo cáo với tôi

rằng có mười lăm người chết và năm mươi người bị thương bên phía Hòa Hảo.”

Nhu vẫn kiên nhẫn, “Này. Chúng ta làm mọi cách để tránh thương vong. Cho đến nay chúng ta vẫn may mắn. Nhưng ngoài kia đang có chiến tranh. Sẽ có người bị thương. Mỗi khi chúng ta có một trận đánh lớn, anh luôn đến nhà nguyện và cầu nguyện. Có lẽ điều đó đã giúp giữ cho số thương vong ở mức thấp, cho đến nay. Báo cáo cuối cùng về cuộc chiến chống Bình Xuyên, khi tất cả đã nói và làm xong, có ba mươi bốn người chết bên phía Bình Xuyên và mười lăm người bên phía chúng ta. Tổng cộng chỉ có năm mươi người chết trên chiến trường trong một trận đánh lớn. Đó hoàn toàn và đơn giản là một phép lạ.”

Diệm lắc đầu, “Vậy chưa hết, phải không? Thương vong dân sự rất cao. Bình Xuyên ẩn núp trong dân chúng, rồi bắt đầu đốt nhà trước khi bỏ chạy. Chú hoặc bất kỳ ai có con số chính xác về thương vong dân sự không? Một số nhà báo đã đề cập đến một nghìn người. Thương vong thấp.” Nhu nói, “Em đã đến đó với anh ngay sau khi giao tranh lắng xuống. Thật kinh khủng, cảnh tượng và mùi hôi thối của những khu ổ chuột đang cháy. Nhưng mọi người có xu hướng phóng đại con

số. Em ước tính khoảng ba trăm thường dân có thể đã chết, nhưng chúng ta không có cách nào biết chắc chắn.”

Diệm hơi mĩa mai, “Vậy nên, xin đừng nói về phép lạ. Cũng xin hãy nhớ rằng chúng ta đã mất Tướng Trình Minh Thế.”

Bây giờ Nhu tự trách mình vì đã đề cập một cách hời hợt đến tổng số thương vong trong cuộc chiến chống lại Bình Xuyên. Ông sẽ không bao giờ quên vị Tướng. Trước khi Diệm biết vị Tướng, ông Thế đã là bạn của Nhu. Vị Tướng đã đặt cho Nhu một biệt danh, ‘Thắng Cường’. Nhu thường xuyên sử dụng nó làm bút danh để ký các bài báo của mình trên báo chí. Ông cũng đôi khi sử dụng nó làm mật danh cho các tin nhắn mật của mình. Tướng Thế đã giải thích biệt danh cho Nhu: “Tên anh là Nhu, nghĩa là ‘mềm’. ‘Thắng Cường’ nghĩa là ‘đánh cứng’. Anh là người dùng sự mềm dẻo để đánh bại vũ lực trần trụi.” Biệt danh này vẫn còn đó. Giờ đây, khi Tướng Thế đã mất, Nhu biết rằng mình sẽ tiếp tục dùng biệt danh này để vinh danh ông. Tự nhắc nhở mình về bài học mà Tướng Thế muốn dạy anh như một người bạn chân thành: “Mềm mại thắng cứng. Nước mạnh hơn đá. Khí mạnh hơn kim loại. Tâm mạnh hơn vật chất. Âm mạnh hơn dương!”

*

Sáng hôm sau, Diệm gọi điện cho Hiệp. Ông hỏi: “Cô có đang quan sát nhật thực không?” Hiệp đáp: “Ánh sáng mặt trời đã yếu dần. Không khí rung chuyển. Anh gọi chỉ để báo cho em biết về nhật thực thôi sao?”

Diệm cười: “Ừ, chỉ là nói chuyện nhật thực thôi.” Hiệp nói: “Được, vậy thì nói chuyện nhật thực với em đi.” Ông đáp nhanh như đã tập dượt: “Em có biết ngày xưa người ta tin rằng mặt trời bị chó trời (chó thiên thể) ăn thịt trong lúc nhật thực không?” Hiệp im lặng. Diệm nói tiếp: “Nhật thực luôn có nghĩa là kết thúc một thời đại, kết thúc một vị vua, kết thúc thời bình, hoặc kết thúc chiến tranh. Cô nghĩ điều gì đang kết thúc bây giờ?”

Hiệp bật cười. Lúc đó chỉ là trò đoán mò. Bà nói: “Vì anh không phải là vua, nên nhật thực chẳng liên quan gì đến anh. Nó có thể đồng nghĩa với sự cáo chung của chế độ quân chủ.” Diệm hỏi: “Sao cô lại nói vậy?” Hiệp thở dài, “Anh không thể tiếp tục làm việc với Bảo Đại. Hoàng đế đã đâm sau lưng các anh khi các anh phải đánh Bình Xuyên. Ông ta cũng là nguồn gốc của cuộc đảo chính bất thành của Tướng Nguyễn Văn Vỹ. Hội đồng Nhân dân Cách mạng đã tuyên bố phế truất ông ta và phát động các cuộc biểu tình quần chúng

chống lại ông ta. Mở rộng cửa, cho phép người dân vào Hoàng cung lần đầu tiên. Văn phòng Hoàng tộc đã không còn công nhận Bảo Đại là thành viên của Hoàng tộc nữa. Rõ ràng, đó là sự kết thúc của chế độ quân chủ.”

Diệm hỏi: “Nhật thực có thể đồng nghĩa với sự kết thúc của những thứ khác. Đó là những thứ gì?” Hiệp thấy trò chơi vẫn tiếp diễn nên nói: “Sự kết thúc của các sứ quân. Chúng vẫn đang chiến đấu, nhưng các anh đã gần kết thúc với chúng rồi. Kết quả không còn nghi ngờ gì nữa.”

Diệm hỏi dồn: “Còn gì nữa không?” Hiệp cười: “Được rồi, nhật thực có thể đồng nghĩa với sự kết thúc của chế độ Pháp. Sự can thiệp của họ trong cuộc khủng hoảng Bình Xuyên dường như là hành động can thiệp cuối cùng.”

Diệm hỏi lại: “Còn gì nữa không?” Hiệp nói: “Khả năng duy nhất khác mà em thấy là sự can thiệp của Mỹ sẽ chấm dứt. Tướng Lawton Collins, người từng muốn hợp tác với Tướng Pháp Ely để lật đổ anh, giờ đã ra đi, và Đại sứ Mỹ mới, Frederick Rheinardt, dường như đã nhận được chỉ thị rõ ràng từ chính phủ của ông ta để hỗ trợ anh.”

Diệm hỏi: “Cái gì đang bắt đầu?” Hiệp trả lời: “Chẳng bao lâu nữa, anh sẽ bắt đầu cầm quyền. Sẽ có những cơ hội tuyệt vời để kiến tạo và tái thiết. Sẽ có sự khởi đầu của hòa

bình nội bộ và phát triển. Nhưng đáng tiếc là, xung quanh anh cũng sẽ xuất hiện những lời nịnh hót và dối trá. Anh sẽ không còn phân biệt được bạn bè hay thù địch, không còn trả được nợ, hay tưởng thưởng cho những người xứng đáng.” Diệm nói nhỏ: “Đó là điều anh sợ.” Hiệp tiếp tục: “Vì anh sẽ cảm thấy rằng những người thân thiết nhất có thể phản bội anh một ngày nào đó, anh sẽ bắt đầu cảm thấy rất cô đơn. Anh sẽ thấy rằng không có cách nào chữa khỏi nỗi cô đơn đó.”

Diệm trả lời: “Anh vẫn có gia đình của mình.” Hiệp nói: “Anh Diệm, em vẫn luôn muốn nói với anh điều này. Anh cũng đừng quá trông cậy vào gia đình. Anh chị em của anh rất yêu quý anh, nhưng chúng em đều có những khuyết điểm nghiêm trọng. Chúng em không giống anh. Anh là người duy nhất được cha chọn để tiếp tục cuộc đấu tranh. Cha không bao giờ chọn ai khác. Cha biết rằng dù anh có nhiều khiếm khuyết, anh vẫn vượt trội hơn hẳn những đứa con khác của ông ấy.”

Diệm thở dài: “Em bắt đầu bằng những điềm lành, và giờ em lại tiên đoán một tương lai rất đen tối đang chờ đón anh.” Hiệp cười: “Vậy thì đừng nghe mấy thầy bói. Họ luôn có thể bị chứng minh là sai, bởi vì anh luôn có thể thay đổi tương lai của chính mình.”

Diệm hỏi: “Ở Huế tối đen như mực à?” Hiệp nói: “Mới đây thôi, trời còn tối lắm. Giờ thì bóng tối đã bắt đầu tan. Đừng quên rằng ở Huế, chúng ta đi trước Sài Gòn một chút, vì ở xa hơn về phía đông.” Diệm cười, “Đừng có tỉnh lẻ thế! Dù sao thì, anh muốn nói với em rằng anh sẽ đến Huế ngay sau ngày Thất Tịch (7 tháng 7) để xem xét lại toàn bộ 365 ngày qua của chính phủ anh. Anh muốn em chuẩn bị sẵn sàng để đưa ra những lời phê bình mạnh mẽ nhất đối với những sai lầm chúng ta đã mắc phải.”

Hiệp thở dài, “Người phê bình dễ mất bạn. Anh sẽ sớm thôi, không nói chuyện với em nữa.” Diệm cười, “Rất có thể, thực sự rất có thể!” Ông cúp máy, vẫn cười.

*

Mãi đến cuối tháng 7, Diệm, Nhu, Lệ Xuân và Luyện mới có thể sắp xếp để đi Huế. Lúc đó, quân đội Hòa Hảo không còn là mối đe dọa lớn đối với an ninh quốc gia nữa. Hai trong số ba tiểu đoàn tinh nhuệ dưới quyền chỉ huy của Tướng Lê Quang Vinh đã đầu hàng, trong khi tiểu đoàn cuối cùng bị bao vây. Tướng Trần Văn Soái bị dồn vào đường cùng và sắp sửa đầu hàng.

*

Trên một mặt trận khác, Diệm đã tuyên bố



**Tướng Lê Quang Vinh khi còn là Đại tá trong
Quân đội Quốc gia Việt Nam**

rằng Hiệp định Genève không ràng buộc Nam Việt Nam, vì họ chưa ký kết, và ông từ chối tham gia các cuộc đàm phán sơ bộ với Bắc Việt Nam để chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử được Hiệp định sắp xếp trước.

Khi các thành viên trong gia đình gặp nhau, rõ ràng chủ đề thảo luận chính là vấn đề Bảo Đại. Nhu đề xuất rằng họ cũng nên tập trung vào thái độ của người Mỹ trong cuộc khủng hoảng kéo dài một năm.

Luyện mở đầu cuộc thảo luận về Bảo Đại

bằng cách tuyên bố rằng mặc dù trước đó ông muốn Bảo Đại tiếp tục giữ chức Quốc trưởng trên danh nghĩa, nhưng giờ đây ông thấy không có khả năng giữ Bảo Đại ở bất kỳ vai trò nào, dù là trên danh nghĩa hay thực tế.

Ông nói rằng Hội đồng Nhân dân Cách mạng, tổ chức đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình đòi phế truất Hoàng đế, nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân. Ông lập luận rằng chính Diệm đã đưa ra một số quyết định không thể thay đổi, chẳng hạn như giải tán Vệ binh Hoàng gia, bãi bỏ Lãnh địa Hoàng gia, cách chức Phó vương Nguyễn Độ, và cách chức Tổng thư ký Tây Nguyên của Nam tước Didelot.

Ghi chú: Nam tước Didelot kết hôn với em gái của Hoàng hậu Nam Phương. Do đó, ông là em cột chèo của Hoàng đế Bảo Đại.

Diệm giải thích: “Chúng ta không thể dung thứ cho một nhà nước trong một nhà nước nữa, nhất là khi Hoàng triều cương thổ là một sáng kiến của Pháp. Đó là một sáng kiến nguy hiểm, bởi vì người Pháp muốn tách biệt người Việt sống ở khu vực này khỏi phần còn lại của dân tộc Việt Nam, rồi dùng khu vực đó, vốn bao trùm cả ba quốc gia Đông Dương cũ, để gây ảnh hưởng đến chính sách ở Việt Nam, Campuchia và Lào.”

Luyện tỏ vẻ không vui: “Nhưng anh đã cách chức Nguyễn Độ, người đóng vai trò quan trọng nhất trong việc anh được đề cử làm Thủ tướng một năm trước. Em chưa bao giờ hiểu được mối quan hệ bạn-thù kỳ lạ mà cả hai anh đang duy trì, nhưng em đã nghe người ngoài chỉ trích anh vì đã cách chức ông ta. Sau đó, anh đã cách chức Nam tước Didelot. Nam tước phu nhân Didelot là em gái của Hoàng hậu Nam Phương. Bằng cách sa thải Didelot, anh đã làm tổn thương tình cảm của Hoàng hậu.”

Diệm đồng ý. Ông nói, “Một khi Lãnh địa Hoàng gia không còn nữa, thì Văn phòng Khu vực Tây Nguyên cũng không còn nữa. Chức vụ Phó vương và Tổng thư ký trở nên lỗi thời. Tôi không sa thải họ mà không hối tiếc, nhưng tôi còn biết làm gì hơn? Và các chủ ngân hàng lại trở thành kẻ thù hung dữ nhất của tôi. Trong cuộc khủng hoảng Bình Xuyên, tôi đã cử cựu Thống đốc Tôn Thất Hội đến Cannes để gặp Hoàng đế. Nguyễn Độ ngăn cản Thống đốc gặp Hoàng đế. Thậm chí còn hơn cả Bảo Đại, Độ muốn đuổi tôi đi.”

Hiệp nói, “Điều cần làm thì phải làm. Tuy nhiên, đã có những hành vi thái quá không thể chấp nhận được trên phương tiện truyền thông. Họ đã hạ bệ Hoàng đế một cách vô

cùng trắng trợn. Ngay cả Hoàng hậu cũng không được tha. Chúng ta không thể làm gì đó về việc này sao?”

Nhu đề nghị, “Chúng ta có thể ngăn chặn mọi lời đồn đại bằng cách áp đặt kiểm duyệt. Nhưng rồi người ta sẽ nói rằng chúng ta không còn tôn trọng quyền tự do ngôn luận nữa.” Hiệp không hài lòng với câu trả lời, “Này cậu Nhu, cứ giữ kiểu bình luận đó cho công chúng. Cậu làm việc chặt chẽ với Hội đồng Nhân dân Cách mạng. Báo chí tôn trọng Hội đồng. Nếu qua Hội đồng, cậu cho báo chí biết rằng anh Diệm không muốn thấy thêm bất kỳ lời vu khống nào chống lại Hoàng đế nữa, thì các nhà báo sẽ sẵn sàng lắng nghe.”

Nhu đau lòng trước nhận xét của Hiệp. Ông tự giải thích, “Chúng ta đã trao toàn quyền tự do cho báo chí. Nếu ngày mai chúng ta lại kiểm duyệt, nhân dân sẽ không thích điều đó. Các nhà báo, và nhiều người trong số họ, thiếu chuyên nghiệp, đã coi những câu chuyện kích thích về Hoàng đế và các phi tần, tình nhân của ông ta là một cách giúp bán báo. Họ sẽ không dễ dàng từ bỏ đâu.”

Hiệp kêu lên: “Đủ rồi! Hôm nay trên báo, tôi đọc được câu chuyện kinh khủng về Hoàng hậu. Báo nói rằng bà ta đã giết bà Decoux. Chuyện này thật nhục cười.”

Diệm bực bội. Ông hỏi: “Bà báo nói gì vậy? Tôi chưa thấy báo hôm nay.” Hiệp đáp: “Bà báo nói rằng một ngày nọ, năm 1943, Hoàng hậu Nam Phương nổi giận với một trong những cuộc chinh phạt mới của Hoàng đế ở Đà Lạt. Bà ta đến tổ ấm của họ, mang theo một khẩu súng lục trong túi xách. Được thông báo về những gì đang xảy ra, Suzanne Decoux, vợ của Toàn quyền Pháp, đã vội vã đến hiện trường của người bạn thân của Hoàng đế với mục đích tránh một thảm kịch. Hoàng hậu đến hiện trường và bắt quả tang Bảo Đại và người tình mới của ông ta. Bà ta rút súng ra khỏi túi xách và bắn, đúng lúc bà Decoux xông vào. Chính bà Decoux là người bị trúng đạn. Theo báo chí, đã có một sự che đậy quy mô lớn nhằm che giấu vụ bê bối.”

Diệm không thể chối cãi là đã rất tức giận. Ông nói, “Chú Nhu, chú cũng biết rõ như tôi, rằng bà Decoux đã tử nạn trong một vụ tai nạn xe hơi gần Đà Lạt. Chú phải yêu cầu báo chí ngừng bịa đặt những câu chuyện ngớ ngẩn như thế. Hãy yêu cầu họ ngừng công kích Hoàng đế và Hoàng hậu.”

Nhu lắc đầu, “Tôi không thể ngăn cản các nhà báo. Tự do ngôn luận là một đặc quyền nguy hiểm, khi các nhà báo chưa đủ chín chắn và học thức. Chúng ta đã mở chiếc hộp

Pandora khi chúng ta tìm kiếm một nền báo chí tự do. Giờ thì, nếu anh muốn ngăn cản báo chí đăng tải một số điều nhất định, thì hãy tự mình làm đi, anh Diệm, và xem anh có thành công không.”

Nhu tất nhiên đã đúng. Diệm ngồi đó, ủ rũ và chán nản. Cuối cùng ông nói, “Đây có phải là hồi kết của giấc mơ không? Chúng ta có phải chấp nhận những điều bẩn thỉu này trong chính trị không? Tôi không thể bỏ qua những cuộc tấn công tàn nhẫn này vào Hoàng đế. Mọi người sẽ nghĩ rằng chúng ta khuyến khích những điều bẩn thỉu này. Chúng ta phải lên tiếng ngay bây giờ và nói rằng chúng ta căm ghét những gì đang diễn ra trên báo chí.” Nhu nói: “Một người quan sát khách quan phải nhận thấy rằng báo chí chính thống không hề vu khống ai, nhất là Hoàng hậu.”

Luyện nói: “Trước khi rời Paris về dự cuộc họp này, tôi đã đến Cannes để gặp Hoàng đế, Nguyễn Độ và Hoàng hậu. Hoàng đế và Nguyễn Độ đã có những lời lẽ gay gắt với anh. Tôi đã gặp riêng Hoàng hậu. Bà ấy nói: “Có lẽ không còn cách nào khác. Có lẽ Thủ tướng không còn lựa chọn nào khác.”

Diệm ngược lên, người đàn ông bất hạnh nhất trên đời. Ông hỏi: “Bà ấy còn nói gì

nữa?” Luyện nhún vai: “Bà ấy nói sẽ sớm nghỉ hưu, về làm nông. Bà ấy đã bắt đầu tìm kiếm một nơi rồi. Bà ấy nói rằng có lẽ những gì anh làm sẽ giải thoát bà ấy khỏi mọi trách nhiệm liên quan đến Việt Nam, và khỏi mối quan hệ mong manh của bà ấy với Hoàng đế. Bà ấy nhờ em chuyển lời rằng bà ấy sẽ cầu nguyện cho anh.”

Không ai nói gì trong một lúc. Cuối cùng, với vẻ cam chịu cay đắng, Diệm nhẹ nhàng tuyên bố: “Vậy thì chúng ta hãy chấm dứt chế độ quân chủ.”

*

Hiệp ngồi nhìn Nhu và Diệm tranh luận với nhau và bàn luận về Tướng J. Lawton Collins. Hiệp cố gắng không đứng về phía quan điểm của hai anh em trai mình về cuộc xung đột, vốn phản đối họ chống lại Đặc phái viên Mỹ.

Bà tự nhủ rằng mình đã nói đủ vào buổi sáng rồi. Bà không muốn dẫn thân vào lĩnh vực chính trị quốc tế. Bà tự hứa với lòng mình sẽ giữ im lặng vào buổi chiều. Bà không hiểu hết nguồn gốc của cuộc xung đột, hay tại sao nó không thể được giải quyết theo hướng làm hài lòng cả hai bên ở những giai đoạn khác nhau của cuộc khủng hoảng. Bà vui mừng vì cuộc xung đột đã kết thúc và vị Tướng đã ra đi. Tuy nhiên, bà có cảm giác rằng bất cứ lúc

nào, một cuộc xung đột tương tự khác có thể nổ ra, với những hậu quả thậm chí còn tai hại hơn.

Bà có cảm giác rằng các cuộc họp báo của Diệm và Nhu vẫn chưa đầy đủ. Luyện, Cần và Thục bắt đầu phân tích tình hình. Tất cả đều đồng ý rằng Diệm không nên dung túng cho sự kiêu ngạo của Collins. Cần nói: “Chúng ta không thể đồng ý trở thành thuộc địa của Mỹ. Một Đặc phái viên Mỹ không nên hành động như thể ông ta là một Toàn quyền.” Thục, dù ôn hòa, vẫn cho rằng hành vi của Tướng Collins là đáng xấu hổ khi ông ta liên minh với Tướng Pháp Paul Ely, để gây áp lực buộc Diệm phải nhượng bộ yêu sách của Bình Xuyên và biến mất khỏi hiện trường.

Lệ Xuân liên tục đưa ra những bình luận khiến Hiệp cảm thấy bất an về toàn bộ quá trình. Hoàng ngồi bên cạnh Hiệp giả vờ không quan tâm. Hiệp hiểu rõ điều đó. Bà biết rằng khi Hoàng có vẻ mặt lơ đãng như vậy, bà đang suy nghĩ miên man. Hiệp biết Hoàng cũng cảm thấy bất an.

Với những người đàn ông và Lệ Xuân nói chuyện một chiều, cuộc điều tra chỉ đơn thuần là tóm tắt những lời nói và hành động của Tướng Collins, điều đã gây rắc rối cho Diệm và Nhu khi họ tham gia vào cuộc đấu

tranh sinh tử chống lại Bình Xuyên và các lãnh chúa.

Cuộc họp sắp kết thúc. Diệm hỏi: “Cô Hoàng, cô có câu hỏi hay ý kiến gì không?” Hoàng lắc đầu. Diệm quay sang Hiệp, người đang đối mặt trực diện với ông: “Vâng. Tôi có một vài câu hỏi. Tôi muốn biết, nguồn gốc của cuộc xung đột là gì? Nó bắt đầu khi nào và như thế nào?”

Diệm và Nhu nhìn nhau. Nhu nói, “Chị đã ở Sài Gòn vào tháng 11 năm ngoái. Lúc đó chúng tôi đã gặp vấn đề với Tướng Collins. Ông ấy tỏ ra thích làm việc với người Pháp, đặc biệt là với Tướng Paul Ely, người mà ông ấy quen biết trong Thế chiến II. Thái độ của ông ấy dường như muốn nói, ‘Ely đã là đồng chí của tôi trong nhiều năm. Hãy nghe ông ấy nói. Ông ấy là một người tốt. Ông ấy biết điều gì là tốt cho Việt Nam’”.

Diệm nói thêm, “Ông ấy hiếm khi đến gặp tôi một mình. Hầu như lúc nào ông ấy cũng đến cùng Tướng Ely.

Hiệp hỏi các anh em mình, “Vậy là ban đầu, các anh không thích thái độ của ông ấy. Các anh coi ông ấy là người ủng hộ chủ nghĩa thực dân Pháp; do đó, trong mắt các anh, ông ấy dường như là mối nguy hiểm lớn đối với Việt Nam.” Diệm gật đầu, “Đại loại như

vậy. Chẳng bao lâu sau, ông ấy bắt đầu đưa ra những yêu sách, mà đó cũng là những yêu sách của Pháp.”

Hiệp hỏi thẳng thừng, “Ông ấy yêu cầu anh mở rộng cơ sở chính trị, đưa vào nội các ngày càng nhiều lãnh đạo đối lập. Tại sao yêu sách đó lại làm anh bận tâm?” Diệm, nhận ra kiểu câu hỏi của Hiệp, nhanh chóng trả lời: “Bảo Đại yêu cầu tôi đưa thêm các lãnh chúa vào nội các, vì đó là những người trả hóa đơn và đóng góp vào tài sản của ông ấy. muốn tôi đưa thêm các lãnh chúa vào nội các, vì ông ấy coi các lãnh chúa là những người duy nhất có quân đội trung thành, trong khi tôi không có quân đội nào. Ông ấy cũng muốn các nhà lãnh đạo đối lập tham gia nội các của tôi, vì ông ấy tin vào dân chủ.”

Hiệp tiếp tục, “Vậy, với những mục tiêu hoàn toàn khác nhau, Hoàng đế Bảo Đại, người Pháp và người Mỹ đã nhiều lần yêu cầu anh mở rộng nội các. Anh có chấp nhận yêu cầu của họ không?”

Diệm gật đầu: “Có, ở một mức độ nào đó. Tôi đã mở rộng nội các cho các nhà lãnh đạo Hòa Hảo và Cao Đài, nhưng tôi từ chối tiếp nhận bất kỳ tên cướp Bình Xuyên nào. Nhưng ngay cả những thay đổi nhỏ đó cũng khiến nội các không thể hoạt động bình thường.

Các quyết định quan trọng phải được đưa ra bên ngoài nội các, và được chuyển đến một đơn vị nhỏ trong Dinh Độc Lập.”

Hiệp hỏi: “Đơn vị nhỏ đó bao gồm Thủ tướng, Cố vấn của anh và Lê Xuân. Ngoài ba người các anh ra, trong đơn vị đó còn có những cá nhân mạnh mẽ nào khác không?” Diệm lắc đầu, “Không.” Hiệp bình luận, “Đó có thể coi là khởi đầu của một chế độ độc tài.” Diệm mỉm cười bình thản, “Có thể, có thể; tuy nhiên, chúng tôi biết rằng tình trạng đó sẽ không kéo dài lâu. Chúng tôi đã dự đoán rằng Nội các liên minh sẽ sụp đổ nhanh chóng, và đúng là như vậy.”

Hiệp vẫn khẳng định, “Nhưng, trong thời gian nội các liên minh rối loạn chức năng này tồn tại, và tất cả các quyết định đều do chính anh đưa ra với sự giúp đỡ của cậu mợ Nhu, người ta đã đúng khi nói rằng anh có quyền lực độc tài.” Nhu cau mày, nhưng Diệm đồng ý, “Đúng vậy. Tôi phải sử dụng những quyền lực phi thường đó. Nhưng tôi đã ngay lập tức chia sẻ chúng với Hội đồng Nhân dân Cách mạng.”

Hiệp không hài lòng với câu trả lời; bà hỏi lại, “Hội đồng Nhân dân Cách mạng không phải do anh tạo ra. Vậy mà nhiều người lại nói là vậy. Hội đồng đã cho phép anh thành

lập Nội các mới vào tháng Năm và anh đã làm vậy. Hội đồng ở trên anh, vì anh nhận được sự ủy nhiệm từ Hội đồng. Vì vậy, anh không thể nói rằng anh đã chia sẻ quyền lực với Hội đồng. Tiến trình dân chủ đúng đắn?”

Diệm đáp: “Vâng. Tôi không còn quyền lực đặc biệt nữa. Mọi quyết định giờ đây đều do nội các đưa ra, ngoại trừ những quyết định liên quan đến việc tiến hành chiến tranh.”

Hiệp lắc đầu, “Em e rằng nếu em là Tướng Collins, em cũng sẽ hành động ít nhất một phần giống như ông ấy. Ông ấy thiên vị Tướng Ely. Em sẽ thiên vị bạn bè mình. Ông ấy muốn anh được vây quanh bởi các bộ trưởng thực sự ủng hộ. Em cũng muốn điều tương tự. Ông ấy muốn dân chủ. Làm sao em có thể chỉ trích ông ấy vì đã thực hành những điều ông ấy đã học từ nhỏ? Ông ấy ghét nhìn anh hành động một mình, như một kẻ độc tài. Em không thấy có vấn đề gì với điều đó.”

Trong khi Hoàng và Diệm mỉm cười, đoán được ý của Hiệp, những người còn lại cau mày. Hiệp kết luận, “Điều sai trái trong hành vi của Tướng Collins là ông ấy đã để tình bạn của mình với Tướng Ely đi ngược lại lợi ích của đất nước. Ông ấy đã sai khi nhìn thấy sức mạnh ở nơi không tồn tại, và khi ông ấy không nhìn thấy sức mạnh tiềm ẩn. Một lần

nữa, ông ấy đã sai khi chỉ tin vào khái niệm dân chủ của người Mỹ trên danh nghĩa dân chủ. Ông ấy đã sai khi không thấy anh đang miễn cưỡng chấp nhận những quyền lực phi thường, và rằng anh đang cố gắng loại bỏ chúng càng nhanh càng tốt.”

Trong sự im lặng sau đó, người ta có thể nghe thấy tiếng kim rơi. Một lúc sau, Diệm hỏi: “Chúng ta sai ở đâu?” Hiệp nói: “Anh sai khi không tìm mọi cách dừng để Tướng Collins hiểu sai. Anh thiếu nguồn lực, hoặc thiếu quyết tâm để ông ấy hiểu anh.”

Diệm tiếp nhận lời chỉ trích một cách tích cực. Ông hỏi: “Hậu quả của những sai lầm của chúng ta là gì?” Hiệp nhìn Hoàng. Cô nói: “Sao anh không hỏi Hoàng?” Diệm lại quay sang Hoàng, Hoàng nói: “Rõ ràng là từ giờ trở đi, vì anh không dành thời gian giải thích quan điểm của mình với Tướng Collins, nên người Mỹ sẽ tiếp tục phải chịu đựng những lời chỉ trích tương tự như ông ta. Anh sẽ bị coi là một kẻ cô độc thích quyền lực độc tài, không thể chia sẻ nó với các đối thủ chính trị của mình. Thành công đã khiến anh trở thành người được họ yêu thích, đơn giản vì người Mỹ tôn trọng thành công. Đáng tiếc là họ sẽ nghĩ thành công của anh là do may mắn, một phép màu, một điều gì đó do Chúa

ban tặng, chứ không phải do anh định sẵn hay do anh tự kiếm được.”

Diệm hỏi Hiệp: “Cô có đồng ý với cô ấy không? Đó có phải là điều anh tự nói không?” Hiệp gật đầu. Rồi bà nhìn sang bà Nhu và nói: “Em cũng nghe nói Tướng Collins phản đối Lê Xuân. Chuyện đó cũng sẽ quay lại ám ảnh chúng ta, trừ khi chúng ta có thể giải thích cho mọi người biết tại sao cô ta lại gần trung tâm quyền lực đến vậy.” Lê Xuân nhìn Hiệp, chờ bà nói tiếp. Nhưng Hiệp chỉ mỉm cười với Lê Xuân, không nói thêm lời nào.

CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI NHỮNG NĂM ĐẸP NHẤT

Hiệp ngạc nhiên trước lời mời. Lần này, gia đình Nhu đã mời Ấm và bà đến Sài Gòn vào dịp kỷ niệm ngày cưới. Hiệp nói sẽ nói chuyện với Ấm xem họ có thể đi được không.

Một tháng trước đó, vào ngày 23 tháng 10 năm 1955, một cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc đã diễn ra. Bảo Đại thất bại trong cuộc trưng cầu dân ý đó và ba ngày sau, Diệm trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

*

Vài ngày trước khi cuộc trưng cầu dân ý diễn ra, Bảo Đại đã gửi điện báo rằng Diệm đã bị cách chức. Đó là một hành động vô ích, và là cái kết hoàn hảo cho một triều đại vô ích.

Hiệp gọi điện cho Diệm và hỏi ông có nên nhận lời mời của gia đình Nhu không. Diệm nói rằng ông không biết gì về kế hoạch của Nhu, nhưng ông sẽ rất vui nếu Ấm và Hiệp có thể đến. Bất ngờ thay, Ấm lại miễn cưỡng

đến Sài Gòn. Ông nói rằng ông sẽ hạnh phúc hơn nếu có thể tránh xa “Tổng thống”.



Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Hiệp đã nhận thấy Ấm tránh mặt Diệm trước đây. Giờ bà muốn biết lý do, và lần này Ấm đã có một câu trả lời rất thẳng thắn. Ông nói, “Anh là một doanh nhân, một doanh nhân thành đạt. Anh không muốn mọi người nghĩ rằng thành công của anh là nhờ gia đình em.” Hiệp hiểu rõ những gì ông nói, nhưng bà cảm thấy Ấm vẫn chưa nói hết. Bà hỏi tiếp, “Còn những lý do nào khác nữa?”

Ấm bước đi. Ông đứng rất lâu trước cửa sổ, nhìn ra cảnh vật trong khi suy ngẫm câu hỏi của bà. Hiệp kiên nhẫn chờ đợi. Cuối cùng, Ấm nói, “Anh e rằng Tổng thống cho phép gia đình Nhu có quá nhiều quyền lực ở Sài Gòn.” Hiệp hỏi, “Điều đó có gì sai?” Ấm bắt đầu hơi khó chịu với những câu hỏi của bà. Rồi ông nhận ra rằng vợ mình chỉ hỏi theo thói quen. Ông ta lấy lại bình tĩnh trước khi trả lời: “Em biết điều đó có gì sai không. Tổng thống chỉ có một đam mê trong đời: Đất Nước. Đam mê lớn nhất của anh Nhu là vợ. Mục tiêu sống của họ không trùng khớp.”

Hiệp phản đối: “Nhu cũng yêu đất nước.” Ấm đáp: “Tất cả chúng ta đều yêu đất nước. Tuy nhiên, anh sẽ không so sánh tình cảm của chúng ta dành cho đất nước với tình cảm của Tổng thống.”

Hiệp hỏi: “Còn Lệ Xuân thì sao?” Ấm thở dài và bước ra khỏi phòng mà không hề trả lời. Hiệp cảm thấy bị tổn thương. Cô biết rằng Ấm đã hình thành quan điểm của mình về Lệ Xuân từ rất lâu rồi. Đó là một chủ đề mà Hiệp chưa bao giờ cố gắng đề cập đến. Tuy nhiên, bà biết Ấm đã nghe rất nhiều về Lệ Xuân từ Khôi và Diệm khi anh đi săn cùng họ.

Ấm là một thợ săn khá giỏi, và ông thích đi săn cùng các anh vợ. Mỗi lần trở về sau một

chuyến đi sẵn như vậy, Hiệp đều biết ngay rằng Lê Xuân đã là một chủ đề được bàn tán. Bà hiểu rõ những người đàn ông của mình. Bà biết họ sẽ không buồn chuyện hay nói xấu gì về bà. Nhưng thông điệp rất rõ ràng: Lê Xuân có thể gây rắc rối.

Giờ đây, giữa lúc Diệm đang thăng thế, Ấm tỏ ý muốn tránh xa Tổng thống để tránh gặp Lê Xuân. Hiệp biết rằng việc Ấm ngần ngại đến gần Diệm cũng sẽ khiến bà không thể gặp Diệm thường xuyên như trước. Bà rất thất vọng, nhưng bà hiểu lập trường của chồng mình. Bà gọi điện cho Nhu và nói với ông rằng hiện tại, Ấm và bà không thể rời khỏi Huế. Hiệp nghĩ rằng bà nghe thấy sự thất vọng trong giọng nói của ông, nhưng cũng có một chút nhẹ nhõm, khi ông nói, “Vậy thì, chúng ta sẽ gặp lại nhau vào mừng hai Tết, ba tháng nữa.”

*

Cuộc họp thường niên diễn ra tại Huế đầu năm 1956 mang tính thực tế hơn những cuộc họp khác. Mọi người đều tập trung vào việc chuẩn bị cho một đám cưới. Quả thực, Trần Trung Dzung, Bộ trưởng Quốc phòng của Diệm, và Nguyễn Thị Hoàng Anh, cháu gái của Diệm, sẽ kết hôn sau các cuộc thảo luận thường niên. Diệm vui mừng khi một trong

những người cháu gái của ông sắp kết hôn với một trong những trợ lý thân cận nhất của ông tại Nhà thờ Phủ Cam ở Huế, cạnh nhà của cha ông.



Nguyễn Thị Hoàng Anh 1956.



Ông Diệm dự đám cưới của con gái của Hoàng, Nguyễn Thị Hoàng Anh và Trần Trung Dzung tại Huế (1956).

*

Diệm và Nhu nào ngờ rằng hai người mới cưới sẽ là những người đầu tiên được chính quyền quân sự cho phép nhìn thấy thi thể của họ trong bệnh viện sau khi họ bị chính quyền quân sự sát hại bảy năm sau đó. Ngô Đình Cẩn cũng không biết rằng bảy năm sau, Hoàng Anh bị chính quyền quân sự (tin một cách vô lý rằng gia đình Ngô Đình có tiền cất giấu ở đâu đó) yêu cầu trả hàng triệu đô la tiền chuộc mạng sống. Họ đâu biết rằng một thành viên vô danh khác trong gia đình họ sẽ

bị đưa ra ánh sáng trong câu chuyện bi thảm của họ vào cuối câu chuyện.

Lưu ý: Mặc dù một số người chỉ trích gia đình Ngô Đình cho rằng Trần Trung Dzung không trung thành với Tổng thống Diệm, nhưng lập luận của họ không có cơ sở thực tế. Một số người cũng nói rằng chính quyền quân sự lật đổ Diệm đã sợ Dzung và để ông ta yên sau cuộc đảo chính vì ông ta biết quá nhiều - với tư cách là Bộ trưởng Quốc phòng - về những bí mật nhỏ của các tướng lĩnh; nhưng điều đó cũng chưa bao giờ được chứng minh.

Diệm đang nói chuyện điện thoại, khá phấn khích. Đó là ngày 26 tháng 4 năm 1956. Những đơn vị cuối cùng của Quân đoàn Viễn chinh Pháp đã diễu hành lần cuối trên đường phố Sài Gòn vào sáng hôm đó, và sau đó họ đã rời đi. Sự hiện diện của quân đội Pháp mà Diệm liên tục tuyên bố là không phù hợp với nền độc lập hoàn toàn đã trở thành chuyện dĩ vãng.

Diệm nói: “Xin hãy đến thắp một ngọn nến trên bàn thờ của Cha.” Hiệp đã định trả lời: “Bảo cậu Cần làm việc đó.” Nhưng bà đã kiềm chế được bản thân. Bà không muốn làm hỏng ngày trọng đại của Diệm. Giờ đây, Tướng Trần Văn Soái đã đầu hàng, quân Pháp đã rút lui và Quốc hội Lập hiến

đã được bầu, Diệm xứng đáng được khen ngợi và khích lệ. Tuy nhiên, Hiệp không hài lòng với toàn bộ tình hình.

Thứ nhất, Luyện giờ đã được an toàn cất giấu với tư cách là Đại sứ tại Triều đình St. James. Những người ủng hộ Luyện giờ đây lại cáo buộc gia đình Nhu âm mưu loại bỏ Luyện và giành thêm quyền lực gần Diệm, do sự ra đi của Luyện. Trước đó, Luyện là một Đại sứ lưu động, báo cáo trực tiếp với Diệm và thường xuyên trở về Sài Gòn. Tuy nhiên, từ giờ trở đi, Luyện sẽ phải hành động như một nhà ngoại giao chính thức. Ông ta sẽ phải tuân thủ quy tắc ngoại giao và báo cáo với Bộ trưởng Ngoại giao. Việc tiếp cận Diệm của ông ta bị hạn chế đến mức tối thiểu.

Thứ hai, tại Huế, mặc dù Diệm đã nói chuyện cứng rắn với Cần trong dịp Tết Nguyên đán trước đó, Cần vẫn tiếp tục nắm giữ ngày càng nhiều quyền lực, vì không ai trong số các quan chức miền Trung Việt Nam đứng lên chống lại ông ta.

May mắn thay, mọi thứ đang chuyển biến tốt đẹp hơn trong nước. Kẻ thù của Diệm tạm thời im lặng, không dám thách thức sự ủng hộ của Diệm.

Hiệp hỏi Diệm: “Anh có vui không?” Diệm nói với giọng vui vẻ: “Tất nhiên là tôi vui rồi.

Đây là ngày hạnh phúc nhất đời tôi. Quân Pháp đã rút đi.” Hiệp nói: “Mọi người ở Việt Nam, cả miền Nam lẫn miền Bắc đều nên vui mừng vì điều đó. Nhưng em không hỏi về đất nước. Em hỏi về anh.”

Diệm im lặng. Hiệp, cảm nhận được nỗi đau của Diệm, vội vàng hỏi: “Anh Diệm có chuyện gì vậy?” Diệm im lặng một cách kiên quyết. Hiệp gắng hỏi: “Anh đang bận tâm điều gì? Lạy Chúa, hãy nói cho em biết.” Diệm nói: “Nói thì dài dòng quá. Có quá nhiều hiềm khích giữa các phe phái ở các tỉnh miền Tây. Cuộc chiến với đội quân Hòa Hảo có thể sẽ gây ra nhiều thương vong hơn dự kiến. Tôi e rằng một số người thân cận của tôi có thể lợi dụng chiến tranh để trả thù cũ.”

Hiệp hỏi: “Anh không thể loại bỏ những người đó sao?” Diệm đáp: “Ta cần họ lúc này. Họ là những người duy nhất biết rõ các tỉnh miền Tây. Ta đã trao toàn quyền cho họ rồi.” Hiệp kêu lên: “Anh Diệm, hãy trừ khử họ đi!” Diệm thở dài: “Tôi không thể.”

Hiệp khẳng khái: “Hãy nhớ đến Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ. Ông ấy rất quý mến anh. Ông ấy đã giới thiệu anh với tất cả các tướng lĩnh tương lai của mình. Anh không nên để ai giết họ chỉ để trả thù cũ.”

Diệm nói: “Đức Thầy nói với tôi rằng ông

ấy quý mến Nguyễn Giác Ngộ và Lâm Thanh Nguyên. Cả hai vị tướng này đều bình an. Tướng Trần Văn Soái đã đầu hàng; ông ấy cũng bình an. Đức Thầy nói với tôi: ‘Người tài giỏi nhất, nhưng lại kém đức độ nhất là Lê Quang Vinh. Ông ấy đã gây chiến với quân ta. Ông ấy không an toàn. Ông ấy đã tạo ra rất nhiều kẻ thù.’

Hiệp bình luận: “Mọi người đều nói rằng hoặc anh, hoặc người nhà anh, đang quyết định mọi việc trong nước. Giờ em thấy anh cũng chẳng có quyền lực gì. Tuy nhiên, lần này em muốn thấy anh dùng quyền lực của mình để loại bỏ những kẻ có thể tước đoạt quyền kiểm soát đất nước.”

Diệm nói: “Hôm nay chúng ta hãy ăn mừng. Mọi chuyện có thể đợi đến ngày mai. Đừng quên thả nển cầu nguyện.”

*

Từ khi lên nắm quyền, Diệm đã tìm mọi cách để tìm hài cốt của Khôi. Theo thông tin cuối cùng trước khi Khôi bị giết, anh ở gần Hiền Sĩ, cách Huế khoảng 20 km về phía bắc.

Gia đình biết rằng anh đã bị giết ở đâu đó gần Hiền Sĩ và được chôn cất tại nơi hành quyết. Cuối năm 1955, đã có một bước đột phá. Cha mẹ của hai chiến sĩ Việt Minh, những người có mặt tại buổi hành quyết, nói

với các quan chức địa phương rằng con trai họ có thể biết về địa điểm này. Thật không may, đơn vị của họ đã được chuyển ra Bắc Việt Nam sau Hiệp định Geneva.

Cần đã gặp gỡ các quan chức địa phương và cha mẹ của những người lính. Hai trong số cha mẹ đã tình nguyện ra Bắc Việt Nam để nói chuyện với các con trai của họ. Vài tháng sau, họ trở về từ Bắc Việt Nam, mang theo một số bản đồ thô. Nhờ những bản đồ này, khu vực tìm kiếm được thu hẹp lại thành một dải rừng thưa gần rừng Báo Đen.

Việc đào bới bắt đầu vào tháng 5 năm 1956, và chẳng bao lâu sau, hài cốt của ba thi thể được tìm thấy trong một ngôi mộ nông. Việc nhận dạng sơ bộ được thực hiện ngay tại chỗ. Cặp kính của Phạm Quỳnh, áo choàng và khăn xếp của Ngô Đình Khôi, cũng như chuỗi tràng hạt ông đeo trên người, đã giúp xác định rằng hài cốt là của Khôi, con trai ông, Huân, và Phạm Quỳnh.

Hiệp và Hoa, vợ góa của Khôi, khóc khe khẽ khi ba chiếc quan tài được đưa về Huế. Ba chiếc quan tài được làm bằng cùng một loại gỗ. Chúng có cùng hình dạng và được trang trí bằng cùng một hình chạm khắc, sơn cùng một màu. Diệm đã chỉ thị rằng không được có bất kỳ sự khác biệt nào giữa những người chết.

Cần đứng bất động, nước mắt chảy dài trên má. Ông quay sang Hoa và nói: “Tôi muốn tổ chức tang lễ cấp quốc gia cho anh ấy.” Hoa nhìn Cần, ngạc nhiên. Bà nói: “Tôi sẽ không cho phép.” Giọng nói của bà đầy quyết tâm khiến Hiệp cảm thấy mình nên ủng hộ Hoa: “Đó sẽ là một đám tang gia đình.”

Hiệp sững sốt trước những gì đang xảy ra. Tại sao lại có sự đối đầu như vậy, vào một dịp như thế này? Nhưng, sự đối đầu là không thể tránh khỏi. Trong nhiều tháng, Cần đã nói chuyện với Hiệp về việc ông muốn tổ chức tang lễ như thế nào, bất cứ khi nào hài cốt của Khôi được tìm thấy. Trong nhiều tháng, khi biết rằng hài cốt sẽ sớm được tìm thấy, Hoa đã tâm sự với Hiệp rằng bà muốn tổ chức tang lễ trong phạm vi gia đình.

Vậy là, hai người yêu thương Khôi nhất trong đời giờ đây đang tranh cãi nhau về cách chôn cất anh. Hiệp cảm thấy quá thất vọng nên bà nắm tay Hoa; và dẫn bà Hoa ra khỏi những chiếc quan tài và đám đông người đưa tang. Trong khu vườn nhà mẹ bà, họ ngồi xuống cạnh nhau. Đầu tháng 5, nhưng cả Hoa lẫn Hiệp đều không nhìn những bông hồng nở rộ khắp vườn hồng mà Diệm đã tạo dựng từ nhiều năm trước.

Hoa nói: “Từ nay, tôi có thể mang hoa tươi

đến viếng mộ họ mỗi ngày.” Giọng bà có chút đắc thắng. Rồi bà nói thêm: “Chồng và con trai tôi là những người yêu nước. Nếu họ muốn phủ cờ Tổ quốc lên quan tài của họ, như bất kỳ người lính nào đã hy sinh, tôi cũng không phản đối. Nhưng họ chẳng làm được gì to tát cho đất nước. Tại sao Cần lại tin rằng chồng tôi nên được tổ chức quốc tang?”

Hiệp nói với Hoa: “Chị là người quyết định. Cậu Cần không nên can thiệp vào nguyện vọng của chị.” Hoa cười cay đắng: “Giờ cậu ấy chẳng phải là Tổng đốc Trung Kỳ sao? Mọi nguyện vọng của cậu ấy đều phải được tuân theo, đúng không?” Sự cay đắng và phẫn nộ của Hoa khiến Hiệp kinh hãi. Bà nói: “Cậu ấy không phải là Tổng đốc. Cậu ấy không giữ chức vụ gì. Cậu ấy không có trách nhiệm chính trị nào cả.” Hoa gật đầu, rồi van nài: “Vậy thì, xin hãy đảm bảo rằng chồng và con trai tôi được chôn cất riêng tư.”

Hoa nói như thể đang cầu nguyện. Hiệp cảm thấy vô cùng tức giận. Bà nói: “Cậu Cần không có quyền làm hại chị. Chị đi với em. Chúng ta sẽ gọi anh Diệm.” Hoa cười yếu ớt và nói: “Sao cô lại nói chuyện với chú Diệm?” Hiệp nói: “Trong gia đình chúng ta, sau khi anh Khôi mất, mỗi khi có mâu thuẫn, chỉ có anh Diệm mới có thẩm quyền làm trọng tài.”

Hoa nói: “Chị cứ tưởng cô là người phân xử trong các cuộc cãi vã gia đình chứ.”

Họ nhanh chóng gọi điện cho Diệm. Hoa nói thẳng: “Thưa Tổng thống, chú Cần muốn tổ chức quốc tang cho chồng tôi. Tôi muốn giữ kín chuyện này.” Diệm kêu lên: “Chị là người duy nhất quyết định chuyện này, chị Hoa. Chú Cần phải tuân theo ý muốn của chị.”

Hoa đưa ống nghe cho Hiệp, Hiệp nói: “Vậy thì, anh làm ơn nói rõ với Cần điều này. Chúng tôi không thể che giấu mọi việc với tư cách là Tổng thống của anh được. Đây là chuyện riêng tư. Chúng ta cần giữ kín.”

Diệm hơi ngạc nhiên trước sự giận dữ trong giọng nói của Hiệp. Ông hỏi: “Theo những gì tôi nghe được, hình như cả hai người đều đang tức giận. Có phải Cần cư xử không tốt không?” Hoa lắc đầu, ra hiệu cho Hiệp rằng Diệm không nên bận tâm. Hiệp đáp: “Cho đến nay, cậu ta chưa làm gì sai, ngoại trừ việc cố gắng hành động như thể chúng ta là một gia đình hoàng gia. Xin hãy dừng tất cả những điều vô nghĩa của cậu ta lại.”

Hoa nhẹ nhàng cầm lấy ống nghe từ tay Hiệp. Bà nói với Diệm: “Có thể tôi đã phản ứng thái quá. Những gì Hiệp vừa nói có thể xuất phát từ những lời chỉ trích của tôi về Cần.”

Diệm không tin và có vẻ rất không hài lòng về hành vi của em trai mình. “Khi cô Hiệp nói điều gì đó, cô ấy không nói một cách nhẹ nhàng. Tôi sẽ phải xem xét vấn đề một cách nghiêm túc. Hiện tại, xin hãy sắp xếp mọi thứ cần thiết cho tang lễ. Sẽ không ai can thiệp vào mong muốn của chị.”

Khi họ bước ra vườn lần nữa, Hoa nói: “Dù tôi có làm gì đi nữa, tôi đoán sẽ có một đám đông quan chức đến dự tang lễ.” Nụ cười của Hiệp thoáng chút buồn khi bà đáp: “Đó là cái giá tất yếu mà chúng ta phải trả.”

Hoa lo lắng hỏi Hiệp: “Nghe cô có vẻ chán nản. Có chuyện gì vậy?” Hiệp buồn bã nói: “Em đang dần xa cách các anh em của mình.” Hoa kêu lên: “Ôi, xin đừng làm vậy. Họ cần cô bây giờ, hơn bao giờ hết.”

*

Di hài của Khôi và Huân được chôn cất tại gò đất của gia đình, bên cạnh mộ của Ngô Đình Khả ở Phú Cam. Các con của Phạm Quỳnh chôn cất di hài của ông trong khuôn viên chùa Vạn Phước ở Bến Ngự. Hoa mang hoa tươi đến mộ chồng và con trai mỗi ngày cho đến khi bà qua đời. Các sư thầy ở chùa Vạn Phước, những người đã nhận được sự hào phóng của Phạm Quỳnh khi ông còn sống, đã chăm sóc mộ của Phạm Quỳnh.

*

Lúc đó là nửa đêm và như thường lệ, Tướng Lê Quang Vinh đang ở trên chiếc thuyền máy nhỏ của mình cùng bốn cận vệ được trang bị vũ khí đầy đủ. Bất chấp sự đào ngũ của nhiều tiểu đoàn, và bất chấp sự hiện diện của quân đội quốc gia trong lãnh địa của mình, Vinh vẫn là vị lãnh chúa đáng sợ của vùng đầm lầy. Mỗi đêm, ông ta đều di chuyển bằng thuyền, với một đội hộ tống nhẹ, dọc theo những con kênh mà ông ta rất quen thuộc. Vệ binh Quốc gia, núp sau những tháp canh mong manh, không bao giờ dám ngăn cản ông ta.

Thỉnh thoảng, từ một tháp canh, một Vệ binh Quốc gia sẽ hỏi chiếc xuồng máy chạy ngang qua: “Ai đó?” Một trong những vệ sĩ trên xuồng sẽ chửi rửa và hét lại: “Anh Ba đến rồi.” Lê Quang Vinh được gọi là Ba Cụt. Chỉ cần một nửa biệt danh của ông là đủ để làm im tiếng Vệ binh Quốc gia đang hoảng sợ, và xuồng máy của Vinh sẽ đi qua mà không gặp thêm vấn đề gì nữa.

Tướng Vinh kiểm tra các vị trí của mình mỗi đêm, để cho quân lính thấy rằng ông muốn ở giữa họ. Ông cũng cố gắng đến thăm các làng mạc, gặp gỡ một số tình nhân của mình và chinh phục những cô gái đang hoảng sợ. Thói quen hoạt động về đêm của ông không phải

là điều xa lạ với Nguyễn Ngọc Thơ, Đặc phái viên của Tổng thống Diệm, và Tướng Dương Văn Minh, chỉ huy các đơn vị quân đội hoạt động ở các tỉnh miền Tây.

Vào đêm định mệnh đó, một Vệ binh Quốc gia đã hỏi Tướng Vinh khi họ đến gần một tiền đồn nhỏ trên bờ kênh tại Chắc Cà Đao. Chàng trai trẻ trên tháp canh hét lên: “Ai đó?” Một cận vệ của Vinh hét lên: “Anh Ba đến rồi.” Giọng nói từ tháp canh vang lên đầy giận dữ: “Dù là ai thì cũng phải xuống đây để kiểm tra.”

Lời nói của thiếu niên khiến những người trên xuồng máy sững sốt. Cận vệ của Vinh đã sẵn sàng nã đạn vào tháp canh, nhưng Tướng Vinh giơ tay ra hiệu không được bắn. Vinh ra lệnh cho người hộ tống lên bờ. Ông nhảy ra khỏi xuồng và đi trước cận vệ, hy vọng một số vệ binh lớn tuổi hơn trong đồn sẽ nhận ra mình và xin lỗi.

Thấy Vinh bước đi trước bốn cận vệ có vũ trang, những người trong đồn đều sợ hãi. Liệu họ có thách thức một sĩ quan cấp cao nào của quân đội không? Sự điềm tĩnh và bình tĩnh của người đàn ông trước mặt họ không để lại bất kỳ nghi ngờ nào. Chắc chắn ông ta là một nhân vật quan trọng, nếu ông ta có quyền được hộ tống bởi cận vệ có vũ trang.

Người chỉ huy của đội mười hai người chạy đến chào ông ta. Vinh cũng chào lại. Đúng lúc đó, tiểu đội trưởng Vệ binh Quốc gia nhận thấy bàn tay của Vinh bị cụt một ngón tay. Nghe tin Vinh bị cụt ngón tay, anh ta nhận ra rằng mình đang đứng trước mặt một thủ lĩnh Phật giáo Hòa Hảo tàn bạo nhất.

Anh ta tự nguyện rửa mình vì đã bị điều động đến đó chỉ đêm hôm trước, cùng với tiểu đội của mình. Anh ta nguyện rửa số phận, không biết rằng Nguyễn Ngọc Thơ và Tướng Dương Văn Minh đã cố tình dàn dựng việc điều động nhanh chóng này đêm hôm trước. Giờ đây, khi đã nhận ra vị tướng Hòa Hảo, tiểu đội trưởng không còn lựa chọn nào khác. Anh ta phải bắt giữ ông ta nếu không sẽ bị giết.

Người của anh ta cũng hiểu rõ tình hình. Nhận được tín hiệu nhanh chóng từ anh ta, họ đồng loạt xông vào các vệ sĩ và Tướng Vinh, tước vũ khí của họ. Quân lính tiền đồn trói họ lại và gọi điện đến bộ chỉ huy quân đội gần nhất. Ngay đêm đó, Đặc phái viên Nguyễn Ngọc Thơ và Tướng Dương Văn Minh đến cùng với một số lượng lớn quân lính. Rạng sáng hôm sau, họ đã đưa vị tướng Hòa Hảo đến nhà tù tỉnh. Con hổ Hòa Hảo hung dữ cuối cùng đã bị nhốt vào lồng.

*

Sau khi người bạn của ông, Tướng Trình Minh Thế, qua đời, Diệm đã ra Huế, lòng buồn bã. Giờ đây, vài ngày sau vụ hành quyết Tướng Lê Quang Vinh, Diệm trở lại Huế, cố gắng lấy lại sự bình yên trong tâm hồn.

Tướng Lê Quang Vinh đã bị Tòa án Hình sự kết án tử hình, đã kháng cáo và thua kiện. Ông cũng bị Tòa án Quân sự kết án tử hình.

Diệm đã dành nhiều ngày tranh luận với các phụ tá về cách giảm án trong khi áp lực từ những kẻ thù và đồng minh cũ của Lê Quang Vinh ngày càng gia tăng: sẽ rất nguy hiểm cho những người đã giúp chính phủ, hoặc đã đào tẩu sang phe chính phủ trong cuộc chiến chống lại Tướng Vinh, nếu Diệm tỏ ra khoan hồng.

Diệm vẫn còn sức mạnh tha thứ. Tuy nhiên, mọi lời khai mà ông nhận được đều khẳng định rằng sẽ không ai ở các tỉnh miền Tây được sống trong hòa bình nếu Vinh được ân xá. Nguyễn Ngọc Thơ và Tướng Dương Văn Minh nói với Diệm rằng ông không nên cứu mạng một kẻ hiếp dân, một kẻ giết người, một kẻ bị kết án phản quốc. Họ nhắc Diệm rằng ông đã trao cho họ toàn quyền đối phó với quân đội Hòa Hảo.

Vào đêm trước ngày hành quyết Vinh, Diệm

không ngủ được. Ông đi đi lại lại trong dinh thự. Tuần trước, Tướng Vinh đã bày tỏ ý định cải đạo sang Cơ Đốc giáo, và Diệm không biết phải nghĩ gì về việc cải đạo này. Đến nửa đêm, các cận thần trong dinh thự đến báo rằng Tướng Vinh vừa được rửa tội và đã yêu cầu Tổng thống không cảm thấy có trách nhiệm về cái chết của mình.

Diệm đau khổ suốt đêm đó, và sáng hôm sau, khi Vinh bị hành quyết ở Cần Thơ, Diệm đang quỳ gối trong nhà nguyện của mình, cầu nguyện cho người mà ông không thể tha thứ.

Giờ đây, ở Huế, Diệm vẫn đang tự hỏi mình có thể làm gì để cứu mạng Tướng Vinh. Một vấn đề khác, một vấn đề lớn hơn nhiều, đang ám ảnh ông. Ông đã chứng kiến, và cảm thấy một lòng căm thù nguyên sơ, thuần túy trào ra từ một số người thân cận. Làm sao ông có thể tiếp tục làm việc với họ khi ông đã chứng kiến khuôn mặt họ méo mó vì lòng căm thù đó?

Cả Nhu lẫn Cần đều không giúp được gì. Họ nói với ông, không hề căm thù, nhưng cũng không hề thương cảm, rằng Tướng Lê Quang Vinh đáng chết. Ông đã quay sang Thục. Nhưng Thục đã nói đúng rằng ông từ chối làm cha giải tội cho Diệm.

Diệm biết mình đã đến Huế để gặp em gái.

Điều đó khiến ông ngại ngùng. Ông nhắc máy hàng chục lần, mỗi lần lại vội vàng đặt ống nghe xuống. Ông tự hỏi chuyện gì đang xảy ra. Hiệp đến nhà mẹ mỗi ngày. Tại sao cô lại chọn không đến khi ông ở Huế?

Chiều muộn, Hiệp đến. Bà không hề tỏ ra ngạc nhiên khi thấy Diệm ở đó. Bà vào trong nói chuyện với bà Khả. Trong phòng khách, Diệm kiên nhẫn chờ bà. Cuối cùng bà cũng ra.

Hiệp nói không cần mở đầu: “VẬY là những người thân cận với anh đã thành công trong việc giết Tướng Lê Quang Vinh à?” Diệm, tức giận, muốn mắng bà một trận, nhưng rồi nhận ra mình chưa bao giờ mắng bà. Ông kiềm chế cơn nóng giận và đáp: “Ông ta phải trả giá cho tội ác của mình. Ông ta phạm đủ thứ tội. Tòa án Hình sự và Tòa Phúc thẩm đã xét xử vụ án của ông ta một cách vô tư nhất và tuyên án tử hình. Tòa án Quân sự cũng tuyên án tử hình.”

Hiệp hỏi với giọng mỉa mai: “Tất nhiên, Tòa án Quân sự cũng vô tư sao? Vậy thì, hãy nói cho em biết tại sao anh lại lo lắng như vậy?” Diệm im lặng. Hiệp nhìn ông một lúc, rồi đột nhiên, bà nhận ra mình không nên nói chuyện với ông như vậy. Bà đến ngồi xuống trước mặt ông, lặng lẽ chờ ông nói.

Diệm dường như đang chìm trong một

giấc mơ đau đớn. Cuối cùng ông nói: “Cô còn nhớ ngày 26 tháng 4 không? Đó là ngày hạnh phúc nhất đời tôi. Tôi gọi cho cô hôm đó, vào buổi tối, khi những đơn vị Pháp cuối cùng đã lên tàu và chuẩn bị rời Sài Gòn. Tôi gọi để nhờ cô đến thắp một ngọn nến trên bàn thờ Cha. Ngay cả trong ngày hạnh phúc nhất đời tôi, tôi cũng rất băn khoăn trước lòng căm thù tột độ của một số người thân cận với tôi. Cô còn nhớ không?”

Hiệp gật đầu. Phải, bà nhớ rất rõ. Những gì Diệm cảm thấy, ông đã truyền lại cho bà, và sau cuộc điện thoại đó, bà đã theo dõi cuộc chiến chống lại Hòa Hảo với nỗi lo lắng ngày càng tăng. Bà cảm thấy lòng căm thù khi theo dõi phiên tòa xét xử Tướng Lê Quang Vinh. Bà đã nhiều lần muốn nhắc điện thoại lên và yêu cầu Diệm tha thứ cho vị tướng, bất kể chuyện gì đã xảy ra, bất kể ông ta đã phạm tội gì. Cuối cùng, bà đã không làm vậy. Bà biết rằng ngay cả khi bà gọi, Diệm cũng sẽ không thể tha thứ cho Vinh.

Diệm kêu lên: “Hận thù là một sự lệch lạc. Hận thù là một điều ghê tởm. Tôi không thể đối phó với hận thù. Tôi không thể đối phó với những người bị thù hận thiêu đốt. Tất cả bắt nguồn từ thời Nguyễn Ngọc Thơ làm Tỉnh trưởng Long Xuyên, và vị lãnh chúa trẻ

tuổi Lê Quang Vinh chỉ giữ cấp bậc Thiếu tá. Nguyễn Ngọc Thơ là người được Pháp sủng ái, trong khi Thiếu tá Vinh là một lãnh chúa mà thời kỳ liên minh với Pháp không bao giờ kéo dài quá vài tháng.”

Hiệp hỏi: “Hai người gặp nhau lần đầu như thế nào?” Diệm trả lời: “Người Pháp giao cho Nguyễn Ngọc Thơ tỉnh Long Xuyên, bao gồm Thánh địa Hòa Hảo và cả khu vực hoạt động của Thiếu tá Lê Quang Vinh. Thơ nghĩ rằng mình có sự ủng hộ hoàn toàn của người Pháp. Ông ta không biết rằng người Pháp cần Thiếu tá Vinh hơn họ cần ông ta. Thơ muốn đánh Thiếu tá Vinh, Thiếu tá trả đũa bằng cách mai phục giết Thơ. Tuy Thơ thoát nạn, nhưng ông ta vẫn sợ hãi đến phát ốm. Ông ta đến gặp quân Pháp và nhờ họ giúp trừ khử Thiếu tá Vinh. Tuy nhiên, quân Pháp lại muốn đuổi Thơ khỏi Long Xuyên.”

Hiệp hỏi: “Đó là cách thù hận bắt đầu? Còn lý do nào khác không?” Diệm gạt đầu: “Khi giải pháp Bảo Đại được người Pháp áp dụng, Thơ đã dàn xếp sự đầu hàng của lãnh chúa Hòa Hảo Nguyễn Giác Ngộ. Bằng cách khiến Nguyễn Giác Ngộ đầu hàng, Thơ đã đảm bảo cho mình sự ủng hộ của Hoàng đế, chia rẽ hàng ngũ Hòa Hảo.” “Chỉ có vậy thôi sao?” Hiệp hỏi.

Diệm tiếp tục: “Vào tháng 3 năm nay, các lãnh chúa Hòa Hảo Trần Văn Soái và Lê Quang Vinh đã yêu cầu cách chức bốn bộ trưởng khỏi Nội các của tôi. Vì tranh thủ thời gian, tôi đã phải sa thải họ. Như cô đã biết, một trong số họ là Nguyễn Ngọc Thơ. Nguyễn Ngọc Thơ đã trở về ngay khi cuộc chiến chống lại quân đội Hòa Hảo bắt đầu. Ông ấy tình nguyện làm cố vấn cho Tướng Dương Văn Minh. Tôi đã bổ nhiệm ông ấy làm Đặc phái viên, vì ông ấy am hiểu khu vực này. Lúc đó tôi không biết động cơ của ông ấy là trả thù.”

Hiệp hỏi: “Còn Dương Văn Minh thì sao?” Diệm trầm ngâm một lúc rồi trả lời: “Không ai biết rõ ông ta cả. Ông ta là con trai của bạn thân nhất của Nguyễn Ngọc Thơ. Đó là lý do tại sao Minh gọi ông ta là ‘Chú’. Ông ta từng ở trong quân đội Pháp, sau đó làm việc với Nhật Bản. Khi Pháp trở lại, ông ta bị bắt và bị tra tấn. Ông ta nói với tôi: ‘Ông ta đã phục vụ rất tốt trong cuộc chiến chống Bình Xuyên, mặc dù sau này, chúng tôi phát hiện ra rằng ông ta đã giữ lại một phần kho bạc Bình Xuyên chiếm được ở Rừng Sát cho riêng mình. Được quân đội của ông ta yêu mến, ông ta ghét Hòa Hảo và họ ghét ông ta.’”

Hiệp bình luận: “Trong phiên tòa xét xử Tướng Lê Quang Vinh, em nhớ rằng tất cả

hồ sơ về tội ác của Tướng Lê Quang Vinh đều đến từ nhóm Nguyễn Ngọc Thơ.” Diệm thở dài: “Bây giờ họ đang rất tức giận, vì tôi đã ra lệnh cho Đại sứ quán của chúng tôi ở Bangkok cấp hộ chiếu và thị thực cho vợ của Tướng Vinh, để bà ấy có thể sang Pháp. Theo quan điểm của tôi, bà ấy không phạm tội gì cả. Chúng tôi không có quyền từ chối cấp thị thực cho bà ấy.”

Diệm lắc đầu và im lặng. Hiệp hỏi: “Còn điều gì anh chưa nói với em không?” Diệm thừa nhận: “Vâng. Tôi chưa nói với cô rằng tôi đã chấp thuận yêu cầu của Tướng Lê Quang Vinh được chôn cất trên núi Sam ở Long Xuyên. Vài ngày sau, có tin xác của ông đã bị khai quật và bị chặt thành từng mảnh. Người ta nghi ngờ một phụ tá của Tướng Dương Văn Minh chịu trách nhiệm cho hành động báng bổ man rợ đó. Nhưng, cận vệ và phụ tá của Dương Văn Minh.”

Diệm lại rơi vào im lặng kéo dài. Hiệp làm ông giật mình khi hỏi: “Anh định làm gì? Anh đã vây quanh mình quá nhiều người đã phản bội anh, hoặc đã hành động theo cách khiến anh mất đi sự tôn trọng đối với họ.”

Diệm nói: “Nhưng nếu tôi loại bỏ tất cả bọn họ, anh chị em tôi sẽ còn lại gì? Khi đó, người ta sẽ có lý do chính đáng để nói rằng

gia đình chúng ta thống trị chính phủ.” Hiệp nhìn anh trai mình. Ông không mất niềm tin, nhưng chắc chắn ông đã mất đi một phần sự ngây thơ của mình.

*

Ngày 22 tháng 2 năm 1957, Hiệp đang nói chuyện với Cần thì phụ tá quân sự của ông, Đại úy Nguyễn Văn Minh, chạy vào, “Có người đã bắt Tổng thống.” Hiệp tái mặt. Minh, thở hỗn hển, cố gắng báo cáo, “Tổng thống không bị thương.”

Đó là báo cáo đầu tiên Hiệp nhận được về vụ ám sát hụt Diệm. Cần gọi điện thoại và thấy một trong những phụ tá của Diệm ở đầu dây bên kia.

Diệm đang ở Ban Mê Thuột, Tây Nguyên. Ông ta đến đó để khai mạc Hội chợ Ban Mê Thuột. Sáng sớm, người dân các buôn làng trong vùng đã tập trung để chào đón Diệm. Khi Diệm đến và tiến lên bục phát biểu, đám đông reo hò cuồng nhiệt. Người dân các buôn làng biết Diệm coi trọng họ đến nhường nào, ông ta mong muốn xóa bỏ những khác biệt về kinh tế và xã hội giữa người dân vùng cao và người dân vùng đồng bằng đến nhường nào.

Trong khi tiếng hoan hô và tán dương vẫn tiếp diễn, một thanh niên tiến đến bục phát biểu, rút súng tiểu liên ra và bắn. Diệm

quay lại và thấy Bộ trưởng Cải cách Ruộng đất đứng sau mình bị thương nặng. Ông quỳ xuống và nói chuyện với ông ta.

Trong lúc đó, kẻ tấn công trẻ tuổi không kịp chạy thoát. Những người xung quanh đã nhảy xổ vào hắn, vật hắn xuống và tước vũ khí. Diệm vẫy tay chào đám đông. Tiếng reo hò vang lên như sấm. Đám đông muốn treo cổ tên thanh niên. Nhưng lực lượng an ninh đã can thiệp và áp giải hắn đến một ngôi nhà gần đó.

Bất chấp sự lo lắng của đoàn hộ tống, ông Diệm vẫn bước lên bục phát biểu, đọc diễn văn và xuống cất bằng khánh thành cổng Hội chợ. Ông bình tĩnh ghé thăm nhiều gian hàng, rồi như thường lệ, ông đi vào đám đông, thỉnh thoảng dừng lại hỏi han, trong khi các phụ tá cố gắng bao vây ông bằng lá chắn sống nhưng không hiệu quả.

Cẩn hỏi: “Ông ấy giờ thế nào rồi?” Phụ tá của ông Diệm ngập ngừng, rồi tuyên bố: “Đây rồi. Tổng thống ấy muốn nói chuyện với ông.”

Cẩn nói với Hiệp: “Anh Diệm đang nghe máy đây.” Hiệp nhìn em trai lắng nghe rồi gật đầu, nước mắt lăn dài trên má. Một lúc sau, Cẩn khàn giọng nói: “Chị Hiệp đến rồi. Anh có muốn nói chuyện với chị ấy không, thưa Tổng thống?” Cẩn đưa ống nghe cho bà. Ông

Diệm vui vẻ: “Sáng nay cô có cầu nguyện cho tôi không? Có không? Rồi có người nghe máy. À, tôi ổn. Bộ trưởng Cung thì không được may mắn như vậy. Tôi sẽ đến bệnh viện thăm ông ấy sau vài giờ nữa.”

Hiệp hỏi: “Anh có thấy nản lòng vì có người bắn anh không?” Diệm cười: “Không, không hề. Người thanh niên đó không cố giết tôi vì anh ta ghét tôi, mà vì anh ta nhận được lệnh của Pháp, hoặc của Cộng sản. Chúng tôi đang cố gắng xác định ai đã ra lệnh.”

Hiệp hỏi Diệm: “Anh có chắc chắn rằng anh ta không bị tra tấn hay gì đó tương tự không?” Diệm lại cười. Ông nói: “Không ai tra tấn anh ta cả. Nhu đang đích thân thăm vấn anh ta ngay lúc này. Bà biết rằng Nhu không thể tra tấn ngay cả một con ruồi.” Hiệp hỏi: “Tòa án cấp cao sẽ tuyên án như thế nào cho một người đã cố giết anh?” Diệm trấn an bà: “Dù tòa án quyết định thế nào trong tương lai, tôi hứa với cô, thưa bà Hiệp, anh thanh niên đó sẽ không chết.” Sau một thoáng im lặng, Diệm tiếp tục: “Theo những gì chúng tôi biết được từ anh ấy, chàng trai trẻ tên là Hà Minh Chí, mồ côi cha mẹ, sống một mình và rất ít bạn bè. Một người trẻ như vậy rất dễ bị tổn thương về mặt tâm lý, không ổn định về mặt cảm xúc. Anh ấy thậm chí có thể không hiểu được hành động tàn ác

của mình. Mặt khác, nếu tôi để anh ta bị giết như một hình phạt cho hành động của mình, tôi sẽ còn tệ hơn anh ta nữa.”

Hiệp cảm thấy thương anh trai mình. Bà nói trong nước mắt: “Hãy giữ gìn sức khỏe, thưa Tổng thống.”

*

Trong nhiều tháng của năm 1957, ông Diệm đã có những chuyến thăm chính thức tới các nguyên thủ quốc gia trên khắp thế giới. Được Đại sứ Hoa Kỳ Eldridge Durbrow khuyến khích, ông Diệm đã đến Hoa Kỳ vào tháng 5, Thái Lan vào tháng 8, Úc và Hàn Quốc vào tháng 9 và Ấn Độ vào tháng 11. Giữa tháng 11, ông Diệm đã trở lại Huế để dự lễ khánh thành Đại học Huế, nơi ông đã thành lập, với sự giúp đỡ của Linh mục Cao Văn Luận.

Dường như ông Diệm đã rất thích thú với tất cả những điều này. Hiệp mỉm cười, tự hỏi liệu tất cả những lời lẽ hoa mỹ mà các nguyên thủ quốc gia và các nhà lãnh đạo quốc tế và quốc gia khác dùng để chào đón ông đã khiến ông trở nên kiêu ngạo hay chưa. Truyền thông quốc tế đã dành cho ông sự ưu ái vô cùng: ông Diệm là người đàn ông kỳ diệu đã cứu miền Nam Việt Nam khỏi chủ nghĩa Cộng sản, người đã đánh bại tất cả các lãnh chúa trong đất nước tan rã của mình và

thống nhất tất cả các đội quân tư nhân dưới ngọn cờ quốc gia.

Không có một nốt nhạc sai nào trong bản hòa tấu ca ngợi. Giờ đây, ông Diệm đã trở lại Huế để khánh thành trường Đại học của mình, để chứng minh rằng ông đã trung thành tiếp bước cha mình, người đã thành lập Quốc Học viện tại Huế dưới thời vua Thành Thái.

Ấm đến chào Diệm, nhưng không ở lại. Khi Ấm rời đi, Diệm lắc đầu và nói: “Hình như Ấm không tán thành tôi.” Hiệp cười: “Nếu Ấm không thích anh, anh ấy đã không đặt chân đến đây. Anh ấy thường kể với em về những chuyến đi săn cùng anh thời trẻ. Hình như anh ấy nhớ những ngày đó.”

Diệm nói, “Tôi cũng nhớ những lúc đó. Giờ thì những chuyến đi săn duy nhất của tôi là ở Đà Lạt, với Nhu. Bây giờ, Nhu là một tay thiện xạ, nhưng chú ấy không phải là một người bạn đồng hành săn bắn tốt. Đôi khi, nếu chú ấy có vấn đề trong đầu, chú ấy nói không ngừng, dọa con mồi chạy mất. Có lúc, sau một cuộc cãi vã với Lệ Xuân, chú ấy trở nên ủ rũ và không mở miệng suốt cả ngày. Với Ấm thì khác. Ấm biết khi nào có thể nói. Hồi đó, tôi không bao giờ biết Ấm yêu cô. Chỉ khi cha chú ấy đến và nói chuyện với cha thì chúng tôi mới biết.”

Hiệp hơi lo lắng. Bà hiểu Diệm quá rõ để tin rằng ông đã nói tất cả những điều đó mà không có mục đích gì. Bà ấy đã đúng. Diệm dừng lại một phút, rồi nhận xét, “Chú ấy chậm chạp trong việc bộc lộ cảm xúc của mình. Dường như hôm nay chú ấy cũng đang cảm nhận điều gì đó rất sâu sắc.” Ông quay lại, nhìn thẳng vào Hiệp và hỏi, “Chuyện gì vậy?”

Hiệp nhún vai, “Anh biết Ấm cảm thấy thế nào mà. Ấm cảm thấy anh đã trao quá nhiều quyền lực cho Nhu và Cần. Ấm không muốn thấy Lệ Xuân quá gần trung tâm quyền lực.” Diệm hỏi, “Ấm có nói vậy không?” Hiệp lắc đầu; “Em không cần Ấm nói dài dòng như vậy.”

Diệm tiếp tục, “Còn cô thì sao? Cô cũng cảm thấy như vậy sao?” Hiệp gật đầu nhưng không nói gì. Diệm thở dài, “Cô nói đúng, và Ấm cũng đúng. Nhưng tôi có thể làm gì?” Hiệp nói, “Giờ cả Nhu và Lệ Xuân đều đã được bầu làm đại biểu Quốc hội, vị trí của họ là ở Quốc hội, chứ không phải ở Dinh Độc Lập. Họ nên nghiêm túc với vai trò là nhà lập pháp và làm việc với các đơn vị bầu cử của mình một cách hiệu quả. Anh sẽ phải tập hợp các cố vấn khác, ngoài gia đình mình. Đại biểu để có nhiều quyền lực hơn, vai trò của Cần sẽ phải giảm bớt.” Diệm đồng ý, “Đó chắc chắn là điều tôi nên làm. Nhưng cô quen

một điều: có bao nhiêu người trong nước sẽ nói chuyện với tôi như cô vừa làm? Tôi đang tìm kiếm cố vấn ngoài gia đình. Nhưng tôi tìm được rất ít người có thể hoặc sẽ nói sự thật với tôi. Tôi không nghĩ tình hình này sẽ kéo dài mãi mãi. Những người đàn ông và phụ nữ chân thành.”

Hiệp gật đầu, “Luyện là người phù hợp nhất cho công việc này. Cậu ấy vị tha. Luyện không muốn xây dựng đế chế riêng. Luyện né tránh quyền lực. Như anh nói, Luyện là người đánh giá tốt về đàn ông và phụ nữ. Nhưng anh đã đày Luyện đến London.”

Diệm giật mình, “Bị lưu đày? Bởi tôi? Hay bởi nhà chú Nhu? Trong số tất cả mọi người, cô nghĩ vậy sao? Đây, Luyện muốn đi. Chú ấy nói với tôi, ‘Không khí ở Dinh Độc Lập ngột ngạt quá. Em cần phải rời khỏi đây.’ Đó là lý do tại sao chú ấy được bổ nhiệm làm Đại sứ lưu động, và đó là lý do tại sao chú ấy ở St. James Court. Từ Luân Đôn, hay bất cứ nơi nào chú ấy ở, Luyện vẫn là người tìm kiếm tài năng tốt nhất của tôi, cho đến nay.”

Hiệp khẳng khái, “Đã ba năm kể từ khi anh lên nắm quyền. Đã đến lúc cần có những cố vấn khác ngoài vợ chồng Nhu ở Sài Gòn và cậu Cẩn ở Huế.” Diệm nói, “Tôi cũng muốn như vậy. Thưa cô, cô thấy ai xung quanh cô,

ai có thể thay thế vợ chồng Nhu lúc này? Vậy, xin cô cho tôi biết làm thế nào để tôi có thể làm cho các tỉnh trưởng ở Trung Bộ và Tây Nguyên cứng rắn hơn, để họ làm việc độc lập với Cần?”

Hiệp đứng dậy. Bà nói, “Em đã dành cả đời để lắng nghe. Em đã lắng nghe Cha. Em đã lắng nghe anh. Giờ em muốn anh lắng nghe em một lần. Anh lắng nghe khó khăn đến vậy sao?” Diệm run rẩy. Ông cố gắng trấn an Hiệp, “Này, anh không giận cô hay gì cả. Anh chỉ muốn cô biết rằng anh có rất ít lựa chọn nhân sự.”

Hiệp lại ngồi xuống, nhưng bà giả vờ lắng nghe một cách lơ đãng. Biết rằng bà vẫn đang chú ý, Diệm nói tiếp, “Tôi thừa hưởng những người đã từng làm việc cho người Pháp. Bản thân điều đó không phải là điều xấu. Tôi cũng đã làm việc trong thời kỳ thuộc địa. Tôi không muốn chỉ trích quá nhiều về sự thụ động của họ dưới thời Pháp và tôi cho họ quyền được nghi ngờ. Họ có thể là những người yêu nước đội lốt những kẻ hợp tác. Tôi đã loại bỏ những người quá nhu nhược dưới thời Pháp, và những người làm hại người Việt Nam khác để thăng tiến”.

Như thường lệ, khi ông theo đuổi dòng suy nghĩ của mình, Diệm chìm hết điều thuốc

này đến điều thuốc khác. Chẳng mấy chốc, ông nói trong làn khói thuốc. Hiệp không nhúc nhích, và điều đó đã đủ khích lệ Diệm. Ông nói, “Tôi đã loại bỏ những kẻ quá tham nhũng, quá tàn ác, quá ngu dốt hoặc quá kém hiệu quả. Nhưng tôi không thể loại bỏ tất cả bọn họ, thứ nhất, vì trong số họ vẫn còn một số người tốt, và thứ hai, vì khi đó, sẽ không còn chính phủ nữa. Tôi có thể thay đổi họ bây giờ không? Làm sao tôi có thể giúp họ đi đúng hướng, nói thẳng, dám mạo hiểm để thúc đẩy ý tưởng của riêng mình? Làm sao tôi có thể giúp họ đột nhiên trở nên táo bạo, giàu trí tưởng tượng và độc lập?”

Diệm cười buồn, “Người Pháp làm ăn tốt đến nỗi ngay cả bây giờ, nhiều bộ trưởng của tôi vẫn tiếp đón bất kỳ người Âu Mỹ nào đến gõ cửa nhà họ, dù không được mời, nhưng không để cho ngay cả những viên chức cấp thấp nhất trong bộ tiếp một nhân tài người Việt. Trong các buổi tiếp tân chính thức, ngay tại Dinh Độc Lập, nếu một người Âu Mỹ xuất hiện, người đó sẽ được một đám thính giả nịnh hót vây quanh.”

Tự tin hơn rằng mình đã giành lại được sự chú ý hoàn toàn của Hiệp, Diệm tiếp tục một cách thông thả hơn, “Di sản Pháp đã bị đầu độc. Chất độc chết người nhất nằm ở cảnh sát

và quân đội.” Diệm lúc này chìm đắm trong suy nghĩ của riêng mình, “Cảnh sát dưới quyền Pháp phần lớn thời gian phải làm việc chống lại chính đồng bào của mình. Các đặc vụ từng phục vụ trong Lực lượng Đặc biệt đã học được nghệ thuật tra tấn khủng khiếp. Tôi đã cố gắng loại bỏ họ. Cuộc chiến chống lại Bình Xuyên đã không giúp ích gì cho quá trình này. Từ tay Bình Xuyên, tôi đã giành quyền kiểm soát cảnh sát, những người có tầm nhìn xa vào thời điểm đó, đã đào ngũ Bình Xuyên và tập hợp lại với tôi. Tuy nhiên, tầm nhìn xa không phải là độc quyền của những người có đức hạnh. Những phần tử tồi tệ nhất trong cảnh sát đã tập hợp lại với Đại tá Lansdale lúc đầu. Họ đã làm suy yếu Bình Xuyên, nhưng giờ đây họ đang nắm giữ các vị trí chỉ huy. Tôi đang loại bỏ họ ngay từ bây giờ, nhưng sẽ mất thời gian.”

Hiệp nhắc nhở, “Còn quân đội thì sao?” Diệm trả lời: “Quân đội tốt hơn nhiều so với lực lượng cảnh sát. Tuy nhiên, hầu hết các sĩ quan cấp cao nhất hiện nay đều là những người được Pháp chuyển giao. Khi tôi kế thừa họ, họ đã trải qua một quá trình thăng tiến nhanh chóng. Trong vòng vài năm, họ đã thăng tiến từ hạ sĩ quan, hoặc chỉ là thiếu úy lên sĩ quan chiến trường, lên cấp tướng. Hầu

hết trong số họ đã gia nhập quân đội Pháp vì họ yêu đất nước. Ở đây, việc đào tạo và thăng chức cho một nhóm sĩ quan mới có thể được thực hiện khá nhanh chóng. Tuy nhiên, sẽ mất thêm vài năm nữa để tinh gọn quân đội.”

“Vậy anh nghĩ gì về mặt nhân lực?” Hiệp hỏi. Diệm trả lời: “Tôi sẽ cần thêm vài năm nữa để có những người có năng lực trong chính quyền, trong quân đội và cảnh sát. Tôi chắc chắn sẽ mất ít nhất ba năm để hoàn thành việc này”.

Hiệp lắc đầu: “Giả sử anh không có ba năm?” “Vậy thì tôi tiêu đời rồi,” ông đáp. “Không, tôi không nên nói thế. Tôi hiểu nỗi lo của cô. Tin tôi đi, tôi đang giải quyết vấn đề này. Từ tháng 10 năm ngoái, tôi đã trao nhiều quyền hạn cho các Tỉnh trưởng. Nếu họ chỉ cần cứng rắn lên, Cần sẽ không thể nắm giữ bất kỳ quyền lực nào ở miền Trung Việt Nam. Còn về nhà Nhu, tôi gặp một vấn đề khủng khiếp. Họ không được lòng dân. Chú ấy đã đồng ý với tôi rằng chú ấy và vợ sẽ phải đi công tác nước ngoài trong vòng vài năm tới.”

Để lời hứa của Diệm thêm phần chắc chắn, Hiệp nói: “Cha chắc chắn sẽ rất vui khi nghe anh nói vậy.” Diệm nói như tự nhủ: “Tôi không thể để thất bại. Tôi không được thất

bại. Tôi không thể thất bại vì yếu đuối hay tình cảm. Tháng 8, tôi đã yêu cầu nhà Nhu tổ chức họp báo để trả lời những lời đồn đại về họ. Họ đã làm tốt, phải không?”

Hiệp nói: “Vâng, họ đã làm tốt. Tuy nhiên, tin đồn chỉ là biểu hiện của sự đổ kỵ hoặc thù hận. Như anh đã nói, Nhu và đặc biệt là Lê Xuân, hiện không được lòng dân lắm.”

*

Như thường lệ, Tết Nguyên đán năm 1958 là dịp để ăn mừng. Đất nước đang tiến lên mạnh mẽ, và thế giới bên ngoài ngày càng nhận thức rõ hơn về những tiến triển của miền Nam Việt Nam. Cũng như thường lệ, cuộc đoàn tụ gia đình, nhân kỷ niệm ngày mất của Ngô Đình Khả, được lên kế hoạch như một dịp để nhìn lại các hoạt động trong quá khứ và kế hoạch tương lai, cũng như để phê bình và tự phê bình.

Hai vấn đề chính được đưa ra thảo luận: thứ nhất, bức thư của Thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng, và thứ hai, quyết định gần đây của Đảng Lao động Bắc Việt về việc áp dụng chính sách ‘sử dụng hạn chế lực lượng vũ trang để hỗ trợ đấu tranh chính trị’ chống lại miền Nam Việt Nam.

Ông Diệm nói: “Vào tháng 7 năm 1957, rồi tháng 4 năm 1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng

đã viết thư cho tôi đề nghị chúng ta bắt đầu đàm phán nhằm thống nhất đất nước. Tôi đã gửi cho ông bản sao toàn văn các bức thư của ông ấy và câu trả lời của tôi lúc đó. Chúng ta cần thảo luận về cách tiếp cận lâu dài của chúng ta đối với việc thống nhất. Cũng cần biết rằng không ai trong chúng ta muốn thấy Cộng sản cai trị một Việt Nam thống nhất. Vậy thì còn những lựa chọn nào khác?”

Nhu đã chuẩn bị sẵn câu trả lời. Ông đề xuất rằng quá trình thống nhất đất nước nên gắn liền với sự suy yếu rõ rệt của Khối Cộng sản. Ông khuyến khích Diệm kiên nhẫn, vì Đế chế Cộng sản sẽ sớm sụp đổ. Ông đã thấy những dấu hiệu suy tàn ở Liên Xô với những lời tố cáo chủ nghĩa Stalin của Khrushchev và dự đoán một cuộc xung đột Trung-Nga trong tương lai gần. Ông kết luận bằng cách nói rằng nếu Nam Việt Nam thành công trong việc xây dựng một xã hội ổn định và an ninh, họ có thể chờ đợi cho đến khi những người Cộng sản bị lật đổ ở Bắc Việt Nam. Ông dự đoán rằng vào thời điểm đó, đất nước có thể được thống nhất dưới một chính phủ phi Cộng sản.

Diệm không đi sâu vào những cuộc thảo luận về sự sụp đổ tương lai của chủ nghĩa Cộng sản. Ông nói, “Trong những lá thư gửi

Thủ tướng Phạm Văn Đồng, tôi đã nhấn mạnh sự cần thiết của dân chủ ở cả Bắc và Nam Việt Nam. Nếu cuộc tổng tuyển cử không được tiến hành một cách tự do và trung thực, thì việc gì phải bận tâm tổ chức chúng? Tôi nói rằng chừng nào Bắc Việt Nam chưa có tự do và dân chủ, chúng ta không thể tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất hai miền Nam Bắc.”

Hoàng hỏi Nhu, “Những phát biểu của cậu rất thú vị. Cậu nghĩ khi nào thì Cộng sản sẽ sụp đổ?” Nhu rất vui khi Hoàng quay lại với những phát biểu của mình. Ông trả lời, “Thế giới Cộng sản dường như vẫn có khả năng bành trướng hơn nữa. Nhưng cuộc nổi dậy ở Hungary cho thấy nó rất mong manh. Phải mất một thời gian dài để xây dựng một đế chế; nhưng chỉ mất vài tháng là nó sẽ sụp đổ. Tôi không thể dự đoán chính xác sự sụp đổ của Khối Cộng sản.”

Hoàng quay sang Diệm và hỏi thẳng ông: “Giả sử Khối Cộng sản còn tồn tại thêm hai mươi năm nữa. Trong thời gian đó, điều gì sẽ xảy ra? Hà Nội sẽ không đợi lâu đến thế mới mở cuộc tổng tấn công miền Nam để thống nhất đất nước bằng vũ lực.”

Diệm gật đầu: “Đó chính là quyết định mà Đảng Lao động đã đưa ra chỉ mới tháng trước trong một cuộc họp bí mật của Ban

Chấp hành Trung ương. Họ đã quyết định sử dụng vũ lực chống lại miền Nam Việt Nam.” Hoàng muốn biết: “Nếu đó là một cuộc họp bí mật, làm sao ông biết được?” Diệm cười ngượng ngùng. Ông nói với Hoàng: “Ngoại trừ những cuộc đoàn tụ gia đình này, mà cho đến nay vẫn chưa thu hút được sự quan tâm của những người Cộng sản, tôi luôn cho rằng nội dung của tất cả các cuộc họp bí mật của tôi với nhân viên, Nội các và các vị khách Việt Nam và nước ngoài đều bị kẻ thù biết. Tình bạn cũ không bao giờ chết. Tôi có bạn bè ở miền Bắc.”

Nhu nói, “Các đơn vị quân đội Cộng sản đã để lại một số lượng lớn vũ khí trong các kho vũ khí trên khắp miền Nam, trước khi chúng tập hợp lại và được đưa ra Bắc theo các điều khoản của Hiệp định Geneva. Chúng tôi đã tìm thấy hàng trăm đơn vị trong số đó, nhưng vẫn còn hàng trăm đơn vị khác mà chúng tôi chưa phát hiện ra. Cán bộ của chúng vẫn còn ở đây. Chúng đang ở đâu, và nơi chúng ở, bọn khủng bố Cộng sản đã giết chết hàng ngàn người đứng đầu thôn ấp và làng xã trong năm năm qua. Đó là lý do tại sao chúng tôi đã nỗ lực rất nhiều để truy tìm chúng.”

Hiệp hỏi Diệm, “Chúng ta nên mong đợi điều gì từ bây giờ? Cộng sản sẽ làm nhiều hơn

là ám sát các trưởng thôn và làng xã. Anh dự đoán chiến lược khả thi của chúng là gì?” Diệm trả lời, “Chúng không thể xây dựng quân đội ở miền Nam. Chúng tôi sẽ đảm bảo rằng chúng sẽ không bao giờ có thể làm điều đó. Lựa chọn duy nhất của chúng khi đó sẽ là đưa quân từ miền Bắc vào miền Nam. Để ngăn chặn chúng ngay cả lựa chọn đó, chúng ta phải cắt đứt tất cả các tuyến đường xâm nhập.”

Hoàng kêu lên, “Điều đó là không thể!” Diệm lắc đầu, “Khó, nhưng không phải là không thể. Sẽ không thể nếu Cộng sản kiểm soát được Lào. Đó là lý do tại sao chúng ta phải đảm bảo rằng Lào nằm chắc chắn trong tay những người không phải Cộng sản. Nếu Lào bị mất vào tay Cộng sản, chúng ta sẽ phải đánh bại bất cứ điều gì Võ Nguyên Giáp có thể gây ra cho chúng ta.”

Hiệp rung mình, “Khi đó, đó sẽ là một cuộc chiến lớn, với hàng chục ngàn người chết ở cả hai bên.” Diệm gật đầu buồn bã, “Chúng ta phải hành động theo giả định đó. Chúng ta đang xây dựng các sư đoàn quân đội để chuẩn bị cho tình huống như vậy. Nhưng chúng ta phải đảm bảo rằng chúng ta sẽ không cần phải chiến đấu với các đơn vị có quy mô sư đoàn. Chúng ta phải đảm bảo rằng nước Lào không phải Cộng sản được tồn tại.”

Chỉ đến lúc này, Hiệp mới hiểu tại sao Diệm lại giao cho Cần một nhiệm vụ rộng lớn như vậy ở Lào và tại sao Cần lại bí mật tổ chức nhiều đội mật vụ hoạt động ở Lào như vậy. Cần nói: “Chúng ta chưa bàn đến phương án đưa điệp viên của mình ra miền Bắc. Tôi thấy đó là một phương án rất khả thi. Cho đến nay, chúng ta vẫn duy trì được liên lạc với người dân ở Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa. Chúng ta có thể cho những người Cộng sản ở miền Bắc nếm mùi thuốc độc của chúng.”

Diệm dứt khoát: “Chúng ta sẽ tiếp tục huấn luyện các đội cho phương án như vậy. Nhưng tôi không muốn mở rộng vùng chiến sự. Dân tộc chúng ta đã không đủ khốn khổ rồi sao?”

Cần hỏi một cách mỉa mai: “Anh sợ người Mỹ sẽ không ủng hộ một chiến lược như vậy sao?” Diệm không hề tỏ ra vui vẻ; ông nói: “Khi nói đến lợi ích sống còn của đất nước, chú nghĩ rằng tôi sẽ chấp nhận sự ngăn cản từ bất kỳ thế lực nước ngoài nào sao? Không, Cần, đây là niềm tin của tôi. Niềm tin của tôi! Tôi không muốn đưa chiến tranh ra miền Bắc, cho đến khi tôi thấy điều đó là cần thiết.”

Luyện, người vẫn chưa nói gì cho đến lúc đó, cuối cùng nhận xét: “Những chuẩn bị cho chiến tranh này sẽ khiến quân đội trở nên

quan trọng hơn. Tôi lo ngại. Một đất nước có nhiều lãnh đạo quân sự chưa bao giờ là điều tốt. Chúng ta vẫn chưa hoàn thành việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo mới cho lực lượng vũ trang. Chúng ta vẫn còn quá nhiều tướng lĩnh cũ. Anh Nhu, anh nên cẩn thận.”

Diệm nói: “Trước khi chúng ta dùng đến quân đội, các nhà ngoại giao sẽ ở tuyến đầu. Hay nói đúng hơn, các hoạt động ngoại giao và hành động quân sự cấp thấp ở Lào nên là trọng tâm chính của chúng ta. Nhu, Luyện và Cần, các chú phải đảm bảo rằng chúng ta không để mất Lào.”

Hiệp lắng nghe và lòng bà tràn ngập nỗi buồn. Bà nhìn các anh em trai mình và nhận ra rằng họ dường như đã già đi đáng kể. Một cuộc nội chiến khủng khiếp đang hình thành. Bà ở đó, trong nhóm nhỏ những người cảm nhận được những cơn gió đầu tiên của cơn bão sắp tới. Trong giờ nghỉ trưa, Luyện nói với Diệm và Hiệp, đang đứng ở cửa nhìn ra vườn, “Tháng trước em đã đến thăm Hoàng hậu Nam Phương tại trang trại của bà ở Corrèze. Bà ấy gửi lời chào.”

Hiệp nhìn Diệm. Mặt anh đỏ bừng và đột nhiên có vẻ mặt nghiêm nghị và u sầu mà Hiệp rất quen thuộc, một vẻ mặt đặc biệt, hiện lên trên nét mặt anh mỗi khi một cái

tên hay một khuôn mặt nào đó hiện ra từ quá khứ và làm tan nát trái tim anh.

Ông hỏi, “Bà ấy có khỏe không?” Luyện gật đầu, “Bà ấy muốn anh biết rằng bà ấy luôn theo dõi tất cả những điều tốt đẹp mà anh đã làm cho Việt Nam và bà ấy vẫn tiếp tục cầu nguyện cho anh.”

Diệm nói như thể chỉ nói với chính mình, “Theo một cách nào đó, tôi đã phản bội bà ấy.” Luyện lại gật đầu, nhưng anh trấn an Diệm, “Hoàng hậu nói rằng bà ấy biết anh không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phế truất Hoàng đế vào cuối năm 1955. Thực tế, trong một cuộc điện đàm gần đây giữa em và Bảo Đại, chính Hoàng đế đã thừa nhận rằng anh không thể làm khác được.”

Hiệp quan sát phản ứng của Diệm. Nhưng Diệm dường như đang đắm chìm trong suy tư về những con bướm bay lượn trên những luống hoa hồng ở sân trước. Diệm đã tạo ra những luống hoa hồng này từ những năm 1930, sau khi từ chức Thượng thư. Từ năm 1944, sau khi Diệm rời khỏi nhà mẹ, Cần đã cố gắng hết sức để bảo tồn chúng.

Hiệp tự hỏi tại sao những người đàn ông như cha mình, Quận công Nguyễn Hữu Bài, và Diệm lại dành nhiều thời gian ngắm bướm đến vậy. Phải chăng vì bướm, theo truyền

thống Việt Nam, tượng trưng cho những giấc mơ, sự mong manh của nỗ lực con người và bản chất phù du của chính cuộc đời?

Lời hứa phục vụ Hoàng hậu và con trai bà giờ đây tan vỡ như đôi cánh của một con bướm bị thương. Ông chưa bao giờ muốn mọi chuyện như vậy.

Hiệp nhìn Luyện với ánh mắt trách móc. Luyện bắt gặp ánh mắt ấy và cúi đầu. Lẽ ra ông không nên nhắc đến tên Hoàng hậu.

*

Vùi mặt vào hai bàn tay úp lại, Hiệp khóc khe khẽ. Thuận, người đã vội vã trở về từ Rome, chỉ đến kịp dự đám tang của dì mình. Anh bất lực nhìn mẹ đau buồn. Anh biết mẹ mình đã gần gũi với Hoàng đến nhường nào. Giờ Hoàng đã ra đi.

Bệnh ung thư được phát hiện quá muộn. Hiệp đã cùng Hoàng vào Sài Gòn để làm các xét nghiệm, và khi biết chắc Hoàng chỉ còn sống được vài tháng nữa, Hiệp đã ở lại Sài Gòn và ngày nào cũng đến thăm em gái tại Bệnh viện St. Paul.

Hầu như tối nào Diệm cũng đến, gạt bỏ những lo toan thường ngày để ở bên các em gái, cầu nguyện cùng họ, trò chuyện cùng họ. Họ cùng nhau ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu. Họ kể về những giấc mơ thời thơ ấu.

Khi nói chuyện, Hoàng dường như quên mất rằng mình đang bệnh và sắp chết. Bà cười và nói, nói và cười, như thể bà chẳng còn lo lắng gì trên đời.

Luyện, người đã cố gắng trở về Việt Nam, thường đi cùng Diệm. Thỉnh thoảng Nhu cũng đến. Luyện rất vui vẻ. Cậu nhớ lại những trò nghịch ngợm mà mình đã chơi khi Hoàng mười sáu tuổi và cậu là một cậu bé chín tuổi. Anh ta không thể ngăn cản. Hoàng đánh anh ta một cách vui vẻ, như hồi nhỏ. Nhu không nói gì nhiều khi đến. Anh ta dường như quá mải mê với những việc mình làm ban ngày, không thể tập trung vào những câu chuyện rôm rả bên giường bệnh.

Thỉnh thoảng, họ lại nói chuyện về chính trị. Hoàng vẫn rất tò mò về những gì đang diễn ra trên khắp đất nước và bà đọc báo ngày càng say sưa.

Bà quan tâm nhất đến các cuộc đàm phán giữa Lào và Nam Việt Nam về hợp tác kinh tế, và cuộc xung đột vũ trang giữa lực lượng Pathet Lào Cộng sản và lực lượng vũ trang Hoàng gia Lào. Bà hỏi Diệm liệu ông có còn tin rằng Bắc Việt Nam sẽ không thể sử dụng hành lang Lào để đưa quân vào Nam Việt Nam hay không.

Thỉnh thoảng, Diệm đến vào đầu giờ chiều,

ngồi cạnh Hiệp bên giường bệnh nói chuyện với Hoàng hàng giờ. Diệm nói về những ước mơ của mình cho tương lai. Hoàng thúc giục ông và Diệm nghe theo. Ông cứ nói mãi. Những ước mơ của ông nghe có vẻ đơn giản và khả thi: một nước Việt Nam thống nhất, độc lập và dân chủ, người dân thịnh vượng và có học thức, giới tinh hoa được cả thế giới ngưỡng mộ.

Lắng nghe rất chăm chú, bà không bao giờ đưa ra bình luận hay đặt câu hỏi. Bà bằng lòng lắng nghe. Trong suốt nhiều năm, bà đã bị tước mất sự gần gũi này với các anh chị em của mình. Tại Bệnh viện St. Paul, bà đã trải nghiệm cảm giác vượt thời gian đó. Rõ ràng, cả bà, Hoàng, Diệm, Nhu, Luyện đều không bị thúc ép về thời gian. Họ có thể trò chuyện, cười đùa và hồi tưởng mãi mãi.

Không, không thể cứ thế mãi được. Có một thời gian, họ đã hy vọng một chuyên gia ung thư lỗi lạc từ Paris sẽ đến Sài Gòn để chữa trị cho Hoàng. Vào ngày ông rời Paris, vị giáo sư đã qua đời trong một tai nạn xe hơi.

Hoàng chấp nhận điều không thể tránh khỏi với một lòng can đảm hiếm có. Bà trấn an con gái mình, Hoàng Anh, rằng không cần phải khóc thương cho bà. Buổi tối, khi tất cả cùng nhau cầu nguyện, giọng bà mạnh mẽ và trong trẻo gần như đến tận phút cuối.

*

Hiệp ngược lên, thấy Thuận bên cạnh, bà lau nước mắt và hỏi: “Ba con có thấy mẹ khóc không?” Thuận lắc đầu. Ông tự hỏi: “Sao bà ấy lại phải giấu nước mắt?” Nhưng ông biết câu trả lời. Ông biết rằng nhà Ngô Đình hiem khi cho phép mình thể hiện nỗi đau buồn, ngay cả với những người yêu thương họ. Thuận chỉ đếm trên đầu ngón tay những lần ông nhìn thấy nước mắt của mẹ. Và sau đó, hầu hết là những giọt nước mắt vui sướng.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BA DẤU HIỆU NGUY HIỂM ĐẦU TIÊN

Ngày 29 tháng 1 năm 1960, lúc 3 giờ sáng, các đơn vị Cộng sản đã tấn công và tràn ngập sở chỉ huy Trung đoàn 32, đóng tại Trảng Sụp, cách Tây Ninh sáu cây số. Trung tá Trần Thanh Chiêu chỉ huy Trung đoàn.

Tin xấu đã đến tai Diệm khi ông đang ở Huế dự cuộc họp mặt gia đình thường niên. Ngày hôm sau, khi Diệm cùng các anh em Lệ Xuân và Hiệp gặp nhau, Diệm mở đầu cuộc họp với vẻ mặt lạnh tanh. Diệm giải thích lý do thất vọng của mình: Trung tá Chiêu là một trong những sĩ quan trẻ thể hệ mới mà Diệm thực sự tin tưởng. Ông rất quý mến Chiêu và sắp thăng chức cho ông một lần nữa.

Điều khiến ông tức giận là Việt Cộng sẽ lợi dụng Tết Nguyên đán để tấn công quân đội của ông, bất chấp những mệnh lệnh nghiêm ngặt của ông về việc giữ gìn lễ Tết. Ông đã ra lệnh cho toàn bộ quân đội của mình phải

cảnh giác và khuyên các chỉ huy của mình cử các đội tuần tra dày đặc trong lễ kỷ niệm. Ông không muốn binh lính của mình về nhà nghỉ phép, và đã tạo cơ hội cho du kích Cộng sản tấn công.

Điều trớ trêu là Đại tá Chiêu đã tuân thủ mệnh lệnh của ông một cách nghiêm ngặt và dàn trải các tiểu đoàn của mình. Binh lính của ông đang ăn mừng Tết bằng cách vào rừng tìm kiếm kẻ thù. Nhưng Chiêu không bảo vệ căn cứ của mình. Tất cả quân lính của ông đều tham gia vào một chiến dịch quy mô lớn và hầu như không còn ai ở lại để bảo vệ sở chỉ huy trung đoàn của ông.

Quân Cộng sản đã phá hủy trạm liên lạc trước, cắt đứt liên lạc giữa sở chỉ huy và Chiêu. Khi các tiểu đoàn của Chiêu, lo lắng vì sự im lặng của radio tại Trảng Súp, vội vã quay trở lại để giải cứu, thì sở chỉ huy trung đoàn của họ đã bị phá hủy.

Tuy nhiên, điều khiến Diệm lo lắng nhất là khả năng của Việt Cộng trong việc thực hiện một cuộc tấn công như vậy. Ông đã nghi ngờ khả năng hoạt động ở cấp tiểu đoàn của họ. Giờ đây, ông biết rằng mình đã đánh giá thấp kẻ thù.

Ngồi quanh bàn, Diệm và các anh em đã rút ra bài học từ thất bại cay đắng này. Đó là một

sự kiện riêng lẻ và nếu xét trong bối cảnh cả nước, nó không mấy quan trọng. Chỉ vài ngày trước đó, một đại đội Việt Cộng đã bị tiêu diệt ở một tỉnh khác. Nhưng trận Trảng Súp có thể khích lệ kẻ thù và nâng cao tinh thần của quân Việt Cộng. Người Mỹ có thể bắt đầu đặt ra những câu hỏi khó hiểu về trình độ của các sĩ quan Nam Việt Nam, hoặc thậm chí họ có thể đề xuất cần thêm cố vấn Mỹ.

Diệm nói: “Nhìn vào bản đồ, ta thấy Việt Cộng có thể tiến hành các hoạt động ở cấp đại đội ở Nam Việt Nam. Họ không thể làm như vậy ở miền Trung, nơi Cần và người của ông ta đã hiệu quả hơn trong việc phát hiện các đơn vị Cộng sản ở lại. Điều này có nghĩa là các đơn vị được điều từ miền Bắc đã gặp phải những vấn đề nghiêm trọng khi đến miền Nam.” Nhu gật đầu, rồi nhún vai, “Tôi cũng không phiền nếu chú Cần cử vài Đội Đặc nhiệm của mình vào Nam để phát hiện các đơn vị Việt Cộng. Trong lúc này, tốt hơn hết chúng ta nên dành nhiều nguồn lực hơn ở Lào và Tây Nguyên. Chúng ta phải ngăn chặn sự xâm nhập của các đơn vị Bắc Việt.”

Cần không hiểu tại sao Nhu lại háo hức khen ngợi Đội Đặc nhiệm của mình như vậy. Trước đây Nhu luôn phản đối công việc của các Đội Đặc nhiệm. Theo Nhu, các đội này

nằm ngoài bất kỳ hệ thống chỉ huy chính thức nào và là mối đe dọa đối với kỷ luật của các cơ quan tình báo.

Diệm dường như hiểu tại sao Cần lại nhướn mày. Ông nói, “Không còn nghi ngờ gì nữa, miền Trung Việt Nam đã đạt được thành công lớn nhất trong việc cô lập và bắt giữ những người Cộng sản. Gần đây, chúng tôi đã có được một báo cáo trình lên Đại hội Đảng Lao động lần thứ 15. À, báo cáo này được viết vào tháng 1 năm 1959, tức là một năm trước; tuy nhiên, nó vẫn rất đáng chú ý. Các ủy viên tỉnh ủy đã bị tiêu diệt hoặc bị bắt trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến năm 1958. Đồng thời, sáu mươi phần trăm ủy viên huyện ủy và bảy mươi phần trăm ủy viên xã ủy của họ đã bị bắt, tiêu diệt hoặc đã tập hợp lại với chính phủ.”

Ông Nhu tiếp tục: “Báo cáo tiếp tục nói rằng ở nhiều tỉnh miền Trung Việt Nam, chỉ còn lại hai đến ba chi bộ Cộng sản. Báo cáo nói rằng ở Quảng Trị và Thừa Thiên (Huế), trong số 23.400 đảng viên còn lại vào năm 1954, chỉ còn 160 người hoạt động.”

Diệm nói: “Báo cáo cho thấy chúng ta đã có những biện pháp thích hợp.

Ở miền Trung, nhờ chú Cần, tình hình đã tốt nhất. Nhưng ngay cả ở các tỉnh miền

Nam, chỉ có năm nghìn đảng viên được báo cáo là vẫn còn hoạt động trong số sáu mươi nghìn đảng viên mà họ để lại vào năm 1954 sau Hội nghị Genève.”

Cẩn hỏi: “Anh Diệm, bây giờ anh có đồng ý sử dụng Nhóm 77 không?” Diệm quay sang những người khác và giải thích: “Nhóm 77 đang được huấn luyện dưới sự giám sát của chú Nhu, để xâm nhập vào miền Bắc. Vâng, vẫn chưa. Tôi không muốn mở rộng phạm vi hoạt động, vào lúc này.”

Cuối cùng, Nhu tuyên bố rằng ông và vợ đã sẵn sàng rời khỏi đất nước vào cuối năm và rằng ông đã bận rộn thu xếp công việc của mình, và ngày càng giao phó nhiều hơn cho những người kế nhiệm tiềm năng. Điều đó không có gì ngạc nhiên, vì hàng năm kể từ năm 1957, họ đã nói về khả năng đó.

Hiệp ngồi xuống và lắng nghe. Thật không may là năm Canh Tý (1960) đã bắt đầu như vậy. Bà linh cảm năm nay sẽ có những bất ngờ khó chịu khác. Tuy nhiên, bà rất vui vì Nhu và Lệ Xuân đã quyết định rời khỏi Việt Nam một thời gian. Điều đó sẽ giúp ích rất nhiều cho Diệm. Việc họ rời khỏi Việt Nam chắc chắn sẽ được xem là một tín hiệu cho thấy không còn chế độ gia đình trị ở Nam Việt Nam nữa.

Tuy nhiên, Hiệp lo ngại rằng việc Nhu rời đi sẽ khiến Diệm đơn độc ở Sài Gòn, trong Cung điện rộng lớn đó. Diệm sẽ cảm thấy thực sự cô đơn.

*

Chính Nhu là người gọi điện. Ông ta thông báo ngắn gọn, “Trò mèo vờn chuột lại bắt đầu rồi.” Hiệp hiểu ý ông ta, nên bà nhanh chóng nói, “Vâng, tôi biết chuyện gì đang xảy ra.”

Cần đã nói với bà về điều này trong hai tuần qua. Vậy nên, Đại sứ Mỹ đã thay đổi giọng điệu. Trong những tuần qua, Đại sứ Eldridge Durbrow đã nhiều lần nói chuyện với Diệm như thể ông ta đang nói chuyện với người đứng đầu một thuộc địa. Ông ta chỉ thị cho Diệm, khiển trách Diệm, yêu cầu cái này, yêu cầu cái kia và sẽ không chấp nhận câu trả lời “không”.

Sự thay đổi này khá đột ngột và mạnh mẽ. Cho đến lúc đó, Durbrow vẫn là một nhà ngoại giao và người bạn hoàn hảo. Nhưng rồi, chỉ sau một đêm, mọi thứ đã thay đổi. Ông đã nghiên cứu kỹ lưỡng về Diệm và biết trước phản ứng của Diệm. Giờ đây, ông đã ra tay chống lại Diệm. Và ông ta thật sự nguy hiểm.

Ông ta khác với J. Lawton Collins, người muốn loại bỏ Diệm nhưng không biết làm thế nào để khiến Diệm sa vào bẫy. Durbrow

giống Toàn quyền Pháp Pasquier hơn, người đã chơi một trò mèo vờn chuột chết người với Diệm vào năm 1933. Durbrow đã quyết định loại bỏ Diệm, vì ông ta tin rằng Diệm không hiệu quả và độc tài.

Trò chơi của ông ta là làm cho Diệm mất bình tĩnh. Vì biết Diệm kiêu ngạo, ông ta đã tìm cách khiến Diệm, vì kiêu ngạo, không thể đưa ra những động thái thích hợp.

Biết được Diệm sắp bổ nhiệm Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ làm Bộ trưởng Nội vụ, Durbrow yêu cầu Diệm bổ nhiệm Thơ vào Bộ Nội vụ. Như một phản ứng tự nhiên, Diệm từ chối làm chính điều mà ông ta đã định làm. Chuyện tương tự cũng xảy ra với việc Nhu ra đi. Biết tin Nhu sắp rời đi, Durbrow đã đến Dinh Độc Lập và yêu cầu Nhu rời đi. Cả Diệm và Nhu đều từ chối.

Diệm muốn Nguyễn Đình Thuần làm Bộ trưởng Quốc phòng. Một lần nữa, Durbrow lại đến đòi bổ nhiệm Thuần. Tuy nhiên, đến lúc đó, trò chơi của Durbrow đã trở nên quá lộ liễu. Tuy nhiên, Diệm, vì quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc, đã phải hoãn việc bổ nhiệm Thuần.

Hiệp hỏi Nhu khá gay gắt: “Cậu có rời khỏi Việt Nam hay không?” Nhu ngập ngừng: “Em không biết nữa. Có tin đồn về một cuộc đảo

chính. Cảnh sát đã tìm thấy một hồ sơ liên quan đến một số chỉ huy của Lực lượng Nhảy dù. Anh Diệm đã yêu cầu em ở lại, tạm thời. Bản thân em không muốn đi bây giờ. Nếu em đi bây giờ, mọi người sẽ nói em sợ hãi bỏ đi.”

Hiệp lo lắng. Bà nói: “Tôi hiểu cảm giác của cậu; tuy nhiên, trong thời điểm quan trọng như thế này, cả anh Diệm và cậu dường như đều để người ta lợi dụng cảm xúc của mình. Cả hai đều rất minh bạch. Như vậy chẳng phải là nguy hiểm sao?”

Giọng Nhu vừa tò mò vừa bức bối; ông hỏi: “Chị muốn chúng tôi làm gì?” Hiệp cười: “Cậu không nên xin lời khuyên. Cậu là cố vấn của Tổng thống. Nhưng tôi khuyên cậu nên làm ngược lại những gì người ta mong đợi cậu làm.” Nhu cười nói: “Em sẽ ghi nhớ điều đó và trình lên Tổng thống.”

*

Ngày 11 tháng 11 năm 1960, lúc 6:15 sáng, Thuận gọi điện báo cho Hiệp về cuộc đảo chính. Thuận, kể từ khi từ Rome trở về, là Giám đốc Trung viện Hoàn Thiện ở Huế. Đến sáu giờ sáng hôm đó, Cần đã gọi điện cho Thuận báo rằng một cuộc đảo chính quân sự đang diễn ra và ông muốn để Thuận báo tin cho Hiệp.

Hiệp sửng sốt. Đêm hôm trước, bà đã gọi

điện cho Thục ở Vĩnh Long để chúc mừng sinh nhật ông. Tối hôm đó, Thục cũng nhận được điện thoại từ Diệm và Nhu với cùng lý do. Không ai nghi ngờ gì cả.

Trong khi Hiệp nói chuyện với Thuận, các đơn vị dù đã bao vây Dinh Độc Lập, và tính mạng của ông Diệm đang bị đe dọa. Càng nghe báo cáo của Thuận, bà càng lo lắng. Vậy là các đơn vị dù đã tham gia đảo chính. Vậy mà, Đại tá Nguyễn Chánh Thi, chỉ huy của họ, lại rất thân thiết với Diệm! Diệm quý mến ông đến nỗi người ta còn nói Thi là con nuôi của Diệm.

Vị Đại tá giờ đây lại đang chỉ huy quân đội đã bao vây Dinh Độc Lập sao? Hiệp không thể chấp nhận sự thật này. Bà không tin vào thông tin đó. Thi, trong số tất cả mọi người sao? Chính Diệm đã đích thân chọn ông làm chỉ huy Lữ đoàn Dù.

Trong đêm, Thi và quân của ông đã đến gần Dinh Độc Lập và trận đánh đầu tiên diễn ra lúc 1:30 sáng. Cuộc giao tranh kéo dài nửa tiếng đồng hồ. Lúc này, quân của Thi đã bao vây Dinh nhưng không thể tiến vào khuôn viên Dinh, nơi được đội Vệ binh Tổng thống bảo vệ nghiêm ngặt.

Hiệp về nhà mẹ. Bà thấy Căn đang ngồi trong phòng khách, bình tĩnh ra lệnh và nhận

thông tin. Khi Hiệp đến, Cẩn đến bên mẹ và trấn an bà: “Đừng lo. Chúng ta sẽ giải quyết được cuộc nổi loạn nhỏ này.”

Anh trở lại bàn làm việc và chỉ đến nói chuyện với bà khi nhận được tin tức mà bà quan tâm. Hiệp ngồi đó hàng giờ, suy nghĩ, gật đầu lo lắng với các phụ tá của Cẩn đang đi lại giữa tòa nhà văn phòng của anh bên cạnh.

Hiệp tự hỏi tại sao Cẩn không đến văn phòng của anh. Ở đó, anh sẽ gần hơn với thiết bị vô tuyến tinh vi, có kết nối trực tiếp đến Dinh Độc Lập. Rồi bà nhận ra rằng có lẽ Cẩn đang hấp thụ một nguồn năng lượng to lớn từ việc anh ở đó, trong ngôi nhà nơi mọi thứ bắt đầu. Chính tại đó, cha họ đã bắt đầu giấc mơ. Chính tại đó, gần như năm nào họ cũng trở lại để xem giấc mơ đã trở thành hiện thực đến đâu. Chính tại đó, Cẩn sẽ làm tất cả những gì có thể để giấc mơ được tiếp tục.

Lúc 10 giờ sáng, Diệm đã thành công trong việc phát đi bản tuyên cáo của mình trên đài phát thanh. Ông yêu cầu người dân giữ bình tĩnh và kêu gọi quân đội trung thành tiến vào Sài Gòn để dập tắt cuộc nổi loạn. Cẩn bối rối. Ông nói rằng Diệm không nên làm như vậy, vì quân đội trung thành đã tập trung về Sài Gòn. Ông nói rằng Diệm nên tiếp tục đàm

phán với những người lãnh đạo đảo chính cho đến khi quân đội trung thành đến.

Đến trưa, tất cả các cuộc giao tranh đã dừng lại. Diệm dường như đã đồng ý nhượng bộ lớn cho những người lãnh đạo đảo chính. Phan Quang Đán, một trong những nhà lãnh đạo dân sự của cuộc đảo chính, đã được nghe trên đài phát thanh kêu gọi người dân ủng hộ Cách mạng.

Những gì có vẻ là tin xấu đã được Cẩn ca ngợi là một động thái tuyệt vời. Ông nói, “Chỉ cần Thi nghĩ rằng mình đã thắng thế và không chỉ huy một cuộc tấn công vào Dinh Độc Lập, mọi thứ sẽ ổn thôi.” Hiệp không biết phải nghĩ gì. Dĩ nhiên, Cẩn chỉ cung cấp cho bà thông tin sơ sài, và bà phải dựa vào phán đoán và khả năng phân tích tình hình của anh ta. Đối với bà, tình hình có vẻ khá vô vọng.

Lúc ba giờ chiều, bà nghĩ mình sắp ngất xỉu thì Tướng Lê Văn Ty, Tổng Tham mưu trưởng Liên quân, đọc thông báo của mình trên radio. “Tổng thống trao quyền cho các tướng lĩnh thành lập chính phủ mới.” Tiếp theo vị tướng, một thành viên Hội đồng Cách mạng được nghe thấy đang khuyến khích người dân Sài Gòn tham gia biểu tình vào ngày hôm sau.

Cẩn cau mày nhưng không tỏ ra tuyệt vọng.

Ông ngồi xuống trước mặt Hiệp và nói: “Xin hãy về nhà ngay. Đừng nản lòng. Chúng ta đang thắng và họ đang thua, mặc dù họ chưa biết điều đó. Hãy về nhà và cầu nguyện. Ngày mai, có thể sẽ có một trận đánh lớn, nếu đến lúc đó Thi vẫn chưa nhận ra rằng mình đã thua. Hãy cầu nguyện thật nhiều để không có đổ máu.”

Hiệp về nhà và thấy Ấm đang sốt ruột chờ đợi. Ấm, người chưa bao giờ muốn can thiệp vào chuyện gia đình, đã dành phần lớn thời gian trong nhà nguyện cầu nguyện. Ông hỏi: “Tình hình hiện tại thế nào?”

Hiệp nói: “Những người lãnh đạo đảo chính dường như đã thắng và Tổng thống dường như đã trao quyền cho các tướng lĩnh thành lập một chính phủ khác. Tuy nhiên, theo Cần, hai sư đoàn trung thành với Tổng thống đang hội tụ về Thủ đô và thực sự đã đến Sài Gòn.”

Ấm gật đầu. Ông nói: “Chắc hẳn là Sư đoàn 7 từ Mỹ Tho do Đại tá Trần Thiện Khiêm chỉ huy và Sư đoàn 21 từ Biên Hòa do Đại tá Nguyễn Văn Thiệu chỉ huy.” Hiệp kêu lên: “Đúng vậy. Nhưng làm sao anh biết được?” Ấm cười và nói: “Họ là những đơn vị gần nhất. Cả Thiệu và Khiêm đều rất thân cận với Tổng thống. Tôi không mong đợi gì hơn ở họ.”

Hiệp vào nhà nguyện và ngồi trong bóng tối. Bà cầu nguyện tha thiết cho cuộc đảo chính kết thúc trong hòa bình.

*



Ngô Đình Thị Hiệp và bà Ngô Đình Khả tại Huế, 1960.

Hai tuần sau khi dập tắt cuộc đảo chính, Diệm trở về Huế. Ông thấy mẹ mình khá bàng hoàng trước sự việc này. Bà Ngô Đình Khả nói: “Quyết định là của anh, Diệm, nhưng tôi muốn thấy anh rút lui khỏi cuộc đua và

không tái tranh cử nhiệm kỳ thứ hai. Anh ở lại cũng chẳng được lợi lộc gì. Tôi đã già rồi. Tôi không nhìn xa trông rộng để đưa ra phán đoán đúng đắn. Tôi chỉ muốn chắc chắn rằng anh sẽ không phải chết thảm như anh Khôi của anh.”

*

Hiệp nhìn Diệm với hy vọng ông sẽ đồng ý. Cẩn tỏ ra khá bình thản. Ông dường như không quan tâm đến bất kỳ điều gì. Diệm phải đưa ra quyết định nên ở lại hay từ chức. Cẩn sẽ chấp nhận quyết định của Diệm mà không cần bàn cãi.

Diệm dường như đã suy nghĩ kỹ trước khi đến Huế. Ông vẫn giữ vững lập trường. “Mẹ ơi, mẹ biết con không coi trọng việc ở đây hay ở đó, có quyền lực hay không có quyền lực. Cha muốn một đất nước độc lập. Giờ chúng ta đã có độc lập cho miền Nam Việt Nam. Con có thể dừng lại ngay bây giờ và nói với cha rằng, ‘Con đã làm hết sức mình. Giờ con muốn từ chức’ không? Con không nghĩ vậy. Bắc Việt Nam không có tự do, và sự tồn vong của miền Nam đang bị đe dọa nghiêm trọng, cả bởi người Mỹ lẫn những người Cộng sản ở Hà Nội, con không thể bỏ cuộc bây giờ.”

Bà Khả nhìn con trai thở dài: “Cha con đã mơ, nhưng ông ấy không mơ đến việc đặt

mạng sống của tất cả các con trai mình vào vòng nguy hiểm. Những gì xảy ra hai tuần trước cho thấy, chừng nào các con còn nắm quyền, tất cả các con đều gặp nguy hiểm. Các con muốn mẹ sống sót sau tất cả các con sao? Thật kinh khủng cho mẹ nếu ta phải khóc trong đám tang của các con!”

Diệm nói: “Sống chết do trời định. Chúng ta chỉ có thể sống và làm việc theo lương tâm của mình.” Bà Khả cúi đầu nói: “Diệm, đừng cầu xin quá nhiều phép màu từ Chúa.”

Hiệp nhìn mẹ. Bà có thể chịu đựng được bao nhiêu? Trong suốt cuộc đảo chính bất thành, bà luôn được Cần thông báo. Bà muốn được nghe kể lại mọi chuyện. Dường như bà chưa bao giờ mất hy vọng. Mỗi khi Hiệp xuất hiện, mẹ bà đều mỉm cười và cố gắng trấn an bà. Vậy mà giờ đây, rõ ràng là mẹ bà đã trải qua bao nhiêu đau khổ. Chắc hẳn bà đã lường trước được điều tồi tệ nhất. Hiệp nói: “Anh Diệm, anh hãy hứa với mẹ là anh sẽ suy nghĩ nghiêm túc về những lời mẹ đã nói.” Diệm hứa, nhưng Hiệp biết rằng anh đã quyết tâm tiếp tục công việc.

*

Trên bãi biển vắng vẻ Thuận An, Diệm, Cần và Hiệp bước đi trong im lặng. Sóng dâng cao, nước gần như chuyển sang màu

nâu, gió lạnh thổi ào ạt, tạt cát ướm vào mặt họ. Cẩn nhanh chóng nói: “Em muốn vào nhà hơn.” Diệm nhìn Hiệp như muốn thách thức bà, nhưng bà lắc đầu, từ chối. Họ quay trở lại nhà của Cẩn.

Cẩn gọi trà, rót trà cho Diệm và Hiệp, rồi tự rót trà cho mình. Anh nghiêng người về phía Diệm và nói: “Mẹ đang lo lắng. Chúng ta phải nghĩ đến mẹ.”

“Vậy ra đây là người mà mọi người nói là đang khao khát quyền lực,” Hiệp nghĩ. Diệm im lặng một lúc. Hiệp nghịch tách trà, xoay xoay nó trên đầu ngón tay. Mùi sen khô thoang thoảng bay vào mũi, gợi cho bà nhớ lại bao nhiêu tách trà uống cùng anh chị em.

Diệm cúi đầu, nói như tự nhủ: “Tôi biết mẹ đang bối rối. Bản thân tôi cũng đang bối rối. Cuộc đảo chính chẳng có ý nghĩa gì cả. Giờ chúng ta mới biết Thi không phải là người chỉ huy cuộc đảo chính. Trung tá Vương Văn Đông đã lôi kéo anh ta vào cuộc vào phút chót. Hôm đó, Đông đến gặp Thi và mời Thi vào cuộc, tin rằng Thi có liên quan. Thực ra anh ấy đang đi dự tiệc trong lúc bị đưa đến trụ sở đảo chính. Cuộc đảo chính chẳng có ý nghĩa gì cả.”

Hiệp hỏi: “Sao anh cứ nói cuộc đảo chính chẳng có ý nghĩa gì cả?” Diệm ngẩng đầu

lên, mỉm cười, “Tôi đang cố gắng hiểu những người chỉ huy cuộc đảo chính. Có Hoàng Cơ Thụy, một người được Đại sứ Mỹ bảo trợ. Ông ta là một người đầy tham vọng, nhưng không có tài năng nào phù hợp. Trung tá Vương Văn Đông là một người lính giỏi, một sĩ quan giỏi, nhưng dễ bị người khác tác động. Các tiểu đoàn ủng hộ họ một cách nửa vời. Khi những người chỉ huy đảo chính tiếp cận Đại tá Soạn, Tư lệnh Lữ đoàn Thiết giáp, sau khi cuộc đảo chính đã bắt đầu, ông ta từ chối tham gia, và họ đã giết ông ta. Họ đã trông cậy vào Lữ đoàn Thiết giáp, tại sao tôi không biết.”

Diệm rút thêm một tách trà, châm một muỗng thuốc nữa và nói tiếp, “Cố gắng lật đổ tôi chỉ với ba tiểu đoàn là vô nghĩa. Hy vọng rằng cuộc đảo chính sẽ thành công khi nó được lên kế hoạch quá kém là vô nghĩa. Dường như những người chỉ huy đảo chính tin rằng họ có nhiều sự ủng hộ hơn thực tế. hơn những gì họ có cuối cùng.”

Hiệp chờ đợi lời giải thích thêm, nhưng Diệm im lặng hồi lâu. Bà nói một cách sốt ruột: “Anh Diệm, dù có yếu kém và thiếu tổ chức đến đâu, cuộc đảo chính vẫn có cơ hội thành công, phải không?” Diệm gật đầu, không biết Hiệp đang hướng đến đâu. Hiệp giải thích: “Họ suýt thành công vì anh không

muốn đổ máu. Anh biết họ là tay mơ. Họ không chiếm đài phát thanh. Họ không cắt đường dây điện thoại của anh. Vậy mà, nếu họ tấn công Dinh Độc Lập, anh đã đầu hàng hoặc phải chấp nhận đổ máu.”

Căn nói với Diệm: “Tốt hơn hết là anh nên nghe lời chị ấy, anh Diệm.” Hiệp kết luận: “Đó là lý do tại sao cuộc đảo chính có ý nghĩa với tôi. Hoặc là những người Việt Nam đứng sau cuộc đảo chính tin rằng ngay cả với ba tiểu đoàn họ cũng sẽ thành công, vì anh sẽ không đánh lại quân của chính mình, hoặc tệ hơn, đằng sau những người lãnh đạo đảo chính, có những người khác muốn thử thách anh, để xem anh phản ứng thế nào. Chỉ là một cuộc diễn tập cho một cuộc đảo chính được tổ chức tốt hơn trong tương lai.”

Diệm nói, “Chúng ta có thể đã chấm dứt cuộc đảo chính rất sớm vào sáng sớm ngày 12 tháng 11. Lúc đó quân đội của chúng ta đã bao vây các tiểu đoàn dù. Chúng ta chờ đợi, bởi vì chúng ta càng chờ đợi, những người lãnh đạo đảo chính và quân đội của họ càng thấy rõ ràng rằng họ không thể chiến thắng. Chúng tôi nghĩ rằng bằng cách chờ đợi, chúng tôi sẽ có cơ hội chiến thắng cao hơn mà không cần phải chiến đấu. Chúng tôi cũng chờ đợi những người muốn ủng hộ cuộc đảo

chính xuất hiện. Tuy nhiên, không ai xuất hiện cả.”

Hiệp nhìn lên, “Tôi hy vọng rằng sẽ không có bất kỳ cuộc săn lùng phù thủy nào sau chuyện này. Tôi nghe nói rằng có hàng chục người đã bị bắt.” Diệm lắc đầu, “Một chục người đã được triệu tập để trả lời một số câu hỏi; họ đã được thả ngay lập tức.” Cẩn nói thêm, “Sẽ không có cuộc săn lùng phù thủy nào. Chúng ta đã được cung cấp rất nhiều cái tên từ các đơn vị tình báo khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta phải cẩn thận. Nghi ngờ quá nhiều người là không khôn ngoan. Tôi đoán anh Nhu đã được đưa cho một danh sách dài những kẻ tình nghi. Nếu anh ta động đến những người đó, chúng ta có thể tạo ra sự hỗn loạn trong chính quân đội và chính quyền của mình.”

Diệm gật đầu. Ông ta hứa, “Tôi bảo đảm rằng sẽ không có vụ bắt giữ nào và không có hồ sơ mật nào được lập ra đối với những người được gọi là nghi phạm. Tuy nhiên, tôi sẽ công khai bằng chứng về sự tham gia của Mỹ vào cuộc đảo chính.”

Cẩn và Hiệp đều kinh ngạc. Cẩn nói, “Em biết anh có bằng chứng chống lại một số điệp viên CIA và nhân viên Đại sứ quán Mỹ. Em cho rằng anh có thể ghi lại sự hiện diện

của họ bên cạnh những người lãnh đạo đảo chính trong cuộc đảo chính. Một khi anh nắm giữ những thông tin như vậy, tại sao anh lại muốn công khai chúng?”

Diệm phản đối một cách kiên quyết, “Họ được cho là đồng minh của chúng ta. Họ được cho là phải sát cánh cùng chúng ta. Vậy mà họ lại bị phát hiện giúp đỡ những người lãnh đạo đảo chính, thậm chí còn tư vấn cho họ cách soạn thảo bài phát biểu để đọc trên radio. Đó không phải là phản bội sao? Đó không phải là lừa dối sao?”

Hiệp hỏi, “Anh hy vọng đạt được gì khi công khai cáo buộc Đại sứ Durbrow?” Diệm nói, “Tôi muốn ông ta bị triệu hồi và thay thế.” Cẩn tiếp tục hỏi: “Anh không nghĩ rằng Đại sứ Durbrow rồi cũng sẽ bị thay thế sao? Tổng thống mới, John Kennedy, chắc chắn sẽ bổ nhiệm một Đại sứ khác tại Việt Nam. Tại sao anh lại phải chống đối ông ta ngay cả trước khi ông ta tuyên thệ nhậm chức?”

Một lần nữa, Diệm nói: “Sự thật là sự thật.” Cẩn, người cứng đầu như anh trai mình, đáp: “Sớm muộn gì sự thật cũng sẽ được phơi bày. Vậy tại sao nó lại phải được phơi bày với chữ ký của anh?”

Diệm ngồi xuống. Ông nhìn Hiệp và thấy bà có vẻ đồng tình với Cẩn. Ông nói với họ: “Rất

cuộc thì các em có thể đúng. Tướng Lansdale đã trở lại. Thậm chí ông ta có thể là Đại sứ tiếp theo. Với ông ta, những chuyện vớ vẩn này sẽ chấm dứt.”

Cần hỏi: “Từ đây tôi đã nghe đủ thứ chuyện. Có đúng là anh Nhu đã đe dọa ông Carver không?” Diệm quay sang Hiệp và giải thích: “Carver là người Mỹ dính líu nhiều nhất đến cuộc đảo chính.” Ông nói với Cần, “Tôi không làm gì cả. Sau cuộc đảo chính, tôi đã yêu cầu Bill Colby, Trưởng Trạm CIA, cách chức Carver. Ông ta đã trì hoãn. Một người nào đó đang làm việc trong cơ quan tình báo của chúng ta đã bỏ một lá thư đe dọa vào hộp thư của Carver. Chúng tôi đã hộ tống ông Carver ra sân bay khi ông ấy rời Việt Nam.”

Diệm bỗng thấy buồn cười và bật cười. Cần cũng cười, nhưng Hiệp không cười theo. Bà nghĩ, “Trong khi anh Diệm đang làm rất tốt trong hầu hết mọi việc, người Mỹ vẫn đứng sau một cuộc đảo chính chống lại anh ấy. Họ sẽ làm gì nếu anh ấy bắt đầu chùn bước? Nếu anh ấy gặp phải những vấn đề thực sự thì sao?”

Bà nhớ lại những gì mẹ bà đã nói với Diệm. Diệm đã nói, “Sinh tử do Chúa định.” Liệu đó có phải là một phản ứng phù hợp với nỗi lo lắng của một người mẹ không? Bà muốn biết.

*

Đó là dịp Tết, và một lần nữa đã đến lúc đoàn tụ gia đình. Nhưng vào đầu năm Kỷ Sửu (1961), những người có mặt tại buổi họp mặt gia đình đều nghĩ đến việc thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng, sự kiện đã diễn ra hai tháng trước đó, vào ngày 20 tháng 12 năm 1960.

Diệm nói: “Bản thân việc thành lập Mặt trận không tạo ra bất kỳ sự thay đổi nào đối với tình hình quân sự và chính trị. Ở Việt Nam, mọi người đều biết rằng một cuộc chiến đang diễn ra và những người Cộng sản nhận chỉ thị trực tiếp từ Hà Nội sẽ tiến hành chiến tranh.

“Tuy nhiên, đối với người nước ngoài thì khác. Các nhà báo, chính trị gia và học giả nước ngoài dường như đang thấy sự khác biệt giữa Cộng sản ở miền Bắc và Mặt trận Giải phóng Miền Nam ở miền Nam. Liệu họ có thực sự tin vào sự khác biệt đó không? Hay họ giả vờ tin vào huyền thoại đó? Huyền thoại càng lan rộng, thì thành công tuyên truyền của những người Cộng sản càng lớn.”

Ông Nhu tỏ ra thất vọng khi Cộng sản có thể tiến hành các cuộc tấn công cấp tiểu đoàn ở các tỉnh miền Nam. Ông Diệm nói với ông Nhu rằng cần phải làm mọi cách có thể; bao

gồm cả việc tăng cường các cuộc đột kích vào ‘khu vực an toàn’ do Việt Cộng kiểm soát để đảm bảo các đơn vị du kích không thể tập hợp để chiến đấu ở cấp độ cao hơn cấp đại đội.

Diệm nói, “Việt Nam luôn trong tình trạng chiến tranh. Trong quá khứ luôn có những cuộc nổi loạn chống lại các vị vua và hoàng đế. Hầu hết các cuộc nổi loạn đó bị giới hạn về không gian và thời gian; hầu hết đều gây ra ít tổn thất về người.

Ông Nhu được yêu cầu mô tả tình hình xâm nhập từ Bắc vào Nam, qua Lào. Theo ông Nhu, rõ ràng là nếu Lào không giữ vững, Nam Việt Nam sẽ rất khó ngăn chặn chiến tranh leo thang. Tuy nhiên, mọi thứ đều cho thấy Lào đang sụp đổ. Các báo cáo tình báo cho thấy năm tiểu đoàn từ Bắc Việt đã xâm nhập vào Lào trong khi ba phe cánh tả, hữu và trung lập, với quân đội riêng biệt của họ đã bắt đầu giao tranh dữ dội với nhau.

Mặc dù vậy, Hiệp có ấn tượng rằng cả Diệm và Nhu đều lạc quan về triển vọng ở Lào. Về phía Mặt trận Giải phóng Miền Nam, Nhu nói rằng ông đã có thể xâm nhập vào các cơ cấu cao nhất của nó. Hiệp chăm chú quan sát Nhu. Việc xâm nhập là có thể. Hiệp biết rằng chính phủ Diệm đã bị xâm nhập rất sâu.

Phần còn lại của ngày hôm đó được dành

cho các chiến lược cho Những ngày cuối cùng của chiến dịch tranh cử. Mặc dù đường như không có ứng cử viên nặng ký nào xuất hiện, Diệm vẫn muốn chắc chắn rằng ông và Nguyễn Ngọc Thơ, ứng cử viên phó tổng thống, sẽ không gặp bất ngờ nào vào ngày 9 tháng 4, ngày bầu cử.

*

Diệm đồng ý tổ chức lễ mừng sinh nhật lần thứ chín mươi của bà Ngô Đình Khả với sự long trọng nhất, vào ngày 18 tháng 9 năm 1961. Lễ mừng nhanh chóng trở thành sự kiện quốc gia. Mọi quan chức trong nước đều gửi lời chúc mừng dài đến bà Ngô Đình Khả. Đường như không ai nhận ra sự bất hợp lý này, ngoại trừ Hiệp, người phản đối việc công khai can thiệp vào chuyện gia đình.

Sau Đại lễ và buổi lễ dài hơi quá sức chịu đựng của bà, các con bà ngồi xuống trò chuyện.

Hiệp đã nhân cơ hội này chỉ trích các anh trai mình vì đã để lễ mừng trở thành một sự kiện quốc gia. Bà rất tức giận, vì những ninh thần đã tổ chức lễ mừng sao cho giống với lễ Phong Thái Hậu. Báo chí gọi bà là Thái Từ, tức Đức Bà Từ Bi, một danh hiệu nghe rõ là đế vương.

Đáng ngạc nhiên là các anh trai của bà không phản ứng lại những lời chỉ trích của

bà. Họ hiểu sự dè dặt của bà, và giờ đây sau sự việc, họ mới thấy sự việc đã vượt khỏi tầm kiểm soát như thế nào. Diệm nói: “Tôi rất hối hận vì đã không nghe lời cô sớm hơn.”

Hiệp không muốn để Diệm và những người anh em khác của mình thoát dễ dàng như vậy. Bà đã nghe người ta nói rằng gia đình bà được hưởng một số đặc quyền của hoàng gia. Người ta nói với bà như vậy vì họ biết rằng bà sẽ hiểu được thiện chí của họ. Bà hỏi Diệm: “Người ta đã nói với anh những điều đó chưa?” Diệm lắc đầu. Hiệp nói với giọng buồn bã: “Họ không thể nói với anh những điều như vậy nữa, vì họ nghĩ anh thích nghe những lời nịnh hót hơn.”

Diệm nhìn bà, hơi bối rối. Đó là lần đầu tiên bà công kích cá nhân ông. Cuối cùng ông tự bào chữa: “Cô biết tôi không thích những lời nịnh hót. Hầu như năm nào tôi cũng viết sắc lệnh chính thức yêu cầu mọi người không được gọi tôi là Ngài, chỉ gọi là Tổng thống. Tôi cũng yêu cầu các quan chức không được gọi tôi là Quý Ngài. Nhưng những người từng phục vụ các Hoàng đế vây quanh chúng tôi. Họ nghĩ rằng làm ít hơn những gì họ đã làm cho các Hoàng đế nghĩa là họ không đủ tôn trọng tôi.”

Hiệp thở dài, “Vì anh không đủ can đảm

yêu cầu họ dừng những hành vi vô lý của họ đối với anh, nên họ tin rằng chỉ có những kẻ nịnh hót mới được anh ủng hộ. Thừa Tổng thống, anh muốn một nền cộng hòa hay một nền quân chủ?”

Chỉ có Luyện lúc này có vẻ đứng về phía bà. Thực, Nhu và Cần dường như nghĩ rằng bà đang chế giễu Diệm quá mức, và Diệm sẽ sớm nổi giận. Họ bắt đầu càu nhàu với bà.

Diệm ngồi lấy tay che mặt trong suốt lời phát biểu cuối cùng của bà. Ông đứng dậy và nói, “Khi cô đúng, cô đúng, cô ạ. Tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta (ông nhìn Thực, Nhu và Cần) sẽ phải thận trọng hơn trong tương lai. Vâng, thưa cô, chúng ta sống trong một nền cộng hòa, và tôi là một Tổng thống dân cử, chứ không phải Hoàng đế.”

Khi họ chia tay nhau đi ăn tối, Diệm tiến lại gần Hiệp. Bà nghĩ rằng ông sẽ trách mắng riêng bà vì những lời lẽ mạnh mẽ của bà. Bà bật cười khi ông chỉ vào một vết rách nhỏ trên áo choàng của mình và nói: “Cô có thể vá giúp tôi trước khi tôi về Sài Gòn được không?” Trong mắt ông ánh lên cả sự thích thú lẫn tình cảm triu mến. Ông nói một cách tha thiết: “Đừng ngần ngại trách phạt chúng tôi khi chúng tôi làm sai. Cha đã giao cho cô trách nhiệm đó.”

Tối hôm đó, Hiệp mang áo choàng của Tổng thống về nhà. Ngồi vá lại, bà cảm thấy như chưa có chuyện gì xảy ra kể từ hồi còn nhỏ, khi họ ngồi dưới chân Đại Thị thần, lắng nghe những lời khôn ngoan của ông.

Cử chỉ của Diệm khiến bà vừa thích thú vừa tự hào. Rốt cuộc, tất cả những vinh dự đó không hề làm ông kiêu ngạo. Ông vẫn là cậu bé ngây thơ, chạy lại với bà khi áo bị rách, và bà, dù nhỏ hơn hai tuổi, sẽ mắng mỏ và vá áo cho ông hết sức có thể.

*

Ngày 7 tháng 2 năm 1962, họ gặp lại nhau tại Huế, vào đầu năm Dần. Đối với Hiệp, những năm Dần luôn tượng trưng cho một năm đầy nguy hiểm và thử thách. Khi đó, bà đã chuẩn bị tinh thần cho những gì Diệm trình bày: “Tổng thống Kennedy đã yêu cầu Đại sứ Nolting moi từ tôi những nhượng bộ mà theo tôi biết, sẽ biến Nam Việt Nam thành một vùng bảo hộ của Mỹ.”

Nhu nói, “Hình như Đại sứ đã nhận được lệnh hành quân từ tòa Bạch Ốc vào khoảng tháng 11. Ông ấy đã tiếp cận chúng tôi vào đầu tháng 12. Ông ấy nói rằng ông ấy đã cố gắng vô ích để thuyết phục các phụ tá thân cận nhất của Tổng thống Kennedy thay đổi quan điểm.” Diệm ngắt lời Nhu, “Theo thông

điệp chúng tôi nhận được từ Đại sứ Nolting, tôi phải đưa ra ‘những minh chứng cụ thể’ rằng tôi sẽ nỗ lực ‘mở rộng cơ sở chính trị’ cho chính phủ của mình. Tôi cũng sẽ phải chia sẻ với người Mỹ trách nhiệm đưa ra quyết định trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và quân sự, vì chúng ảnh hưởng đến an ninh của Nam Việt Nam. Các phụ tá của Tổng thống Kennedy đã yêu cầu một chính quyền chung Hoa Kỳ - Nam Việt Nam.” Cẩn kêu lên giận dữ, “Chúng tôi thà chết chứ không chấp nhận một yêu cầu như vậy!”

Diệm nhìn hai em trai mình, Hiệp và Lê Xuân và hỏi, “Chú Cẩn cũng đã bày tỏ quan điểm của mình về vấn đề này chưa?” Từng người một, tất cả đều giơ tay. Diệm gật đầu nghiêm nghị và nói tiếp, “Chúng ta đã không bỏ công sức ra để bán nước, hay ít nhất là một phần đất nước, cho một số quan chức ngạo mạn ở Washington. Tôi đã phạm phải sai lầm khủng khiếp khi yêu cầu chú Nhu đấu tranh với các yêu cầu của Mỹ. Chú ấy sẽ bị nhắm đến để trả đũa. Lê Xuân, cả cô nữa, cũng sẽ gặp nguy hiểm.”

Ông mỉm cười buồn bã và nói, “Từ giờ trở đi, cá nhân tôi sẽ phụ trách đàm phán với người Mỹ. Tôi không muốn chú Nhu và Lê Xuân bị cáo buộc là chống Mỹ. Họ có thể đổ

lỗi cho tôi là chống Mỹ, nếu họ muốn. Nhưng tôi sẽ là người từ chối những người Mỹ vô lý từ bây giờ, từ giờ trở đi.”

Nhu phản đối, “Trong bất kỳ ván cờ nào, anh có thể hy sinh mã hoặc pháo nhưng không thể hy sinh xe hoặc tướng. Tại sao anh lại muốn chúng tôi thay đổi chiến thuật ngay bây giờ? Vợ chồng tôi có thể hy sinh; còn anh thì không.”

Hiệp bị ấn tượng bởi sự dữ dội của Nhu. “Thì ra đây chính là người đàn ông mà người ta gọi là ‘tham lam quyền lực’, sẵn sàng lật đổ anh trai ruột để thỏa mãn tham vọng của bản thân!”

Bà nhìn Lê Xuân nhú mày nhưng không phản đối. Lúc này, Hiệp cảm thấy yêu thương em dâu hơn bao giờ hết.

Diệm xoa tay, “Mọi người đều có thể bị hy sinh, kể cả tôi. Tôi thà trả giá cho những sai lầm của chính mình. Giờ đây, chúng ta biết rằng Tổng thống Kennedy đang mất kiên nhẫn với những tiến triển đang diễn ra ở Việt Nam. Chúng ta biết rằng ông ta và phe cánh của ông ta nghĩ rằng một cuộc chiến tranh du kích có thể giành chiến thắng nhanh chóng. Chúng ta biết rằng tiến triển sẽ chậm, cuộc chiến chống Cộng sản sẽ mất thời gian, và chúng ta sẽ không làm hài lòng vị Tổng thống Mỹ trẻ tuổi.”

Ông ta cúi đầu và nói thêm: “Theo một cách nào đó, tôi đã làm tổn hại đến chủ quyền của Nam Việt Nam bằng cách khiến đất nước tôi quá phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài. Tôi sẽ phạm một tội lỗi nghiêm trọng hơn: Tôi sẽ yêu cầu thêm viện trợ của Mỹ. Nhưng lần này, tiền viện trợ sẽ không được sử dụng để mở rộng lực lượng vũ trang của chúng ta hoặc xây dựng các ngành công nghiệp mới. Chúng sẽ khiến Cộng sản rất khó tìm được nơi trú ẩn, lương thực, nhu yếu phẩm và tân binh. Chúng sẽ biến những người lính Cộng sản thành ‘cá nằm trên cạn’.”

Ông ta nhìn Nhu một phút và nói, “Tôi sẽ giao cho chú nhiệm vụ giám sát toàn diện Chương trình Ấp Chiến lược.”

*

Chưa đầy ba tuần sau cuộc đoàn tụ gia đình của họ ở Huế, hai máy bay do các sĩ quan Không quân Việt Nam Cộng hòa điều khiển đã ném bom Dinh Độc Lập. Toàn bộ cánh trái nơi gia đình Nhu sống bị hư hại nặng nề. Lệ Xuân bị thương, và một bà vú người Hoa chăm sóc Lệ Quyên, con gái của Nhu, đã thiệt mạng. Thục đang ở trong dinh thự khi cuộc tấn công diễn ra.

Thục sau đó nói với Hiệp rằng lần đầu tiên kể từ năm 1954, ông nhìn thấy nỗi sợ

hải trong mắt Lệ Xuân. Hiệp dễ dàng hiểu được nỗi sợ hãi đó. Cuộc ném bom nhắm vào cánh trái của Dinh, chính xác là nơi gia đình Nhu sống. Các phi công rõ ràng muốn loại bỏ gia đình Nhu. Mặc dù toàn bộ cuộc tấn công chỉ kéo dài mười phút, từ 7:15 đến 7:25 sáng hôm đó, đối với gia đình Nhu, nó dường như kéo dài vô tận.

Hải quân ở Nhà Bè đã bắn hạ máy bay do Phạm Phú Quốc lái lúc 7:35, và Quốc đã nhảy dù kịp thời, và bị bắt. Chiếc máy bay còn lại, do Nguyễn Văn Cừ, con trai của một lãnh đạo VNQDD (Đảng Nhân dân Việt Nam) lái, đã trốn thoát an toàn đến Phnom Penh.

Diệm quyết định chuyển đến Dinh Gia Long. Nhỏ bé và dễ bị tổn thương hơn, Dinh Gia Long dường như đang mời gọi một cuộc đảo chính. Hiệp có cảm giác rằng một cái bẫy khổng lồ đang dần dần khép lại đối với các anh em của mình.

*

Từ ngày 2 đến ngày 23 tháng 7 năm 1962, Hội nghị Geneva về Lào đã diễn ra. Hội nghị do Vương quốc Anh và Liên Xô triệu tập, với sự tham dự của bốn quốc gia trung lập (Miến Điện, Ấn Độ, Campuchia và Lào), năm quốc gia thân phương Tây (Hoa Kỳ, Nam Việt Nam, Pháp, Thái Lan và Canada), và hai quốc

gia Cộng sản (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa).

Các Hiệp định được ký kết vào ngày 23 tháng 7 đã công nhận Lào là một quốc gia trung lập và cho phép Pathet Lào tham gia vào chính phủ, vốn sẽ là một chính phủ liên minh.

Nhu đã tham dự Hội nghị. Ông cố gắng khiến người Mỹ hiểu rằng bằng cách cho phép Lào trở nên trung lập, Hoa Kỳ sẽ tham gia vào sự suy yếu nhanh chóng của thể trận quân sự Nam Việt Nam và gây nguy hiểm cho an ninh của nước này.

Averell Harriman, người chủ mưu Hiệp định Geneva, nhận thấy Nam Việt Nam thù địch với lợi ích của Hoa Kỳ. Ông ta sẽ trở thành kẻ thù hung hãn nhất của Ngô Đình Diệm trong chính quyền Kennedy. Nhu và Diệm, trong những dịp riêng biệt, đã nói với Hiệp rằng bất chấp mọi lời cam kết của Mỹ, quân đội Bắc Việt sẽ sớm tràn qua Lào vào Nam Việt Nam, và chiến tranh sẽ leo thang.

Sau khi viếng thăm chùa Từ Hiếu được trùng tu, họ xin lỗi Hòa thượng; Diệm nói rằng ông muốn đi dạo quanh chùa cùng các thành viên trong gia đình. Hòa thượng hơi lo lắng về sự an toàn của Tổng thống, nhưng Diệm cười và nói rằng ông được bảo vệ rất tốt. Thật vậy, mặc dù Diệm đã cấm đưa quân

vào chùa, cả một tiểu đoàn đã được triển khai xung quanh khu vực này, trong khi các vệ sĩ được bố trí kín đáo, đều đặn bên trong các bức tường của chùa.

Cần nói rằng ông không thể đi bộ quá nhiều và ông sẽ đợi họ về nhà mẹ. Diệm, Hiệp và Thuận thông thả đi bộ dọc theo những con đường mà họ đã quá quen thuộc.

Chùa Từ Hiếu là nơi thờ phụng tên tuổi của tổ tiên Ngô Đình, từ đời ông cố của ông, tất cả đều là Phật tử. Ngôi chùa, được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, đã được trùng tu gần như toàn bộ dưới thời vua Thành Thái, người đã đến thăm chùa khá thường xuyên. Chính trong một chuyến viếng thăm của vua, Ngô Đình Khả, người tháp tùng ông, đã quyết định cho tổ tiên của mình được thờ phụng tại chùa Từ Hiếu.

Từ đó trở đi, gia đình là một thành viên duy trì của chùa và đóng góp hàng năm cho việc bảo trì chùa. Diệm và Hiệp, khi còn nhỏ, cũng như sau này, khi đã trưởng thành, đã đến thăm chùa nhiều lần.

Đầu năm 1962, Cần đã báo cáo với Diệm rằng toàn bộ mái gỗ cũng như những cột gỗ cao cần được thay thế. Diệm ngay lập tức gửi tiền để giúp đỡ. Các thanh xà được thay thế, các cột được xây dựng lại, và Diệm rất cảm

kích sự chăm chú đến từng chi tiết của các nghệ nhân đã thực hiện công việc trùng tu. Bước đi trên những con đường quen thuộc quanh chùa, Diệm hỏi Hiệp: “Cô có nhớ bài thơ do Tùng Thiện vương viết tặng người khai sáng ngôi chùa này không?” Hiệp nói với con trai Thuận: “Đó là bài kiểm tra thường lệ, con thấy đấy. Tổng thống luôn yêu cầu ta đọc bài thơ đó mỗi lần chúng ta đến đây.” Hiệp mỉm cười ngâm:

*“Giữa núi rừng, trong đêm mưa gió,
Người ngồi thiền tĩnh lặng, thẳng lưng an
nhiên.*

*Ai hữu duyên ghé chốn tự thiêng,
Sẽ như được tiếng chuông đưa lối,
Bay vút lên tận trời xanh thăm thẳm.”*

Diệm nói với Thuận: “Ngôi chùa này có liên quan mật thiết đến gia đình chúng ta. Tên tuổi tổ tiên chúng ta được tôn vinh ở đây. Vua Thành Thái là người bảo trợ. Thượng thư Cao Xuân Dục, một trong những người bạn thân nhất của ông nội con, đã viết bài thơ lên tấm bia đá cẩm thạch phía sau chùa trong nghĩa trang của các hoạn quan.”

Diệm hỏi Hiệp: “Cô có tìm thấy sự bình yên khi chúng ta đến đây không?” Hiệp đáp nhẹ nhàng: “Hơn cả sự bình yên. Đây là một viên

ngọc ẩn giấu. Nơi đây thật đẹp. Hồ bán nguyệt được xây dựng dưới thời vua Khải Định, lăng mộ của Tùng Thiện vương, và phu nhân của hoàng tử Nguyễn Phước Hoạt, các bảo tháp của các vị trụ trì... Tôi thích dòng suối thông này, được bao phủ bởi những cây thông...”

Diệm thở dài, “Tiếc là chúng ta không còn thời gian để đến đây và dành cả ngày để tham quan, đọc bia, hay đơn giản là dạo quanh vũ trụ nhỏ bé này, nơi chứa đựng lịch sử của đất nước chúng ta.”

Hiệp nói, “Vậy thì, chúng ta hãy tận hưởng giờ phút này. Em sẽ chỉ cho Thuận những nơi yêu thích của chúng ta, nơi hồi nhỏ chúng ta đã chơi trốn tìm.” Nhưng dĩ nhiên, họ không có một giờ, và bà cũng chẳng thể cho Thuận xem gì cả. Chẳng bao lâu sau, một viên sĩ quan phụ tá đến báo cho Diệm biết rằng ông phải gặp Đại biểu Chính phủ tại nhà mẹ ông trong vòng chưa đầy nửa tiếng nữa.

Họ nào biết rằng thời gian đang trôi nhanh, và sẽ không còn những ngày tháng yên bình nào nữa để họ bên nhau. Họ đâu biết rằng họ đã ở ngay trước cửa ngõ của cơn lốc xoáy sắp cuốn họ vào thảm họa cuối cùng.

PHẦN NĂM CHUNG CỤC

CHƯƠNG HAI MƯƠI BỐN NĂM MÃO: THỦY CỦA CHÚNG

Đó là năm MÃO, năm sinh của Hiệp. Khi họ gặp nhau trong buổi họp mặt gia đình thường niên, anh chị em của bà và bà không biết rằng đó sẽ là lần cuối cùng.

Buổi họp mặt bắt đầu với một không khí buồn bã. Ba tuần trước đó, vào ngày 2 tháng 1 năm 1963, một tiểu đoàn Việt Cộng đã đánh bại lực lượng Nam Việt Nam vượt trội hơn hẳn trong trận Ấp Bắc, tại Đồng Tháp Mười, gần biên giới Campuchia.

Trận đánh là một sáng kiến của Tướng Huỳnh Văn Cao, vừa được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đoàn vào ngày 1 tháng 1, người muốn tặng Diệm, vào đêm trước sinh nhật của ông, một ‘Món quà ý nghĩa’. Ấp Bắc là nơi Việt Cộng đã thiết lập một trung tâm phát thanh lớn. Cao chắc chắn sẽ giành được một chiến thắng lớn đến nỗi ông đã cử người của mình đến Sài Gòn để báo cho Diệm về món

quà sắp tới. Trận chiến đã trở thành một thảm kịch.

Khi hành động kết thúc, số người chết rất thảm khốc: sáu mươi lăm binh sĩ của quân đội quốc gia đã chết và một trăm người khác bị thương. Việt Cộng đã bỏ lại 101 xác chết trên chiến trường.

Diệm buồn bã. Ông nói: “Chiến tranh đang leo thang. Chúng ta phải tìm ra những cách hiệu quả để ngăn chặn sự mất máu này. Cả chúng ta lẫn miền Bắc đều không đủ khả năng để tiến hành một cuộc chiến tranh lớn.”

Ông quay sang Hiệp và nói: “Điều cũng cần phải nói là các đơn vị Việt Nam được không quân Mỹ yểm trợ. Bên cạnh đó, đi cùng quân đội của chúng ta vào trận chiến là năm mươi mốt cố vấn Mỹ. Người Mỹ cũng chịu tổn thất khủng khiếp: ba cố vấn thiệt mạng, sáu người khác bị thương, năm trực thăng bị phá hủy. Những người đàn ông trẻ tuổi chết? Đất nước chúng ta đã ở trong chiến tranh từ năm 1945, vậy mà mỗi cái chết đều là một thảm họa đối với một gia đình. Nước Mỹ ở rất xa. Thương vong. Có lẽ, người Mỹ không nên tiếp tục tham gia vào các tình huống chiến đấu nữa.”

Không ai nói gì trước sự lo lắng của ông. Diệm thở dài, “Tôi không chỉ nghĩ đến hậu

quả chính trị. Tôi đau lòng khi hình dung một người Mỹ sắp chết mà không hiểu lý do cái chết của anh ta.”

Ông quay sang Nhu và nói, “Xin hãy nói với người Mỹ rằng tôi muốn rút toàn bộ binh lính và cố vấn Mỹ ra khỏi các tình huống chiến đấu. Tôi muốn họ huấn luyện quân đội của chúng ta, chứ không phải để chiến đấu trong cuộc chiến của chúng ta.”

Ông ngừng nói, nhưng không ai muốn nói gì, bởi vì họ biết Diệm đang nghĩ về những gì ông sẽ nói tiếp theo. Giờ đây, Hiệp đã hiểu những gì Ấm đã nói với bà từ rất lâu trước đó trong trò chơi. Ông đã bảo bà tránh xa các cuộc thảo luận chính trị của gia đình. Bà chưa bao giờ nghĩ rằng một ngày nào đó mình sẽ ngồi cùng các anh trai và Lệ Xuân, nói về những chủ đề có hậu quả to lớn như vậy.

Bà nhìn Diệm, thấy rằng tầm nhìn của ông đã mở rộng chóng mặt kể từ khi ông lên nắm quyền vào năm 1954. Giờ đây, ông gánh trên vai trách nhiệm của chiến tranh và hòa bình, thắng lợi và thất bại, liên minh và mất mát liên minh. Ông phải chịu trách nhiệm cho tất cả những cái chết trên chiến trường, cả người Việt Nam lẫn người nước ngoài. Diệm tiếp tục, “Chúng ta phải khiến Cộng sản giảm mức độ giao tranh. Để đạt được điều đó, tôi

sẽ cho quân đội của chúng ta ngăn chặn kẻ thù tập hợp các đơn vị lớn tại bất kỳ khu vực nào. Chúng ta biết cách kẻ thù tập hợp quân đội tại các điểm tập trung và vị trí của các điểm đó. và quân số tiểu đoàn.”

Nhu nói với vẻ trầm ngâm, “Người Pháp sử dụng pháo binh. Mỗi tối, đại bác của họ bắn hết loạt này đến loạt khác vào các điểm tập trung khả nghi. Chúng ta nhớ nghi lễ chào hoàng hôn. Giờ đây, chúng ta sử dụng bộ binh và Lực lượng Đặc biệt để tiến vào và phá hỏng các điểm tập trung của chúng, nguy hiểm hơn cho quân đội của chúng ta, nhưng hiệu quả hơn. các đơn vị từ nhiệm vụ phòng thủ làng mạc. Quân đội chính quy của chúng ta do đó sẽ ngày càng cơ động. Chúng ta hiện đang tiến hành một số hoạt động vào các ‘vùng an toàn’ của kẻ thù. Chẳng bao lâu nữa, sẽ không còn vùng an toàn nào cho chúng nữa.”

Lệ Xuân, người đã đặt câu hỏi về việc báo chí đưa tin về trận Ấp Bắc, đã cố gắng chứng minh rằng trận Ấp Bắc thực chất là một chiến thắng chứ không phải là một thất bại. Trong khi bà nói, Diệm nhìn ra ngoài cửa sổ đang mở, lơ đãng. Rõ ràng, ông không tán thành những bình luận của Lệ Xuân. Ông là một người thực tế, không thích bất kỳ nỗ lực nào

nhằm bóp méo sự thật. Những bình luận của Lê Xuân đã tạo ra một cuộc tranh luận gay gắt. Cần và Luyện hoàn toàn không đồng tình với chị dâu của họ.

Diệm ngồi im lặng, cố gắng kiềm chế cơn giận. Cuối cùng, ông vẫy tay và yêu cầu mọi người dừng lại và lắng nghe ông. Ông nói: “Trận Ấp Bắc là một phép thử. Đó là lần đầu tiên chúng ta có trực thăng, pháo binh và thiết giáp kết hợp với bộ binh để bao vây kẻ thù. Tuy nhiên, sau khi chúng ta chịu thương vong nặng nề, kẻ thù đã trốn thoát. Trong trận chiến, các đơn vị của chúng ta đã bắn vào nhau. Cuộc thử nghiệm đã không diễn ra theo cách Tướng Cao mong đợi, và rõ ràng đó không phải là một chiến thắng. Cùng với các tướng lĩnh của chúng ta, chúng ta sẽ rút ra những bài học thích hợp từ nó. Tôi không muốn chúng ta mất thời gian bịa ra một lời tạ lỗi cho Ấp Bắc.” Ông nhìn các anh chị em của mình và nói với giọng nhấn mạnh, “Điều quan trọng hơn là chúng ta dành thời gian để thảo luận về những vấn đề quan trọng hơn.”

Cần hỏi: “Anh đề xuất những chủ đề chính nào cho cuộc thảo luận năm nay?” Diệm mỉm cười buồn bã khi liệt kê chương trình nghị sự khó khăn: “Vấn đề muôn thuở về độc lập dân tộc, các phương pháp cải thiện quan hệ

với Hoa Kỳ, đồng thời bảo vệ chủ quyền quốc gia, và làm thế nào để đánh bại Cộng sản mà không phải trả giá quá đắt bằng sinh mạng con người.”

Mắt Diệm gần như nhắm nghiền, như thể ông đang cố nhớ lại điều gì đó trong quá khứ. Ông tiếp tục: “Chừng nào Nam Việt Nam còn độc lập, và chừng nào chủ quyền của chúng ta còn được bảo vệ, chúng ta còn cơ hội đánh bại Cộng sản. Tuy nhiên, ngay khi chúng ta mất chủ quyền, cuộc đấu tranh của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa, và nhân dân sẽ bỏ rơi chúng ta.”

Nhu cau mày và yêu cầu Diệm nói cụ thể hơn một chút. Diệm giải thích: “Trong những chuyến công du gần đây đến các tỉnh, tôi nhận thấy quyền lực ngày càng tăng của các cố vấn Mỹ đối với chính quyền địa phương của chúng ta. Miễn là họ chỉ cố vấn, tôi không có gì phàn nàn. Tuy nhiên, tôi đã được giải thích rõ ràng rằng các cố vấn đang quyết định mức độ viện trợ của Hoa Kỳ mà một tỉnh sẽ nhận được. Thực tế đó khiến các cố vấn địa phương của chúng ta có quyền lực hơn các quan chức.”

Ông Nhu hỏi gay gắt: “Nếu đó là những gì anh thấy, vậy anh định làm gì?” Diệm nhìn lên ảnh cha mình và nói: “Chúng ta phải yêu

cầu người Mỹ rút các cố vấn của họ khỏi các tỉnh. Nếu chúng ta muốn đất nước chúng ta duy trì độc lập, chúng ta cần phải hành động nhanh chóng.”

Hiệp đặt ra câu hỏi hiển nhiên: “Tại sao ngay từ đầu anh lại cho phép người Mỹ đưa các cố vấn đến cấp tỉnh?” Diệm nhanh chóng trả lời: “Lúc đó, tôi nghĩ rằng các cố vấn Mỹ sẽ chỉ đóng vai trò cố vấn. Bây giờ họ đang nắm quyền kiểm soát ngày càng tăng ở các tỉnh. Xin hãy nhớ rằng tôi chưa bao giờ yêu cầu người Mỹ đưa nhiều cố vấn đến vậy vào Nam Việt Nam.”

Hiệp tiếp tục đặt câu hỏi: “Anh có chắc người Mỹ thực sự muốn đặt mình lên trên các quan chức địa phương của anh không? Hay các quan chức Việt Nam đáng bị đổ lỗi? Chẳng phải họ mới là những người, thay vì tự mình đưa ra quyết định, lại thích để các cố vấn Mỹ gánh vác trách nhiệm sao?”

Diệm thừa nhận rằng có những trường hợp các tỉnh trưởng bất tài đã dựa dẫm vào các cố vấn Mỹ và không muốn chịu trách nhiệm đưa ra quyết định. Sau đó, ông nói rằng ông đã thấy quá nhiều trường hợp các cố vấn Mỹ sử dụng sự hỗ trợ của Hoa Kỳ để giành quyền quyết định từ tay các quan chức Việt Nam.

Hiệp không hài lòng với câu trả lời. Bà hỏi:

“Anh nghĩ rằng các cố vấn Mỹ làm như vậy vì họ là những cá nhân hưởng quyền lực, hay vì họ đang thực hiện một chính sách chung?”

Diệm gật đầu: “Tôi thích câu hỏi của cô. Nó làm sáng tỏ tình hình cho tôi. Tôi xin nói rằng lúc đầu, khi tôi bắt đầu nhận thấy thực trạng này, tôi nghĩ đó chỉ là một số trường hợp cá biệt. Nhưng sau đó, khi tôi tập trung vào vấn đề, tôi nhận ra rằng thực trạng này rất phổ biến. Nó không đến từ cá nhân, mà là từ một chính sách. Các cố vấn tỉnh rõ ràng đã nhận được chỉ thị sử dụng viện trợ kinh tế như một vũ khí để tước đoạt quyền kiểm soát các tỉnh khỏi tay các quan chức của chúng ta.”

Hiệp quay sang những người khác và nhận xét: “Không có hiệp ước nào được ký kết giữa Hoa Kỳ và Việt Nam cho phép điều này xảy ra. Vấn đề cố vấn ở cấp tỉnh nên được thảo luận như một phần không thể thiếu của thỏa thuận liên minh với Hoa Kỳ.”

Nhu lắc đầu: “Chúng tôi đã cố gắng đề cập vấn đề này với người Mỹ rất nhiều lần rồi. Người Mỹ luôn nói rằng họ không thể tham gia bất kỳ hình thức liên minh nào với chúng tôi, vì điều đó sẽ cấu thành hành vi vi phạm Hiệp định Geneva.”

Hiệp hỏi: “Vậy thì sự hiện diện của người Mỹ, đặc biệt là ở mức độ hiện nay, là bất hợp

pháp sao?” Nhu gật đầu: “Đúng vậy. Theo các điều khoản của các thỏa thuận trong Nghị định thư Ngũ phương năm 1950, được ký kết bởi Hoa Kỳ, Pháp, Quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia, người Mỹ có thể có tối đa hai trăm nhân viên quân sự và dân sự cho cả ba nước Đông Dương. Nghị định thư đã hoàn toàn lỗi thời, vậy mà người Mỹ đã nhiều lần từ chối ký bất kỳ nghị định thư mới nào với chúng tôi.”

Sau câu trả lời của Nhu, một khoảng lặng dài trôi qua. Rồi Hiệp hỏi lại: “Vậy, anh Diệm, bây giờ anh đề nghị yêu cầu người Mỹ rút các cố vấn của họ khỏi các tỉnh. Anh nghĩ phản ứng của họ sẽ như thế nào trước yêu cầu đó?” Nhu tình nguyện trả lời, vì Diệm không trả lời ngay lập tức, “Thời điểm cho động thái này thật sai lầm. Một số quan chức cấp cao của Mỹ tại Bộ Ngoại giao và Tòa Bạch Ốc không thích thái độ của chúng ta tại Hội nghị Geneva về Lào. Họ có thể coi yêu cầu này của chúng ta là một hành động thách thức khác.” Diệm nói thêm: “Chúng ta phải hành động, mặc dù chúng ta biết rằng chúng ta có những kẻ thù hùng mạnh trong Chính quyền Kennedy.”

Hiệp nhận xét: “Hình như sự phản đối của anh đối với chính sách của Mỹ vượt ra ngoài

vấn đề các cố vấn Mỹ ở cấp tỉnh. Em nói đúng không?” Diệm gật đầu. Ông châm một điếu thuốc và rít một hơi, rồi bắt đầu nói. Ánh mắt ông trở nên mơ màng và giọng nói nhẹ nhàng hơn thường lệ, “Miền Nam Việt Nam độc lập. Nó trở nên độc lập sau một loạt các cuộc chiến tranh nhỏ.

“Nếu chúng ta không loại bỏ các sứ quân và bãi bỏ Lãnh địa Hoàng gia, miền Nam Việt Nam vẫn là một nhà nước phong kiến dưới sự cai trị của Pháp. Nếu chúng ta không trục xuất Tướng Lê Văn Viễn khỏi Sài Gòn và phế truất Hoàng đế Bảo Đại, Việt Nam đã rơi vào ách thống trị của Cộng sản.”

Diệm dụi điếu thuốc đang cháy dở vào gạt tàn trên bàn, với tay lấy tách trà hoa lái. Ông xoay xoay tách trà trên đầu ngón tay, “Có những kẻ bịa đặt đủ thứ chuyện hoang đường về vai trò của người Mỹ trong thành công của chúng ta.”

Ông mỉm cười và nói tiếp, “Việc Hoàng đế Bảo Đại bổ nhiệm tôi làm Thủ tướng năm 1954 giờ đây được cho là do áp lực của Mỹ. Tất cả các vị đều biết việc bổ nhiệm đó diễn ra như thế nào. Cả Nguyễn Đệ và Bảo Đại, những người không có lý do gì để ưa tôi, đã đưa ra quyết định đó. Họ là những người duy nhất chịu trách nhiệm cho việc bổ nhiệm đó.

Tại sao họ lại làm vậy? Tình hình rất nguy cấp. Họ thấy rằng không ai khác có thể đảo ngược tình thế.”

Hiệp lắng nghe và bị ấn tượng bởi những lời của Diệm. Ông không phải là một ông già đang hồi tưởng. Ông đang đưa ra cho họ cách giải thích tốt nhất mà ông có thể nghĩ ra, về những sự kiện đã xảy ra kể từ năm 1954.

Bà tự hỏi, “Tại sao lại là bây giờ? Tại sao anh ấy phải làm điều đó ngay bây giờ?” Rồi bà nhận ra rằng cha bà, Công tước Nguyễn Hữu Bài, và anh trai bà, Khôi, vẫn luôn làm như vậy khi họ sắp làm một việc gì đó quan trọng. Bà nhớ lại họ đã từng quay ngược lại quá khứ bao xa để hiểu rõ hơn những hành động họ phải làm trong hiện tại. Hiệp chợt nhận ra rằng Diệm sắp phải chiến đấu trong trận chiến quyết định nhất cuộc đời mình.

Diệm tiếp tục, “Khi tôi trở về Việt Nam, quân đội Pháp đã suy sụp tinh thần sau thất bại ở Điện Biên Phủ. Người dân Việt Nam đang chuẩn bị cho một cuộc tiếp quản của Cộng sản. Lúc đó, người Mỹ có biết nhiều về Việt Nam không? Câu trả lời là không. Chính quyền Eisenhower, những người không muốn ngăn chặn sự nhục nhã của Pháp tại Điện Biên Phủ, chỉ hiểu mơ hồ về lợi ích của Mỹ trong Hội nghị Geneva.”

Luyện gật đầu và nói thêm, “Cả Dulles lẫn Bedell Smith đều không đưa ra bất kỳ sáng kiến nào của Mỹ. Việt Nam đã bị chia cắt. Sáng kiến đó đến từ Trung Quốc và Pháp. Tôi đã ở đó, tôi biết.”

Nhu ngắt lời các anh em trai, “Trong những tháng đầu tiên của chính quyền anh Diệm, người Mỹ không có ‘Chính sách Việt Nam’. Dulles nghĩ rằng ông ta phải làm gì đó nhanh chóng, để ngăn chặn sự bành trướng của Cộng sản ở châu Á. Ông ta đã thành lập SEATO, hay Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á, để bảo vệ Đông Nam Á khỏi sự xâm lược của Cộng sản. Nam Việt Nam, Campuchia và Lào không phải là bên ký kết Hiệp ước. Thực ra, SEATO chỉ là một con hổ giấy.

Diệm tiếp tục, “Ở miền Nam Việt Nam, Tướng Collins đã liên minh với Tướng Pháp Ely và liên tục yêu cầu tôi từ chức. Người Mỹ đã cung cấp cố vấn quân sự để thay thế các cố vấn Pháp. Họ đã hỗ trợ kinh tế cho chúng tôi và, giống như người Pháp, họ rất hào phóng trong việc giúp vận chuyển người tị nạn từ Bắc Việt Nam vào Nam. Về mặt chính trị, người Mỹ thực sự muốn giúp chúng tôi là Đại tá Lansdale.”

Ông Nhu nói thêm, “Sau khi chúng ta thống nhất quân đội quốc gia, loại bỏ các lãnh chúa

và buộc các đơn vị quân đội Pháp cuối cùng rời khỏi đất nước một cách dứt khoát, chúng ta khá tự hào về những gì mình đã đạt được. Chúng ta đã giành được độc lập cho miền Nam Việt Nam. Chúng ta đã gây rối và sử dụng bất kỳ phương tiện nào có trong tay để tạo điều kiện cho Hà Nội tiếp quản miền Nam một cách hiệu quả. Để chống lại những kẻ khủng bố Cộng sản một cách hiệu quả, chúng ta cần thêm sự hỗ trợ của Mỹ. Khi chúng ta nhận được thêm sự hỗ trợ từ người Mỹ, ảnh hưởng của họ ở miền Nam Việt Nam ngày càng tăng.

Diệm ngắt lời: “Vào cuối nhiệm kỳ của Chính quyền Eisenhower, Đại sứ Durbrow đã cố gắng buộc chúng ta áp dụng mô hình dân chủ của Mỹ. Tôi nói với ông ấy: “Chúng tôi không thể làm điều đó, thứ nhất, vì chúng tôi là người Việt Nam, không phải người Mỹ, và thứ hai, vì chúng tôi đang tham gia một cuộc chiến tranh.” Ông ta không thích câu trả lời của tôi. Ông ta khuyến khích các sĩ quan Việt Nam làm đảo chính. Tôi nghĩ rằng ông ta chỉ muốn cảnh báo tôi. Ông ta có thể đã làm một cuộc đảo chính lớn hơn nhiều. Các điệp viên Mỹ đã liên lạc với một số tướng lĩnh và đại tá, nhưng vào phút chót đã không tham gia vào cuộc đảo chính.”

Luyện nhớ lại: “Sau đó, Durbrow phải ra đi, và Đại sứ Nolting đã vào cuộc. Tổng thống Kennedy muốn ông ta thân thiện với anh Diệm. Tuy nhiên, điều đầu tiên mà Chính quyền Kennedy làm là yêu cầu cùng ra quyết định, cùng quản lý. Theo một nghĩa nào đó, Chính quyền Kennedy đã yêu cầu chúng ta chấp nhận vị thế thực tế của Giám sát viên Mỹ.”

Diệm mỉm cười buồn bã, “Chúng tôi đã bác bỏ thành công lời đề nghị đó vào thời điểm đó, và người Mỹ bắt đầu đề xuất một ‘quan hệ đối tác chặt chẽ’ thay vì một chính quyền chung. Ngày nay, ba năm sau, Tổng thống Mỹ, người trẻ tuổi và thông minh, được hỗ trợ bởi một số người tài giỏi, lại nghĩ rằng ông ta biết tất cả mọi thứ và một lần nữa đang cố gắng áp đặt khái niệm Việt Nam vào chính quyền chung lên chúng tôi.”

Hiệp hỏi: “Anh nói vị Tổng thống Mỹ trẻ tuổi nghĩ rằng ông ta biết hết mọi thứ về Việt Nam. Ý anh là ông ta không biết à?” Diệm không né tránh câu hỏi; ông đáp: “Thật không may là ông ta không biết. Những báo cáo mà ông ta nhận được từ các phụ tá đều không đáng tin cậy. Những người hầu như không biết gì về vị trí của đất nước chúng ta đã viết một số báo cáo đó. Đại sứ Nolting là một người bạn và một người đáng kính.

Nhưng tiếng nói của ông ta ngày càng trở nên cô lập.”

Hiệp hỏi, “Về mặt chính thức, chính sách chung của Hoa Kỳ đối với Việt Nam vào thời điểm này là gì?” Diệm nói, “Về mặt chính thức, Tổng thống Kennedy và các phụ tá của ông ấy muốn chúng ta có sự hợp tác trong việc ra quyết định. Tôi đã cố gắng hiểu khái niệm đó, nhưng than ôi, nó vượt quá tầm hiểu biết của tôi. Đối với tôi, từ bỏ một nửa quyền quyết định của chúng ta đồng nghĩa với việc từ bỏ một nửa chủ quyền của chúng ta. Tôi đơn giản là không thể chấp nhận yêu cầu đó.”

Nhu nói với Diệm, “Tuy nhiên, có thể đã quá muộn để chúng ta rút lui. Chúng ta đã phạm phải hai sai lầm lớn với người Mỹ. Thứ nhất, chúng ta đã nhận được ngày càng nhiều viện trợ từ họ: Năm 1960, viện trợ chỉ lên tới 209 triệu đô la Mỹ; Năm 1961, con số này đã tăng lên 287 triệu đô la Mỹ, và năm nay có thể tăng lên hơn 300 triệu đô la Mỹ. Thứ hai, chúng ta đã tiếp nhận quá nhiều cố vấn: Năm 1951, chúng ta có 342 cố vấn quân sự, và bây giờ chúng ta có gần hai nghìn người. Kể từ năm ngoái, chúng ta đã khởi động Chương trình Ấp Chiến lược, với chi phí không dưới hai tỷ đô la để hoàn thành. Sự tham gia của

Hoa Kỳ vào chương trình đó sẽ làm tăng đáng kể mức độ viện trợ.

Diệm nhún vai, “Tôi biết là đã khá muộn rồi. Đó là lý do tại sao chúng ta phải cắt giảm cả viện trợ lẫn cố vấn Mỹ.”

Hiệp nhìn Diệm, xúc động trước vẻ mặt dịu dàng, buồn bã trên khuôn mặt mệt mỏi của ông. Nhiều năm sau, Hiệp sẽ nhớ lại nụ cười đó. Diệm có thể đã nhìn thấy ngay lúc đó, vào ngày hôm đó, thoáng thấy những gì sẽ xảy ra tiếp theo và ông đã nở nụ cười buồn đó bởi vì ông biết mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận thảm họa sắp tới.

Ngồi quanh bàn, Hiệp thấy các anh em trai và Lê Xuân căng thẳng chuẩn bị cho trận chiến sinh tử. Cả họ lẫn Hiệp đều không biết rằng đó là lần cuối cùng họ được sum họp gia đình dưới chân dung của Đại Thị thần.

Nhấn mạnh vào dịp này, khi được yêu cầu chia sẻ suy nghĩ của mình vào cuối buổi gặp mặt, Hiệp nói: “Các ngài đã cai trị đất nước này chín năm. Các ngài đã đạt được nhiều thành tựu. Các ngài đã tạo ra một nền Cộng hòa từ một chế độ quân chủ đang suy tàn. Các ngài đã tiếp quản một đất nước bị chia cắt, bị tàn phá bởi nhiều năm chiến tranh, gánh nặng bởi hàng triệu người tị nạn, và biến nó thành một vùng đất thịnh vượng, với

tất cả những người tị nạn được tái định cư đang hoang. Các ngài đã xây dựng tất cả các thể chế của một đất nước hiện đại và dân chủ. Tuy nhiên, vào lúc này, các ngài không nên nhìn vào những thành tựu của mình. Lên nắm quyền vào năm 1954, khi các ngài không có gì bên mình và phải đối mặt với kẻ thù, những kẻ có mọi thứ đứng về phía họ, giờ đây các ngài có nhiều thứ mà các ngài có thể coi là tài sản của mình.

“Các ngài có một đồng minh hùng mạnh ở Hoa Kỳ. Cũng có thể nói rằng hầu hết các đồng minh của Mỹ cũng là đồng minh của các ngài. Nhưng giờ đây, các ngài không thể thực sự trông cậy vào Hoa Kỳ, một quốc gia dường như không ủng hộ các ngài, và có thể muốn hạ bệ các ngài. Các ngài không nên trông cậy vào các đồng minh khác, bởi vì nếu người Mỹ rút quân, sẽ không còn phe nào đứng về phía các ngài nữa.

“Anh có một đội quân hùng mạnh. Vậy mà anh liên tục nghe tin đồn rằng các nhà lãnh đạo của họ có thể đang âm mưu lật đổ anh, với sự giúp đỡ của ‘đồng minh’ của anh.

“Anh hiện có rất nhiều nguồn lực tài chính. Hầu hết những nguồn lực tài chính đó phụ thuộc vào thiện chí của đồng minh lớn của anh. Vì anh nắm giữ chìa khóa kho bạc, nên

người dân thường dễ dàng tin vào những lời đồn đại về sự tham nhũng và hối lộ của anh.

“Anh nắm giữ toàn bộ quyền lực chính trị trong tay, nên người ta cáo buộc anh, một cách có lý, rằng chế độ này là độc tài. Chúng ta biết rằng anh muốn tự do hóa chế độ ngay khi có thể. Nhưng người dân không biết hoặc không muốn tin vào ý định của anh.

“Em lo ngại rằng anh đã quên mất những lời dạy của Cha, những lời dạy vẫn còn giá trị. Chiến lược của cha dựa trên nguồn lực ít ỏi, trên sự nghèo đói, trên việc dùng điểm yếu để chống lại điểm mạnh. Giờ đây, trên bề mặt, các anh đang lên kế hoạch chiến lược như những người đàn ông quyền lực, những người giàu có.

“Các anh tuyên bố có một trăm ngàn đảng viên Đảng Cần Lao. Các anh chưa nói chuyện riêng với hơn chục người trong số họ. Các anh tuyên bố có hai triệu đảng viên trong Phong trào Cách mạng Quốc gia, vậy mà các anh chưa thực sự gặp bất kỳ ai trong số họ ngoại trừ trong các cuộc biểu tình quần chúng.

“Em e rằng, khi đến lúc các anh kêu gọi những người theo mình, sẽ không có ai hưởng ứng.”

Nhu định trả lời thì Diệm lắc đầu. Họ ngồi

im lặng một lúc, rồi Diệm cảm ơn bà và kết thúc cuộc gặp.

*

Không ai trong số họ đoán được rằng một loạt sự kiện sắp diễn ra ở Huế; thành phố quê hương của họ, và những sự kiện đó sẽ có tác động quyết định đến sự tồn vong của chế độ Diệm.

Một ngày tháng Ba, Cẩn chặn Hiệp lại khi bà sắp rời khỏi nhà mẹ sau chuyến thăm viếng hàng ngày. Ông bảo bà ngồi xuống và nói rằng ông cần nói chuyện với bà.

Ông gọi trà, và trong khi họ nhâm nhi tách trà hoa lái thơm phức, ông dường như không biết nên bắt đầu chủ đề này như thế nào. Hiệp đôi khi ngạc nhiên trước sự nhút nhát của các anh em trai. Họ dường như luôn gặp khó khăn trong việc bắt đầu một cuộc trò chuyện.

Cuối cùng, Cẩn nói, “Em lo lắng. Nhiều ngày nay em đã giữ kín thông tin này cho riêng mình nhưng có lẽ em đã sai khi làm vậy.”

Hiệp im lặng. Bà ngồi xuống chờ Cẩn nói cho bà biết điều gì đang làm ông bận tâm. Cẩn không ngẩng đầu lên. Ông dường như đang đấu tranh với chính mình. Ông lắc đầu như thể chán nản, “Nếu em không dính dáng đến chính trị thì mọi chuyện đã rõ ràng. Bạn là bạn, thù là thù. Giờ thì em không biết nữa. Chị thấy đấy,

Thượng tọa Thích Trí Quang là bạn thân của em. Ông Ưng Trạo ghé qua trò chuyện.”

Ưng Trạo, cháu của vua Minh Mạng, là cha đỡ đầu của Cần. Ông sống trong một ngôi nhà bên kia đường, đối diện nhà bà Ngô Đình Khả. Trước sân nhà ông có đặt tượng Đức Thánh Tống Viêt Bường, Sĩ quan Vệ binh Hoàng gia, Liệt sĩ. Tống Viêt Bường là ông cố của Ưng Trạo về phía mẹ.

Cần hỏi Hiệp: “Chị có biết Vĩnh Thảo, cháu nuôi của ông ấy không?” Hiệp mơ hồ nhớ ra cậu bé. Bà gật đầu. Cần nói: “Thật ra cậu ấy là con ngoài giá thú của Thẩm phán Hoàng Hữu Khắc. Thẩm phán và ông Ưng Trạo là bạn thân thiết nhất. Khi Thẩm phán có con ngoài giá thú, ông đã nhờ bạn mình nhận và nuôi dưỡng.”

Hiệp gật đầu, cố gắng không mất hứng thú. Bà không hiểu Cần muốn nói gì với tất cả những chi tiết tưởng chừng như không liên quan này. Cần nói tiếp: “Hai tuần trước, Thẩm phán Hoàng Hữu Khắc đã nói với ông Ưng Trạo rằng ông ấy sẽ từ chức khỏi Hội đồng Quản trị Hội Phật học, nơi Thượng tọa Thích Trí Quang làm Tổng Thư ký. Điều đó có nghĩa là trong khả năng của mình, ông ấy sẽ hạ bệ anh Diệm.”

Hiệp ngồi bật dậy. Những lời cuối cùng mà

Cần nói khiến bà chú ý. Bà rùng mình. Không hiểu sao bà đã ngay lập tức tin vào sự thật trong thông tin của Khắc. Bà nói: “Điều đó có nghĩa là Hà Nội sẽ cố gắng sử dụng Phật giáo để chống lại anh Diệm. Điều đó có hơi xa vời và lố bịch không? Anh Diệm được biết đến là một nhà tài trợ lớn cho phong trào phục hưng Phật giáo ở Việt Nam.”

Cần gật đầu, nhưng ông không chắc lắm: “Những người biết rõ anh Diệm đều biết anh ấy rất tôn trọng Phật giáo. Nhưng những người không biết rõ anh ấy chỉ xem anh ấy là người Công giáo. Nhiều Phật tử có thể dễ dàng bị thuyết phục rằng miền Nam Việt Nam, với một dân số không theo đạo Thiên Chúa lớn, không cần một Tổng thống Công giáo.”

Hiệp chỉ có thể đồng ý với câu trả lời của Cần. Bà hỏi ông: “Cậu có nghĩ rằng Hòa thượng Trí Quang sẽ nghe lời thầy cũ và bắt đầu chống lại chính quyền ngay bây giờ không?”

Cần ngập ngừng: “Giả sử có bức thư gửi cho Hòa thượng Trí Quang, thì tôi nghiêng về suy nghĩ rằng chắc chắn Trí Quang sẽ tìm cách lợi dụng Phật tử chống lại chính quyền. Ông ta sẽ phải làm vậy, bởi vì trong hệ thống Phật giáo có rất nhiều cộng sản ngầm. Các hệ thống này chắc hẳn cũng nhận được chỉ

thị tương tự, Trí Quang không thể chống lại chính hệ thống của mình.”

Hiệp hỏi: “Bạn có thể nói rõ hơn được không?” Cần hồi tưởng: “Vào những năm 30, sau khi từ chức Thượng thư, anh Diệm đã sống ở ngôi nhà này mười một năm. Trong thời gian đó, em đã chứng kiến anh ấy giúp Lê Đình Thám tổ chức lại các hệ thống Phật giáo. Thám sẽ trở thành Phật tử tại gia có ảnh hưởng nhất, đầu tiên ở miền Trung Việt Nam và sau đó là trên toàn quốc, Thám hiện đang ở Hà Nội, đang lãnh đạo tất cả các chi bộ Cộng sản trong cộng đồng Phật tử. Thượng tọa Thích Trí Độ chỉ là một người liên lạc, một lãnh đạo hạng hai.”

Hiệp mỉm cười thầm. Cần đã phạm sai lầm ở điểm này. Bà nhớ rằng Diệm đã giúp Lê Đình Thám thậm chí còn sớm hơn thế. Trong thời gian ông ở Bình Thuận với tư cách là Tỉnh trưởng, Diệm đã thường xuyên đến Huế. Trong một lần đến thăm, ông đã đưa Hiệp và Thuận đến nhiều ngôi chùa. Trên đường trở về, ông thở dài và nói: “Có lẽ tôi đã phạm một sai lầm lớn khi giúp Lê Đình Thám. Tôi muốn thấy một sự phục hưng thực sự của Phật giáo, nhưng dường như ông ấy quan tâm hơn đến việc biến Phật giáo thành một lực lượng chính trị.”

Tin tức của Cần khiến bà rất lo lắng. Bà hỏi: “Cậu có biết lực lượng Cộng sản trong các cơ cấu Phật giáo mạnh đến mức nào không?”

Cần nhún vai: “Năm 1947, sau thảm họa sau Trận Huế, các cán bộ Cộng sản từ Huế đã ẩn náu trong các chùa chiền Phật giáo trên khắp tỉnh để thoát khỏi lưới truy quét của Pháp. Họ đã sống sót sau Chiến tranh Đông Dương. Tôi đã cẩn thận không đụng đến họ, mặc dù tôi đã tiêu diệt hầu hết những người Cộng sản hoạt động ngầm ở những nơi khác, tôi không đụng đến họ vì tôi không muốn bị coi là chống Phật giáo.”

Hiệp hỏi: “Trong trường hợp đó, Hòa thượng Trí Quang có trong tay một lực lượng dự bị đáng kể nếu ông ta khai thác các chi bộ Cộng sản.”

Cần nhìn Hiệp một lúc rồi mỉm cười: “Phải, nếu Trí Quang là Cộng sản. Nhưng giả sử ông ta không phải Cộng sản, ông ta có thể nghĩ rằng bằng cách tuân theo chỉ thị từ Hà Nội, ông ta sẽ trở thành một nhà lãnh đạo quốc gia, một người có quyền lực. Mặc dù tôi hiếm khi thấy ai lừa dối hay phản bội cộng sản mà vẫn sống sót.”

Cần hỏi: “Bây giờ cậu định làm gì?” Cần đáp: “Em biết mình phải báo cáo chuyện này cho anh Diệm và anh Nhu. Em cảm thấy nếu

Trí Quang chống lại chúng ta, chúng ta sẽ gặp rắc rối lớn.”



Thích Trí Quang năm 1966.

CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM CUỘC THÁNH CHIẾN NỔ RA NHƯ THẾ NÀO

Sáng sớm hôm sau, Diệm đến Huế. Biết nhà mẹ sẽ đầy quan chức, Hiệp quyết định không đến thăm như thường lệ. Buổi chiều, Diệm gọi điện cho Hiệp.

Diệm đến Huế để kỷ niệm 25 năm ngày Thục được tấn phong Giám mục. Ấm và Hiệp, mặc dù chúc Thục một ngày kỷ niệm thật hạnh phúc, nhưng lại cảm thấy một lần nữa chuyện riêng tư của gia đình lại trở thành một buổi lễ chính thức công khai. Họ không tẩy chay ngày kỷ niệm của Thục, nhưng cũng không mấy hào hứng với những công tác chuẩn bị công phu.

Khi Diệm gọi điện, tâm trí Hiệp bận tâm với hai mối lo. Thứ nhất, Diệm đã nói với bà vào dịp Tết Nguyên đán rằng ông muốn giành lại chủ quyền bằng cách yêu cầu người Mỹ rút các cố vấn của họ ở cấp tỉnh. Hiệp muốn biết phản ứng của người Mỹ như thế nào.

Thứ hai, bà thực sự lo lắng về cuộc trò chuyện gần đây với Cần khi ông nói với bà rằng rắc rối có thể đến từ Thích Trí Quang. Bà muốn biết ông Diệm đã làm gì với thông tin đó.

Diệm cố gắng trấn an bà. Tuy nhiên, Hiệp cảm thấy ông Diệm khá căng thẳng. Nhu, người đã gọi điện cho bà hôm trước, đã nói với bà rằng ông Diệm biết người Mỹ sẽ làm điều gì đó quyết liệt để trả đũa, trong tương lai gần.

Hiệp nói, “Những gì anh thấy và những gì người Mỹ thấy là hai điều khác nhau. Trừ khi anh dành thời gian để giải thích kỹ lưỡng quan điểm của mình về độc lập dân tộc, nếu không người Mỹ sẽ hiểu những nỗ lực của anh là không thân thiện và thù địch.”

Diệm cười nói, “Nhiều khách Mỹ đến thăm tôi đã phàn nàn về những lời độc thoại dài dòng của tôi. Nếu tôi cố gắng nói thêm nữa, họ sẽ nói rằng tôi bị lú lẫn.”

Tuy nhiên, ông Diệm không muốn đặt ống nghe xuống. Hiệp hỏi ông, “Có chuyện gì vậy?” Diệm nói với bà, “Những kẻ đứng sau cuộc đảo chính năm 1960 giờ lại được huy động. Tôi đã nói với cô rằng tháng 11 năm 1960 chỉ là một cuộc diễn tập, hay một lời cảnh báo. Giờ đây, nếu một cuộc đảo chính

diễn ra, nó sẽ thành công, trừ khi tôi đồng ý dập tắt nó trong một cuộc tắm máu.”

Hiệp thở dài, “Em biết rằng anh sẽ không bao giờ đồng ý để những người bảo vệ mình bắn vào binh lính và sĩ quan của chính mình.” Diệm đồng ý với ý kiến của Hiệp. Ông trả lời, “Vâng, tôi sẽ không để các thành phần khác nhau trong lực lượng vũ trang của chúng ta bắn lẫn nhau. Lực lượng vũ trang được tạo ra để bảo vệ đất nước, chứ không phải để bảo vệ Tổng thống.”

Hiệp nhớ lại rằng chín năm trước, bà đã yêu cầu Diệm từ chức vì bà thấy ông sẽ không bao giờ dùng vũ lực để tự vệ. Bà biết rằng một ngày nào đó, sẽ có người nhìn thấy và lợi dụng điểm yếu đó trong bộ giáp của Diệm.

Diệm vẫn ở lại. Giờ đây, bằng cách nào đó, ông đã chấp nhận quan điểm rằng bản thân ông là không thể thiếu. Ông sẽ không bao giờ sử dụng quân đội trung thành để tự vệ trước những kẻ nổi loạn chống lại ông. Hiệp muốn hét lên. Bà biết rằng nếu đảo chính xảy ra, Diệm trước tiên sẽ cố gắng đàm phán, rồi mới triệu tập quân đội trung thành trở về Sài Gòn để chứng minh với lực lượng nổi dậy rằng họ bị áp đảo về quân số. Hiệp biết rằng nếu bà hiểu được điểm đó, thì kẻ thù của Diệm chắc chắn cũng hiểu.

Nghẹn ngào vì xúc động, Hiệp nói: “Thưa Tổng thống, còn một lựa chọn khác. Có thể ngài muốn tuyên bố rằng ngài sẽ không tái tranh cử và dự định nghỉ hưu sau khi nhiệm kỳ này kết thúc.”

Diệm thẳng thắn đáp: “Tôi đã nghĩ đến lựa chọn đó. Nhưng đó không hẳn là một lựa chọn. Tôi nhìn quanh để tìm người thay thế mình. Tôi chỉ thấy những chính trị gia hạng hai đầy tham vọng, những kẻ chẳng làm gì cho nhân dân, và mục đích duy nhất của họ là theo đuổi danh dự. Những người thay thế tiềm năng sẽ không đủ can đảm để bảo vệ chủ quyền quốc gia, chống lại những yêu cầu của Mỹ. Như tôi đã nói trước đây, một khi chúng ta mất chủ quyền, chúng ta không còn chính nghĩa nữa, và Cộng sản sẽ chiến thắng.”

Hiệp lo lắng hỏi: “Vậy nghĩa là anh sẽ ở lại đó cho đến khi đảo chính giết anh à?” Diệm không do dự một phút nào, đáp: “Nếu đó là điều đang chờ đợi tôi, số phận sẽ cho tôi thấy mình đã sẵn sàng. Tôi không thể trốn tránh trách nhiệm lúc này. Chỉ cần chúng ta có thể cầm cự thêm một chút nữa, chúng ta có thể thắng. Tôi sẽ phải làm mọi cách trong khả năng của mình để cầm cự cho đến khi Chương trình Ấp Chiến lược có hiệu quả, cho đến khi Cộng sản thấy chúng không còn cách

nào để thắng cuộc chiến và ngừng tấn công chúng ta.”

Những gì Diệm nói nghe có lý, nhưng Hiệp biết mình nên cúp máy trước khi bật khóc. Bà nói: “Thưa Tổng thống, xin hãy giữ gìn sức khỏe. Chúng tôi sẽ gặp lại ngài hôm nay và ngày mai tại lễ kỷ niệm.” Bà đâu biết rằng bi kịch sắp ập đến với gia đình bà sẽ không bắt đầu ở Sài Gòn, nơi Diệm và Nhu sống, mà ngay tại Huế, cách nơi bà sống chỉ một dặm. Bà không biết rằng kế hoạch lật đổ Diệm đã được vạch ra ngay vào ngày bà mừng sinh nhật năm đó cùng gia đình.

*

Vào ngày 4 tháng 5 năm 1963, kỷ niệm 25 năm ngày Ngô Đình Thục được tấn phong Giám mục, cũng là lễ kỷ niệm Bạc của ông, Hiệp đã tham dự Thánh lễ do ông cử hành tại Nhà thờ Chúa Cứu Thế mới, nhưng bà không mấy hài lòng với cách tổ chức sự kiện. Đã có quá nhiều chi phí không cần thiết cho một sự kiện như vậy. Trước tình hình đó, Hiệp thậm chí còn phẫn nộ vì sự thiếu tế nhị của Thục. Tuy nhiên, Thục là anh cả, và bà không thể chỉ trích anh quá nhiều. Bà cũng cảm thấy an ủi trước tình trạng sức khỏe nghiêm trọng của ông. Ông đã bị tiểu đường nhiều năm, và giờ sức khỏe của anh đang suy yếu nhanh chóng.

Hiệp có cảm giác mọi thứ dường như đang vượt khỏi tầm kiểm soát. Bà muốn hét lên và nói với các anh em trai rằng ngày tận thế đã gần kề, và họ nên cẩn thận trong từng việc nhỏ. Bà muốn ngồi xuống và cùng họ phân tích xem nên làm gì và không nên làm gì, như họ đã từng làm vào thời kỳ đầu cầm quyền của Diệm.

Tuy nhiên, bà biết rằng họ không còn thời gian để phân tích nữa. Bà biết họ giống như những người kiệt sức đứng bất lực trên một chiếc bè gãy, di chuyển nhanh chóng qua những ghềnh thác nguy hiểm hướng tới một vực thẳm vô định.

Phải chăng đó là điều đã khiến Diệm tê liệt vào năm trước, và khiến ông đồng ý chủ trì buổi lễ kỷ niệm vô lý mừng sinh nhật lần thứ chín mươi của mẹ họ? Một cảm giác bất lực xuất phát từ nhận thức mơ hồ về sự diệt vong không thể tránh khỏi? Một linh cảm mách bảo rằng dù làm gì, làm thế nào, thì cũng đang hướng đến một thất bại thảm hại, một thảm họa cuối cùng?

Bà đã theo dõi Diệm mấy ngày nay. Ông ta dường như không hề hay biết mối nguy hiểm do những buổi lễ của Thục tạo ra. Ông ta dường như nghĩ rằng việc mọi quan chức trong nước đều gửi lời chúc tốt đẹp đến Thục

là điều bình thường, và những buổi lễ ấy thật xa hoa.

Giờ đây, Diệm đã đi rồi, và những người chúc mừng từ ngoài thị trấn cũng đã về. Hiệp đứng dậy và nói với Thục rằng đã đến lúc bà phải về nhà. Khi Thục tiễn Hiệp ra cửa, bà nói với ông: “Một buổi lễ như thế này sẽ chẳng có lợi gì cho anh Diệm lúc này.” Thục mỉm cười, y hệt như Diệm đã từng, khi bà chỉ trích sự xa hoa trong tiệc sinh nhật chín mươi tuổi của mẹ họ. Thục nói với vẻ hối lỗi: “Tôi biết. Nhưng tất cả các giám mục, linh mục, giáo phận và quan chức đều nói rằng họ không thể làm ít hơn được.”

Hiệp lắc đầu; “Chúng ta đang phạm ngày càng nhiều sai lầm, khi chúng ta không còn đủ khả năng để mắc thêm sai lầm nào nữa. Một ngày nào đó, tất cả những điều này sẽ quay trở lại ám ảnh chúng ta.” Thục nhìn em gái. Chỉ có bà mới dám chỉ trích ông. Chỉ có cô mới có thể chỉ trích ông mà không làm ông tức giận. Dĩ nhiên, bà ấy đã đúng. Ông nuốt nước bọt và nói, “Tôi đã yêu cầu mọi người xóa sạch mọi dấu vết của lễ kỷ niệm này vào ngày mai.”

Hiệp gật đầu đồng ý và rời đi. Đến cổng, bà quay lại nhìn. Thục vẫn đứng ở cửa nhìn ra ngoài, thân hình cao lớn, đen đúa của ông

được bao quanh bởi ánh đèn trong nhà. Anh trai bà đã cô đơn biết bao trong suốt cuộc đời. Và giờ đây, anh ấy đã ốm nặng đến mức có thể chết bất cứ lúc nào. Làm sao bà có thể nhẫn tâm đến vậy, từ chối cho anh ấy một ngày lễ mừng kỷ niệm bạc? Làm sao bà có thể, bằng những lời chỉ trích của mình, phá hỏng có lẽ là ngày trọng đại cuối cùng trong cuộc đời cô đơn của anh ấy?

Tuy nhiên, bà biết rằng số phận của anh Diệm, và số phận của nền Đệ nhất Cộng hòa, đã bị đe dọa hơn nữa bởi những lễ kỷ niệm ở Huế.

*

Đã khuya. Thục ngồi phịch xuống. Trông ông mệt mỏi. Đáng lẽ ông không nên đến. Năm nào đến sinh nhật Hiệp, ông cũng gọi điện nhưng không bao giờ đến. Ông biết Hiệp thích tổ chức sinh nhật chỉ có chồng con. Nhưng Thục thấy cô đơn quá nên đành phải đến.

Buổi chiều, ông đến thăm giáo xứ Gia Hội, bên tả ngạn sông Hương. Trên đường đi, ông thấy vô số cờ Phật giáo trên đường phố. Ông cảm thấy tức giận, không phải vì các Phật tử treo cờ Phật giáo, mà vì trong vài năm trở lại đây, trò chơi treo cờ ngày càng trở nên khó chịu. Năm 1962, Diệm đã ra sắc lệnh rằng cờ

tôn giáo không được treo cao hơn quốc kỳ và không được sử dụng bên ngoài các địa điểm tôn giáo.

Sắc lệnh này không nhằm vào Phật tử, mà nhằm vào người Công giáo, những người đã quá nhiệt tình mừng lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cũng là lễ Đức Mẹ La Vang. Hôm đó, 15 tháng 8 năm 1962, Diệm, người đã đến tham dự cuộc hành hương La Vang, cách Huế 60 dặm về phía bắc, đã nhận thấy cờ Vatican có thể được nhìn thấy dọc theo đường cao tốc.

Diệm nghi ngờ sự nhiệt tình của những kẻ nịnh hót trong số các quan chức địa phương. Đã bao nhiêu lần ông thấy cờ Vatican được những người không theo Công giáo vấy! Các tỉnh trưởng, những người muốn nịnh hót ông, đã phân phát những lá cờ đó cho những người biểu tình không theo Thiên Chúa giáo. Mỗi lần phải chứng kiến cảnh tượng như vậy, Diệm đều tỏ ra tức giận. Đôi khi ông thậm chí còn từ chối rời máy bay nếu thấy quá nhiều cờ Vatican tại sân bay.

Khi trở về Sài Gòn sau lễ La Vang, ông đã ban hành sắc lệnh đó, kêu gọi mọi người tôn trọng quốc kỳ và yêu cầu người dân sử dụng kỷ luật khi treo cờ tôn giáo.

Hiếu được quan điểm của Diệm, Thục đã rất

cẩn thận với cờ Vatican. Cuối tháng 10 năm 1962, Thục dự kiến khánh thành Nhà thờ Chúa Cứu Thế mới, bên cạnh Tu viện Chúa Cứu Thế. Đêm trước lễ khánh thành, Thục đi ngang qua Nhà thờ. Thấy cờ Vatican trên các con đường xung quanh Tu viện, Thục dừng xe, vào gặp Bề trên Tu viện và yêu cầu tháo bỏ cờ trên đường. Ông nói rằng sáng hôm sau ông sẽ không đến làm phép nhà thờ nữa, nếu cờ Vatican treo trên đường không được tháo bỏ.

Buổi chiều, khi nhìn thấy cờ Phật giáo trên đường phố, ông cảm thấy bức bối. Cả người Công giáo lẫn Phật tử dường như đều không quan tâm đến sắc lệnh mà Diệm đã ký. Ông gọi cho Đại biểu Chính phủ Hồ Đắc Khương và nói chuyện với ông về vấn đề này.

Cả hai đều nhận ra rằng không thể làm gì được. Thục nói: “Có thể mất nhiều năm nữa người Công giáo và Phật tử mới sẵn sàng tuân thủ sắc lệnh này.” Hồ Đắc Khương đồng ý với ông và họ nói về những vấn đề khác.

Điều khiến Thục bức mình là vài giờ sau, ông nhận được một cuộc gọi điện thoại từ Cần. Cần đã nói chuyện với Khương, người đã kể cho ông nghe về cuộc trò chuyện trước đó với Thục. Qua điện thoại, Cần tỏ ra tức giận. Ông hiếm khi nói chuyện như vậy với Thục. Thường thường, ông nói chuyện với

Thực với sự tôn trọng tối đa vì ông quan sát thứ bậc trong gia đình. Thực là anh cả. Cẩn là người nhỏ tuổi hơn và được kỳ vọng phải tỏ ra tôn trọng.

Tuy nhiên, lần này, Cẩn đi thẳng vào vấn đề. Ông nói: “Anh không có quyền nói chuyện với Đại biểu Chính phủ. Dù Phật tử đúng hay sai trong việc treo cờ Phật giáo trên đường phố, anh cũng không nên can thiệp vào chuyện đó!”

Thực sững sờ trước sự gay gắt của Cẩn. Ông thừa nhận mình không nên nói với Hồ Đắc Khương về chuyện này, rồi cúp máy.

Giờ đây, đối mặt với Hiệp, ông không biết có nên nhắc lại chuyện giữa ông và Cẩn hay không. Ông sợ Hiệp sẽ đứng về phía Cẩn. Nhưng, ông đã đến gặp bà để nói chuyện, nên ông nói: “Có thể tôi đã nhầm lẫn. Chiều nay, tôi thấy cờ Phật giáo được treo khắp nơi. Tôi đã nói với Hồ Đắc Khương về chuyện đó. Tối nay Cẩn gọi điện cho tôi và khiển trách tôi khá nghiêm khắc.”

Hiệp không nói gì. Thực nhìn em gái chăm chú. Bỗng nhiên, ông hiểu tại sao Diệm lại coi trọng những lời bà nói với ông đến vậy. Tuy bà ngồi bình tĩnh, ông biết đầu óc bà đang hoạt động dữ dội. Thực hỏi: “Tôi có phạm sai lầm lớn nào không?”

Hiệp lại im lặng. Thục đứng dậy đi đi lại lại trong phòng khách. Một lúc sau, ông dừng lại và hỏi: “Cô có đồng ý với Căn rằng tôi đã sai lầm khi gọi Hồ Đắc Khương về chuyện cờ không?” Thay vì trả lời, Hiệp hỏi: “Mục đích của anh khi nói chuyện với Đại biểu Chính phủ về chuyện cờ là gì?” Thục nói: “Tôi không có ý định cụ thể nào cả.” Ông dừng lại. Giờ ông thực sự tức giận với chính mình. Gọi Hồ Đắc Khương mà không có mục đích gì trong đầu, quả là một hành động thiếu sáng suốt.

Hiệp nói thẳng thừng: “Anh gọi cho Đại biểu Chính phủ mà không suy nghĩ gì cả. Anh gọi cho ông ấy và phàn nàn về việc Phật tử đã làm. Anh gọi cho một quan chức cấp cao của Phật giáo để phàn nàn về một sự bất thường của Phật giáo. Vậy mà, anh biết mình là Tổng Giám mục, và mọi người coi anh là anh cả của Tổng thống. Cha đã nói với chúng tôi rất nhiều lần, ‘Khi làm điều gì đó hoặc nói điều gì đó, phải biết rõ mục đích của hành động hoặc lời nói của mình, và nói rõ cho những người xung quanh biết.’ Cha cũng nói với chúng ta, ‘Khi làm hoặc nói những điều không có mục đích rõ ràng, mọi người sẽ dễ nghĩ rằng anh đang phục vụ cho mục đích xấu.’ Em nghĩ cậu Căn có đủ mọi lý do trên đời để tức giận với anh.”

Thục không biết phải nói gì. Anh ngồi xuống và đối mặt với Hiệp, “Cô nghĩ tôi nên làm gì bây giờ?” Hiệp lắc đầu, “Anh đã làm đủ rồi. Em nghĩ tốt nhất là anh nên im lặng một lúc.”

Thục nhìn Hiệp. Bà ấy căng thẳng hơn cả những gì lỗi lầm nhỏ của ông có thể gây ra. Ông hỏi: “Cô có vẻ rất bức mình, và không chỉ vì tôi. Có chuyện gì vậy?” Hiệp nói: “Anh Diệm đang gặp rắc rối. Anh ấy dường như tin rằng một điều gì đó lớn lao sẽ sớm xuất hiện. Anh ấy nghĩ rằng những người được mời để âm mưu chống lại anh ấy nhưng cuối cùng lại theo dõi cuộc đảo chính trên không vào tháng 11 năm 1960, giờ đã được chiêu mộ để hạ bệ anh ấy.”

Thục suy nghĩ một lát rồi hỏi: “Ý cô là sao khi nói “cuối cùng cũng xem”?” Hiệp đáp: “Tháng 11 năm 1960, ngoài một số ít cán bộ, quân nhân và dân sự đứng ra làm đảo chính, còn có một tuyến thứ hai gồm các lãnh đạo quân sự và chính trị gia ủng hộ đảo chính nhưng không tham gia. Họ không hề bối rối sau khi đảo chính thất bại. Anh Diệm có cảm giác rằng cuộc đảo chính trên không chỉ là một cuộc diễn tập. Giờ đây, anh ấy tin rằng màn kịch thực sự sắp bắt đầu.”

Thục đã nghe Diệm đưa ra những nhận xét

ngó ngẩn tương tự. Ông hỏi: “Bản thân cô có tin điều đó không?” Hiệp kể: “Sáng nay, một số thanh niên tự nhận là Phật tử đã ra đường nói với người dân ở Huế rằng Chính phủ sắp ra lệnh cấm cờ Phật giáo. Các thanh niên này đã khuyến khích người dân biểu tình phản đối những biện pháp phân biệt đối xử như vậy của chính phủ.”

Thực cảm thấy rất khó chịu. Hiệp tiếp tục, “Đến trưa, cậu Cẩn đã yêu cầu Sở Thông tin Huế điều động xe gắn loa phóng thanh ra thông báo với người dân trong thành phố rằng sẽ không có lệnh cấm treo cờ Phật giáo. Đến bốn giờ, có lẽ là lúc anh đang nói chuyện với đại biểu chính phủ, người ta thấy bốn nhà sư trong Kinh Thành đang kích động người dân ở đó, nói với họ rằng chính quyền đã hạ cờ Phật giáo. Cậu Cẩn đã gọi điện đến một số cơ quan địa phương để yêu cầu họ kiểm tra xem có sự việc nào như vậy không. Cậu ấy phát hiện ra rằng không có cờ Phật giáo nào bị hạ.”

Thực lúc này hoàn toàn không hài lòng với bản thân. Ông phàn nàn: “Sao Cẩn không nói gì với tôi cả?” Hiệp lờ đi câu hỏi của ông và nói tiếp: “Cách đây một giờ, khoảng một trăm công chức đã biểu tình trước trụ sở Tỉnh. Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đang ra nói chuyện

với họ và giải thích với họ rằng không có lá cờ Phật giáo nào bị kéo xuống. Những người biểu tình đã về nhà trong hòa bình.”

Hai anh em ngồi im lặng. Cả hai đều cảm thấy một mối nguy hiểm lớn đang rình rập xung quanh. Thục nói: “Với tất cả những điều này đang diễn ra, cô vẫn ăn mừng sinh nhật chứ?” Hiệp mỉm cười: “Sao không? Em sáu mươi tuổi và khỏe mạnh. Mẹ vẫn khỏe. Tất cả anh em đều khỏe mạnh và mỗi người đều có một vai trò quan trọng trong đất nước, hoặc trong Giáo hội. Chồng em và các con em vây quanh em bằng tình yêu thương của họ. Xin Chúa ban phước cho em, anh trai của em!”

Thục nhẹ nhàng đặt tay lên đầu em gái và ban phước cho bà. Ông cảm thấy rằng ngay cả với tất cả những lo lắng của bà, Hiệp vẫn bình an với chính mình, và bà đang chia sẻ sự bình an đó với ông. Ông luôn ngạc nhiên rằng dù không có vai trò rõ ràng nào, Hiệp vẫn là trung tâm của gia đình ông.

Ông nói: “Chính cô mới là người làm lễ ban phước.” Ông cùng bà bước ra vườn, gửi xe rồi bắt đầu đi bộ về nhà. Từ nhà bà đến dinh thự của ông chỉ nửa dặm, nhưng ông Thục chưa bao giờ có thời gian hay mong muốn đi bộ như vậy kể từ khi trở thành Tổng Giám mục Huế. Giờ đây, bệnh tiểu đường của

ông đã trở nặng, việc đi bộ không còn là niềm vui nữa.

Hiệp dõi mắt nhìn theo Thục. Thục vẫy tay như muốn nói rằng mình sẽ ổn thôi. Vừa đi, ông vừa nhớ lại lần mình nắm tay Luyện, em trai, ngay tại chỗ mình đang đứng, chạy ra đường ray xe lửa mới phía sau nhà cha để xem một đoàn tàu hỏa nặng nề chạy qua. Chuyện đã lâu lắm rồi. Nhưng ký ức ấy vẫn còn tươi mới, giàu chi tiết đến nỗi ông tràn ngập cảm xúc.

Ông ngoái lại. Hiệp vẫn đứng ở cổng. Ông tự nhủ: “Phải rồi, em gái ơi, hãy trông chừng cho chúng tôi. Chúng tôi đã bước vào trung tâm của một vùng đất chết mà không hiểu tại sao.”

*

Hôm đó là ngày lễ Phật Đản. Hiệp ngạc nhiên khi thấy một đám đông nhỏ ở cổng nhà mẹ. Chỉ cần liếc nhìn họ là bà đã nhận ra nhóm nhỏ đó gồm các nhân viên an ninh và các Phật tử trẻ đi cùng các vị sư cao niên trong cuộc di tản.

Bên trong, Căn đang tiếp kiến Thích Trí Quang. Khi Hiệp bước vào, các phụ tá của Căn dẫn bà ra vườn và bắt đầu tóm tắt những gì đang diễn ra. Mặc dù đã nghe câu chuyện từ nhiều người khác, bà biết rằng Đại úy Minh,

phụ tá quân sự của Cần, có lẽ là nguồn thông tin tốt nhất trong thị trấn. Bà hỏi: “Tại Tòa thị chính, thực sự đã xảy ra chuyện gì vào sáng hôm qua?”

Minh dường như nắm rõ mọi chi tiết, “Hôm qua, vào sáng sớm, Thượng tọa Thích Tịnh Khiết, Huyền Tôn và Trí Quang đã đến Tòa thị chính và yêu cầu được Tỉnh trưởng tiếp kiến ngay lập tức. Ông là một Phật tử rất sùng đạo và rất thân thiết với Thích Trí Quang. Không mất thời gian vào những lời xã giao, các nhà sư yêu cầu chính quyền cho phép treo cờ Phật giáo ở bất cứ đâu trong thành phố. Sau khi nhận được chỉ thị của cậu Cần, Tỉnh trưởng nói với các nhà sư rằng họ được phép treo cờ Phật giáo như họ vẫn luôn làm trong quá khứ.”

Hiệp hỏi hơi sốt ruột: “Các nhà sư đã hài lòng chưa?” Minh gật đầu, “Vâng, họ nói với Tỉnh trưởng rằng họ hài lòng với câu trả lời của ông ấy. Khi ra khỏi Tòa Thị chính, họ dừng lại để nói chuyện với những người biểu tình đang hô vang khẩu hiệu chống chính phủ. Các sư nói với đám đông rằng họ đã giành được một chiến thắng lớn và việc treo cờ không còn là vấn đề nữa. Những người biểu tình đã tự giải tán.”

Hiệp nói nhỏ, “Tuy nhiên, vẫn chưa có gì

được giải quyết.” Minh mỉm cười, “Không, vẫn chưa có gì được giải quyết. Cậu Cần biết điều đó. Cậu ấy đã mời Trí Quang đến đây. Trí Quang đã nhận lời. Chiều hôm qua, họ ngồi uống trà và nói chuyện về lễ kỷ niệm hôm nay. Trí Quang mang theo một băng ghi âm bài giảng mà ông sẽ thuyết trình hôm nay và nhờ cậu Cần nghe. Nhà sư nói rằng băng ghi âm phù hợp để phát sóng công cộng và ông muốn Đài Phát thanh Huế phát sóng. Họ chia tay nhau như những người bạn cũ và Trí Quang đảm bảo với cậu Cần rằng ông sẽ đảm bảo không có vấn đề gì xảy ra trong ngày lễ này.”

Hiệp kêu lên: “Nhưng mà tối qua lại có chuyện.” Minh lại cười, lần này có chút mỉa mai: “Tối qua và sáng nay. Tối qua có đám rước. Phật tử diễu hành từ chùa Diệu Đế đến chùa Từ Đàm. Họ đi vòng qua trước Văn phòng Đại biểu Chính phủ. Bỗng nhiên, biểu ngữ chống chính phủ được giăng lên, truyền đơn chống chính phủ được phát ra.”

Hiệp hỏi: “Chuyện gì xảy ra tiếp theo?” Minh nhún vai: “Không có gì nhiều. Đại biểu Chính phủ, ông Hồ Đắc Khương, cũng là một Phật tử thuần thành, bước ra khỏi văn phòng và nói chuyện với đám đông. Chẳng mấy chốc, những người biểu tình đã bình tĩnh lại

và tiếp tục diễu hành đến chùa Từ Đàm mà không gặp thêm vấn đề gì nữa.”

Hiệp rung mình. Những vấn đề xuất hiện rồi biến mất, xuất hiện rồi biến mất. Bà cảm thấy như có một bàn tay khổng lồ đang giật dây những con rối.

Minh bình luận: “Các vị chức sắc, tất cả đều là Phật tử, im lặng lắng nghe và không phản ứng gì. Tuy nhiên, sau buổi lễ, họ đã đến gặp cậu Cẩn và báo cáo với cậu nội dung bài thuyết pháp của Thích Trí Quang.”

Hiệp muốn chắc chắn rằng bà đã hiểu, “Bài thuyết pháp của Hòa thượng sáng nay khác với bài giảng ghi âm mà ngài đã truyền đạt cho em trai tôi hôm qua phải không?” Minh gật đầu, “Hoàn toàn khác!” Hiệp nhận thấy Minh, người luôn rất kính trọng Thích Trí Quang, không còn gọi ngài là Hòa thượng nữa. Minh là một người rất lịch sự. Nhìn Minh, Hiệp nhận ra rằng Minh đã nhận ra nhà sư Phật giáo là kẻ thù; một kẻ thù xảo quyệt và anh không còn tôn trọng ông ta nữa.

Hiệp hỏi: “Thượng tọa đang làm gì với em trai tôi ở trong đó vậy?” Minh cười buồn: “Tôi chắc chắn là ngài ấy đang hứa với cậu Cẩn một lần nữa rằng sẽ không có vấn đề gì nữa.”

Đó chính xác là những gì Cẩn nói với Hiệp sau khi Thích Trí Quang rời đi, nhưng Hiệp

thấy trong mắt Cẩn rằng ông không còn tin vào lời hứa của Trí Quang nữa. Hiệp hỏi: “Chuyện gì sẽ xảy ra?”

Cẩn thở dài: “Chúng ta cần phải chuẩn bị cho mọi thứ. Gần đây chúng ta đã phạm quá nhiều sai lầm. Cả Mỹ và Cộng sản đều sẽ lợi dụng những sai lầm đó. Họ sẽ dùng Phật tử để chống lại chúng ta. Nếu chúng ta không cẩn thận, đất nước chúng ta có thể bị lôi kéo vào cuộc xung đột tôn giáo kéo dài hàng trăm năm.”

*

Thành, con trai út của Hiệp, lúc đó là trung úy cảnh sát quốc gia, lái xe về nhà kể vắn tắt cho Hiệp nghe về thảm họa; rồi anh ta đi mất. Một lát sau, chính Cẩn gọi điện và giải thích cho bà nghe những sự việc đã dẫn đến cái chết thương tâm của tám người trước Đài Phát thanh Huế.

Mặc dù đã khá muộn, Hiệp vẫn rủ Ấm đi cùng mình đến nhà mẹ để nói chuyện trực tiếp với Cẩn. Khi cùng Ấm đi về phía nhà mẹ, Hiệp cảm thấy như đang sống lại những ngày trước khi vua Thành Thái bị buộc thoái vị vào năm 1907, hay khoảnh khắc bà được tin Ngô Đình Khôi bị bắt cóc vào năm 1945. Tay bà run lên và toàn thân nóng bừng vì sốt.

Cẩn không ngạc nhiên khi thấy Ấm và Hiệp

đến vào giờ đó trong đêm. Anh ta cứ lẩm bẩm: “Chúa ơi, sao chuyện này lại có thể xảy ra được?” Chuyện xảy ra là đã có một vụ nổ trong lúc hàng ngàn Phật tử đang biểu tình trước Đài Phát thanh, và tám người đã thiệt mạng. Và giờ đây, các Phật tử tin rằng chính quân đội chính phủ đã giết họ. Hiệp, cố gắng trấn an Cẩn, đề nghị: “Xin hãy xem xét lại toàn bộ sự việc một lần nữa.” Cẩn gật đầu, nhận ra rằng anh cần phải xem xét mọi chi tiết; cho đến khi anh có thể hiểu được phần nào những gì đã thực sự xảy ra. Anh nói: “Sao không? Em đến đây vào buổi trưa, vậy em biết chuyện gì đã xảy ra vào buổi sáng. À, Trí Quang lại hứa sẽ không tấn công chính phủ nữa, và lại nói với em rằng cuốn băng mà chúng ta đã đồng ý sử dụng để phát sóng công khai sẽ là cuốn được phát sóng tối nay. Sau đó, ông ấy rời đi.”

Ấm nói: “Ông ấy không nói với cậu là người biểu tình đang tụ tập ở đài phát thanh sao?” Cẩn lắc đầu: “Các sư ở chùa Từ Đàm chỉ bảo mọi người đến đó thôi, vì xe hoa sẽ tụ tập ở đó vào buổi tối.

Chẳng có xe hoa nào tụ tập ở đâu cả. Trí Quang chỉ muốn có một đám đông người qua đường tại chỗ. Chỉ khi đó ông ấy mới cử người biểu tình đến. Họ yêu cầu giám đốc phát sóng

bài phát biểu chống chính phủ mà ông ấy đã đọc sáng nay tại chùa Từ Đàm. Nhiều sư đã bị phát hiện kích động đám đông và xúi giục họ chiếm đài phát thanh.”

Hiệp chỉ ra điều hiển nhiên: “Năm nào cũng không có xe hoa. Vậy mà các sư lại nói với mọi người rằng xe hoa sẽ tụ tập về phía Quảng trường cạnh Đài phát thanh. Họ đã nói dối trắng trợn với nhân dân. Từ nhỏ chúng ta đã tin rằng sư không bao giờ nói dối. Những sư bị người dân công khai nói dối thì không phải là sư.”

Cẩn gật đầu, “Hoặc là những nhà sư đặt chính trị lên trên tôn giáo. Dù sao thì, thấy đám đông càng lúc càng phần nộ, giám đốc đài phát thanh đã đóng hết cửa ra vào và cửa sổ rồi gọi cứu viện. Giống như em vậy.”

Cẩn dừng lại. Ông thấy Hiệp đang sốt ruột muốn nghe tiếp câu chuyện. Ông cũng biết bà sẽ hỏi anh những câu hỏi hóc búa nếu ông không nói rõ. Ông ngồi xuống và bình tĩnh nói tiếp, “Ông Đặng đã ra lệnh cho Thiếu tá Đặng Sỹ thực hiện các biện pháp giải tán đám đông. Thiếu tá nói rằng ông ta không có quân nào dưới quyền. Đại đội duy nhất do ông ta chỉ huy đang hoạt động ở khu vực Nam Đông.”

Hiệp hỏi một cách háo hức: “Sau đó thì

sao?” Cẩn cố giữ bình tĩnh, nhưng trong giọng nói của ông, Hiệp nhận ra một chút đau khổ. Ông tiếp tục: “Sau đó, ông Đặng nói với Thiếu tá rằng ông đang thực hiện Sắc lệnh 10-A của Tổng thống, trao toàn quyền cho các Tỉnh trưởng trong trường hợp khẩn cấp. Ông ra lệnh cho Sỹ sử dụng tất cả lực lượng có sẵn trong Khu vực Quân sự để giải tán đám đông. “Nhân lực.” Hiệp hỏi: “Có Sắc lệnh nào như vậy không?” “Có. Tướng Nghiêm chỉ đạo Sỹ đến Sư đoàn 1 và Trung tâm Huấn luyện Phú Bài. Tham mưu trưởng Sư đoàn 1, Đại tá Lê Quang Hiến, đã đề nghị Đại đội Báo Đen, một đại đội nổi tiếng về kinh nghiệm tình báo quân sự và lòng dũng cảm trong hỏa lực. Lộc, dẫn theo hai đại đội học viên của mình đến Huế và gặp Thiếu tá Sỹ tại trụ sở của ông, chỉ cách đài phát thanh hai trăm mét.”

Cẩn rót trà cho Ấm và Hiệp, rồi nói tiếp: “Tại trụ sở của Sỹ, lúc này ông ta đang chỉ huy ba đại đội, cùng với một số cảnh sát, an ninh quân đội và cảnh sát quân sự. Sỹ bước ra khỏi trụ sở và gặp Tỉnh trưởng trên phố. Những người biểu tình ở Đài Phát thanh đã kéo cờ Tổ quốc xuống. Thích Trí Quang, cùng với Thích Thiện Minh, đi vào đài bằng cửa sau để thương lượng với giám đốc đài.”

Hiệp sốt ruột hỏi: “Chuyện gì xảy ra tiếp

theo?” Cẩn lúc này trông khá ảm đạm, vai anh chùng xuống thấy rõ: “Trong khi Trí Quang ở trong nhà đài, Sỹ đã cố gắng giải tán đám đông. Đầu tiên, anh ta dùng vòi rồng xịt vào người biểu tình nhưng không mấy hiệu quả. Sau đó, anh ta cố gắng tiếp cận nhà đài với một số binh lính. Anh ta dựng rào chắn bằng xe đạp. Sau đó, anh ta ra lệnh cho một chiếc xe bọc thép tiến lên, cùng với một trung đội lính, những người biểu tình trẻ tuổi nhanh chóng lấy lại xe đạp của họ vì sợ chúng bị phá hủy. Vì vậy, chiếc xe bọc thép không gặp vấn đề gì khi tiến về phía cửa trước của nhà đài.

Cẩn dừng lại một giây, rồi tiếp tục: “Lúc đó, một tiếng nổ đinh tai nhức óc vang lên. Nó phát ra từ đâu đó gần cửa trước của đài phát thanh. Đám đông la hét và chạy lùi. Như thể đang sống trong một cơn ác mộng, Sỹ tiến đến nhà đài. Cảnh tượng những người chết ở đó khiến anh ta phát ốm. Vụ nổ phát ra từ một thiết bị chứa chất nổ mạnh. Tất cả các nạn nhân đã thiệt mạng do cú sốc khủng khiếp của vụ nổ. Một số thi thể mất đầu. Không có mảnh bom nào được tìm thấy trong các thi thể hoặc trên mặt đất.”

Hiệp nhìn Cẩn im lặng. Hiệp hỏi: “Liệu người ta có thể nói vụ nổ là do lực lượng an

ninh gây ra không?” Cẩn thở dài: “Em thề trên đầu mẹ, không ai trong chúng ta dám làm điều như vậy. Vậy mà em biết các nhà hoạt động Phật giáo dưới sự lãnh đạo của Thích Trí Quang sẽ chỉ trích chúng ta.”

*

“Cuộc khủng hoảng Phật giáo” đã bắt đầu. Tám nạn nhân của vụ nổ được cho là đã bị giết bởi những phát súng của binh lính dưới quyền chỉ huy của Đặng Sỹ, hoặc bởi một quả bom bi do người của Đặng Sỹ ném, hoặc thậm chí bị nghiền nát dưới bánh xích của xe bọc thép của Đặng Sỹ. Các nhà báo nước ngoài không hề bận tâm tìm hiểu rằng sáu chiếc xe bọc thép do lực lượng an ninh sử dụng ở Huế chạy bằng lốp chứ không phải bánh xích. Chiếc xe mà Đặng Sỹ sử dụng trước đài phát thanh chính xác là một trong những chiếc xe bọc thép này. Không một nhà báo nào bận tâm tìm hiểu rằng không một binh sĩ nào dưới quyền chỉ huy của Sỹ mang theo lựu đạn bi.

Không một nhà báo nào đặt câu hỏi về việc chính phủ được lợi gì khi giết hại Phật tử. Sự sắp đặt này thật hoàn hảo. Trong khi chính phủ tin chắc rằng đó là hành động của Cộng sản hoặc CIA, thì những người theo Phật giáo và báo chí nước ngoài ngay lập tức cáo buộc

chế độ về “vụ thảm sát”. Những người Cộng sản ngay lập tức tham gia vào điệp khúc cáo buộc. Chính phủ Mỹ nghe có vẻ như họ tin rằng chế độ đã làm điều đó. Những phiên bản sai lệch của câu chuyện bắt đầu lan truyền. Những mô tả về việc binh lính nổ súng vào đám đông, dùng súng máy bắn chết phụ nữ và trẻ em được cho là đáng tin cậy. Thực tế là quân đội không hề bắn một phát súng nào vào người dân, và nhiều cuộc điều tra không tìm thấy một viên đạn, hay thậm chí là một vỏ đạn nào trong hoặc xung quanh khu vực. Quân đội cũng bị cáo buộc ném lựu đạn vào đám đông, khiến hàng chục người thiệt mạng và bị thương. Sau đó, người ta chứng minh rằng lựu đạn duy nhất có sẵn là lựu đạn huấn luyện do một đại đội học viên trại huấn luyện mang đến hiện trường, và không thể gây thương tích cho bất kỳ ai.

Rồi còn có câu chuyện đẫm máu về những chiếc xe bọc thép nghiền nát người dân bằng xích. Thật không may cho người tạo ra huyền thoại đó, những chiếc xe bọc thép không có xích và chạy bằng lốp.

Những lời dối trá cứ thế tiếp diễn. Hiệp ngạc nhiên trước sự dai dẳng và lan rộng của những câu chuyện. Những chi tiết đẫm máu được thêm vào câu chuyện về sự kiện đó

trong mọi cuốn sách mới xuất bản về Chiến tranh Việt Nam.

Năm 1966, một người đàn ông thừa nhận rằng anh ta đã kích nổ quả bom nhựa trước Đài Phát thanh Huế. Theo một số sĩ quan Việt Nam từng phục vụ cùng đơn vị với anh ta, Đại úy James Scott nói rằng anh ta là người đã đặt bom và kích nổ nó. Đó là ba năm sau sự kiện ở Huế. Đại úy James Scott là cố vấn quân sự cho Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 3, Sư đoàn 1 Bộ binh. Trong một chiến dịch ở khu vực A-Shao, phía tây Huế, anh đã kể lại với Tiểu đoàn trưởng, Thiếu tá Bửu Bình và các sĩ quan khác trong cùng tiểu đoàn về sự tham gia của mình trong vụ việc. Anh mô tả quả bom là một quả bom hẹn giờ rất tinh vi. Được biết, ông không hề khoe khoang. Ông chỉ đơn giản nói rằng bằng cách khơi mào phong trào đấu tranh Phật giáo lúc bấy giờ, ông đã đóng một vai trò quan trọng trong việc lật đổ Tổng thống Diệm.

Vào tháng 7 năm 1975, những người tị nạn Việt Nam tại Hoa Kỳ đã bàn tán về việc đọc một bài báo trên một tạp chí Mỹ do Đại úy James Scott ký tên. Bài báo được cho là tuyên bố rằng ông chính là người đã kích nổ quả bom giết chết chín người ở Huế.

Tuy nhiên, vào thời điểm đó, Ngô Đình

Diệm đã chết và miền Nam Việt Nam đã rơi vào tay Cộng sản.

Cần đang nói chuyện điện thoại với Nhu thì Hiệp bước vào. Cần nói: “Chị Hiệp đây. Anh có muốn nói chuyện với chị ấy không?”

Hiệp vẫy tay phản đối. Bà không cần nói chuyện với Nhu. Bà vào gặp mẹ và quay lại phòng khách nửa tiếng sau. Cần vẫn đang nói chuyện điện thoại với Nhu.

Cần quay sang bà và đưa ống nghe. Hiệp cầm lấy. Giọng Nhu nghe hơi khàn: “Em lại phạm một sai lầm nữa rồi.” Hiệp giả vờ xem nhẹ chuyện này. Bà đáp: “Dạo này hình như ai cũng mắc lỗi lầm cả. Còn lỗi của cậu thì sao?”

Nhu giải thích: “Anh Diệm muốn tự mình làm. Anh ấy muốn đến gặp báo chí Mỹ và nói chuyện công khai về các cố vấn Mỹ. Chị biết lập trường của em mà. Nếu có chuyện gì khó chịu cần làm, em thà tự mình làm. Vì vậy, em đã đồng ý trả lời phỏng vấn Warren Unna, một phóng viên người Mỹ của tờ *Washington Post*. Em nói với ông ấy rằng chúng tôi có quá nhiều cố vấn Mỹ, và chúng tôi muốn thấy một nửa trong số họ được gửi về nước trước cuối năm.”

Hiệp cần phải sắp xếp lại suy nghĩ trước khi trả lời anh ta. Cuối cùng, bà nói: “Kể từ Tết Nguyên đán, ai cũng hiểu anh Diệm muốn

gì. Anh ấy muốn giảm bớt quyền lực của Mỹ ở Nam Việt Nam. Nhưng anh không nghĩ rằng, kể từ ngày 8 tháng 5, chúng ta cần phải thận trọng hơn một chút sao? Chúng ta không thể im lặng một thời gian, và cố gắng giải quyết những vấn đề trong nước trước sao?” Nhu thở dài: “Kẻ thù của chúng ta sẽ không cho chúng ta lựa chọn nằm im. Chúng sẽ dùng các nhà hoạt động Phật giáo để làm chúng ta suy yếu, trong khi chúng chuẩn bị cho sự sụp đổ của chúng ta bằng những cách khác.”

Hiệp, lòng đầy lo lắng, hỏi: “Bây giờ cậu có coi người Mỹ là kẻ thù của chúng ta không?” Nhu trả lời nhanh chóng: “Không, hoàn toàn không. Nhưng em nhận ra rằng bên trong chính quyền Mỹ, cả ở Washington và ở Sài Gòn, chúng ta có những kẻ thù nguy hiểm.”

Trước khi Hiệp kịp nói thêm điều gì khác, Nhu đã nói thêm, “Rõ ràng là ‘cuộc khủng hoảng Phật giáo’ là một sự giải thoát cho cả những người Mỹ không thích chúng tôi và những người Cộng sản. Vào ngày 14 tháng 5, Ủy ban Trung ương Mặt trận Giải phóng Dân tộc đã kêu gọi nhân dân Việt Nam và cộng đồng quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo. Chỉ mới ngày hôm qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên án chính quyền của chúng ta, nói rằng đó là tội ác ‘Trời Đất không thể tha thứ’,

và ông ta khuyến khích Phật tử dẫn thân đấu tranh chống lại chính quyền của chúng ta.”

Hiệp hỏi: “Ở Washington, bố vợ cậu không thể làm gì sao? Dù sao ông ấy cũng là Đại sứ của chúng ta tại Hoa Kỳ. Sau chín năm ở Washington, chắc hẳn ông ấy đã quen biết khá nhiều nhân vật chủ chốt. Ông ấy không thể làm cho quan điểm của chúng ta được giới tinh hoa và nhân dân Mỹ hiểu sao?”

Nhu khá hoài nghi: “Ông ấy không phải là kiểu bạn bè giúp đỡ khi mình gặp khó khăn.” Hiệp nhấn mạnh: “VẬY mà ông ấy lại là Đại sứ của chúng ta tại Washington, lại còn là cha của Lệ Xuân nữa chứ.”

Nhu nói giọng mệt mỏi: “Kể từ ngày 8 tháng 5, nhiều bạn tốt đã trở thành kẻ thù. Nhiều người tin rằng chúng ta sẽ không sống sót qua khỏi chuyện này. Đã có khá nhiều vụ đào ngũ.”

Điều đó không có gì mới mẻ đối với Hiệp, người đã chứng kiến cha mình gần như đơn độc vào năm 1907, Diệm hoàn toàn bị cô lập vào năm 1933, anh trai bà là Khôi chiến đấu đơn độc vào năm 1945, và Diệm và Nhu một lần nữa vào năm 1954 và một lần nữa vào năm 1960. Tuy nhiên, vào tháng 5 năm 1963, Hiệp biết rằng mối nguy hiểm mà Diệm phải đối mặt còn nguy hiểm hơn nhiều. Bà mong

muốn thấy những người bạn trung thành tập hợp xung quanh ông.

Ở đầu dây bên kia, Nhu dường như cảm nhận được sự đau khổ của bà. Ông trở nên an ủi hơn, “Hãy nhìn xem, chúng ta bắt đầu cuộc đấu tranh với hai bàn tay trắng vào năm 1954, và lần này chúng ta cũng sẽ xoay sở được với rất ít.”

*

Hiệp nhắm mắt lại. Nhưng dù nhắm mắt, bà vẫn thấy ngọn lửa đang thiêu rụi Thượng tọa Thích Quảng Đức. “Vấn đề không phải là nhà sư tự thiêu, hay bị người khác thúc đẩy vào hành động khủng khiếp này,” Hiệp nghĩ. “Vấn đề là, tại sao sự hy sinh này, vốn sẽ in đậm trong tâm thức người Việt Nam trong nhiều thập kỷ, lại được cho là cần thiết?”

Tất cả các phương tiện truyền thông nước ngoài đều đưa tin về bức ảnh nhà sư được bao quanh bởi ngọn lửa. Hiệp biết rằng từ giờ trở đi, mọi người sẽ tin rằng có sự phân biệt tôn giáo ở Việt Nam, và Phật tử đang bị đàn áp.

Tâm trí Hiệp khó mà hoạt động. Một mặt, bà ngưỡng mộ lòng dũng cảm của nhà sư. Nếu ông tự thiêu để phản đối một chế độ thù địch với Phật giáo, thì sự hy sinh của ông là một hành động cao quý sẽ được lịch sử Việt Nam ghi lại từ nay cho đến muôn đời.

Tuy nhiên, Hiệp biết rằng những cáo buộc về sự phân biệt tôn giáo không xuất hiện quá xa xưa. Ngược lại, nó chỉ mới xuất hiện ba tháng trước đó. Bà thậm chí còn biết tất cả bắt đầu từ khi nào và ở đâu. Vậy thì, nếu nhà sư tự tử vì một lời cáo buộc sai lầm, thì ông ta đã chết một cách vô ích. Không chỉ vậy, cái chết của ông ta có thể khơi mào một loạt sự kiện sẽ đưa Phật tử và Thiên Chúa giáo vào một cuộc xung đột khủng khiếp và dai dẳng.

Hiệp đã nghe kể về việc nhà sư bị đưa ra quảng trường công cộng, hai trăm nhà sư đã ngồi ở phía sau chứng kiến cảnh ông tự thiêu, một nhà sư trẻ đã sẵn lòng châm lửa thiêu ông, và các phóng viên nước ngoài đã được mời đến chụp ảnh lễ tự thiêu của ông.

Được giáo dục về lòng kính trọng các liệt sĩ, Hiệp vô cùng ngưỡng mộ lòng dũng cảm của nhà sư. Bà không khỏi băn khoăn về sự hèn nhát của những kẻ đứng sau vụ tự thiêu và giờ đây lại lợi dụng nó một cách chuyên nghiệp và có hệ thống. Đó không phải là hành động của một người cao quý. Đó là một vở kịch được dàn dựng một cách điêu luyện bởi những bộ óc chính trị biết cách sử dụng vũ khí tuyên truyền.

Trong lịch sử Phật giáo, chưa từng có trường hợp nào một nhà sư Phật giáo tự thiêu

để bảo vệ chính nghĩa của Đức Phật. Tại sao lại là bây giờ, tại sao lại là anh trai bà, Diệm, người đã cống hiến cho Phật giáo nhiều hơn những gì ông đã cống hiến cho Công giáo trong chín năm cầm quyền? Bà tự hỏi.

Bà muốn gọi điện cho Diệm và cầu xin ông từ chức một lần nữa. Tuy nhiên, bà biết rằng ông sẽ không nghe bà nếu bà làm vậy.

Ông không tập trung vào vấn đề Phật giáo, vì ông còn những vấn đề khác phải giải quyết. Ông phải bảo vệ chủ quyền quốc gia. Ông phải hoàn thành việc xây dựng các Ấp Chiến lược và nâng cao hiệu quả của chúng, để giảm thiểu mức độ chiến tranh. Đồng thời, ông phải dè chừng và giữ khoảng cách với các tướng lĩnh, những người bị CIA cảm dỗ lật đổ ông. Ông phải làm tất cả những điều đó trước khi có thể coi công việc của mình đã hoàn thành.

Ngày 24 tháng 6, Lễ Thánh Gioan Tẩy Giả, vị thánh bốn mạng của Diệm và Cần, Hiệp đã gọi điện cho Tổng thống và chúc ông may mắn. Bà vẫn còn bàng hoàng về vụ tự thiêu của Thượng tọa Thích Quảng Đức hai tuần trước đó.

Diệm nói: “Kẻ thù của chúng ta đã sử dụng một vũ khí khủng khiếp có thể giúp chúng loại bỏ tôi một cách hiệu quả. Nhưng vũ khí

đó còn khủng khiếp hơn ở chỗ nó sẽ chia rẽ nhân dân chúng ta trong nhiều thập kỷ.”

Hiệp cầu xin Diệm: “Xin hãy nhượng bộ tất cả những gì cần thiết. Hãy đảm bảo mọi người đều biết rằng anh không phân biệt đối xử với Phật tử.”

Giọng nói của Diệm thoáng chút thất bại: “Nếu hành vi cả đời tôi chưa chứng minh được tôi yêu mến Phật giáo đến mức nào, thì tôi còn có thể làm gì khác? Tôi sẽ nhượng bộ hợp lý; tuy nhiên, những yêu cầu của các nhà sư hoạt động đã giăng nhiều cạm bẫy cho tôi. Nếu tôi chấp nhận yêu cầu đó, họ sẽ nói với thế giới rằng tôi thừa nhận quân đội của chúng tôi thực sự đã giết hại Phật tử ở Huế. Tôi biết, và các bạn cũng biết, không có quân đội nào của chúng tôi giết hại những người đó!”

Hiệp nhấn mạnh: “Chúng ta có thể biết, nhưng nhân dân thì không biết. Hoặc là các anh phải chứng minh nhanh chóng, và không còn nghi ngờ gì nữa, rằng quân đội của chúng ta không giết hại; hoặc các anh sẽ phải chấp nhận yêu cầu bồi thường cho gia đình các nạn nhân.”

Diệm vẫn cứng đầu như mọi khi: “Tôi đã hứa sẽ nói về việc bồi thường sau khi cuộc điều tra kết thúc. Tôi không thể đồng ý thay

đổi sự thật, và sự thật là: không có quân đội nào của chúng ta giết hại họ.”

Hiệp kêu lên: “Vậy thì hãy cố gắng hết sức để đưa kẻ giết người hoặc những kẻ giết người ra trước công lý!” Diệm do dự, rồi nói: “Tôi có thể không bao giờ làm được điều đó. Chỉ có ba bên có thể hưởng lợi từ một hành động tàn bạo như vậy: những người Cộng sản sẽ hưởng lợi từ bất kỳ rắc rối nào họ có thể gây ra trong cộng đồng của chúng ta; những nhà hoạt động Phật giáo muốn hạ bệ tôi và thay thế tôi bằng tay sai của họ; đã ủng hộ. Sẽ rất khó để tôi bắt được một tên khủng bố Cộng sản mà giờ đây có thể đã ra Bắc, hoặc một tên khủng bố Phật giáo sẽ giết chính người dân của mình để đánh bại tôi. Tôi cũng không thể dễ dàng bắt được một điệp viên CIA.”

Hiệp nhận xét: “Hình như anh không còn coi người Mỹ là đồng minh của mình nữa.” Diệm có vẻ mệt mỏi: “Tôi muốn Đại sứ Nolting có mặt ở đây. Nhưng ông ấy đã quyết định nghỉ phép sớm. Tôi vẫn tin tưởng Tướng Hawkins, Tư lệnh Hoa Kỳ, cũng như ông Richardson, Trưởng Trạm CIA ở đây. Tôi ít tin tưởng hơn nhiều vào ông Trueheart, Đại biện Lâm thời Hoa Kỳ.”

Có điều gì đó chạm đến trái tim Hiệp, khiến bà rùng mình. Phải mất một lúc bà mới

nhận ra nỗi sợ hãi đột ngột của mình đến từ lời cha bà từng nói khi bà còn nhỏ: “Hãy coi chừng các đại biện lâm thời”. Ông đang nói về một ông Levecque, đại biện lâm thời tại Văn phòng Đức Giám mục Thường trú ở Huế lúc bấy giờ.

Trước khi bà kịp nói gì, Diệm đã cười và nói: “Hãy coi chừng các đại biện lâm thời. Phải, tôi nhớ rồi. Ở một mức độ nào đó, ông Trueheart là một vấn đề. Ông ta hành động như thể ông ta hoàn toàn không biết tôi. Ông ta không cho phép bất kỳ tình cảm tôn trọng hay tình bạn nào cản trở đường lối đảng phái của mình, hay sự tận tụy không khoan nhượng với công việc. Tôi e rằng tôi không thích cách làm ăn đó. Lý trí phải được tôi luyện bởi con tim. Đại sứ Nolting hiểu điều đó. Tướng Lansdale hiểu điều đó, và ông Colby của CIA cũng hiểu điều đó.”

Hiệp lại cảm thấy nổi thất vọng và lo lắng của những ngày trước khi Hoàng đế Thành Thái bị buộc phải thoái vị. Bà hỏi: “Mối nguy hiểm lớn nhất đối với anh bây giờ là gì?” Không chút do dự, Diệm trả lời: “Tôi nhận thấy sự chia rẽ trong Chính quyền Hoa Kỳ tại Washington, và sự bất đồng chính kiến ngày càng gia tăng trong giới chức Hoa Kỳ ở Sài Gòn.”

Hiệp hỏi: “Vậy thì anh định làm gì?” Diệm đáp: “Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta có thể cầm cự thêm một chút nữa, tất cả những điều này sẽ tan biến.” Sau một hồi im lặng, Diệm nói thêm: “Có thể nói rằng đây chỉ là mơ tưởng hảo huyền.”

Hiệp biết rằng tất cả những điều đó sẽ không biến mất. Hiệp biết rằng những hy vọng của Diệm thực sự chỉ là mơ tưởng hảo huyền.

CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU ĐIỂM BẮT PHỤC PHẢN

Ngày 29 tháng 8 năm 1963, vào Lễ kính việc Thánh Gioan Tẩy Giả bị chém đầu, Diệm lại gọi cho Hiệp. Ông nói: “Cô quên ngày lễ bốn mạng của tôi.” Hiệp đáp: “Không đúng đâu. Lễ bốn mạng của anh là ngày 24 tháng 6; em đã gọi cho anh vào hôm đó.”

Việc Diệm gọi cho cô đúng vào ngày tưởng niệm việc chém đầu Thánh Gioan Tẩy Giả khiến cô rất bức. Cô nói: “Nếu đây là một trò đùa, thừa Tổng thống, thì đó là một trò đùa tệ.” Diệm không hề dịu giọng. Ông nghiêm nghị nói: “Sống hay chết, vinh hay nhục, được đội vương miện hay bị chém đầu - chỉ là những biểu hiện của sự đổi thay. Đừng bận lòng. Tôi gọi để báo rằng chúng ta có lẽ đã bóp nghẹt cuộc đảo chính trước khi nó kịp diễn ra.”

Hiệp nói: “Em ghét phải dội gáo nước lạnh vào sự lạc quan của anh, nhưng anh đã đọc

báo gần đây chưa? Các cuộc bố ráp chùa chiền cách đây chín ngày vẫn còn lên trang nhất ở Mỹ. Nhiều nhà báo và bình luận viên nói rằng hành động của anh ngày 20 tháng 8 đã đánh dấu một ‘điểm không thể quay lại’. Họ đang tuyên bố anh đã chết và bị chôn vùi rồi.”

Diệm cười: “Cô có thể làm chứng là tôi vẫn sống. Tất cả các tướng trong Bộ Tổng Tham mưu Liên quân và cả Thống đốc quân sự Sài Gòn đều yêu cầu tiến hành các cuộc bố ráp. Giới lãnh đạo quân sự nói với tôi rằng chúng ta phải làm gì đó thật nhanh để đẩy lùi khủng hoảng Phật giáo và các cuộc biểu tình của sinh viên. Những thủ lĩnh sinh viên chống chính phủ đã bị giam; trường học và đại học tạm thời đóng cửa. Sẽ không còn biểu tình sinh viên một thời gian. Các chùa thuộc phái Ấn Quang bị báo cáo là cất giấu vũ khí và đạn dược để gây rối thực sự. Chú Nhu và tôi đã cho phép tiến hành bố ráp, theo yêu cầu bằng văn bản của các tướng lĩnh.”

Hiệp nói: “Đài Tiếng nói Hoa Kỳ đã phát sóng rộng rãi việc đánh chính các bản tin ban đầu. Ngay sau các cuộc bố ráp, họ loan tin rằng các tướng có tham gia, rồi lại cải chính, nói rằng chỉ có cảnh sát dã chiến và Lực lượng Đặc biệt dưới quyền cậu Nhu tham gia mà thôi.”

Diệm thở dài: “VẬY là cô cũng để ý. ĐÚNG thế. Rõ ràng người Mỹ vẫn muốn cuộc đảo chính diễn ra. Họ xóa tội cho mọi việc các tướng làm. Sự cố của Đài Tiếng nói Hoa Kỳ cho thấy rõ vẫn có một số tướng đang âm mưu. Tuy vậy, tôi hy vọng đa số lãnh đạo quân sự đã bỏ rơi bọn chủ mưu đảo chính.”

Hiệp hỏi: “Anh đã gặp vị Đại sứ Mỹ mới chưa?” Diệm ngập ngừng, rồi nói với bà: “Rồi, tôi gặp ông ta hai ngày trước khi ông ta đến Dinh trình quốc thư. Ông ta yêu cầu tôi cho chú Nhu đi khỏi. Tôi nói với ông ta rằng Nhu không phải chuyện của ông ta. Ông ta nói Tổng thống Kennedy muốn thấy Nhu ra đi. Cô thử tưởng tượng xem - lần đầu chúng tôi gặp nhau! Ngay trong ngày ông ta trình quốc thư cho tôi! Không phải chuyện gan góc gì cả! Chỉ đơn giản là ông ta tự coi mình là ‘toàn quyền’ của đất nước chúng ta.”

Hiệp lo lắng: “Đừng tuyên chiến với ông ta sớm như vậy.” Diệm nói: “Ông ta đã ‘tuyên chiến’ với tôi ngay khi đặt chân đến đây. Thích Trí Quang hiện giờ còn được ông ta bảo hộ về thân thể. Nhưng khi sinh viên đã yên, và các nhà hoạt động Phật giáo không còn lãnh tụ, việc tôi cần làm bây giờ là xây dựng cầu nối với các tướng tá. Tôi đã từng

thấy những vị như Đại sứ Lodge, thời Pháp rồi. Tôi sẽ xoay xở được.”

Hiệp hỏi: “Năm 1954 và 1955, anh sống sót vì anh có những lực lượng ngầm. Bây giờ mọi sức mạnh của anh đều lộ rõ. Nếu sức mạnh lộ rõ, kẻ thù sẽ tìm cách dùng chính chúng chống lại anh. Anh đã xây dựng một lực lượng ngầm mới - một lực lượng không ai biết, anh có chưa?”

Dường như Diệm bị bất ngờ. Cuối cùng, ông thừa nhận: “Tôi không có lực lượng ngầm như vậy.” Hiệp hỏi tiếp: “Bây giờ liệu có quá muộn để tổ chức một lực lượng như thế không?” Diệm thở dài: “Không chỉ là quá muộn để tổ chức, mà còn không thể giấu nổi điều gì trước người Mỹ lúc này.”

Bà lại gặng: “Anh đã tính đến việc điều chuyển nhanh tất cả các lãnh đạo quân sự của mình chưa - đưa những người hiện ở Sài Gòn, cả người ông tin lẫn người anh không tin, về các tỉnh?” Diệm nói: “Tôi và Nhu đã cân nhắc khả năng đó. Nhưng ngay tại Sài Gòn, chúng tôi có những người tôi tin nhất. Còn những người tôi không tin thì không nắm quân trong quyền chỉ huy. Thế chẳng đủ sao?” Hiệp nói: “Sao anh lại hỏi em? Em đâu phải nhà chiến lược quân sự. Nhưng nhớ lời Cha: ‘Trong một tình huống mà bên ngoài

xem ra mọi lợi thế đều thuộc về con, vậy mà trong lòng con vẫn bất an, thì hẳn là có điều gì sai trong cách con nhìn nhận tình hình.”

Diệm hỏi, hơi trêu: “Vậy cô nghĩ trong lòng tôi đang bất an sao?” Hiệp lờ đi câu hỏi của Diệm; cô nhắc lại: “Vào thời khắc then chốt này, anh nên nhớ lời dạy của Cha.” Diệm hỏi: “Trong các lời chỉ dẫn của Cha, lúc này tôi nên nhớ nhất điều gì?”

Giọng Hiệp như thể đã chuẩn bị câu trả lời từ lâu: “Cha nói anh là người nóng giận. Kẻ nóng giận sẽ gây thù chuốc oán trong những cơn bộc phát. Khi đang giận, anh không biết mình cư xử tệ với người khác đến mức nào, nên anh cũng không biết mình đã làm người ta bị xúc phạm ra sao. Vì không biết, anh chẳng bao giờ xin lỗi; anh cũng chẳng bao giờ cố hàn gắn với một người bạn đã mất. Trong số những người anh đang tin cậy hôm nay, có bao nhiêu người từng cảm thấy bị anh làm nhục khi anh nổi nóng?”

Có một khoảng lặng rất dài. Liệu giờ này Diệm có đang giận? Hiệp nói tiếp: “Cha còn bảo anh là người cứng đầu. Kẻ cứng đầu đã quyết điều gì thì tự trói mình vào quyết định đó. Một người mềm dẻo hơn có thể tìm được cơ hội đưa ra những quyết định mới phù hợp hơn với hoàn cảnh mới.” Diệm thừa nhận:

“Có vẻ như những điều Cha nói về tôi từ lâu vẫn còn đúng. Cảm ơn cô đã nhắc. Tôi còn cần được nhắc điều gì nữa?”

Hiệp lấy hết can đảm nói: “Anh đã sai khi nói với em rằng anh là người thừa. Anh không phải là người thừa, nhưng gia đình anh thì có. Nhu là người thừa, Lệ Xuân là người thừa, và Cẩn là người thừa. Đã đến lúc anh tách mình ra khỏi những kẻ đã trở thành gánh nặng cho anh và có thể phá hủy tất cả những gì anh đã gây dựng. Hãy tách mình ra khỏi tất cả chúng tôi. Anh không cần chúng tôi, nhưng đất nước cần anh.”

Lần này, sự im lặng của Diệm nghe đầy đe dọa. Hiệp nhìn ống nghe, chờ một cơn bùng nổ. Nhưng nó không đến. Khi Diệm cất tiếng, giọng ông mềm và buồn: “Tôi biết cô nói đúng. Nhưng con người sinh ra một mình, và có thể chết một mình. Nhưng làm sao anh ta có thể sống một mình? Tôi cần Nhu ở ngay đây bên tôi.”

Hiệp đưa ống nghe ra xa để Diệm không nghe thấy tiếng bà nức nở. Một lúc sau Diệm nói: “Cầu nguyện cho tôi, em gái. Sống chết với tôi không quan trọng, nhưng lời cầu nguyện của em thì có.”

*

Thục đứng trong sân Tòa Tổng Giám mục.

Mắt ông dõi từ bồn hoa ra cổng, rồi ra sông An Cựu, sang bờ bên kia nơi mẹ ông đang sống, và cuối cùng dừng ở Nhà thờ Chính tòa còn dang dở. Ông nhìn em gái. Cô không khóc. Cô không có vẻ buồn. Cô nói với ông, bằng giọng điềm tĩnh: “Ở Rôma, anh sẽ tìm được một môi trường yên bình hơn. Anh sẽ gặp lại những người bạn cũ ở đó. Anh sẽ gặp Đức Giáo hoàng, bạn học cũ của anh.”

Thực chỉ về phía Nhà thờ đang xây dở dang, nói: “Anh đã làm phá sản em và Ấm vì công trình đó. Anh biết em đã dồn hết tài sản vào việc xây dựng Nhà thờ. Giờ anh đi rồi, ai sẽ trả lại cho em?” Hiệp lắc đầu: “Anh đừng lo. Năm 1946, chúng ta đều phá sản vì biến cố, nhưng vài năm sau lại trở nên thịnh vượng hơn bao giờ hết. Anh còn nhớ Ấm đã xây dựng lại Tượng đài Kỳ đài và Cung điện Hòa bình sau chiến tranh như thế nào không?”

Thực gật đầu, rồi nói: “Anh có cảm giác như mình đang bỏ tàu khi nó sắp chìm. Anh sợ việc anh rời Huế sẽ khiến kẻ thù của Tổng thống nghĩ rằng ngay cả Vatican cũng đứng về phía chống lại ông ấy.” Hiệp trấn an: “Anh là một Tổng Giám mục, nhưng anh cũng là một người lính giỏi. Anh quên khẩu hiệu trên huy hiệu Giám mục của mình rồi sao? Miles Christi, ‘Chiến binh của Chúa Kitô’. Ông đi

đến nơi anh được lệnh đến. Anh không được
thắc mắc về các quyết định của Tòa Thánh.”

*Ghi chú: Nhà thờ dorr đang ấy nay đã xây xong.
Dưới đây là bức ảnh gần đây của nhà thờ.*



Thực vẫn bồn chồn. Ông hỏi Hiệp: “Nhưng
rồi chuyện gì sẽ xảy ra với Tổng thống?” Hiệp
mỉm cười: “Số phận của anh ấy ở trong tay

Chúa. Sao anh phải lo?” Thục kêu lên: “Anh lo vì đức tin của anh không được bằng một nửa của em. Đó là lý do!”

Hiệp hy vọng mình có thể tiếp tục mỉm cười một cách thuyết phục. Bà biết mình sẽ khó giữ được bình thản khi Thục bộc lộ nỗi dằn vò quá rõ ràng. Bà nói: “Anh Diệm, cũng như tất cả chúng ta, đang cố làm hết sức để khôi phục ổn định và niềm tin. Anh ấy có thể thành công hoặc thất bại. Chỉ có Chúa mới là Đấng phán xét ông ấy. Nhận thức đó làm anh ấy mạnh mẽ.”

Thục cúi đầu và nói: “Nhưng em và anh đều biết hàng trăm kẻ nứt trong áo giáp của chú ấy. Kẻ thù của chú ấy cũng biết. Anh sợ chú ấy sẽ không thể vượt qua cuộc khủng hoảng này.”

Nói xong, Thục quan sát xem Hiệp bị xao động ra sao. Ông ngạc nhiên khi thấy Hiệp không tái mặt vì sợ. Bà nhìn anh lặng lẽ và, chỉ sau một phút im lặng, đáp khẽ nhưng rõ ràng: “Vậy thì anh ấy đã làm hết sức và thất bại. Anh ấy sẽ chết mà không hối tiếc.”

Bất chợt, Thục nhận ra Hiệp không nói thay cho mình. Bà đã nói với ông nhân danh người cha của họ. Vâng, Đồng Lý Ngự Tiên sẽ nói đúng y như những gì Hiệp vừa nói với ông. Thục ngắt đầu dứt khoát, lấy lại phong

thái và nói: “Cảm ơn em rất nhiều. Em hãy tự chăm sóc mình nhé. Anh sẽ ổn.”

*

Từ vùng Corrèze xa xôi vọng về tin buồn Hoàng hậu qua đời. Hiệp tổ chức một Thánh lễ cầu hồn cho bà tại nhà nguyện của mình.

Diệm đã gọi điện nói rằng ông sẽ hiện diện với họ trong tinh thần. Giọng ông đầy xúc cảm. Ông lại nói với Hiệp: “Hoàng hậu thật là một phụ nữ vĩ đại!” Hiệp do dự, không biết nên nói gì. Diệm thở dài: “Điều duy nhất khiến tôi thôi quay lại giải pháp Thái tử Bảo Long, ngay cả vào tháng Mười năm 1955, là vì Việt Nam chưa sẵn sàng cho một vị Hoàng đế Công giáo. Có vẻ như bây giờ Việt Nam cũng chưa sẵn sàng cho một vị Tổng thống Công giáo.”

Hiệp hỏi: “Dạo này anh thấy cô đơn sao?” Diệm thẳng thắn thừa nhận: “Đúng vậy, Lệ Xuân và Lệ Thủy đi Beograd tuần trước và sáng nay Nhu cũng đi châu Âu để gặp họ. Không, chú ấy không đi hẳn đâu. Chú muốn ở Paris vài ngày với vợ và con gái trước khi họ sang Hoa Kỳ. Rồi chú sẽ trở về Việt Nam. Anh Thực cũng đi rồi. Tôi ở đây một mình một thời gian.”

Hiệp lại hỏi: “Lệ Xuân có đi hẳn không?” Diệm đáp ngay: “Không, không. Cô ấy và Lệ

Thủy đi một chuyến dài sang châu Âu và Hoa Kỳ. Tôi mong cô ấy thôi nói những lời cay nghiệt về Phật giáo. Chúng ta không có thù oán gì với Phật tử. Thực tình tôi không hiểu cô ấy. Cô nói sẽ đi để trình bày cách nhìn của chúng ta về các sự kiện. Nhưng tôi thấy cô ấy chỉ làm mọi thứ tệ hơn cho chúng ta.” Hiệp nói: “Xin anh tự chăm sóc mình, thưa Tổng thống. Chúng ta chưa từng giải quyết được vấn đề đó, và em không nghĩ bây giờ có thể giải quyết.”

Diệm ngập ngừng một lúc rồi nói: “Giờ đây Hoàng hậu đã yên nghỉ. Không điều không hay nào có thể xảy đến với bà nữa. Quả thật, đời kết thúc bằng cái chết; mọi toan tính của con người cũng được đặt xuống khi người ta trở về với đất.” Sợ mình nghe có phần bi lụy, ông bật cười khẽ và nói như xin lỗi: “Đạo này tôi đọc Sách Truyền Đạo (The Ecclesiastes) hơi nhiều.”

Trước khi gác máy, ông nói: “Hoàng hậu mất ngày 15 tháng 9, lễ kính Đức Mẹ sầu Bi. Tuổi thơ và tuổi trẻ của bà thật đẹp. Rồi bà kết hôn với một vị Hoàng đế và chỉ sau vài năm hạnh phúc, nỗi buồn của bà bắt đầu. Chúng chỉ chấm dứt cách đây hai ngày.”

*

Trong nhà nguyện của Hiệp, nơi những

cây nến sáp cháy sáng, cạnh bàn thờ đặt một chiếc bàn sơn mài phủ nhung đen. Trên bàn, giữa hai bên là một cây nến sáp lớn thắt nơ tím, có bức chân dung Hoàng hậu Nam Phương trong khung bạc.

Linh mục Thuận mặc lễ phục, ngỏ vài lời với nhóm nhỏ trong nhà nguyện: cha mẹ ngài, cậu Cẩn và anh chị em. Thuận chưa từng gặp Hoàng hậu, dù cũng như mẹ mình, đôi khi ông thấy bà bước vào nhà bà ngoại sau các Thánh lễ Chúa nhật.

Thánh lễ cầu hồn cho Hoàng hậu diễn ra đơn sơ, trang nghiêm lặng lẽ, đúng như ý Diệm và mẹ ông. Thuận gọi lại cuộc đời và các nhân đức của vị Hoàng hậu quá cố. Khi ngài nói, những cảm xúc từng không thổ lộ của cả gia đình dành cho bà suốt bao năm bỗng dâng lên. Ông cảm nhận nỗi u sầu của bác Diệm. Bác Diệm vẫn luôn hy vọng một ngày nào đó sẽ gặp lại bà và có cơ hội giải thích cho bà những quyết định tất yếu mà ông đã đưa ra vào năm 1955 để chấm dứt nền quân chủ và cắt đứt các mối liên hệ chính trị, không chỉ với Hoàng đế, mà cả với bà và Thái tử.

Hiệp lắng nghe bài giảng của con trai. Bà nhớ đến hình ảnh Hoàng hậu bước qua cổng nhà mẹ mình. Đáng điếu tao nhả biết bao, dù

hiền biết bao! Hiệp nhớ lời anh mình, Diệm, từng kể về Hoàng hậu. Diệm chỉ thoả mái với một vài phụ nữ, và vì lý do nào đó, ông thấy thoả mái với Hoàng hậu. Có phải bởi sự giản dị trong cung cách và lời ăn tiếng nói của bà? Hay là vì ông thấy ở bà một “người chị em tri kỷ”, và giữa họ không cần nói nhiều vẫn có thể hiểu nhau?

Suốt nhiều năm, những mối quan tâm của bà đều là điều thiêng liêng đối với Diệm. Giờ đây, bà đã đi rồi, và Diệm đang chật vật cho sự sinh tồn của chính mình. Bất chợt Hiệp rung mình. Bà linh cảm rằng cái chết của Hoàng hậu, đúng vào thời khắc ấy, là một điềm gở cho Diệm. Bà nhìn bức chân dung Hoàng hậu đặt gần bàn thờ. Với nụ cười man mác buồn, như bà đang vẫy gọi.

Bà cảm nhận nỗi cô đơn của Hoàng hậu. Từ năm 1957, bà sống trên nông trại của mình ở Corrèze, một mình, không giao du xã hội. Nữ Bá tước de La Besse, con gái Hoàng đế Hàm Nghi, sống ngay khu đất kế bên. Thế nhưng, theo Luyện kể, hai bà hiếm khi gặp nhau. Đó là một cuộc đời ẩn dật trọn vẹn. Và bây giờ, nỗi cô đơn ấy bắt đầu đè nặng lên anh bà, Tổng thống Diệm.

Thực, theo áp lực của Tòa Thánh, đã rời Huế sang Rôma một tuần trước. Có vẻ như

anh sẽ đi lâu. Nhu và vợ, cùng Lệ Thủy - con gái lớn của họ - đang ở châu Âu. Diệm chỉ còn lại một mình.

Hiệp khế nói với Hoàng hậu: “Xin Người đoái thương trông nom anh Diệm của con, Người đã đến bến bờ sau cùng. Xin che chở anh khỏi những kẻ thù hùng mạnh.”

Trên chiếc bàn nhỏ cạnh bàn thờ, Hoàng hậu - mảnh mai và trẻ trung trong áo gấm thêu phượng - mỉm cười buồn dưới ánh nến rục sáng.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY NHỮNG CHUẨN BỊ SAU HẾT

Ngày 18 tháng 9 năm 1963, bài viết “Rất tệ hại” (Very Ugly Stuff) của Joseph Alsop xuất hiện trên *The Washington Post*. Bài báo tiết lộ rằng ông Nhu đã gặp gỡ đại diện của chính quyền Cộng sản ở Hà Nội để thương lượng một thỏa thuận ngừng bắn.

Hiệp hiểu rằng cái kết với các anh của mình đã cận kề. Khâm sứ Tòa Thánh, Đức ông Asta - người đã đề nghị việc Thục ra đi - có vẻ đã nhận được từ Nhu một lời hứa rằng ông cũng sẽ rời Việt Nam. Biết tâm trạng của Diệm và Nhu lúc ấy, Hiệp chắc chắn Nhu sẽ không bao giờ bỏ Diệm vào khoảnh khắc quyết tử như vậy.

Hình như Nhu đã nói với Đại sứ Cabot Lodge, trước mặt Đức ông Asta, rằng ông đang tiến hành những cuộc thương lượng tinh vi và bí mật với các đại diện Hà Nội, và rằng việc ông rời đi sẽ phá hỏng cơ hội độc

nhất để đạt một thỏa thuận ngừng bắn với Cộng sản. Vài ngày sau, vị Đại sứ Mỹ đã rò rỉ câu chuyện cho Joseph Alsop.

Chính Cần là người kể cho Hiệp toàn bộ câu chuyện rắc rối mới nhất. Hiệp hỏi Cần: “Cậu có nghĩ là anh Nhu thực sự đã liên lạc với đại diện phía bên kia không?” Thay vì trả lời, Cần lại nhấn giọng hỏi bà: “Chị có tin là ta không thể nói chuyện với phía bên kia sao?” Thấy vẻ ngạc nhiên trên mặt Hiệp, ông nói nhanh, tự trả lời câu hỏi của mình: “Dĩ nhiên là có thể nói chuyện với phía bên kia, nếu điều ấy là vì lợi ích tốt nhất của đất nước. Anh Diệm là Tổng thống của một quốc gia có chủ quyền. Anh ấy có quyền mở bất kỳ kênh liên lạc nào với Cộng sản.”

Ông mỉm cười và hỏi Hiệp: “Chị còn nhớ những bức ảnh chụp tại Phủ Tổng thống vào Tết Âm lịch chứ?” Hiệp gật đầu: “Nhớ, nếu cậu nói đến cảnh đào hồng do Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng anh Diệm, chị nhớ.”

Cần có vẻ đang vui. Ông hồi tưởng: “Anh Diệm cho trưng cảnh đào ở Đại sảnh Tiếp tân trong Dinh. Các vị đại sứ đến chúc Tết hỏi nó từ đâu đến, anh ấy mỉm cười đầy ẩn ý và bảo: ‘Quà của Chủ tịch Hồ Chí Minh.’”

Hiệp nói: “Quả là rất lãng mạn! Nhưng có đúng là đã thiết lập liên lạc với phía Cộng

sản không?” Cẩn cười: “Cộng sản ở khắp nơi. Ta nói gì là tai mắt của họ nghe thấy. Các nhà ngoại giao nhiều nước lúc nào cũng có thể chuyển thông điệp giữa hai bên. Người Mỹ vừa có kênh trực tiếp vừa có kênh gián tiếp với Cộng sản. Họ còn dùng cả điệp viên hai mang cho việc đó. Ta nhận thông điệp từ họ và họ cũng nhận của ta.”

Hiệp nhún vai: “Đừng nói bóng gió nữa. Gần đây cậu Nhu có liên lạc với nhân vật Cộng sản cấp cao nào không?” Cẩn đáp: “Em không nghĩ vậy. Anh ấy đang bị bọm. Giới lãnh đạo ở Hà Nội đang tỏ dấu muốn nói chuyện về ngừng bắn, nhưng em không nghĩ anh Diệm sẵn sàng đàm phán lúc này. Chị thấy đấy, anh ấy sẽ không đàm phán trong thế yếu. Mà bây giờ anh ấy đang yếu.” Hiệp kêu lên: “Vậy thì cú ‘bị’ phản tác dụng rồi. Bây giờ người Mỹ có thể cáo buộc ta bắt tay với Hà Nội sau lưng họ.”

Cẩn nói: “Bề ngoài mà nói, anh Nhu đã phạm một sai lầm nghiêm trọng, nhất là đúng lúc này. Anh ấy muốn khiến người Mỹ tin rằng ta có thể quay ngoắt, bắt tay với Hà Nội và tổng khứ người Mỹ. Rõ ràng anh ấy muốn ‘hăm dọa’ người Mỹ, rằng: ‘Lùi ra, nếu không chúng tôi sẽ liên minh với Hà Nội.’” Hiệp lắc đầu: “Cậu vẫn còn nói ẩn ý. Cậu dùng những

chữ ‘bề ngoài’, ‘rõ ràng’. Vậy suy ra, cậu Nhu không thực sự muốn uy hiếp người Mỹ. Thế thì kế hoạch thật của cậu ấy là gì?”

Cần có vẻ bận lòng. Ông nói: “Chị chưa nói chuyện với anh Nhu kể từ khi bài báo trên The Washington Post xuất hiện, nhưng em cho rằng em hiểu anh ấy đang toan tính gì. Hãy xét các yếu tố này. Mục Một: Ta nhận tin rằng Hà Nội muốn đàm phán trực tiếp với ta, ngay cả trước ‘khủng hoảng Phật giáo’; vì vậy, theo chúng ta, cuộc khủng hoảng ấy ít nhất phần nào được tạo ra để ‘nhẹ nhàng’ dụ ta chấp nhận đàm phán. Mục Hai: Nếu ta tỏ ra sẵn sàng đàm phán với họ lúc này, các lãnh đạo ở Hà Nội sẽ tạm ‘giảm nhiệt’, và cũng sẽ yêu cầu các nhà hoạt động Phật giáo ở đây ‘giảm nhiệt’. Mục Ba: Nếu ta có một cuộc ‘hưu chiến’ tạm thời với các nhà hoạt động Phật giáo và sinh viên, mối bận tâm còn lại duy nhất của ta sẽ là CIA và các vị tướng mà CIA đã mua chuộc được.”

Hiệp lắt đầu thật mạnh: “Anh Diệm nói với chị rằng anh nghĩ vấn đề với các nhà hoạt động Phật giáo và sinh viên đã được giải quyết, và giờ anh có thể dành thời gian đối phó với vài người có khả năng làm đảo chính. Nhưng anh ấy không hề nói đến chuyện cần đàm phán với Hà Nội.”

Cần giải thích: “Khi anh ấy nói với em như vậy là anh ấy đang mơ điều mình muốn thôi. Các nhà hoạt động Phật giáo vẫn có thể gây rắc rối, và ta không thể đóng cửa đại học, trường học quá lâu. Ta cũng không thể giam các thủ lĩnh sinh viên quá lâu. Chị nghĩ còn những lý do xác đáng khác để anh Nhu tuyên bố rằng ta đang nói chuyện với Hà Nội. Thứ nhất, như anh đã nói, ta có quyền làm vậy. Đại sứ Mỹ càng tỏ ra mình là ông chủ, thì anh Diệm và anh Nhu càng muốn cho ông ta thấy sự độc lập của mình. Thứ hai, về dài hạn, đàm phán là con đường duy nhất để thoát khỏi cuộc chiến này. Dù có thắng cuộc chiến, ta vẫn phải đàm phán để có hòa bình. Vì thế, anh Diệm đã bắt đầu ‘giương ăng-ten’ ở Bruxelles, Paris, cũng như New Delhi cho mục đích đó.”

Hiệp nhìn Cần. Lần đầu tiên sau rất lâu, Cần nói như thể giữa ông với Nhu và Diệm không còn bất đồng. Giờ đến lượt bà phải là tiếng nói phản biện. Bà nói: “Lần tới gặp cậu Nhu, xin cậu nói giúp rằng chị không đồng ý. Xin nhắc anh ấy đừng bao giờ ‘bịp’ nữa, rằng Đại sứ Mỹ đã cho thấy ông ta biết cách dùng mưu lược của cậu ấy để phản đòn, và rằng các tướng đang manh nha làm đảo chính giờ có thêm một lý do ‘hợp thức’ để ra tay.”

Cẩn im lặng một lúc. Khi cuối cùng lên tiếng, ông gần như ‘nhả’ từng chữ: “Chị nghe này, giới lãnh đạo Mỹ rồi cũng sẽ muốn mở đàm phán hòa bình. Còn các tướng sẵn sàng phản loạn - ai sẽ tin họ khi họ tố ta bán nước cho Cộng sản, hay ngây thơ về chủ nghĩa Cộng sản?”

Hiệp vẫn không bị thuyết phục; bà nói: “Cậu hiểu lý do của nước cờ này. Nếu nó gây rối trí những kẻ muốn anh Diệm ngã ngựa thì chị cũng tán thành. Nhưng chị e rằng nước cờ chỉ trao thêm một vũ khí nữa cho kẻ thù của anh ấy.”

Họ đã nói hết điều cần nói. Vì vậy, khi chia tay, cả hai cùng mỉm cười. Hiệp thì nôn nao một dự cảm xấu. Bà nhớ người Pháp đã dùng mọi mưu kế do vua Thành Thái bày ra để quay lại chống ông. Bà có linh cảm rằng từ nay về sau, bất cứ điều gì anh em Diệm và Nhu làm cũng sẽ bị đem ra chống lại họ.

Khi ngồi trong nhà nguyện suy ngẫm về tình hình hiện tại, điều duy nhất bà chắc chắn là, dù chiến thắng hay thất bại, sống hay chết, anh em bà sẽ không bị Chúa bỏ rơi, Đấng mà họ đặt trọn niềm tin. Niềm an ủi duy nhất bà tìm thấy là anh em bà sẽ không nhìn thấy chiến thắng ở nơi người khác nhìn thấy, và họ sẽ chấp nhận những gì người khác có thể gọi là thất bại.

Tận đáy lòng, bà biết đàm phán là con đường duy nhất để ra khỏi chiến tranh. Tận đáy lòng, bà tin rằng cách duy nhất để người Việt sống tự do, không chịu can thiệp ngoại bang, là họ phải hòa giải và đoàn kết.

*

Đó là cuộc gọi cuối cùng anh Diệm chuyển cho bà. Hôm ấy là ngày 28 tháng 10, khá muộn buổi tối. Tin đồn đảo chính lan tràn, ngay cả ở Huế. Hiệp đã dành phần lớn ngày để cầu nguyện. Đến tối muộn, cuộc gọi của Diệm dường như vừa đáp ứng nhu cầu được nói chuyện với ông, vừa xoa dịu nỗi lo của bà.

Giọng Diệm rất bình thản. Ông nói thẳng: “Tôi vừa dành cả ngày lẫn buổi tối với ông Đại sứ Mỹ và phu nhân ở Đà Lạt. Chúng tôi đi trực thăng lên Tây Nguyên thăm một Ấp Chiến lược, rồi tôi đưa họ về một nhà khách của chính phủ ở Đà Lạt.”

Hiệp hỏi: “Anh có nói chuyện riêng với ông ấy được không?” Có chút do dự, rồi Diệm nói: “Có. Chúng tôi cũng có chút thời gian nói chuyện riêng.” Cảm nhận sự lưỡng lự của ông, Hiệp gặng: “Hai người có bàn gì thiết thực không?” Im lặng rất lâu. Hiệp nghe Diệm thở dài. Cuối cùng ông nói: “Tôi có cố. Nhưng tôi nghĩ ông ấy đã định sẵn ý về tôi và về Việt Nam từ trước khi tới Sài Gòn. Với ông

ta, nước Mỹ là nước lớn, Việt Nam là nước nhỏ. Chúng ta nhận viện trợ của Hoa Kỳ và ông ta cho rằng điều đó trao cho Hoa Kỳ cái quyền áp đặt chính sách cho chúng ta.”

Hiệp hỏi: “Ông có tranh cãi với ông ấy không?” Diệm nói: “Ông ấy là khách của tôi, sao tôi cãi vả được? Tôi nghĩ đây sẽ là dịp để đối thoại thẳng thắn. Nhưng ông ấy xa cách, lơ đãng. Có vẻ như ông ta muốn nói rằng đã quá muộn để ‘viết lại kịch bản’ của mình.” Hiệp cố giữ bình tĩnh, nhưng lời Diệm khiến bà phải thốt lên: “Vậy là anh không còn thấy lối thoát nữa. Anh đang nói như thế phải không?” Diệm cố gượng cười xua đi lo lắng của bà. Ông bảo: “Luôn có vài lối thoát, dù lúc này tất cả trông đều là những lối thoát ‘không danh dự’. Nếu có chuyện gì xảy ra với tôi và Nhu, thì Cần cũng sẽ không an toàn. Xin em hãy chăm sóc Mẹ.”

Hiệp bắt lực đến mức muốn hét lên. Tuy nhiên, bà cố gắng kiềm chế, chỉ nói: “Nếu anh tự lo cho bản thân, em sẽ chăm sóc mẹ. Đừng bỏ cuộc sớm thế, thưa Tổng thống. Cho đến khi cuộc chiến kết thúc, không ai được phép tuyên bố chiến thắng, cũng không ai được phép nhận thất bại.”

Diệm nói: “Đừng nghĩ tôi sẽ không chiến đấu đến cùng. Giờ để tôi báo cho em biết:

tôi đã quyết định thả toàn bộ các nhà sư và sinh viên bị bắt trong những tháng gần đây. Tôi sẽ làm ngay. Động thái ấy sẽ làm rối kế hoạch của người Mỹ và toan tính của một số tướng lĩnh.”

Hiệp rung mình, đáp lại: “Em không muốn cãi anh. Việc thả họ là điều bắt buộc; tuy nhiên, đừng trông chờ vào hiệu ứng tích cực của bước đi ấy. Những kẻ mưu đảo chính sẽ chỉ vội vàng ra tay trước khi công chúng kịp ghi nhận việc thả người.” Diệm gật nhận: “Có thể đúng là vậy.”

Hiệp hỏi: “Anh thấy thế nào, thưa Tổng thống?” Diệm nói: “Tôi thấy như mình đã bước vào một khoảng lặng chết chóc. Tôi biết cơn bão lớn đang đến. Tôi đã xét lại những gì mình làm trong chín năm qua - thành tựu và thất bại, thắng và bại - và tôi không thấy mình có thể làm gì để đổi hướng diễn biến hiện nay.”

Hiệp nói: “Vậy là anh không hối tiếc.” Diệm lại gật nhận: “Tôi không hối tiếc.” Ba ngày sau, cuộc đảo chính nổ ra.

CHƯƠNG HAI MƯƠI TÁM ĐẢO CHÍNH

Hôm ấy là Lễ Các Thánh, và Hiệp đi lễ sớm. Trong Thánh lễ, Hiệp chọt bâng hoàng trước lời ca dâng lễ trích Sách Khôn Ngoan: “Linh hồn người công chính ở trong tay Thiên Chúa, và nỗi thống khổ của sự chết sẽ không chạm đến họ. Trước mắt người đại, họ tưởng như tiêu vong, nhưng kỳ thực họ đang bình an, halleluja.”¹ Bất chợt, mắt bà nhòa lệ.

Linh cảm về một tai họa kinh khủng và cận kề ập đến khi bà nghe những câu ấy được xướng lên. Bà cố trấn tĩnh nỗi sợ và khẩn thiết cầu nguyện cho các anh em mình. Bà gần như lấy lại bình thần thì trong bài

¹ “Hallelujah” là một thuật ngữ tiếng Do Thái có nghĩa là “ngợi khen Chúa”, được dùng để biểu lộ sự vui mừng và tôn vinh Thiên Chúa. Từ này được ghép từ “hallelu” (ngợi khen) và “Yah” (viết tắt của Yahweh/Chúa). “Hallelujah” được sử dụng rộng rãi trong các nghi lễ tôn giáo và xuất hiện nhiều trong sách *Nhã Ca*.

hát Rước lễ, câu “Phúc thay ai có lòng trong sạch, vì họ sẽ được thấy Thiên Chúa” vang lên. Bà lại rùng mình. Từ trước đến nay, bà vẫn nhìn thấy ông Diệm như vậy: người có lòng trong sạch. Nỗi kinh hãi trào dâng. Bà cầu nguyện trong đau đớn: “Lạy Chúa, xin gìn giữ anh con.”

Lễ xong, Hiệp đi thẳng qua nhà mẹ. Bà muốn chúc mừng sinh nhật Cẩn trước khi các quan chức địa phương đến. Cẩn vẫn là Cẩn thường ngày khi họ ngồi chuyện trò một lát. Đột nhiên Hiệp hỏi: “Đảo chính sẽ xảy ra phải không?” Cẩn gật đầu: “Sớm hay muộn thì cũng sẽ xảy ra. Nhưng đừng lo; chúng ta đã có mọi biện pháp cần thiết. Dù sao, chừng nào vài tướng chủ chốt còn trung thành, không cuộc đảo chính nào có thể thành công.” Những lời ấy chẳng trấn an Hiệp chút nào.

Nỗi sợ vẫn lảng vảng. Rồi lúc hai giờ chiều, Cẩn gọi báo cho bà biết đảo chính đã bắt đầu ở Sài Gòn. Thân bà như oằn xuống bởi mọi nỗi đau của thế gian. Bà không buồn nghe những lời trấn an của Cẩn. Bà biết đó là dấu chấm hết.

Cẩn nói: “Họ sẽ không dám tấn công Dinh Tổng thống. Lính Phủ Thủ tướng (Vệ binh Phủ Tổng thống) trung thành và sẽ chiến đấu đến cùng.” Hiệp phản bác: “Tổng thống sẽ

không để họ chiến đấu.” Cẩn kêu lên: “Như thế là đại đột!” Hiệp khóc nức nở, lặp lại: “Anh ấy sẽ không để Vệ binh bắn vào quân phiến loạn.” Bà đặt ống nghe xuống và đi vào nhà nguyện.

Bà nhận ra toàn thân mình đau nhức, nhưng tâm trí lại bình thản. Bà ngồi xuống ghế, biết rằng mình không thể quỳ lâu. Bà muốn ngồi đó thật lâu, chờ trong chốn linh thiêng của mình để biết kết quả sau cùng. Bà biết chồng đã vào sau đó ít lâu và ngồi phía sau bà. Họ không nói một lời.

Bà quên cả khái niệm về thời gian. Các con bà lần lượt vào, những đứa đang ở Huế. Tất cả đều ở đó phía sau bà, kể cả cha Thuận, vừa từ chủng viện về. Không có thêm cây nến nào được thắp. Họ cùng ngồi và âm thầm cầu nguyện.

Hiệp biết tình hình đã vô vọng. Nếu những người chỉ huy đảo chính ra lệnh cho quân đội tấn công, Diệm sẽ ra lệnh cho quân đội của mình hạ vũ khí; bà biết chắc điều đó. Có thể sẽ có một vị tướng, hoặc một đại tá nào đó dẫn đầu quân đội của mình để cứu Tổng thống. Nhưng đó chỉ là mơ tưởng hão huyền. Các điệp viên Mỹ đã tiếp cận tất cả các vị tướng và đại tá. Sẽ không có cuộc phản đảo chính nào.

Hiệp cầu xin cho hai anh em được tha

mạng. Nhưng bà lại biết đó cũng chỉ là ảo vọng. Những tướng lãnh chỉ huy cuộc đảo chính sẽ không bao giờ để Diệm và Nhu sống. “Có lẽ người Mỹ sẽ can thiệp để cứu mạng họ,” bà nghĩ. Rồi cả hy vọng ấy cũng trở nên mong manh. “Không, điều đó sẽ không xảy ra - không đời nào với Đại sứ Henry Cabot Lodge,” bà nghĩ.



Henry Cabot Lodge.

*

Đến bốn giờ chiều, đài phát thanh ở Sài Gòn chính thức loan báo đảo chính. Danh sách các tướng tá đã về phía đảo chính cứ dài thêm. Mỗi cái tên vang lên như một nhát dao đâm vào tim bà. Hiệp lắng nghe những con người mà Diệm đã tin cậy và cất nhắc,

nay tuyên bố đứng vào hội đồng quân quản và lên án chế độ độc đoán của Diệm.

Cuối cùng, Ấm tắt đài. Ông nói: “Một số người có tên trong danh sách có khi chưa hẳn đã tham gia vào tập đoàn ấy.” Nhưng Hiệp hiểu rằng những ai còn trung thành với Diệm hẳn đã bị bắt hoặc bị giết.

Vệ binh Phủ Tổng thống vẫn kháng cự quyết liệt. Nhưng Hiệp biết rằng ngay khi phe đảo chính mở cuộc tấn công tổng lực, Diệm sẽ ra lệnh cho quân mình hạ súng. Giọng Diệm vẫn còn vang trong tai bà: “Quân lực của chúng ta có trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc. Họ không có trách nhiệm bảo vệ an ninh cá nhân của tôi.” Đó là điều Diệm vừa nói với bà chỉ vài ngày trước.

*

Hiệp sợ phải lên giường, sợ nằm trong bóng tối và ý thức rằng từng phút trôi qua là từng phút đưa họ gần thêm đến kết cục. Vẫn còn nơi nương náu là nhà nguyện.

Bà vào đó ngồi, và nhớ lại. Mới như hôm qua, Đồng Lý Ngự Tiền trên giường bệnh đã dặn Diệm phải phấn đấu cho độc lập dân tộc. Mới như hôm qua, Diệm cười khi đưa cho bà chiếc áo rách để vá. Bà cầu nguyện: “Lạy Chúa, con không hiểu ý định của Ngài. Nhưng xin cho ý Ngài được nên trọn.”

CHƯƠNG HAI MƯƠI CHÍN CÁI CHẾT CỦA MỘT VỊ TỔNG THỐNG

Sau Thánh lễ sớm, Thuận ghé nhà bà ngoại. Cấn ngồi với Thuận ngoài vườn, vẫn chưa hết hy vọng. Ông đang kể Thuận nghe rằng tình thế có thể bất ngờ đảo chiều, thì Đại úy Minh, sĩ quan phụ tá quân sự của Cấn, bất chợt bước vào.

Minh ghen lời vì xúc động. Cuối cùng anh mới nói được: “Họ đã giết Tổng thống và ông Nhu.” Cấn không hỏi Minh lấy tin ở đâu. Ông biết Minh sẽ không báo cáo nếu chưa kiểm chứng sự thật.

Cấn đứng dậy, khẽ gật với Thuận rồi đi vào nhà. Thuận quay sang Minh, nhẹ giọng hỏi: “Họ chết thế nào?” Minh nói: “Họ bị giết không lâu sau khi bị bắt trước một nhà thờ ở Chợ Lớn. Hình như họ được áp giải về Bộ Tổng Tham mưu Liên quân. Họ bị giết

trước khi đoàn xe áp tải tới nơi. Trên đài, các tướng đang gian dối loan báo rằng Tổng thống và ông Nhu đã tự sát. Không ai tin nổi lời dối trá trắng trợn ấy!”



Tổng thống Diệm bị sát hại.

*

Minh nhìn Thuận. Vị linh mục trẻ vẫn bình tĩnh, ít nhất là bề ngoài. Nhiều năm rèn luyện trong gia đình khiến ông luôn giữ tư thế ngay thẳng. Một lần nữa, Minh hiểu vì sao anh lại gần bó sâu sắc với Tổng thống, ông Nhu, ông Cần và cả gia đình họ. Họ như một giống nòi khác biệt. Họ đón nhận bị kịch giáng xuống mình bằng một sự bình thản gần như siêu phàm. Anh hỏi

Thuận: “Cha có muốn tôi báo tin dữ cho mẹ của cha không?” Thuận lắc đầu: “Cảm ơn lòng tốt của chú, nhưng con sẽ tự nói ngay bây giờ.”

Minh đi rồi; Thuận còn nán lại cho tới khi Cẩn từ trong nhà bước ra. Thuận hỏi: “Cậu đã nói với bà ngoại chưa?” Cẩn lắc đầu: “Rồi bà cũng sẽ biết sớm thôi.” Thuận nói với Cẩn: “Ở đây cậu không còn an toàn nữa. Cậu có muốn tạm thời lánh đi không?” Cẩn lại lắc đầu: “Tổng thống đã chết. Anh Nhu đã chết. Ta còn bận tâm gì chuyện sống còn của riêng mình nữa?” Khi Thuận quay đi, Cẩn dặn: “Hãy chăm sóc mẹ con cho tốt.”

*

Thuận không cần nói gì với cha mẹ. Ấm và Hiệp đã nghe tin trên đài. Họ không tin bản tin nói Diệm và Nhu tự sát. Nhưng họ tin rằng Tổng thống và ông Nhu đã chết. Thuận nói: “Con vừa ở chỗ cậu Cẩn. Cậu được Đại úy Minh báo tin dữ.”

Hiệp - có lẽ đã khóc trước đó - giờ bình tĩnh lại. Bà ngồi lặng lẽ một lúc, nghĩ về những người anh em của mình. Rồi, giọng bà vang vọng nổi đau trong tim, bà nói với Thuận: “Giờ cậu Diệm đã mất, mẹ có thể nói cho con một bí mật. Năm 1954, trước khi trở về Việt Nam để đảm nhận trách nhiệm Thủ tướng, cậu Diệm đã tuyên khẩn làm tu

sĩ Dòng Thánh Biển Đức. Tên tu của cậu là Odilo. Thánh Odilo là người đã thiết lập ngày 2 tháng 11 là Ngày Lễ Các Thánh, để tưởng nhớ tất cả những người đã khuất. Chính Thiên Chúa đã an bài cho anh Diệm của mẹ qua đời hôm nay.”

Thuận bàng hoàng trước lời mẹ, hỏi: “Sao trước đây mẹ không nói với tụi con về việc cậu Diệm là một tu sĩ?” Hiệp đi đến bàn, mang ra một bó thư. Bà lấy lá thư Diệm gửi bà đầu năm 1954, kèm lời khẩn viết tay của Diệm và bài thơ ông viết từ trước, đưa cho Thuận và nói: “Khi Tổng thống còn sống, mẹ bị ràng buộc bởi lời hứa giữ bí mật. Nhưng bây giờ cậu Diệm đã mất, con hãy làm điều con thấy nên làm với thông tin này.”

Thuận nhenh lại: “Vậy là bấy lâu nay cậu Diệm là người sống đời thánh hiến - một tu sĩ - đúng như mẹ nói ư?” Hiệp gật đầu: “Trên giường bệnh của cha mẹ, cậu đã khẩn hiến dâng đời mình cho Tổ quốc. Năm 1954, tại Đan viện Thánh Anrê, cậu lại khẩn hiến dâng đời mình cho Thiên Chúa. Cậu chưa bao giờ bội hai lời khẩn ấy.” Thuận thầm nghĩ: “Mẹ ơi, điều mẹ vừa nói chính là điều văn hay nhất cho ngày Tổng thống qua đời.”

Hiệp dẫn cả nhà vào nhà nguyện. Họ cùng đọc kinh Thánh Vịnh 130 (*De Profundis* - Từ

vực sâu), và giọng của Hiệp cất lên trong trẻo, mạnh mẽ. Thuận nhìn mẹ. Giờ anh hiểu vì sao mẹ luôn là trung tâm của gia đình. Ở khoảnh khắc khủng khiếp nhất đời mình, bà vẫn quỳ trước Thiên Chúa, không gục ngã, không khuất phục, gần như không rơi lệ.

Anh cố tập trung vào những lời cầu cho linh hồn các cậu được yên nghỉ. Trong tâm trí, anh thấy bức *La Pietà*¹ mà anh đã ngắm hàng giờ ở Rôma. Anh cảm được nỗi đau không thuộc về người phạm nơi mẹ, thế nhưng trên gương mặt bà, anh chỉ thấy bình an. Đường như dẫn vật bên trong càng làm đường nét của bà thêm hiền hòa, mềm mại. Anh muốn bật hét: “Mẹ ơi, khóc đi, khóc đi! Đừng giữ hết nỗi đau ấy trong lòng!”

Hiệp ngược nhìn cung thánh. Trên chiếc bàn nhỏ đặt bên bàn thờ là ảnh của Diệm và Nhu. Trong ảnh, cả hai trông hạnh phúc hơn nhiều so với những năm gần đây. Bà nói: “Lạy Chúa, đối với những ai tin vào Chúa, sự sống không bị hủy diệt, nhưng được biến đổi; và khi cuộc lữ hành trần thế chấm dứt, họ đã có chốn cư ngụ vĩnh cửu trên Trời.”

¹ *La Pietà* (tiếng Ý: “Đức Mẹ sầu bi”; 1498–1499) là một tác phẩm điêu khắc thời kỳ Phục Hưng của Michelangelo Buonarroti, hiện đang được đặt trong Vương cung thánh đường Thánh Phêrô, Tòa thánh Vatican.

Bất chợt, một tiếng nấc bật ra, rồi tiếng nấc khác nối theo. Cuối cùng, bà để cho biển đau đón trong lòng vỡ bờ, xuyên qua bức tường kiên hãnh, phép tắc gia đình và một đời tự kỷ luật. Ấm nhẹ giọng bảo bà: “Cứ để nó trôi đi, Hiệp, cứ để nó trôi đi.”

Rồi biển đau thương lắng xuống. Hiệp tìm lại can đảm để tiếp tục cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin mở cửa cho anh em yêu dấu của con, ngôi nhà ánh sáng và bình an của Ngài, Amen.”

*

Đêm ấy, Hoàng Anh - con gái ông Hoàng - gọi điện. Bà cho biết chồng mình là Trần Trung Dung, cùng bà và con gái của Hiệp là Niệm (đang sống ở Sài Gòn), đã được các tướng yêu cầu đến Bệnh viện St. Paul để nhận dạng thi thể. Bà xác nhận Tổng thống và ông Nhu đã qua đời.

Hiệp - từ sau tang lễ của ông Hoàng tháng 8 năm 1959 chưa gặp lại Hoàng Anh - nói rằng bà trân trọng cuộc gọi. Hoàng Anh nói tiếp: “Tổng thống bị bắn vào đầu, cậu Nhu cũng vậy.”

Trần Trung Dung cầm máy từ tay vợ. Ông nói: “Các tướng nói dối khi bảo Tổng thống và ông Nhu tự sát. Tối nay, ảnh chụp thi thể Tổng thống và ông Nhu với tay bị trói quặt ra sau đang được rao bán cho phóng viên nước

ngoài. Họ làm sao có thể tự sát khi tay bị trói sau lưng được.”

Hiệp ghi nhận cơn giận trong giọng Dung. Ông - người đã ủng hộ Diệm từ năm 1947, và ‘chọn phe’ với đảng của Diệm năm 1953 - từng giữ ghế bộ trưởng từ 1954 rồi sau đó từ chức. Hiệp mừng khi thấy Dung vẫn trung thành với Tổng thống.

Bà hỏi: “Ai ra lệnh sát hại Tổng thống?” Dzung đáp: “Nhiều tướng muốn Tổng thống chết. Tất cả bọn họ, với tư cách tập thể, đều phải chịu trách nhiệm. Tôi tin chắc các tướng Dương Văn Minh, Mai Hữu Xuân và Trần Văn Đôn là những người trực tiếp ra lệnh thủ tiêu Tổng thống.”

Hoàng Anh trở lại đường dây: “Chúng cháu lo cho các con của cậu Nhu, đã lên Đà Lạt ba ngày trước. Trắc, Quỳnh và Quyên đi Đà Lạt một mình. Chúng cháu cũng lo cho cậu Cần. Mong dì và bà ngoại được bình an.”

Hiệp bảo Hoàng Anh đừng lo cho bà Ngô Đình Khả và cho chính bà. Bà nói Lãnh sự quán Hoa Kỳ đã gặp các phụ tá của ông Cần và đề nghị đưa ông vào Sài Gòn để an toàn. Khi ông Cần ngần ngại chỉ đi nếu có mẹ đi cùng, phía lãnh sự nói họ cần tham khảo ý kiến Sài Gòn trước. Từ đó, ông Cần không còn nghe thêm hồi âm nào.

Hiệp nghĩ về các con của ông Nhu. “Thật khùng khiếp với lũ trẻ khi hay tin cha qua đời. Chúng ở Đà Lạt chỉ có nhau. Chúng còn quá nhỏ để đơn độc; Trắc lớn nhất mới mười lăm, Quỳnh mười một, còn bé Quyên chỉ bốn tuổi. Giờ chúng ta có thể làm gì cho chúng đây?” Hiệp tự hỏi. Bà nhớ bọn trẻ: Trắc rất già dặn, có tố chất thủ lĩnh; Quỳnh, em trai, đã là tay săn bắn giỏi như anh. Còn Quyên, cô bé hạt tiêu, thường mặc bộ đồ rằn ri dự các sự kiện cùng mẹ.

Bà nghĩ đến Lệ Xuân, mẹ của các cháu, và Lệ Thủy, cháu gái, đang ở Los Angeles. “Chắc họ tan nát cõi lòng lúc này. Rồi điều gì sẽ đến với họ?” Hiệp tự hỏi.

*

Sáng hôm sau, Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Huế nói rằng họ vẫn chưa nhận được hồi âm từ Sài Gòn. Hiệp thúc giục Cẩn lánh đi và để bà lo liệu cho bà Ngô Đình Khả.

Hiệp chợt hiểu ra rằng, bất kể lời hứa nào của phía Lãnh sự, thì số phận đã an bài: Cẩn sẽ bị giao vào tay các tướng ngay khi đặt chân đến Sài Gòn. Cẩn đã làm rắc rối thêm cho Lãnh sự quán ở Huế khi yêu cầu được đi cùng với mẹ. Theo một nghĩa nào đó, đòi hỏi thăm đăm đạo hiếu ấy của Cẩn đã đặt ông Lodge ở Sài Gòn và ông Hebble, Lãnh sự Mỹ tại Huế, vào một thế kẹt chính trị lớn.

Cả Lodge lẫn Hebble đều không muốn cứu mạng Cẩn. Lodge quyết giao ông cho các tướng ở Sài Gòn. Nhưng ông ta không hề có ý định đen tối gì với bà cụ đau yếu, bà Ngô Đình Khả. Một cách vô tình, Cẩn đã phá vỡ những sắp đặt định trước khi nhất quyết đi cùng mẹ. Những người dự tính giao ông cho các tướng giờ phải đối mặt với câu hỏi: sẽ xử trí thế nào với bà Ngô Đình Khả.

Cẩn xách một chiếc cặp nhỏ và đến Dòng Chúa Cứu Thế. Chính nơi đây, năm 1946, Hoàng hậu Nam Phương từng lánh nạn. Cẩn ở đó trong cảnh bảo vệ nghiêm ngặt nhất.

Rồi trung tướng Trần Văn Đôn tới Huế và cho biết với phía Mỹ tại Lãnh sự rằng đã có giải pháp. Các tướng Việt Nam sẽ đưa bà Ngô Đình Khả, cùng Hiệp và chồng bà, bằng máy bay quân sự Việt Nam, trong khi Cẩn sẽ đến Lãnh sự quán Hoa Kỳ, rồi bay vào Sài Gòn trên một máy bay của Mỹ. Ông sẽ được hứa cho xuất cảnh an toàn, có nhân viên lãnh sự tháp tùng, nhưng thực tế khi về tới Sài Gòn, ông sẽ lập tức bị giao cho các tướng.

Khi tướng Trần Văn Đôn yêu cầu Hiệp tháp tùng mẹ vào Sài Gòn, bà biết mình không thể phản đối. Bà hiểu đó không phải là đề nghị mà là mệnh lệnh. Rồi Huế là điều đau đớn tột cùng với bà, nhưng nghĩ sao được cho

riêng mình khi cả Diệm và Nhu vừa vẫn số bi thảm? Dầu vậy, bà sợ rằng, đưa mẹ theo mình sẽ khiến viên chức Lãnh sự ở Huế dễ bề giao Cẩn vào tay tập đoàn tướng lĩnh, bất kể họ hứa gì.

Đôn tìm cách trấn an Hiệp nhưng chỉ khiến bà càng chắc đây là một chiếc bẫy. Đôn nói: “Bọn tôi sẽ lo cho cậu Cẩn. Sẽ gặp cậu ở Sài Gòn và đưa cậu đi nước ngoài.” Chữ “bọn tôi” mà Đôn dùng ám chỉ rõ ràng là các tướng. Thấy Hiệp lo lắng, Đôn lặp lại lời hứa: “Tôi sẽ bảo đảm đưa cậu ấy ra nước ngoài an toàn.”

Bao lời hứa đã bị bội? Bao điều dối trá đã được nói ra? Hiệp hiểu điều duy nhất bà có thể làm là nhìn thẳng vào mắt Đôn và nhắc: “Tình bạn giữa anh trai tôi, cậu Cẩn, và ông bắt đầu từ năm 1951. Trước khi anh Diệm trở về Việt Nam, Cẩn đã làm việc với ông. Xin đừng phản bội cậu ấy.”

Bị chạm tự ái, Đôn quay nhìn chỗ khác và nói: “Không ai sẽ làm gì hại tới cậu Cẩn. Chúng tôi đã hành động với Tổng thống trong sự miễn cưỡng. Không ai trong chúng tôi muốn ông ấy chết. Tôi không lường được vụ sát hại. Nó gần như là một tai biến. Rồi một ngày kia bà sẽ biết ai làm. Bà sẽ thấy tôi không dính dáng gì.”

Cơn giận dâng lên trong Hiệp. Bà đã cố

giữ bình tĩnh và phẩm giá. Lời của Đôn chạm phải một điều gì đó khiến bà quay lưng lại, nói khẽ nhưng dứt khoát: “Tổng thống đã chết. Ai giết ông? Ai ra lệnh giết ông? Những câu hỏi ấy sớm muộn sẽ được trả lời trọn vẹn. Phần của ông hay của bất kỳ ai trong cái chết ấy - bè bạn hay thù địch - cũng sẽ được biết. Khi mọi sự được phơi bày, có lẽ chẳng ai trong chúng ta được xem là vô can.”

Đôn hắng giọng rồi nói: “Có thể bà nói đúng. Ưu tiên của tôi bây giờ là an toàn của mẹ bà, của chính bà, rồi đến cậu Cần. Mọi chuyện khác sẽ còn nhiều thời gian.”

Hiệp đưa Đôn ra cửa. Với tất cả sự trang nghiêm, bà nói: “Cảm ơn sự quan tâm của ông về an toàn của chúng tôi. Tuy nhiên, theo tôi, mối bận tâm lớn hơn phải là làm sao gìn giữ những gì Tổng thống đã làm cho đất nước.”

Đôn có vẻ định đáp lời, nhưng ngập ngừng, rồi cuối cùng nói, giọng thuyết phục: “Để nói cho rõ, tôi muốn bà biết tôi không muốn giết Tổng thống. Tôi không dự phần vào vụ sát hại ấy. Tôi rất ân hận vì tội ác đó đã xảy ra. Nếu bà muốn biết kẻ cầm súng hạ sát ông, tôi có thể nói ngay bây giờ. Đó là đại úy Nguyễn Văn Nhung, tùy viên của tướng Dương Văn Minh. Hắn cũng chính là người đã bắn ông Nhu đến chết.”

Hiệp rùng mình ghê tởm. Bà biết cái tên ấy. Năm 1956, sau khi tướng Hòa Hảo Lê Quang Vinh bị bắt và kết án tử hình, Diệm đã nói với bà về Nguyễn Ngọc Thơ, Dương Văn Minh và Nguyễn Văn Nhung.

Bà hỏi: “Có phải cũng chính Nguyễn Văn Nhung đã xúc phạm thi hài tướng Lê Quang Vinh không?” Đôn gật đầu: “Đúng. Hắn ta đấy. Hắn cho đào xác tướng Lê Quang Vinh lên, chặt ra từng khúc và ném rải hàng trăm nơi để người Hòa Hảo không thể thu hồi. Hắn là kẻ đã giết ít nhất bốn mươi mạng người.”

Sau khi Đôn rời đi, Hiệp đứng bất động rất lâu. Bà đã không hỏi Đôn Tổng thống chết thế nào, ai đã giết ông. Bà không trách ông vì là một lãnh đạo của cuộc đảo chính. Bà không tỏ ra chút yếu mềm nào. Thế nhưng, bà biết mình sẽ phải tìm ra kẻ đã giết Diệm. Bà hiểu rằng nếu không biết ai là những kẻ sát hại, tâm trí bà sẽ không bao giờ yên. Bà cũng biết màn đổ lỗi đã bắt đầu giữa các tướng lĩnh đảo chính và đám tay chân bậc dưới. Bà hiểu rằng nếu muốn một ngày biết được sự thật, bà sẽ phải thận trọng nhận diện những lời dối trá thế nào rồi cũng sẽ được bày ra như thế là sự thật.

Trong tim bà bùng cháy mối bận lòng về di sản mà ông Diệm để lại. Cái chết của ông

Diệm có lẽ sẽ dễ chấp nhận hơn đôi chút nếu nó không đồng nghĩa với việc mọi thành tựu của ông tan biến. Chán nản, bà cảm thấy đó chỉ là ước nguyện viễn vông: sớm muộn gì di sản của ông Diệm cũng sẽ bị xóa sạch. Bà siết chặt nắm tay khi một tiếng thét dài dâng từ trái tim, vọng qua từng thớ thịt: “Không! Đừng thế! Xin đừng thế! Anh ấy đã chết vì những gì anh cố làm cho đất nước. Xin đừng phá hủy cả công trình của anh nữa!”

Một luồng gió thổi lao xao ngọn cây. Con quần thảo trong Hiệp bỗng được thay bằng một cảm giác bình an. Từ miền hoang tàn của cõi lòng, những rung động nhẹ nhàng trỗi dậy, mang lại mầm mống của bình an và hy vọng. Không, công việc của ông Diệm không phải đều uổng phí. Di sản của ông sẽ còn, bất kể tương lai trước mắt ra sao.

Hiệp trở về nhà và thu xếp hành lý. Chưa đầy một giờ sau, bà và Ấm đã sẵn sàng bỏ lại tất cả để lên chuyến bay quân sự vào Sài Gòn, cùng người mẹ đang ốm yếu.

*

May thay, bà Ngô Đình Khả gần như không còn nhận thức trọn vẹn về thảm kịch giáng xuống gia đình. Bà hầu như không biết chuyện gì đang xảy ra khi người ta quần ấm cho bà và đưa lên chiếc máy bay quân sự chở vào Sài

Gòn theo lệnh các tướng. Tiếng ồn của máy bay làm bà khó chịu. Độ cao làm tai bà đau, nhưng bà ngược nhìn Hiệp như muốn trao cho bà sự an ủi. Hiệp ôm chặt lấy mẹ và cầu xin Chúa đừng để mẹ hiểu hết mức độ thảm kịch. Nhưng đôi mắt của vị mẫu thân là đôi mắt thấu suốt. Không điều gì thực sự lọt khỏi đôi mắt ấy.

Vài ngày nay bà Ngô Đình Khả không thấy Căn ở bên. Vì không thấy Căn, bà biết đã có điều chẳng lành. Bà nhìn Hiệp, mắt đầm lệ. Bà cố nói gì đó. Nhưng chỉ có Căn mới hiểu bà nói. Hiệp ôm mẹ siết chặt. Máy bay chao vào vùng thời tiết xấu, nhiễu động như kéo dài vô tận. Hiệp, trong những khoảnh khắc ôm chặt mẹ vào lòng, cảm thấy đời bỗng quá dài, quá không thể chịu đựng.

Rồi bà chợt nhớ. Lúc ấy Căn đang ở trên một chuyến bay khác, đưa ông đến với những “bằng hữu hôm qua” - những kẻ thù của hiện tại. Không, bà không thể nghĩ đến nghỉ ngơi hay cái chết. Phía trước vẫn còn một cuộc chiến. Bà phải chiến đấu cho sự sống còn của Căn. Dần dần, trên chuyến bay đó, bà bắt đầu chấp nhận thực tế đắng cay rằng các tướng lĩnh và Hòa thượng Thích Trí Quang sẽ không bao giờ để Căn sống.

Khi tới sân bay Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn,

con trai họ là Nguyễn Văn Tuyên - lúc ấy là Đại úy - cùng con gái Niệm và chồng của Niệm là Brian Smith ra đón. Trên quãng đường dài từ sân bay về nhà, cả Tuyên lẫn Niệm đều ít nói, nhưng cha mẹ cảm nhận rõ trong lòng họ đang sôi sục.

Về tới nhà, Tuyên thu xếp phòng riêng cho bà ngoại và cho cha mẹ. Sau khi lo cho bà Ngô Đình Khả được yên chỗ, mọi người xuống phòng khách nhỏ để chuyện trò.

Niệm mở lời rằng cô, cùng Trần Trung Dzung và Hoàng Anh, đã đến Bệnh viện St. Paul ngày 2 tháng 11 để nhận dạng thi thể của Diệm và Nhu. Cô nói: “Con nhận ra họ. Mỗi người bị bắn một phát vào sau đầu, mỗi người một viên. Không có vết thương, rách rảng hay bầm dập nào khác. Nhiều người bây giờ đồn rằng cậu Nhu bị đâm. Con không thấy dấu vết nào của dao đâm. Người khác lại nói Tổng thống có vết bầm, bị đánh trước khi bị bắn. Con không thấy vết bầm nào.”

Hiệp hỏi: “Thật sự có thể nhận ra chứ? Vết thương ở đầu có thể làm biến dạng khuôn mặt lắm.” Niệm đáp ngay không do dự: “Con nhận ra rất dễ. Cô Hoàng Anh và chú Trần Trung Dzung cũng vậy.” Tuyên nói thêm: “Con đã tới nơi các tướng chôn Tổng thống và cậu Nhu. Con đã tới đó hai lần rồi. Họ không cho

con đặt vòng hoa lên mộ, nhưng con có thể đến chỗ ấy lúc nào con muốn.”

Ấm hỏi: “Ngoài những gì báo chí đưa tin, con có biết thêm điều gì về cuộc đảo chính và vụ ám sát Tổng thống không?” Niệm và Tuyên nhìn nhau, rồi Tuyên nói: “Có. Bọn con đã gom được khá nhiều thông tin qua trò chuyện với các sĩ quan hiện trường tham gia đảo chính. Về phần mình, anh Brian đã nói chuyện với người của nhiều sứ quán, đặc biệt là các nhà ngoại giao Mỹ. Cha Trần Từ Nhân và cha Thịnh ở Dòng Chúa Cứu Thế cũng trao đổi với các tướng tá. Cô Hoàng Anh và chú Trần Trung Dzung đã liên lạc rộng rãi với giới ngoại giao và tướng lĩnh. Con cũng đã kịp nói chuyện với hai sĩ quan tùy viên của Tổng thống trước khi họ bị bắt.”

Hiệp nói: “Lúc này ta không cần điểm lại hết chi tiết. Mẹ chỉ muốn các con trả lời vài câu hỏi cụ thể. Thứ nhất, ngoài tướng Dương Văn Minh, ai là những người cầm đầu đảo chính?”

Tuyên có vẻ ngạc nhiên vì câu hỏi. Anh nói: “Hầu như toàn bộ các chỉ huy quân sự đã nhanh chóng ngả sang phía đảo chính, trừ những người bị giết hoặc bị khống chế ngay từ đầu. Hải quân đại tá (hạm trưởng) Hồ Tấn Quyền, Tư lệnh Hải quân, bị hai phụ tá thân

cận nhất của mình - Thiếu tá hải quân Lữ và Trung úy hải quân Giang - giết hại.”

Hiệp ngắt lời Tuyên hỏi: “Họ giết anh ấy thế nào?” Tuyên ngạc nhiên vì mẹ muốn biết tường tận, nhưng vẫn đáp: “Ngày 1 tháng 11 là sinh nhật đại tá Quyền. Vâng, con biết, cũng là sinh nhật cậu Cần. Sáng sớm, Lữ và Giang vào mời đại tá ra Thủ Đức. Họ bảo đã sắp xếp bữa trưa mừng sinh nhật. Bà Quyền đang ở nước ngoài, nên đại tá không thấy lý do gì để không đi. Hai người chở chỉ huy của mình lên xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa. Dọc đường, họ nói với đại tá về cuộc đảo chính sắp diễn ra và đề nghị ông tham gia. Đại tá Quyền rất giận. Ông bảo họ dừng xe và bắt đầu quở trách.”

Hiệp nói: “Lòng trung thành của đại tá Quyền là không phải bàn cãi. Hải quân của anh ấy đã bắn rơi một trong hai chiếc máy bay ném bom Dinh ngày 27 tháng 2 năm 1962. Mẹ còn nhớ Tổng thống đã khen đại tá Quyền hết lời!”

Tuyên nói tiếp: “Ông nói sẽ không bao giờ phản bội Tổng thống. Ông bảo họ tỉnh trí lại và đi với ông về bộ chỉ huy để dập tắt đảo chính. Khi đang nói, ông thấy hai người bạn, cũng là phụ tá thân tín, nhìn nhau ra hiệu. Ông biết họ sắp giết mình nên mở cửa phóng

xuống và chạy. Lữ đuổi theo và bắn chết ông. Họ bỏ xác đại tá bên lề xa lộ rồi quay về Sài Gòn báo cáo cho phe đảo chính.”

Hiệp hỏi: “Phe đảo chính không tiếc thương cái chết của ông ấy sao? Dù sao cũng là một đồng đội xuất sắc. Họ không rơi một giọt nước mắt ư?” Tuyên nói: “Con chỉ biết là vụ sát hại vào sáng sớm 1/11 đã thúc đẩy đảo chính sớm hơn. Bọn họ sợ cái chết của ông sớm bị lộ, nên phải ra tay trước kế hoạch.”

Hiệp hỏi tiếp: “Còn ai bị giết nữa?” Tuyên đáp: “Đại tá Lê Quang Tung, Tư lệnh Lực lượng Đặc biệt, và Thiếu tá Lê Quang Triệu, em ông, bị sát hại theo lệnh phe đảo chính ngay bên ngoài Bộ Tổng Tham mưu Liên quân.”

Hiệp nói: “Ba người ấy sẽ luôn được tưởng niệm cùng Tổng thống và cậu Nhu trong mọi lễ giỗ. Còn ai khác không?” Tuyên miễn cưỡng thưa: “Có, khi phòng thủ Dinh Gia Long và Thành Cộng Hòa, nhiều người đã hy sinh.” Hiệp nói: “Cố gắng thu thập đầy đủ tên tuổi họ; gia đình và bạn hữu, ta sẽ tưởng niệm họ như nhau.”

Hiệp hỏi: “Ai bị bắt trong cuộc đảo chính?” Tuyên nói: “Theo con biết, có đại tá Nguyễn Ngọc Khôi - Chỉ huy Lữ đoàn Vệ binh Phủ Tổng thống; đại tá Cao Văn Viên; thiếu tá

Trần Cửu Thiên; trung tá không quân Huỳnh Hữu Hiền, Tư lệnh Không quân...”

Hiệp hỏi: “Họ có bị đối xử tệ không?” Tuyên nói: “Trừ đại tá Cao Văn Viên - bạn thân của tướng Trần Thiện Khiêm - còn lại đều bị công tay.” Ấm xen vào: “Ta còn cả một đời để lần tìm mọi ngõ ngách của vụ đảo chính: ai là kẻ cầm đầu thực sự, ai làm gì trong cuộc, ai ra lệnh giết Tổng thống và cậu Nhu; ai biết lệnh trước khi thi hành, ai bóp cò, ai nhảy lên xác họ, ai khóc trên đó. Giờ nghỉ một lát đã.”

Hiệp gật đầu. Thế giới trước mắt bà trống rỗng. Hai mối bận tâm níu bà đứng vững: mẹ của bà và số phận của Cần. Bà cũng muốn biết từng chi tiết nhỏ nhất về cuộc đảo chính và vụ sát hại các anh em. Bà ngược nhìn và nghĩ: “Lạy Chúa, con phải biết. Không phải để trả thù cái chết của họ. Báo oán là việc của Ngài, không phải của con. Nhưng con phải biết thì mới tìm lại được bình an trọn vẹn trong tâm hồn.”

Tuyên, Niệm và Brian nhìn bà, chờ điều bà mong muốn. Hiệp nói: “Cha các con nói đúng. Phần đời còn lại của chúng ta là để lần cho ra hết mọi chuyện về cuộc đảo chính và cái chết của các cậu. Và cũng là để cầu cho những gì các cậu làm được còn sống sau khi các cậu qua đời.”

*

Sáng hôm sau, Hoàng Anh và Trần Trung Dung đến để kể cho Hiệp những gì họ biết về cuộc đảo chính và các vụ sát hại. Trước hết, Hoàng Anh báo rằng con của ông Nhu đã an toàn ở Rôma. Hai ngày trước, vào 4 tháng 11, Hoàng Anh đã gặp được Trắc, Quỳnh và Lệ Quyên - các con nhỏ của ông Nhu - tại Bộ Tổng Tham mưu ở Tân Sơn Nhất. Sau đó, bà tiễn các em lên đường: bay sang Bangkok rồi đi Rôma đoàn tụ với bà Nhu, đang chờ ở đó. Họ rời Sài Gòn lúc 7 giờ 30 ngày 4 tháng 11, trên chuyến bay của Asia Pacific, có một viên Lãnh sự Hoa Kỳ tháp tùng.

“VẬY là các con của ông Nhu đã an toàn,” Hiệp nghĩ. Cũng như con cái của chính bà, như con của Hoàng Anh, con của Giao ở Huế và của Luyện ở châu Âu. Tất cả đều an toàn. Trong khi Hoàng Anh lên lầu thăm bà ngoại, Hiệp thầm dâng lời tạ ơn.

Câu chuyện của Dung về cuộc đảo chính rất chi tiết. Ông như nắm rõ vai trò từng người cầm đầu trong suốt hai ngày định mệnh. Hiệp hỏi: “Vì sao các tướng lại tin cậy nói với anh? Dù sao, anh cũng là chồng của một người cháu Tổng thống.”

Dung cười: “Tôi có chút ‘đòn bẩy’ với tướng Dương Văn Minh.” Hiệp đã nghe nói: sau khi

tướng Dương Văn Minh tiến vào tổng hành dinh Bình Xuyên ở Rừng Sác, có tin đồn ông đã lấy một phần tiền thu được của đám giang hồ sông rạch. Sau đó, vài sĩ quan của Minh mang bằng chứng lên Bộ Quốc phòng tố cáo ông. Khi ấy, Minh đang chỉ huy quân chính phủ truy kích quân Hòa Hảo nổi loạn, và Tổng thống Diệm đã yêu cầu Dzung - lúc đó là Bí thư Bộ Quốc phòng - đừng làm ầm ĩ. Người ta bảo Dzung giữ hồ sơ ấy bên mình, ngay cả sau khi rời bộ.

Dzung kể lại sự do dự của vài nhân vật then chốt như đại tá Thiệu, người sáng 1 tháng 11 còn đến gặp ông Nhu để cảnh báo về một cuộc đảo chính đang hình thành. Dzung nói: “Lúc đó, Thiệu đã đưa sự đoàn của mình áp sát ngoại vi Sài Gòn.”

Ông thuật lại sự quả cảm của Vệ binh Phủ Tổng thống: “Thiếu tá Duệ, chỉ huy đơn vị trong lúc đại tá Khôi bị bắt tại Bộ Tổng Tham mưu, xin Tổng thống cho tấn công Bộ Tổng Tham mưu để bắt gọn bọn cầm đầu đảo chính. Nhưng Tổng thống từ chối, nói rằng ông không muốn đổ máu.”

Dzung kể khoảnh khắc Tổng thống Diệm và ông Nhu rời Dinh dưới sự hộ tống mỏng, có Cao Xuân Vỹ, Phó Trưởng ban Thanh niên Cộng hòa trung thành, đi theo; và khoảnh

khắc các tướng hay tin họ thoát ra. Ông cười khẩy: “Bọn tướng tá hoảng loạn. Một lúc ai nấy đều nghĩ phải chạy. Rồi họ quay ra đổ lỗi cho nhau. Giữa phường trộm cướp chẳng có danh dự nào cả.”

Hiệp nói với Dzung: “Tôi thực sự muốn biết tất cả những gì đã xảy ra - trong và sau cuộc đảo chính. Mong một ngày anh kể cho tôi mọi điều anh biết. Nhưng lúc này, tôi cần đến nhà thờ cầu nguyện cho các anh.”

Dzung và Hoàng Anh nâng đỡ tinh thần của Hiệp. Họ là số ít người từng gần với chế độ cũ mà không bị tê liệt vì sợ hãi hay bất loạn sau đảo chính. Một chiến dịch khủng bố đã khởi sự, nhằm vào bất cứ ai từng trung thành với Diệm. Một cuộc lùng bắt phù thủy nhằm vào đảng Cần Lao và rộng hơn là giới Công giáo cũng bùng lên.

Đồng thời, một chiến dịch được dàn dựng kỹ lưỡng để bôi nhọ ông Diệm được tiến hành bởi phóng viên nước ngoài, báo chí địa phương và các nhà hoạt động Phật giáo Ấn Quang. Chỉ sau một đêm, ông Diệm bị gán danh là một trong những nhà độc tài tệ hại nhất mà thế giới từng biết.

Hiệp không ngạc nhiên vì sự hung hãn của những đòn tấn công nhằm vào ông Diệm, các em khác của bà và Lệ Xuân, nhưng chiến

dịch thù hận ấy vẫn gây cho bà nỗi đau đớn khôn cùng.

*

Ngay cả Lệ Thủy, con gái lớn của ông Nhu, cũng không được tha. Đại tá Đỗ Mậu lấy được nhật ký của cô và lập tức gửi cho các tờ báo địa phương đăng theo kỳ.

Trước làn sóng chú ý khổng lồ quanh việc công bố nhật ký của Lệ Thủy, cùng những hứa hẹn về “chuyện giết gân” sẽ còn xuất hiện ở các kỳ sau, Hiệp lo lắng khôn nguôi cho cháu gái. Một cô gái mới mười chín tuổi có thể đã viết gì trong nhật ký chứ?

Bất chấp mọi lời “hứa hẹn”, bất chấp việc toàn bộ nhật ký được in, không có gì dung tục trong đó. Qua trang viết, người ta chỉ thấy một thiếu nữ trong sáng, quan tâm đến vận nước nhiều hơn bản thân. Có thể vài quan điểm của cô bị chê là quá bảo thủ, thiếu mềm dẻo, nhưng xét cho cùng, cuốn nhật ký làm vinh danh nền giáo dục cô nhận được từ cha mẹ.

Hiệp nghe nói nhật ký của Lệ Xuân đã rơi vào tay tướng Nguyễn Khánh, và ông thường mang theo bên mình. Người ta kể ông đôi khi đọc một câu trong nhật ký rồi bình với bạn. Qua bạn bè, Hiệp cố thuyết phục tướng Khánh trả lại nhật ký cho em dâu. Bà không bao giờ thành công. Tướng Nguyễn Khánh

vẫn giữ cuốn nhật ký, thỉnh thoảng lại đọc một câu trong đó. Hiệp ghi nhận việc ông không để nó lọt vào tay kẻ xấu và chưa từng dùng nó chống lại Lệ Xuân. Bà hy vọng, cũng như nhật ký của Lệ Thủy, cuốn của Lệ Xuân được viết để ghi lại những lời minh triết, các cuộc đàm thoại thú vị, cảm nhận về sách hay phim, và những nhận định thời cuộc.

Việc tịch thu tài sản nhà Ngô Đình không tìm ra điều gì tổn hại đến danh dự của họ. Báo chí - khát tin giật gân về nhà Ngô, nhất là về Lệ Xuân - đã lục tìm mọi nơi từng là chỗ ở của các thành viên gia đình, nhưng không moi được gì để hâm nóng dư luận. Thế mà phóng viên ngoại quốc, các tướng tá, đại tá, cũng như một số nhà hoạt động Phật giáo vẫn tiếp tục bôi nhọ họ; kẻ khác dùng ám chỉ xỏ xiên và khẩu hiệu để kéo danh dự họ xuống bùn.

*

Sống ở Sài Gòn với người mẹ bệnh trọng, trong nhà con trai, Hiệp sớm chấp nhận hiện thực mới. Ban đầu chỉ có ít người tới thăm. Rồi dần dần đông hơn. Phần lớn những người đến sớm nhất đều mang nỗi tang thương như bà: chồng hay cha họ từng ở “chế độ cũ” và đã bị giam tù sau đảo chính, không xét xử. Tội “lớn” nhất của họ, thường chỉ là lòng trung thành với cố Tổng thống.

Người Công giáo bị gom chung với đảng Cần Lao và liên tục bị một số tờ báo công kích. Một vài nhà sư công khai giảng dạy lòng thù hận với Kitô giáo.

Vòng tròn khách thăm của Hiệp mỗi ngày một nói rộng. Chỉ trong hai tuần, số người bà tiếp mỗi ngày chẳng kém gì ở Huế, khi các anh em bà còn nắm quyền.

Ngoài đại tá Đặng Văn Quang đã đến thăm Hiệp và Ấm ngay từ ngày đầu họ vào Sài Gòn, ngày càng nhiều sĩ quan quân đội đến viếng và tỏ lòng kính trọng.

Về giới chính khách, ngoài Trần Trung Dzung, cũng khá đông nam nữ đang ở trong chính quyền mới đến trấn an, bày tỏ tình bằng hữu.

Hiệp chăm chú lắng nghe nhưng ít nói. Bà muốn biết hết về những ngày cuối đời của các anh, muốn nói các sự chỉ lớn nhỏ đã dẫn đến sự sụp đổ của Đế Nhất Cộng Hòa. Bà cũng muốn biết phần nào trong di sản xã hội và chính trị mà ông Diệm để lại sẽ còn trụ vững.

*

Hiệp nhìn chăm chăm vào radio. Sài Gòn mới bảy giờ sáng. Ấm vừa bật đài cách một phút. Tổng thống Hoa Kỳ đã bị bắn trước đó và nay được tin là đã qua đời.

Hiệp quay nhìn chồng. Ấm chờ đợi, miệng

lầm bầm: “Không thể nào! Không thể nào!” Hiệp chạy về phòng, quỳ sụp và cố cầu nguyện. Bà không hiểu vì sao tuyệt vọng lại nhói buốt đến thế. Phải chăng bà hy vọng Tổng thống Kennedy sẽ sống để nói cho thế giới rõ hơn về cuộc đảo chính chống Diệm? Phải chăng bà hy vọng Kennedy sẽ can thiệp cho Cần? Phải chăng bà vẫn không tin Kennedy đã trực tiếp nhúng tay vào việc lật đổ ông Diệm?

Từ khi các anh em mất, bà chỉ thoáng nghĩ về Kennedy. “Giờ ông ấy cũng đã chết,” bà buồn bã nghĩ. Diệm - Tổng thống Công giáo đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa - chết mới ba tuần trước, với một viên đạn vào đầu. Nay Kennedy - Tổng thống Công giáo đầu tiên của Hoa Kỳ - cũng chết, cũng vì một viên đạn vào đầu. “Có sự song hành nào ở đây không?” Hiệp tự hỏi. Người anh cả của Kennedy cũng đã chết trong chiến tranh.

Khi cầu nguyện cho Kennedy, cơn giận dâng lên trong lòng bà. Tâm trí như tra tấn bà bằng những câu hỏi xé ruột nhưng không lời đáp: “Vì sao - vì sao tất cả những giấc mơ, vì sao tất cả những cuộc tranh đấu? Vì sao bao hoài bão, kế hoạch, nỗ lực, những chiến thắng, những lời tung hô, những vinh quang và cả những thất bại? Để rồi sau cùng chỉ còn tuyệt vọng? Ông Diệm đã chết. Nay Kennedy

cũng chết. Bao nhiêu giấc mơ và thành quả của họ sẽ còn sống? Gương đời họ sẽ dẫn dắt được bao thế hệ mai sau?”

Điện thoại reo liên hồi. Hiệp biết Ấm sẽ lo nghe máy. Bà úp mặt vào gối và vẫn quỳ bên giường. Đầu óc quay cuồng khi cố gắng đối diện nỗi bi kịch mới; kiệt sức, bà chợp mắt.

Bà tỉnh dậy khi cảm nhận bàn tay Ấm khẽ lay vai. Ấm nói: “Mọi người gọi tới liên tục. Họ dường như thấy có mối liên hệ giữa cái chết của anh Diệm và Tổng thống Kennedy. Có người còn nói đó là công lý của Chúa. Vớ vẩn!”

Hiệp đứng dậy nhưng phải vịn vào Ấm. Bà lắc đầu: “Hoàn toàn nhầm nhí. Sao người ta dám nghĩ về Thiên Chúa như thế?” Bà biết vẫn sẽ có kẻ nghĩ vậy. “Phạm thượng,” Hiệp lầm bầm.

Ấm nói: “Có người gọi bảo rằng ba tuần trước, ngay sau khi hay tin Tổng thống mình và anh Nhu qua đời, Lệ Xuân đã nói với báo chí ở Los Angeles: ‘Máu của Tổng thống chúng tôi và chồng tôi đã đổ; nó sẽ nhuộm đỏ Tòa Bạch Ốc.’ Người gọi bảo Lệ Xuân đã nói tiên tri.” Lại Lệ Xuân! Hiệp bực bội. Lệ Xuân - một ‘nữ tiên tri’ ư?

Hiệp rùng mình: “Lệ Xuân rối loạn tinh thần. Cô ấy không biết mình đang nói gì. Mong cô ấy lúc này im lặng.”

Bà gọi cho Thục ở Napoli. Bà không bận tâm giờ giấc bên Ý - bà cần nói chuyện. Thục chưa ngủ. Suốt nhiều giờ, ông ngồi nghe đài. Ông nói: “Sáng nay, anh sẽ dâng lễ cầu cho linh hồn Tổng thống Kennedy. Anh sẽ nhờ Trắc, con cả của ông Nhu, giúp lễ.” Không ai trong hai người thấy có gì khập khiễng khi dâng lễ cầu hồn cho Tổng thống Kennedy; cũng không thấy điều gì sai khi để Trắc giúp lễ.



Tổng thống Mỹ Kennedy bị ám sát.

Hiệp hỏi: “Vì sao lại có cái chết này, anh Thục, vì sao?” Giọng Thục mệt mỏi: “Anh không biết, em Hiệp ạ. Anh không biết. Chỉ Thiên Chúa biết vì sao người công chính, người vô tội, người trẻ phải chết. Chỉ Thiên Chúa biết vì sao có những cái chết bạo lực.

Anh sẽ cầu nguyện cho ông ấy và cho hai anh em của chúng ta. Em biết đấy, anh đã tự hứa sẽ dâng lễ mỗi sáng cho chú Diệm và chú Nhu trong một tháng. Mới ba tuần thôi. Giờ anh sẽ dâng lễ cho cả ba người.”

Hiệp nói: “Ở Việt Nam bọn em chưa nghe mấy chi tiết. Bà Jacqueline Kennedy thế nào rồi?” Thục bảo: “Anh thấy bà ấy trên truyền hình. Kinh khủng lắm. Máu ông ấy dính đầy áo bà. Cầu cho bà ấy, em nhé, cầu cho bà ấy.”

Hiệp hỏi: “Lệ Xuân phản ứng thế nào trước cái chết của Tổng thống Kennedy?” Có một thoáng ngập ngừng, rồi Thục đáp: “Từ khi Tổng thống và chồng cô ấy mất, Lệ Xuân tuyệt vọng. Dù các con đang ở bên, cô ấy vẫn không ổn. Cô gửi một bức điện rất nặng nề cho bà Kennedy. Cô dĩ nhiên gửi lời chia buồn, nhưng kết bức điện bằng câu rằng giờ đây bà Kennedy hẳn đang cảm thấy điều mà cô đã cảm thấy khi Tổng thống của cô và chồng cô bị sát hại.”

Nghẹn ngào, Hiệp kêu lên: “Sao cô ấy có thể viết một bức điện như thế! Cô ấy không thể gửi bức điện ấy nhân danh gia đình ta!” Thục trấn an: “Không, cô ấy viết cho riêng mình. Khi nghe chuyện, anh đã tự gửi điện cho bà Kennedy thay mặt gia đình.” Một lát sau, Thục hỏi: “Mẹ thế nào? Mọi người bên đó ra sao?”

Dù bà Ngô Đình Khả đang đi vào cơn hôn mê có vẻ là cuối cùng, Hiệp vẫn nói: “Mọi người gắng gượng trong hoàn cảnh này. Mẹ yếu dần. Con gái em, Niệm, vừa sinh một bé gái rất xinh mấy giờ trước, đặt tên là Kim Lan (Golden Orchid).”

Thục kêu lên: “Đấy thôi! Bà ngoại rồi! Phép màu của sống và chết! Ngày cả thế giới bàng hoàng vì cái chết của Tổng thống Kennedy thì trong gia đình mình một đứa trẻ chào đời.”

CHƯƠNG BA MƯƠI MIỀN NAM VIỆT NAM BỊ KHUẤT PHỤC

Tháng 1 năm 1964, Đại sứ Lodge nói với các phóng viên rằng ông đang nỗ lực rèn luyện các tướng lĩnh Việt Nam thành những nhà chính trị và quân nhân thành công. Ảnh của Đại sứ hầu như ngày nào cũng xuất hiện trên các báo Sài Gòn.

Báo chí, không bình luận, đăng tin Đại sứ đã chỉ thị cho các tướng trang bị và huấn luyện lực lượng Hòa Hảo và Cao Đài. Họ cũng đưa rằng các tướng không phản đối. Thế là, sau quá nhiều công sức để giải tán họ, và sau những tổn thất sinh mạng khủng khiếp năm 1955, các đạo quân giáo phái lại trở về. Trớ trêu thay, Dương Văn Minh, người từng góp phần dẹp các đạo quân tư nhân, nay lại chủ tọa việc họ tái xuất.

Ngày 30 tháng 1, tướng Nguyễn Khánh lật đổ tướng Dương Văn Minh trong một cuộc đảo chính không đổ máu và nắm quyền.

Nhưng uy quyền của chính quyền miền Nam vẫn tiếp tục bị xói mòn.

Tháng 2 năm 1964, cố vấn Mỹ không chỉ có mặt ở cấp tỉnh mà còn xuống tới cấp quận và xã. Ngay cả tướng Khánh và các đồng sự cũng biết bước đi này sẽ khiến họ “trông giống tay sai”, như lời Khánh, nhưng họ vẫn chấp thuận. Hiệp bật khóc khi nhớ Diệm và Nhu đã từng cố gắng đưa cố vấn Mỹ ra khỏi cấp tỉnh.

Dương Văn Minh, sớm được phục hồi làm Quốc trưởng, cùng với Khánh, đã xin một “bộ óc tin cậy của người Mỹ” (American brain trust) để giúp họ cai trị miền Nam. Hiệp đẩy tờ báo về phía Ấm, tức giận nói: “Người Mỹ đang cai trị miền Nam Việt Nam. Chúng ta đang sống trong một lãnh thổ bảo hộ của Mỹ.”

Hiệp chỉ cần mở một tờ báo địa phương là lại đọc thấy những vụ phản bội chủ quyền quốc gia của các tướng lĩnh. Bà hốt hoảng trước tốc độ mà Đại sứ Mỹ đang lấn chiếm nền độc lập của miền Nam.

Di sản của Diệm đang bị hủy hoại có hệ thống. Rốt cuộc, miền Nam Việt Nam không còn là một quốc gia độc lập nữa.

*

Trần Trung Dzung nói: “Hắn chết rồi - kẻ đã giết Tổng thống và cậu Nhu.” Ấm nhìn vợ

và thấy bà rùng mình. Bà cúi đầu trong tư thế cầu nguyện. Ấm muốn biết thêm, nhưng Dzung không rõ nhiều. Có vẻ thiếu tá Nguyễn Văn Nhung, kẻ đã bắn chết Diệm và Nhu, đã treo cổ tự sát bằng dây giày trong xà lim. Dzung thêm rằng tướng Nguyễn Khánh đã ra lệnh bắt hắn sau cuộc đảo chính ngày 30 tháng 1 và Nhung bị tổng giam để thẩm vấn về việc tham gia sát hại Tổng thống. Người ta nói vài đêm sau, hắn treo cổ. Cái chết của hắn bị giấu một thời gian, rồi rò rỉ và dấy lên đồn đoán.”

Dzung bình luận: “Đồn đoán quá nhiều. Có người nói đại tá Nguyễn Chánh Thi ra lệnh cho hắn ‘tự sát’ để báo thù cho Tổng thống.” Hiệp kêu lên: “Không, Tổng thống không bao giờ muốn được báo thù theo cách đó.” Dzung hơi ngạc nhiên trước sự quyết liệt của Hiệp, tiếp tục: “Từ khi trở về từ Campuchia sau cuộc đảo chính tháng 11, ông Thi đã nói với nhiều người rằng tuy chính ông từng tham gia đảo chính chống Tổng thống, ông nguyên rủa những kẻ đã sát hại ông.”

Hiệp thở dài: “Tổng thống luôn có thiện cảm với Đại tá Thi. Trước cuộc đảo chính tháng 11 năm 1960, người ta gọi ông là ‘con nuôi của Tổng thống’. Ngay cả sau cuộc đảo chính, Tổng thống vẫn tin rằng Đại tá Thi vô

tội và hy vọng ông sẽ được trở về để hầu tòa và được minh oan.”

Dzung nói: “Kẻ khác lại đồn chính tướng Khánh muốn báo thù cho cái chết của Tổng thống.” Hiệp lắc đầu không đồng tình, nhưng không nói gì. Dzung tiếp: “Tôi đã nói chuyện với các sĩ quan hiện trường quen biết thiếu tá Nhung. Họ bảo Nhung thường gặp ác mộng và đôi khi bị những cơn ‘ảo giác’ khiến hần run như cày sậy. Họ kể hần nghĩ mình sẽ bị chính những kẻ ra lệnh giết Tổng thống thủ tiêu.”

Hiệp lại cúi đầu. Từ khi hỗn loạn phủ xuống, có quá nhiều dối trá, quá nhiều bí mật. Bà lắng nghe Dzung kết lại buồn bã: “Có lẽ sự thật sẽ không bao giờ được biết.” Hiệp muốn gạt đầu, nhưng bà biết chẳng có bí mật nào an toàn mãi mãi.

Thiếu tá Nhung đã chết. Không ai tin hần “tự sát”. Ai giết hần, và vì lý do gì - Hiệp không biết. Điều bà biết là cái chết của Tổng thống dường như đang kéo theo vô số hệ quả bạo lực bất tận.

Gần đây, có người nói với bà: “Tội ác khủng khiếp nhất là giết một người công chính, bởi chính Thiên Chúa sẽ báo thù cho cái chết ấy.” Thật là một lời đoán gỡ! Một ý nghĩ khủng khiếp! Hiệp lắng nghe và nghe trong mình

bật lên tiếng kêu phản kháng: “Lạy Chúa, thế vẫn chưa đủ sao? Chưa đủ sao khi các anh con đã chết?”

Trong bà hiện lên một hình ảnh: những con ngựa của Ngày Tận Thế lao vun vút, vô định trong một khung cảnh kinh hoàng của lửa, dịch bệnh và cái chết. Dung và Ấm nhìn bà run rẩy. Rồi hình ảnh ấy biến mất, Hiệp mỉm cười xin lỗi: “Không có gì đâu, tôi cam đoan. Thỉnh thoảng trong nhà này gió lửa rất mạnh.”

*

Thục khóc trong điện thoại. Đó là lần đầu Hiệp nghe anh khóc. Hiệp nói: “Mẹ không đau đớn. Mẹ ra đi rất thanh thản. Chúng em an táng mẹ giản dị, đàng hoàng. Không có đám đông đi sau quan tài. Em tin mẹ hạnh phúc hơn nơi mẹ đang ở. Vâng, mẹ đã lãnh các bí tích sau hết trước khi qua đời.”

Thục hồi hận: “Anh là đứa con bất hiếu. Ngay lúc mẹ nhắm mắt anh cũng không có mặt.” Hiệp khuyên nhủ: “Anh về đây thì làm được gì? Giờ có những kẻ thề sẽ giết hoặc tống giam anh nếu anh về. Xin đừng giày vò mình nữa.”

Thục như không nghe, tiếp: “Cha mất anh không ở đó. Mẹ mất anh cũng không ở đó. Anh là hạng con gì vậy?”

Hiệp lo lắng. Thục nghe rõ rồi đến mức bà hầu như không nhận ra anh. Ông đau khổ biết chừng nào! Liệu ông còn đủ sức sống tiếp? Liệu ông còn đủ sức tiếp tục phục vụ Giáo hội? Liệu ông và Luyện có thể nâng đỡ nhau trong cảnh lưu đày?

Luyện nói chuyện bình tĩnh hơn qua điện thoại. Ông đã bắt đầu làm việc ở một văn phòng Công giáo, hỗ trợ phát triển hướng tiếp cận mới cho giáo dục tư ở Pháp. Ông nói về khả năng trở về Việt Nam. Lời ấy khiến Hiệp dấy lên hy vọng.

Giờ cầm ống nghe, bà thấy kiệt quệ. Bất chợt, Thục lại lên tiếng, giọng gần như bình thường: “Tha lỗi cho anh phút yếu lòng. Anh sẽ ổn. Nhưng xin em Hiệp tiếp tục vững vàng cho tất cả chúng ta.”

*

Hiệp nhìn títt báo: các tướng đã quyết định giải tán các ủy ban phụ trách Ấp Chiến lược. Bà cẩn thận gấp tờ báo, đặt lại lên bàn.

Ấm dỗi theo bà, nói: “Rồi các tướng sẽ sớm hối tiếc quyết định ấy.” Hiệp ngược lên hỏi: “Quyết định nào?” Ấm mỉm cười: “Quyết định duy nhất đủ làm em giận đến mức gấp báo lại - quyết định về Chương trình Ấp Chiến lược. Nhưng đừng lo. Chẳng bao lâu nữa, các tướng sẽ lại phải đổi chiến lược.”

Hiệp không muốn trò chuyện, còn Ấm thì cố nắn gân để bà nói. Ông tiếp: “Các tướng đang làm đúng điều Việt Cộng mong. Ấp Chiến lược đang bóp nghẹt họ và họ thua cuộc.”

Hiệp gật đầu: “Những ấp mà các anh em tôi đã xây chưa hoàn hảo, nhưng ít nhất chúng đảm đương được vai trò phòng thủ, cho phép đơn vị chủ lực ở thế tấn công. Anh Nhu dự liệu rằng chỉ vài năm nữa, Ấp Chiến lược sẽ hoàn chỉnh và Cộng sản buộc phải dừng chiến tranh, nếu không sẽ bị đánh bại.”

Ấm thở dài: “Tiếc rằng Tổng thống và anh Nhu đã không có thêm vài năm ấy. Giờ các tướng sẽ làm gì sau khi tháo dỡ ấp?” Hiệp đáp không do dự: “Các tướng đã học được nhiều điều từ Tổng thống. Nhưng tiếc là chưa học được điều cốt yếu. Hệ quả sẽ là họ phải dùng đơn vị chủ lực để phòng thủ các ấp - và họ không có đủ quân để làm việc đó cho ra hồn.”

Ấm lại hỏi: “Vậy em dự đoán sớm muộn các tướng cũng sẽ phải quay lại Chương trình Ấp Chiến lược, hoặc thứ gì tương tự chứ?” Hiệp lắc đầu: “Các tướng không tin vào người dân như Tổng thống đã tin. Họ sẽ lập ấp để các đơn vị bán quân sự hay nửa quân sự canh giữ thay vì dân trong ấp. Những lực lượng ấy sẽ bị xem là hạng dưới so với quân chính quy,

dù có khi họ đối mặt hiểm nguy nhiều hơn lính chính quy. Tỷ lệ đào ngũ sẽ rất cao và họ sẽ không chiến đấu. Bất kỳ chương trình nào như thế đều sẽ thất bại.”

Nhìn Hiệp, Ấm thầm nghĩ. Bao nhiêu bài học chôn trong lòng bà? Bao nhiêu kho tàng suy niệm tích tụ trong bà và những người anh em còn sống? Giờ ông hiểu vì sao Hiệp chưa bao giờ tin rằng các tướng và Hòa thượng Thích Trí Quang sẽ để Ngô Đình Cẩn sống.

Hiệp thấy thoáng buồn lướt qua Ấm. Bà xúc động trước sự bền bỉ của ông. Suốt cuộc hôn nhân, ông chưa từng than vãn. Mọi bi kịch của gia đình bà đều trở thành bi kịch của ông. Ông để bà sống trọn vẹn như một người nhà Ngô Đình. Ông bao bọc bà bằng sự chăm sóc kín đáo, chẳng bao giờ làm phiền bà bằng những nỗi lo của chính mình.

Ông lặng lẽ theo bà vào Sài Gòn mà không hỏi một lời. Ông khép lại sự nghiệp doanh nhân đang ở tuổi sung sức và để bà ngày đêm chăm sóc mẹ. Một thoáng bình an lớn tràn vào Hiệp. Giữa đồng tro tàn của gia đình, bà vẫn còn Ấm và các con. Bà ngoảnh đi, giấu những giọt lệ biết ơn.

*

Giữa bao nỗi lo về Cẩn, Hiệp choáng váng khi tướng Nguyễn Khánh tuyên bố với báo

chí ở Sài Gòn điều ông đã nói với Đại sứ Mỹ: “Người Việt Nam chúng tôi muốn người Mỹ cùng chịu trách nhiệm với chúng tôi như những đối tác, chứ không chỉ là cố vấn.”

Rốt cuộc, Khánh đang bày trên mâm bạc điều mà chính quyền Kennedy theo đuổi ngay từ đầu và liên tục bị Tổng thống Diệm khước từ. Người Mỹ đã được trao “trách nhiệm” về Việt Nam. Khánh không giấu diếm: chính phủ ông đã trao quyền tối thượng quốc gia vào tay người Mỹ.

Điều mà Diệm cuối cùng đã chết vì nó - độc lập của đất nước - đã bị Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng buông tay, chẳng mấy may tiếc nuối.

*

Đại tá Đặng Văn Quang ngồi trong bóng tối. Cứ để thế tốt hơn.

Hiệp không bật đèn. Bà và Ấm lặng lẽ ngồi tiếp nhận hung tin. Hiệp không khóc, nhưng tận sâu trong bà, từng đợt đau đớn và phần nộ trào dâng.

Vậy là họ đã tuyên án tử hình Cần - và người mang tin dữ đến lại chính là đại tá Đặng Văn Quang, Chánh án Tòa án Cách mạng và con đỡ đầu của Ấm.

Chính việc Đặng Văn Quang có mặt ở nhà đã nói lên can đảm và thành tâm của ông.

Ông đã cố hết sức để cứu Cẩn khỏi án tử. Ông đã làm tất cả những gì có thể. Nhưng rốt cuộc, ông đơn độc bảo vệ Cẩn. Các thành viên khác trong tòa biết mối liên hệ của ông với gia đình Ngô Đình nên hầu như không thèm nghe. Họ bị thúc ép phải xử cho nhanh. Họ bị ép nặng tay để tuyên án tử. Hiệp cúi đầu, đón nhận điều không thể tránh.

Hòa thượng Thích Trí Quang và những nhà hoạt động Phật giáo của ông ở Huế lẫn Sài Gòn sẽ không bao giờ để Cẩn sống. Dù Cẩn bệnh nặng và rồi cũng sẽ chết trong tù, ông có thể lên tiếng. Ký ức ông chứa quá nhiều điều. Ông phải bị bịt miệng.

Ít ai bên Phật giáo còn dám nói đến lòng từ bi. Giáo pháp của Đức Phật bị đẩy về những ngôi chùa heo hút, nơi tín đồ chân thành đến cầu nguyện. Những ngôi chùa ấy như ốc đảo bình an giữa biển hận thù. Trong một lần Hiệp vào thăm, Cẩn bảo: “Chắc hẳn họ sẽ xử tử em. Khi em chết, em muốn được chôn trong khuôn viên một ngôi chùa.” Hiệp kêu lên: “Cậu sẽ không chết. Đức Giáo hoàng đã can thiệp cho cậu. Đại sứ Cabot Lodge đã hứa với Đức Thánh Cha là sẽ tha mạng cho cậu.”

Cẩn nhìn bà triu mến: “Đừng tin lời Đại sứ Lodge như em đã tin lời anh Diệm. Đức Thánh Cha ở xa. Em cần lời cầu nguyện và

phép lành của Ngài hơn là sự can thiệp. Dù sao, em sẽ chết - trong tù hay trước đội hành quyết. Nhưng xin chị hứa sẽ chôn em trong khuôn viên một ngôi chùa.”

Hiệp lắc đầu. Bà vẫn muốn hy vọng, dù biết không còn chỗ cho hy vọng. Điều Cần xin là điều không thể. Bà nói: “Làm sao được? Cậu là người Công giáo. Cậu phải được chôn trong nghĩa trang Công giáo, trên đất đã làm phép.”

Cần buồn bã cười: “Cả anh Diệm lẫn anh Nhu đâu có được chôn trong nghĩa trang Công giáo. Như anh Khôi và cháu Huân trước đó, họ bị chôn vùi trong những mồ vô danh. Chị Hiệp, em muốn được chôn gần một ngôi chùa. Suốt đời, em đã không giữ được hòa khí giữa Kitô hữu và Phật tử. Hãy để em, trong cái chết, nhắc người Việt rằng nhà Ngô Đình chúng ta luôn vô cùng kính trọng Đức Phật, và chưa bao giờ thù nghịch với Phật giáo.”

Hiệp òa khóc, không sao kìm được. Bà hỏi: “Cậu đã nói chuyện với cha giải tội của cậu - cha Thịnh - về quyết định này chưa?” Cần mỉm cười: “Ban đầu cha sốc, rồi cha hiểu.”

Hiệp hỏi: “Ngôi chùa nào sẵn sàng đón cậu? Há chẳng phải mọi Phật tử đều chống cậu sao?” Cần nhìn Hiệp rất lâu rồi mới đáp: “Có nhiều Phật tử hiểu anh Diệm hơn em tưởng. Họ đang bị nổi hận vây bủa làm

cho câm lặng. Nhưng em sẽ tìm thấy những người can đảm trong số họ. Họ cũng muốn làm điều gì đó để đền bù cho mỗi hận khủng khiếp này. Em sẽ gặp nhiều nhà sư ở Sài Gòn sẵn lòng lo cho di hài em một lễ an táng đàng hoàng sau khi em chết.”

*

Hoàng Anh nhìn viên đại tá sững sờ, trong khi ông ta sốt ruột chờ câu trả lời. Ông tin chắc cô sẽ sớm nói: “Chúng tôi sẽ lo gom tiền.”

Nhưng rồi điều ông nghe được là: “Ông nhầm khi nghĩ chúng tôi nhiều tiền. Chúng tôi chẳng có gì cả. Tôi sẽ nói với dì tôi, nhưng trước khi nói tôi đã biết tình hình rồi. Chúng tôi không thể xoay nổi nửa triệu, còn ông đòi sáu triệu? Đòi hỏi ấy lỗ bịch!”

Đại tá nhún vai: “Tướng K. không xin số đó cho riêng mình. Tôi nhắc đến tiền vì tôi biết người khác sẽ không giúp nếu không được trả. Tổng thống Minh vẫn là Quốc trưởng. Chỉ ông ấy mới có quyền ân xá cậu Cần, nhưng ông ấy không thể ân xá nếu không ‘bôi trơn’ để những người khác mềm mỏng hơn.”

Giọng pha mỉa, Hoàng Anh nói: “Xin đại tá nhắn với tướng K. là tôi biết ông muốn giúp. Ông ấy yêu quý Tổng thống và mến cậu Cần. Tôi biết ông muốn cứu mạng cậu. Nhưng khi đòi chúng tôi khoản tiền như thế,

thì chúng tôi chỉ có thể nói cảm ơn, nhưng không kham nổi.”

Đại tá nói: “Cứu mạng cậu Cần sẽ vô cùng khó. Ngay cả có tiền, để thuyết phục Tổng thống Minh và những người khác ân xá trái với ý Hòa thượng Thích Trí Quang cũng khó. Không có tiền thì gần như bất khả.”

Ông nhìn đồng hồ: “Tôi phải về cơ quan. Hãy nói chuyện với cậu Cần. Hẳn ông ấy có giấu chút tiền đâu đó. Nói chuyện với dì Hiệp của cô nữa - dì hẳn biết ‘kho quỹ’ bí mật của gia đình. Tôi phải cảnh báo là chúng ta sắp hết thời gian. Họ muốn xử bắn ông ấy vào ngày kỷ niệm biến cố ở Huế, tức 8 tháng 5.”

Ông đứng dậy. Hoàng Anh cũng đứng lên. Đại tá thấy nổi phần nộ đã thay thế nỗi đau trong mắt cô. Cô thách thức: “Vậy thì đi mà giết ông ấy. Chẳng lẽ chính tướng K., trong tất cả mọi người, lại tin các cậu tôi là bọn tham nhũng?”

Đại tá đứng sững: “Không, tướng không tin cố Tổng thống tham nhũng. Ông ấy cũng không cho rằng cố Cố vấn Ngô Đình Nhu tham nhũng. Nhưng, vâng - cậu Cần của cô bị coi là tham nhũng.”

Một lần nữa, đại tá khựng lại trước ánh mắt giận dữ của Hoàng Anh: “Các Ủy ban Cách mạng của các ông đã tịch thu tất cả

những gì các ông cho là của gia đình tôi. Thế nhưng chẳng có tài sản hay tiền mặt nào trong tay các ông là của gia đình tôi cả. Rõ ràng đó toàn là tài sản phục vụ công vụ và các đoàn thể công cộng. Chính ông hơn ai hết phải biết cậu Cẩn sống trong nhà mẹ mình và không có lấy một xu gọi là của riêng.”

Đại tá bước ra cửa. Ông quay lại nói lần nữa: “Mạng sống của ông ấy tùy thuộc vào khả năng các cô xoay đủ sáu triệu. Làm gấp đi, kéo gia đình cô lại có thêm một cái chết nữa.”

Hoàng Anh đứng lặng giây lát, nghĩ về đòi hỏi phi lý và bất khả. Một cơn đau nhói vụt qua người khiến cô phải bấu lấy góc bàn để trụ vững. Mắt cô mờ đi, tối sầm. Cô nhắm mắt, nghiêng rặng. Chờ cơn đau lắng xuống, cô nhắc điện thoại gọi cho dì Hiệp, kể về yêu sách của tướng K.

Hiệp lập tức hiểu Hoàng Anh đang chịu đựng. Bà hỏi: “Con sao vậy? Con khó thở, giọng run. Có chuyện gì không?” Hoàng Anh trấn an: “Không sao ạ. Hình như con bị loét dạ dày hay gì đó. Không hay tái phát đâu. Mình bàn chuyện yêu cầu của tướng K. nhé.”

Hiệp nói: “Nghỉ đi đã. Khỏe lại thì bắt taxi qua nhà dì rồi mình nói chuyện. Điện thoại ở đây không đáng tin.”

Tất cả tiền bạc của Hiệp và Ấm đều đã dồn vào công trình xây Nhà thờ Chính tòa Huế mới. Họ ứng trước cho việc xây dựng đến lúc tất cả những gì còn lại chỉ là nợ. Giờ Tổng Giám mục Huế đã đi, chẳng ai có thể hoàn lại cho họ thành quả lao động cả đời.

Hiệp nói với Hoàng Anh rằng bà không còn gì, ngoài căn nhà ở Huế. Bà muốn bán nó để gom một ít tiền. Nhưng nhà ở Huế rẻ và bán sẽ mất thời gian. Dù sao, bán nhà cũng chẳng giúp được bao nhiêu so với số tiền bị đòi. Về phần Hoàng Anh, cô thừa hưởng một căn nhà lớn ở Huế từ mẹ mình. Bán căn nhà ấy cũng chẳng giúp được là bao.

Hoàng Anh nói, giọng chát đặng: “Giá như họ có tham những, thì giờ đây chúng ta đã có cơ hội cứu mạng cậu Cẩn.” Hiệp lắc đầu: “Không. Dù có tiền, ta cũng không cứu nổi mạng anh ấy. Tướng Dương Văn Minh sẽ không dám ân xá. Người quyết định số phận của cậu ấy là Hòa thượng Thích Trí Quang. Ông ấy đã quyết xử tử cậu con rồi. Giá mà có tiền đưa cho tướng K., thì cũng chẳng cứu được cậu Cẩn, nhưng ít ra dì có thể nói là dì đã làm mọi điều có thể. Nhưng con hãy chắc một điều, cháu tội nghiệp của dì: cậu Cẩn sẽ bị xử bắn, bất kể chúng ta làm gì.”



Ngô Đình Cẩn vào ngày trước khi hành quyết.

*

Ngày 8 tháng 5 năm 1964, Cẩn bị xử bắn trước một nhóm ít người, gồm một vị sư trụ trì và một linh mục Việt Nam. Vị linh mục ấy chính là con đỡ đầu của Cẩn. Báo chí sau đó mô tả Cẩn không đi nổi; thực ra, cho đến phút cuối, ông vẫn giữ phong thái bình tĩnh, đường hoàng.

Bước xuống bậc thềm ra sân nơi thi hành án, Cẩn từ chối được dìu. Ông cũng từ chối bị bịt mắt và chỉ đồng ý khi đội hành quyết năn nỉ rằng họ buộc phải tuân thủ quy định.

Linh mục tiến lại gần Cẩn lần cuối, ban phép lành cho ông. Cẩn cảm ơn tất cả những người có mặt và xin ai có thể hãy cùng ông

đọc một kinh Lạy Cha. Rồi ông nói mình đã sẵn sàng.

*

Hiệp và Ấm, cùng linh mục Thuận và Tuyên, với Niệm và Brian Smith, ngồi ở nhà Tuyên chờ đợi. Các tướng cấm họ có mặt tại pháp trường, nhưng hứa sẽ cho xe đón họ sau khi hành quyết xong. Họ sẽ được phép nhận thi thể và lo an táng.

Thời gian như kéo dài vô tận, cho đến khi một xe bí bùng của quân cảnh tới. Mọi người lên xe. Họ được chở đến nhà lao Chí Hòa và dẫn vào phòng nơi thi thể Cẩn vừa được đưa về sau khi xử bắn.

Mắt Hiệp nhòe đi khi thấy vũng máu trên sàn. Ấm cố che cho bà khỏi nhìn thân thể bầm dập của Cẩn, nhưng Hiệp bước lên, đặt tay lên trán em. Trong cơn ngây lịm, bà chợt nhớ những mẩu kinh nguyện. Như trong một giấc mơ tỉnh, bà nhìn khuôn mặt em và nhớ gương mặt nó khi còn thơ bé.

Tuyên và Thuận đỡ bà, nhưng bà gượng đứng thẳng một mình. Bà quay sang hỏi vị trụ trì: “Bạch thầy, thầy đã lo đủ mọi việc cần thiết chứ?” Vị sư gật đầu: “Thưa bà, chúng tôi hân hạnh lo cho Cố vấn một lễ an táng đàng hoàng nhất. Theo di nguyện của ông, ông sẽ tìm được bình an trong khuôn viên chùa.”

*

Thế là ngay trong ngày, vị trụ trì đưa thi thể về chùa Hợp Thiện (Mutuality Pagoda) trong một cỗ quan tài đơn sơ và an táng ông trong khuôn viên chùa.

Ngày hôm sau, một lễ tưởng niệm dài quy tụ cả Phật tử lẫn Kitô hữu. Hiệp nhìn những gương mặt quanh mình. Trên tất cả là nỗi buồn và niềm kiêu hãnh. Họ đến để kính viếng và cầu nguyện cho người bị kết án và xử bắn vì những tội ông chưa từng phạm. Nguyện ước được an táng giữa Phật tử, trên đất chùa, là bằng chứng hiển nhiên rằng ông chưa bao giờ thù ghét Phật giáo.

Việc một nhà sư đứng cạnh ông cùng với một linh mục Công giáo trong giờ xử bắn, rồi rước thi hài ông về chùa, cho thấy nhiều Phật tử tin vào sự vô tội của ông và kính trọng ông.

Hiệp thì thầm với Cần: “Hãy yên nghỉ, em trai. Bằng cách nào đó, chị sẽ tìm cách đưa di cốt của anh Diệm và em Nhu ra khỏi khu vực Bộ Tổng Tham mưu và lo cho hai anh em một nơi an táng xứng đáng. Chúng ta muốn các anh được yên nghỉ. Em sẽ giúp chúng ta chứ?”

*

Sau khi Cần bị giết, tâm trí Hiệp như tê dại. Hình như trí óc con người biết khi nào nỗi đau đã vượt ngưỡng chịu đựng. Hiệp vẫn

có thể trò chuyện lâu với khách, nhưng bà từ chối gặp bất kỳ ai không phải người thân hay bạn bè lâu năm.

Bà nghe radio. Bà đọc báo. Bà bàn luận thời sự với các thành viên trong gia đình. Nhưng bà sẽ không bước chân ra khỏi nhà trừ khi thật sự cần thiết.

Bà buồn bã nhận thấy thái độ há hê của các nhà hoạt động Phật giáo. Bà biết sự há hê thẳng thê trong bất cứ tôn giáo nào rồi cũng dẫn tới thảm họa.

Ngày 26 tháng 5 năm 1964, lễ Phật đản được cử hành với lòng sốt sắng lớn, trong khi những chuẩn bị cuối cùng đang được hoàn tất cho phiên xử kịch tính thiếu tá Đặng Sỹ, người bị cáo buộc đã ra lệnh cho binh lính nổ súng vào các Phật tử vô tội ngày 8 tháng 5 năm trước.

Đặng Sỹ nói trước Tòa án Cách mạng rằng ông đã bị nhà cầm quyền mới tiếp cận trong buồng giam và hứa thả tự do nếu ông tố Tổng Giám mục Thục là người chịu trách nhiệm về các cái chết trước Đài Phát thanh Huế. Lời trình bày của ông rành rọt, gọn ghẽ và ông không tỏ ra sợ bên công tố.

Thoát khỏi cơn bất động, Hiệp nhờ vài người thân đến theo dõi phiên tòa. Những gì họ thuật lại khiến bà rùng mình. Bất chấp

mọi dè dặt, thiếu tá Đặng Sỹ đã kể chi tiết trước tòa và công chứng về cuộc chạm mặt với tướng Đỗ Mậu ngày 22 tháng 11 năm 1963.

Thiếu tá nói: “Ngày 20 tháng 11, tôi nhận lệnh của Hội đồng Quân nhân vào Sài Gòn trình diện Chủ tịch Hội đồng là tướng Dương Văn Minh. Trước đó, Tư lệnh Vùng của tôi là tướng Đỗ Cao Trí ở Đà Nẵng đã bảo đảm rằng tôi sẽ không gặp rắc rối với các tướng. Ông nói tôi đã làm mọi việc theo đúng điều lệnh ngày 8 tháng 5 tại Đài Phát thanh Huế. Thế nhưng, khi vừa tới sân bay Tân Sơn Nhất, tôi bị hai sĩ quan An ninh Quân đội áp giải về trại giam của An ninh Quân đội.”

Chủ tọa hỏi: “Họ có cho anh biết lý do bắt giữ không?” Đặng Sỹ đáp: “Thưa không. Hai ngày sau, tướng Đỗ Mậu đến buồng giam và nói: ‘Tiếc là thấy anh ở đây, thiếu tá, nhưng ta có thể giải quyết nhanh. Tôi biết anh là nhân sự tốt cho vị trí chỉ huy cấp trung đoàn. Xong vụ nhỏ này, anh có thể nhận một trung đoàn, trung đoàn nào cũng được. Nếu muốn đi nước ngoài, ta cũng sẵn sàng cử anh làm tùy viên quân sự ở bất cứ sứ quán nào anh chọn. Giờ ta chỉ muốn anh nói sự thật về vụ ngày 8 tháng 5. Hãy kể vai trò của Đức Tổng Giám mục Thục trong việc đó. Xong, anh tự do, tương lai bảo đảm.’”

Chủ tọa hỏi: “Anh có nói sự thật với tướng Đỗ Mậu không?” Đặng Sỹ trả lời: “Tôi đã nói sự thật. Tôi kể những gì thực sự xảy ra. Tôi nói tôi nhận lệnh từ tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng và tướng Lê Văn Nghiêm.”

Chủ tọa truy vấn: “Anh phủ nhận đã nhận lệnh bắn vào người biểu tình Phật giáo từ Đức Tổng Giám mục Thục?” Đặng Sỹ khẳng định: “Tôi không giết người biểu tình Phật giáo nào, và tôi không nhận lệnh, cũng không bàn bạc lệnh nào với Đức Tổng. Đó là điều tôi nói với tướng Đỗ Mậu. Ông ấy bảo: ‘Anh có thể lặp lại câu chuyện của mình từ nay đến vô tận, nhưng thế không giúp được sự nghiệp của anh. Điều chúng tôi muốn nghe mới là sự thật: rằng Đức Tổng Giám mục Thục ra lệnh cho anh vào bắn người biểu tình Phật giáo.’ Tôi nói điều ông ấy muốn không phải sự thật mà là lời dối trá. Tôi sẽ không nói dối. Không bao giờ!”

Hiệp biết trước kết cục phiên tòa. Tòa Cách mạng kết án ông tù chung thân khổ sai.

Trong khi quân đội bắt đầu làm rầm bắt mẫn, người Công giáo xuống đường đòi chính quyền chấm dứt chiến dịch “săn phù thủy” nhằm vào các đảng viên Cần Lao cũ. Phiên tòa xử thiếu tá Đặng Sỹ đánh dấu một bước ngoặt trong chính trị miền Nam: đột

ngột, một phong trào chính trị Công giáo khẳng định lại mình xuất hiện. Phong trào ấy nhanh chóng đẩy người Công giáo vào thế đối đầu trực diện với các nhà hoạt động Phật giáo Ấn Quang.

Ngày 7 tháng 6 năm 1964, một ngày trước khi Tòa Cách mạng tuyên án Đặng Sỹ, bốn mươi nghìn người Công giáo đã mít-tinh tại Quảng trường Lam Sơn ở Sài Gòn, yêu cầu chấm dứt sách nhiễu và bách hại người Công giáo.

Tuy vậy, sau phiên tòa của thiếu tá Đặng Sỹ là các phiên xử đại tá Nguyễn Văn Y, nguyên Chỉ huy Ủy hội Đặc ủy Trung ương Tình báo, và mười ba người khác. Không có bằng chứng về sai phạm, cũng chẳng có nhân chứng đáng tin cho các cáo buộc lạm quyền, bốn bị cáo vẫn bị tuyên tù chung thân khổ sai.

Một chiến dịch khủng bố thực sự tiếp tục được các nhà hoạt động Phật giáo tiến hành nhằm vào người Công giáo.

*

Hiệp buồn bã khi nghe tin tướng Paul Harkins, vị tư lệnh Mỹ từng không muốn chứng kiến cảnh phản bội ông Diệm, đã rời Việt Nam và giải ngũ.

Rồi bà thấy những bức ảnh Đại sứ Henry Cabot Lodge trong áo gấm Việt Nam, rời Việt

Nam giữa đám đông các tướng lĩnh, nhà sư và sinh viên hoạt động tới sân bay tiễn ông. Lodge đã hoàn thành sứ mệnh và trở về nước.



Tướng Paul Harkins, vị tư lệnh Mỹ từng không muốn chứng kiến cảnh phản bội ông Diệm.

Sau đó, Hiệp có cảm giác mọi thứ đều dừng lại. Thế giới bên ngoài dừng ngay ngưỡng cửa nhà bà. Chẳng điều gì ngoài kia còn đáng để bà bận tâm. Chính trong tâm trạng ấy, người Mỹ ồ ạt tiến vào Việt Nam - và cuộc Chiến tranh Mỹ bắt đầu.

PHẦN SÁU
CƠ HẤP HỐI CỦA MIỀN
NAM VIỆT NAM

CHƯƠNG BA MƯƠI MỐT MIỀN NAM TRÔI DẠT

Ban đầu, các nhà hoạt động Phật giáo không hiểu rằng người Mỹ đã đổi ý. Họ tưởng rằng khi Tổng thống Diệm bị loại bỏ, họ sẽ nắm quyền, và các tướng sẽ nghe lệnh họ. Họ nghĩ người Mỹ sẽ chấp nhận mọi yêu sách của họ. Chẳng bao lâu sau, họ vỡ lẽ: họ chẳng nặng ký bao nhiêu trong bất kỳ phương trình chính trị nào, và vai trò công cụ chính trị của họ đã hết.

Sau cuộc đảo chính 1963, họ hành xử như thể đất nước là của mình. Họ hăm dọa các tướng lĩnh và mở chiến dịch sách nhiễu người Công giáo, những người bị gắn mác là đảng viên Cần Lao. Thế nhưng chưa đầy một năm sau, người Công giáo trỗi dậy khẳng định lại mình và phản công. Ấu đả đường phố, biểu tình và phản biểu tình đe dọa đầu độc vĩnh viễn quan hệ giữa hai cộng đồng tôn giáo.

Nhóm chùa Ấn Quang đưa được người của

họ vào một số tổ chức quốc gia. Họ xẻ cho mình một lãnh địa rộng ở miền Trung. Ủy ban Nhân dân Tự trị Cứu quốc đặt căn cứ ở Đại học Huế, với sự hậu thuẫn của chùa Từ Đàm, mở một chiến dịch khủng bố nhằm bịt miệng bất kỳ ai không thuận theo quan điểm của họ.

Đầu năm 1966, có tướng Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Quân khu, đứng về phía họ, các nhà hoạt động Phật giáo và Ủy ban Nhân dân Tự trị Cứu quốc công khai thách thức chính quyền trung ương. Khi chỉ nhận được sự ủng hộ hờ hững từ Lodge, người vừa trở lại nhiệm kỳ đại sứ thứ hai tại Nam Việt Nam, họ quay sang giận dữ chống Mỹ. Người biểu tình hô khẩu hiệu bài Mỹ, sinh viên đốt Thư viện Hoa Kỳ ở Huế.

Người Mỹ để tướng Nguyễn Cao Kỳ thắng tay trấn áp họ. Thích Trí Quang, người từng tin rằng mình có thể “làm nước Mỹ run rẩy”, nay bất lực. Những cuộc tuyệt thực của ông không còn lên trang nhất; chùa chiền bị khám xét, phụ tá chủ chốt bị tổng giam. Ngay cả những vụ tự thiêu cũng không còn thành tin lớn. Các bàn thờ Phật được kéo ra đường để chặn an ninh cũng chẳng chặn nổi ai: binh lính đơn giản hất chúng xuống rãnh.

Hiệp sừng sờ trước bước ngoặt vận mệnh

của những người từng tin rằng có thể lợi dụng danh Phật và khai thác Phật tử để tiến thân trần thế.

Chỉ chưa đầy ba năm, các nhà hoạt động Ấn Quang mất sạch. Dựa dẫm vào một vị đại sư Mỹ đã tâng bốc họ thành “lực lượng mới” ở Việt Nam, họ nhanh chóng rơi vào quên lãng ngay khi ông không còn cần họ nữa.

*

Tháng 9 năm 1965, một số sĩ quan Bộ Tổng tham mưu tìm gặp đại úy Tuyên. Họ nói các tướng muốn di dời nơi chôn cất của hai cậu anh và đưa về Nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi để táng lại. Tuyên hỏi vì sao có quyết định ấy. Người liên lạc cho biết các tướng bàn với nhau: từ tháng 11/1963 đã có quá nhiều xáo trộn dân sự lớn và biến động quân sự, họ tự hỏi vì sao. Vài người nêu ý kiến rằng mọi rối ren - đảo chính, phản đảo chính, biểu dương lực lượng, “nửa đảo chính” - đều do Tổng thống bị chôn nhầm chỗ và vong linh ông phản nộ.

Được đồng sự tán đồng, tướng Đỗ Mậu đi hỏi một thầy số. Kết luận rất rõ: chừng nào di hài Tổng thống Diệm và ông Cố vấn Nhu còn nằm trong khu vực Bộ Tổng tham mưu, các tướng sẽ không có ngày bình yên.

Tuyên hỏi gia đình được thông đợi điều gì. Người liên lạc nói các tướng sẽ lo hết và chỉ

trả mọi chi phí. Họ chỉ cần gia đình Tuyên đồng ý.

Tuyên mỉm cười trước sự trớ trêu: “Bây giờ các tướng muốn làm gì chẳng được. Sao còn cần sự đồng ý của gia đình tôi?” Những người liên lạc im lặng. Tuyên đoán hẳn thầy số đã dặn các tướng phải xin ý gia đình Tổng thống. Tuyên thở dài. Đó là thời của “tiên tri giả”, thầy coi bài, đọc số, xem phong thủy.

Anh về nhà báo với mẹ. Hiệp gật đầu: “Vây là đến lúc rồi.” Bà dặn Tuyên đứng ngoài hẳn. Bà nói: “Nói với họ là mẹ không thể đại diện gia đình. Về phần Tổng thống, họ phải liên lạc với hai cậu Thục và Luyện. Còn di hài cậu Nhu, các tướng phải liên lạc với vợ cậu ở Ý.”

Hiệp biết, có hay không có sự đồng ý của bà, các tướng cũng sẽ dời di cốt hai anh em ra khỏi lối đi của họ. Thế là một chiều mưa, một tiểu đội lính khai quật mộ của ông Diệm và ông Nhu. Lính được dặn hết sức cung kính, cẩn thận để xẻng không chạm vào quan tài. Họ mất khá lâu mới chạm tới quan tài, rồi khênh lên nhẹ nhàng bằng tay.

Hai huyệt mộ đã đào sẵn ở Mạc Đĩnh Chi. Đoàn tới nơi gần nửa đêm và nhanh chóng táng lại hai cỗ quan. Sấm chớp dọa dòn, mưa trút nặng hạt; những người lính bồn chồn rút đi gấp như chạy.

Tối hôm sau, một vị đại tá Bộ Tổng tham mưu đến thăm Hiệp. Ông trao cho bà một phong bì. Bà bóc dấu niêm và rút bên trong ra: đó là sơ đồ nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, với hai mộ mới của Tổng thống Diệm và ông Cố vấn được đánh dấu rõ ràng.

Viên đại tá đề nghị chở Ấm và Hiệp ra nghĩa trang, và họ sốt sắng nhận lời. Lại một đêm mưa. Bóng tối trong nghĩa trang thỉnh thoảng bị xé toạc bởi sấm chớp, trông thật đe dọa. Thế nhưng, Hiệp, ướt sũng trong chiếc áo mưa, chỉ cảm thấy bình an và hân hoan.

Bằng cách nào đó, Hiệp luôn cảm thấy chừng nào di cốt các anh em còn nằm trong khuôn viên Bộ Tổng tham mưu thì chừng ấy họ vẫn là tù nhân của các tướng. Giờ đây, Tổng thống và ông Nhu rốt cuộc đã được tự do.

Hiệp quỳ xuống, đặt tay lên mộ. Ấm quỳ xuống bên cạnh. Họ cầu nguyện cho bình yên lặng lẽ trở lại với đất nước bị chiến tranh tàn phá, cho linh hồn ông Diệm và ông Nhu được yên nghỉ, và cho hòa giải.

Nhưng cơn giông vẫn gầm rít. Một cành cây lớn rơi sầm xuống gần đó. Viên đại tá sốt ruột gọi: “Ta đi thôi. Từ nay bà có thể trở lại cầu nguyện bất cứ lúc nào.”

Hiệp đứng dậy nói: “Xin báo với các tướng rằng tôi trân trọng những gì họ đã làm.” Bà

không dùng chữ “chúng tôi”. Bà biết Lệ Xuân và Luyện sẽ không chấp nhận việc bà cảm ơn bất cứ vị tướng nào lúc này.



Bà Ngô Đình Thị Hiệp tại Sài Gòn, 1965.

*

Trong khoảnh khắc, bà nghĩ về Lệ Xuân. Lệ Xuân có quá nhiều tài năng và quá ít thời gian để bộc lộ. Hiệp nhớ ngày nghe tin Lệ Xuân đã gắng nỗ lực cuối cùng để xin ân xá cho Cần: bà viết cho Đức Giáo hoàng và Tổng thống Johnson, cầu xin can thiệp cho Cần. Chỉ Đức Giáo hoàng hồi đáp. Chỉ Ngài - qua Khâm sứ Tòa Thánh tại Sài Gòn - nhắc Lodge về lời hứa tha mạng cho Cần. Ngay cả Đức

Giáo hoàng cũng không thể thẳng nôi ý muốn thấy Cẩn chết của Thích Trí Quang. Ngay cả Ngài cũng không khiến Lodge giữ lời hứa.

Trong suốt những năm gia đình nắm quyền, Lê Xuân và Cẩn cãi vã triền miên. Sau cái chết của Cẩn, người ta nói về ông như một kẻ tàn bạo. Hiệp đã nhiều lần thấy Cẩn nhún nhường trước những đòn công kích của Lê Xuân. Cẩn biết rằng, trừ phi là việc tối quan trọng, ông sẽ không đối đầu với vợ của người anh.

Biết rằng Lê Xuân đã nhiều lần tranh đấu cho sinh mạng của Cẩn khiến Hiệp nhẹ lòng. Bà thấy mình đã hòa giải được với Lê Xuân, dù người nhà và bạn bè đã nhiều lần nói sau biến cố lật đổ Diệm rằng sự quyết liệt và những lời mạnh mẽ của Lê Xuân là một nguyên nhân lớn dẫn đến bi kịch cuối cùng.

Hiệp đã tập cho mình thói quen mỗi đêm cầu nguyện cho Lê Xuân và các con, nhất là sau vụ tai nạn xe hơi thảm khốc cướp đi mạng sống Lê Thủy trong một đêm đen ở gần Paris.

Bà mỉm cười khi nhớ những bức thư Luyện gửi vài năm trước. Hình như ngay sau khi Diệm bị lật đổ, Luyện được hoàng gia Ma Rốc mời sang nghỉ vài tuần. Luyện ngạc nhiên khi các phụ tá của Nhà vua mang tới đủ loại

phương án đầu tư, nhờ ông thẩm định. Ít lâu sau, ông mới nhận ra Nhà vua muốn ông rót tiền vào những dự án ấy. Luyện buộc phải thú nhận: trái với lời đồn, gia tộc ông không hề có quỹ đen nào trong ngân hàng nước ngoài; ông nghèo như Gióp [“Nghèo như thánh Gióp”: thành ngữ ý chỉ sự nghèo khổ, túng quẫn. Nhưng nguồn gốc câu này không phải là vì thánh Gióp đã nghèo từ đầu mà là do ngài bị thử thách.].

Hiệp vừa thấy buồn cười vừa thấy buồn. Sự thiếu thốn tương đối của gia đình là có thật, vậy mà các cây bút ngoại quốc vẫn miêu tả anh em bà như những kẻ tham nhũng, dù họ có thể nhìn thấy cảnh sống của những người còn lại trong dòng họ.

Bà nhớ một lá thư đặc biệt của Luyện, trong đó anh trích mấy câu Kinh Thánh của tiên tri Giêrêmia:

*Đừng khóc thương người đã chết,
Đừng than khóc cho người đã khuất!
Hãy khóc cho kẻ ra đi xa xứ;
Nó sẽ chẳng bao giờ còn thấy
Vùng đất nơi nó chào đời.
[Giê-rê-mi 22:10]*

Chuyện đã lâu, nhưng mỗi lần nhớ bức thư, bà lại không cầm nổi nước mắt. Luyện

và Thục, cũng như Lê Xuân, đang chịu đựng cảnh lưu đày cưỡng bách, đều khao khát trở về Việt Nam. Nhưng họ biết, và Hiệp cũng biết, rằng lúc này trở về là không an toàn. Bà không ngờ chẳng bao lâu nữa, chính mình cũng sẽ lên đường cho một cuộc lưu đày dài và đau đớn.

*

Mất khá nhiều lần Âm thuyết phục, Hiệp mới nhận lời đi chuyến ngắn xuống Vũng Tàu. Đường hai giờ chạy yên ổn. Chỉ bảy mươi dặm cách Sài Gòn, nhưng dọc đường xe bị chặn cả chục lần ở các trạm kiểm soát an ninh. Mỗi lần dừng, cựu đại tá Thông - người cầm lái và dường như quen hết các lính gác - lại chuyện trò với họ về tình hình an ninh đoạn đường phía trước rồi mới chạy tiếp.

Hiệp hỏi: “Anh nói quốc lộ an toàn tuyệt đối. Sao lại hỏi tình hình an ninh hoài vậy?” Đại tá Thông cười: “Thói quen của tôi mà. Dù sao đến giờ các chốt đều bảo hôm nay chưa có vụ gì trên đường.” Âm mỉm cười nói: “Thời buổi này chẳng có an ninh nào tuyệt đối. Đường xá coi như an toàn hết mức có thể.”

Lần đầu tiên, Hiệp thấy hàng loạt xe tải, xe jeep, xe con quân sự Mỹ. Tất cả chạy rất nhanh và không dừng ở các trạm kiểm soát;

rào chắn đều được kéo lên vội khi họ lao qua. Hiệp cũng để ý xe tải quân đội Úc, tài xế ngồi “nhằm” bên buồng lái. Từ Long Bình đến Vũng Tàu, dường như lính Mỹ đông gấp năm lần lính Việt.

Đến Vũng Tàu, đại tá Thông lái vòng quanh bán đảo, chỉ cho Ấm và Hiệp các bãi biển. Trên đường, Hiệp thấy những quán bar chật kín người Mỹ mặc áo sặc sỡ. Đại tá Thông nói đó là lính đi nghỉ dưỡng (rest & recreation), vì Vũng Tàu được chọn làm trạm R&R.

Nhạc âm ỉ văng vẳng từ các quán. Bên trong, Hiệp thấy các cô tiếp viên mặc váy mini tùm năm tùm ba tán chuyện, hoặc uống với lính Mỹ. Ở Sài Gòn, trong vài lần hiếm hoi ra ngoài, Hiệp cũng thấy quán bar và gái bar. Nhưng ở Vũng Tàu, quán bar tràn cả ra mặt đường. Sau khi chạy một vòng bán đảo, Hiệp nói với đại tá Thông bà thích Bãi Đá vắng vẻ hơn. Họ tới đó và ngồi trong một nhà hàng Pháp nhìn ra biển.

Cũng như các anh mình, Hiệp luôn yêu biển. Ngồi trò chuyện, Ấm thấy bà vui và băn khoăn sao mình không đưa bà xuống Vũng Tàu sớm hơn. Gió biển hôm ấy khá mạnh. Sóng cao lao vào ghềnh đá đen, tung bọt trắng và những tấm màn nước lấp lánh vút lên không.

Ấm chuyện trò với đại tá Thông để Hiệp được thả hồn nhìn biển. Tâm trí Hiệp trôi về quá khứ, nơi có những bãi biển khác, những khuôn mặt khác. Lũ mòng biển lượn trên ghềnh đá đen khiến bà nhớ những con mòng biển khác đang kêu ré và bổ nhào bên căn nhà bãi biển của anh Khôi.

Bất chợt, một gương mặt quen lọt vào tầm mắt. Cường đứng cạnh chào hỏi sức khỏe. Ấm và Hiệp biết Cường từ khi anh còn nhỏ. Anh sang Pháp lấy tiến sĩ rồi về dạy ở Đại học Huế. Gần đây, Hiệp nghe nói anh tham gia nhóm của tướng Nguyễn Đức Thắng - đơn vị lập và triển khai một chương trình phát triển nông thôn toàn quốc. Cường giới thiệu người bạn Mỹ đi cùng là Dick Burnham, một trong các cố vấn của anh.

Cường nói: “Bọn cháu hay ghé đây lắm. Trung tâm huấn luyện quốc gia chỉ cách đây mười lăm cây số; thứ bảy thì ở trung tâm biết làm gì? Đây là lần đầu bác trai bác gái xuống Vũng Tàu sao?” Ấm gật đầu và mời họ ngồi ăn trưa cùng. Đại tá Thông cũng quen Cường, nên lời mời rất tự nhiên. Ban đầu, Hiệp thấy gượng trước sự có mặt của Dick Burnham. Anh thử nói vài câu tiếng Việt - Hiệp từng nghe những phiên bản tệ hơn - nhưng bà vẫn không nhìn được cười trước những cố gắng vụng về của anh.

Thấy sắp “toang”, Cường nói: “Hay là ta nói tiếng Pháp nhé?” Dick Burnham mừng rỡ - anh thạo tiếng Pháp nhất. Chẳng mấy chốc, Hiệp thấy hóa ra cũng hay khi có dịp nhìn một người Mỹ thật gần. Bà cũng mừng gặp lại Cường - người bà biết rất thân với con trai mình, Thuận.

Bất ngờ, Cường mỉm cười tinh quái, quay sang Hiệp: “Dick với cháu đang làm một chương trình mà bác rất rành. Hồi trước gọi là Ấp Chiến lược, giờ gọi là Ấp Tân Sinh (New Life Hamlets).”

Hiệp nheo mắt nhìn Cường, không muốn “đớp mồi”. Không biết Hiệp là ai, Dick Burnham nói: “Sau cuộc đảo chính 1963, các tướng mắc một sai lầm ngu xuẩn: họ phá bỏ Ấp Chiến lược. Ấp bị dỡ thì an ninh nông thôn cũng tiêu. Việt Cộng tha hồ đi lại khắp đồng ruộng. Bọn tôi buộc phải đưa quân Mỹ vào để cứu Nam Việt khỏi sụp đổ hoàn toàn.”

Nhấn mặt khi nghe Burnham nhắc đến cuộc đảo chính, Cường hích anh: “Anh nói cho các bác đây về ý niệm ban đầu của Ấp Tân Sinh đi.” Dick Burnham lắc đầu: “Tôi không muốn làm các bác chán.” Khi Cường nài, Burnham nói: “Anh kể còn hay hơn tôi. Dù sao thì bọn tôi cũng quay lại với ý tưởng Ấp Chiến lược của Ngô Đình Nhu, và vay mượn từ đó rất nhiều.”

Hiệp nhìn hai người trẻ suy tư. Khác nhau về vóc dáng, nhưng họ dường như nói, hành xử, và nghĩ theo cùng một kiểu. Họ có cùng cách tự “che chắn” khi đối diện người khác. Đó là kết quả của những năm học ở Pháp chăng? Hay rốt cuộc, giữa các chủng tộc chẳng có khác biệt thật sự nào? Burnham nói: “Ông Diệm và ông Nhu biết rõ họ đang làm gì. Các tướng đã giết những nhà lãnh đạo duy nhất mà họ từng có.” Anh bỗng khựng lại khi thấy Hiệp rơi lệ. Anh quay sang Cường, và Cường bảo: “Anh đang nói chuyện với em ruột Tổng thống Diệm.”

Burnham xin lỗi nhưng Hiệp nói ngay: “Sao anh lại xin lỗi? Từ sau cuộc đảo chính đến giờ, anh là người Mỹ duy nhất tôi nghe thấy khen ngợi các anh tôi.” Burnham dịu giọng: “Thưa bà, nhiều người trong bọn tôi hối tiếc chuyện đã xảy ra, tin tôi đi. Phần tôi, tôi không thể tha thứ cho những người Mỹ đã đẩy chúng tôi vào tình cảnh này - nơi mỗi ngày có hàng trăm chàng trai Mỹ phải chết ở Việt Nam. Nếu các anh em của bà còn cầm quyền, có thể chúng ta thắng hoặc thua cuộc chiến, nhưng sẽ rất ít người Mỹ phải bỏ mạng.”

Anh có hơi giận Cường vì không nói anh biết thân phận của Hiệp từ đầu, nhưng cơn giận qua nhanh. Burnham bắt đầu thấy thoải

mái với những người bạn mới. Anh kể về gia đình, chuyện học hành, và quãng thời gian dài ở Đồng bằng sông Cửu Long nơi, sau cuộc đảo chính 1963, anh tận mắt chứng kiến an ninh nông thôn suy sụp nhanh thế nào.

Hiệp hỏi: “Anh có phản đối việc lính Mỹ hiện diện ở Nam Việt Nam không?” Burnham cười: “Thưa bà Ấm, để tôi nói cho bà biết cảm nghĩ thực sự của tôi về tình hình này. Tôi căm ghét việc chứng kiến người Mỹ thiệt mạng ở Việt Nam. Tôi muốn thấy người Việt Nam tự mình chiến đấu. Tuy nhiên, hiện tại, không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục đổ thêm quân Mỹ vào Việt Nam. Miền Nam Việt Nam vẫn đang bên bờ vực thất bại. Nếu không có sự hiện diện của người Mỹ lúc này, miền Nam Việt Nam sẽ sụp đổ trong vòng ba tháng.”

Đúng lúc ấy, một nhóm người Mỹ bước vào nhà hàng. Hiệp khựng lại khi nhận ra một người trong số họ. Bà đã thấy hàng trăm tấm ảnh của ông: đó là tướng Lansdale. Nhận ra Cường và Dick Burnham, Lansdale rời nhóm của mình và tiến đến bàn. Cường nói bằng tiếng Pháp: “Thưa tướng Lansdale, xin gặp đại tá Thông, và ông bà Ấm. Bà Ấm là em của cố Tổng thống Diệm.” Lansdale nhìn Hiệp rất lâu rồi cũng đáp bằng tiếng Pháp: “Chúng ta

chưa từng gặp nhau, thừa bà, nhưng chúng ta rất gần gũi. Theo một nghĩa nào đó, Tổng thống Diệm và Cố vấn Nhu cũng là anh em của tôi.”

Hiệp nói: “Các anh em tôi chân thành quý mến tướng.” Lansdale điềm đạm: “Tôi biết.” Cả Lansdale lẫn Hiệp đều thấy không cần nói gì thêm. Khoảnh khắc ấy đầy xúc cảm, và im lặng có lẽ là cách diễn đạt trọn vẹn nhất.

Một lát sau, Lansdale quay sang Cường, hơi trách: “Cậu chưa bao giờ nói với tôi về mối liên hệ của cậu với gia đình Tổng thống Diệm. Tối nay ta gặp nhau uống chút gì nhé. Tôi sẽ kể cho cậu nghe tất cả những năm tháng trước kia cùng Tổng thống.”

Ông quay lại với Hiệp, cố ghìm nén xúc động sâu xa, nói: “Những người như Cường, Dick và tôi đang hồi sinh một phần di sản các anh em của bà. Xin cầu nguyện cho chúng tôi, thừa bà.” Ông cúi đầu rồi trở về với nhóm của mình.

Khi ông đi rồi, bàn của Hiệp lặng đi thật lâu. Hiệp giả vờ nhìn ra biển, nhưng mắt nhòa lệ. Vậy là Diệm và Nhu đâu đã chết. Chẳng còn những người như Lansdale, Cường và đại tá Thông, họ vẫn còn sống.

Họ hầu như không đụng đến đồ ăn. Thay vào đó, họ ngồi nhấp trà nóng hổi. Ấm nói:

“Anh không ngờ buổi đi chơi này lại hóa ra như vậy.” Quay sang Cường và Dick Burnham, ông giải thích: “Chúng tôi chỉ muốn mang đến cho vợ tôi chút gió biển và ánh nắng. Tôi không ngờ chúng tôi lại gặp cả hai người ở đây, rồi cả Tướng Lansdale nữa.”

Burnham đề nghị cả nhóm lái ra Bãi Sau đi dạo trên cát. Trời đã nhiều mây, nắng không còn gay gắt như trước nên gợi ý nghe có lý. Vừa đứng dậy, Hiệp thấy Lansdale vội vã bước lại. Ông nói: “Gặp bà làm tôi nhớ lời hứa với chính mình khi hay tin các anh em của bà qua đời. Tôi vẫn viết dở một cuốn sách về trải nghiệm của tôi ở Đông Nam Á. Phần lớn cuốn sách nói về các anh em của bà. Tôi hứa một ngày nào đó sẽ hoàn thành.”

*

Ở Bãi Sau, trời u ám nên không nhiều người tắm. Ấm và Hiệp ngồi trên cát, những người còn lại đi dạo gần đó.

Một lúc sau họ quay lại ngồi cùng. Một nhóm lính Mỹ đang nghỉ phép tắm cách đó không xa. Họ cười nói ồn ào và thích thú nhảy sóng. Burnham hỏi Hiệp: “Bà có khó chịu khi thấy nhiều lính Mỹ quanh đây không?” Hiệp nói: “Tôi mừng là họ đôi khi cũng có phút giải lao khỏi phận sự khùng khiếp của mình.”

Burnham gật: “Thấy họ vui cũng tốt. Đôi

lúc mấy cậu mười tám, mười chín tuổi đến hỏi tôi ngay trên bãi này: vì sao họ phải sang Việt Nam. Thật khủng khiếp khi thấy sự bối rối của họ. Giá như chúng tôi dành nhiều thời gian giải thích trước khi họ bị đưa qua đây. Thực ra chúng tôi chẳng có lời giải thích nào đủ tốt, ngoài vài khẩu hiệu như ‘chúng tôi đến để bảo vệ tự do’ hoặc ‘chúng tôi ở đây để giúp người Nam Việt tự vệ.’”

Ngập ngừng một lát, Cường nói: “Sự hiện diện ồ ạt của người Mỹ ở Nam Việt cướp mất chính nghĩa của chúng tôi. Khó mà nghĩ mình có thể thắng. Khi Tổng thống Diệm khởi xướng Ấp Chiến lược, Nam Việt Nam độc lập. Nay lúc chúng tôi khởi Ấp Tân Sinh, Nam Việt đã thành một lãnh thổ bảo hộ của Mỹ.” Hiệp ngạc nhiên khi Burnham không phản đối. Họ ngồi cạnh nhau, nhìn ra biển như chờ một dấu hiệu.

Một lính Mỹ trẻ đi ngang, cùng bạn gái người Việt. Cô có vẻ xuất thân gia giáo. Họ nhập vào nhóm lính đang tắm.

Hiệp lơ đãng nghe Ấm và đại tá Thông bàn chuyện câu cá, sẵn bần thì đột nhiên, không gian im bật đáng ngại. Hiệp nhìn ra: cả nhóm lính Mỹ bị cuốn vào một dòng chảy xiết. Tiếng kêu cứu xé toang khoảng lặng. Bãi biển Vũng Tàu nổi tiếng với những dòng chảy chéo bất

thần và chết người - chúng đến không báo trước, chìm vài người rồi biến mất chỉ trong vài phút.

Trước mắt Hiệp, đám lính bị xô giạt, vùng vẫy bất lực. Thoáng bàn tay, bàn chân hay cái đầu nhô lên, rồi lại mất hút trong làn nước xoáy. Rồi dòng chảy rời họ, họ lại đứng được trên nền cát - trừ cô gái Việt. Những người Mỹ nhào lặn tìm, cho đến khi một người vớt được cô kéo vào bờ. Họ tuyệt vọng cấp cứu, nhưng đã muộn.

Hiệp cùng nhóm nhỏ của mình tiến lại, chết lặng. Chàng lính trẻ vừa đi ngang với cô gái giờ gục khóc nức nở. Hiệp thấy nỗi tuyệt vọng của anh. Chính bà cũng đau đớn đến nghẹn lời trước cái chết đột ngột, vô nghĩa. Bà lặng lẽ cầu nguyện cho cô gái, cho chàng lính và những người bạn tang thương của họ.

Ấm phải kéo bà rời khỏi đó. Chào tạm biệt Cường và Dick Burnham, họ lặng lẽ theo quốc lộ về Sài Gòn. Hiệp còn run vì biến cố bi thảm. Sáng nay rời nhà đi Vũng Tàu bà nào ngờ chuyển đi lại kịch tính đến vậy. Bà tự nhủ: “Hãy cho ta trở về cái kén của mình. Hãy bằng lòng với đời yên tĩnh, bị lãng quên và cũng quên hết thấy.”

Tuy nhiên, gặp Lansdale, Cường và Burnham, bà biết thế giới vẫn nhớ gia đình và

các anh em của bà. Bà sẽ không quên những người Mỹ mình đã gặp - không quên Lansdale, Burnham, chàng lính trẻ mất người yêu và các bạn của anh.

*

Hiệp cắt bức ảnh trên tạp chí và lồng khung. Ảnh chụp Đại sứ Henry Cabot Lodge - cao ráo, bảnh bao - cúi người trao cho Trần Văn Độ, Ngoại trưởng Đệ nhị Cộng hòa, một bản Hiến pháp Việt Nam.

Mỗi lần nhìn bức hình, Hiệp thấy xấu hổ; nhưng bà vẫn đặt ở chỗ dễ thấy, để ngày nào cũng phải nhìn nó cả chục lần. Bà hiểu vì sao các anh em mình khước từ nhượng bộ người Mỹ. Xưa kia, người Mỹ thường ép ông Diệm đưa hết “chính khách salon” - những kẻ ồn ào, hiếu danh - vào chính phủ.

Ông Diệm từng bảo bà: “Họ không đặt quyền lợi đất nước lên đầu. Họ chỉ muốn quyền lực và thanh thế cho bản thân. Họ trắng trợn dựa thế lực Mỹ để đạt điều họ muốn. Tôi sẽ không nhượng bộ.”

Trần Văn Độ là một trường hợp đặc biệt. Ông thuộc nhóm Tinh Thần - một tổ tư vấn dưới sự dẫn dắt của Nhu, vận động cho Diệm trở lại cầm quyền năm 1954. Ông được cử làm Ngoại trưởng ngay khi Diệm chấp chính. Ông dẫn phái đoàn Nam Việt tại Hội nghị Genève

và danh thép tố cáo việc chia cắt đất nước, bỏ mặc một bộ phận lớn dân chúng dưới sự cai trị của Cộng sản. Ông giành được sự khâm phục của nhiều người, không chỉ ở Việt Nam.

Giờ đây, không còn sự chỉ dẫn của Diệm, Trần Văn Độ để mặc cho người ta chụp ảnh cảnh ông nhận một bản Hiến pháp từ tay một vị đại sứ ngoại quốc.

Ấm gọi bức ảnh ấy là “Mô-sê nhận Mười Điều Răn từ Thiên Chúa.” Tránh lối mĩ mai, Hiệp cố rút ra kết luận hữu ích từ tấm hình. Bà nói: “Đây là biểu tượng hoàn hảo của sự khuất phục. Hiến pháp được ban phát cho chính quyền ta. Ngoại trưởng của chúng ta mỉm cười biết ơn khi đón nhận. Tổng thống thì thà chết còn hơn sống trong hoàn cảnh như thế. Anh ấy đã đúng.”

Ấm nhìn vợ. Bà đang chịu chứng mất ngủ trầm trọng; vậy mà gương mặt vẫn bình thản như thường. Bà kìm nén phần nộ một cách hoàn hảo và nói năng không lệch một ly khỏi phép tắc.

Ông muốn thấy vợ gặp Trần Văn Độ ngay lúc này - Trần Văn Độ, anh của Trần Văn Chương, cậu của Lệ Xuân. Ông hình dung Hiệp nhìn thẳng vào vị Ngoại trưởng đến khi ông ta co rúm lại, và thản nhiên nói: “Thưa ông Bộ trưởng, ông nên xấu hổ về mình.”

Thế nhưng, Ấm biết rằng Hiệp sẽ chẳng bao giờ hành xử như vậy. Bà sẽ chào Trần Văn Độ một cách điềm tĩnh, và không một cơ mặt nào để lộ sự bất bình trước việc ông ta đã làm. Ông chưa từng thấy Hiệp thất lễ với người đang đứng trước mặt. Những lời thẳng thắn duy nhất bà từng nói chỉ dành cho các anh em của mình, những người bà yêu thương.

CHƯƠNG BA MƯƠI HAI CHIẾN ĐẤU VÀ CHẾT Ở MỘT VÙNG ĐẤT XA XÔI

Hiệp nhìn ra ngoài cửa sổ khi chiếc xe lao nhanh rời sân bay Liên Khương. Thành phố Đà Lạt cách sân bay chừng hai mươi dặm, và Hiệp không hiểu vì sao họ lại phải vội vã đến đó như vậy. Bà yêu cầu người lái xe chạy chậm lại. Chung quanh, thảm thực vật xanh mướt phủ lên lớp đất bazan đỏ sẫm. Bà ngắm nhìn những đồn điền trái dài trên các sườn đồi và dưới các thung lũng hẹp. Đất đai màu mỡ đến mức khiến Hiệp tự hỏi: nếu người dân Huế cũng có được những vùng đất phì nhiêu như thế này, họ sẽ làm nên được những gì?

Với đất đai trù phú và khí hậu ôn hòa, nông dân vùng Cao nguyên Trung phần – ít nhất là những người quanh Đà Lạt – hẳn có thể thu hoạch được mùa màng dồi dào hơn nhiều, mà công sức lại ít hơn so với những người làm ruộng ở Huế.

Chính tại Đà Lạt này, Nhu đã bắt đầu con đường chính trị của mình vào cuối thập niên 1940. Cũng chính nơi đây, khi Diệm và Nhu nắm được quyền lực, họ thường xuyên trở lại để nghỉ ngơi và đi săn. Diệm và Nhu thậm chí còn truyền lại niềm say mê săn bắn ấy cho các con nhỏ của Nhu. Hiệp mỉm cười khi nhớ lại Nhu từng kể với bà về việc phát hiện ra Chủ nghĩa Nhân vị - học thuyết của chế độ Diệm và là nền tảng tư tưởng của Đảng Cần Lao.

Chính ở Đà Lạt này, Nhu đã học với một linh mục người Pháp tên là Parrell về giáo huấn xã hội của Giáo hội Công giáo. Cũng tại đây, Nhu bắt đầu say mê trước những thành tựu của các phong trào lao động trên thế giới. Trong tâm trí ông, hai khái niệm trở nên không thể tách rời: phẩm giá con người và lao động. Nhu trở thành người cổ súy nhiệt thành cho phong trào công đoàn. Sau này, những tên tuổi lớn trong phong trào lao động quốc tế như người Bỉ Auguste Vanistandael đã giúp Nhu tổ chức nên Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, mà sau đó Nhu giao cho Trần Quốc Bửu lãnh đạo vào năm 1953.

Một lần, Nhu nói với Hiệp: “Người ta thường giải thích Chủ nghĩa Nhân vị một cách quá phức tạp. Họ liên hệ nó với Emanuel

Mounier và những nhà hiện sinh Công giáo khác. Nhưng thật ra, chỉ cần nhìn vào nguồn gốc của phong trào lao động thế giới và học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo thì sẽ hiểu được bản chất của nó.”

Các anh em của Hiệp cũng từng muốn giải thích rất nhiều điều - nhưng họ không còn đủ thời gian. Và giờ đây, tất cả họ đã đi xa.

Ngồi dựa thoải mái trong xe, Hiệp nhớ lại nỗi phiền muộn của ông Diệm khi Cao nguyên Trung phần được chính quyền Pháp giao cho Bảo Đại làm Hoàng triều Cương thổ. Trong phạm vi “lãnh địa riêng” ấy, Bảo Đại - người đã thoái vị năm 1946 - lại một lần nữa trở thành hoàng đế, nhờ vào mưu kế ấy của người Pháp.

Ông Diệm phiền muộn không phải vì Bảo Đại khoác lại long bào, mà vì ông thấy đất nước bị chia cắt thêm lần nữa bởi sự lập nên một lãnh địa riêng biệt. Ông nghi ngờ người Pháp muốn dùng vùng đất này để duy trì ảnh hưởng lâu dài đối với ba nước mà Cao nguyên Trung phần khống chế: Việt Nam, Campuchia và Lào.

Bà nhớ ông Diệm từng giải thích với bà về mối hiểm họa đó, cách ông nhìn nhận Cao nguyên như một vùng cao chiến lược, từ đó lực lượng quân sự có thể dễ dàng tung ra các

chiến dịch tấn công thẳng lợi chống lại những phòng tuyến yếu thế ở vùng đồng bằng.

Giờ đây, bà biết rằng phe Cộng sản đang nỗ lực chiếm lấy Cao nguyên Trung phần. Họ đã mở nhiều cuộc tấn công quy mô lớn vào quân Mỹ, vốn đóng rải rác khắp vùng này. Cũng như ông Diệm, cả phe Cộng sản lẫn Bộ chỉ huy Mỹ đều hiểu rất rõ giá trị chiến lược của vùng đất ấy.

Ông Diệm từng nói: “Nếu cuộc chiến này còn tiếp diễn, một ngày nào đó, trận đánh lớn nhất sẽ diễn ra ở Cao nguyên Trung phần. Ai chiếm được nơi đó, kẻ ấy nắm chìa khóa của chiến thắng.” Và ông dẫn lại lời Tôn Tử: “Đánh từ trên xuống, đừng leo lên mà đánh.” Ông khẳng định: “Ngày nào chúng ta để cho Cộng sản chiếm được Cao nguyên Trung phần, ngày đó chúng ta đã thua cuộc chiến.”

Ông Diệm quan tâm đến vùng Cao nguyên không chỉ vì tầm quan trọng chiến lược. Ông yêu quý đồng bào thiểu số ở đó với một tình cảm gần như ám ảnh. Ông lo rằng, khi vùng này bị biến thành Hoàng triều cương thổ, người Pháp sẽ thuyết phục các dân tộc thiểu số quay lưng lại với anh em người Việt ở đồng bằng.

Một trong những hành động lớn đầu tiên mà ông Diệm thực hiện năm 1955, ngay sau

khi ông quyết định bãi bỏ chế độ quân chủ, là sáp nhập lại vùng Cao nguyên vào lãnh thổ quốc gia. Ông bãi chức Tổng trấn Hoàng triều Cương thổ - người vừa là bạn, vừa là đối thủ - Nguyễn Huệ, cách chức Tổng thư ký Hoàng triều là Bá tước Didelot (em rể của Hoàng hậu), và giải tán Đội Cận vệ Hoàng triều.

Hiệp đang mải mê thả hồn về quá khứ thì bất chợt, chiếc xe jeep của Mỹ vừa vượt qua xe bà ít phút trước đã lao trúng một ổ phục kích.

Tiếng nổ chói tai làm Hiệp choáng váng. Người lái xe giảm tốc rồi dừng hẳn bên vệ đường, không biết phải làm gì. Giờ đây, họ nghe rõ những loạt đạn liên thanh dồn dập vang lên ở phía trước.

Có thể quay đầu xe lại, chạy về phía sân bay Liên Khương - đó là một lựa chọn. Nhưng người lái xe nói rằng anh ta không biết ổ phục kích được bố trí thế nào. Nếu quay lại, họ có thể lọt vào một gọng kìm khác của phục kích. Vì thế, cả ba người chỉ biết ngồi yên trong xe, run sợ chờ đợi. Vô ích nếu chạy đi tìm chỗ nấp - hai bên đường là những sườn dốc quá đứng. Hơn nữa, họ không biết chính xác ổ phục kích được đặt ở đâu, bao nhiêu nhóm, có thể quân du kích đang chờ sẵn ở tận dưới chân đồi.

Người lái xe hạ kính xuống, và một làn khói khét nồng xộc vào từ hướng trận đánh. Con đường quanh co, cùng với những bụi cỏ tranh và cỏ dại cao ngút, khiến họ không thể nhìn xa được; họ chỉ có thể đoán chừng khoảng cách giữa mình với nơi giao chiến.

Họ ngồi đó và cầu nguyện. Ấm chợt tự hỏi tại sao mình lại nhận lời mời của cha Lập, Viện trưởng Đại học Đà Lạt. Ông từng nghĩ rằng thay đổi không khí sẽ tốt cho Hiệp. Ông nghĩ rằng việc nhìn thấy ngôi trường đại học do Tổng Giám mục Thục sáng lập sẽ khiến tinh thần bà phấn chấn hơn. Ông nào ngờ rằng chính mình lại đang đặt vợ vào vòng nguy hiểm.

Vài tiếng nổ nữa vang lên, như tiếng lựu đạn. Rồi im bật. Người lái xe nói: “Hoặc là Việt Cộng đã rút, hoặc là họ đã giết hết bọn lính Mỹ rồi.”

Lời nói ấy khiến Hiệp rùng mình. Đúng vậy - chỉ ít phút trước, một chiếc xe jeep chở năm, sáu lính Mỹ đã vượt qua xe họ. Chính chiếc xe đó đã bị phục kích. Bà nhớ rõ khuôn mặt trẻ trung của họ. Khi đi ngang qua, họ còn vẫy tay chào Hiệp và Ấm, mỉm cười vui vẻ. Hiệp nắm chặt chuỗi tràng hạt trong tay, khẩn cầu: “Lạy Chúa, xin Người gìn giữ họ được bình an.”

Hiệp như bị treo lơ lửng trong thời gian, đau đớn nghĩ đến số phận của những chàng trai trẻ ấy. “Còn trẻ thế, mới vài phút trước thôi vẫn cười nói rạng rỡ! Giờ đây, có lẽ họ đang nằm bất động ở đằng kia. Lạy Chúa! Tại sao những điều này lại phải xảy ra?”

Một thoáng trôi qua, Hiệp lại nghĩ đến phía bên kia - Việt Cộng. Liệu cũng có người chết trong hàng ngũ họ không? Bà phải cảm thấy thế nào đây? Bà không biết. Bà giằng xé: “Việt Cộng cũng là người Việt Nam mà,” bà nghĩ, không thể lý giải được chính nỗi đau của mình.

Tâm trí bà quay cuồng trong một cơn lốc: “Có thể họ từ miền Bắc xa xôi vào đây, băng qua hàng nghìn dặm rừng rậm. Họ có thể đã bị muỗi rừng cắn, bị sốt rét hành hạ. Họ có thể đã lê bước, kiệt sức vì đói, khát và nỗi sợ bom B-52.”

“Nhưng cũng có thể,” bà nghĩ tiếp, “họ chỉ đến từ một ngôi làng gần đây thôi. Đêm qua, có lẽ họ còn cười nói với vợ con - những người giờ đang lo sợ, chờ đợi họ trở về.”

Hiệp lại siết chặt chuỗi tràng hạt. Dù là người Mỹ hay người Việt, những kẻ vừa giao tranh cách bà chỉ vài trăm mét, thuở ấu thơ chắc chắn chưa từng nghĩ rằng một ngày nào đó, họ sẽ đứng đối diện nhau nơi đất khách, tay cầm súng - để giết hoặc bị giết.

*

Lúc này, nhiều xe quân sự bắt đầu kéo đến. Lính Mỹ và lính Việt Nam nhảy khỏi xe, ra hiệu cho người lái xe của Hiệp phải rời khỏi khu vực ngay lập tức. Anh vội khởi động và cho xe tiến lên phía trước.

Khi đi ngang qua hiện trường, Hiệp thấy một hố lún toang hoác giữa mặt đường nhựa, và chiếc xe jeep bị nổ tung, lật ngửa, vẫn còn cháy, nhả khói đen kịt và mùi khét nồng nặc. Gần đó, hai xác lính nằm sóng soài; ba người khác bị thương vẫn cố bám chặt khẩu súng. Cả nhóm bê vết máu. Tiếng còi hú vang dội khắp các ngọn đồi, vọng qua những thung lũng hẹp. Những tiếng còi ấy vừa báo hiệu viện binh đang tới, vừa như tiếng kèn báo tử cho những người vừa ngã xuống.

Giờ đây, chiếc xe của họ đã đi khá xa khỏi nơi giao chiến. Hiệp muốn nói gì đó với Ấm, nhưng qua làn nước mắt và nỗi đau ghen ngào, giọng bà bị bóp nghẹt lại, chỉ còn hơi thở run rẩy. Ấm nhìn bà, cố đoán những gì vợ mình đang muốn thoát ra. Anh nghĩ rằng bà nói: “Tại sao họ lại phải chết như thế... chết nơi đất khách, xa quê hương mình?”

Một chiếc xe đen đang lao nhanh từ hướng Đà Lạt tới. Người lái xe nhận ra ngay chiếc xe ấy và lập tức thẳng lại. Từ trong xe bước

ra cha Lập, giọng đầy vẻ nhẹ nhõm: “Cha biết giờ con đến, nên khi nghe tin có phục kích ngay ngoài sân bay Liên Khương, cha lo lắm, nên lái xe chạy vội ra đây. Tạ ơn Chúa, các con đều bình an.”

Hai vợ chồng được mời sang đi trên chiếc xe của cha Lập. Vị Viện trưởng Đại học Đà Lạt vừa lái xe vừa nói, giọng vẫn pha chút trách móc: “Cha đã xin được đón con ngay tại sân bay, nhưng con cứ một mực bảo không cần. Lạy Chúa, nếu có chuyện gì xảy ra cho con, chắc cha ân hận suốt đời mất.”

Hiệp đáp, giọng vẫn còn run run: “Nếu xe chúng con đi nhanh hơn một chút, chắc đã lọt ngay giữa ổ phục kích rồi.”

Cha Lập thở dài: “Trước nay chưa từng có cuộc phục kích nào trên đoạn đường này cả - cho tới hôm nay. Ồ, trong một cuộc chiến du kích thì chẳng nơi nào còn an toàn nữa. Các con có thấy gì sau khi trận đánh kết thúc không?”

Ấm trả lời: “Con thấy hai lính Mỹ bị giết, ba người khác bị thương.”

Hiệp rùng mình. Đúng vậy - trong các bản tin, người ta sẽ viết gọn lỏn: Hai tử sĩ, ba bị thương trong trận giao tranh. Nhưng Hiệp nghĩ thầm: “Ai sẽ kể rằng, chỉ ba phút trước khi bị phục kích, họ còn ngẩng những khuôn

mặt trẻ trung, mỉm cười và vẫy tay chào chúng ta?”

*

Trong căn phòng nhỏ mà Cha Viện trưởng dành cho họ ở Đại học Đà Lạt, Ấm và Hiệp ngồi lặng nhìn trần vòm cong và những ô cửa kính màu. Từng chi tiết nhỏ đều gợi nhớ đến bàn tay chăm chút của Tổng Giám mục Thục, người sáng lập và cũng là Viện trưởng danh dự của trường.

Phòng của họ được sắp đặt giống hệt những phòng khác dành cho các giáo sư thỉnh giảng. Hiệp mở cửa sổ. Trước mắt bà trải rộng những bãi cỏ xanh mượt dưới hàng thông cao vút. Buổi chiều hôm đó, tình cờ bà đọc thấy tên của một toà nhà trong khuôn viên: Thụ Nhân – nghĩa là “bồi dưỡng con người”. Bà nhớ lời Khổng Tử: “Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người.”

Giống như ông Diệm – người đã sáng lập Đại học Huế bốn năm trước – Đức Tổng Giám mục Thục đã xây dựng Đại học Đà Lạt năm 1961 bằng tất cả tâm huyết và tình yêu đối với quê hương.

Ngài đã dõi theo từng chi tiết, từ khi bản thiết kế đầu tiên còn là những nét bút xanh trên giấy. Ngài làm việc cùng các kiến trúc sư, kỹ sư, thợ nề, thợ mộc, và những người

làm vườn. Ngài có mặt ở mỗi công trình, nhìn từng toà nhà mọc lên giữa đồi thông lộng gió.

Khi mọi thứ hoàn tất, ông Diệm đã đích thân đến làm lễ khánh thành trường vào ngày 11 tháng 2 năm 1961. Hiệp nhớ rõ ngày ấy – đó là Lễ Đức Mẹ Lộ Đức. Tất cả các anh em trai của bà đều có mặt. Họ có mời bà đi cùng, nhưng bà từ chối, viện cớ bị cảm lạnh kéo dài.

Giờ đây, nhìn ra cửa sổ, Hiệp thầm nói với chính mình: “Cho dù không còn ai nhớ đến gia đình ta nữa, chỉ cần ngôi trường này còn đứng vững nơi đây, chỉ cần Đại học Huế và Viện Quốc gia vẫn còn ở Huế, thì công trình của Cha và các anh ta vẫn sẽ sống mãi.”

*

Ngày 24 tháng 6 năm 1967, Hiệp và Ấm trở lại Huế. Gần bốn năm đã trôi qua kể từ ngày bà vội vã rời bỏ thành phố thân yêu sau cuộc đảo chính.

Cha Thuận cùng các người thân đã chăm nom ngôi nhà trong thời gian bà vắng mặt. Nhiều món đồ quý đã biến mất; kẻ trộm thỉnh thoảng vẫn lén vào. Nhưng căn nhà vẫn còn mùi hương quen thuộc - hương của quá khứ, của ký ức.

Ấm nhìn vợ đi dọc khu vườn, ánh mắt bà rạng ngời. Ông biết - bà đang muốn bật lên tiếng reo vui. Chỉ hai ngày nữa, Cha Thuận

sẽ được tấn phong Giám mục. Ấm nhớ lại, đã có lần Hiệp kể với anh rằng, gia đình bà từng từ tro tàn của Đại thần Thái Trưởng lên như chim Phượng Hoàng. Và bây giờ - con Phượng ấy sắp tung cánh trở lại.

Vừa đến Huế, khách khứa đã kéo đến tấp nập. Ấm mừng vì đang có thời gian đình chiến, nên Hiệp có thể ra vườn đi dạo một mình đôi chút. Trong khu vườn ấy, Ấm đã từng thấy Hiệp thông thả sánh bước cùng Khôi, Thục, và Diễm. Mỗi người trong số họ từng tìm đến nơi này để kiếm tìm sức mạnh, sự bình an trong tâm hồn, hay một lối giải cho vấn đề đang vướng bận. Và mỗi lần như thế, Hiệp lặng lẽ lắng nghe họ - đáp lại không phải bằng lời nói, mà bằng sự im lặng an nhiên, và rồi, sau buổi gặp gỡ ấy, họ ra về với tâm hồn được xoa dịu, lòng tin được củng cố, hoặc trí tuệ được khai sáng.

Chính trong khu vườn này, Hiệp đã chăm sóc cho Thuận sau cái chết của Xuân, cây hoa tử đằng - người Mẹ Sầu Bi - vẫn âm thầm che chở niềm hy vọng mới vừa nhen lên trong tàn tro đau thương. Bà đã dành bao nhiêu năm để dõi theo anh, không tin rằng anh sẽ trưởng thành? Biết bao năm, bà vẫn nắm chặt bàn tay anh - với nỗi sợ hãi âm ỉ từ cái chết của Xuân luôn gặm nhấm tâm can.

Rồi Thuận đã lớn, đã trở thành một linh mục, và bây giờ - chỉ hai ngày nữa, người con ấy sẽ được tấn phong Giám mục.

Ấm còn nhớ rất rõ niềm vui và niềm kiêu hãnh của bà Ngô Đình Khả khi Thục được tấn phong Giám mục - chuyện ấy xảy ra gần ba mươi năm trước. Giờ đây, đến lượt Hiệp được nếm trải niềm hạnh phúc và tự hào ấy.

Trong vườn, chẳng hay biết Ấm đang dõi theo, Hiệp khẽ ngân nga hát. Vài con bướm công xanh lớn lượn quanh bà một lát, rồi lại bay đi theo hướng dòng sông. Bà mỉm cười - đã bao năm trôi qua kể từ ngày bà và Diệm cùng đặt cho loài bướm ấy cái tên “bướm công”, vì đôi cánh xanh biếc của nó có những đốm tròn như mắt người.

Hiệp chợt nhớ những nghi lễ hằng năm sau khi ông Diệm trở lại nắm chính quyền năm 1954. Mỗi năm, vào sáng mùng Một Tết Âm lịch, ông Diệm tiếp ngoại giao đoàn và nội các tại Dinh Độc Lập. Rồi ông cùng ba người em là Thục, Nhu, Luyện và Lệ Xuân đáp máy bay ra Huế, đến gần trưa thì tới nơi. Cẩn, Hoàng và Hiệp sẽ cùng gia đình ở Huế ra đón đoàn từ Sài Gòn về, để chúc mừng bà Ngô Đình Khả.

Sang mùng Ba Tết, họ dự Thánh lễ cầu hồn cho thân phụ, đến viếng mộ ông, rồi dự hội

đồng gia tộc thường niên. Chiều muộn, Thục và Diễm dẫn đầu đến thăm nhà Hiệp, rồi đến nhà Hoàng.

Chuyện ấy đã xa lắm rồi, nhưng giờ đây, trong nắng vàng rực rỡ của Huế, Hiệp vẫn như còn thấy cảnh xưa: Những người anh, người em của mình đi ngang qua cổng, vừa cười vừa nói rộn ràng, rồi khi thấy Ấm và Hiệp đứng ở cửa, họ cùng reo vang: “Chúc Mừng Năm Mới!”

*

Đức Cha Thuận đặt bó hoa lên phần mộ. Bên cạnh, người mẹ đội nón bài thơ xứ Huế, đang quỳ trước mộ ông ngoại của Thuận, chìm sâu trong lời cầu nguyện. Thuận linh cảm rằng đây có lẽ là lần cuối cùng mẹ anh còn đủ sức đến đây.

Lễ tấn phong Giám mục của anh vừa diễn ra thật đẹp. Giờ đây, anh đã sẵn sàng lên đường về giáo phận Nha Trang. Anh mừng vì cha mẹ mình đã có thể trở lại Huế, dù biết rằng nhiều cảnh vật nơi đây có thể khơi lại vết thương xưa.

Họ đi bộ một quãng ngắn từ nhà mình. Họ thấy ngôi nhà của mẹ đang bị lính gác canh giữ. Tòa án Cách mạng đã tịch thu nó. Họ thấy Nhà thờ Chính tòa vẫn còn dang dở - đó là công trình lớn cuối cùng của Ấm, bị bỏ dở khi Tổng

Giám mục Thục phải rời đi, và Ấm cùng Hiệp, bà Khả cũng buộc phải chạy vào Sài Gòn.

Họ đến thăm Tòa Tổng Giám mục, nơi Đức Cha Thục từng ở. Đức Tổng Nguyễn Kim Điền, người kế nhiệm, đón họ bằng thái độ ân cần, nhưng họ chỉ nán lại ít phút. Điều họ muốn chỉ là được nhìn lại căn nhà và khu vườn xưa, nơi đã in dấu bao kỷ niệm. Ngôi nhà ấy đã tồn tại từ thời Đức Cha Allys, rồi đến Đức Cha Lemasle, Đức Cha Urrutia, và sau cùng là Tổng Giám mục Thục.

Giữa những hồi ức về người anh Thục, Hiệp quay sang nói với chồng: “Cha em từng là Phụ tá Ngai vàng dưới triều vua Thành Thái. Đức Cha Allys, khi mừng ngân khánh linh mục, cũng được tặng danh hiệu Phụ tá Ngai Tòa Thánh. Rồi đến lượt anh Thục - sau năm 1964 - cũng được Đức Giáo hoàng Phaolô VI, bạn thân của anh, ban cho cùng tước vị đó.” Ấm gật đầu, mỉm cười: “Anh vẫn thường tự hỏi - sao cuộc đời chúng ta lại đầy những sự trùng hợp lạ lùng đến thế.”

Họ đến thăm Chung viện của Thuận, nơi anh từng làm Giám đốc trong nhiều năm. Họ cũng đã dự lễ tấn phong Giám mục của Thuận tại chính sân trước của Chung viện ấy. Buổi lễ được cử hành ngoài trời, với hàng ngàn người tham dự.

Thuận nhìn thấy niềm hân hoan và tự hào trong ánh mắt mẹ mình. Anh thấy niềm hy vọng hồi sinh trong lòng bà. Và anh khẩn thiết cầu nguyện, xin Chúa cho anh đừng bao giờ làm mẹ thất vọng.

Giờ đây, trước mộ phần của ông ngoại, người mẹ lặng lẽ cầu nguyện. Trên khuôn mặt bà, một vẻ bình an tỏa sáng, dù nắng trưa gay gắt đã được che khuất dưới chiếc nón bài thơ truyền thống của xứ Huế. Trong lòng Thuận, anh biết rằng đây chính là nghi thức tiễn biệt sau cùng. Anh hiểu rằng quân Cộng sản sắp tràn vào Huế, và mẹ anh sẽ chẳng bao giờ còn có thể trở lại nơi này nữa.

Không xa đó là chùa Từ Đàm. Buổi chiều lặng lẽ, tiếng chuông đại hồng ngân vang. Trong tiếng chuông ấy không chỉ có nỗi buồn - mà còn có cả niềm tiếc nuối và hoài vọng. Âm thanh vang vọng ấy như chở theo những giấc mộng tan vỡ của Phật giáo Ấn Quang, như tiếng báo hiệu của những ngày tăm tối sắp tới - những ngày đè nặng lên cả Phật tử lẫn giáo dân, những con người giờ đây đang co cụm trong lòng thành Huế, mang theo bên mình ánh hào quang đã tắt, giấc mơ đã vỡ, và sự trong sáng đã mất.

Thuận quay lại nói với cha mẹ: “Đã đến lúc phải đi thôi.”

*

Giáo phận Nha Trang bao trùm một vùng lãnh thổ khá rộng. Lúc ấy, trong giáo phận đã có ba căn cứ quân sự lớn của Mỹ: Cam Ranh, Nha Trang, và Tháp Chàm.

Chẳng bao lâu, Thuận được mời đến các căn cứ đó để ban Bí tích Thêm sức cho binh sĩ Mỹ. Anh nhận trách vụ mục vụ ấy với lòng nghiêm cẩn, và chẳng mấy chốc, ký ức của anh đầy ắp tên tuổi những người lính và sĩ quan Mỹ mà anh từng gặp gỡ, an ủi và cầu nguyện cùng.

Khi mở cửa nhà và mở cả lòng mình đón tiếp họ, Thuận ngày càng hiểu sâu hơn nỗi giằng xé trong tâm hồn của những người lính trẻ ấy. Phần lớn họ bị gọi nhập ngũ, không hề hiểu rõ vì sao mình lại có mặt ở Việt Nam. Một hôm, một binh nhì hỏi anh: “Sao người Việt lại bắn vào bọn tôi? Chúng tôi được bảo là đến đây để giúp các anh cơ mà.” Trước câu hỏi giản dị đến nhói lòng ấy, Thuận chỉ biết nhìn cậu ta bằng ánh mắt trĩu buồn, vì anh không thể nào tìm được một câu trả lời hợp lý.

Lại có lần, một trung sĩ nhiều kinh nghiệm hơn hỏi anh: “Các anh trông ai cũng giống nhau cả. Làm sao bọn tôi phân biệt được ai là Việt Cộng, ai là người dân bình thường?” Thuận hiểu sự bối rối của viên trung sĩ ấy. Anh có thể nói thật: ngay cả đối với chính

anh, đôi khi cũng không có cách nào biết được. Anh đã dần đi đến một nhận định đau đớn rằng: đối với nhiều người Việt Nam ở miền Nam, “theo Việt Cộng hay theo chính quyền Sài Gòn” chỉ là chuyện của thời điểm và mức độ. Lúc thì họ ngả về phía Cộng sản, khi thì lại ngả về phía chính phủ, tùy vào việc bên nào vừa gây ra tội ác nhiều hơn, hoặc tỏ ra bớt tàn nhẫn hơn. Trước những câu hỏi cơ bản ấy, anh chỉ biết lặng thinh.

Những nhóm lính Mỹ tụ họp dưới lều dã chiến quanh anh thường nêu những câu hỏi riêng tư hơn: “Tại sao bọn tôi không thể làm quen với những cô gái làng hoang trong gia đình Việt Nam? Sao chỉ được phép lui tới với mấy cô gái quán bar hay tài xế taxi?”

Giữa một cuộc chiến không có chiến tuyến rõ ràng, những người lính Mỹ khó lòng giữ được tinh thần. Họ không chịu nổi cảnh đồng đội bị giết hoặc bị thương tật, và thấy chiến tranh cứ kéo dài vô tận mà chẳng thấy lối ra. Nhưng nỗi dằn vò lớn nhất của họ lại là không hiểu được mình đang chiến đấu vì điều gì. Họ không bảo vệ đất Mỹ, không chiến đấu trên quê hương mình, và không thấy lợi ích nào của nước Mỹ trong những cánh đồng và dãy núi của Nam Việt Nam. Điều duy nhất họ muốn - là được trở về nhà.

Thuận cảm nhận sâu sắc nhu cầu cầu nguyện và niềm tin trong lòng những người lính ấy. Anh dành vô số giờ trò chuyện, chuẩn bị cho họ lãnh Bí tích Thêm sức, cầu nguyện cùng họ, và an ủi họ trong nỗi hoang mang, sợ hãi. Nhưng mỗi lần trở về từ căn cứ Mỹ, trái tim anh như vỡ nát.

Anh nhìn thấy bi kịch của quê hương mình đang trở thành bi kịch của nước Mỹ. Anh biết người Mỹ sẽ không ở lại lâu, nhưng họ sẽ ở lại đủ lâu để viết nên vài trang bi thương trong lịch sử của chính họ. Thuận nhớ lại điều mà Diệm từng cố gắng thực hiện trước đây: ông đã nỗ lực hết sức để ngăn người Mỹ can dự sâu vào chiến tranh, và tránh leo thang xung đột bằng mọi giá.

*

Thuận nhìn xuống hội chúng đang ngồi trước mặt. Các tuyên úy Mỹ đều biết rõ ông là ai. Tin tức đã lan truyền: “Ngài là cháu ruột của cố Tổng thống Ngô Đình Diệm.” Họ chờ đợi nghe ông nói thẳng suy nghĩ của mình về vai trò của Mỹ trong cuộc đảo chính 1963, và về cái chết bi thảm của những người cậu ruột. Họ cũng mong ông phê phán chính sách của Hoa Kỳ, chính những chính sách đã đưa nửa triệu lính Mỹ vào rừng núi và đầm lầy miền Nam Việt Nam.

Thuận đã không làm điều mà họ mong đợi. Ông đến đó chỉ để giúp các tuyên úy Mỹ trong kỳ tĩnh tâm của họ, và ông chỉ định nói về nỗi khổ cực của những người lính Mỹ đang chiến đấu ngoài mặt trận hay trong các căn cứ.

Các tuyên úy Mỹ trông gần như trẻ bằng những người lính mà họ phục vụ. Thuận hiểu công việc hằng ngày của họ vất vả đến thế nào: họ là những người quỳ bên cạnh các binh sĩ đang hấp hối để nghe lời xưng tội cuối cùng; đêm này qua đêm khác, họ ngồi trong các bệnh viện quân y, bên giường thương binh, cầu nguyện cùng họ. Họ theo các đại đội và trung đội ra ngoài những cuộc hành quân sinh tử.

Những tuyên úy ấy không hỏi Thuận những câu đơn giản. Họ muốn biết bối cảnh lịch sử của sự can dự của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Họ muốn Thuận giúp họ hiểu vì sao nước Mỹ và Nam Việt Nam lại đang bị cuốn vào một cuộc chiến dường như không có hồi kết.

Họ cũng muốn ông nói về người cậu của mình - Tổng thống Ngô Đình Diệm. Không phải để gài bẫy ông, mà chỉ vì họ thật lòng muốn hiểu biết. Nhưng Thuận, vẫn còn bị trói chặt trong nỗi đau sâu thẳm, đã từ chối.

Ông chỉ nói với họ về giáo phận Nha Trang, về ba căn cứ quân sự Mỹ được lập trên đất ấy. Ông kể về những binh sĩ và sĩ quan Mỹ mà

ông đã gặp, về những câu hỏi ngây thơ mà không ai có thể trả lời, về niềm hy vọng, đức tin, sức mạnh con người, và về quyền năng của Thiên Chúa.

Khi lắng nghe, các tuyên úy gật đầu tán đồng. Đối với họ, Thuận không phải là một vị khách, mà là một người đồng hành. Ông cũng là một mục tử, đang phải đối diện với nỗi tuyệt vọng, đau khổ và hoang mang của những con người mà ông và họ cùng được trao phó để chăm sóc.

Họ ước gì ở khắp Nam Việt Nam đều có những người như ông. Nhưng những người Việt Nam mà họ gặp lại hiếm khi giống như Thuận. Miền Nam Việt Nam đang trên đà suy thoái trầm trọng; và những người bạn Việt Nam mà họ quen biết thường chỉ nói về tham vọng riêng, nhu cầu riêng, nỗi sợ riêng. Một số trong họ thường lui tới với những người có quyền lực, và các tuyên úy Mỹ cảm thấy rất bối rối trước sự yếu hèn, ích kỷ, tham lam và phù phiếm dường như đã trở thành bản chất của tầng lớp cai trị ấy.

Họ vẫn vỗ tay sau khi nghe Thuận nói, nhưng sâu trong lòng, họ ước được nghe ông nói về ông Diệm, về những sai lầm ban đầu của nước Mỹ đã dẫn đến sự can dự quân sự sâu vào Việt Nam.

Thuận chủ ý không nói về Tổng thống Diệm, vì không có đủ thời gian để kể cho họ hiểu hết về những nỗ lực của ông Diệm nhằm ngăn chặn người Mỹ khỏi dẫn quá sâu vào cuộc chiến.

Rồi chẳng bao lâu sau, họ sẽ nghe đến “Việt Nam hóa chiến tranh”. Các chỉ huy của họ, các chính trị gia đã gửi họ tới đây, sẽ nói với họ rằng “người Việt phải chịu trách nhiệm về cuộc chiến này”, rằng đây là “cuộc chiến của người Việt Nam”. Nhưng đó chính xác là điều mà các người cậu của Thuận đã từng cố gắng nói với người Mỹ ngay từ buổi đầu.

Thuận không thể nói ra sự thật đau lòng rằng: chính vì Tổng thống Diệm đã từ chối cho phép Cam Ranh trở thành căn cứ quân sự Mỹ, và không cho hàng trăm ngàn lính Mỹ đổ vào Việt Nam để chiến đấu và chết trên đất lạ, nên ông đã phải trả giá bằng chính mạng sống của mình.

Với tư cách một mục tử, Thuận chỉ quan tâm đến con người cụ thể - những thanh niên Mỹ đang phục vụ tại Việt Nam. Ông giữ khoảng cách với những suy nghĩ riêng của mình về sự hiện diện của họ trên đất nước này. Ông chỉ muốn lắng nghe từng câu chuyện riêng, và cho từng người biết rằng ông thực lòng quan tâm đến họ.

Từ một vị Giám mục được giáo dân Việt Nam trong giáo phận yêu mến, Thuận cũng trở nên thân thiết với các binh sĩ Mỹ đóng ở Nha Trang, Cam Ranh và Tháp Chàm.

*

Hồng y Terence Cook đối diện với Thuận dưới căn lều trong căn cứ Cam Ranh. Ngài nói: “Tôi chưa bao giờ đau lòng đến thế trong đời mình.” Là Tổng tuyên úy của Quân lực Hoa Kỳ, Hồng y đang đi thị sát các căn cứ lớn của Mỹ trên đất Việt Nam. Ngài lắc đầu nói tiếp: “Những người lính trẻ này can đảm chẳng kém gì các chiến binh Mỹ trong mọi cuộc chiến trước đây, tôi nghĩ thế. Nhưng trong các cuộc chiến trước, người lính được nói cho biết, hoặc ít nhất là hiểu rõ trong lòng, vì sao họ chiến đấu - và vì sao họ chết.”

Hồng y Cooke chăm chú nhìn vào khuôn mặt của Đức cha Thuận, cố gắng dò xét tâm tư thật sự của ông về cuộc chiến này. Thuận còn trẻ, cao, tuấn tú, không hề để lộ dấu vết nào của những bi kịch ghê gớm đã giáng xuống gia đình mình. Vị Hồng y người Mỹ hỏi thẳng: “Ngài có oán giận sự hiện diện của quân đội Mỹ tại Việt Nam không?”

Câu hỏi không thể trực tiếp hơn. Hồng y muốn thử lay động Thuận, nhưng ông không hề tỏ ra ngạc nhiên hay bối rối.

Thuận cúi đầu nhẹ, rồi trầm ngâm nói: “Một chuỗi biến cố đã đưa chúng ta đến ngã rẽ này. Ai là người có lỗi nhất? Các cậu của tôi – những người đã không thể khiến người Mỹ hiểu được quan điểm của họ? Hay chính người Mỹ – những người không muốn lắng nghe các cậu của tôi? Giờ đây, chúng tôi có hơn nửa triệu lính Mỹ trên đất nước mình. Chúng tôi biết, sớm muộn gì rồi cũng sẽ thua cuộc chiến này. Nhưng ai sẽ phải trả cái giá nặng nề nhất – người Nam Việt Nam, hay người Mỹ?”

Hồng y Cooke hỏi tiếp: “Ngài có tin rằng Việt Cộng sẽ đánh bại được sức mạnh của Hoa Kỳ không?” Thuận đáp thẳng thắn: “Không – không phải trên chiến trường. Nhưng rồi sẽ đến một ngày, không xa lắm đâu, người Mỹ sẽ nhận ra rằng họ đang trả một cái giá quá đắt cho cuộc phiêu lưu này, và họ sẽ tìm đường rút lui. Khi ấy, Việt Cộng sẽ thắng.”

Hồng y nói, giọng chậm rãi: “Tôi không mạnh mẽ, cũng không yêu nước theo cách của Hồng y Spellman. Tôi không thể ban phép lành cho những người lính Mỹ và nói với họ rằng hãy ra trận nhân danh Đức Kitô.” Thuận mỉm cười nhẹ: “Thời Trung cổ thì khác, thưa Đức Hồng y. Khi ấy đức tin đơn giản hơn nhiều. Còn giờ đây, chúng ta không

thể làm những kẻ thập tự chinh nữa. Các cậu tôi – ông Diệm và ông Nhu – thường bị mô tả là những người theo chủ nghĩa dân tộc cứng đầu, luôn tin tuyệt đối vào điều mình làm. Thực ra, họ luôn sống trong giằng xé và hoài nghi chính mình. Tôi thích nghĩ về họ như những con người bị buộc phải đối mặt với những tình thế quá phức tạp so với khả năng của họ. Họ hy vọng rằng mình đang làm điều đúng, nhưng nhiều khi, họ sợ hãi vì biết mình chưa chắc đã tìm ra giải pháp tốt nhất.”

Hồng y lặng im một lúc, như đang đợi câu trả lời cho chính nỗi trăn trở của mình. Thuận nói: “Tôi sẽ không do dự mà chúc lành cho một người lính ra trận. Dù việc họ làm có hợp lý hay không, thì sinh mạng họ vẫn phải được phó thác trong tay Thiên Chúa.”

Hồng y Terrence Cooke ngáp ngừng giây lát, rồi vẫn hỏi: “Các cậu của ngài... họ có căm ghét người Mỹ không?”

Thuận im lặng một lúc lâu. Ông nhìn ra ngoài căn cứ – một tổ hợp quân sự khổng lồ, có lẽ lớn nhất thế giới. Căn cứ Cam Ranh Bay được xây dựng theo hình ảnh của nước Mỹ: mọi thứ đều to lớn, hiện đại, sáng loáng. Thuận không hề có ý lảng tránh câu hỏi.

Ông đáp: “Trái tim của cậu tôi – ông Diệm – được tạo nên theo một cách mà trong đó

không có chỗ cho hận thù. Ông luôn nhớ từng ân huệ dù nhỏ nhất mà người ta đã dành cho mình. Có quá nhiều người Mỹ đã yêu mến và giúp đỡ ông, để ông có thể mang lòng thù hận với nhân dân Hoa Kỳ hay nước Mỹ. Cậu Nhu của tôi thì không hoàn hảo như anh trai mình, nhưng tôi biết ông vẫn luôn tự hào vì được noi theo anh mình. Rốt cuộc, giữa hai người họ không có khác biệt thật sự nào.” Hồng y khẽ gật đầu: “Thật bi kịch thay, họ không còn nữa.”

Lúc ấy, các sĩ quan chạy vào báo tin: máy bay trực thăng đã sẵn sàng, đến giờ Hồng y phải đi. Ngài quay sang Thuận, nói: “Tôi nghĩ từ nay, chúng ta sẽ gặp nhau ít nhất mỗi năm một lần, cho đến khi cuộc chiến này kết thúc. Vậy tạm biệt, bạn của tôi. Hãy chăm sóc cho linh hồn của những người lính dưới quyền tôi. Như ngài đã nói – họ phải được ở trong tay Thiên Chúa khi ra trận, và tôi muốn thêm – khi họ trở về từ cuộc chiến nữa.”

Và đúng như thế - Hồng y Terrence Cooke luôn giữ lời hứa: mỗi năm, cho đến khi quân đội Hoa Kỳ rút hết khỏi miền Nam Việt Nam, ngài đều ghé thăm Đức cha Thuận ít nhất một lần.

Chương ba mươi ba Cái giá quá đắt

Tiếng súng vang lên từ nhiều nơi trong thành phố. Phản ứng đầu tiên của Hiệp là kêu lên đầy lo lắng: “Lại thêm một cuộc đảo chính nữa rồi!” Nhưng đây không phải là đảo chính. Chẳng bao lâu, mọi người đều nhận ra rằng Sài Gòn đang bị tấn công, và một phần của thành phố đã lọt vào tay Cộng sản.

Ấm mở radio, lắng nghe những bản tin rời rạc về giao tranh. Tổng thống Thiệu thông báo rằng quân Cộng sản đã mở một cuộc tổng tấn công, và hơn hai mươi thành phố ở miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam đều đang bị đánh phá. Cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân 1968 đã bắt đầu.

Hiệp nhớ lại thái độ thận trọng và cảnh

giác của ông Diệm mỗi dịp Tết Nguyên đán. Bà nhớ năm kia, trung tá Chiêu bị tấn công ngay trong dịp Tết, và bộ chỉ huy trung đoàn của ông bị quân Cộng sản chiếm giữ. Ông Diệm đã nổi giận dữ dội. Không phải vì viên trung tá đó mải ăn Tết hay lơ là - thực ra, ông ta đang ở ngoài rừng hành quân khi cuộc tấn công xảy ra. Đó là một sai sót, nhưng chắc chắn không phải vì ông muốn nghỉ Tết.

Giờ đây, cả đất nước lại bị bất ngờ, bởi cuộc tổng tấn công của Cộng sản. Hiệp tự hỏi: Làm sao chuyện ấy có thể xảy ra được? Nhất là khi người Mỹ đang có hơn nửa triệu lính đóng khắp miền Nam, làm sao họ lại không biết trước điều gì?

Lần đầu tiên, Hiệp bắt đầu nghi ngờ khả năng tình báo của người Mỹ. Ấm nói: “Rồi thế nào cũng sẽ có người ở miền Nam đứng ra tố cáo người Mỹ rằng họ đã thông đồng với Việt Cộng.”

Hiệp biết Ấm nói đúng. Người ta chỉ có thể tin một trong hai điều: hoặc tình báo Mỹ bất lực, không phát hiện được dấu hiệu của cuộc tổng tấn công, hoặc họ đã biết rõ, nhưng lạnh lùng để mặc cho nó xảy ra, mà không hề báo trước cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.

Khi bản tin loan đi rằng Huế đang bị tấn công dữ dội nhất, và phần lớn thành phố đã

nằm trong tay Cộng sản, Hiệp và Ấm bắt đầu sợ hãi cho sinh mạng của thân quyến và bằng hữu còn ở cố đô.

Tình hình ở Sài Gòn cũng chẳng sáng sủa gì hơn. Rõ ràng, quân Cộng sản đã xâm nhập vào tòa Đại sứ Hoa Kỳ, tấn công Dinh Tổng thống, và chiếm giữ một số vị trí trọng yếu ngay giữa trung tâm thành phố.

Hiệp không thực sự bị nguy hiểm trong suốt cuộc tổng công kích, nhưng bà quần quai trong lo âu cho thân nhân ở Huế và cho Đức cha Thuận đang ở Nha Trang. Điện thoại liên tỉnh đều bị cắt, phát thanh thì chập chờn, lúc có lúc không.

Rồi chẳng bao lâu, tất cả những thành phố bị chiếm trong những giờ đầu của cuộc tấn công đều được tái chiếm từng nơi một - trừ Huế. Trận chiến ở Huế kéo dài hơn một tháng. Coi những phóng sự truyền hình quân đội Mỹ, Hiệp kinh hoàng trước cảnh tàn phá đến xé lòng. Huế chẳng mấy chốc chỉ còn là một đồng tro tàn khổng lồ.

Cuối cùng, quân Cộng sản bị đánh bật khỏi Kinh thành Huế. Và ngay khi họ rút đi, người ta phát hiện hàng nghìn thường dân bị hành quyết, chôn trong những hố chôn tập thể nông cạn khắp vùng phụ cận.

Những người thân và bạn bè của Hiệp sống sót sau trận Huế Mậu Thân 1968 lần lượt tìm đường vào Sài Gòn. Hiệp nhìn thấy nỗi đau trong mắt họ, và đọc được cái chết của Huế trong chính nỗi buồn ấy. Phải mất nhiều thập niên để dựng lại thành phố bằng gạch và vôi vữa, nhưng phải hàng trăm năm mới có thể khôi phục được di sản văn hóa của Huế. Còn linh hồn của Huế, e rằng sẽ chẳng bao giờ tìm lại được nữa.

Ấm nói với Hiệp: “Anh sẽ không bao giờ để em trở lại Huế, dù chỉ là một chuyến thăm ngắn.” Hiệp nghĩ có lẽ anh nói đúng, nhưng mẹ cha bà vẫn còn ở đó. Ấm nói tiếp: “Chúng ta sẽ cùng nhau tưởng nhớ thành phố thân yêu ấy. Nhưng Huế đã mất rồi, Hiệp à. Mất hẳn rồi. Không còn gì để mà nhìn nữa.”

Khái niệm rằng quê hương mình đã biến mất là điều Hiệp không thể nào chấp nhận nổi lúc ban đầu. Những người bạn từ Huế di tản vào Sài Gòn sau Mậu Thân liên tục nói với bà: “Linh hồn của Huế đã mất rồi.” Hiệp không sao hiểu nổi mất mát ấy nghĩa là gì. Với bà, Huế chính là bầu trời, là sông núi, là những tường thành u tịch của Kinh đô, là cái nghèo trung thực của dân chúng. Dĩ nhiên, Hoàng thành đã tan nát, một phần tường thành sụp đổ, nhưng làm sao linh hồn của Huế lại có thể biến mất?

Chỉ rất từ từ, Hiệp mới hiểu được ý nghĩa thật sự của những lời nhắc đi nhắc lại ấy.

Huế đã trải qua biết bao biến thiên dâu bể. Năm 1885, khi thành thất thủ dưới tay người Pháp, và rồi năm 1946, khi quân Việt Minh đốt cháy một phần Hoàng Thành trước khi rút lui, người dân Huế đã thấy kinh đô của mình bị tổn thương, bị sỉ nhục, bị nhuộm màu tang tóc. Đến năm 1968, khi thành phố chỉ còn là đồng tro tàn, khi người bản xứ tản mác khắp nơi, ngay cả núi Ngự, sông Hương cũng dường như đánh mất phần nào vẻ đẹp vốn có.

Nhưng điều khiến người dân Huế đau đớn hơn cả, là thái độ của những kẻ chiến thắng - cách đối xử mà họ phải chịu đựng dưới tay Cộng sản khi thành phố bị chiếm. Nhiều cư dân Huế - những người của thành phố phản kháng, từng thách thức chính quyền Sài Gòn trong các biến động 1964-1966, ban đầu ngỡ rằng các chỉ huy và binh sĩ Cộng sản sẽ đối xử với họ bằng sự tôn trọng và cảm thông. Nhưng họ đã lầm. Các nhà sư, Phật tử hoạt động - những người từng dấy lên phong trào tranh đấu - bị sách nhiễu, bắt bớ, và nhiều người đã bị tàn sát. Chỉ có vài cán bộ Cộng sản được cử làm “ủy viên hành chính lâm thời” là còn giữ được chút nhân tính đối với dân chúng.

Sau Tết Mậu Thân, người dân Huế đã hiểu rằng, rồi một ngày kia, thành phố của họ sẽ vĩnh viễn rơi vào tay Cộng sản. Và vị đắng của những ngày Mậu Thân đã khiến họ không còn đủ ảo tưởng để tin rằng những người cai trị mới sẽ mang lại thiên đường nơi hạ giới.

*

Hiệp sẽ không bao giờ quên hình ảnh mà bà thấy trên màn hình truyền hình hôm ấy: Tổng thống Lyndon B. Johnson - khuôn mặt xanh xao, những nếp nhăn hằn sâu nơi trán như chưa bao giờ rõ đến thế - đang trang nghiêm tuyên bố rằng ông sẽ không tái tranh cử.

Đó có phải là sự thừa nhận thất bại? Hay chỉ là một lời thú nhận rằng ông đã làm khi tính toán về cuộc chiến này? Hiệp thầm nói với chính mình: “Không... đây chỉ là sự nhận ra rằng cái giá phải trả là quá đắt, và lựa chọn duy nhất còn có thể chấp nhận được là tìm đường rút lui, mong sao vẫn giữ được chút phẩm giá cuối cùng.”

Trong khi giới phóng viên và tướng lĩnh còn đang tranh luận rằng chiến thắng trong cuộc tổng công kích Mậu Thân thuộc về Việt Cộng hay quân đội Sài Gòn và Mỹ, thì Tổng thống Hoa Kỳ đã hiểu rõ một điều: Cái giá phải trả là quá cao đối với nước Mỹ.

Đối với Việt Cộng, việc họ mất đi hàng chục ngàn binh sĩ, các đơn vị chủ lực bị xóa sổ, không có gì là quan trọng. *Bởi mục tiêu thật sự của họ đã đạt được*: họ đánh vào tâm lý người Mỹ, và phá vỡ ý chí của cả một dân tộc khổng lồ.

*

Ngày 5 tháng 6 năm 1968, Thượng nghị sĩ Robert Kennedy bị bắn tại Los Angeles. Truyền hình quân đội Mỹ ở Việt Nam loan tin ngay lập tức. Nhưng Hiệp và Ấm chỉ nghe được tin đó sáng hôm sau, khi họ đang chuẩn bị đi lễ nhà thờ.

Bản tin nói rằng ông Kennedy bị thương nặng ở đầu. Hiệp bỗng thấy người run rẩy, phải nhờ Ấm dừng lại một lát, đợi cho cơn choáng qua đi. Một lúc sau, bà mới gượng dậy, lặng lẽ bước cùng chồng trên con đường ngắn tới nhà thờ. Ấm thấy nước mắt chảy dài trên má vợ, nhưng ông không dám nắm tay bà nơi công cộng.

Trời vẫn còn sớm, song đường Kỳ Đồng trước Nhà thờ Chúa Cứu Thế đã đầy người tụ tập quanh các sạp báo, đọc hàng tít lớn in đỏ. Hiệp khẽ nói: “Tại sao chuyện này lại phải xảy ra?” Ấm chỉ lắc đầu, và trong khoảnh khắc ấy, ông nhớ lại cơn chấn động mà vụ ám sát Tổng thống John Kennedy năm 1963 đã gây ra cho vợ mình.

Sáng hôm đó là thứ Năm, Thánh lễ sớm chỉ có vài người tham dự. Hiệp mở sách lễ, và cầu nguyện. Bài Phúc Âm trong ngày kể dụ ngôn về người chủ giao nén bạc cho các đầy tớ. Khi trở về, ông chủ nói với những người trung tín: “Hãy đến mà chung hưởng niềm vui của chủ người!” Ấm nhìn sang, thấy môi vợ mình mấp máy, như đang thì thầm chính câu ấy: “Hãy đến, mà chung hưởng niềm vui của chủ người!” Nước mắt lăn dài trên má bà. Ấm cố gắng tập trung vào Thánh lễ, nhưng nỗi đau của vợ khiến ông không thể nào chú tâm được. Thật kỳ lạ - người vợ của ông, người đàn bà từng mất cả anh em ruột vì chính những quyết định của nước Mỹ, vẫn cảm thấy một sự gắn bó thắm sâu với gia đình Kennedy - một gia đình Mỹ đã ít nhiều góp phần vào cái chết của chính những người bà yêu thương nhất.

*

Chưa đầy hai tháng sau, người em thứ ba của nhà Kennedy, Edward, lại vướng vào một tai nạn xe hơi khiến Mary Jo Kopechne - một cô gái trẻ xinh đẹp, bạn thân của ông - thiệt mạng tại Chappaquiddick.

Khi vận mệnh chính trị của gia tộc Kennedy rơi xuống điểm thấp nhất, Hiệp lại chìm vào một cơn trầm uất mới, mà biểu hiện rõ rệt

là mất ngủ triền miên. Bà nhìn thấy, trong bi kịch của chính gia đình mình và nhà Kennedy, một bài học đẫm máu về cái giá của quyền lực. Bài dụ ngôn về những nén bạc mà bà đọc trong ngày Robert Kennedy bị ám sát lại vang lên trong tâm trí như một lời nhắc nhở. Có lẽ, Thiên Chúa đã ban cho cả hai gia tộc - họ Ngô và họ Kennedy - quá nhiều, và chính điều ấy, đôi khi, lại không phải là phúc lành, bởi Người cũng đòi hỏi ở họ quá nhiều để đổi lại.

*

Hồ Chí Minh qua đời vào ngày 3 tháng 9 năm 1969, để lại một di sản đầy tranh cãi. Bản tin trên đài phát thanh ngắn gọn, lạnh lùng, khô khốc, không một lời bình luận nào về công hay tội của ông ta.

Hiệp ngồi lặng hàng giờ, cố gắng nhớ lại những gì Tổng thống Diệm và các anh em khác từng nói về Hồ. Bà chợt nhận ra rằng, ngay cả trong giai đoạn tuyên truyền dữ dội nhất của Cộng sản chống lại gia đình họ, chưa bao giờ ông Diệm nói một lời miệt thị Hồ Chí Minh. Một cách nào đó, ông vẫn dành cho Hồ một chút cảm tình riêng biệt.

Dẫu vậy, ông Diệm phản đối kịch liệt chủ nghĩa Cộng sản mà Hồ muốn áp đặt lên toàn cõi Đông Dương. Ông thường nói với người

dân miền Nam: “Cộng sản không phải là chủ nghĩa xã hội. Nó không phải triết lý, cũng chẳng phải hệ thống kinh tế. Nó chỉ là một cơ chế để chiếm lấy quyền lực và duy trì quyền lực ấy.”

Hiệp không biết mức độ liên lạc giữa ông Diệm và Hồ đến đâu. Nhưng hiểu tính anh mình, bà tin rằng ông khó lòng để cho kênh thông tin với Hà Nội bị cắt đứt hoàn toàn. Chắc chắn, ông đã có những người trung gian có thể giữ mối liên hệ ở cấp cao nhất. Trong nhiều năm, ông Diệm đã cố thuyết phục Hồ Chí Minh rằng hai miền nên cùng chung sống trong hòa bình, thay vì để đất nước bị hy sinh trong cuộc đối đầu giữa hai khối quyền lực thế giới.

Đôi lần, Hiệp nghe anh mình nhắc đến tên Nguyễn Lương Bằng - người bạn thân tín của Hồ, giữ một vai trò kín đáo nhưng đầy quyền uy trong Bộ Chính trị. Phải chăng chính qua Nguyễn Lương Bằng, hoặc Võ Nguyên Giáp, mà ông Diệm đã duy trì đường dây liên lạc ấy?

Và rồi, năm cuối cùng của đời Diệm, trước Tết Quý Mão 1963, Hồ Chí Minh đã gửi vào Dinh Gia Long một cành đào hồng thắm, kèm lời chúc Tổng thống Ngô Đình Diệm và toàn dân miền Nam một năm mới an khang, thịnh vượng. Ông Diệm trân trọng đặt cành đào ấy

trong đại sảnh của Dinh, như một biểu tượng lặng lẽ của niềm hy vọng hòa giải.

Không ai biết hai người đàn ông ấy đã nghĩ gì trong sâu thẳm: Phải chăng họ đều thấy cuộc chiến này đã quá tàn khốc cho cả hai bên, rằng người Mỹ đòi hỏi quá nhiều, và sự leo thang là điều không thể tránh khỏi?

Trong khi ông Nhu đi lại rầm rộ, khoe khoang về những cuộc tiếp xúc với Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, kẻ phụ trách toàn bộ chiến dịch ở miền Nam - thì ông Diệm lặng lẽ xây dựng những “ăng-ten” của riêng mình ở Paris, Brussels và New Delhi, nhằm giữ cho các kênh đối thoại với Hà Nội vẫn còn mở.

Hiệp tin rằng, khi ấy cả ông Diệm lẫn Hồ Chí Minh đều không nghĩ đến chuyện thống nhất đất nước vội vàng. Họ dường như đã đi đến kết luận rằng Việt Nam không nên bị hy sinh trong cuộc đối đầu lợi ích quốc tế giữa các cường quốc phương Tây và Khối Cộng sản. Họ dường như đã quyết định rằng cả Bắc và Nam Việt Nam sẽ tốt hơn nếu các nhà lãnh đạo Việt Nam có thể giải quyết những bất đồng nội bộ..

Hiệp nhắm mắt lại, đau xót nghĩ: “Những ý định ấy đã không bao giờ thành hiện thực. Những cuộc đối thoại vì hòa bình chưa từng

bắt đầu, mà giờ đây, khi cả hai đều đã khuất, thì Hội nghị Hòa bình Paris lại sắp khai mạc...”

*

Khi ngày càng nhiều người Mỹ xuống đường phản đối chiến tranh Việt Nam, Hiệp đã hiểu rõ điều gì đang đến. Bà biết, không có ý chí chiến đấu thì không thể có chiến thắng. Và bà linh cảm rằng cuộc chiến sắp kết thúc, với người Mỹ lo rút lui, để lại những đồng minh miền Nam đối diện với định mệnh riêng của họ.

Ngày 18 tháng Giêng năm 1969, phiên họp đầu tiên của Hội nghị Hòa bình Paris được khai mạc, trong khi chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn do dự, chần chừ.

Nhưng đâu có phản kháng thế nào, Sài Gòn cũng không thể ngăn cản tiến trình đàm phán ấy - cuộc thương lượng sẽ kết thúc chiến tranh, và cho phép người Mỹ rút đi trong an toàn và danh dự.

Hiệp nhớ lại thời điểm Diệm gặp khó khăn khi tham gia một cuộc đàm phán hòa bình khác. Đó là vào năm 1962, và các cuộc đàm phán hòa bình không liên quan trực tiếp đến Nam Việt Nam. Các phái đoàn tại Geneva lúc đó đang thảo luận về hòa bình và trung lập ở Lào. Diệm và Nhu kiên quyết tin rằng bằng cách bán Lào cho Pathet Lào và Hà Nội, người

Mỹ sẽ giáng một đòn chí mạng vào Nam Việt Nam. Averell Harriman, nhà đàm phán chính của Tổng thống Kennedy tại đó, đã không nghe Diệm và Nhu, và ông ta đã trở thành kẻ thù của Diệm mãi mãi.



Averell Harriman, kẻ góp phần tiêu hủy miền Nam.

Giờ đây, vào năm 1969, Nguyễn Văn Thiệu rơi vào tình thế khó khăn hơn. Không phải Lào, mà chính Nam Việt Nam mới là nước phải hy sinh, và Thiệu không muốn tạo kẻ thù trong chính quyền Nixon.

Kết cục đã rõ ràng. Thiệu sẽ sống sót, ít nhất là trong vài năm nữa. Nhưng Nam Việt

Nam sẽ phải chấp nhận bất kỳ điều kiện nào được yêu cầu để bảo vệ việc rút quân của Mỹ, để giải cứu tù binh chiến tranh Mỹ và để người Mỹ rời khỏi Việt Nam mà không mất quá nhiều thể diện.

Hiệp nhớ lại một trong những điều cuối cùng Diệm nói với bà trước khi ông bị lật đổ và sát hại: “Hoa Kỳ là một quốc gia lớn. Nó có thể phạm sai lầm lớn mà vẫn tồn tại. Nam Việt Nam là một nước nhỏ; bất kỳ sai lầm lớn nào mà chúng ta để người Mỹ gây ra cho chúng ta đều sẽ kết liễu chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta không bao giờ nên để người Mỹ quyết định chính sách thay chúng ta.”

CHƯƠNG BA MƯƠI BỐN TỚI LÚC BÔN ĐÀO

Ngày 23 tháng 10 năm 1969, Tổng thống Nixon xác nhận việc rút một số lượng lớn quân đội Mỹ khỏi Việt Nam. Lần đầu tiên kể từ đầu năm 1967, quân số Mỹ tại Việt Nam giảm xuống dưới mốc năm trăm ngàn.

Hiệp tin chắc rằng cuộc rút quân của Mỹ sẽ hoàn toàn an toàn. Bộ Tư lệnh Tối cao Cộng sản sẽ không bao giờ phạm sai lầm khi cố gắng ngăn chặn kẻ thù trở về nước. Các tướng lĩnh và ủy viên Bộ Chính trị Cộng sản sẽ không lãng phí sinh mạng của quân đội chỉ để làm nhục người Mỹ, bằng cách tấn công vào lực lượng Mỹ đã suy yếu.

Tuy nhiên, Hiệp nhận thấy rằng người Mỹ đã tự gây ra một loạt tổn thương trong quá trình rút lui.

Tháng 11 năm 1969, tờ *New York Times* đã đăng bài về vụ Thảm sát Mỹ Lai. Thảm kịch Mỹ Lai diễn ra vào thời điểm quan trọng, khi

người dân Mỹ đã quá chán ngán chiến tranh. Các cuộc biểu tình phản đối Chiến tranh Việt Nam đã được tổ chức tại Washington. Vào ngày 13 và 14 tháng 11, và một lần nữa vào ngày 20 tháng 11, có tới một phần tư triệu người biểu tình đã tràn vào thủ đô, giận dữ yêu cầu chấm dứt chiến tranh. Người dân Mỹ hiểu rằng không cần phải xác nhận sự liều lĩnh tội ác trong chiến tranh. Chiến tranh Việt Nam còn tồi tệ hơn cả một tội ác. Đó là một sai lầm.

Hiệp ước được mong muốn tha thiết của người dân Mỹ muốn rút khỏi cuộc chiến. Lý do duy nhất khiến bà cay đắng là ngay từ đầu, chẳng có lý do chính đáng nào để người Mỹ trực tiếp tham gia vào cuộc chiến.

*

Trong khi đó, một phong trào lớn nhằm khôi phục danh dự chính trị của Tổng thống Diệm đang diễn ra. Kể từ khi hài cốt của họ được chuyển đến Nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, hàng ngày có nhiều nhóm người đến cầu nguyện bên mộ của ông Diệm và ông Nhu. Một đảng chính trị, Đảng Nhân Xã (Đảng Xã hội Chủ nghĩa Cá nhân), tuyên bố trung thành với tên tuổi của ông Diệm, đã được thành lập và bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Nhiều tờ báo, muốn thể hiện sự tôn trọng đối

với ông Diệm, đã chế giễu những hành động bắt chước vụng về lời nói và hành động của ông trong thể hệ chính trị gia và lãnh đạo quân sự mới. Ông lại được gọi là *Bạc đấng kính*, hay phổ biến hơn là *Cố Tổng thống*.

Người dân của ông Diệm cuối cùng cũng lại vinh danh ông. Một thánh lễ long trọng được cử hành để cầu siêu cho linh hồn ông tại Vương cung thánh đường Sài Gòn vào ngày 2 tháng 11 năm 1970. Những người đồng chí trung thành của ông Nhu và Tổng thống, những người đã ngã xuống trong và sau cuộc đảo chính năm 1963, cũng không bị lãng quên. Một buổi lễ tưởng niệm tại Chùa Tương tế Bắc Việt để vinh danh các ông Diệm, Nhu và Cần đã thu hút cả những người theo đạo Thiên chúa và Phật giáo. Sau thánh lễ tại Vương cung thánh đường và buổi lễ tại chùa, những người tham dự di chuyển đến Nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Bên trong Nghĩa trang, họ cúi đầu cầu nguyện, và sau đó xếp hàng trước mộ của Diệm và Nhu để tỏ lòng thành kính với những anh hùng đã ngã xuống.

Tại Vương cung thánh đường, Hiệp và Ấm được yêu cầu ngồi ở hàng ghế đầu. Ấm nhìn Hiệp cầu nguyện. Đám đông khổng lồ, cả bên trong và bên ngoài Vương cung thánh đường, dường như không ảnh hưởng đến sự

bình yên nội tâm của bà. Bà lập trong thế giới riêng của mình, bà cầu nguyện, xin Chúa trấn an rằng anh em bà đã không chết vô ích.

Những nhân vật quan trọng trước đây của chế độ ông Diệm, các tướng lĩnh và đại tá, đã phô trương xuất hiện tại buổi lễ. Phu nhân của Tổng thống Thiệu cũng nằm trong số những người có mặt. Thánh lễ tưởng niệm đánh dấu sự kết thúc của một giáo phái ngầm dành cho ông Diệm và ông Nhu. Nó đánh dấu sự minh oan công khai cho những gì các ông Diệm, Nhu, Cần và những người đồng chí đã ngã xuống của họ đã đạt được trong cuộc đời.

Hiệp đường như không nhìn thấy sự phô trương và cảm xúc dâng trào xung quanh mình. Điều bà thấy trong tâm trí mình là một người đàn ông tròn trịa, không tuổi, trong bộ đồ da cá mập trắng tinh, nhìn bà với vẻ bình thản và nói: “Đừng lo, em ơi. Một ngày nào đó, trái tim sẽ chiến thắng lý trí, trí tuệ sẽ chiến thắng chính trị, công lý sẽ chiến thắng áp bức, và sự thật sẽ chiến thắng dối trá. Đất nước chúng ta đã tồn tại hơn hai nghìn năm lịch sử được ghi chép. Một ngày nào đó, nó sẽ vượt qua tất cả những thất bại nhất thời này. Chúa sẽ phán quyết cuối cùng”.

*

Tháng 4 năm 1971, nửa triệu người Mỹ

đã biểu tình tại Washington đòi “Hòa bình ngay!” Hiệp biết rằng trước khát vọng hòa bình mãnh liệt đó, chính phủ Mỹ sẽ sớm phải từ bỏ chiến trường.

Bà mừng cho những thanh niên Mỹ. Những cái chết vô nghĩa liên tục của họ ở Việt Nam sẽ chẳng giải quyết được gì. Bà nhớ lại cuộc phục kích ở Đà Lạt. Bà nhớ lại những gì Đức Cha Thuận đã nói với bà về những cuộc chạm trán của ngài với lính Mỹ trong giáo phận của mình. Hiệp chỉ còn biết cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin hãy chấm dứt sự điên rồ này, chấm dứt những mất mát vô ích, vô nghĩa này.”

Hai tháng sau, tờ *New York Times* xuất bản những phần đầu tiên của *Hồ sơ Ngũ Giác Đài*. Quả thực, việc đọc bản dịch *Hồ sơ Ngũ Giác Đài* do Đại tá Thông cung cấp cho Hiệp là một trải nghiệm kinh hoàng. Ông có một đội ngũ biên dịch viên chuyên thực hiện công việc biên dịch cho các công ty nước ngoài ở Sài Gòn. Các biên dịch viên của ông đã dành thời gian để làm thêm công việc này cho Đại tá.

Khi Hiệp đọc tiếp, vai trò của người Mỹ trong việc lật đổ Tổng thống Diệm ngày càng trở nên rõ ràng hơn qua việc đọc các bức điện và bản ghi nhớ mật. Thỉnh thoảng, Hiệp nhìn chăm chăm vào văn bản, không thể tiếp tục, “Vậy ra đây là cách các nhà lãnh đạo cấp

cao nhất của một quốc gia vĩ đại dành nhiều tháng để âm mưu lật đổ một đồng minh lâu năm, một Tổng thống dân cử của một quốc gia đồng minh nhỏ bé sao?” Từng trang tài liệu cho thấy sự ngạo mạn, sự gian trá, sự vô nhân đạo của rất nhiều chính trị gia từng được gọi là giỏi nhất, thông minh nhất và từng phục vụ dưới thời Tổng thống Kennedy. Từng trang tiết lộ lòng dửng dưng và sự khôn ngoan của rất nhiều quan chức Mỹ, những người không may đã không được lắng nghe.

Nỗi cay đắng của bà lớn đến mức trong nhiều ngày, bà đã ngừng đọc bản dịch. Bà quá đau đớn khi đọc những mệnh lệnh tàn nhẫn từ Tòa Bạch Ốc và Bộ Ngoại giao ra lệnh lật đổ ông Diệm. Trong những năm kể từ năm 1963, Hiệp đã nghe đủ về sự can dự của Mỹ vào cuộc đảo chính. Giờ đây, dưới dạng đen trắng, *Hồ sơ Ngũ Giác Đài* đã chính thức xác nhận những gì bà đã nghe.

Khi dân nhân vật trong vở kịch năm 1963 được công chúng biết đến, một số tướng lĩnh Việt Nam đã thấy vai trò đáng ngờ của họ bị phơi bày. Hiệp, người đã tha thứ cho tất cả bọn họ từ lâu, cảm thấy xấu hổ và nhục nhã thay cho họ.

Sau một thời gian, *Hồ sơ Ngũ Giác Đài* không còn là mối đe dọa đối với sự bình yên

nội tâm của bà nữa. Bà chấp nhận nỗi đau dày vò, chỉ vui mừng vì ít nhất một phần sự thật đã được khôi phục.

*

Ngày 31 tháng 3 năm 1972, Cộng sản phát động một cuộc tấn công lớn, sau này được gọi là Cuộc tấn công Thứ Sáu Tuần Thánh. Tại sao lần này Hiệp lại đau đón đến vậy? Quy mô lẫn thời gian của Cuộc tấn công này đều không thể so sánh với Cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Số người chết cũng không khủng khiếp bằng. Tuy nhiên, Hiệp biết rằng đó là khởi đầu của sự kết thúc.

Trong cuộc tấn công này, quân đội Mỹ chỉ ngồi yên và quan sát. Họ chỉ can thiệp với một chút hỗ trợ trên không. Quân đội Nam Việt Nam đã phát động các cuộc phản công tuyệt vọng và thành công trong việc giành lại tất cả các thành phố đã mất, nhưng tất cả các điểm yếu của họ đều bị phơi bày.

Chẳng bao lâu nữa, Hiệp biết rằng Cộng sản sẽ phát động Cuộc tấn công cuối cùng, nhưng họ sẽ đợi cho đến khi quân Mỹ rút đi. Khi không quân Mỹ không còn yểm trợ, không còn các cuộc không kích của Mỹ để tạo nên sự khác biệt, quân đội Nam Việt Nam sẽ hoàn toàn bị áp đảo về hỏa lực. Quân Cộng sản sẽ có thể chiến đấu với quân đội Nam

Việt Nam bằng cách tràn qua đồng bằng ven biển phía bắc Huế, hoặc tốt hơn, như Diệm đã dự đoán, bằng cách chiếm Tây Nguyên và sau đó, triển khai các sư đoàn từ đó xuống vùng đồng bằng để kết liễu chế độ Sài Gòn.

Hiệp chỉ cảm thấy buồn bã chứ không cay đắng. Ông Diệm đã nhìn thấy kết cục không thể tránh khỏi từ lâu. Ngay khi Nam Việt Nam bị khuất phục trước Hoa Kỳ, ngay khi nó mất đi nền độc lập, và do đó mất đi chính nghĩa, thì thất bại chỉ còn là vấn đề thời gian.

Có những người Nam Việt Nam và người Mỹ nghĩ rằng Hoa Kỳ có thể thắng cuộc chiến, lập luận rằng nếu Hoa Kỳ ném bom Bắc Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá, thì cuộc chiến đã có thể thắng. Hiệp không đồng tình với quan điểm đó. Ngay cả khi người Mỹ sử dụng vũ lực không bị kiềm chế chống lại Bắc Việt Nam, Hiệp biết, họ cũng không thể thắng cuộc chiến. Điều đó sẽ giúp đoàn kết người Việt Nam, cả miền Bắc và miền Nam, nhanh hơn thực tế, để chống lại người Mỹ.

Một chiến lược như vậy sẽ nhanh chóng khơi dậy một phong trào phản đối rộng lớn tại Hoa Kỳ, chống lại sự can dự của Mỹ vào cuộc chiến.

Cuộc Tổng tấn công bắt đầu vào Thứ Sáu Tuần Thánh. Đó là lần đầu tiên trong đời bà thức dậy

vào sáng Phục Sinh mà không cảm thấy mình được hồi sinh. Tiếng chuông vui mừng của Nhà thờ Chúa Cứu Thế vào sáng Phục Sinh không thể xóa nhòa khỏi tâm trí bà tiếng chuông buồn bã của ngày Thứ Sáu Tuần Thánh.

Nhiều tuần, rồi nhiều tháng trôi qua. Tiếng chuông Thứ Sáu Tuần Thánh vẫn ngân vang trong tâm trí bà. Cảm giác nhẹ nhõm đến từ quá khứ. Nó đến đúng lúc bà cần nhất.

*

Năm 1972, Hiệp nghe nói về cuốn sách *Giữa Chiến Tranh* (In The Midst of War) của Tướng Edward Lansdale. Lần này, Hiệp gọi Đại tá Thông nhờ giúp đỡ. Bản dịch thật tuyệt vời. Rõ ràng Đại tá đã giao cho những dịch giả xuất sắc của mình công việc.

Tướng Lansdale đã giữ lời hứa. Bà nhớ lại cuộc gặp gỡ tình cờ của họ ở Vũng Tàu. Hôm đó, ông đã nói rằng ông sẽ hoàn thành cuốn sách. Bà đã đọc toàn bộ cuốn sách bằng bản dịch. Những đoạn Lansdale viết về trải nghiệm của ông với Magsaysay, Tổng thống Philippines, khiến bà rất thích thú.

Hiệp nhớ lại ông Diệm đã ngưỡng mộ Magsaysay như thế nào, và ông đã đau buồn ra sao khi nhà lãnh đạo Philippines qua đời trong một vụ tai nạn máy bay ở Cebu, vào ngày 17 tháng 3 năm 1957.

Cuốn sách của Lansdale đầy những giai thoại về Diệm. Xuyên suốt cuốn sách, Diệm đã được minh oan cho vai trò của mình trong những năm tháng khó khăn 1954-1955. Điều khiến Hiệp ấn tượng nhất là sự ngưỡng mộ chân thành của Lansdale dành cho ông Diệm, mặc dù ông thừa nhận tất cả những điểm yếu và thiếu sót của ông Diệm.

Hiệp cảm thấy thật sáng khoái khi đọc cuốn sách của Lansdale sau cuộc đấu tranh đau đớn của bà với các tài liệu của Hồ sơ Ngũ Giác Đài. Hiệp tự nhủ: “Mình thực sự cần phải đọc đi đọc lại cuốn sách này. Nó tiết lộ rất nhiều điều về Diệm và Nhu mà trước đây mình chưa từng biết đến. Tuy nhiên, ngay cả những phần mình không biết cũng mang trong đó những mô tả của vị tướng, một sự chân thực đến kinh ngạc. Chúng khẳng định những phần mình biết về họ.” Trong nhiều tháng, Hiệp đọc đi đọc lại những trang đã dịch và cảm thấy bình yên từ những gì được viết trong đó.

Tình bạn của Lansdale chưa bao giờ kết thúc. Sau này, khi Hiệp sống lưu vong, hàng năm, vào khoảng ngày 2 tháng 11, bà nghe nói ông lại viết một bức thư tuyệt đẹp khác gửi đến các cộng đồng người Việt ở nước ngoài tụ họp và tưởng niệm ngày mất của ông Diệm.

Cuốn sách của Lansdale mang lại cho bà sự nhẹ nhõm. Tuy nhiên, Hiệp biết rằng Nam Việt Nam đang ngày càng tiến gần đến bờ vực thẳm.

Tướng Đặng Văn Quang, con đỡ đầu của Ấm, lúc đó là Cố vấn An ninh Quốc gia của Tổng thống, đã đến thăm Ấm và Hiệp khá thường xuyên. Một hôm, ông nói: “Cuộc Tổng tiến công Thứ Sáu Tuần Thánh không lay chuyển được Tổng thống Thiệu bằng bản dự thảo hiệp định mà Alexander Haig đưa cho ông tuần trước.”

Lúc đó là tháng 10 năm 1972. Sài Gòn đầy dẫy tin đồn. Người ta bàn tán về Hội nghị Hòa bình Paris và những bản dự thảo hiệp định tưởng tượng trong các quán cà phê, trên báo chí, thậm chí cả trong các buổi họp giáo xứ. Đây là lần đầu tiên Hiệp nghe nói về sự tồn tại của một bản dự thảo hiệp định thực sự.

Ấm hỏi: “Bản dự thảo hiệp định tệ đến vậy sao?” Quang gật đầu: “Tệ lắm. Chúng ta thậm chí sẽ không thể giữ được lãnh thổ mà chúng ta vẫn kiểm soát, nếu chúng ta ký hiệp định này. Cha thấy đấy, theo bản dự thảo hiệp định, quân đội Cộng sản hiện đang ở miền Nam không bắt buộc phải rút ra Bắc, và họ được phép giữ lại khu vực phía Bắc mà họ đã chiếm đóng kể từ Cuộc Tổng tiến công Thứ

Sáu Tuần Thánh. Mặt khác, người Mỹ sẽ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng chín mươi ngày sau khi hiệp định được ký kết.”

Hiệp không nói gì. Vậy là cả người Mỹ và người Cộng sản đều đã đạt được điều mình muốn. Người dân miền Nam Việt Nam sẽ là những người phải trả giá.

Ấm hỏi: “Chiến lược của Tổng thống Thiệu hiện nay là gì?” Quang trả lời: “Những lời cam kết của Đại sứ Bunker sẽ không đủ. Những lời cam kết của Alexander Haig và Kissinger cũng không đủ. Thiệu muốn có những lời cam kết từ chính Tổng thống Nixon. Ông ta muốn chắc chắn rằng người Mỹ sẽ phản ứng mạnh mẽ nếu Hà Nội mở một cuộc tấn công lớn khác.”

Lần đầu tiên xen vào cuộc trò chuyện, Hiệp hỏi: “Khi Tổng thống Thiệu nhận được những lời cam kết như vậy từ Tổng thống Nixon, liệu ông ấy có ký hiệp định không?” Quang gật đầu. Ông gật mình trước ánh mắt của Hiệp. Bà ấy không chỉ đơn thuần hỏi. Bà ấy dường như đã biết trước hậu quả của một thỏa thuận như vậy, bất kể lời cam kết nào được đưa ra, bởi bất kỳ cơ quan nào.

Quang cảm thấy không thoải mái dưới ánh mắt của bà ấy. Thiệu đã kể cho ông nghe về việc mọi người cảm thấy bất lực trước Nhu và Diệm. Thiệu đã nói: “Họ dường như nhìn

thấu các thuộc hạ. Họ dường như nhìn thấu những thủ đoạn, những nửa sự thật của các thuộc hạ. Ánh mắt của họ như muốn ghim các thuộc hạ vào tường.”

Quang muốn kể cho họ nghe tất cả. Ông muốn kể cho Ấm và Hiệp nghe tất cả những nỗi thất vọng, lo lắng và ác mộng của ông. Ông nhìn những bức tranh trên tường và trên bàn làm việc. Diệm, Nhu, Cần và Luyện nhìn chăm chăm vào anh. Anh thở dài và nói: “Chúng tôi chỉ có thể làm những gì chúng tôi có thể.”

Liệu đó có phải là một lời nhắc nhở mơ hồ về những gì Diệm đã nói trong những ngày cuối cùng của Đệ nhất Cộng hòa? Hiệp tự hỏi, nhưng bà biết rằng Diệm đã thực sự làm tất cả những gì có thể. Liệu Thiệu có làm như vậy không?

*

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Ngừng bắn được ký kết tại Paris. Số phận của Nam Việt Nam đã được định đoạt.

Nhưng không có lệnh ngừng bắn. Trong khi Kissinger và Lê Đức Thọ, những nhà đàm phán chính của Hiệp định, được trao giải Nobel Hòa bình, thì chiến tranh vẫn tiếp diễn. Giờ đây, cả hai bên đều đếm số lần vi phạm thỏa thuận của bên kia, cho đến khi cuối cùng, tất cả trở thành một trò hề. Chiến tranh tiếp diễn và các vùng nông thôn trở nên kém an toàn

hơn bao giờ hết. Bốn triệu người từ các làng mạc và thôn xóm của Nam Việt Nam, những người đang ở trong các khu vực tranh chấp, đã đổ xô đến các thành phố và vùng ngoại ô để tìm kiếm sự an toàn tốt hơn.

Các Giám mục Công giáo quyết định rằng đã đến lúc phải đóng vai trò hỗ trợ những người di tản này.

*

Được sự chấp thuận của Tòa Thánh, các Giám mục Việt Nam đã thành lập Tổ chức Hợp tác Tái thiết Việt Nam (COREV), một tổ chức nhân đạo điều phối mọi hoạt động hỗ trợ của Công giáo cho người di tản.

Đức Cha Thuận được bầu làm Phó Chủ tịch Điều hành để giám sát mọi hoạt động của COREV. Việc ngài được chọn để lãnh đạo công trình trọng đại này của Giáo hội Công giáo tại Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ nhiệt thành từ cả các nguồn tài trợ nước ngoài lẫn những người di tản ở miền Nam Việt Nam.

Bản thân Đức Cha Thuận cũng nhìn thấy trong việc bổ nhiệm này một cơ hội để noi gương sự chăm sóc người tị nạn của Diệm khi còn sống. Ngài đã soạn thảo một kế hoạch chung cho việc hỗ trợ người di tản, và sau đó bắt tay vào việc tìm kiếm nguồn tài trợ và thực hiện kế hoạch đó.

Trong khuôn khổ kế hoạch chung, các cơ quan địa phương, giáo xứ, làng mạc và cộng đồng Phật giáo đã trình bày các dự án cụ thể của họ. Đức Cha Thuận, cùng với Ủy ban của mình, đã sàng lọc các dự án, phê duyệt nhiều dự án và giải ngân số tiền cần thiết để thực hiện.

Phải xử lý hàng ngàn yêu cầu tài trợ mỗi tháng từ mọi tỉnh thành miền Nam Việt Nam, và cũng phải gặp gỡ các nhà tài trợ quốc tế, Đức Cha Thuận giờ đây dành rất nhiều thời gian ở Sài Gòn.

*

Nhờ sự sắp xếp đó, Hiệp thường xuyên gặp Thuận. Bà quan tâm đến tất cả các khía cạnh khác nhau trong công việc hỗ trợ của ông. Bà liên tục nhắc nhở Thuận rằng, xét cho cùng, kế hoạch chung của ông và thậm chí cả các dự án cụ thể cũng không quan trọng bằng những cá nhân liên quan. Bà liên tục nhắc nhở ông dành thời gian cho những người di tản và tránh xa những người trung gian bất cứ khi nào có thể.

Khi Thuận cảm thấy mệt mỏi với công việc, anh chỉ cần nhìn mẹ và tìm thấy sức mạnh từ tình yêu thương và sự nhiệt tình của bà. Được tiếp thêm sinh lực, anh lại tiếp tục công việc.

*

Mọi thứ xảy ra ở Hoa Kỳ đều ảnh hưởng đến Nam Việt Nam. Điều đó là tự nhiên, bởi Nam Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào Mỹ để tồn tại.

Trong nhiều tháng, vụ bê bối Watergate luôn ám ảnh tâm trí mọi người ở Sài Gòn. Mỗi tiết lộ mới, mỗi diễn biến bất lợi cho Nixon dường như lại là một chiếc đinh đóng vào cỗ quan tài của chế độ.

Ông ta đã phụ thuộc vào Nixon. Ông ta đã ký Hiệp định Hòa bình Paris dựa trên niềm tin vào những lời cam kết mà đích thân Tổng thống Hoa Kỳ dành cho ông ta. Giờ đây, rất có thể Nixon sắp sụp đổ.

Những binh lính Mỹ cuối cùng đã rời khỏi Nam Việt Nam vào ngày 29 tháng 3 năm 1973. Không một phần triệu khả năng nào một Tổng thống Hoa Kỳ mới sẽ tôn trọng những cam kết bí mật của Nixon đã dành cho Thiệu, và ra lệnh cho quân đội Mỹ quay trở lại Nam Việt Nam nếu miền Bắc gửi toàn bộ các sư đoàn của mình vào Nam cho một cuộc tấn công cuối cùng.

Nỗi thống khổ của Nixon cuối cùng đã qua. Ngày 8 tháng 8 năm 1974, ông ta từ chức. Khi đó Thiệu biết rằng thời gian chờ đợi sẽ không còn lâu nữa. Rất nhanh thôi, Bắc Việt sẽ phát động cuộc tấn công quyết định.

CHƯƠNG BA MƯƠI LĂM MỘT NĂM MÃO NỮA: NỖI ĐAU KẾT LIỄU

Sau thảm họa năm MÃO 1963, Hiệp cảm thấy khá lo lắng về việc một năm MÃO khác sắp đến vào năm 1975. Hiệp biết rõ điều gì đang xảy ra. Bà biết rằng Cộng sản đang chuẩn bị những bước cuối cùng để kết liễu chế độ Nam Việt Nam.

Ngày 3 tháng 1 năm 1975, khi Cộng sản mở cuộc tấn công vào thành phố Phước Long và chiếm được thành phố trong vòng ba ngày, ngay cả những người dân thường cũng biết rằng đó là khởi đầu của sự kết thúc.

Ngày 11 tháng 3, một số sư đoàn Bắc Việt đã chiếm được thành phố Ban Mê Thuột, thủ phủ của Tây Nguyên. Thay vì mở một cuộc phản công mạnh mẽ để đánh bật quân Bắc Việt khỏi Ban Mê Thuột, hoặc ngăn chặn việc chiếm các thành phố khác trong khu vực chiến lược đó, Thiệu đã ra lệnh cho quân đội của mình rút lui hoàn toàn khỏi Tây Nguyên.

Việc di tản quân đội khỏi Tây Nguyên đã trở thành một cơn ác mộng. Đoàn quân khổng lồ gồm những người lính và thường dân tháo chạy đã đi theo Quốc lộ 7 cũ, một con đường miền núi xuống cấp nghiêm trọng, bị gián đoạn bởi nhiều cây cầu gãy đổ. Cộng sản liên tục tấn công đoàn quân ngày đêm, ập xuống không thương tiếc. Không gì có thể ngăn chặn cuộc thảm sát. Vì không có lương thực, những người tị nạn chạy trốn bắt đầu chết đói trên đường mòn hiểm trở.

Đức Cha Thuận, với sự chấp thuận của Ủy ban và Sứ thần Tòa thánh, đã thuê máy bay và thả hàng tấn lương thực xuống đoàn quân; trong khi đó, Cộng sản vẫn tiếp tục cuộc tàn sát.

Hiệp biết rằng Thuận hoàn toàn nhận thức được hậu quả của hành động nhân đạo của mình. Giờ đây rõ ràng là chế độ Cộng sản sắp bắt đầu. Sự can thiệp của Thuận chắc chắn sẽ không giúp ông lấy được sự ủng hộ của những người chủ mới. Hiệp biết rằng Thuận phải làm điều đó, bởi vì ông không thể chịu đựng được cảnh người dân chết đói. Nhưng chẳng bao lâu nữa, ông sẽ phải trả giá cho hành động của mình. Khi tàn quân của đoàn quân tiến vào đồng bằng mười ngày sau đó, ý chí của quân đội Nam Việt Nam đã bị phá

vỡ hoàn toàn. Quân Cộng sản không còn phải chiến đấu nữa. Họ có thể bắt đầu cuộc hành quân chiến thắng từ Bắc vào Nam.

Thảm họa bắt đầu với việc tự nguyện bỏ rơi thành phố Quảng Trị, phía bắc Huế vào ngày 19 tháng 3. Huế bị bỏ rơi vào ngày 24 tháng 3. Sau đó, vào ngày 29 tháng 3, Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai của Nam Việt Nam, cách Huế 100 dặm về phía nam, đã bị chiếm.

Ngày 2 tháng 4, quân Cộng sản tiến vào Nha Trang, và mọi liên lạc với Thuận trở nên bất khả thi. Ngày 3 tháng 4, căn cứ quân sự rộng lớn Cam Ranh đã nằm trong tay Cộng sản và đến ngày 18 tháng 4, Phan Rang, quê hương của Thiệu, đã rơi vào tay quân Cộng sản đang tiến công.

Hàm Tiểu, con gái của Hiệp, sống ở Úc, đã liên tục gọi điện cầu xin Ấm và Hiệp rời khỏi Sài Gòn trước khi quá muộn.

Ấm biết rằng không còn lựa chọn nào khác, nhưng ông đã đợi cho đến khi Hiệp sẵn sàng ra đi. Hiệp phân vân không biết có nên đi hay không, khi mạng sống của Thuận như ngàn cân treo sợi tóc. Giữa những tin đồn về việc ông được thăng chức Tổng Giám mục Phó Sài Gòn, Hiệp biết rằng chế độ tiếp theo ở Sài Gòn sẽ không cho ông yên.

Cuối cùng, mạng sống của các con gái đã

thuyết phục bà rời đi. Bà đồng ý đi cùng Ấm và các con gái đến Úc. Trong thâm tâm, bà nhớ lại những gì cha bà đã nói về Elizabeth xứ Bồ Đào Nha, vị thánh bốn mạng của bà. Rõ ràng Elizabeth, Nữ hoàng Bồ Đào Nha, cũng đã trải qua nhiều năm lưu vong trong cuộc đời trọng đại của mình.

*

Thứ Sáu, ngày 25 tháng 4 năm 1975, Ấm, Hiệp và các con gái út rời Sài Gòn trên chuyến bay của hãng Qantas. Đã đến lúc phải rời đi. Bốn ngày trước đó, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã từ chức dưới áp lực của Mỹ. Tổng thống Trần Văn Hương, người lên nắm quyền, không hề hay biết về ý định của cả Mỹ và Cộng sản.

Lực lượng Cộng sản lúc này đã ở cửa ngõ Sài Gòn và sắp sửa phát động cuộc tấn công cuối cùng.

Khi máy bay của Qantas rời Sài Gòn, Hiệp quay sang Ấm. Lần đầu tiên trong đời sống hôn nhân, Hiệp thấy Ấm khóc. Ngồi bên cạnh anh là Thủy Tiên và Thu Hồng, hai cô con gái của họ. Hai cô cũng rưng rưng nước mắt.

*

Chính tại Úc, bà đã biết về nổi thống khổ cuối cùng của Nam Việt Nam. Chính tại Úc, bà đã coi trên truyền hình cảnh xe tăng Cộng

sản lẫn bánh trên khuôn viên Dinh Độc Lập và cảnh Tổng thống Nam Việt Nam đầu hàng một sĩ quan quân đội Bắc Việt.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là một ngày bà sẽ không bao giờ quên. Tướng Dương Văn Minh, người, với sự hỗ trợ của người Mỹ, đã lật đổ Diệm và ra lệnh giết ông ta cùng Nhu, đã đầu hàng Cộng sản một cách nhục nhã, trước Nội các được thành lập vội vã của mình.

Đối với Hiệp, nỗi thống khổ cuối cùng của Việt Nam là một bài học cho tất cả các quốc gia dựa vào các đồng minh hùng mạnh. Các đồng minh hùng mạnh một ngày nào đó có thể bỏ rơi họ trong giờ phút khốn cùng nhất.

Đối với bà, trách nhiệm về chuỗi thất bại thảm hại mà lực lượng vũ trang Việt Nam phải gánh chịu vào năm 1975 phải được đổ hoàn toàn cho giới lãnh đạo quân sự và dân sự đang nắm quyền vào thời điểm đó.

Hiệp nói với các con gái: “Người Nam Việt Nam không nên đổ lỗi cho người Mỹ về thất bại cuối cùng của họ. Ngay cả khi họ bị người Mỹ bỏ rơi, bị kích cuối cùng cũng không bị thảm đến vậy, nếu Nam Việt Nam có một ban lãnh đạo đúng đắn.”

Trong ngôi nhà mới của bà trên bãi biển Maroubra, bà cứ nói mãi: “Họ đã có hai năm

ân xá. Họ có một đội quân hùng mạnh. Họ có máy bay, máy bay chiến đấu, và họ có xe tăng. Năm 1954, Diệm không có một phần trăm nguồn lực nào mà Thiệu có vào năm 1975. Nhưng ý chí chiến đấu, và sự lãnh đạo đã không còn nữa.”

Một lúc khác, bà tự hỏi: “Nếu Thiệu thấy rằng ý chí chiến đấu đã không còn nữa, tại sao ông ta lại ngần ngại đàm phán thực sự với Hà Nội? Tại sao ông ta không đạt được thỏa thuận với Hà Nội để cứu mạng sống của binh lính và thường dân vô tội?”

Trong một thời gian dài, bà không thể tha thứ cho Tướng Dương Văn Minh, người đã phản bội ông Diệm và chấm dứt chế độ cai trị của Diệm mười hai năm trước đó, và là Tổng thống trong bốn mươi giờ vào cuối tháng 4 năm 1975. Bà nói, “Ông ta đã phản bội Đệ nhất Cộng hòa vào năm 1963, và giờ đây ông ta lại phản bội Đệ nhị Cộng hòa và chấm dứt nền tự do của miền Nam bằng cách đầu hàng Bắc Việt.”

Sau một thời gian, Hiệp đã chấp nhận suy nghĩ rằng không chỉ Dương Văn Minh, mà tất cả người dân miền Nam, bao gồm cả bà, mỗi người trong khả năng của mình, đã góp phần vào thảm kịch cuối cùng.

Từ xa, bà đã suy ngẫm với một nỗi buồn vô

hạn về sự tàn phá đang diễn ra, khủng khiếp hơn gấp ngàn lần những gì đã xảy ra vào năm 1963, khi Đệ nhất Cộng hòa kết thúc, khi chỉ có Anh em Ngô Đình qua đời cùng một số ít bạn bè trung thành.

Bà đã thấy rõ mối liên hệ giữa hai thảm kịch tàn khốc này. Sự sụp đổ của Đệ Nhị Cộng hòa và việc mất Nam Việt Nam, trong mắt bà, là hậu quả trực tiếp của những sự phản bội dẫn đến sự sụp đổ của Đệ Nhất Cộng hòa.

Tâm trí bà bám víu vào những niềm tin giản đơn đó. Rồi, ngay cả những niềm tin ấy cũng trở nên mờ nhạt, và lần đầu tiên trong đời, bà gần như tuyệt vọng, mặc dù bà có đức tin kiên định vào Chúa. Mờ ảo, mơ hồ, sâu thẳm trong tâm trí, bà nghe thấy một giọng nói bảo mình: “Nghỉ ngơi đi. Nghỉ ngơi đi, Hiệp.”

PHẦN BẢY
NHỮNG NĂM LƯU VONG

CHƯƠNG BA MƯƠI SÁU TRÔNG TIN NHẬN TỪ QUÊ NHÀ

Ban đầu, Hiệp chỉ cảm thấy tê tái. Ban đầu, đó chỉ là cảm giác đau âm ỉ ở ngực và hơi nặng nề ở chân tay. Bà tự hỏi liệu mình có bị cảm lạnh không. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc, bà nhận ra cơn đau đến từ sâu thẳm tâm trí.

Sydney là một thành phố xinh đẹp và kiêu hãnh, còn Úc là một đất nước không có chiến tranh. Vậy mà, cảm nhận con đường mình đi giữa vẻ đẹp thiên nhiên và nhân tạo, thấm đẫm qua làn da sự vắng bóng chiến tranh, Hiệp sống trong một thế giới đầy hư ảo.

Thực tại duy nhất mà bà dường như vẫn nhận ra là Ấm và các con gái. Trong tâm trí, bà níu chặt lấy họ: họ là niềm tin chắc chắn duy nhất, là những tiếng nói duy nhất mà bà thấu hiểu, và là nơi trú ẩn duy nhất mà bà có để chống lại nỗi đau buốt giá.

Ngay cả mặt trời cũng dường như hư ảo khi, bắt chước mặt trời mà bà từng biết ở

quê nhà, nó nằm trên một đám mây đỏ mênh mông trên biển tím, phía sau Cầu Cảng. Đường phố thật hư ảo, đầy những giọng nói, âm thanh và tiếng động lạ lẫm, chật cứng những khuôn mặt và biển hiệu xa lạ, tỏa ra những mùi hương không xác định, chảy trôi như một dòng sông của những hoài bão, khát khao, niềm vui và nỗi buồn xa lạ.

Thời gian chẳng còn ý nghĩa gì với bà. Cảm giác hư ảo này đã ăn sâu vào tâm hồn và trí óc bà. Chỉ có bản năng tự bảo vệ mới khiến bà đấu tranh để trở về với thế giới thực. Có điều gì đó bên trong bà cứ lặp đi lặp lại, bằng một điệp khúc buồn tẻ, “Dậy đi, Hiệp, dậy đi! Dậy đi, Hiệp, dậy đi!”

Bà, người đã kiên cường đối mặt với biết bao bi kịch, giờ đây thấy mình thậm chí không thể thức dậy. Trong một lúc, mọi sức lực của bà tan biến, mọi lòng kiêu hãnh tan biến và ý thức của bà dường như tìm kiếm hư vô.

Tuy nhiên, ngay cả khi không còn hy vọng, bà vẫn cầu nguyện. Ban đầu, những lời cầu nguyện không mang lại sự an ủi. Tuy nhiên, chúng lại là một sợi dây liên kết với quá khứ của bà. Chúng là những giao tiếp mong manh với một vị Chúa im lặng. Chúng là những tia sáng le lói trong đêm tối tăm nhất của tâm

hồn bà. Đau đớn, bà tự hỏi: “Làm sao đức tin có thể tồn tại nếu không có hy vọng? Nếu tôi tin vào Chúa, tôi phải có hy vọng. Nhưng, hy vọng ở đâu?”

Những lời cầu nguyện của bà có một sự tiến triển kỳ lạ.

Ngay khi cầu nguyện, bà thấy mình đang bước đi giữa sa mạc vào ban đêm, leo lên những cồn cát dài vô tận, không còn trong bóng tối hoàn toàn nữa, mà giờ đây dưới sự phản chiếu nhợt nhạt của những vì sao lạnh lẽo và xa xôi.

Rồi, những lời cầu nguyện đưa bà đến những cảnh quan hoang vắng với những ngọn đồi đá, những đầm lầy khô cằn trong ánh hoàng hôn.

Sau vài tháng, bà bắt đầu thực hiện những nỗ lực nghiêm túc và có ý thức để thoát khỏi trạng thái uể oải kỳ lạ đó. Dần dần, trong thế giới phi thực xung quanh, bà bắt đầu thoáng thấy thực tại. Mò mẫm tìm kiếm bất cứ điều gì mang lại cảm giác chân thực, bà bắt đầu cảm thấy mình đang sống lại.

Bà cố gắng học lại cách cảm nhận. Bà cứ tự nhủ: “Mình phải cảm thấy vui khi ngắm bình minh. Mình phải cảm thấy hạnh phúc khi nghe tiếng chim hót. Mình phải thích đi dạo trên bãi biển và ngắm nhìn một con

mòng biển lao xuống khe núi giữa hai con sông. Mình phải dậy sớm vào buổi sáng, ngồi trên mép giường, hít hà mùi hương thoang thoảng, tai nghe những âm thanh nhỏ bé của gỗ nứt nẻ, của không khí chuyển động, của những tiếng thì thầm mơ hồ... Mình phải cảm thấy những ngón tay mình co rúm lại khi chạm vào một chiếc gai hoa hồng.”

Trên đường phố, người ta không nói tiếng Việt. Xe cộ chạy ngược chiều. Hầu hết các biển báo trên đường đều vô nghĩa, ít nhất là với bà. Hầu hết các nhà hàng đều không có cơm trong thực đơn và các cửa hàng không có gia vị cần thiết để chuẩn bị một bữa ăn tử tế.

Cả Hiệp và chồng bà đều không nói được một từ tiếng Anh nào. Khi các con gái bật tivi, bà coi nhưng không hiểu gì cả. Mọi sự phỏng đoán đều nguy hiểm ở đây.

Bà so sánh những gì bà nghĩ mình hiểu với những gì Hàm Tiểu, con gái bà, nghe được, và xấu hổ khi phát hiện ra mình đã đoán ngược lại. Hàm Tiểu, người đã sống ở Úc từ năm 1961, và hiện đang là chủ nhà của bà, nói: “Mẹ ơi, đừng lo! Mẹ sẽ sớm hiểu thôi.”

Hiệp không chắc một ngày nào đó mình sẽ hiểu hết mọi thứ. Có một thời gian bà xem kênh truyền hình quân sự Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Bà đã hiểu hầu hết các chương

trình của kênh. Nhưng đó là một thời điểm khác, một nơi khác. Đó là thời điểm bà vẫn còn sẵn sàng học hỏi. Hiệp tự nhủ với mình một chút cay đắng, “Mình an toàn. Mình đang di chuyển giữa những thứ quen thuộc, nên lúc đó, một ngôn ngữ xa lạ không làm mình sợ.” Giờ đây, những thứ quen thuộc không còn vây quanh bà nữa, và điều đó đã tạo nên tất cả sự khác biệt. Bà nghĩ rằng nếu không di chuyển liên tục, bà sẽ hoàn toàn suy sụp. Vì vậy, bà giữ mình bận rộn. Bà đến các bãi biển, và bà đi đến các thành phố khác gần Sydney. Nhưng sự thay đổi cảnh quan chỉ làm tăng thêm cảm giác xa lạ sâu sắc.

*

Bà bắt đầu hướng về quê hương. Vũ trụ mà bà đã sống hơn bảy mươi năm không còn nữa. Việc trở về một khung cảnh hoang tàn khác không mang lại cho Hiệp chút nhẹ nhõm nào.

Nhà không phải là một cõi mơ. Thực tế, nó hoàn toàn trái ngược với cõi mơ. Những bức ảnh chụp sau khi Cộng sản tiếp quản cho thấy một Sài Gòn đen trắng u ám, nay được đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh, và vẫn đang chìm đắm trong nỗi nhục nhã.

Hai người con của bà đã ở lại Việt Nam và cả hai đều bị chế độ mới bắt giữ. Thành từng

là đại úy Cảnh sát Nam Việt Nam trước khi Sài Gòn sụp đổ. Ông nhanh chóng bị bắt và đưa đến một trong những trại cải tạo. Đức Giám mục Thuận, người được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục Phó Sài Gòn, vài ngày trước khi Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng Cộng sản, đã mất tích.

Những tin tức khó hiểu đến với Hiệp về số phận của Thuận. Rõ ràng, Cộng sản đã từ chối công nhận việc bổ nhiệm ông làm Tổng Giám mục Phó, cho rằng đó là một trò bịp bợm của Vatican. Rõ ràng, ông đã bị bắt, thẩm vấn, được thả, rồi lại bị bắt, và sau đó, thông tin bị cắt đứt.

Ông ấy ở đâu? Họ đã làm gì ông ấy? Ông ấy còn sống không? Sự bất định khiến bà đau đớn không kém gì khi anh trai bà, Khôi, bị Việt Minh bắt và giải đi vào năm 1946, cùng với con trai cả. “Sự bất định đôi khi còn khó chịu đựng hơn cả tai họa tồi tệ nhất”, Hiệp nghĩ. Bà, người đã trải qua quá nhiều lần nổi thống khổ chờ đợi khi bị kịch ập đến, cảm thấy mình sắp gục ngã.

Hiệp thực sự đã không chuẩn bị tốt cho bị kịch mới. Trong nhiều năm, bà đã chuẩn bị tinh thần để chấp nhận những bi kịch gia đình. Bà đã sống sót sau sự tàn phá của vụ sát hại Khôi và Huân vào năm 1946. Bà đã

xoay sở để sống sót qua những bi kịch xảy ra vào năm 1963 và 1964. Bà đang cố gắng thích nghi với việc sống lưu vong suốt phần đời còn lại. Sự mất tích của Thuận dường như sắp xóa sạch mọi tiến triển của nỗ lực đó.

Tất nhiên, Hiệp đã dự đoán rằng Thuận sẽ gặp vấn đề với chế độ mới. Bà biết rằng chế độ sẽ không hài lòng khi thấy ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục Phó Sài Gòn.

Tuy nhiên, bà không ngờ rằng chế độ lại có thể hành động nhanh chóng và quyết liệt như vậy để chống lại ông. “Chiếc áo chùng của ông chẳng hề bảo vệ ông chút nào. Việc ông được thăng lên chức Tổng Giám mục cũng chẳng ngăn được chế độ mới bắt giữ ông. Nó cũng chẳng ngăn được ông biến mất vào hư không”, Hiệp cay đắng nghĩ.

Nỗi chán nản khiến bà không thể đọc hết dù chỉ một cuốn sách. Bà cứ cố gắng đọc đi đọc lại những bài tường thuật khác nhau về sự sụp đổ của Sài Gòn, do nhiều nhà báo Pháp khác nhau viết. Cuốn *L'adieu a Saigon* của Larteguy là một cuốn sách như vậy. Bà đọc từng đoạn trong bài tường thuật của ông, cảm thấy cơn giận dâng trào. Sự vô cảm kiểu báo chí, cái nhìn hời hợt, và sự thiếu tôn trọng hoàn toàn đối với người Việt Nam của ông khiến bà rùng mình.

Bà nghĩ, “Nếu đây là cách mà mọi người nước ngoài nhìn nhận người Việt Nam, thì sẽ chẳng có sự cứu rỗi nào cho chúng ta. Sẽ chẳng có sự cứu rỗi nào cho đất nước Việt Nam, và cũng chẳng có sự cứu rỗi nào cho người Việt Nam với tư cách là một dân tộc.”

Những bài điệu văn về Sài Gòn không phải lúc nào cũng thuộc loại đó. Bà đọc Chant Funèbre pour Phnom Penh et Saigon (Bài ca tang lễ cho Phnom Penh và Sài Gòn) với cảm giác nhẹ nhõm hơn. Là một hỗn hợp những hồi ức và cảm xúc dạt dào, những trang sách khiến bà chìm đắm trong nỗi buồn và sự hổ thẹn. Bà không quan tâm đến việc cuốn sách chỉ có các tác giả người Pháp và chỉ thể hiện quan điểm của người Pháp. Cảm xúc sâu sắc của các tác giả đã bù đắp cho sự thiếu hiểu biết của họ về Việt Nam và con người nơi đây.

Ở nước ngoài, người Việt cũng bắt đầu viết. Chẳng bao lâu sau, trên bàn làm việc của bà mỗi tuần có ít nhất một chục tờ tạp chí tiếng Việt. Tuy hiểu được sự tức giận của các nhà văn Việt Nam, bà vẫn thường cảm thấy bất đồng quan điểm với họ. Bà hy vọng một ngày nào đó họ sẽ viết về bản thân mình một cách tử tế hơn, và họ sẽ có thể vượt qua được sự tức giận và hận thù.

Bà nhận ra rằng hòa giải dân tộc vẫn chưa có

hiệu quả, dù ở Việt Nam hay ở nước ngoài, và chiến tranh vẫn còn tàn phá tâm lý người Việt.

Bà bắt đầu cố gắng tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra với bạn bè và người thân của mình. Bà nói chuyện với nhiều người tị nạn Việt Nam đến thăm bà, hoặc Mỹ, hoặc con gái của họ. Nhiều người khác, sau khi tìm được nơi trú ẩn an toàn ở Úc, Mỹ hoặc nơi khác, đã viết thư cho bà. Dần dần, bà bắt đầu ghép lại bức tranh về thảm kịch đã xảy ra với tất cả những người bà quen biết ở Nam Việt Nam.

Ở Úc cũng có một lợi thế. Giống như Hàm Tiểu, Tổng thống Diệm và Thuận đã có nhiều bạn bè và đồng minh chính trị ở đây trong những năm qua. Những người bạn Úc đến thăm Hiệp và mang đến cho bà những tin tức mới nhất về Việt Nam, về Giáo hội và về thế giới nói chung.

Các viên chức trong Chính phủ Úc và các Giám mục Úc, được thúc đẩy bởi những người bạn thân thiết của Tổng thống Diệm, chẳng hạn như Robert Santa-Maria, và chính Hàm Tiểu, đã liên tục kiến nghị lên chế độ Cộng sản Việt Nam, yêu cầu trả tự do cho Tổng Giám mục Thuận.

Hiệp đã nhận thức rõ hơn về vẻ đẹp của Sydney và nước Úc. Bà đã cùng chồng đi dạo dài trên bãi biển Maroubra. Thỉnh thoảng, Hàm Tiêu lái xe đưa bà đến bãi biển Manley, nơi bà có thể ngắm

hoàng hôn rực rỡ. Bà chiêm ngưỡng những cánh rừng, đồng cỏ và sa mạc xung quanh.

Hai nỗi buồn đau đớn vẫn còn trong lòng bà: ở châu Âu, số phận bất định của Tổng Giám mục Thục, và ở Việt Nam, thử thách dài lâu của Tổng Giám mục Thuận.

*

Bà biết về sự ra đi của Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông vào năm 1976. Bà biết về ý định của Tổng thống Hoa Kỳ Jimmy Carter trong việc đàm phán với Việt Nam vào năm 1977, nhằm bình thường hóa quan hệ giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Khi Tổng thống Carter ân xá cho hầu hết mười nghìn người trốn nghĩa vụ quân sự tại Việt Nam ngay trong ngày nhậm chức, Hiệp ước rằng ý định của ông là khép lại một chương buồn trong lịch sử nước Mỹ và thực sự bắt đầu quá trình hàn gắn tại Mỹ. Tuy nhiên, một phần trong tâm trí bà phản đối động thái này. Bà vẫn tự hỏi: “Mọi thứ đã kết thúc chưa? Có điều gì đã kết thúc chưa?”

Một điều gì đó đã kết thúc. Việt Nam mà bà biết đã kết thúc! Thật là một cảm giác khủng khiếp khi bà nhận ra rằng mình đã lớn lên và chiến đấu cả đời bên cạnh cha và các anh chị em, cho một đất nước đột nhiên không còn nữa.

Ồ, bà sẵn sàng thừa nhận rằng Việt Nam

vẫn còn đó về mặt vật chất. Nó vẫn là một đất nước, giờ đây với dân số bảy mươi triệu người. Nó có một chính phủ ổn định. Vẫn là lá cờ ấy với ngôi sao vàng trên nền đỏ. Vẫn là những ngọn núi ấy, những dòng sông ấy, những cánh rừng rậm và đầm lầy ấy. Ấy vậy mà, bà tin rằng linh hồn của đất nước, như bà từng biết, đã không còn nữa. Đất nước Việt Nam mà bà yêu thương, vũ trụ ấy, không chỉ là môi trường sống cho bà, mà còn là kết cấu tâm hồn bà, đã vĩnh viễn ra đi.

*

Điều kỳ diệu của cuộc sống là bất cứ lúc nào, không hề báo trước, một tia sáng hừng khởi thực sự có thể kéo tâm trí ra khỏi trạng thái uể oải, và truyền hơi ấm, ánh sáng vào những tuyệt vọng tăm tối nhất.

Vào khoảng năm 1977, Hàm Tiểu, con gái của bà Hiệp, đã đọc và dịch phần của mình trong cuốn Phỏng vấn Lịch sử của Oriana Fallaci. Fallaci, người Ý, đang phỏng vấn Tổng thống Thiệu vào năm 1973. Nghe lời dịch và những lời bình luận của Hàm Tiểu, Hiệp nhắm mắt lại và hình dung ra Thiệu, bơ vơ trong Dinh Độc Lập, bộc lộ nỗi sợ hãi, sự tức giận và cảm giác bất lực. “Chắc Fallaci thấy Thiệu đau khổ lắm,” Hiệp tự nhủ. Trong giây lát, bà cảm thấy hòa giải với Thiệu.

Bà làm Hàm Tiểu giật mình khi nói, “Tổng thống thường nói với mẹ rằng Đại tá Thiệu là một người rất thông minh. Cậu Nhu cũng nói như vậy về ông ấy.” Đó là lần đầu tiên kể từ khi Hiệp sang Úc, Hàm Tiểu nghe mẹ nói về Tổng thống Diệm. Thông thường, ngay cả khi một người bạn Úc nhắc đến tên ông Diệm trước mặt bà, Hiệp cũng nhắm mắt lại và chuyển chủ đề.

Hàm Tiểu gấp sách lại, chờ đợi câu chuyện tiếp theo. Hiệp hít một hơi thật sâu rồi nói tiếp: “Đại tá Thiệu chưa bao giờ thực sự muốn lật đổ Tổng thống. Vậy mà chính ông ấy lại là người đưa cả một sư đoàn về phe với những người chỉ huy đảo chính, tiếp thêm can đảm cho các tướng lĩnh thực hiện đảo chính. Nếu không có Sư đoàn 5 của ông ấy, các tướng lĩnh đã chẳng nghĩ đến việc tung những đơn vị nhỏ bé của họ vào Lữ đoàn Cận vệ Tổng thống.”

Hàm Tiểu chăm chú nhìn mẹ. Hiệp dường như không để ý đến ánh mắt kiên quyết của con gái. Bà nói, “Con vừa đọc những gì Tổng thống Thiệu nói. Theo lời bà Fallaci, ‘Tên của ông Diệm gọi lên trong ông một nỗi buồn bất ngờ.’ Ông nói với bà Fallaci, ‘Họ đã hứa với tôi rằng họ sẽ không giết ông ấy. Tôi đã nói với họ rồi, tôi sẽ theo với điều kiện ông ấy

không bị giết. Nhưng thay vào đó, họ lại giết ông ấy, những kẻ ngốc nghếch đó! Thật điên rồ vô trách nhiệm!”

Hàm Tiểu phản đối, “Nhưng mẹ ơi, Oriana Fallaci không tin vào lòng chân thành của Tổng thống Thiệu.” Hiệp dường như không nghe thấy lời phản đối của con gái mình. Bà hỏi, “Ông ấy còn nói gì nữa? À phải rồi,” “Điều đó khiến mẹ đau đớn đến tận bây giờ, giữa đầu và tim. Mỗi năm giỗ ông ấy, mẹ đều làm lễ tại nhà nguyện của mẹ. Và mẹ luôn cầu nguyện cho ông ấy, cho linh hồn ông ấy.”

Hàm Tiểu lại phản đối, “Mẹ ơi, nhà báo đó không tin vào lòng chân thành của ông ấy. Bà ấy cho rằng những lời ông ấy nói là do ‘sự xảo quyệt quỷ quyệt’ của ông ấy. Mẹ không nghĩ bà ấy nói đúng sao?”

Hiệp đứng thẳng dậy, “Lời nói có thể không chân thành, nhưng sự thật thì còn hơn thế nữa. Sự thật là ông Thiệu đã học được nhiều điều từ Tổng thống và từ cậu Nhu. Ông ấy rất ngần ngại khi đưa quân tấn công Dinh Tổng thống vào tháng 11 năm 1963, mặc dù ông ấy đã đưa toàn bộ sư đoàn của mình vào Sài Gòn. Giống như Tổng thống, ông ấy không thể quyết định liệu mình có nên đưa quân của mình tấn công các đồng đội của họ hay không. Mẹ gọi đó là sự chân thành. Vào tháng

11 năm 1970, ông ấy đã cử vợ đến dự Thánh lễ Tưởng niệm Tổng thống công khai đầu tiên tại Vương cung thánh đường Sài Gòn. Mẹ gọi đó là sự chân thành.”

Đột nhiên Hàm Tiểu nhận ra rằng cô đang chứng kiến một phép lạ. Mẹ cô đã trở lại. Bà đã trải qua địa ngục và trở lại. Nhưng bà chắc chắn đã trở lại, với tất cả các giác quan còn nguyên vẹn. Cô cúi đầu và hỏi, “Mẹ ơi, hãy kể cho con nghe thêm về Tổng thống.”

Trong căn phòng tối, Hiệp bắt đầu kể chuyện. Càng kể, những ngày tháng, những cái tên lại hiện về trong tâm trí cô ngày một rõ nét hơn. Những khuôn mặt và câu chữ đã lãng quên từ lâu hiện ra từ quá khứ. Hàm Tiểu ngồi chăm chú lắng nghe. Cô tin rằng những điều mình nghe được chiều hôm đó sẽ trở thành một phần của câu chuyện mà một ngày nào đó sẽ được kể lại.

*

Giờ đây, Hiệp bắt đầu suy ngẫm về những gì đã xảy ra với mình, với gia đình mình, và với những người tị nạn Đông Dương trên khắp thế giới. Bà bắt đầu hiểu rằng cuộc di cư của người tị nạn Việt Nam đã trở thành một hiện tượng lịch sử với quy mô chưa từng có. Trong suốt chiều dài lịch sử, Việt Nam trong những thời kỳ khó khăn đã chứng

kiến những nhóm nhỏ người dân chạy trốn sang các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia, Lào hoặc Thái Lan. Những nhóm người rời bỏ Việt Nam đông đảo nhất trước đây là những người theo đạo Thiên Chúa đang chạy trốn khỏi sự đàn áp trong thế kỷ trước. Tất cả họ đều đến Campuchia hoặc Thái Lan.

Tuy nhiên, lần này, người Việt Nam đã vượt ra ngoài các nước láng giềng. Giống như đàn kiến tràn ra tứ phía sau khi tổ kiến bị phá hủy, những người tị nạn Việt Nam đã rời bỏ quê hương từng đợt.

Làn sóng người tị nạn đầu tiên rời khỏi miền Nam Việt Nam vào tháng Tư và tháng Năm. Vào năm 1975, khoảng một phần tư triệu người trong số họ đã ổn định lại cuộc sống mới, khi Hiệp bắt đầu quan tâm đến thế giới xung quanh. Hơn một trăm nghìn người đã đến Hoa Kỳ. Số còn lại đã tái định cư ở Pháp, Canada, Úc, New Zealand và các nước châu Âu khác.

Ngoài một số ít ngư dân và binh lính được sơ tán cùng với những người khác trong tình hình hỗn loạn ở Sài Gòn và Vũng Tàu, hầu hết những người tị nạn Việt Nam trong làn sóng đầu tiên là các chuyên gia, công chức hoặc sĩ quan quân đội, những người không

gặp nhiều khó khăn trong việc tái định cư ở nước ngoài.

Sau khi Phnom Penh thất thủ vào ngày 17 tháng 4 năm 1975, ba mươi nghìn người Campuchia đã chạy trốn qua biên giới được kiểm soát chặt chẽ giữa Campuchia và Thái Lan, trong khi hơn một trăm nghìn người tìm đường vào Việt Nam. Những người tị nạn Campuchia đến được Thái Lan là những người may mắn sống sót trong số rất nhiều người tị nạn chạy trốn, những người đã đánh cược mạng sống của mình qua các bãi mìn và hỏa lực của Khmer Đỏ. Khi Lào đang nằm dưới sự kiểm soát của Cộng sản, hàng ngàn người tị nạn Lào và H'Mông đã vượt sông Mê Kông vào Thái Lan vào tháng 5 và tháng 6 năm 1975.

Hiệp đã rất ngạc nhiên trước lòng hảo tâm đáng kinh ngạc của các cộng đồng nước ngoài đã chăm sóc những người tị nạn đồng hương của bà. Cứ như thế, đột nhiên, sự ích kỷ và phân biệt chủng tộc đã biến mất khỏi các quốc gia. Những luật lệ được viết vội vàng đã được ban hành và thực hiện để bảo vệ và hỗ trợ người tị nạn Đông Dương. Quốc hội đã bỏ phiếu cho các ngân sách nhân đạo, các Bộ và Ban ngành đã đưa ra các chương trình và nguồn nhân lực. Người dân và cộng đồng

địa phương đã mở rộng cánh cửa và trái tim của họ cho người tị nạn Đông Dương. Cứ như thế, đột nhiên, mùa xuân của lòng hảo tâm đã trở lại. Hiệp như bị thôi miên bởi những gì bà thấy. Vừa thoát khỏi mùa đông lạnh giá, tâm hồn tê tái, bà kinh ngạc trước phép màu mới. Bà nhớ lại cách Diệm đã chăm sóc những người tị nạn. Hàng triệu người tị nạn chạy trốn từ Bắc Việt Nam vào Nam là mối quan tâm hàng đầu của Diệm ngày đêm.

Họ không chỉ là trách nhiệm của ông, mà còn là nỗi ám ảnh của ông.

Diệm, tu sĩ Dòng Thánh Biển Đức, đã lấy tên Odilo làm tên thánh của mình một cách thích hợp. Ông đã trung thành noi theo gương mẫu của Viện phụ Cluny, vị thánh bốn mạng của ông. Giống như Thánh Odilo, người đã mở cửa các nhà thờ và tu viện Pháp làm nơi trú ẩn cho những người tị nạn thời bấy giờ, Diệm đã mở cửa Nam Việt Nam cho những người tị nạn từ miền Bắc. Ông cũng mở rộng trái tim mình với họ.

Hiệp nhớ lại cách Diệm bế trên tay những đứa trẻ của các gia đình tị nạn, cách ông chạm tay vào đầu những đứa trẻ tị nạn như thể để ban phước cho chúng. Với nguồn lực hạn hẹp mà ông nhận được từ Hoa Kỳ, Pháp và các đồng minh khác của Nam Việt Nam,

ông không bao giờ có thể mang lại cho người tị nạn bất cứ điều gì xa hoa. Một mái nhà che đầu, lương thực đủ dùng từ ba đến sáu tháng, nông cụ và một mảnh đất, đó là tất cả những gì ông có thể làm cho hầu hết họ. Chỉ có vậy thôi.

Nhưng ông Diệm đã ra sức giúp đỡ người tị nạn bằng đức tin của mình, và bằng tấm gương của vị thánh bốn mạng Odilo. Trong suốt chín năm cầm quyền, ông Diệm đã dành thời gian cố gắng cải thiện việc tái định cư cho người tị nạn, học hỏi từ những sai lầm, sáng tạo ra những cách tiếp cận mới. Ông chưa bao giờ nghĩ rằng mối quan hệ hợp tác của mình với họ đã kết thúc. Chuyện đã qua từ lâu, vậy mà dường như mới chỉ xảy ra ngày hôm qua.

Sau Hiệp định Hòa bình Paris năm 1973, con trai bà, lúc đó là Giám mục Thuận, Phó Chủ tịch Điều hành Hợp tác Tái thiết Việt Nam, với sự giúp đỡ của hàng trăm tổ chức Công giáo trên khắp thế giới, đã tái định cư cho hàng trăm ngàn người di tản với cùng một lòng nhiệt thành.

Trong những ngày đen tối nhất của miền Nam Việt Nam, tháng 3 năm 1975, khi một đoàn người tị nạn dài dằng dặc vượt qua những con đường cao tốc và đường bộ bất

khả thi để đến bờ biển từ Tây Nguyên, Đức Cha Thuận đã can thiệp một cách mạnh mẽ. Để xoa dịu cơn đói cùng cực của họ, Đức Cha Thuận đã tổ chức các chuyến bay cứu trợ và thả hàng tấn bánh mì và lương thực xuống đoàn người. Đức Cha Thuận nói với mẹ: “Mẹ ơi, thật kinh khủng. Cộng sản liên tục bắn vào đoàn người đang rút lui. Đường cao tốc không thể thực hiện được. Chúng ta phải thả lương thực xuống sông. Đoàn người đang lội xuống sông. Cả dòng sông đầy những người lội xuống.”

Giờ đây, Hiệp chỉ còn biết cầu nguyện cho những người Việt Nam tị nạn ở nước ngoài. Bà mơ ước một ngày nào đó Đức Tổng Giám mục Thuận sẽ được trả tự do và có thể rời Việt Nam để giúp đỡ đồng bào của mình ở nước ngoài.

Những người bạn Úc hỏi bà tại sao nhiều người Việt Nam lại rời bỏ đất nước như vậy. Hiệp đề nghị họ chỉ cần đọc báo. Nhiều phóng viên và nhà báo nước ngoài đang đưa tin về bức tranh buồn của miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Hàng trăm ngàn người đang bị giam giữ trong các trung tâm cải tạo hoặc nhà tù trên khắp Việt Nam. Hầu hết các cựu quân nhân và cựu chính quyền miền Nam Việt Nam đều bị giam giữ, nhiều người trong

số họ bị giam giữ trong thời gian dài.

Các khu kinh tế mới mọc lên khắp nơi, được cho là để tăng sản lượng nông nghiệp, nhưng thực chất là để tiếp nhận những người di cư đã tạo ra các khu ổ chuột quanh thành phố trong suốt ba mươi năm chiến tranh. Vì những người bị đưa đến các khu kinh tế mới không nhận được nhiều sự hỗ trợ từ chính phủ, nên cuộc sống của họ rất ảm đạm.

Hầu hết người Việt Nam trở thành người tị nạn đều biết rằng họ sẽ không bao giờ có được cuộc sống bình thường nếu ở lại Việt Nam. Tại Campuchia, Khmer Đỏ đã gây ra cái chết của ít nhất 1.200.000 người. Tại Lào, người H'Mông đã là mục tiêu của các cuộc thảm sát ngay cả trước khi Cộng sản lên nắm quyền vào tháng 12 năm 1975. Đối với phần lớn người tị nạn Đông Dương, lựa chọn ở lại quê hương của họ thực sự không tồn tại.

*

Đến tháng 4 năm 1978, một làn sóng người tị nạn khác chạy trốn khỏi miền Nam Việt Nam, lần này bằng thuyền. Họ được gọi là thuyền nhân. Nguyên nhân trực tiếp của cuộc di cư đó có lẽ là lệnh được ban hành vào tháng 3 năm 1978 bởi Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trên thực tế đã xóa bỏ tất cả các doanh nghiệp tư nhân ở miền Nam Việt Nam.

Biện pháp này dường như nhắm trực tiếp vào người Hoa sống ở Chợ Lớn, khu phố Tàu của Sài Gòn. Hơn ba mươi nghìn doanh nghiệp đã bị tịch thu. Đến tháng 4 năm 1978, ngay cả những doanh nghiệp nhỏ nhất cũng đã bị xóa bỏ.

Ở miền Bắc Việt Nam, xung đột giữa chính quyền và người Hoa ngày càng gia tăng, và đến tháng 7 năm 1978, tổng cộng 160.000 người Việt gốc Hoa đã vượt biên sang Trung Quốc. Sau đó, 75.000 người khác đã trốn sang Trung Quốc bằng đường biển.

Hoàn cảnh của người Hoa đã khiến Hiệp rơi nước mắt. Dưới thời Diệm, họ không mấy hài lòng với những sắc lệnh khác nhau của ông nhằm đồng hóa họ. Không còn trường học Hoa mà không có lớp học tiếng Việt. Không còn những cái tên nghe giống tiếng Hoa cho công dân Việt Nam. Tất cả người Hoa đều được phép trở thành công dân Việt Nam; những người từ chối quốc tịch sẽ không còn được hành nghề ở miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, ngay cả với tất cả những sắc lệnh đó, Diệm vẫn là một người đáng kính, một người yêu nước trong mắt người Trung Quốc. Diệm và Nhu đã trải qua đêm cuối cùng tại nhà của một nhà lãnh đạo Trung Quốc ở Chợ Lớn. Mã Tuyên, nhà lãnh đạo Trung

Quốc, không quan tâm đến hậu quả của việc che giấu vị Tổng thống bị lật đổ. Ông coi đó là một vinh dự khi Diệm đến nhà mình sau khi ông ta chạy trốn khỏi Dinh. Mã Tuyên đã phải trả một cái giá rất đắt cho vinh dự đó. Ông bị các tướng lĩnh bỏ tù sau năm 1963. Đường như Cộng sản lại bỏ tù ông sau năm 1975.

Hiệp, nhớ lại món nợ, đã đau lòng khi hàng ngàn người Trung Quốc bị đuổi khỏi Việt Nam được báo cáo đã chết đuối ở Biển Đông, khi những chiếc thuyền nhỏ, không đủ điều kiện đi biển của họ bị chìm. Thuyền nhân đã trốn thoát khỏi mọi cảng, hướng đến mọi điểm đến có thể tưởng tượng được. Tổng số thuyền nhân hàng tháng tiếp tục tăng lên cho đến khi đạt tới sáu mươi nghìn người mỗi tháng vào giữa năm 1979.

Hoàn cảnh của những thuyền nhân đã trở thành tâm điểm chú ý của thế giới, khi những chiếc thuyền thủng bắt đầu cập bến Thái Lan, Hồng Kông, Philippines, Indonesia, Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản, đưa hơn nửa triệu người tị nạn lên mỗi bãi biển và mọi cảng biển ở Đông Nam Á và Đông Á.

Trong cùng thời gian đó, số người Lào, H'Mông và Thái-Đam trốn thoát khỏi Lào sang Thái Lan đã lên tới ba trăm nghìn

người. Cuộc xâm lược Campuchia của quân đội Việt Nam vào tháng 12 năm 1978 đã buộc Khmer Đỏ phải nói lỏng kiểm soát biên giới Khmer-Thái Lan, dẫn đến cuộc di cư của hai trăm ngàn người tị nạn vào sâu trong lãnh thổ Thái Lan, trong khi năm trăm ngàn người khác xin tị nạn bấp bênh ngay tại biên giới Thái Lan.

Chỉ vài tháng sau, Hiệp bất lực chứng kiến các quốc gia đầu tiên xin tị nạn, chẳng hạn như Malaysia, Thái Lan và Indonesia, bắt đầu coi thuyền nhân là mối đe dọa đối với an ninh quốc gia. Bà run rẩy, khi những quốc gia đó không còn coi những người tị nạn là những con người tuyệt vọng, cần được giúp đỡ và thương cảm.

Mùa xuân của thiện chí đã qua. Cơ ác mộng của thuyền nhân bắt đầu. Hiệp thức giắc giữa đêm khuya và la hét. Cảnh hàng chục ngàn thuyền nhân chết đuối trên Biển Đông, cùng với những cuộc tấn công man rợ ngày càng gia tăng của cướp biển Thái Lan nhắm vào những người tị nạn không có khả năng tự vệ, đã ám ảnh bà suốt ngày đêm. Những lời cầu nguyện của bà trở thành tiếng kêu tuyệt vọng.

Tháng 7 năm 1979, một Hội nghị Quốc tế về Người tị nạn Đông Dương đã được triệu

tập tại Geneva. Các quốc gia tị nạn đầu tiên, cũng như các quốc gia tái định cư đang mệt mỏi vì lòng trắc ẩn, bắt đầu nghĩ đến những cách thức chấm dứt làn sóng di cư của thuyền nhân khỏi Việt Nam.

Vốn tin rằng sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam là kết quả tất yếu của việc lật đổ Tổng thống Diệm, Hiệp nhìn thấy trong hoàn cảnh của những thuyền nhân hậu quả khủng khiếp của quyết định xóa bỏ nền Đệ nhất Cộng hòa tại Việt Nam của Hoa Kỳ.

Bà đến thăm những người tị nạn ở khu vực Sydney và thích trò chuyện với những người mới đến. Bà lắng nghe những chuyến hành trình dài của họ. Những gian khổ của họ khiến bà tự hỏi tại sao Chúa lại để cho quá nhiều đau khổ đến vậy. Trong thâm tâm, bà tự hỏi con trai mình, Thuận, có thể đã làm gì cho những thuyền nhân bất hạnh này, nếu anh ấy có mặt ở đó.

*

Mãi sau này, Hiệp mới chấp nhận hoàn cảnh của những người tị nạn Việt Nam. Phải mất một thời gian bà mới nhận ra rằng cộng đồng người Việt Nam lưu vong, lan rộng khắp thế giới, rốt cuộc có thể là một phước lành.

Bà bắt đầu nghe các vị lãnh đạo Giáo hội ở châu Âu và châu Mỹ ca ngợi đức tin, lòng can

đảm và sự kiên cường của các Kitô hữu Việt Nam. Các Kitô hữu trẻ Việt Nam gia nhập các chủng viện hàng loạt và trở thành một nguồn ơn gọi tu trì mới quan trọng. Bà nghe các giám mục và linh mục nói với bà rằng người Công giáo Việt Nam đã đổi mới và củng cố đức tin của họ.

Ở Úc, châu Âu, châu Mỹ, trong hầu hết các buổi lễ phong chức tập thể, ngày càng có nhiều người Việt Nam được phong chức.

Số lượng chùa Phật giáo do người Việt Nam xây dựng hiện đã vượt xa số lượng chùa Phật giáo do người Trung Quốc và Nhật Bản xây dựng, bên ngoài châu Á. Nhà thờ Công giáo và chùa Phật giáo do người Việt Nam xây dựng phát triển song song.

Đồng thời, bà cũng thấy rằng người Việt Nam, nhờ sự chăm chỉ của mình, đã được mọi người biết đến là những người có đạo đức nghề nghiệp tốt, tận tụy với giáo dục, kỷ luật và kiên nhẫn.

Dần dần, Hiệp bắt đầu thấy một phép màu trong cuộc di cư của người Việt Nam. Việt Nam sẽ không bao giờ có đủ nguồn lực để gửi nhiều người ra nước ngoài học tập và làm việc trong một thời gian ngắn như vậy, nếu không có thảm họa khiến họ trở thành người tị nạn.

Bà thấy hầu hết người Việt ở nước ngoài đều đã học được điều gì đó mới mẻ và kiến thức chung của họ vô cùng rộng lớn. Hiệp nghĩ rằng một ngày nào đó, tất cả những kiến thức tích lũy và tiếp thu được ở nước ngoài có thể góp phần làm cho đất nước mình giàu mạnh và bao dung hơn.

Thay vì than khóc về những gian truân trong quá khứ của thuyền nhân, bà bắt đầu mơ về tiềm năng của tất cả những kinh nghiệm mà người Việt Nam sống ở nước ngoài đã tích lũy được. Bà hy vọng rằng một ngày nào đó, những người ở lại Việt Nam, và những người đã rời đi, sẽ cùng nhau sát cánh. Bà nghĩ, ngày đó sẽ đến trong cuộc đời mình.

*

Năm 1978, bóng đen của quá khứ lại ủa về. Hiệp lắng nghe Hàm Tiểu dịch từng trang sách Cuộc Chiến Bất Tận của Tướng Trần Văn Đôn một cách chậm rãi và tỉ mỉ. Tuy Đôn có lúc lịch sự, có lúc lại hết lời ca ngợi Ngô Đình, Hiệp vẫn cảm thấy sự thật đã bị phản bội hết lần này đến lần khác.

Bà nhớ Đôn rất rõ. Ông là một trong những cận thần cần mẫn nhất trong đoàn tùy tùng nhỏ bé của Cẩn ở Huế. Ông biết cách làm hài lòng Cẩn, và biết cách nịnh hót Cẩn. Ông ta

cùng với các tướng Dương Văn Minh, Trần Thiện Khiêm và Tôn Thất Đính, những người chủ chốt của cuộc đảo chính lật đổ Diệm. Trong cuốn sách của mình, Đôn thẳng thừng phủ nhận mọi sự tham gia vào vụ ám sát Tổng thống. Tuy nhiên, ông ta là kiến trúc sư của âm mưu này. Ông ta cũng là đầu mối liên lạc chính giữa những người lãnh đạo đảo chính và người Mỹ. Nếu muốn cứu mạng Tổng thống, ông ta đã thực hiện các sắp xếp cần thiết để đưa ông ta ra khỏi Việt Nam.

Hiệp nhớ lại một ngày nọ, vào năm 1955, ông đã nói với Diệm: “Hãy cẩn thận, những kẻ phản bội ông một lần có thể sẽ phản bội ông hai lần.” Ngay sau khi Đôn đứng về phía Tướng Nguyễn Văn Võ, khi Võ đến Dinh Độc Lập và cố gắng buộc Diệm rời khỏi Sài Gòn và đến Cannes để tham vấn với Bảo Đại. Thay vì sa thải Đôn, Diệm lại muốn thăng chức cho ông ta. Mặc dù nhiều báo cáo chỉ ra thái độ mơ hồ của Đôn trong cuộc đảo chính ngày 11 tháng 11 năm 1960, Diệm vẫn phớt lờ các báo cáo.

Tuy nhiên, Diệm đáng lẽ phải biết rõ hơn. Cha của Đôn đã tình nguyện gia nhập quân đội Pháp trong Thế chiến thứ nhất. Ông trở về Việt Nam với tư cách là một bác sĩ y khoa, được chính quyền thực dân Pháp vinh danh.

Được bổ nhiệm làm Thị trưởng Sài Gòn rồi Đại sứ tại London, dưới thời Thủ tướng Trần Văn Hữu, cha của Đôn thường xuyên tiết lộ bí mật của Chính phủ Việt Nam cho Massigli, Đại sứ Pháp, đến nỗi ngay cả người bạn cũ Trần Văn Hữu cũng phải chuyển ông đi. Cha của Đôn chính thức từ bỏ quốc tịch Pháp mà ông đã có được vào năm 1956, khi chính Đôn, người được người Pháp giáo dục, đào tạo và thăng chức, đã đốt tất cả các huy hiệu và huy chương Pháp của mình trong một *autodafé* (cuộc thiêu hủy).

Hiệp biết rằng Diệm không được hưởng lợi từ sự sáng suốt của bà. Sau khi phản bội Diệm, Đôn tiếp tục phản bội Dương Văn Minh để theo Nguyễn Cao Kỳ, và sau đó ông phản bội Kỳ để theo Nguyễn Văn Thiệu. Diệm không sống để chứng kiến Đôn thực hiện lời hứa đưa Cẩn ra nước ngoài, mà thay vào đó đã giao ông cho các tướng lĩnh, những người đã xử tử ông.

Hiệp lắng nghe một cách lơ đãng những gì Hàm Tiểu dịch. Bà cố tìm lý do để hòa giải với Đôn. “Phản bội có phải là bản chất của con người không?” bà tự hỏi. “Không, không. Đã có quá nhiều người đàn ông và phụ nữ thà chết chứ không phản bội.” Bà nhớ ông Diệm đã bình tĩnh dự đoán sự phản bội như thế

nào, dễ dàng tha thứ cho những kẻ phản bội mình ra sao. Bà cúi đầu và thầm cầu nguyện: “Anh ơi, hãy dạy em. Hãy dạy em cách hòa giải với những kẻ đã phản bội anh.”

Cảm nhận được nỗi đau của Hiệp, Hàm Tiểu gấp sách lại. Hiệp nhìn cuốn sách trên bàn. Bà ước gì tâm trí mình cũng có thể khép lại và mở ra tùy ý như cuốn sách. Ngày đêm, những ký ức cứ cuộn trào như một cuốn phim bất tận trong tâm trí bà. Bà hiểu tại sao Đôn phải viết một cuốn sách. Bà mong đợi sẽ thấy những cuốn sách khác cùng loại xuất hiện trong tương lai. Cuốn sách của Đôn là một hành động trừ tà. Liệu nó có giúp anh xóa bỏ những ký ức đau buồn hay không, Hiệp không cách nào biết được. Nhìn ra ngoài cửa sổ, cảm nhận hơi thở chín muồi của một ngày thu tươi đẹp, Hiệp nói với Hàm Tiểu: “Một ngày nào đó, con muốn đọc một câu chuyện của một người Việt Nam, được viết một cách không hổ thẹn, không giận dữ, không tự phụ và không tội lỗi.”

Hàm Tiểu nói: “Mẹ ơi, chúng con vẫn chưa tìm lại được sự bình yên trong tâm hồn. Sẽ mất một thời gian để chúng con, với tư cách là một dân tộc, tìm lại được sự ngây thơ đã mất.” Cô hỏi mẹ: “Sao mẹ không viết một cuốn sách như vậy?”

Hiệp bắt đầu một cách vui tươi: “Hồi xưa có một người đàn ông, một người đàn ông kiêu hãnh và giận dữ. Ông là Đại thị thần, người phục vụ một vị Hoàng đế mà ông thực sự tôn thờ...”. Bà dừng lại và cười. Rồi bà nói: “Con nói đúng, các con vẫn chưa tìm lại được sự bình yên trong tâm hồn. Bây giờ viết về giai đoạn đau thương đó thì còn quá sớm.”

Ngoài cửa sổ, ánh nắng mùa thu chiếu rọi trên những ngọn cỏ xanh biếc. Hiệp ước gì Đôn có thể nhìn thấy vẻ đẹp tinh tế của cỏ, những chuyển động rõ rệt của tia nắng trên bãi cỏ. Bà muốn nói, quên đi tất cả nỗi cay đắng vừa cảm thấy chỉ vài phút trước đó, “Mọi chuyện đều ổn. Mọi thứ đều ổn, kể cả nỗi đau và tội lỗi, sự xấu hổ và lòng tự hào. Hãy để quá khứ chôn vùi quá khứ. Chỉ có tương lai của dân tộc chúng ta mới quan trọng. Chỉ có thể hệ tương lai mới quan trọng. Và rồi họ sẽ ổn thôi, rồi các người sẽ thấy.”

*

Bà chỉ sống dưới thời bốn vị Hoàng đế, nhưng bà, người sinh ra vào những tháng cuối cùng của triều đại Giáo hoàng Lêô XIII, đã sống lâu hơn bảy vị Giáo hoàng. Đức Giáo hoàng Phaolô VI, bạn học của anh trai bà, Tổng Giám mục Thực, đã qua đời vào ngày 6 tháng 8 năm 1978.



Giáo hoàng Phaolô VI.

Kể từ năm 1945, bà Hiệp đã dành ngày 6 tháng 8 làm ngày tưởng niệm riêng tư, để tưởng nhớ những người thiệt mạng trong vụ đánh bom hạt nhân ở Hiroshima. Giờ đây, bà lại có thêm một lý do để giữ lễ tưởng niệm đó. Trái ngược với những lời đồn đại lan truyền ở Hoa Kỳ và Việt Nam bởi những kẻ thù của Ngô Đình, Đức Giáo hoàng Phaolô VI vào năm 1963 chưa bao giờ quay lưng lại với Đức Tổng Giám mục Thực. Sau cuộc đảo chính, Giáo hoàng đã can thiệp tích cực nhất với Hoa Kỳ, và đích thân với Cabot Lodge để ủng hộ hộ Cần.

Sau đó, ngài phong cho Tổng Giám mục Thực chức Phụ tá Ngai vàng, đúng như chức danh Ngô Đình Khả dưới thời vua Thành Thái. Giáo hoàng rất kiên nhẫn và rộng lượng với người bạn học cũ của mình, ngay cả sau khi Tổng Giám mục Thực bị các thành phần cực đoan trong Giáo hội lợi dụng để gây ra một cuộc ly giáo.

Sau cái chết của Đức Phaolô VI là sự ra đi của người kế nhiệm, Đức Gioan Phaolô I, người chỉ trị vì chưa đầy một tháng.

Bà Hiệp vừa ngạc nhiên vừa phấn khởi trước sự xuất hiện của Đức Gioan Phaolô II. Ngài đến từ một đất nước dưới sự cai trị của Cộng sản. Ngài hiểu rõ chủ nghĩa Cộng sản và đã anh dũng chống lại chính quyền Cộng sản ở Ba Lan.

Việc ngài được bầu làm Giáo hoàng đánh dấu một bước ngoặt mới trong Giáo hội. Trong mắt bà Hiệp, đó là một lời tiên tri. Ngày ngài được bầu làm Giáo hoàng, bà Hiệp đã quỳ xuống cầu nguyện. Bà cầu xin Chúa ban phước lành cho ngài và đất nước ngài. Bà cũng cầu xin Chúa ban phước lành cho tất cả các quốc gia vẫn còn dưới sự cai trị của Cộng sản.

*

Cuối cùng, điều đó đã xảy ra. Hà Nội quyết

định xâm lược Campuchia. Trong nhiều tháng, căng thẳng đã leo thang giữa hai chính quyền Cộng sản. Các cuộc giao tranh ở biên giới diễn ra gần như hàng ngày. Những lời cáo buộc lẫn nhau về tội ác đã được trao đổi ngày càng dữ dội. Sau đó, khoác lên mình tấm áo của những người giải phóng, quân đội Việt Nam đã xâm lược Campuchia. Chỉ trong vòng hai tuần, Phnom Penh đã rơi vào tay những người “giải phóng”, trong khi Khmer Đỏ phát động một cuộc chiến tranh du kích ác liệt chống lại “bọn xâm lược”. Chẳng bao lâu sau, quân chiếm đóng Việt Nam đã rơi vào vũng lầy.

Hiệp nói với Hàm Tiểu: “Có lẽ mẹ đã sống quá lâu rồi. Mẹ đã chứng kiến tất cả. Ngày nay, những người mẹ Việt Nam phải khóc thương con mình đã ngã xuống nơi đất khách quê người, giống như những người mẹ Mỹ và Pháp trước đây.”

Hàm Tiểu hỏi: “Mẹ không nghĩ rằng quân đội Việt Nam sẽ sớm tiêu diệt hết quân du kích Pol Pot sao? Suy cho cùng, các tướng lĩnh Việt Nam đã là bậc thầy trong chiến tranh du kích.”

Hiệp lắc đầu không đồng tình, bà nói: “Tổng thống nói: ‘Khủng bố và chiến tranh du kích là vũ khí của người nghèo và kẻ yếu.

Bất cứ ai cũng có thể tiến hành khủng bố và chiến tranh du kích, và cần rất nhiều nguồn lực để loại bỏ chúng. Thành công của khủng bố phụ thuộc vào ý chí thể hiện sự tàn bạo tột độ trong việc giết chóc và sự thờ ơ tột độ với hậu quả. Thành công của chiến tranh du kích phụ thuộc vào sự phẫn nộ của những chiến binh, và nỗi sợ hãi của những người nuôi dưỡng họ.”

Hàm Tiểu chờ đợi một kết luận không bao giờ đến. Cuối cùng, cô phải hỏi mẹ: “Vậy, mẹ mong đợi quân đoàn viễn chinh Việt Nam sẽ bị đánh bại sao?” Hiệp gật đầu: “Nếu họ đại đột ở lại, họ sẽ bị đánh bại.”

*

Sự đại đột của họ là đã tiến vào Campuchia ngay từ đầu. Ngày 17 tháng 2 năm 1979, quân đội Trung Quốc xâm lược Việt Nam, ‘để dạy cho người Việt Nam một bài học’.

Hiệp không quan tâm đến các bản tin chiến sự. Bà biết rằng cả hai bên đều chịu thương vong nặng nề. Bà biết rằng Trung Quốc có những mục tiêu hạn chế cho cuộc xâm lược của họ. Họ đã đạt được những mục tiêu đó và rút lui. Cả hai bên sau đó đều có thể tuyên bố chiến thắng.

Điều khiến Hiệp lo lắng là sự cô lập của Việt Nam, ngay cả trong thế giới Cộng sản.

Bà lo lắng, bởi vì bà biết rằng một chính phủ bị cô lập và suy yếu, với một cuộc chiến tranh toàn diện ở Campuchia và một cuộc chiến tranh biên giới với Trung Quốc, sẽ không đối xử tốt với chính người dân của mình, trong các chính sách nội bộ. Bà biết rằng nó sẽ quay lưng lại với nhiều người dân của chính mình.

Sự cô lập của Việt Nam đã hoàn toàn kết thúc khi Liên Xô xâm lược Afghanistan và sa lầy trong một cuộc chiến tranh tốn kém và kéo dài chống lại các chiến binh du kích Afghanistan.

Sau khi Pháp và Mỹ tự đánh bại mình trong Chiến tranh Việt Nam, đến lượt Việt Nam và các đồng minh Nga của họ rơi vào vũng lầy của ‘Chiến tranh Việt Nam’ của chính họ, ở Campuchia và ở Afghanistan.

Hiệp kinh hoàng khi chứng kiến sự hân hoan mà kẻ thù của thế giới Cộng sản mô tả về những cuộc chiến đó. Bà hiểu lý do họ vui mừng trước sự suy yếu của các nước Cộng sản, nhưng lại không thể hiểu được sự thờ ơ của họ trước nỗi đau khổ của những người mẹ Campuchia, Việt Nam, Trung Quốc, Afghanistan và Nga ở quê nhà và những người con trai của họ trên chiến trường. Bà nói với Hàm Tiểu: “Suy cho cùng, điều tạo nên sự

khác biệt lớn giữa chúng ta và những người Cộng sản chính là tấm lòng của chúng ta.”

*

Một ngày nọ năm 1980, Đức Hồng Y Rossi, Tổng Trưởng Thánh Bộ Truyền Giáo, xuất hiện trước cửa nhà Hiệp. Vị giáo sĩ quyền lực này đã viếng thăm nhiều nước Nam Á và Đông Nam Á, và quyết định đến thăm Ấm và Hiệp để bày tỏ sự quan tâm của Tòa Thánh đối với Đức Tổng Giám mục Thuận và gia đình.

Hiệp ngồi quan sát Ấm và Đức Hồng Y. Họ nói chuyện bằng tiếng Pháp và bà không gặp khó khăn gì khi theo dõi cuộc trò chuyện của họ.

Có lúc Đức Hồng Y nói: “Đừng tin dù chỉ một phút rằng chúng ta đã quên mất Đức Tổng Giám mục Thuận. Đức Thánh Cha đã cho phép tôi nói rằng ngài thường xuyên cầu nguyện cho Đức Tổng Giám mục. Chúng tôi đã sắp xếp để cử khách đến Việt Nam để mang theo lời an ủi của chúng tôi đến ngài.” Rồi ngài hỏi: “Khi phái viên tiếp theo đến, anh muốn ông ấy nói gì với Đức Tổng Giám mục?”

Ấm nhìn Hiệp như muốn xin lời khuyên, rồi cương quyết nói: “Xin hãy để sứ giả tiếp theo nói với con trai chúng tôi rằng lời nhắn nhủ của chúng tôi dành cho nó là: Hãy kiên định và can đảm. Hãy trung thành với Giáo hội và trung thành với Chúa.”

Đức Hồng Y nhìn Ấm, rồi nhìn Hiệp. Ông hiểu tại sao Sứ thần Tòa Thánh tại Úc lại bảo ông nhất định phải đến thăm họ. Ông hiểu tại sao các Hồng y và Giám mục ở Úc luôn đến thăm họ mỗi khi họ đến Sydney.

Ông đứng dậy và nói: “Bây giờ tôi có một câu chuyện đẹp để kể cho Đức Thánh Cha khi tôi trở về Rome.”

*

Một ngày nọ vào năm 1980, Hàm Tiểu mang đến cho mẹ một cuốn sách “*Con Rồng An Nam*” của Hoàng đế Bảo Đại. Cuốn sách được viết bằng tiếng Pháp. Mẹ kể: “Con đã ngồi đọc sách suốt đêm. Hoàng đế dường như không ghét Tổng thống.”

Hiệp cầm lấy cuốn sách và bắt đầu lật giở từng trang; “Hoàng đế hiểu rằng không còn cách nào khác, vào năm 1955. Tổng thống phải phế truất ông, bởi vì Hoàng đế là tù nhân của lợi ích Pháp, và dễ bị thao túng bởi một nhóm nhỏ người Việt Nam có tư tưởng thân Pháp.”

Hàm Tiểu nói: “Rất nhiều tác giả đã viết về Hoàng đế và Tổng thống. Câu chuyện thực sự đằng sau vẻ bề ngoài là gì? Tình cảm thực sự của họ dành cho nhau là gì?”

Hiệp nhắm mắt lại và hồi tưởng. Trong giây lát, Hàm Tiểu nghĩ rằng mẹ cô đã ngủ

thiếp đi. Ngồi bên cửa sổ, khuôn mặt Hiệp ngập tràn trong những tia nắng chiếu qua tấm rèm mỏng trắng. Hàm Tiểu hiếm khi thấy mẹ thanh thản như vậy trong những năm gần đây.



Hoàng đế nhỏ Bảo Đại.

Như vừa tỉnh dậy sau một giấc mơ êm đềm, Hiệp mở mắt và mỉm cười: “Trước năm 1932, Tổng thống, giống như hầu hết người Việt Nam, chỉ thoáng thấy Hoàng đế trẻ mười tuổi, khi Bảo Đại từ Pháp trở về sau khi Hoàng

để Khải Định bằng hà để lên ngôi. Đó là vào năm 1925. Tổng thống là người đứng đầu Phủ Hải Lãng. Tôi nghĩ ông ấy đã được mời đến dự lễ đăng quang của Hoàng đế mới, nhưng ông ấy không có cơ hội nói chuyện với Bảo Đại. Con biết chuyện gì đã xảy ra tiếp theo không?” Hàm Tiểu đáp: “Đúng vậy, Hoàng đế đã trở về Pháp để hoàn tất việc học. Ngài đã ở đó nhiều năm.”

*

Hiệp kể: “Ông ấy mất thêm bảy năm nữa mới hoàn thành việc học. Trong thời gian đó, Tổng thống chỉ có ba nguồn thông tin về Bảo Đại. Thứ nhất, thỉnh thoảng có những bài báo viết về Hoàng đế và các hoạt động của ông ở Pháp. Những bài báo đó thường đăng ảnh của Hoàng đế. Ông ấy thích thể thao, xe hơi và yêu thích lối sống Pháp. Nguồn thứ hai là chú Luyện của con, người cũng học ở Paris và trở thành bạn thân của Hoàng đế. Mặc dù chú Luyện của con viết rất tâm huyết về Bảo Đại, ca ngợi trí thông minh và sự giản dị của ông, nhưng những lá thư của chú khiến bà nội của con lo lắng. Bà đã nhờ chú Khôi và Tổng thống viết thư cho chú và cảnh báo chú không nên quá thân thiết với Hoàng đế.”

Hàm Tiểu hỏi: “Tại sao? Hoàng đế đã có tiếng là một tay chơi vào thời điểm đó rồi

sao?” Hiệp lắc đầu: “Không, nhưng ngay cả từ những lá thư của chú Luyện, người ta cũng có thể thấy Hoàng đế không muốn trở về Việt Nam, rằng ông ấy chỉ quan tâm đến ngựa và xe hơi tốc độ, sự thoải mái và thời trang. Bà nội của con sợ chú Luyện của con sẽ noi gương Hoàng đế.”

Hàm Tiểu hỏi: “Nguồn tin thứ ba về Hoàng đế là gì?” Hiệp nói: “Thượng thư Nguyễn Hữu Bài. Thượng thư thường xuyên liên lạc với Hoàng đế và người Pháp. Ông phải hiểu rằng Thượng thư không hài lòng với Hoàng đế Khải Định. Ông mong đợi Hoàng đế thể hiện sự cứng rắn hơn trong việc đối phó với người Pháp. Hóa ra, Hoàng đế Khải Định lại quá nhu nhược. Thượng thư hối hận về vai trò của mình trong việc đưa Khải Định lên ngôi. Sự dè dặt của ông đối với Hoàng đế Bảo Đại theo một cách nào đó là quá đáng. Ông ta dễ dàng tìm ra lỗi lầm ở vị Hoàng đế trẻ tuổi. Ông ta không tán thành việc Hoàng đế ở lại Pháp lâu dài dưới ảnh hưởng của ông Jean Charles, người mà nhiều người Việt Nam gọi là tên thực dân nguy hiểm nhất.

Hàm Tiểu tiếp tục: “Vậy là Tổng thống đã có ấn tượng không tốt về Hoàng đế trước năm 1932.” Hiệp lắc đầu: “Những người không biết Tổng thống đều nghĩ rằng ông ấy

là người có nhiều định kiến. Điều đó hoàn toàn không đúng. Ngay cả với tất cả những thông tin không mấy tốt đẹp mà ông nhận được về vị Hoàng đế trẻ tuổi, Tổng thống vẫn không chắc mình nên nghĩ gì về Bảo Đại. Thử thách thực sự đầu tiên là khi Hoàng đế đề nghị ông làm Thượng thư.



Hoàng đế Bảo Đại cao tuổi.

*

Hàm Tiểu hỏi: “Bản án thế nào?” Hiệp mỉm cười. Bà nhớ lại tất cả như thể mọi chuyện

mới xảy ra hôm qua; “Con biết đấy, Tổng thống nhận chức Thượng thư với ý đồ từ chức chắc chắn, gây khó dễ cho chính quyền thực dân Pháp. Vậy nên, việc ông nhận chức hay từ chức đều không phải là một sự phán xét đối với Hoàng đế. Nhưng trong khoảng thời gian hơn bảy mươi ngày đó, ông có nhiều cơ hội để quan sát Hoàng đế. Sau khi từ chức, ông về sống ở Phú Cam mười một năm. Ông thường nói chuyện với mẹ về Hoàng đế.”

Hàm Tiểu biết rằng giờ đây mẹ cô sẽ chần chừ. Hiệp rất ghét phê bình người khác. Nếu nghe thấy những lời phê bình, bà hiếm khi nhắc lại. Vậy nên, giờ đây, Hàm Tiểu ngồi xuống, trang bị cho mình sự kiên nhẫn và chờ đợi. Cuối cùng, Hiệp nói: “Tổng thống thấy Hoàng đế là một trong những người thông minh nhất mà ông từng biết. Một hôm ông nói với mẹ: ‘Nếu Hoàng đế chỉ sử dụng một phần mười trí thông minh của mình, người ta sẽ gọi ông là thiên tài.’ Ông nhìn thấy những phẩm chất tuyệt vời ở Hoàng đế: tự tin, điềm tĩnh và thanh thản. Theo ông, điểm yếu lớn nhất của nhà vua là sự buồn chán. Chính sự buồn chán đó đã ngăn cản Hoàng đế kiên trì trong các công việc của mình, chứng minh lòng yêu nước và sự quan tâm thực sự của mình đối với dân chúng.”

Hàm Tiểu không hài lòng. Cô kêu lên: “Chỉ vậy thôi sao? Còn tính ích kỷ nổi tiếng và sự thiếu ý chí của ông thì sao?” Hiệp cười buồn: “Không phải vào năm 1933. Mãi sau này, khi sự buồn chán của ông, cộng thêm chứng trầm cảm kéo dài do cuộc sống ẩn dật trong Hoàng cung, đã khiến ông tìm đến sự an ủi trong đàn bà và cờ bạc.”

Hiệp nhún vai, “Sau khi thoái vị, ra Hà Nội, rồi sang Trung Quốc, một Bảo Đại khác lại xuất hiện. Từ đó, người ta có thể phán xét ông ta tàn nhẫn hơn. Khi người Pháp đưa ông ta trở lại nắm quyền, những kẻ đã dẫn dắt ông ta đi lạc lối đã vây quanh ông ta. Tuy nhiên, chưa bao giờ ông ta cố ý làm tổn hại đến lợi ích của đất nước và nhân dân.”

Hàm Tiểu nhắc nhở bà, “Còn mối quan hệ của ông ta với bọn cướp Bình Xuyên thì sao?” Giọng Hiệp lúc này nghe buồn hơn bao giờ hết, “Người Pháp cũng có quan hệ với bọn cướp Bình Xuyên. Hoàng đế đã phạm nhiều sai lầm trong đời. Người ta gán cho ông ta cái mác lãng nhãng, tay chơi trơ trẽn, và cờ bạc thâm căn cố đế. Tội lỗi ban đầu của ông ta là sự buồn chán. Có lẽ ông ta muốn trở thành một nhà cai trị tầm cỡ, nhưng ngay từ đầu đã biết rằng mình sẽ không bao giờ được phép cai trị. Sự buồn chán của ông ta có

thể xuất phát từ nhận thức về hoàn cảnh của mình.” Hàm Tiểu hỏi, “Đó là cách mẹ muốn chúng con nhìn nhận ông ta sao?” Hiệp gật đầu, “Có lẽ theo thời gian, lịch sử sẽ đối xử tử tế với ông ấy hơn so với trước đây.” Hiệp lấy chiếc kính đọc sách nhỏ ra khỏi hộp gỗ sơn mài lót nhung. Bà bắt đầu lật giở những trang hồi ký của Bảo Đại. Bà nói, “Lại thêm nhiều đêm mất ngủ nữa.”

*

Kể từ vụ ám sát ông Diệm, Hiệp luôn rùng mình trước bất kỳ tin tức nào về một vụ ám sát. Tháng 3 năm 1981, bà kinh hoàng khi biết về vụ ám sát hụt Tổng thống Reagan tại Washington.

Chưa đầy hai tháng sau, bà càng kinh hoàng hơn khi xem trên truyền hình những hình ảnh ám ảnh về vụ ám sát hụt Giáo hoàng. Trong khi cả thế giới chờ đợi để biết số phận của ông, trong khi các bác sĩ phẫu thuật đang phẫu thuật cho ông, Hiệp đã cầu nguyện.

Bà đã cầu nguyện cho ông hàng giờ liền. Bà nói, “Lạy Chúa, con đã qua tuổi tám mươi rồi. Xin cho con được chết thay ông ấy?” Đó không phải là lần đầu tiên bà cầu nguyện như vậy. Bà đã cầu nguyện gần như y hệt khi Khôi bị Việt Minh bắt giữ và đưa đi. Bà đã cầu nguyện Chúa để bà được chết thay cho các

anh em trai của mình khi Dinh Tổng thống bị quân nổi dậy bao vây vào năm 1960, và một lần nữa vào năm 1963. Bà đã muốn chết thay cho Cần vào năm 1964. Đức Giáo hoàng đã không chết.

Giờ đã ngoài tám mươi, Hiệp chỉ còn một hy vọng lớn lao: bà muốn gặp con trai mình, Thuận, trước khi qua đời. Bà không biết rằng phải mất thêm bảy năm chờ đợi và cầu nguyện nữa mới được gặp lại con.

*

Phải mất một thời gian, thông tin mới đến được với Hiệp. Cuối năm 1983, khi cuối cùng bà cũng biết, cảm xúc của bà khá mâu thuẫn. Chính quyền Sài Gòn đã quyết định giải tỏa nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, và người thân của bà được lệnh di dời hài cốt của mẹ bà, Diệm và Nhu về Lái Thiêu, cách Sài Gòn ba mươi cây số về phía đông. Vì Hòa thượng trụ trì chùa Tương tế Bắc Việt đã qua đời trong thời gian đó, người thân của bà cũng quyết định di dời hài cốt của Cần về cùng địa điểm.

Với thông tin này, bà cũng nhận được một vài bức ảnh chụp những ngôi mộ mới. Những bức ảnh cho thấy mộ của mẹ bà ở giữa với một tấm bia mộ ghi đơn giản là ‘Phạm Thị Thân, mất ngày 1 tháng 2 năm 1964’. Mộ của Diệm và Nhu nằm hai bên mộ của mẹ họ; Bia

mộ của Diệm ghi dòng chữ “Gioan Tẩy Giả, Huynh, mất ngày 2 tháng 11 năm 1963”, còn bia mộ của Nhu ghi “Giacôbê, Đệ, mất ngày 2 tháng 11 năm 1963”. Gần nhóm mộ, các bức ảnh cho thấy mộ của Cần. Bia mộ của ông ghi “Gioan Tẩy Giả, Đệ, mất năm 1964”.

Con gái của Giao, Xơ Trương Đình Lý, đứng ở phía sau hầu hết các bức ảnh. Bà được cho là động lực thúc đẩy việc di dời. Hiệp nói với Ấm: “Anh thấy đấy, Xơ Giao của tôi, người rất xa lánh những lo toan của gia đình Ngô Đình khi còn sống, giờ đây đã nhờ con gái mình, đảm bảo sự an nghỉ cho mẹ tôi và ba người anh em tử đạo của tôi.”



Mộ mẹ và ba người con trai được đoàn tụ.

Bà đã dành nhiều ngày để hồi tưởng về Giao, “một tâm hồn tự do”. Bà là người con duy nhất của Ngô Đình Khả không cảm thấy bị ràng buộc bởi giấc mơ của cha mình. Hiệp nhớ bà đứng trong vườn cây ăn quả, nhìn Luyện và con trai, Ban, leo từ cành này sang cành khác, cao trên những cây vải. Hiệp nhớ Giao đứng ngoài cổng nhà bà, sau khi bà đưa Luyện và Ban đến trường với những chiếc túi đựng đồ ăn trưa được bà chuẩn bị chu đáo mỗi sáng.

Giao đã ở đó để thương tiếc cái chết của Khôi. Bà không ở đó để ăn mừng sự trở lại quyền lực vẻ vang của Diệm. Bà kiên quyết từ chối tham gia vào bất kỳ quyết định quan trọng nào của gia đình, và từ chối sự giúp đỡ của gia đình, ngay cả khi bà cần.

Giờ đây, khi tất cả anh chị em của bà đã chết hoặc đang lưu vong, chính con gái của Giao đã đưa hài cốt của bà Ngô Đình Khả và ba người con trai của bà về nơi an nghỉ vĩnh viễn.

Một lúc sau, bà nói thêm: “Chúng tôi, những người phụ nữ trong gia đình, mẹ tôi, các chị tôi và tôi, là những người đau khổ khi những người đàn ông trong gia đình đấu tranh cho lý tưởng của họ. Chúng tôi khóc khi họ ngã xuống, chôn cất họ khi họ chết và

tiếp tục bảo vệ sự yên nghỉ của họ rất lâu sau khi họ trở về với tro tàn.”

Những ngôi mộ được xây dựng một cách duyên dáng. “Ở nghĩa trang xa xôi này, họ sẽ không bao giờ bị quấy rầy nữa”, Hiệp nghĩ. Một mặt, bà mừng vì tất cả những người thân đã khuất ở Sài Gòn giờ đây được đoàn tụ, nhưng mặt khác, bà tiếc nuối vì hài cốt của Cẩn đã bị chuyển khỏi khuôn viên chùa. Bà được cho biết là không còn cách nào khác. Nhưng bà vẫn tiếc nuối vì một trong những di nguyện cuối cùng của Cẩn không còn được thực hiện.

Bà nhớ lại ngày còn trong tù, Cẩn đã yêu cầu được chôn cất vĩnh viễn hài cốt của mình trong khuôn viên chùa, để nhấn mạnh mối liên hệ của gia đình với Phật giáo.

CHƯƠNG BA MƯƠI BẢY ÁNH SÁNG SAU LƯNG BÓNG TỐI

Ngày 11 tháng 7 năm 1984, từ Washington D.C., Đức Tổng Giám mục Thục đã gửi một lá thư khiêm nhường đến Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II, bày tỏ lòng hối tiếc về những sai lầm trong quá khứ và xin Tòa Thánh tha thứ. Tòa Thánh đã tha thứ cho ngài và năm tháng sau ngài qua đời tại Springfield, Missouri.

*

Hiệp mừng rồi khi anh Thục của mình đã ra đi thanh thản sau một cuộc đời dài. Ông mất ở tuổi tám mươi tư, và được các linh mục thuộc Dòng Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc ở Carthage gần đó tổ chức một tang lễ long trọng. Tham dự tang lễ có anh trai bà, Luyện, và con trai bà, Tuyền, cũng như rất nhiều bạn bè Việt Nam đến từ khắp Hoa Kỳ.

Trong số những người đưa tang, có Cha Cao Văn Luận, một người bạn lâu năm của gia đình và là người đã chiến đấu với các anh



Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thục.

em của bà vào thời điểm quan trọng nhất năm 1963. Cha Luận đã rơi nước mắt trong Thánh lễ an táng.

Các linh mục, những người đã góp công lớn trong việc giải thoát anh trai bà khỏi các tu sĩ ly giáo, những người đã giam cầm ông nhiều năm, đã hứa với Luyện rằng họ sẽ mãi mãi chăm sóc phần mộ của Đức Tổng Giám mục.

Hiệp không khóc. Bà không còn thấy việc chuyển từ sự sống sang cái chết, từ sự phục sinh sang một quá trình đáng sợ nữa. Bà

cầu nguyện cho linh hồn anh trai được yên nghỉ và hy vọng Chúa sẽ sẵn lòng tha thứ cho những lỗi lầm và yếu đuối đã in đậm trong cuộc đời anh. Bà hy vọng rằng những năm tháng lưu vong dài đằng đẳng và đau khổ của anh đã đền bù cho tội lỗi của anh. Bà cầu nguyện rằng những người đã từng biết anh, sẽ nhớ đến anh như một người đàn ông ý thức được mọi khuyết điểm của mình, nhưng được ban cho một trái tim rộng mở và khát khao cháy bỏng được phụng sự Chúa.

*

Tháng 2 năm 1987, Luyện đến Sydney. Ông sẽ ở Úc hai tháng tiếp theo. Ấm và Hiệp đã đón ông tại sân bay và đưa ông về nhà. Luyện đã hỏi ngay rằng liệu tất cả họ có thể ra bãi biển và đi dạo không. Mặc dù bãi biển Maroubra nằm ngay cạnh, Hàm Tiểu đề nghị họ lái xe đến bãi biển Manly, hơi chệch về phía bắc.

Trên đường đi, Hiệp nhìn em trai mình. Luyện vẫn lịch lãm như mọi khi. Ở tuổi bảy mươi ba, ông vẫn nhanh nhẹn và trông khá trẻ. Luyện mang theo tin tức về Hoa Kỳ và Châu Âu. Hiệp vừa nhìn Luyện vừa nói chuyện. Rõ ràng ông đã bị choáng ngợp bởi những gì mình chứng kiến ở Hoa Kỳ, khi ông đến đó vào cuối năm 1984, trong những ngày cuối đời của Đức Tổng Giám mục Thực.

Ông kể, “Đầu tiên em đến Carthage và Springfield, Missouri, để thăm anh Thực. Anh ấy yếu ớt và gầy như hôn mê. Em biết anh ấy vẫn còn tỉnh táo vì khi em kể với anh ấy về tuổi thơ của chúng ta, anh ấy mỉm cười hạnh phúc. Nhưng anh ấy vẫn nhắm mắt và chỉ khẽ ra hiệu nhận ra khi em ở gần.”

Hiệp tưởng tượng ra cảnh tượng đó. Nó giống như những ngày cuối đời của mẹ bà. Bà biết thật khó khăn khi chứng kiến người mình yêu thương dần dần rơi vào hôn mê. Luyện nói tiếp, “Ở Missouri, Tuyền và một nhóm bạn của anh ấy đến. Đêm đến, tôi ngồi nói chuyện với họ. Họ thật nhiệt thành! Họ háo hức muốn biết tất cả những gì em biết về Tổng thống.”

Những lời Luyện đã xoa dịu vết thương lòng của Hiệp. Ông nói, “Một người trong số họ hỏi tôi, ‘Nếu phải chọn một trong những bài học chúng ta phải học từ Tổng thống, anh sẽ chọn bài học nào?’ Đó là một câu hỏi khó. Tôi bảo anh ấy đợi một lúc. Tôi phải suy nghĩ.” Hiệp mỉm cười, “Em chọn bài học nào?”

Luyện nhìn chị chăm chú khi anh trả lời, “Em đã nói với anh ấy rằng đó là cách Tổng thống sử dụng điểm yếu của chính mình làm lợi thế.” Luyện thấy chị mình hài lòng. Bà hỏi, “Em đã giải thích bài học đó cho anh ấy

chưa?” Luyện trả lời, “Vâng, em đã mô tả cho anh ấy hoàn cảnh mà Tổng thống lên nắm quyền, cách ông ấy phải bắt đầu từ con số không, cách ông ấy phải đặt niềm tin và ý chí của mình chống lại những kẻ thù hùng mạnh.” Hiệp mỉm cười, “Miễn là vẫn còn những người muốn học hỏi từ tấm gương của Tổng thống, thì mọi hy sinh của chúng ta đều không vô ích.”

Luyện gật đầu đồng ý. Ông tiếp tục, “Sau vài ngày ở Missouri, em quyết định đến California, nơi có rất nhiều bạn bè trung thành của chúng ta sinh sống. Ở đó, vào ngày 2 tháng 11, em đã tham dự Lễ tưởng niệm Tổng thống, Anh Nhu và Anh Cẩn, cùng các đồng chí của họ đã hy sinh trong và sau cuộc đảo chính.”

Luyện cúi xuống, nhặt một viên sỏi tròn và ném xuống sông. Ông nói, “Có hàng ngàn người tham dự buổi lễ theo nghi thức Công giáo và cũng có hàng ngàn người tham dự buổi lễ theo nghi thức Phật giáo. Một ngày nào đó chị nên đến đó và tận mắt chứng kiến. Trong suốt buổi lễ, tôi ngồi nghĩ, ‘Tổng thống đã được minh oan.’ Sau hơn hai mươi năm, mọi người vẫn còn nhớ đến ông. Theo những gì tôi thấy, sẽ còn có nhiều người nhớ đến ông hơn nữa trong tương lai.”

Hiệp hỏi, “Cậu đã phát biểu trước đám đông chưa?” Luyện cười, “Em chưa bao giờ học cách nói trước đám đông, chị biết đấy. Nhưng ban tổ chức vẫn cứ khẳng khẳng. Vậy nên, em cố gắng kiềm chế cảm xúc, nói vài lời. Em đã thành công rực rỡ. Mọi người không cần một nhà hùng biện. Họ chỉ muốn gặp em trai của những người hùng của họ.”

Hiệp nhìn ra biển khơi mênh mông. Cũng những con mòng biển ấy hiện ra từ ký ức của bà, kêu lên những tiếng sắc nhọn và lao xuống giữa hai con sóng. Ý nghĩa về sự sống và cái chết của ông Diệm hiện ra trước mắt Hiệp, mong manh như một đám mây đỏ lẻ loi nơi chân trời, nhưng lại bền bỉ như đại dương. Bà khiến Luyện giật mình khi nói: “Vậy là mọi chuyện ổn thỏa rồi.”



Ông Ngô Đình Luyện.

*

Luyện mất ngày 23 tháng 4 năm 1988. Hiệp càng trân trọng hơn những kỷ niệm về chuyến thăm của Luyện năm trước. Bà nhớ Lucie, người vợ đầu tiên của ông, lúc đó mới mười sáu tuổi, khi Hoàng và bà gặp nhau lần đầu tiên ở Chợ Lớn, năm 1938.

Bà nhớ Marie, với sự giản dị và nụ cười thường trực, đã kết hôn với Luyện hai năm sau khi Lucie, chị gái bà, qua đời. Bà biết rằng Marie đã nhiều lần đứng lên chống lại Lê Xuân. Bà đã can đảm trở về Việt Nam và sát cánh bên Luyện trong những giờ phút đen tối nhất của năm 1955. Bà đã đến Huế hai lần để đoàn tụ gia đình. Ánh mắt im lặng của bà đôi khi đủ để thay đổi hướng thảo luận. Diệm chăm chú lắng nghe vài lời của bà.

Sau cuộc đảo chính năm 1963, Luyện và bà là những người đứng sau tất cả các buổi lễ tưởng niệm Diệm và Nhu, được tổ chức tại Paris vào ngày 2 tháng 11 hàng năm. Giờ Luyện đã mất. Hiệp không cảm thấy đau đớn, chỉ thấy buồn.

Luyện ra đi, bà là người cuối cùng trong đàn. Bà tự hỏi liệu mình có được tha mạng vì một mục đích nào đó không. Bà tự hỏi liệu mình có nên là người kể lại câu chuyện về dòng họ hùng mạnh một thời của mình hay không.



Bà Ngô Đình Thị Hiệp và ông Nguyễn Văn Am tại Sydney.

*

Ngày 19 tháng 6 năm 1988, bất chấp mọi phản đối của chế độ Cộng sản Việt Nam, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã long trọng phong thánh cho 117 vị Tử đạo Việt Nam. Cuộc tranh cãi này có nguy cơ làm phức tạp thêm những hiểu biết gần đây giữa Giáo hội Việt Nam và chính phủ. Nó gây căng thẳng cho mối quan hệ giữa Vatican và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Bà Hiệp, người đã thấy những dấu hiệu hòa giải và hy vọng rằng nhờ mối quan hệ được cải thiện với Việt Nam, Tòa Thánh sẽ sớm thành công trong việc Tổng Giám mục Thuận được trả tự do, giờ đây lo sợ rằng việc trả tự do cho ông sẽ bị gác lại.

Tuy nhiên, bà Hiệp tin rằng các vị Tử đạo Việt Nam nên được phong thánh, bất kể chuyện gì xảy ra với con trai bà. Bà tin rằng bằng cách tôn vinh các vị tử đạo, Giáo hội hoàn vũ tôn vinh các Kitô hữu Việt Nam và toàn thể dân tộc Việt Nam. Trong hơn ba thế kỷ bị bách hại, hơn một trăm nghìn người Công giáo Việt Nam đã bị giết vì lòng trung thành với đức tin của họ. Bà Hiệp và gia đình bà, những người sinh ra trong các vị tử đạo, đã vô cùng tự hào về điều đó. Ngày Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II công bố việc phong thánh cho các vị tử đạo Việt Nam; Hiệp gần như không giấu được niềm vui. Bà đã nhờ Hàm Tiêu đến dự lễ thay mặt gia đình.

Hàm Tiêu đã lên đường sang Rome. Bà viết thư trả lời, lòng tràn đầy phấn khởi trước sự kiện trọng đại này, và trước đám đông người Việt Nam từ khắp nơi trên thế giới. Chính trong những buổi gặp gỡ với các cộng đồng người Việt từ khắp các châu lục, bà mới có thể cảm nhận được mức độ ảnh hưởng của

Tổng thống Diệm đối với người Việt hải ngoại và sự kính trọng mà họ dành cho Đức Tổng Giám mục Thuận. Mọi người dường như đều đồng lòng. Tất cả đều cầu nguyện cho Đức Tổng Giám mục Thuận được trả tự do và được phép đảm nhiệm vai trò lãnh đạo của mình trong Giáo hội Việt Nam.

*

Ngày 21 tháng 11 năm 1988, đúng ngày Lễ Đức Mẹ Dâng Mình trong Đền Thánh, và cũng là kỷ niệm 63 năm ngày cưới của cha mẹ, Đức Tổng Giám mục Thuận được trả tự do và được phép ở lại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội. Trong giấy trả tự do, không hề đề cập đến việc ngài đã từng ở tù. Chỉ đơn giản là ngài được phép rời khỏi nơi cư trú ở Giang Xá và chuyển đến Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.

Việc Thuận được trả tự do đã được rất nhiều hãng thông tấn đưa tin, và chẳng bao lâu sau, Hiệp nhận được hàng chục cuộc gọi điện thoại mỗi ngày, từ bạn bè và người quen muốn biết thêm về tình trạng sức khỏe và nơi ở của Thuận. Hiệp không ngại trả lời các cuộc gọi. Niềm vui của bà lớn đến nỗi không gì có thể làm giảm bớt. Chính thức, các nguồn tin của Giáo hội đã thông báo với bà rằng Thuận sẽ sớm được phép sang Úc thăm cha mẹ.

Ban đêm, Hiệp mơ thấy Thuận. Bà thấy

ông đến sân bay và bà cùng chồng muốn chạy đến bên ông nhưng không thể cử động. Dù những giấc mơ thật nặng nề, bà tỉnh dậy với cảm giác hạnh phúc vì đã thoáng thấy anh.

Bà sợ rằng ông sẽ thấy bà quá già, quá yếu và quá mong manh. Bà sợ rằng thay vì vui mừng, ông sẽ cảm thấy đau đớn khi nhìn thấy bà. Bà dành hàng giờ để trang điểm, chải mái tóc dài và thay áo choàng. Bà tự nhủ: “Không, mình sẽ không để nó đoán được việc bị giam cầm lâu dài đã khiến mình già đi đến mức nào. Mình sẽ không để nó biết mình đã mất bao nhiêu đêm không ngủ để cầu xin Chúa cứu giúp nó, để nó khỏe mạnh, để nó có sức mạnh.”

Rồi bà nghĩ rằng Thuận có thể đã phải chịu đựng quá nhiều đến nỗi trông nó thật kinh khủng. Bà tự nhủ: “Mình sẽ không khóc, dù trông nó như ma. Không, mình sẽ không khóc, dù nó có trông thế nào đi nữa. Có lẽ khóc bây giờ sẽ tốt hơn, trước khi nó đến.”

Bà không biết rằng đã có một âm mưu đang được thực hiện. Một ngày nọ, con gái bà, Hàm Tiểu, đã bay đến Bangkok mà không báo cho bà hay cho Ấm biết. Chính quyền Úc nói với bà rằng Thuận đã đến Đại sứ quán Úc tại Hà Nội và xin thị thực.

Rõ ràng, các viên chức Đại sứ quán Úc đã rất sửng sốt khi nhìn thấy Thuận. Mọi thủ tục

hành chính đều được miễn trừ, và thị thực được cấp ngay lập tức. Lúc này, chính quyền Úc được thông báo rằng Thuận dự kiến khởi hành đi Sydney vào ngày 28 tháng 3 năm 1988, nhưng họ khuyên Hàm Tiểu đừng quá tin tưởng vào điều đó. Họ nói rằng việc rời khỏi Việt Nam theo lịch trình không có nghĩa là chắc chắn sẽ rời đi.

Hàm Tiểu đã bay đến Bangkok vào ngày Thuận đáp chuyến bay của Air Vietnam rời Hà Nội. Ông sẽ gặp cô tại sân bay Krung Thep, nếu mọi việc diễn ra đúng như kế hoạch. Đối với Hàm Tiểu, mọi chuyện đều có thể xảy ra bất trắc. Cô đã cầu nguyện rất nhiều, trên chuyến bay đến Bangkok và trong khi chờ đợi ông ở đó. Việc gặp ông ở Bangkok đối với cô dường như vừa gần gũi vừa xa cách.

Hàm Tiểu gần như không thể kìm được nước mắt khi nhìn thấy anh mình. Anh vẫn gầy gò và cao lớn. Vai anh thẳng như vai ông ngoại, cổ Đại Thị thần. Cô nhớ bà ngoại luôn nói rằng Thuận là người duy nhất có vai thẳng, vì tất cả các con trai của bà đều hơi khom.

Họ cùng nhau bay đến Sydney và được Sứ thần Tòa Thánh đón tiếp tại sân bay khi đến nơi. Trên đường từ sân bay đến nhà Hàm Tiểu, hôm đó giao thông quá đông đúc đến nỗi Sứ thần phải nói: “Ồ nhiễm quá, xe cộ

quá nhiều. Tôi rất tiếc khi chúng ta phải chạy xe với tốc độ chậm như sên ở thành phố này.” Thuận mỉm cười và nói: “Thưa Đức Cha, ngài biết rằng tôi vừa mới ra tù. Sau mười ba năm địa ngục, giờ đây mọi thứ đều có mùi vị, âm thanh và trông giống như thiên đường đối với tôi.”

Sau vài giờ nghỉ ngơi, Hàm Tiểu gọi điện cho cha và nói: “Một Đức Cha quen biết với anh Thuận muốn gặp cha chiều nay. Có được không?” Cha cô vô cùng phấn khích, nói: “Hãy nói với Đức Cha rằng ngài có thể đến bất cứ lúc nào. Mẹ con và cha sẽ nóng lòng chờ đợi ngài đến thăm.”

Trong những năm qua, đã bao nhiêu lần một vị hồng y, một giám mục, một linh mục đến thăm họ và báo tin tức mới nhất về Thuận. Cả cha mẹ cô đều được tiếp thêm sức mạnh từ những chuyến thăm đó. Hàm Tiểu cảm thấy ghen ngào khi nghe thấy giọng nói phấn khích của cha.

Cô vội nói: “Ba giờ con sẽ đến đó với cha.” Rồi cúp máy.

*

Ấm và Hiệp đều đã ăn mặc chỉnh tề. Ngay khi chuông cửa reo lần đầu, Ấm ra mở cửa. Ấm mặc bộ lễ phục màu xanh lam sang trọng, còn Hiệp thì khoác lên mình chiếc áo dài thêu

đẹp nhất của mình. Họ nhìn Thuận và Hàm Tiểu. Có một thoáng do dự, rồi Ấm khẽ cười, “Thưa Đức Cha!”

Hiệp đứng sau Ấm một bước. Bà khẽ nói: “Thuận, con ở đây. Con còn sống.” Cảm giác và không cảm giác, bà đã mơ về khoảnh khắc đó rất lâu. Bà đã tưởng tượng nó theo nhiều cách. Tuy nhiên, bà chưa bao giờ nghĩ rằng nó lại đơn giản và thỏa mãn như vậy.

Hiệp lặp lại, và giọng nói của chính bà dường như vọng đến từ rất xa, “Con ở đây, còn sống.” Có rất nhiều điều bà muốn nói, nhưng rồi bà biết rằng chúng cũng có thể không được nói ra. Mười ba năm trong tù, Thuận vẫn giữ nguyên nụ cười ấy, giọng nói ấy, và cái cách cúi đầu trầm ngâm lắng nghe ấy.

Ấm quay sang Hàm Tiểu và nói với giọng mỉa mai: “VẬY RA CON ĐÃ BIẾT ANH TRAI MÌNH ĐẾN MÀ KHÔNG BÁO CHO CHA MẸ BIẾT!” Cả Thuận và Hàm Tiểu đều mỉm cười. Thuận nói: “Con gọi cho cô ấy từ Hà Nội và bảo cô ấy đến Bangkok với con. Chúng con cùng bay từ đó đến Sydney sáng nay.” Hiệp hỏi: “Tại sao con lại nghĩ như vậy? Con có sợ bố và mẹ lên cơn đau tim nếu con đột nhiên xuất hiện trước cửa nhà chúng ta không?”

Hàm Tiểu ngắt lời: “Người của Chính phủ Úc dặn con không được nói gì với cha mẹ. Họ

sợ rằng đến phút chót, chính quyền Việt Nam có thể đổi ý và ngăn cản anh Thuận lên máy bay. Đó là lý do tại sao con không nói với cha mẹ.” Thuận gật đầu và nói, “Hàm Tiểu nói với con ở Bangkok, rằng cô ấy run rẩy suốt thời gian chờ con ở đó. Cô ấy sợ con không đến được Bangkok.”

Ông chăm chú nhìn mẹ, rồi nhìn cha. “Họ chẳng thay đổi chút nào,” anh nghĩ. Mẹ anh vẫn là người phụ nữ ông đã thấy sau cái chết của Tổng thống Diệm, mạnh mẽ và kiên cường. Cha ông nhập cuộc mà không hề nao núng, “Thưa Đức Cha”, ông đã nói, như Hàm Tiểu đã thông báo về chuyến thăm của một Đức Cha.

Lần đầu tiên Thuận hiểu tại sao những người cầm quyền hiện tại ở Việt Nam lại cảm thấy họ phải bắt giữ ông và lôi ông từ nhà tù này sang nhà tù khác trong mười ba năm. Họ, giống như bao người khác, sợ tinh thần bất khuất trong dòng máu của ông. Họ phải bẻ gãy ông để khuất phục Giáo hội ở Việt Nam theo ý muốn của họ.

Tuy nhiên, không gì có thể bẻ gãy ông, cũng như không gì có thể khuất phục được ông ngoại của ông, Ngô Đình Khả; cũng như không gì có thể bẻ gãy được tinh thần của các cậu của ông, Khôi, Diệm, Nhu và Cần; Không gì có thể làm suy yếu sức mạnh của mẹ.

Lần đầu tiên, Thuận hiểu được sự hy sinh của cha. Có lẽ cha anh còn tự hào và mạnh mẽ hơn cả mẹ anh. Dù vậy, ông vẫn chọn đứng về phía bà, ủng hộ bà vô điều kiện, cùng bà vượt qua mọi bi kịch của gia đình, và không bao giờ than vãn. Ông đã cho phép bà tham gia tích cực vào chính trị của gia đình. Ông đã sát cánh bên bà khi mọi thứ xung quanh bà sụp đổ, khi mọi thứ do anh em bà xây dựng tan thành tro bụi.

Thuận tự cười mình vì đã nuôi dưỡng nỗi sợ ngây thơ rằng mình sẽ làm cha mẹ lên cơn đau tim khi ông xuất hiện trước cửa nhà. Ông đã tự nhủ rằng mình sẽ không kể lại nỗi đau khổ của mình cho cha mẹ cho đến rất lâu sau đó. Giờ đây, ông thấy rằng họ đã sẵn sàng lắng nghe câu chuyện của ông. Chính ông giờ đây đang gặp khó khăn khi phải ôn lại hành trình mười ba năm đã đưa ông từ nhà tù này sang nhà tù khác, từ cuộc thẩm vấn này sang cuộc thẩm vấn khác.

Ấm nói với ông, “Chúng ta muốn nghe câu chuyện của con, nhưng hãy từ từ. Chúng ta sẽ không chết trước khi được nghe tất cả những điều đã xảy ra với con kể từ lần cuối chúng ta gặp nhau ở Sài Gòn.” Hiệp gật đầu. Bà ngồi cách ông một khoảng. Niềm vui và sự mãn nguyện hiện rõ trên khuôn mặt bà. Bà đã cầu

nguyện suốt mười ba năm qua, ngày đêm, và giờ ông đã ở đó. Còn sống! Một lần nữa, Chúa đã lắng nghe lời cầu nguyện của bà.

*



Tổng Giám mục FX Nguyễn Văn Thuận.

Tổng Giám mục Thuận không kể câu chuyện bị giam cầm của mình chỉ trong một buổi chiều. Ông cũng không háo hức muốn kể. Hiệp nhận thấy sự miễn cưỡng của ông. Bà tôn trọng mong muốn của con trai mình là suy ngẫm nhiều hơn về nỗi đau khổ của mình

trước khi nói quá nhiều về nó. Từng chút một, câu chuyện dần được hé lộ. Thuận đã tiết chế mọi thứ bằng nụ cười và sự hài hước của mình. Ông không bao giờ khoa trương. Không lúc nào ông tự cho mình là một vị tử đạo. Dường như ông đã làm hòa với những kẻ bắt giữ mình trước đây. Dường như ông đã tha thứ cho những kẻ hành hạ mình trước đây.

Nghe ông kể, Ấm và Hiệp phải đoán xem ông đã bị sỉ nhục như thế nào, đã đau khổ ra sao, và đã thấy mình đang tiến gần đến ngưỡng cửa tuyệt vọng ra sao.

*

Ngày 18 tháng 8 năm 1975, đúng ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Đức Cha Thuận, mới được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục Phó Sài Gòn, đã bị đưa đến Dinh Độc Lập để thẩm vấn. Điều này là không thể tránh khỏi. Trong nhiều ngày, các linh mục ‘yêu nước’ đã tổ chức các cuộc biểu tình chống lại Đức Cha Thuận và Đức Tổng Giám mục Henri Lemaître, Sứ thần Tòa Thánh mà họ tố cáo là người xúi giục việc thăng chức cho ngài.

Sau nhiều giờ thẩm vấn, các viên chức nói với ngài rằng ngài đã bị bắt và họ sẽ đưa ngài trở về Nha Trang, giáo phận cũ của ngài. Họ ám chỉ rằng họ sẽ không công nhận chức vụ mới của ngài là Tổng Giám mục Phó Thành phố

Hồ Chí Minh. Chính quyền coi việc bổ nhiệm ngài làm Tổng Giám mục Phó, với quyền kế nhiệm, là mối đe dọa lớn nhất đối với chế độ mới. Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã lớn tuổi có thể qua đời bất cứ lúc nào, và chế độ mới không muốn đối xử với Đức Cha Thuận với tư cách là Tổng Giám mục mới.

Tại Nha Trang, Đức Cha Thuận không được phép ở lại Tòa Giám mục. Chính quyền quản thúc ông tại Giáo xứ Cây Vọng, cách thành phố Nha Trang năm dặm, về phía núi. Chính tại đó, mỗi ngày Thuận đều ghi lại vài suy nghĩ trên những mẫu giấy nhỏ. Được tuần ra khỏi nơi giam cầm, từng mẫu nhỏ một, cuốn sách được in tại Việt Nam và sau đó được xuất bản ra nước ngoài. Con Đường Hy Vọng, một cuốn sách độc đáo trong thể loại của nó, đã truyền cảm hứng cho hàng ngàn người và đã được dịch ra bảy thứ tiếng.

Cha Thuận đã sử dụng ngôn ngữ đơn giản nhất để truyền tải những suy nghĩ tinh tế nhất của mình về sự sống, cái chết và mối quan hệ giữa Chúa và con người. Đây là một cuốn sách sùng đạo vượt xa sự sùng đạo đơn thuần. Đó là một thông điệp hy vọng được viết bởi một người bị cấm hy vọng. Hầu hết độc giả của ông đều giữ cuốn sách trong tầm tay và đọc từng phần của nó mỗi ngày.

Giáo xứ Cây Vọng bị đánh giá là quá gần nơi cha Thuận đã quản trị giáo phận của mình với lòng nhân hậu và tận tụy trong hơn bảy năm. Cuối cùng, chính quyền quyết định đưa ông vào một nhà tù thực sự. Ngày 18 tháng 3 năm 1976, đúng ngày lễ Thánh Giuse, ông bị đưa đến trại giam Phú Khánh.

Tại đây, cha Thuận nhận ra nhiều gương mặt quen thuộc trong số những người bạn tù. Họ quây quần bên ông vào buổi tối, lắng nghe lời khuyên và động viên. Cha Thuận lắng nghe những câu chuyện đau khổ của họ: họ là sĩ quan quân đội hoặc công chức của chế độ cũ, và họ không biết mình bị cáo buộc tội gì cũng như sẽ bị giam giữ trong bao lâu.

Không nhiều người trong số họ là Kitô hữu, nhưng họ kính trọng ông vì cách cư xử của ông, vì ông tình nguyện làm những công việc khó chịu nhất, và vì thường giả vờ không ăn được nhiều, ông chia phần lớn khẩu phần ăn hàng ngày của mình cho người khác.

Trong nhiều tháng, cha Thuận bị biệt giam. Trong phòng giam biệt lập, cha Thuận được yêu cầu viết đi viết lại câu chuyện cuộc đời mình. Thật may mắn khi ông được chỉ bảo ngay trong ngày đầu tiên bị giam giữ, cách viết “Lời thú tội”. Người đã cho ông lời khuyên là một cựu cai ngục. Ông đã dặn ông

viết càng ít càng tốt, viết càng đơn giản càng tốt, và giữ lại một bản sao những gì ông đã viết. Ông được dặn đừng bao giờ đi chệch khỏi phiên bản đầu tiên.

Thuận rất biết ơn lời khuyên đó. Ông chưa bao giờ đi chệch khỏi phiên bản đầu tiên của ‘câu chuyện cuộc đời’ của mình. Nhưng những giai đoạn bị cô lập đã gây ra tổn thất khủng khiếp cho ông. Mỗi lần như vậy, ông đều khao khát được trở về với những người bạn tù của mình.

Trại giam Phú Khánh vẫn còn quá gần Nha Trang. Rõ ràng là ông ngày càng có uy thế hơn những người bạn tù khác. Người ta quyết định rằng ông nên bị trục xuất khỏi giáo phận của mình.

Cha Thuận không biết điều gì đang chờ đợi mình. Ngày 29 tháng 11 năm 1976, ông bị đưa trở lại miền Nam. Ông bị giam giữ tại Thủ Đức, cách Sài Gòn mười lăm dặm trong vài ngày. Ông thậm chí còn không thèm hỏi xem mình sẽ đi đâu. Dù sao thì các cai ngục cũng sẽ không nói cho ông biết điều gì.

Ngày 1 tháng 12 năm 1976, ông thấy mình đang ở trên một con tàu, rời miền Nam vào ngày hôm sau đến Hải Phòng, nơi cha Thuận đến mười ngày sau đó. Đó là lần đầu tiên cha Thuận đặt chân đến miền Bắc Việt Nam. Ban

đầu, ông tràn ngập cảm xúc. Đây là một phần của Việt Nam mà ông chưa từng biết đến. Từ nhỏ, miền Bắc đối với ông đã là một bức màn bí ẩn. Ông đã nghe những câu chuyện do các cậu Diệm và cậu Nhu kể lại, và đã tưởng tượng mình đang ở giữa những cảnh quan miền Bắc Việt Nam. Giờ đây, ông đã ở đó. Ông đã đoán đúng rằng mình sẽ không được phép nhìn thấy nhiều vẻ đẹp của miền Bắc Việt Nam.

Chiều cùng ngày, ông được đưa đến Trại giam Vĩnh Quý gần dãy núi Tam Đảo, không xa Đền Hùng (vị vua huyền thoại đầu tiên và là người sáng lập ra Việt Nam). Ông tìm thấy sự an ủi trong thực tế. Trại giam cách xa mọi dấu vết của nền văn minh. Tuy nhiên, được ở gần Đền Hùng đối với ông Thuận là một trải nghiệm phần khởi. Hàng ngày, các tù nhân phải làm việc vất vả ngoài đồng, nhưng ông không hề bận tâm đến công việc nặng nhọc. Ông thấy các tù nhân giúp đỡ lẫn nhau. Ông thấy được phẩm giá trong những cảnh khốn cùng nhất. Ông thấy niềm tin vào con người lớn lên trong ông.

Vào những ngày mưa, khi không thể làm việc ngoài đồng, Ông làm thợ mộc trong nhà. Ông cố gắng giữ lại hai thanh gỗ nhỏ. Chúng nhỏ đến mức không qua được các cuộc kiểm

tra định kỳ. Ông quyết định dùng gỗ đỏ để làm một cây thánh giá bằng gỗ. Ông tự nhủ: “Gỗ này được thu thập gần Đền Hùng, những vị vua khai quốc của Việt Nam. Với mình, nó sẽ có giá trị tâm linh.”

Việc đẽo gọt những thanh gỗ nhỏ xíu bằng một con dao nhỏ không hề dễ dàng, nhưng ông đã làm được một cây thánh giá tử tế. Việc giấu cây thánh giá khỏi quản giáo còn khó khăn hơn. Ông nặn xà phòng xung quanh cây thánh giá. Và nhờ vậy, cây thánh giá được giấu kín đã vượt qua mọi cuộc kiểm tra sau này mà không bị phát hiện.

Ông không được phép ở lại Trại giam Vĩnh Quý quá lâu, vì sợ rằng mình sẽ tạo ra một huyền thoại. Ngày 5 tháng 2 năm 1977, ông bị đưa đến Trại giam Thanh Liệt ở ngoại ô Hà Nội. Trong chiến tranh, trại giam này từng là một trong những trại giam giữ tù binh chiến tranh Mỹ. Thỉnh thoảng ông dừng lại để tưởng tượng về những gian khổ của các tù nhân Mỹ ở đó. Dấu vết của hành trình của họ vẫn còn đó: những dòng chữ khắc trên tường, những cái tên được viết nguệch ngoạc bằng than, những ngày tháng được đóng đinh trên gỗ.

Không khí trong trại dường như vẫn nồng nặc mùi mồ hôi và tuyệt vọng. Đôi khi, những cuộc trò chuyện ở cuối trại dường như nghe

như tiếng Anh. Một số cai ngục đã ở lại kể từ khi chiến tranh kết thúc. Họ kể những câu chuyện về tù binh Mỹ.

Đôi khi, ông nghĩ rằng chính quyền cấp cao ở Hà Nội đã quên hết về ông. Thật vậy, ông bị bỏ lại một mình trong trại giam đó hơn một năm. Như thường lệ, ông được lệnh viết đi viết lại câu chuyện về cuộc đời mình. Ông bị thẩm vấn về những hoạt động bị cáo buộc là phản cách mạng. Cả ông lẫn những người bắt giữ ông đều không thực sự quan tâm đến câu chuyện mà ông đã viết. Với ông, câu chuyện đã được viết đi viết lại nhiều lần đến nỗi giờ đây ông đã thuộc lòng. Với họ, câu chuyện ông viết chỉ chứng tỏ sự bướng bỉnh của ông. Họ không còn quan tâm đến nó nữa. Họ nói, “Chuyện đó di truyền trong gia đình.”

Nơi ông bị giam giữ lâu nhất là Giang Xá. Ông bị đưa đến đó vào ngày 13 tháng 5 năm 1978, và bị giam giữ ở đó cho đến ngày 5 tháng 11 năm 1982. Tại Giang Xá, ông sống khá thoải mái. Ông được phân công một căn nhà mục sư đồ nát, và một vài nhân viên an ninh canh gác. Ông sống cạnh một nhà thờ giáo xứ, nhưng ông không được phép dâng lễ hay làm bất kỳ công việc mục vụ nào. Lính canh không cho ông đi đâu ngoài khu vườn nhỏ bao quanh nhà xứ.

Ông thích làm việc quanh nhà và trong vườn. Ông thích nói chuyện với lính canh. Ông có một sự ngưỡng mộ miễn cưỡng dành cho họ, bất chấp sự ngu dốt và những giả định đáng kinh ngạc của họ.

Họ dường như rất quan tâm đến ông. Khi ông bị bệnh, họ cố gắng mời bác sĩ đến khám cho ông càng sớm càng tốt. Nhưng họ không phải là những cán bộ có quyền lực và đôi khi bác sĩ và thuốc men phải mất một thời gian mới đến được tay ông. Bệnh tình của ông ban đầu nhẹ, thường trở nên nguy kịch vì thiếu sự chăm sóc y tế nên ông đã vượt qua nỗi lo lắng. Ông biết rằng Tòa thánh và nhiều chính phủ đã liên tục can thiệp có lợi cho ông. Cuối năm 1978, ông nhận được một cây thánh giá do Tòa thánh gửi đến, thông qua sự chăm sóc của Đức Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền, người kế nhiệm Đức Cha Thực. Với tư cách là Tổng Giám mục Huế, Đức Tổng Giám mục Điền đã được phép đến Roma và ngài đã xoay sở để mang cây thánh giá về và gửi cho cha Thuận. Món quà này đã khích lệ cha Thuận trong một thời gian dài.

Rồi khách nước ngoài đến thăm ông, luôn có nhân viên an ninh cải trang thành phiên dịch đi kèm. Ông học cách nói bóng gió, và cố gắng kết thúc cuộc trò chuyện với những vị

khách vô tội không tuân thủ quy tắc ứng xử một cách nhanh nhất có thể.

Giang Xá là một nơi sống tốt hơn nhiều so với những trại tù mà ông từng biết trước đây. Bị đưa đến đó khiến ông tự hỏi liệu có phải ngày được thả của mình cũng không còn xa nữa.

*

Ông vẫn chưa nhận ra rằng cuộc sống trong tù cộng sản chẳng có logic gì cả. Ông không lường trước được rằng sau Giang Xá, thử thách thực sự của ông mới bắt đầu. Ngày 21 tháng 11 năm 1982, ông bị tách khỏi những người lính canh gần như thân thiện của mình ở Giang Xá và bị đưa vào phòng biệt giam. Ông không thể nhớ hết tất cả những nơi mình bị giam giữ. Ông nhớ rằng mình đã bị chuyển từ xà lim này sang xà lim khác, từ nơi này sang nơi khác, tất cả đều ở ngoại ô Hà Nội.

Bị biệt giam có thể dễ dàng hủy hoại một con người. Ông nhớ nhung sự tiếp xúc với đồng loại. Một số phòng biệt giam tối om đến nỗi ông không thể phân biệt được ngày và đêm. Đôi khi không một âm thanh nào lọt vào tai ông. Đôi khi, một phòng giam kín mít đến nỗi ông phải nằm trên sàn, áp mũi vào khe hở nhỏ dưới cửa để thở. Đôi khi, sự im lặng và cô lập khiến ông gần như suy sụp tinh thần.

Một ngày nọ, trong phòng giam tối tăm của mình, ông cố gắng lặp đi lặp lại lời kinh *Kính Mừng*, nhưng ông không thể nhớ ra. Đó là lần đầu tiên ông khóc.

Nhiều năm sau, ông vẫn không thể hiểu tại sao những kẻ hành hạ mình, vào những phút cuối, lại bắt ông phải chịu đựng sáu năm biệt giam. Ông không hiểu tại sao chúng lại ra sức hủy hoại mình. Tuy nhiên, dần dần, ông đã học được cách sống ngay cả trong biệt giam. Những lời cầu nguyện của ông, bất kể ông đọc chúng như thế nào, đã cho ông sức mạnh để sống sót qua từng giờ.

Vào ngày 21 tháng 11 năm 1988, không một vắn điệu hay lý do nào, chính quyền đã thả ông ra. Ông được đưa vào gặp các lãnh đạo Cộng sản cấp cao, những người đã theo dõi ông trong suốt thời gian bị giam giữ. Không có lời xin lỗi nào, chỉ có một tuyên bố thực tế, “Chúng tôi phải làm vậy. Đây không phải là chuyện cá nhân. Việc ông là chính mình và là chính mình đã khiến việc giam giữ ông là điều không thể tránh khỏi.”

Thuận không hề oán trách. Ông đến sống tại Tòa Tổng Giám mục ở Hà Nội.

*

Đối với Hiệp, việc Thuận được trả tự do trùng với một số thay đổi quan trọng ở Việt

Nam. Chính sách Đổi Mới đang tạo ra những cơ hội mới cho Việt Nam phát triển kinh tế, nếu không muốn nói là xã hội và chính trị. Hiệp hoan nghênh những thay đổi này và hy vọng rằng các chính sách cải cách khác sẽ sớm được thực hiện. Đối với bà, dường như Việt Nam đã bắt đầu một quá trình tự do hóa. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đang thúc đẩy đầu tư nước ngoài và cho phép các doanh nghiệp phát triển.

Sự sụp đổ của thế giới Cộng sản chẳng bao lâu sau đó khiến Việt Nam, Lào, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và Cuba trở thành những quốc gia Cộng sản duy nhất còn lại trên thế giới. Hiệp nhớ lại rằng ông Diệm đã dự đoán vào năm 1955 về sự sụp đổ của các chế độ Cộng sản. Phải mất hơn ba mươi năm lời tiên tri của ông mới trở thành hiện thực. “Thật vậy, phải mất ba mươi năm và một Giáo hoàng người Ba Lan!” Bà tự sửa lại, “Không, phải mất nhiều hơn thế. Phải mất đến lúc những người sống dưới chế độ cộng sản mới nhận ra rằng chế độ Cộng sản chưa bao giờ thực sự hiệu quả.”

Hiệp vui mừng trước những thay đổi đang diễn ra ở Việt Nam. Một trong những điều bà mơ ước lúc này là tự do tôn giáo ở đất nước mình, nơi cả Phật giáo lẫn Kitô giáo đều bị đàn

áp và tiếp tục chịu đau khổ. Bà khao khát được chứng kiến sự chấm dứt đàn áp tôn giáo.

Từ năm 1988, Việt Nam đã cho phép nhiều người từng ở trong các trại cải tạo được đến Hoa Kỳ và các nước khác. Bà đã có niềm vui được gặp lại những người bạn cũ mà bà nghĩ rằng đã chết, những người mà bà không bao giờ nghĩ mình sẽ gặp lại.

*

Chẳng bao lâu sau, con trai bà, Tổng Giám mục Thuận, không thể ở lại Việt Nam nữa. Chính quyền đã cấp cho ông thị thực xuất cảnh và bảo ông không nên quay trở lại. Ông đến Rome, nơi Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II bổ nhiệm ông làm Phó Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình.

Vài năm sau, Hiệp và Ấm rời khỏi nhà ở Maroubra Beach và đến sống tại viện dưỡng lão Làng Thánh Jean d'Arc. Ở đó, bà trồng hai cây nhỏ, một cây sung và một cây bách. Bà uốn chúng thành hình con rồng, tượng trưng cho hình ảnh Việt Nam. Bà dành rất nhiều thời gian và công sức cho những cây này. Mỗi ngày, khi đứng trước những tán cây, bà lại cảm thấy mình được hòa giải với thế giới.

CHƯƠNG BA MƯƠI TÁM BÊN KIA BÓNG XẾ

Ngày 30 tháng 6 năm 1993, Ấm thức dậy với cơn đau ngực. Ông không phân nản gì nhưng không thể ăn hết bữa sáng. Ông mỉm cười và nói rằng bữa sáng vẫn ổn, nhưng ông không thể nuốt được gì. Hiệp lo lắng và gọi bác sĩ. Khi bác sĩ đến, Ấm bắt đầu thở khó nhọc, đau đớn và bác sĩ yêu cầu các y tá mang bình oxy vào.

Hiệp hỏi bác sĩ liệu có nên đưa Ấm đến bệnh viện không. Bác sĩ nhìn bà, và bà thấy trong mắt ông rằng cái chết đã gần kề với Ấm. Bà ra ngoài cùng bác sĩ, và ông nói với bà rằng đưa Ấm đến bệnh viện sẽ chỉ khiến anh thêm đau đớn và khó chịu. Ông đề nghị Hiệp nên gọi linh mục.

Cha Hoạch bước vào và bắt tay Ấm. Ông nhắm mắt khi Ấm đùa giỡn dùng lực mạnh hơn mức cần thiết để bắt tay. Như đã làm nhiều lần gần đây, linh mục đã ban phép Xức

Dầu Thánh cho Ấm. Tất cả các con gái của Hiệp đều đã đến, và từng người một, họ nhìn mặt khi Ấm siết chặt tay họ. Khi ông làm vậy, mắt ông sáng lên đầy ác ý như khi ông kể chuyện cười hay bày trò tinh nghịch.

Tinh thần ông phấn chấn suốt buổi sáng. Rồi đến buổi chiều, ông bắt đầu cầu nguyện liên tục. Đến tối, mắt ông hầu như nhắm nghiền. Thỉnh thoảng ông mở mắt ra trong vài phút ngắn ngủi, nhưng dường như ông không nhìn thấy gì nhiều. Đến đêm, hơi thở của ông trở nên bất thường và ông từ từ chìm vào hôn mê.

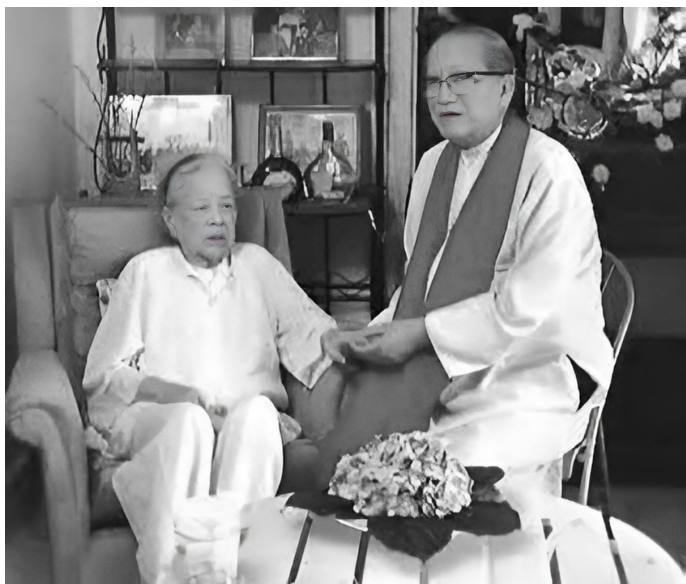
Hiệp không cảm thấy đau đớn trong lòng. Bà nhìn ông hấp hối và chỉ nhớ lại những khoảnh khắc đẹp nhất mà họ đã cùng nhau chia sẻ. Ấm đang ra đi thật thanh thản. Hiệp biết rằng Ấm sắp ra đi, nhưng không gì trong bà muốn kéo ông trở lại cuộc sống. Nửa đêm ngày 30 tháng 6, ông đã ra đi. Với niềm tin vững chắc, bà đọc lời cầu nguyện cho người sắp chết.

Cùng nhau, bà và các con gái cầu nguyện cho ông. Họ cảm tạ Chúa vì cái chết thanh thản của ông, vì sự ra đi của ông từ cuộc sống trần tục này đến cuộc sống gần Chúa. Hiệp mừng vì có các con gái an ủi. Bà biết rằng sẽ thật khủng khiếp nếu bà phải một mình đối mặt với cái chết của Ấm.

Các con trai của bà, Thuận từ Rome, và Tuyên từ Houston, sắp đến. Họ sẽ đến Sydney kịp dự tang lễ. Hiện tại, sự hiện diện của các con gái đã buộc Hiệp phải mạnh mẽ, và cho bà thời gian để sắp xếp lại cảm xúc trước khi phải đối mặt với sự trống rỗng bên trong.

Bà ngạc nhiên khi thấy các con gái mình vượt qua nỗi đau và kể lại những khoảng thời gian chúng đã ở bên cha. Họ cùng nhau thảo luận về ngày tháng, chi tiết và nhớ lại rất nhiều kỷ niệm về cha. Họ nói chuyện và cười, nói chuyện và khóc, và Hiệp một lần nữa ngạc nhiên trước sự gần gũi của nỗi đau và niềm vui, đau khổ và hạnh phúc. Bà mừng vì không ai trong số các con gái của mình nghĩ rằng cái chết là kết thúc của tất cả, và tất cả đều tin rằng một ngày nào đó chúng sẽ gặp lại cha.

Hiệp lắng nghe giọng nói nhẹ nhàng của chúng và chìm vào trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Nhẹ nhàng, như thể không muốn làm phiền giấc ngủ của chồng, bà thì thầm: “Hỡi người yêu dấu của tôi, tôi phởn phác ông cho Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng đã tạo dựng nên ông, để khi ông đã trả xong món nợ mà mọi người đều phải chịu, ông sẽ được trở về với Thiên Chúa, Đấng đã tạo thành ông từ bụi đất.”



Mẹ và Con.

*

Lễ tang được cử hành bốn ngày sau đó. Trong lúc đó, cả Thuận và Tuyến đều đã đến. Thánh lễ cầu hồn do Đức Tổng Giám mục Thuận chủ tế, đồng tế với hai giám mục khác. Các con gái của Hiệp muốn bà đọc các bài đọc trong Thánh lễ, nhưng họ sợ rằng bà sẽ không làm được. Sẽ thật tai hại nếu Hiệp kiệt sức và không thể đọc hết bài đọc. Bản thân Hiệp cũng hơi nghi ngờ về sức lực của mình. Tuy nhiên, bà đã đọc xong Bài Đọc và Thánh Vịnh Đáp Ca mà không hề vấp ngã.

Sau Nghi thức Kết thúc, Thuận, trong bộ lễ phục Giám mục, đã phủ phục ba lần trước thi hài cha mình, để ghi nhận những gì gia đình đã mang ơn cha mình lúc sinh thời và lúc qua đời. Anh cúi mình ba lần trước các vị đồng tế và ba lần nữa trước cộng đoàn để cảm ơn sự hiện diện của họ. Tất cả các thành viên trong gia đình anh đều phủ phục và cúi mình cùng anh.



Vẫn đang cầu nguyện.

Những nghi lễ ông thực hiện đã đưa Hiệp trở về một thời điểm và một nơi chốn rất xa hiện tại, rất xa Sydney, một thời điểm và một

nơi chốn mà các nghi lễ phản ánh nhu cầu nội tâm về sự tôn trọng sâu sắc đối với người khác, và nơi lòng hiếu thảo của trẻ thơ là sự pha trộn của tình yêu thương, lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ và lòng tôn kính.

*

Hiệp đã quyết định đi đến Lộ Đức. Quỳ gối trước hang động nơi Bernadette đã chứng kiến những lần Đức Mẹ hiện ra, Hiệp thấy việc cầu nguyện thật dễ dàng. Bà không đến Lộ Đức để cầu nguyện cho chính mình. Ngày 2 tháng 11 năm 1963, một phút trước khi hai anh trai của bà, Diệm và Nhu, đầu hàng những kẻ đã sát hại họ, họ đã ra khỏi Nhà thờ Thánh Phanxicô ở Chợ Lớn và dừng lại cầu nguyện tại một bản sao hang động Lộ Đức, được xây dựng trước nhà thờ. Khi Hiệp hồi tưởng về các anh trai của mình, hình ảnh họ đứng cầu nguyện trước hang động Lộ Đức luôn là hình ảnh cuối cùng hiện lên trong tâm trí bà.

Từ nhỏ, trong tâm trí bà, Lộ Đức đã gắn liền với những phép lạ và sự chữa lành kỳ diệu. Tuy nhiên, bà không có ý định đến Lộ Đức để cầu xin Đức Mẹ ban ơn chữa lành bệnh tật cho chính mình. Bà muốn đến đó để cảm tạ Đức Mẹ về tất cả những điều kỳ diệu đã đến với gia đình bà, để cầu nguyện cho linh hồn các anh em trai bà được an nghỉ, và

cũng để chữa lành tất cả những vết thương do chiến tranh ở Việt Nam gây ra.

Cha Thuận, người đã cùng Hiệp trong chuyến đi đó, đã rất ngạc nhiên trước sức mạnh của mẹ mình. Bà đã quỳ gối hàng giờ, khuôn mặt bà tỏa ra sự bình an và niềm vui nội tâm. Rồi bà đến Rome, trung tâm của thế giới Kitô giáo cổ xưa. Bà đã khao khát bao năm nay được chiêm ngưỡng những khu vườn của Vatican và Hầm mộ, nơi những người Kitô giáo thuộc Giáo hội Nguyên thủy từng sinh sống. Sau khi nghe rất nhiều về những tàn tích và kiến trúc La Mã, bà tha thiết muốn được chiêm ngưỡng tất cả những kỳ quan của Rome trước khi nhắm mắt xuôi tay.

Đức Tổng Giám mục Thuận làm người dẫn đường cho bà. Một buổi tối nọ, ông đưa bà đến Quảng trường Thánh Phêrô, và bà đứng đó dưới ánh trăng, lắng nghe tiếng động nhẹ nhàng dưới chân. Trong giây lát, bà tưởng mình nghe thấy nhịp đập trái tim của Giáo hội Hoàn vũ.

Sau đó là buổi yết kiến đáng nhớ với Đức Giáo hoàng tại Castel Gandolfo, nơi nghỉ mát mùa hè của ngài. Bà lo lắng về ngoại hình, trang phục và khăn che mặt cho đến tận phút cuối cùng. Nhưng buổi gặp gỡ diễn ra rất yên bình, và ngay từ phút đầu tiên, phong thái

của Đức Gioan Phaolô II đã khiến bà cảm thấy an tâm. Lòng tốt và tình yêu mà ngài dành cho Việt Nam và người Việt Nam đã gây ấn tượng mạnh với bà. Ngài trò chuyện với Thuận bằng tiếng Ý, nhưng lại nói chuyện với bà bằng tiếng Pháp. Rõ ràng ngài hiểu rõ con trai bà và điều đó khiến bà tự hào. Những lời ngài nói trực tiếp với bà khiến bà tràn ngập niềm vui.

Roma dường như quá quen thuộc với bà! Tất cả những cuốn sách mà ông Thục và Thuận mang về từ Rome, tất cả những tấm bưu thiếp họ đã gửi cho bà trong những năm tháng ở Rome, đã biến Rome thành một trong những thành phố yêu thích của bà. Giờ đây, khi ở lại Rome, ngắm nhìn những kỳ quan của Thành phố Vĩnh cửu, Hiệp sống lại những khoảnh khắc trong quá khứ khi lần đầu tiên nhìn thấy chúng, ban đầu là ảnh đen trắng, rồi đến ảnh màu.

Bà chợt nhận ra rằng, thực ra, vào những khoảnh khắc khó khăn nhất của cuộc đời ở Việt Nam, bà đã mở những cuốn sách tranh đó ra, xem lại những tấm bưu thiếp và tìm thấy niềm an ủi, khích lệ từ vẻ đẹp của chúng.

*

Thành công của chuyến đi dài đầu tiên đã truyền cảm hứng cho các con bà tổ chức

chuyến đi thứ hai cho bà. Bà đã đến thăm Hoa Kỳ và Canada, và ở đó, bà đã gặp gỡ và cảm ơn tất cả những người đã quan tâm đến gia đình bà, những người vẫn luôn tưởng nhớ Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Tại California, bà đã tìm thấy những cộng đồng người Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ khiến bà tự hào. Bà càng tin chắc hơn bao giờ hết rằng cuộc di cư của người Việt trong những năm 1970 và 1980 chắc chắn là một cơ hội tuyệt vời, bất chấp hoàn cảnh bi thảm mà nó đã diễn ra.

Bà vô cùng kinh ngạc trước những thành tựu của người Mỹ gốc Việt, những người chỉ trong một thời gian rất ngắn đã gần như bắt kịp các nhóm người nhập cư châu Á khác đã được tái định cư tại Hoa Kỳ từ rất lâu trước họ.

Trong các thánh lễ tưởng niệm dành cho chồng hoặc cho các anh em trai, bà đã gặp gỡ ba thế hệ người Việt Nam muốn tìm hiểu thêm về Diệm, những việc làm và suy nghĩ của ông. Bà được mời nói về ông, thậm chí viết về ông. “Ông Diệm đã trở thành một huyền thoại”, bà nghĩ.

Tại Carthage, bà đã đến thăm mộ Tổng Giám mục Thục. Sự yên bình và tĩnh lặng của khung cảnh nơi đây tạm thời bị phá vỡ bởi sự xuất hiện của hàng ngàn tín đồ Cơ Đốc giáo Việt

Nam, những người đã đến hành hương hàng năm đến Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc. Bà hòa mình vào đám đông và ngạc nhiên trước số lượng bạn bè cũ mà bà gặp ở đó.

Sau những chuyến đi, những chuyến viếng thăm, những gương mặt mới và cũ, Hiệp khao khát được trở về ngôi nhà yên tĩnh của mình gần bãi biển Maroubra. Bà quyết định đã đến lúc ngồi xuống và tận hưởng hoàng hôn.

*

Ngày 1 tháng 8 năm 1997, cựu Hoàng đế Bảo Đại qua đời tại Paris vì bệnh ung thư não, tại Bệnh viện Val de Grace. Ngày 6 tháng 8, một lễ tang được tổ chức để tưởng nhớ linh hồn ông tại Nhà thờ St. Pierre de Chaillot, gần Quảng trường Etoile.

Hiệp cầu nguyện cho Hoàng đế, cùng với Hàm Tiểu trong căn phòng nhỏ của bà tại Làng Jeanne d'Arc. Bà được biết ông đã được rửa tội chín năm trước đó, vào năm 1988, và lấy tên thánh là John-Robert. Bà cũng được biết Hoàng đế đã dành hàng giờ cầu nguyện trong nhà thờ giáo xứ của mình. Bà còn được kể lại rằng vào một ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, vị Hoàng đế cao tuổi đã vác một cây thánh giá gỗ nặng nề xuống đại lộ Champs Elysees giữa những giáo dân của mình.

“Con người thay đổi thật,” Hiệp nghĩ. “Con đường mà Bảo Đại đã đi thật khó tin! Chỉ có Chúa mới biết một cuộc đời sẽ kết thúc như thế nào.” Sau khi Bảo Đại ra đi, hàng ngũ những nhân chứng sống quan trọng của thế kỷ dường như đang nhanh chóng phai nhạt đối với bà.

Bà cảm thấy mình vẫn còn một chuyến đi khác để mong đợi. Nhìn ra biển tại Bãi biển Maroubra, bà cảm thấy cần phải tóm tắt cuộc đời mình một cách ngắn gọn. Bà sẽ nói thế nào đây? Bà có nên mượn lời Đạo Đức Kinh không?

Hãy trân trọng sự cay đắng.

Hãy nhìn sự giản đơn trong những điều phức tạp.

Đạt được sự vĩ đại trong những điều nhỏ nhất.

Trong vũ trụ, những việc khó được thực hiện như thể chúng dễ dàng.

Trong vũ trụ, những việc lớn được tạo nên từ những việc nhỏ.

Bên ngoài phòng bà, cây bách và cây vả uốn cong thành hình rồng, cũng là hình ảnh của Việt Nam, chính là biểu hiện tối thượng của tâm hồn bà. Bà đã dành nhiều năm để uốn nắn chúng thành hình dáng mong muốn. Bà

đã chăm sóc chúng, ngày này qua ngày khác, ngay cả khi sức khỏe của bà đang suy yếu.

Bà khao khát được gặp lại đất nước, nhưng có lẽ không phải trong kiếp này. Bà muốn thấy đất nước hạnh phúc và thịnh vượng, người dân hòa giải và đoàn kết.

Những cái cây là di sản duy nhất bà muốn để lại cho con cháu: chúng là biểu tượng của đất nước và nhân dân bà. Những cái cây sẽ nhắc nhở con cháu bà hãy nhớ tha thứ cho tất cả và đừng bao giờ quên quê hương.



**Đức Tổng Giám mục Thuận và
em gái, Nguyễn Thị Thu Hồng tại Rome.**

*

Tháng 1 năm 2001, con trai bà được phong Hồng y. Khi ông hỏi bà qua điện thoại rằng điều đó có ý nghĩa gì với bà, câu trả lời của bà khá bất ngờ: “Cha là một linh mục; khi cha trở thành Giám mục, cha vẫn là một linh mục với nhiều trách nhiệm hơn. Giờ đây, cha được phong Hồng y: cha vẫn là một linh mục với nhiều trách nhiệm hơn.”



Bà không bị choáng ngợp bởi tin tức này. Bà quỳ xuống và cầu nguyện cho con trai mình, người giờ đây đã là một hoàng tử của Giáo hội.

Sau đó, bà ngày càng yếu đuối và bắt đầu

quên đi mọi thứ. Bà không hoàn toàn nhận thức được rằng Đức Hồng y Thuận đã qua đời vào tháng 9 năm 2002.

Geneva, ngày 28 tháng 2 năm 1999

Bằng cách xuất hiện gần gũi với những nhân vật khác nhau trong câu chuyện về Ngô Đình, tác giả đã làm nổi bật những điểm mạnh và điểm yếu của các thành viên chủ chốt trong gia đình Ngô Đình. Qua những cuộc đối thoại và thảo luận của anh chị em Ngô Đình được tìm thấy trong cuốn sách, độc giả có thể thấy họ là những người chỉ trích gay gắt nhất về những sai lầm và thiếu sót của chính mình. Những cuộc đối thoại và thảo luận đó, trái ngược với một số nhà phê bình - không phải do tác giả tưởng tượng - là sản phẩm của những hồi tưởng nghiêm túc và những nỗ lực to lớn nhằm ghi nhớ từng chữ, từng câu những gì anh chị em Ngô Đình đã thốt ra trong các cuộc đoàn tụ gia đình đặc biệt của những người còn sống trong gia tộc nhiều năm sau khi ông Diệm, ông Nhu và ông Cần bị giết chết một cách bi thảm.

Bà Ngô Đình Thị Hiệp xuất hiện sống động hơn người thật trong cuốn sách này. Bởi vì ngay từ khi còn nhỏ, bà đã là người bạn tâm giao của ông Ngô Đình Khả và ông Nguyễn Hữu Bài, và sau này là người bạn tâm giao

của Tổng thống Ngô Đình Diệm, bà xứng đáng được coi là trung tâm của gia đình Ngô Đình.

Bà Ngô Đình Thị Hiệp qua đời vào ngày 27 tháng 1 năm 2005 tại Sydney, Úc, ba năm sau khi Hồng y F.X. Nguyễn Văn Thuận, con trai bà, qua đời tại Rome.



Bia mộ bà Ngô Đình Thị Hiệp tại Sydney, Úc.

Austin, tháng 12 năm 2014

VỀ ANDRÉ NGUYỄN VĂN CHÂU

André Nguyễn Văn Châu sinh ra tại Kinh thành Huế, cố đô của Việt Nam thời phong kiến. Ông lớn lên cùng những người bạn học, những người sau này đã trở thành những nhà văn, nhà thơ, nhà soạn nhạc và họa sĩ nổi tiếng.

Sau khi nhận bằng Tiến sĩ Nhân văn tại Sorbonne, Paris, ông đã giảng dạy tiếng Anh và sáng tác văn học tại nhiều trường đại học ở Việt Nam trong mười hai năm.

Năm 1975, ông bắt đầu 25 năm làm việc cho người di cư và tị nạn trên khắp thế giới, trong đó mười năm ông giữ chức vụ Trưởng ban Ủy ban Di cư Công giáo Quốc tế với 84 chi nhánh quốc gia và có trụ sở chính tại Geneva, Thụy Sĩ.

Ông đã đi du lịch và làm việc tại hơn 90 quốc gia.

Sau chuyển công tác tại Geneva, ông trở về

Hoa Kỳ trong mười năm, giữ chức Giám đốc Đào tạo Ngôn ngữ và Giọng nói tại ACS, sau đó là Xerox trước khi nghỉ hưu tại Austin, Texas và bắt đầu sự nghiệp mới với tư cách là một nhà văn toàn thời gian.

Một trong những tác phẩm đã xuất bản của ông, *Phép lạ của Hy vọng*, đã được dịch ra chín ngôn ngữ khác nhau.

Cuốn *Từ điển Việt-Anh Mới*, mà ông đã dành vô số thời gian trong hai mươi năm qua, cuối cùng đã được xuất bản vào năm 2014.

Ông và vợ, Sagrario, có bốn người con: Andrew, kết hôn với Jodie Scales, Bội Lan, kết hôn với Rodolphe Lemoine, Michael, kết hôn với Rachel La Fleur và Xavier. Họ có bảy người cháu: Katleyn, Géraldine, Alix, Drew, Noah, Isabelle và Luke.

NỘI DUNG

Phần bốn Sứ mệnh lãnh đạo	8
Chương mười tám – Thời cơ chín muồi	9
Chương mười chín – Vạn sự khởi đầu nan	39
Chương hai mươi – Thời điểm quyết định	79
Chương hai mươi một Kết thúc của tất cả các quân đội tư nhân	123
Chương hai mươi hai Những năm đẹp nhất	161
Chương hai mươi ba Dấu hiệu nguy hiểm đầu tiên	209
Phần năm Chung cục	244
Chương hai mươi bốn – Năm mao: thủy của chung	245
Chương hai mươi lăm – Cuộc thánh chiến nổ ra như thế nào	269
Chương hai mươi sáu – Điểm bất phục phản	307
Chương hai mươi bảy - Những chuẩn bị sau hết	321

Chương hai mươi tám – Đảo chính	331
Chương hai mươi chín –	
Cái chết của một vị tổng thống	337
Chương ba mươi –	
Miền Nam Việt Nam bị khuất phục	367
Phần sáu Cơn hấp hối của	
miền Nam Việt Nam	390
Chương ba mươi một –	
Miền nam trôi dạt	391
Chương ba mươi hai – Chiến đấu và	
chết ở một vùng đất xa xôi	413
Chương ba mươi bốn – Tới lúc bôn đào	453
Chương ba mươi lăm –	
Một năm mao nữa: nỗi đau kết liễu	469
Phần bảy Những năm lưu vong	476
Chương ba mươi sáu –	
Trông tin nhận từ quê nhà	477
Chương ba mươi bảy –	
Ánh sáng sau lưng bóng tối	525
Chương ba mươi tám – Bên kia bóng xế	555
Về André Nguyễn Văn Châu	570

